

THÁNH ĐIỂN PĀLI
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả
Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải

*Kinh
Pháp
Cú*

Quyển 1

DHAMMAPĀDATTHAKATHĀ

TIỂU SỬ THIỀN SƯ ĐÀU ĐÀ PHÁP MINH

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH thế danh là NGUYỄN VĂN LONG, sinh ngày 15-3-1918, tại Làng Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Thân phụ của Ngài là Cụ NGUYỄN VĂN TÀI, thân mẫu là Bà PHẠM THỊ MINH.

Ngài xuất thân trong một gia đình có tinh thần yêu nước, có truyền thống đạo đức lâu đời, thuộc gia đình trí thức, ngài đậu bằng Diplome (Trung học).

Năm 1965, Ngài xuất gia Sa di với Hòa thượng BỬU CHƠN tại chùa Phổ Minh, Gò Vấp, Gia Định, lúc 10 giờ 30 ngày 7-2, tức tháng 6 Â. L. năm Ất Ty.

Ngày 6-1-1968, tại chùa Pháp Bảo, Mỹ Tho, Ngài thọ Đại giới Tỳ kheo với Thầy Tế độ là Hòa thượng GIỚI NGHIÊM.

Sau khi tu tại chùa Phổ Minh một thời gian, Ngài vân du hành đạo tại chùa Phước Hải Vũng Tàu. Sau đó, Ngài đến Tịnh Xá Ngọc Hương, Thủ Dầu Một.

Năm 1967, Ngài đi hành đạo ở Tịnh Xá An Lạc, Bắc Mỹ Thuận. Cuối năm ấy, Ngài về Tổ Đình Bửu Quang ở Gò Dưa để thực hành pháp môn Đầu đà, độc cư thiền tịnh.

Năm 1968, Ngài rời chùa Bửu Quang đến Núi Nhỏ Vũng Tàu, tìm nơi độc cư thiền định. Năm 1969, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để tiếp tục sự nghiệp tu hành.

Tháng 12-1974, theo lời thỉnh cầu của Ban Quản Trị Thích Ca Phật Đài Vũng Tàu, Ngài đến khu Thắng Tích để hành đạo và hoằng dương Chánh Pháp.

Từ năm 1975 đến 1976, bước chân Ngài đã vân du đến Tô Châu, Hà Tiên, Rạch Giá.

Năm 1977, 1978, 1979, 1980, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để thiền định. Từ đó đến nay, Ngài sống Hạnh độc cư, trì bình khát thực tại Cốc Bình Thủy, Gò Dưa, Thủ Đức.

Vào lúc 9 giờ ngày thứ Tư 27 tháng 1 năm 1993 (mùng 5 tháng giêng năm Quý Dậu), Ngài đã an nhiên thị tịch trong khi ngồi thiền định với tư thế kiết già liên hoa tọa.

Từ khi xuất gia cho đến giờ viên tịch, Ngài luôn luôn thực hành pháp hạnh Đầu Đà khát thực, hạnh đầu đà không nằm... Ngài giữ hạnh tri túc, thường ít nhận tứ sự cúng dường của chư Tăng và các Phật tử, Ngài sống vô cùng đơn giản.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã soạn dịch nhiều tác phẩm Kinh điển như:
Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú.

Sưu Tập Kệ Pāli.

Ngài đã trước tác nhiều tác phẩm mà hiện nay vẫn còn là bản thảo, như:

1. Sổ Túc Quan thực tập 1, 2, 3...

2. Công vào Niết Bàn.
3. Lâm Tuyền Pháp.
4. Chiến Sĩ Thượng Thặng.
5. Ba cách Làm Phước.
6. Siêu Pháp Tiết Chế Tình Dục.
7. Việc Tập Tâm.
8. Tứ Oai Nghi.
9. Hạnh Nguyên Bồ Tát.
10. Thiền Luận.
11. Tùy Bút Pháp Hành.
12. Kệ Kinh Tam Bảo Pāli...

Ngài thông suốt nhiều ngoại ngữ như Tiếng Pháp, Anh, Thái, Khomer, Pāli...

Ngài còn là một họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, y sĩ... Ngài hiểu biết sâu sắc trong khoa học và nghệ thuật.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã từ bi tế độ cho nhiều hành giả thực hành pháp môn Thiền Quán Minh Sát Khổ có kết quả, nhiều hành giả đã ngồi thiền bảy giờ (07 giờ) liên tục với tư thế Kiết già liên hoa tọa.

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH là một trong những vị Cao Tăng, chân tu, thực hành Hạnh Đầu đà vô cùng tinh tấn của Hệ phái Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam. Ngài ra đi nhưng Ngài vẫn còn sống mãi với hình ảnh là một bậc chân tu khả kính, thực hành GIỚI-ĐỊNH-TUỆ, in đậm nét trong tâm trí của toàn thể chư Tăng, Tu nữ và hàng Phật tử gần xa.

Toàn thể Tăng Tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam cung kính nghiêng mình trước đạo hạnh Cổ Đại Đức Thiền Sư Đầu Đà PHÁP MINH.

Tỳ Khưu BŨU CHÁNH

Phụng soạn



Kính Cáo

Sau mỗi tích chuyện có phần Cần đề là những bài kệ vịnh trích ra từ bộ Chú giải Kinh Pháp Cú mới dịch xong trong mùa Hạ kỳ 1984 này. Mong rằng các hành giả sơ cơ đang cần học tập, ôn nhuần Kinh Pháp Cú để áp dụng vào đời sống thực tế của mình cho hạp theo Chánh Pháp, sẽ được gợi hứng đề có thể hoàn tất sự học cũng như chúng tôi đã hoàn tất sự dịch ra Việt ngữ vậy.

Ngoài ra, với những kệ này, quý bạn thức đêm đầu đà có thể bày ra những câu đố về sự tích hoặc căn bản giáo lý chứa đựng trong bộ Pháp Cú mà các Phật tử phương Tây rất quý trọng, nhất là ở Tây Đức.

Nếu mọi người hiểu rành Kinh Pháp Cú và thực hành theo đó thì thế giới có thể hòa bình, an lạc.

Rất mong thay!

Tỳ khưu PHÁP MINH



PANĀMA GĀTHĀ (KỆ LỄ BÀI TRƯỚC KHI HỌC)

1. Mahāmohatamonaddhe, loke lokantadassinā;
Yena saddhammapajjoto, jālito jalitiddhinā.
2. Tassa pāde namassitvā, sambuddhassa sirīmato;
Saddhammañcassa pūjetvā, katvā saṅghassa cañjalim.
3. Taṃ taṃ kāraṇamāgamma, dhammādhamesu kovido;
Sampattasaddhammapado, satthā dhammapadaṃ subhaṃ.
4. Desesi karuṇāvega-samussāhitamānaso;
Yaṃ ve devamanussānaṃ, pītipāmojjavaḍḍhanaṃ.
5. Paramparābhatā tassa, nipuṇā atthavaṇṇanā;
Yā tambapaṇṇidīpamhi, dīpabhāsāya saṇṭhitā.
6. Na sādhayati sesānaṃ, sattānaṃ hitasampadaṃ;
Appeva nāma sādheyya, sabbalokassa sā hitaṃ.
7. Iti āsīsamānena, dantena samacārinā;
Kumārakassapenāhaṃ, therena thiracetasā.
8. Saddhammatṭhitikāmena, sakkaccaṃ abhiyācito;
Taṃ bhāsaṃ ativittāra-gatañca vacanakkamaṃ.
9. Pahāyāropayitvāna, tantibhāsaṃ manoramaṃ;
Gāthānaṃ byañjanapadaṃ, yaṃ tattha na vibhāvitāṃ.
10. Kevalaṃ taṃ vibhāvetvā, sesaṃ tameva atthato;
Bhāsantarena bhāsissaṃ, āvahanto vibhāvināṃ;
Manaso pītipāmojjaṃ, atthadhammūpanissitanti.

1. Kính lạy dưới chân Ngài Đại Giác,
Bạc oai hùng trên các Nhân Thiên,
Kính lạy Chánh Pháp chân truyền,
Kính lạy Tăng chúng hữu duyên của Ngài.
2. Cõi phàm tục lâu dài tăm tối.
Vì si mê lạc lối đọa sa,
Pháp đăng, ngọn đuốc Thiền na,
Ngài soi rõ thấu ngộ ra luân hồi.
3. Phật thông suốt đường lui, nẻo tới,
Chánh hay tà, nhân bởi tại đâu?
Từ Bi, Ngài dạy lắm câu,
Pháp Cú, nghĩa lý thâm sâu ngọt ngào!
4. Khấp nhân thiên dôi dào hỉ lạc,
Đón mừng kinh tuyệt tác của Ngài,
Từ xưa cho đến đời nay,
Một bản chú giải rất hay còn truyền.

5. Đảo Tích Lan là miền hữu phước,
Được thấm nhuần di chúc Phật Đà,
Nhưng còn có biết bao là,
Nhân dân Phật tử gần xa mong cầu.
6. Tôi được nghe rõ câu ước nguyện,
Ngài Ca Diếp⁽¹⁾ thánh thiện thốt ra,
Thành tâm, tin tưởng thiết tha,
Ngài mong Chánh Pháp chan hòa mọi nơi.
7. Do đó tôi vâng lời chỉ dạy,
Ráng dịch và sửa lại rõ ràng,
Những câu thổ ngữ mơ màng,
Thành kinh Nam Phạn đàng hoàng để coi.
8. Chú giải thật rạch ròi căn kẽ,
Những điểm nào Pháp kệ không soi,
Nhưng bao giờ tôi cũng noi,
Đúng theo diệu lý hân hoi kệ ngôn.
9. Mong rằng khắp chư Tôn trí giả,
Hỷ hoan cùng bản đã dịch đây,
Cốt làm phát triển đủ đầy,
Lý, Pháp, Tâm, Tuệ liền đây chẳng rời⁽²⁾.
10. Chúng con sanh trong thời Tượng Pháp,
Nguyện rằng công tu tập Kệ ngôn,
Hầu đến Ân Phật Thế Tôn,
Cúng dường cao thượng Pháp môn chân truyền.



¹ Kumāra Kassapathera.

² Lời dịch của Ngài Buddhaghosa, theo đây thì Ngài Buddhaghosa không phải là tác giả mà chỉ là soạn giả, có công sưu tập và ghi chép bộ Chú Giải Pháp Cú vào khoảng 450 sau Công nguyên, mười năm sau bộ Chú Giải Bốn Sanh Kinh (Burlingame).

MỤC LỤC

I. PHẨM SONG ĐỐI.....	9
(<i>YAMAKA VAGGA</i>)	9
I.1- Tích TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA	9
I.2- Tích CẬU KIM HOÀN	30
I.3- Tích TRƯỞNG LÃO TISSA	43
I.4- Tích NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA.....	53
I.5- Tích CÁC TỶ KHUÛ Ở KOSAMBI	68
I.6- Tích TIỂU HẮC VÀ ĐẠI HẮC	80
I.7- Tích DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ	92
I.8- Tích ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT.....	100
I.9- Tích ĐẠI ĐỨC NANDA	131
I.10- Tích ĐỒ TÊ CUNDA	145
I.11- Tích THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA	150
I.12- Tích DEVADATTA	156
I.13- Tích SUMANĀDEVĪ	173
I.14- Tích HAI VỊ TỶ KHUÛ BẠN	177
II. PHẨM CHUYỀN NIỆM	186
(<i>APPAMĀDA VAGGA</i>)	186
II.1- Tích HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ	186
II.2- Tích KUMBHAGHOSAKA	245
II.3- Tích TRƯỞNG LÃO TIỂU BÀN ĐẶC.....	254
II.4- Tích CÁI TẾT THÁC LOẠN	268
II.5- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA	273
II.6- Tích HAI VỊ TỶ KHUÛ BẠN.....	276
II.7- Tích ĐỨC SAKKA	280
II.8- Tích VỊ TỶ KHUÛ QUÁN LỬA RỪNG.....	295
II.9- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ	299
III. PHẨM TÂM	302
(<i>CITTA VAGGA</i>).....	302

III.1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ.....	302
III.2- Tích VỊ TỶ KHUÛ Ở THỦY LƯU THÔN	307
III.3- Tích VỊ TỶ KHUÛ BẮT MÃN.....	316
III.4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT.....	320
III.5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM	325
III.6- Tích CÁC TỶ KHUÛ QUÁN TỰ NGÃ	333
III.7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY	339
III.8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ.....	344
III.9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA.....	348
IV.PHẨM HOA	355
(PUPPHAVAGGA)	355
IV.1- Tích 500 VỊ TỶ KHUÛ ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI.....	355
IV.2- Tích TỶ KHUÛ QUÁN BÀO ẢNH	360
IV.3- Tích VIĐŪDABHA (LƯU LY VƯƠNG).....	363
IV.4- Tích NÀNG SỰ PHỤ	383
IV.5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG.....	388
IV.6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIÊU DIỆP.....	396
IV.7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ	401
IV.8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI	407
IV.9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO.....	434
IV.10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỀ BÁT	439
IV.11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ DIỆT VIÊN TỊCH.....	446
IV.12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ.....	452

I. PHẨM SONG ĐỐI

(YAMAKA VAGGA)



- 20 bài kệ: Pháp cú 01-20

- 14 tích truyện



I.1- Tích TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA

(Cakkhupālattheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 01)

“Manopubbaṅgamā dhammā,
Manoseṭṭhā manomayā;
Manasā ce paduṭṭhena,
Bhāsati vā karoti vā,
Tato naṃ dukkham anveti,
Cakkam’va vahato padaṃ”.

“*Tâm đi trước các Pháp,
Tâm chủ, duy tâm tác,
Nếu bằng tâm như đực,
Nói năng hoặc hành vi,
Khổ sẽ theo người như,
Bánh xe chân bò giật*”.

Kệ Pháp Cú này được thuyết tại đâu? Tại thành Sāvatthī (Xá Vệ). Nói về ai? – Về Trưởng lão Cakkhupāla (Đại đức Hộ (Mù) Nhãn).

Tương truyền rằng:

Thưở ấy, trong thành Sāvatthī có ông Trưởng lão tên là Mahāsuvanna (Đại Kim) là một bậc phú hào, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh, nhưng lại hiếm muộn con cái.

Một hôm, nhân dịp đi tắm ở bến tắm về, dọc đường ông gặp một cây Đại lâm thọ, tàng nhánh sum suê: “Trên cây này chắc có thọ thần oai linh ngự trị”. Nghe như thế, ông bèn thuê công dọn sạch chỗ gốc cây, khiến xây một vòng tường rào và cho trải cát bên trong, đoạn ông trần thiết cò xí, trang hoàng cho cây đại thọ, rồi khấn vái rằng: “Xin cho tôi có được một đứa con, dầu trai hay gái tôi cũng sẽ làm đại lễ cúng tế Tôn thần”. Nguyên xong ông lui gót về nhà.

Rồi thì, không bao lâu vợ ông thọ thai, ông chăm lo thuốc thang cơm nước đầy đủ cho bà để bảo dưỡng thai nhi. Mười trăng vừa mãn, bà trở sanh một mụn trai, ông Mahāsuvanna tin rằng: “Nhờ ta bảo hộ cây rừng, mới được đứa con cầu tự”. Nên ông đặt cho nó là Pāla. Kế đó, bà lại sanh thêm một quý tử nữa, đứa con trai sau, phú ông đặt tên là Culla Pāla (Tiểu Hộ) và đưa trước ông kêu là Mahā Pāla (Đại Hộ) cho khỏi trùng nhau.

Khi hai trẻ lớn khôn, ông bà Mahāsuvanna lựa chỗ xứng đáng cho con kết mối duyên lành. Tháng ngày qua, lần lượt mẹ cha thành người thiên cổ. Tất cả gia sản được chia đồng đều cho hai anh em.

Thời bấy giờ, Đức Bôn Sur đã chuyển bánh xe Pháp bảo, sau khi tuần tự trải đi hoằng hóa nhiều nơi, Ngài tạm dừng bước du hành ngự để an ngự tại Jetavana Mahāvihāra (Đại tự Jetavana), do nhà cự phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã xuất của kho kiến tạo, phí tổn lên tới năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng. Nơi đây Đức Phật đã khai thông con đường thiên giới và con đường Niết Bàn, tiếp độ vô số chúng sanh chứng đắc đạo quả.

Đức Như Lai chỉ có lưu trú trong một mùa an cư (ba tháng mưa) tại ngôi chùa Nigrodha vốn là công trình của hai lần tám muôn quyền thuộc trong hoàng tộc Thích Ca (tám muôn bên họ ngoại và tám muôn bên họ nội).

Thế mà, tại Đại Tự Jetavana của ông Anāthapiṇḍika, Ngài đã an cư mùa mưa tất cả là mười chín hạ và tại Pubbārāma (Đông Phương Tự) của bà Visākhā, xây cất với phí tổn là hai trăm bảy mươi triệu tiền vàng (27 koti), Ngài cũng đã an cư mùa mưa sáu hạ. Đó là nhờ công đức lớn lao của hai gia tộc này mà Đức Giáo Chủ đã ngự an cư trong khoảng thời gian hai mươi lăm năm gần thành Sāvattihī.

Ông Anāthapiṇḍika cũng như bà Visākhā đại tín nữ, hằng ngày đến hầu cận Đức Như Lai thường xuyên, mỗi ngày hai lượt và họ chẳng khi nào đến với tay không vì mỗi lần từ nhà ra đi hai người đều nhớ rằng: “Mấy vị Sa di nhỏ đang mong chờ ta đến dâng cúng (họ sẽ nhìn tay ta)”. Đi trước buổi ngọ, họ bảo gia nhơn cùng đi, mang theo vật thực loại cứng và loại mềm, đi sau bữa ngọ họ cho mang theo năm món thuốc ngừa bệnh (là bơ, sữa, mật, đường, dầu ăn) và tám thứ nước giải khát (nước cốt trái cây như nước trái cây, xoài, chuối nghiền, thanh trà, thị, cam...). Còn tại nhà riêng của mỗi người luôn luôn lúc nào cũng dự bị sẵn sàng chỗ ngồi cho hai ngàn vị Tỳ Khưu về phần cơm nước, thuốc men vị sư nào cần dùng món chi đều được cúng dường theo như ý muốn.

Tuy nhiên, không có ngày nào mà ông Anāthapiṇḍika hỏi Đức Thầy một câu về đạo lý. Theo truyền ngôn thì sở dĩ ông không vấn đạo là vì ông quá tôn sùng ngưỡng mộ Đức Bôn Sur, ông tự nhủ: “Đức Như Lai là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương chí Thánh, thuộc dòng dõi quyền quý cao sang, nếu Ngài thấy ta hộ độ Ngài nhiều rồi thuyết pháp cho ta nghe, sợ e ngài phải hơi hao tổn sức”.

Nhưng ông Anāthapiṇḍika vừa an tọa thì Đức Bôn Sur lại nghĩ rằng: “Trường giả này cứ lo gìn giữ cho Ta, ở chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ”, trải qua bốn A tăng kỳ (Asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (mahākappa) của quả địa cầu, Ta đã từng cất thủ cấp khỏi ngô tuần tú của chính mình, Ta đã từng móc mắt Ta, Ta đã từng rút thịt nơi quả tim Ta, Ta đã từng đoạn ly vợ con yêu dấu nhất đời mà Ta quý trọng chẳng khác nào mạng sống của tự thân Ta, nhất nguyện để hoàn thành hạnh Pāramī (Ba La Mật) ngõ hầu để có thể tuyên dương chánh pháp, phổ độ quần sanh. Cái ông này cứ lo gìn giữ cho Ta cái chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ”. Thế rồi Đức Bôn Sur thuyết ngay một thời pháp.

Thườ ấy, thành Savatthi rất là phồn thịnh và đông đúc dân cư, sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp thì phần lớn nhập dòng Thánh vực, chứng bậc Thánh Văn (Sāvaka).

Chư Thánh cư sĩ Thinh Văn có hai phận sự: Buổi sáng thì lo để bát hộ chư Tăng, buổi chiều thì cុ bị lễ vật để đi nghe pháp. Khi đi, các vị ấy cầm hương hoa trên tay và dắt theo người để mang vải hoặc y, thuốc ngừa bệnh và nước giải khát.

Một hôm, Trưởng giả Mahāpāla trông thấy các Thánh cư sĩ Thinh Văn đi chùa trên tay có cầm hương hoa, bèn hỏi: “Hàng đại chúng đi đâu mà đông vậy?”, có tiếng trả lời rằng: “Đi nghe thuyết pháp”.

- Tôi cũng đi nữa.

Nói xong, Trưởng giả nhập theo đoàn người đi chùa. Đến nơi đánh lễ Đức Bôn Sur, rồi ngồi xuống một nơi sau cùng ngoài vòng cử tọa.

Trước khi thuyết pháp, chư Phật luôn luôn quán xét căn cơ và trình độ của thính chúng rồi mới tùy nhân duyên mà giảng giải về pháp trợ trì Quy giới, hoặc pháp xuất gia chẳng hạn. Bởi thế ngày ấy Đức Giáo Chủ sau khi quán xét căn cơ trình độ của Trưởng giả Mahāpāla, Ngài đã thuyết bài pháp gọi là “Tuần tự pháp thoại” (Anupubbīkathā), nghĩa là ngài lần lượt giảng giải liên tục về năm pháp kế tiếp nhau từ bố thí, trì giới, các nhàn cảnh đến tội ngũ trần và phước báu của bậc xuất gia.

Ngồi yên nghe pháp, Trưởng giả Mahapala ngẫm nghĩ: “Khi mình lìa đời đi sang thế giới bên kia, thì con trai con gái đều chẳng theo mình, nhà của ruộng vườn cũng đều bỏ lại, thậm chí xác thân cũng không còn làm bạn đồng hành, nào có ích chi mà ta mãi miết đeo giai gánh nặng gia đình, ta phải xuất gia mới được”.

Đợi dứt thời pháp thoại, Trưởng giả đến gần Đức Bôn Sur và ngỏ lời cầu xin xuất gia nhập đạo.

Khi ấy Đức Phật bèn hỏi:

- Ông có quyền thuộc nào để cần hỏi lại ý kiến (từ giả) không?
- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai!
- Vậy ông hãy về hỏi lại ý kiến của em ông đi.
- Dạ vâng.

Sau khi đánh lễ tạm biệt Đức Phật, Trưởng giả Mahāpāla trở về nhà, cho mời Trưởng giả Cullapāla đến và bảo:

- Em à! Tất cả tài sản hữu thức và vô thức (gồm có tôi tớ và súc vật, động sản và bất động sản) trong nhà này anh giao hết cho em trọn quyền làm chủ.

- Còn anh thì sao? Thừa anh.

- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Tôn Sư.

- Anh ơi, sao anh nói chi lời ấy, từ khi thân mẫu từ trần thì em sở cậy chỗ anh thay vào chỗ mẹ. Đến khi thân phụ quá cố thì em cũng nhờ nơi anh thế chỗ của cha. Vả lại anh là một bậc phú gia, của tiền thừa thái, anh cứ ở nhà mà làm việc phước đức cũng được, hà tất anh phải xuất gia như vậy.

- Em ơi! Anh vừa được nghe chánh pháp của Đức Tôn Sư, Ngài đã thuyết một thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, giải rành ba tướng mong manh (Sañhasukhumam) là Vô thường, Khổ não, Phi ngã khiến cho anh nghe qua

ngán ngẩm sự đời, không thể tiếp tục ở nhà mà mong kiện toàn đạo hạnh cao siêu, cho nên anh phải xuất gia.

- Thừa hiện giờ anh cũng là thanh niên tráng kiện, xin hãy nán lại, chờ khi già cả rồi hãy xuất gia.

- Em à, con người khi già nua thì chắc chắn tay chân không còn tự chủ, không thể điều khiển theo như ý muốn của mình. Chính ngay bản thân hãy còn như vậy thay, huống hồ là gia nọn quyền thuộc, bởi thế anh không làm theo lời khuyên dụ của em, trái lại anh sẽ đi ngay bây giờ để thực hành đầy đủ giới hạnh của bậc Sa môn.

“Jarājajjaritā honti,
Hatthapadā anassavā;
Yassa so vihatatthāmo,
Katham dhammaṃ carissati”.

*“Tuổi già làm suy yếu,
Tay chân khó dạy biểu,
Người lực kiệt sức cùng,
Lấy chi hành pháp diệu”.*

Sau bài kệ, Trưởng giả Mahāpāla nói tiếp:

- Này em! Chỉ anh đã quyết, dầu em có can gián cách nào, anh cũng định xuất gia mà thôi.

Thế rồi, bỏ mặc người em kêu gào than khóc, trưởng giả Mahāpāla dứt tình ra đi, đến chỗ Đức Bốn Sư đang ngự và xin xuất gia nhập đạo nơi Ngài.

Thọ Cụ túc giới xong, vị Tỳ Khuru mới phải ở chung cùng với các vị Đại Đức Tăng để học tập thu thúc trong thời gian năm hạ. Đến mãn hạ thứ năm, làm lễ Tụ Tứ xong, Tỳ khuru Mahāpāla tìm đến Đức Bốn Sư đánh lễ Ngài, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Đức Tôn Sư! Trong tôn giáo của Ngài có bao nhiêu pháp chánh yếu cần phải hành trì?

- Này Tỳ khuru! Chỉ có hai pháp tất yếu mà thôi, đó là pháp học và pháp hành vậy.

- Bạch Ngài! Pháp học là sao và pháp hành là thế nào?

- Tùy theo trí tuệ của mình, học hỏi ôn nhuần một hay hai bộ kinh (Nikāya) hoặc toàn bộ Tam Tạng (Tipitaka) ghi chép Phật Ngôn, sau khi đã thành thuộc đem ra đọc tụng thuyết giảng để giáo hóa chúng sanh, đó gọi là Pháp học (Ganthadhura).

Còn như cam chịu sống cảnh thanh bần đạm bạc (Sallahukavutti) vui thích ở nơi vắng vẻ hẻo lánh (Pantasenāsanabhirata), ngày đêm hằng nhớ tưởng đến tánh chất vô thường dị diệt của bản ngã (Attabhavekkayaviya), rồi bền chí kiên gan, hành thiền đắc Tuệ Minh Sát để dứt trừ phiền não, để chứng bậc Vô sanh (Arahattagahana), đó gọi là pháp Hành (Vipassanādhura) vậy.

- Bạch hóa Tôn Sư! Đệ tử nay là kẻ cao niên xuất gia (Mahāllakakālepabbajita) không kham theo đuổi Pháp học cho đến ngày thành tựu hoàn toàn, còn Pháp hành thì đệ tử còn có thể làm cho kết quả mỹ mãn được. Cúi xin Tôn Sư truyền dạy đề mục (Kammaṭṭhāna) cho đệ tử.

Thế theo lời thỉnh cầu của Tỳ khuru Mahāpāla, Đức Bôn Sur đã truyền dạy cho thầy câu thoại đầu (đề mục) đề niệm cho đắc quả Vô sanh (A La Hán).

Sau khi đánh lễ từ tạ Đức tôn Sur, thầy đi tìm thêm được sáu mươi vị Tỳ khuru làm bạn đồng tu, rồi cùng nhau cất bước ra đi hành đạo, đi được quãng đường một trăm hai mươi do tuần (Visayojanasatamagga). Chư Sur đến một thị trấn nhỏ sát biên giới, Đại đức Mahāpāla hướng dẫn cả đoàn chư Tăng vào đó trì bình khát thực.

Dân chúng trông thấy chư vị Tỳ khuru đầy đủ oai nghi tể hạnh, nên phát sanh lòng ngưỡng mộ. Họ bảo nhau sắp đặt chỗ ngồi thỉnh chư Tăng an tọa và dâng cúng vật thực ngon lành, xong mới hỏi rằng:

- Bạch chư Đại đức, chẳng hay các Ngài định đi đâu vậy?

- Nay chư thiện nam! Chúng tôi đi tìm một chỗ tiện nghi thuận cảnh.

Nghe đáp như vậy, những vị trí thức trong nhóm người ấy tự nhiên là hiểu biết chư Tăng đang cần có chỗ để kiết hạ an cư, họ bèn thỉnh khéo rằng:

- Bạch Đại đức Tăng, nếu quý Ngài có thể lưu lại nơi đây nhập hạ ba tháng này, thì rất tiện bề cho chúng tôi là có được chỗ nương nhờ vững chắc để thọ trì Tam quy và Ngũ giới.

Chư Tăng cùng nghĩ: “Chúng ta nương nhờ các gia tộc này hộ độ, may ra có thể tu hành siêu xuất ba cõi được chăng?”. Thế nên quý Ngài nhận lời cầu thỉnh.

Nhóm người ấy, sau khi được sự chấp nhận của chư Tăng, liền khởi công xây dựng một ngôi Tịnh xá kiến tạo các cơ sở cần thiết để chư Tăng tùy nghi sử dụng trong lúc ban ngày hoặc ban đêm (Rattitthanadivāhānāni), rồi dâng cúng tất cả đến chư Tăng, chư Tăng chỉ còn việc là hằng ngày ôm bát vào trị rần nhỏ để khát thực mà thôi.

Sau khi ấy, có một vị y sĩ tìm đến Tịnh xá, hứa cung tụng chư Tăng về phương tiện trị liệu thuốc thang. Ông nói: “Bạch Đại đức Tăng! Chỗ nào người ở đông đảo thì không sao tránh khỏi phát sanh bệnh tật. Vậy nếu trong quý Ngài có vị nào đau yếu, xin hoan hỷ báo tin cho tôi biết, tôi nguyện sẽ tận tâm chữa trị và cúng dường thuốc men đến cho quý Ngài dùng”.

Ngài làm lễ nhập hạ an cư, Đại đức Mahāpāla hội các vị Tỳ khuru lại nói rằng:

- Nay chư hiền hữu! Trong ba tháng hạ này, chư hiền hữu sẽ giữ mấy oai nghi?

- Bạch Ngài! Chúng tôi sẽ giữ hết bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi).

- Nói thế có hợp không, hỏi chư hiền hữu? Chúng ta đương nhiên là chẳng buông lung giải đãi vì trước khi ra đến tận chỗ này, chúng ta đã thọ trì đề mục Minh sát từ nơi Đức Phật hiện thế và ân huệ của Đức đương kim Đại Giác, chẳng có thể hưởng được từ một thái độ lưng chừng. Trái lại ta phải có thái độ dứt khoát một lòng thiết tha vì đạo mới được và lại bốn khổ cảnh ác đạo hiện như đang hừng sẵn chờ người phóng dật, kẻ nào buông lung ắt sẽ về đó như về nhà của mình chẳng sai. Vậy chư hiền hữu hãy nên tinh cần dũng mãnh.

- Bạch Ngài! Còn Ngài thì sao?

- Về phần tôi, thì tôi nguyện sẽ giữ ba oai nghi, tôi sẽ không đặt lưng nằm xuống trong ba tháng hạ.

- Sadhu! Lành thay! Bạch Đại đức! Chúng tôi cầu chúc cho Ngài chuyên cần tinh tấn y như sở nguyện.

Cuối tháng thứ nhất, Đại đức Mahāpāla cảm thấy đôi mắt xốn xang vì sự bỏ ngủ. Qua tháng thứ hai Ngài bị đau mắt thật sự, từ hai khóm mắt nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng như hai vòi nước tuôn ra từ một cái lu nước lúng. Tuy vậy, Đại đức vẫn tiếp tục hành thiền Minh sát cả đêm thâu, mãi đến lúc mặt trời sắp rạng, Đại đức mới vào ngồi tịnh trong cốc.

Khi đến giờ đi bát, các Tỳ khuru đến thỉnh Đại đức:

- Bạch Ngài đã đến giờ đi khát thực.

- Thế thì chư hiền hữu cù bị y bát sẵn sàng đi.

Nói rồi, Đại đức cũng tự mình đắp y mang bát ra đi, chừng ấy các Tỳ khuru mới nhận thấy hai mắt của Đại đức ràn rụa nước mắt bèn hỏi:

- Bạch Ngài! Ngài làm sao vậy?

- Nay chư hiền hữu, tôi bị gió làm xốn mắt.

- Bạch Ngài! Vị y sĩ lúc nọ đã chẳng hứa lời giúp đỡ trị bệnh chư Tăng hay sao? Để chúng tôi báo tin cho vị ấy biết.

- Phải đó, chư hiền hữu!

Chư Tỳ khuru báo tin cho vị y sĩ. Vị này liền chế một thứ thuốc dầu, gởi chư Tăng đem về dâng lên Đại đức Mahāpāla, Ngài vẫn giữ oai nghi ngồi mà nhỏ thuốc lên mũi. Nhỏ thuốc xong, Đại đức đi vào làng vị y sĩ trông thấy bèn hỏi:

- Bạch Đại đức, nghe nói Đại đức bị trúng gió đau mắt phải không?

- Phải đó ông thiện nam.

- Bạch Đại đức, thứ thuốc dầu của tôi chế để nhỏ lên mũi, tôi có gởi dâng Đại đức. Đại đức đã dùng qua chưa?

- Ta đã dùng rồi ông thiện nam.

Vị y sĩ nghĩ thầm: “Thứ thuốc của mình chế gởi dâng Đại đức, chỉ cần nhỏ qua một lần là đủ lành bệnh, nhưng nay Đại đức dùng rồi mà chưa hết bệnh là bởi có sao?”, rồi ông lên tiếng hỏi nữa rằng: “Bạch Đại đức chẳng hay Đại đức nằm hay ngồi mà nhỏ thuốc vậy?”.

Đại đức Mahāpāla làm thinh, mặc dù vị ấy lặp lại câu hỏi ấy nhiều lần, Ngài vẫn nín lặng không đáp.

Vị y sĩ tính thầm: “Để rồi mình sẽ đến Tịnh xá xem qua chỗ ngụ của Đại đức”. Ông bèn nói: “Thôi vậy cũng được, xin Đại đức cứ đi”.

Sau khi tiễn chân Đại đức Mahāpāla vị y sĩ đi ngay đến Tịnh xá, xem xét chỗ ngụ của Đại đức, thì thấy có một chỗ đi kinh hành và một chỗ ngồi, còn chỗ nằm thì

tuyệt nhiên không thấy đâu cả, ông lại hỏi: “Bạch Đại đức, lúc nhỏ thuốc đó Đại đức ngồi hay nằm?”. Đại đức làm thinh.

Thấy thế vị y sĩ khẩn đoán yêu cầu: “Bạch Đại đức, xin Đại đức đừng làm như vậy không nên. Một bậc Sa Môn cũng cần phải bảo dưỡng xác thân đầy đủ sức khỏe để mà hành đạo. Yêu cầu Đại đức hoan hỷ nằm xuống đặng nhỏ thuốc cho có hiệu quả”.

Giây lâu, Đại đức mới đáp: “Thôi hiền hữu hãy về đi. Để ta bàn tính lại rồi sẽ quyết định”.

Ngay bấy giờ, Đại đức Mahāpāla không có gia đình quyến thuộc chỉ ở tại nơi ấy để cùng thảo luận hoặc thăm dò ý kiến. Vì thế Đại đức tự mình hỏi lấy mình rằng: “Hỡi này Pāla hiền hữu, hãy nói cho ta biết hiền hữu xem đôi nhục nhãn của mình hay giáo pháp của Đức Giác Ngộ là đáng quý trọng hơn?”.

Và Đại đức cũng tự trả lời câu hỏi của mình như vậy: “Từ đời vô thủy dĩ lai, trải qua hằng hà sa số kiếp, chìm nổi trôi dạt trong biển luân hồi, hiền hữu vẫn sống mãi trong cảnh đui mù tăm tối. Trong khoảng thời gian ấy không thể đem kể xiết là bao nhiêu trăm Đức Phật, bao nhiêu ngàn Đức Đại Giác đã thành đạo chứng quả, còn kiến văn, tri thức của hiền hữu không đủ bao trùm thời kì của một Đức Phật trong số chư Phật quá khứ, bây giờ đây hiền hữu đã phát nguyện: “Trong hạ kỳ này! Ta sẽ ngăn oai nghi nằm suốt cả ba tháng”. Vậy thì dù cho đôi mắt của hiền hữu có đui mù hư hoại đi chăng nữa cũng mất kệ cho nó đui mù hư hoại. Hiền hữu chỉ cần kiên trì Giáp pháp của Đức Đại Giác mà thôi”.

Rồi như để dạy bảo thân xác mình. Đại đức ngâm lên mấy câu kệ:

“Cakkhūni hāyantu mamāyitāni,
Sotāni hāyantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kim kāraṇa pālita tvaṃ pamajjasi”.

“Cakkhūni jīrantu mamāyitāni,
Sotāni jīrantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kim kāraṇa pālita tvaṃ pamajjasi”.

“Cakkhūni bhijjantu mamāyitāni,
Sotāni bhijjantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kim kāraṇa pālita tvaṃ pamajjasi”.

“Mắt ta dù có đui mù,
Tai ta dù điếc, thân dầu bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tê liệt hết, há màng chi sao.
Hộ ơi! Đừng vịn có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành”.

“Mắt ta dầu có quáng mạnh,
Tai ta dầu nặng, thân đành bất an.

*Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu hư hoại hết, há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vị có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành”.*
*“Mắt ta dầu có tan tành,
Tai ta dầu lũng, thân đành bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tiêu tán hết há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vị có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành”.*

Ngâm bài kệ dài ba kệ khúc để tự huấn dụ lấy mình xong. Đại đức Mahāpāla vẫn giữ oai nghi ngồi như trước, lấy thuốc nhỏ lên mũi, rồi đi vào làng khát thực. Vị y sĩ trông thấy Ngài bèn hỏi:

- Bạch Đại đức! Hôm nay Đại đức có nhỏ thuốc lên mũi không?
- Có rồi! Ông thiện nam.
- Vậy bây giờ Đại đức thấy thế nào?
- Vẫn còn đau nhức như cũ, ông thiện nam.
- Sao thế? Đại đức nằm xuống hay cũng vẫn ngồi mà nhỏ thuốc?

Đến đây Đại đức Mahāpāla làm thinh, dầu cho vị y sĩ có hỏi đi hỏi lại nhiều lần, Ngài cũng chẳng thốt ra một lời để đối đáp. Khi ấy vị y sĩ nói:

- Đại đức đã không cần làm cho mình được tiện nghi thoải mái thì thôi, nhưng tôi yêu cầu Đại đức từ nay về sau đừng nói với ai là: “Có ông thầy đó đã chế thuốc trị bệnh cho ta và tôi cũng chẳng nhìn nhận là đã chế thuốc trị bệnh cho Đại đức”.

Đại đức bèn đáp:

- Ta sẽ không nói thế đâu.

Bị vị y sĩ chạy bệnh không chịu cứu chữa, Đại đức trở về Tịnh xá, lòng tự nhủ rằng: “Này ông Sa môn ơi! Thầy thuốc đó bỏ rơi ông thì bỏ, chứ ông đừng bỏ rơi hạnh nguyện của mình nhé”.

Ngài lại sượng lên bốn câu kệ:

*“Paṭikkhitto tikicchāya,
Vejjenāpi vivajjito;
Niyato maccurājassa,
Kim pālita pamajjasi?”.*

*“Diệu dược vô phương chữa trị rồi,
Lương y bất lực cũng đành lui,
Giờ đây có nước chờ Diêm Chúa,
Hộ hỡi làm sao dám để duôi?”.*

Sau bài kệ tự huấn ấy, Đại đức thu thúc hành Sa môn pháp một cách rất ráo. Đến cuối canh giữa đêm ấy không trước không sau, thì hai mắt của Ngài vĩnh biệt ánh

sáng, nhưng đồng thời tâm của Ngài cũng đoạn ly tất cả tiềm miên phiền não. Ngài hưởng thụ nguồn an vui tự tại trong sự giác ngộ nội tâm của quả vị A La Hán, rồi vào ngồi trong tịnh thất.

Đến giờ đi bát, chư tăng đến thỉnh:

- Bạch Ngài! Đã đến giờ đi khát thực.
- Tới giờ rồi sao chư hiền hữu?
- Dạ, bạch Ngài đã tới giờ rồi.
- Nếu vậy chư hiền hữu hãy đi đi.
- Dạ! Còn Ngài thì sao? Bạch Ngài.
- Mắt ta (hồng mắt) hết thấy đường rồi chư hiền hữu.

Các Tỳ khuru sau khi nhìn thấy đôi mắt mù của Đại đức Mahāpāla, cả thầy đều động lòng, quanh tròn lệ ứa, đồng tỏ lời an ủi rằng: “Bạch Ngài! Xin Ngài đừng bận tâm lo nghĩ chi nhiều, đã có chúng tôi chăm lo cho Ngài đàn tràng hoàng tử tế”.

Kế đó, sau khi thi hành mọi việc cần thiết thuộc về phận sự của mình, chư tăng vào làng đi bát, không trông thấy vị Đại đức, nhiều người bèn hỏi chư Tăng: “Bạch chư Đại đức! Ngài Cả của chúng tôi đâu? Không thấy đi đây?”.

Khi được nghe câu chuyện rõ ràng, họ gởi cháo nhờ chư Tăng đem về trước dâng lên Đại đức điểm tâm. Phần họ đích thân dự bị cơm nước đem theo để bát. Đến Tịnh xá họ đánh lễ Đại đức, rồi nằm lăn xuống đất bên chân Ngài mà khóc lóc thở than.

Một lát sau, trước khi từ tạ ra về, họ an ủi Đại đức rằng: “Chúng tôi hứa chắc chắn sẽ chu cấp, phụng dưỡng Đại đức tới cùng, xin Đại đức cứ an tâm đừng lo nghĩ”.

Từ đó trở đi, mỗi ngày họ đều gởi cháo, cơm, vật thực đến Tịnh xá đều đều không khi nào ngớt.

Đại đức Mahāpāla vẫn thường khuyên bảo nhắc nhở các bạn đồng đạo và chư Tỳ khuru cũng biết phục thiện, tinh tấn thực hành theo lời chỉ dạy của vị trưởng đoàn một cách rốt ráo, cho đến kỳ Tự Tứ sau đó, tất cả sáu mươi vị Thiền Sư cũng đều đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Sau lễ ra hạ, chư Tỳ khuru muốn về hội kiến với Đức Bổn sư, nên bạch xin với Đại đức:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn về yết kiến Đức Thế Tôn.

Khi nghe chư Tăng ngỏ ý như vậy, Đại đức Mahāpāla suy nghĩ: “Ta nay mù lòa yếu đuối, đường xa lại trắc trở gian nan, phải xuyên qua rừng rậm hoang đầy rẫy phi nhon ác quỷ. Nếu ta đi chung với chư Tăng thì cả đoàn đều khó mỗi, còn e một nổi không thể đi bát kiếm được món ăn. Chi bằng Ta hãy để cho chư Tăng đi về trước là hơn”.

Đại đức ứng tiếng bảo chư Tỳ khuru:

- Nay chư hiền hữu, các bạn hãy về trước đi.

- Còn phần Ngài thì sao? Bạch Ngài.

- Ta nay yếu đuối, đường xa lại trắc trở gian nan, phải xuyên qua rừng rậm hoang có nhiều phi nhon trần thủ, nếu ta cùng đi với chư hiền hữu thì càng gây thêm trở ngại và làm chậm trễ cuộc hành trình, thôi chư hiền hữu cứ tự tiện về trước đi.

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng làm vậy, dầu sao chúng tôi cũng quyết sẽ về một lượt với Ngài mà thôi.

- Này chư hiền hữu! Không nên cô nài ép làm như thế thật Ta chẳng hài lòng. Khi nào gặp mặt chư hiền hữu, đưa em trai của Ta có hỏi về Ta thì xin quý vị hãy hoan hỷ báo tin cho chú nó biết là Ta đã bị mù đôi mắt, chắc chắn chú nó sẽ cho người đến đón Ta về. Chư hiền hữu cho ta gởi lời đánh lễ Đức Thập Lực (Đức Phật) với tám mươi vị Đại đức Trưởng lão Chương quán Giáo Hội Tăng Già.

Sau khi dặn dò, Đại đức thốt lời tiễn biệt, chư Tỳ khuru đồng thanh sám hối vì đã nài ép Ngài, rồi cùng nhau đi vào làng.

Chư thiện tín thỉnh chư Tăng an tọa, cúng dường cơm nước như thường lệ, rồi mới hỏi rằng:

- Bạch Đại đức Tăng! Hôm nay quý Ngài sửa soạn đi đâu? Có thể cho chúng tôi biết được chăng?

- Này chư thiện tín! Chư Tăng chúng tôi sắp về yết kiến Đức Bồ Sư.

Nhóm thiện tín lúc ấy nài nỉ cầm cọng nhiều phen, đến khi biết rõ chư Tăng nhất định ra đi, thì cầm lòng không đậu, khóc lóc bịn rịn, theo tiễn chân chư Tăng hai dặm đường mới chịu trở lại.

Chư Tăng đi bộ lần hồi về đến Jetavana vào ra mắt Đức Bồ Sư và Bát thập đại Trưởng lão để đánh lễ và chuyển lời xin đánh lễ của vị Đại đức Mahāpāla.

Hôm sau, lúc đi bát chư Tỳ khuru nhắm ngay con đường có ngôi nhà của vị em trai Đại đức mà đi tới.

Trưởng giả Cullapāla nhận ra các vị Tỳ khuru quen thuộc thì niềm nở chào mừng, trải chiếu mời thỉnh chư Tăng an tọa, xong mới hỏi rằng:

- Sư huynh của đệ tử hiện giờ ở đâu?

Lúc đó chư Tăng tường thuật mọi điều khúc chiết, khiến cho Trưởng giả Cullapāla nghe qua, nhào lặn bên chân các sư mà khóc lóc thở than, giây lâu mới hỏi tiếp rằng: “Bạch quý Sư huynh! Bây giờ đệ tử phải làm sao đây?”.

- Đại đức mong ước ông gửi đến cho Ngài một người, để Ngài theo chân người ấy trở về.

- Bạch quý Sư huynh! Đây là thằng Tê Hộ, đưa cháu ruột kêu đệ tử bằng cậu. Quý Sư huynh hãy sai nó đi đi.

- Cho đi như thế không được đâu? Vì lộ trình nguy khổ lắm, phải cho nó xuất gia trước rồi hãy sai nó đi.

- Bạch quý Sư huynh! Xin quý Sư huynh hãy làm như vậy rồi sai nó đi.

Khi ấy, chư Tăng làm lễ Sa di cho Tể Hộ, giữ ông lại trong nửa tháng để kèm tập những oai nghi thường thức, nhất là tập cách đắp y cho đàng hoàng, xong rồi chỉ về đường đi nước bước và cầu chúc cho vị tu sĩ thiếu niên thượng lộ bình an.

Sa di Tể Hộ ra đi một mình, lần hồi đến nơi trị trấn nhỏ ở sát biên giới. Tại cổng làng, Tể hộ gặp một vị bô lão, bèn đón lại hỏi thăm:

- Kính thưa lão trượng! Gần thôn trang này có ngôi Thiền lâm Tịnh xá nào chăng?

- Bạch sư có.

- Vị Đại sư nào trụ trì ở nơi đó, thưa lão trượng?

- Có một vị Đại đức tên là Mahāpāla hiện trụ nơi đó, bạch Sư.

- Xin lão trượng hoan hỷ chỉ đường cho tôi đến đó.

- Bạch Sư, Sư là ai?

- Thưa lão trượng! Tôi là cháu ruột kêu vị Đại đức đó bằng cậu.

Khi ấy vị bô lão dẫn đường đưa vị Sư trẻ đến nơi Tịnh xá.

Sau khi đánh lễ vấn an Đại đức Mahāpāla, Sa di Tể Hộ ở luôn nơi Tịnh xá nửa tháng, chăm lo quán xuyến các việc lớn nhỏ, giúp đỡ tay chân cho vị Sư mù, hết lòng phụng dưỡng người cậu tật nguyên của mình một cách chu đáo, sau đó ông bạch với Đại đức: “Bạch Đại đức. Cậu Cullapāla ở nhà, hiện đang mong chờ Sư cửu! Xin thỉnh Sư cửu đi về với con”.

- Thế thì con hãy cầm gậy dắt ta đi.

Vị Sư trẻ nắm lấy một đầu gậy, cùng vị Đại đức đi vào trung tâm thị trấn nhỏ, nhóm thiện tín đón rước, mời ngồi đoạn hỏi Đại đức: “Bạch Đại đức! Đại đức sửa soạn đi đâu, có thể cho chúng tôi biết được chăng?”.

- Được lắm. Nay chư thiện tín, Ta hôm nay đi về đánh lễ Đức Tôn Sư.

Chư thiện tín thỉnh cầu Đại đức ở lại, đến năm lần bảy lượt cũng không được. Họ bèn theo tiễn chân, đưa một đôi đường, đến lúc cáo từ lui gót, họ còn ngậm ngùi lưu luyến, mắt lệ chứa chan.

Vị Sa di tay vẫn không rời gậy, dắt vị Đại đức tiếp tục cuộc hành trình. Đi đến một thôn trang ở ven rừng tên là Katthanagara (Mộc Thanh), gần nơi đó Ngài có tịnh cư một lúc trước.

Vừa ra khỏi làng, bỗng nghe trong rừng vọng ra tiếng hát của một người đàn bà (itthī) đang mót củi vị Sư trẻ phát động tình xuân, luyến ái tiếng hát của người phụ nữ.

(Nói về năng lực làm cho toàn thân của người nam xao xuyến mê ly thì không có thứ âm thanh nào mãnh liệt cho bằng tiếng hát ru hồn của người phụ nữ). Cho nên Đức Thế Tôn đã có lần khuyến cáo:

“Nāham, bhikkhave aññaṃ ekasaddampi samanupassāmi yaṃ evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati, yathayidaṃ, bhikkhave, itthisaddo’ti”⁽¹⁾.

“Này các Tỳ khưu! Như Lai biết chắc là không hề có một thứ thính âm nào khác có năng lực chiếm đoạt trọn vẹn quả tim của một người nam, ngoài thứ thính âm này: Đó là âm thính (tiếng nói) của người nữ vậy”.

Mê mẩn vì giọng hò tiếng hát ấy, vị Sa di buông rơi đầu gậy vừa bạch với vị Đại đức rằng: “Xin Sư cứ đứng đây chờ, con đi có chút việc...”. Nói đoạn ông ta đi ngay đến chỗ người nữ, cô này ngưng ngang tiếng hát khi thấy ông Sa di và ông ta phá giới, làm hư phạm hạnh với người phụ nữ ấy.

Vị Đại đức đứng một mình suy nghĩ: “Ta vừa mới nghe tiếng hát véo von rõ ràng là tiếng phụ nữ, sao bây giờ im bất lặng thính. Chắc ông Sa di này đã làm hư phạm hạnh”.

Sau khi xong việc tư riêng, Tể Hộ trở lại bạch với Đại đức:

- Bây giờ mình lên đường đi Sư cứu.

Khi ấy Đại đức mới hỏi: “Này ông Sa di, ông đã làm chuyện tội lỗi rồi phải không?”.

Vị Sa di nín thính, dầu bị cật vật nhiều lần vẫn không đáp lời chi cả. Vị Đại đức bèn nói:

- Kẻ phạm tội như ông, không bao giờ Ta cho nắm giữ gậy của Ta.

Vị Sa di trẻ kinh hoàng hồi hận, liền cởi xả bộ y vàng, mặc lại bộ đồ của hàng cư sĩ. Rồi ông nói:

- Bạch Sư cứu! Khi trước con là một Sa di, nhưng bây giờ con đã xả giới hoàn tục (gihījāto), con chỉ miễn cưỡng xuất gia vì đã e ngại đường xá hiểm trở, chớ thật lòng con không có ý muốn đi tu luôn. Thôi bây giờ cậu cháu mình hãy đi ra khỏi chốn này.

- Ông bạn (āvuso) cứ đi, Đại đức nói: Hễ kẻ nào làm tội thì đã là kẻ phạm tội, dù là cư sĩ hay bậc xuất gia cũng vậy. Khi còn là Sa di ông đã không giữ tròn phạm hạnh, bây giờ hoàn tục ông sẽ làm được việc thiện gì sao? Một kẻ tội phạm như ông, không bao giờ Ta cho nắm giữ gậy của Ta.

- Bạch Sư cứu! Đoạn đường này có nhiều phi nhơn khuấy nhiễu mà Sư cứu lại mù lòa, làm sao ở lại nơi đây một mình cho được.

Khi ấy Đại đức đáp:

- Này ông bạn, ông chớ lo chi điều ấy. Ta sẽ nằm đây chờ chết, hoặc đi lang thang một mình đây đó cũng mặc kệ Ta, còn đi chung với ông nữa, chuyện đấy chắc chắn không thể đâu đừng hòng...

Ngẫu hứng Đại đức tiếp ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

¹ Aṅguttara I – Tăng Chi Bộ Kinh 1.

“Handāhaṃ hatacakkhusmi,
Kantārad dhānamāgato;
Seyyamāno na gacchāmi,
Natthi bāle sahāyatā”.

Handāhaṃ hatacakkhusmi,
Kantārad dhānamāgato;
Marissāmi no gamissāmi,
Natthi bāle sahāyatā”.

*“Than ôi mắt đã bị mù!
Đường còn xa vắng âm u lạnh lùng.
Thà nằm giữa chốn mộng lung,
Quyết không kết bạn, đi cùng đũa ngu”.*
*Than ôi mắt đã bị mù!
Đường còn xa vắng âm u lạnh lùng.
Đành liều thân, chịu mạng chung,
Quyết không kết bạn, đi cùng đũa ngu”.*

Nghe qua bài kệ, Tể Hộ càng thêm kinh hoàng, hối hận kêu lớn mấy tiếng: “Hỡi ôi! Việc quây rầy của ta làm, quả thật nặng nề ác liệt”. Rồi tự ôm chầm lấy hai vai, chàng khóc than rên rĩ và đi tuốt vô rừng biệt dạng.

Khi ấy, trên cung trời Đao lợi, Đích Thiên Vương Đế Thích (Sakka) đang ngự trên chiếc ngai bằng thạch anh vàng, có màu tươi như hoa hồng nhung (jayasumana), có thể tự động hạ xuống hay vươn lên tùy lúc đức vua Trời ngôi hay đứng. Chiếc ngai ấy bị ảnh hưởng oai lực giới đức cao độ của Đại đức nên bỗng nhiên phát nhiệt. Đức Đế Thích nói thầm: “Kẻ nào muốn truất ngôi của ta đây kìa”. Đoạn Ngài dùng Thiên nhãn (Dibbacakkhu) quan sát thấy vị Đại Đức.

Người xưa (Porāṇa) có bài thơ vịnh rằng:

“Sahassanetto devindo,
Dibbacakkhum visodhayi;
Pāpagarahī ayam Pālo,
Ājīvaṃ parisodhayi”.

Sahassanetto devindo,
Dibbacakkhum visodhayi;
Dhammagaruko ayam Pālo,
Nisinno sāsane ratoti”.

*“Vua trời ngàn con mắt,
Giữ “mắt thần” trong sạch.
Thánh Hộ lánh tội tình,
Sống đời tu khiết bạch”*
*Chúa Trời ngàn con mắt,
Gìn Thiên nhãn trong sạch.
Sư Hộ trong giáo điều,
Vui đạo ngôi tự đắc”.*

Khi ấy, Đức Đế Thích nghĩ thầm: “Nếu ta bỏ qua không tiếp độ một người có tâm trong sạch, biết ghê sợ tội lỗi, tôn trọng giới luật như vị Sư này, chắc có lẽ đầu ta nứt bể thành bảy mảnh. Ta phải xuống đó giúp người mới được”. Thế rồi:

“Sahassanetto devindo,
Devarajjasirindharo;
Taṅkhaṇena āgantvāna,
Cakkhupālaṃ upāgami”.

*“Ngọc Đế ngàn con mắt,
Cao sang nhất cõi trời.
Phút chốc đến tận nơi
Sư Hộ mù đôi mắt”.*

Khi đáp xuống cách chỗ Đại Đức Mahāpāla không xa, Đức Đế Thích nhân mạnh bước chân cho nghe tiếng xào xạc. Đại Đức bèn hỏi: “Ai đó?”.

- Bạch Ngài! Tôi đây, tôi là một khách lữ hành.
- Ông thiện nam! Ông đi đâu vậy?
- Bạch ngài! Tôi về thành Sāvatti.
- À thôi! Ông bạn đi đi.
- Bạch Ngài! Còn Ngài đi đâu?
- Ta cũng sẽ về nơi đó.
- Nếu vậy thì tiện quá. Bạch Ngài, ta hãy cùng đi một lượt cho vui.
- Ta yếu đuối, đi chung với Ta sẽ trở ngại, phiền phức cho hiền hữu lắm.

- Bạch Ngài! Không sao, tôi đi đây không có chuyện gì cần kíp. Vả lại, cùng đi với Ngài tôi có thể thực thi phần nào trong mười việc thiện để bòn chút phước báu, thôi ta hãy cùng nhau lên đường.

Đại Đức Mahāpāla tự nghĩ: “Ông này chắc là một nhà hảo tâm quân tử chẳng sai”. Rồi Ngài nói:

- Vậy thì, ông thiện nam, hãy cầm lấy một đầu gậy của Ta.

Đức Đế Thích vâng lời vị Đại Đức, rồi dùng phép thu đất, rút ngắn con đường, cho nên sáng hôm sau hai khách lữ hành đã đến Đại Tự Jetavana. Khi nghe tiếng cồng, tiếng sáo rộn rã, Đại Đức hỏi Đế Thích:

- Đây là đâu mà nghe tiếng tiêu thiêu nhạc trời dậy?
- Bạch ngài! Đây đã tới thành Sāvatti.
- Ủa! Sao lúc trước ta đi với chư Tỳ khưu lâu lắm mới tới đây mà.
- Dạ! Tại vì tôi biết một lối đi tắt đó, bạch Ngài.

Ngay lúc ấy, hốt nhiên Đại Đức tự hiểu biết rằng: “Ông này không phải là người ta, chắc có lẽ là một vị Chư Thiên”.

Quả thật:

“Sahassanetto devindo,
Devarajjasirindharo;
Saṅkhipitvāna taṃ maggaṃ,
Khippaṃ Sāvattimāgami”.

“Ngọc Đế ngàn con mắt,
Cao sang nhất cõi Trời.
Thâu đường ngàn dặm khơi,
Đến Vệ Thành tức khắc”.

Đức vua Trời dẫn vị Đại Đức đến cốc lá của Trưởng giả Cullapāla đã cất riêng cho anh mình về ở tịnh. Dìu Đại đức ngồi xuống một cái đôn, rồi biến hình hóa ra một người bạn thân thiết của Trưởng giả Cullapāla, đến trước và ông kêu lớn:

- Bạn Cullapāla ơi!
- Chuyện chi đó bạn?
- Bạn có biết tin Đại đức đã về đây chưa?
- Chưa biết, nhưng có phải thật Đại đức đã về đây không?
- Thật mà! Chính tôi vừa đến Tịnh xá, thấy Đại đức ngồi ngoài cái cốc lá mà bạn cất cho ngài, kể về qua đây.

Nói rồi, Đức Đế Thích đi luôn.

Trưởng giả Cullapāla đi đến Tịnh xá, gặp mặt Đại đức Mahāpāla thì nửa mừng nửa tủi, nằm lăn xuống đất bên chân Đại đức mà khóc nức nở cả nói:

- Trước kia em đã hết sức cấm cản mà Ngài không nghe, để bây giờ chịu khổ như vậy.

Sau những lời hàn thuyên an ủi của người anh bất hạnh của mình, Trưởng giả về nhà chọn lựa hai đứa tiểu đồng, đưa đến cho xuất gia Sa di làm đệ tử của Đại đức, rồi giao phó cho chúng phận sự trông nom, phục dịch thầy Tế Độ và dặn thêm rằng:

- Hai Sư mỗi ngày đi bát, thọ lãnh cháo cơm vật thực đem về dâng lên Đại đức nghe!

Hai vị Sa di nhỏ vâng lời, chăm lo tất cả mọi việc trong tịnh thất và hộ độ Đại đức rất chu đáo.

Một ngày kia, có nhóm Tỷ khưu ở phương xa về Jetavana để yết kiến Đức Bôn Sur về đến nơi đánh lễ Đức Thầy và ra mắt tám mươi vị Đại Trưởng lão xong, chư Tăng cùng nhau đi tản bộ trong vòng Tịnh xá, gần đến tịnh thất của Đại đức Mahāpāla, chư Tăng rủ nhau: “Chiều nay ta cũng nên đến thăm Đại đức một chút”.

Nhưng chiều tối, lúc chư Tăng sắp sửa đi thăm Đại đức thì trời vắn vũ, mưa to gió lớn nổi lên khiến chư tăng phải quay trở lại và hẹn nhau: “Bây giờ trời đã tối, mà mưa bão tới nơi rồi, thôi để mai sáng chúng ta hãy đi thăm Đại đức”.

Mua tuôn xối xả từ canh đầu đến canh giữa mới tạnh.

Đại đức Mahāpāla bản tánh chuyên cần tinh tấn, năng đi kinh hành nên đến canh cuối đã xuống chỗ kinh hành, không ngờ lúc ấy từ dưới lòng đất ướt lạnh vì trận mưa đầu hôm, mấy con mối cánh chùng lên cả đàn cả lũ vị Đại đức đi đi lại lại đạp chết rất nhiều. Hai ông Sa di chưa kịp quét dọn chỗ Đại đức kinh hành ấy. Khi các khách Tăng đến viếng chỗ ngụ, thấy xác mối mới chết còn nằm la liệt trên đường kinh hành, bèn hỏi:

- Ai vừa mới đi trên đường này vậy?

- Bạch chư Đại đức, đó là Đại đức thầy của chúng tôi. – Hai vị Sa di đáp.

Chư Tăng bắt mẫn, buông lời khiển trách rằng: “Chư hiền hữu hãy coi! Hành vi của ông Sa môn này, khi còn sáng mắt ông ta cứ nằm mãi không làm chi hết, để bây giờ với đôi mắt mù, ông ta lại tính “Ta đi kinh hành”, rồi sát hại bấy nhiêu chúng sanh đó. Miệng ông ta nói: “Ta sẽ hành động đúng đắn, lợi ích”, nhưng việc làm của ông ta thì không đúng đắn, lợi ích chút nào!”.

Thế rồi, chư Tăng đem chuyện này bạch Đức Như lai:

- Bạch Ngài! Đại đức Mahāpāla tính thàm: “Ta sẽ đi kinh hành”, rồi giết rất nhiều chúng sanh.

- Chính mắt các ông có thấy ông ta giết chết những chúng sanh ấy hay không?

- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.

- Các ông không thấy ông ta như thế nào, thì ông ta cũng không trông thấy những chúng sanh kia như thế ấy. Nay các Tỳ khuru, các bậc đã dứt trừ lậu hoặc không còn tác ý sát sanh.

- Bạch Ngài! Đại đức Mahāpāla có đầy đủ căn lành để đắc quả A La Hán như thế, tại sao còn phải chịu mù?

- Nay các Tỳ khuru! Đó là tiền nghiệp bất thiện của ông ta vậy!

- Bạch Ngài! Chẳng hay Đại đức tã tạo nghiệp gì?

- Nay các Tỳ khuru! Các ông hãy lắng nghe đây:

Thời quá khứ, dưới triều của quốc vương Bārāṇasī (Ba La Nại) đang trị vì tại thành Bārāṇasī, có một ông y sĩ du phương, trải đi khắp nơi trong xứ, từ thành thị đến thôn quê, để hành nghề nuôi mạng, khi gặp một phụ nữ đau mắt, ông ta hỏi:

- Bà chị có bệnh phải không?

- Dạ! Mắt tôi đau không thấy đường.

- Đâu đưa tôi xem thử.

- Dạ đây! Thầy coi liệu chưa trị được không?

- Nếu tôi trị hết bệnh, bà chị trả công thuốc cho tôi bao nhiêu?

- Dạ! Nếu thầy làm sao cho mắt tôi sáng lại như thường, tôi tình nguyện đưa cả con gái đến làm tôi mọi cho thầy suốt đời.

- Được lắm.

Nói rồi, y sĩ lo chế thuốc nhỏ mắt trao cho phụ nữ ấy, chỉ nhỏ có một lần thuốc, mắt bà ta đã thấy rõ lại như thường, nhưng bà ta suy tính ngấm ngầm: “Mình trót hứa đem gả con gái đến làm tôi đòi cho ông thầy thuốc, nhưng e rồi đây thế nào ông ta cũng nặng nhẹ khó dễ, hành hạ mẹ con mình, chi bằng kiếm lời tráo trở dối gạt ông ta là hơn”.

Vì thế, lúc y sĩ đến nhà hỏi thăm bệnh tình: “Mắt bà chị hôm nay ra sao?”. Phụ nữ ấy đáp: “Lúc trước chỉ hơi đau sơ sơ chút ít thôi, còn bây giờ thì nhức nhối quá chừng quá đỗi”.

Vị y sĩ nghĩ thầm: “Mụ này muốn gạt ta để quyt số tiền công thuốc của ta đây. Ta chẳng cần đòi số tiền thù lao của mụ, nhưng ta sẽ làm cho hai mắt của mụ mù luôn cho hết nói dối”.

Ông y sĩ về nhà, có thuật lại câu chuyện trên đây cho vợ nghe, nhưng vợ ông ta làm thinh không phát biểu ý kiến gì cả. Ông bèn chế ra một thứ thuốc có sức công phạt rất mạnh, đi ngay đến nhà phụ nữ nói dối, giục thúc rằng: “Bà chị hãy nhỏ thứ thuốc này liền bây giờ đi”.

Nhỏ thuốc vừa xong, hai con mắt của phụ nữ tắt lịm ánh sáng, y như ngọn đèn hết dầu.

Ông thầy thuốc có dã tâm ấy là Tỳ khuru Cakkhupāla hiện nay vậy. Nay các Tỳ khuru! Nghiệp ác chưa trả quả vẫn đeo đuổi con của Như Lai mãi cho đến hết kiếp này. Vì nghiệp ác luôn luôn theo đuổi theo kẻ làm ác, y như bánh xe theo sát gót chân con bò kéo xe vậy.

Sau khi chấm dứt câu chuyện tiền khiên, chỉ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa nhân và quả, Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau đây, chẳng khác gì một vị Hoàng Đế đóng ấn Ngọc tỷ lên trên chỗ đất xi (patitthapitamattika) để niêm phong một bức cảm nang từ Thánh chỉ:

“Manopubbaṅgamā dhammā,
Manoseṭṭhā manomayā;
Manasā ce paduṭṭhena,
Bhāsati vā karoti vā;
Tato naṃ dukkham anveti,
Cakkam’va vahato padaṃ”.

*“Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm thành nghiệp duyên.
Ai mà tâm dục (chẳng hiền),
Nói làm chi cũng lụy phiền theo sau.
Chân con vật kéo nơi nào,
Bánh xe lăn cũng theo sau đành rành”.*



CHÚ GIẢI:

*Tâm⁽¹⁾ đi trước⁽²⁾ các pháp⁽³⁾,
Tâm chủ⁽⁴⁾ duy tâm tác⁽⁵⁾;
Nếu bằng tâm như đực⁽⁶⁾,
Nói năng hoặc hành vi⁽⁷⁾,
Khổ sẽ theo người⁽⁸⁾ như,
Bánh xe chân bò giật⁽⁹⁾.*

(1) Tâm hay ý (*mano*) trong kệ ngôn này chính là tâm (*citta*) trong Thắng Pháp tập yếu (*Abhidhammatthasangaha*), theo đó phân loại thì có Tứ địa tâm (*Catubbhūmikacitta*), là tâm trong bốn giới, nhất là Dục giới bất thiện tâm (*Kāmāvacara-akusalacitta*) nếu y cứ theo tâm của vị y sĩ, phát sanh lên trong lúc tạo nghiệp ác mà định nghĩa cho phân minh chính xác, thì chữ tâm trong câu Pháp Cú này là tâm Câu hữu ưu tương ưng hận (*domanassasahagatam paṭighasampayuttacittam*).

(2) Đi trước (*pubbaṅgamā*), nghĩa là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các pháp (*Dhammā*), căn cứ trên đặc tánh không phải là chúng sanh (*Nissatta*) không có mạng sống (*Nijjīva*). Theo nghĩa tổng quát trong Kinh Tạng thì có bốn pháp tất cả là: Pháp (*Dhamma* – thiện tâm), phi pháp (*Adhamma* – bất thiện tâm) và hai Dị thực quả tâm (*Vipākacitta*). Có Phật ngôn giải về đặc tính các pháp như sau:

“Na hi dhammo adhammo ca,
Ubho samavipākinō;
Adhammo nirayaṃ neti,
Dhammo pāpeti sugatin’ ti”.

*“Pháp cùng phi pháp chẳng đồng,
Thì Tâm dị thực cũng không ngang hàng.
Pháp đưa lên cõi thiên đàng,
Phi pháp dắt xuống suối vàng âm ti”.*

Ngoài ra chữ Pháp có nhiều nghĩa khác nhau nữa, chẳng hạn như: Trong kinh có chỗ Đức Phật nói: “Này chư Tỳ khưu, Như Lai sắp thuyết cho các ông nghe thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu...”. Thì chữ Pháp chỗ đó có nghĩa là bài thuyết pháp.

Ở một chỗ khác Đức Phật nói: “Này các Tỳ khưu, nơi đây có một số con nhà gia giáo (*kulaputta*) đã học thuộc lòng pháp...”. Thì chữ Pháp ở đây có nghĩa là Phật ngôn, Kinh kệ, gọi chung là Pháp bảo vậy.

Cũng có chỗ Đức Phật nói: “Có những Pháp, có những uẩn...”. Thì những pháp ấy gọi là phi chúng sanh Pháp (*Nissattadhammo*). Những pháp vô sanh mạng (*Nijjīvadhammo*) cũng đồng một nghĩa lý như thế.

Giải rộng ra thêm nữa, thì những pháp có hai đặc tính trên đây gồm có ba Vô sắc uẩn là: Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn.

Tâm (tức là thức uẩn) dẫn đầu tất cả những Tâm sở kia, cho nên có tiếng nói là tâm đi trước các pháp.

Vì sao đồng đi chung với các sở hữu tâm (*Cetasika*), đồng một vật (*Vatthu*), đồng một cảnh (*Ārammaṇa*), đồng sanh lên trong một sát na (*Ekakhaṇa*) mà gọi là tâm đi trước.

Vì do tâm làm duyên sanh khởi các pháp vậy, cũng ví như có nhiều kẻ cướp đồng một lượt xông vào giết hại cướp bóc trong làng xã chẳng hạn, thì thử hỏi:

“Ai là kẻ cầm đầu bọn cướp lúc đó?”. Cố nhiên kẻ làm duyên khởi cho chúng nương theo mà tạo nghiệp cướp bóc ấy, kẻ ấy dù là bạn hay cái chi cũng có thể gọi là kẻ cầm đầu. Ta nên trả lời câu hỏi trên đây một cách đầy đủ như vậy.

Do lẽ làm duyên khởi cho các Pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước các Pháp. Quả thật không bao giờ có pháp sanh lên khi tâm chưa sanh, nhưng trái lại tâm vẫn sanh lên được mặc dù có một vài nhóm sở hữu tâm chưa sanh.

(4) Tâm chủ (*Manoseṭṭhā*): Do vì tâm làm chúa các pháp Vô sắc nên nói là tâm chủ. Theo ví dụ trên, tên đầu đảng của bọn cướp là chúa tướng, là chủ của bọn chúng như thế nào, thì nơi đây là tâm ác chỉ các pháp (ác) cũng như thế.

(5) Duy tâm tác (*Manomayā*): Khi ta dùng gỗ chẳng hạn, để sản xuất các thứ đồ mộc khác nhau, nhưng tựu trung cũng chỉ là của gỗ là bản chất, ta quen nói các món đồ gỗ ấy làm bằng gỗ (*dārumayā*) cũng đồng một cách như thế, các pháp Vô sắc đều do tâm mà sanh ra, có tâm là bản thể, ta cũng gọi là pháp làm bằng tâm hay duy tâm tác.

(6) Nêu bằng tâm như đục (*Manasā ce paduṭṭhena*): là tâm vừa mới bị những sở hữu tâm khác như tham, sân chẳng hạn xâm nhập, làm cho nhiều chỗ nhiễm ô, như đục.

Quả nhiên, tâm bình thường (*Pakatimano*) tức là Hữu phần tâm (*Bhavaṅgacitta*), tự tánh vốn trong sạch chưa bị nhiễm ô (tánh bản thiện), nhưng một khi đã sân hận (*Dosa*), nhứt là tham lam (*Abhiijhā*) gia nhập làm cho trở nên như đục, không còn là tâm bình tịnh, nhứt là Hữu phần như trước, chẳng khác nào là một dòng nước trong bị những màu bất khiết, nhứt là màu chàm mới vừa lẫn vào làm cho biến sắc, thành ra nước sanh chàm (*Nīlodaka*) không còn là nước thuần chất, cũng không còn trong sạch như thưở ban đầu vậy.

Đức Thế Tôn có dạy rằng: “*Pabhassaramidaṃ, bhikkhave, cittaṃ, taṅca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilittanti*”.

“*Nầy các Tỳ khuru! Tâm này bản chất tịnh quang sáng suốt, nhưng bị các pháp mới ô nhiễm xâm nhập, làm cho trở nên như đục*”. Từ ngữ “bằng tâm như đục” có ý nghĩa như thế.

(7) Nói năng hoặc hành vi (*Bhāsatī vā karoti vā*) kẻ có sẵn tâm ác, hễ mở miệng nói ra lời là phạm nhằm bốn tội về khẩu ác hạnh (*Vacīduccarita*), bằng như ra tay hành động thì phạm nhằm ba tội về thân ác hạnh (*Kāyaduccarita*) nhược bằng làm thinh không nói, không làm đi nữa cũng phạm ba tội về ác ý ác hạnh (*Manoduccarita*), tất cả các tội ác chung quy cũng đều do nơi tâm đã bị tham lam, oán thù, tà kiến làm cho như đục mà ra. Lộ trình của mười nghiệp bất thiện (*Dasa akusalakammāpathā*) trải đi tròn đủ ba cửa thân, khẩu, ý là như thế.

(8) Khổ sẽ theo người: (*Tato nam, dukkhamanveti*), kẻ thủ phạm tạo ba ác hạnh từ lúc nào thì sự khổ bắt đầu theo dõi kẻ ấy từ lúc đó, do năng lực của ác hạnh, kẻ ấy sẽ sa xuống bốn ác đạo (*Apāya*), hoặc trở lại làm người thế gian, nhưng trong đời kiếp nào, thân căn và cả các căn khác tức là những sở hữu tâm liên hệ với thân căn đã giải rãnh mạch trên đây của kẻ ấy cũng bị quả khổ theo sát một bên.

(9) Như bánh xe theo chân bò giật (*Cakkam vā vahato padam*). Thường thường bò tơ mới tập giật (kéo xe), thì thay tháo trút, tánh còn hung hăng, khi bị mắc cổ vào ách thì chạy vụt đi, lôi cả chiếc xe chở đồ nặng, ý muốn tự do như trước, nhưng nào có được, con bò ấy dầu cho kéo một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày hay nửa tháng cũng không thể nào tách rời ra chiếc bánh xe đang lăn phía sau, mỗi khi con bò muốn vươn mình tới trước thì bị cái ách đè nặng trên cổ, không cho vượt qua, còn muốn thụt về phía sau thì bị bánh xe đụng cọ vào thịt đùi không cho lùi lại, thành thử ra do hai lẽ ấy mà con bò đành chịu để cho hai bánh xe cứ mãi theo sát hai bên chân của nó vậy.

Con người có tâm nhơ đục, đã làm tất cả ba ác hạnh rồi, nhứt định phải sa vào ác đạo như địa ngục chẳng hạn, là nơi mà vì gốc ác hạnh, cả tha oan tâm của người ấy đều bị tội khổ đuổi theo.



Kệ ngôn vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích, kỳ dư thính chúng câu hội nơi ấy đều được chánh quả, nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.



Dịch Giả Cẩn Đề

Vì tâm niệm ác lúc chưa tu,

Thánh Hộ đời nay phải chịu mù.

Chế thuốc cho người công chẳng thí.

Dùng mưu hại chúng tội đành bù.

Nhân gieo ý chí vui vài phút.

Quả hái thân còn cực mấy thu.

Sớm biết hồi đầu lo giải thoát,

Rã lòng, chẳng trễ buổi công phu.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA





Suffering pursues the evil-doer, as the cart-wheel the hoof of the draught ox.

01. Đau khổ đi theo sau người làm ác nghiệp. Như bánh xe đi theo chân con vật kéo.

I.2- Tích CẬU KIM HOÀN

(*Maṭṭhakuṇḍalivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 02)

**“Manopubbaṅgamādhama,
Manosetṭhā manomayā;
Manasā ce pasannena,
Bhāsatī vākaroti vā;
Tato naṃ sukkhamanveti,
Chāyāva anupāyīnīti”.**

***“Tâm đi trước các pháp,
Tâm chủ, duy tâm tác.
Nếu bằng tâm trong sạch,
Nói năng hoặc hành vi.
Phúc lạc sẽ theo người,
Như bóng theo hình thật”.***

Kệ Pháp Cú thứ nhì cũng được thuyết tại thành Sāvatthī, nhưng đề cập đến cậu Maṭṭhakuṇḍali (Kim Hoàn).

Tương truyền rằng: Thưở ấy, tại thành Sāvatthī, có ông Bà la môn tên là Adinnapubbaka (Vị Tăng Thí). Ông ta chưa hề bố thí cho ai chút gì, nên người đời gán cho ông cái biệt danh như thế.

Ông ta có một đứa con trai duy nhất mà ông ta rất thương yêu triu mến, ông ta muốn đặt thợ bạc làm một món đồ trang sức cho cậu con trai cưng, nhưng lại đắn đo suy nghĩ rằng: “Nếu ta đưa vàng cho thợ làm thì phải mất tiền trả công cho thợ”. Suy tính như vậy rồi, ông ta lấy vàng ra tự tay đập, uốn thành một đôi vòng tai bằng vàng cho cậu con đeo. Do đó, cậu công tử này được mệnh danh là Maṭṭhakuṇḍali (Kim Hoàn).

Cậu Maṭṭhakuṇḍali lúc lên mười sáu thì bị mắc bệnh huỳnh đản (Paṇḍurogo). Mẹ cậu nhìn cậu, rồi kêu chồng:

- Này ông Bà la môn, con trai ông mang bệnh rồi đó! Ông lo rước thầy chữa bệnh cho nó đi.

- Bà ơi! Nếu ta rước thầy chạy thuốc thì ta phải tốn tiền công tiền thuốc. Bà chẳng dòm ngó đến tài sản của ta, muốn cho dễ bị sút mẻ hao hụt hay sao?

- Ta tính cách nào, miễn là không hao hụt sút mẻ tài sản của ta thì thôi.

Nói xong, ông Bà la môn đến viếng nhiều vị lương y lần lựa hỏi thăm: “Gặp bệnh nhân như phát chứng như vậy, như vậy đó, thường quý thầy cho uống thứ thuốc chi?”.

Các y sĩ điềm chỉ cho ông ta thứ nọ, thứ kia, như là vỏ cây chẳng hạn. Ông ta nghe lời đi kiếm mấy thứ ấy đem về sắc làm thuốc cho con trai ông uống. Mặc dầu đã xoay đủ cách, bệnh tình của cậu con trai Maṭṭhakuṇḍali đã không thuyên giảm mà còn trở nên trầm trọng nan y. Đến khi thấy con trai đã kiệt quệ, ông Bà la môn mới cho mời thầy lang đến, nhìn thấy khí sắc của bệnh nhân, thầy thuốc nói:

- Tôi bữa nay bận quá! Xin tôn huynh cảm phiền rước thầy thuốc nào khác đến coi mạch, hốt thuốc cho cậu ấy.

Kiểm có chạy bệnh như thế rồi, ông y sĩ vội vã rút lui.

Ông Bà la môn nhìn con mình sắp chết, lại tính thầm rằng: “Nếu cứ để nó ở đây, ai đến thăm viếng nó cũng đều ngó thấy đồ đạc của cải trong nhà ta hết. Ta phải đem nó ra nằm ngoài mới được”.

Tính rồi, ông sai người đem cậu con trai ra đặt nằm ngoài mái hiên hàng ba.

Ngày ấy vừa sáng tinh sương, Đức Thế Tôn xuất Định đại bi, dùng Phật nhãn quan sát thế gian, bủa lưới Chánh giác bao trùm khắp cả mười ngàn cõi Ta bà để tìm xem kẻ nào đã từng phát nguyện từ thời chư Phật quá khứ, kẻ nào có đầy đủ căn lành đáng được tiếp độ.

Hình ảnh cậu Maṭṭhakundali bị đem nằm bỏ dưới mái hiên lọt vào Giác võng của Đức Thế Tôn, vừa thấy cậu Maṭṭhakundali Đức Thế Tôn biết ngay là cậu bị đem ra khỏi nhà, bỏ nằm ngoài mái hiên như thế. Đức Thầy tự vấn: “Cậu bé này có đầy đủ duyên lành để Như Lai tiếp độ không?”.

Ngài liền thấy biết như sau: “Cậu bé này sẽ đặt niềm tin trong sạch nơi Ta!”, rồi nhắm mắt từ giã cõi đời, sanh lên cõi Trời Đạo Lợi ở trong một tòa Kim điện có cả đoàn Thiên nữ theo hầu”.

Vị chư Thiên sau khi ngắm nhìn thân hình mới mẻ của mình, cao đến ba phần tư dặm (12 cây số), đeo giắt những đồ trang sức có thể chất đầy năm mươi cỗ xe bò, có hàng ngàn Thiên nữ châu chực chung quanh thì tự nghĩ: “Do nhờ nghiệp lành nào mà ta hưởng quả vinh hạnh này đây?”.

Khi quán xét thấy rõ nhờ tâm trong sạch đối với Như Lai mà được phước ấy, rồi vị chư Thiên nhớ đến cha cũ của mình, tự nhủ rằng: “Thân phụ ta vì sợ sứt mẻ tài sản mà không dám rước thầy trị bệnh cho ta, bây giờ lại ra mộ địa mà than khóc nhớ tiếc ta, để ta làm cho người thay đổi tính tình mới được”. Vì tình phụ tử vị chư thiên biến hình thành một thiếu niên giống hệt cậu Maṭṭhakundali, hiện xuống cách nơi mộ địa không xa, sẽ nằm xuống đất mà than khóc. Khi ấy ông Bà la môn sẽ hỏi: “Cậu là ai?”.

- Con là Maṭṭhakundali của cha đây mà.

- Con được sanh về cảnh giới nào?

- Ở Đạo Lợi Thiên.

- Con đã tạo nghiệp gì?

Nghe cha hỏi vậy, chư Thiên sẽ đáp là nhờ nơi có tâm trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh. Ông Bà la môn sẽ đến chất vấn Như Lai: “Có người nào chỉ nhờ có tâm trong sạch đối với Ngài không thôi mà được siêu sanh về nhàn cảnh không?”.

Khi ấy, Như Lai sẽ đáp: “Chẳng những chỉ có hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn người như vậy, nhiều không thể đếm xiết”. Và Như Lai sẽ đọc bài kệ Pháp Cú, khi dứt bài kệ tám muôn bốn ngàn chúng sanh sẽ tỏ ngộ giáo pháp Như Lai, Maṭṭhakundali sẽ chứng Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn), cả ông Bà la môn cũng thế, ấy là do duyên lành của cậu công tử này mà đại chúng sẽ tỏ ngộ Chánh pháp chẳng sai.

Đức Phật đã quan sát thấy rõ đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như thế, nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội sạch sẽ, Ngài đắp y chỉnh tề cùng với Đại chúng Tỳ khưu vào thành Sāvattthī khát thực, rồi đi lần đến cửa ngõ ông Bà la môn.

Lúc bấy giờ, cậu Maṭṭhakuṇḍali đang nằm quay mặt vô nhà, Đức Bôn Su biết cậu thiếu niên không nhìn thấy kim thân của Ngài, nên Ngài phóng hào quang ra. Thiếu niên tự hỏi: “Ánh sáng gì đây?”, từ chỗ nằm cậu quay mặt ra nhìn, liền thấy Đức Phật, cậu nói thầm một mình: “Ta mắc phải ông cha mù quáng si mê, thành ra không có cơ hội đến gần một bên Đức Phật như vậy đề mà hầu hạ cúng dường vật thực hoặc nghe kinh, thính pháp. Bây giờ gặp được Ngài nhưng chân tay đã bị tê liệt, không cử động được, trông gì mạnh lại đề làm những việc ấy”. Nghĩ rồi, thiếu niên đem hết lòng tin trong trắng hướng lên Đức Phật.

Đức Bôn Su nói: “Thôi bấy nhiêu đủ rồi” và Ngài ngự đi luôn.

Cậu Maṭṭhakuṇḍali nằm nhìn theo mãi cho đến khi hình bóng của Đức Từ Phụ đã ra ngoài tầm mắt của cậu. Trong khi cậu đang trong sạch như thế, cậu tắt hơi luôn, như một người mới ngủ thức giấc, cậu thác sanh lên cõi trời, ở trong một tòa kim ốc rộng đến ba mươi do tuần.

Ông Bà la môn thiêu xác con rồi, từ đó bỏ phế việc nhà, cứ ra mộ địa khóc lóc bi ai, mạch sầu chẳng dứt. Mỗi ngày ông mỗi ra đó kêu gào kể lể: “Con trai duy nhất của ta đâu rồi?”.

Khi ấy vị chư Thiên kiếp trước là con của ông Bà la môn đang nhìn ngắm mọi vẻ huy hoàng tráng lệ của mình và tự hỏi: “Do nghiệp gì mà ta được như vậy đây?”.

Khi được biết là nhờ có tâm trong sạch đặt cả niềm tin nơi Đức Bôn Su vị chư Thiên lại nói thầm: “Ông Bà la môn này, khi trước ta mang bệnh nặng, không dám bỏ tiền chạy thuốc cho ta, bây giờ lại ra mộ địa khóc than kêu réo. Ta phải lập cách cho ông chừa bỏ tật cũ mới được”.

Liền đó vị chư Thiên liền biến thành cậu Maṭṭhakuṇḍali trở lại, xuống gần chỗ mộ địa tỏa sáng, đứng khoanh tay than khóc nức nở.

Ông Bà la môn trông thấy cậu con trai thì tự nói thầm: “Như ta vì thương nhớ con cưng mà than khóc đã đành, còn cậu nhỏ kia có việc gì mà cũng khóc lóc. Để ta hỏi thử cho biết”.

Rồi ông ứng tiếng ngâm bài kệ hỏi vị thiếu niên như vậy:

“Alaṅkato maṭṭhakuṇḍalī,
Mālābhārī haricandanussado;
Bāhā paggayha kandasi,
Vanamajjhe kim dukkhito tuvantī?”.

*“Hỡi cậu tai đeo kim hoàn,
Mình đây hoa với huỳnh đàn thơm tho
Khoanh tay rên rỉ nhỏ to,
Giữa rừng than khóc nguyên do khổ gì?”.*

Cậu trai liền đáp:

“Sovaṇṇamayo pabhassaro,
Uppanno rathapaṇṇaro mama;
Tassa cakkayugaṇ na vindāni,
Tena dukkhena jahissāmi jīvitanti”.

*“Tôi vừa mới được tức thì,
Chiếc xe không bánh vàng y sáng ngời,
Tôi tìm hai bánh hết hơi,
Khổ thân tôi phải lìa đời chết đi”.*

Khi ấy, ông Bà la môn hỏi lại:

“Sovaṇṇamayam maṇimayam,
Lohamayam attha rūpiyamayam;
Ācikkhame bhaddamāṇava,
Cakkayugaṇ paṭilābhayāmi teti”.

*“Bằng vàng, bằng ngọc ma ni,
Bằng đồng, bằng bạc, bằng gì nói ra.
Hỡi chàng son trẻ tài hoa,
Bánh xe đủ cặp, để ta cho chàng”.*

Nghe vậy vị thiếu niên nghĩ thầm: “Ông này trước đã không dám rước thầy chạy thuốc cho con, bây giờ trông thấy ta giống tạc con ông, ông ta lại làm đồng nói cho, là sẽ cho ta cặp bánh bằng vàng ngọc... để ta hạ bót ông ta xuống cho ông ta hết lớn lối”.

Thiếu niên cất tiếng hỏi: “Ông định làm cặp bánh chừng bao lớn để lắp vào chiếc xe của tôi?”.

- Cậu em muốn bao lớn cũng được, tùy ý. – Ông Bà la môn trả lời.
- Tôi muốn được mặt trời và mặt trăng. – Cậu trai đáp. – Ông cho tôi hai mặt đấy đi.

Để năn nỉ xin xỏ:

“So māṇavo tassa pāvadi,
Candasūriyā ubhayettha dissare;
Sovaṇṇamayo ratho mama,
Tena cakkayugena sobhatīti”.

*“Thiếu niên đáp lại vội vàng,
Mặt nguyệt, mặt nhật hai chàng sinh đôi,
Lấy làm hai bánh cho tôi,
Lấy xe vàng nọ, sáng ôi chi bằng”.*

Ông Bà la môn liền trách:

“Bālo kho tvamasi māṇava,
Yo tvam paṭṭhayase apaṭṭhiyam;
Maññāmi tuvam marissasi,
Na hi tvam lacchasi candasuriyeti”.

*“Rõ em khờ dại nghĩ rằng,
Em đòi những vật lằng nhằng khó lòng.
“Qua” nghĩ em sẽ mạng cùng,
Trời, trăng không thể đèo bồng một hai”.*

Nhưng thiếu niên không chịu lép, hỏi vặn lại rằng: “Tôi khóc vì đòi những vật còn thấy bóng hình, còn ông khóc người đã cách âm dương. Tôi với ông, không biết ai là kẻ ngu khờ số một?

Thiếu niên ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

*“Gamanāgamanampi dissati,
Vaṇṇadhātu ubhayattha vīthiyā;
Peto kālakato na dissati,
Ko nīdha kandatam bālyataroti”?*

*“Chúng con hình bóng vắng lai,
Sắc màu còn thấy rọi hai bên đường,
Vọng mơ đâu thấy chán chường,
Khóc là ngu dại ai nhường hơn ai?*

Nghe qua mấy lời biện bạch, ông Bà la môn như chợt tỉnh ngộ nghĩ thầm: “Cậu trai này nói đúng lý”, nên ông lên tiếng chịu thua:

*“Saccam kho vadesi māṇava,
Ahameva kandatam bālyataro;
Candatam vaya dārako rudam,
Puttam kālakatābhipatṭhayanti”.*

*“Lời em quả thật chánh nhơn,
Chính ta khóc dại khờ hơn em à!
Như đòi trăng, trẻ khóc là,
Ta đòi con đã ra ma mất rồi”.*

Đến đây bỗng dừng trút bỏ được nỗi sầu tư, nhờ nghe kịp những lời biện minh của người bạn trẻ, ông Bà la môn ngâm lên hai câu kệ tán dương ca tụng thiếu niên:

*“Ādittam vata mam santam,
Ghatasittam va pāvakam;
Vārinā vija osiñcim,
Sabbam nibbāpaye daram.
Abbahī vata me sallam,
Sokam hadayanissitam;
Yo me sokaparetassa,
Puttalokam apānudi.
Svāham abbūḷhasallosmi,
Sītibhūtosmi nibbuto;
Na socāmi na rodāmi,
Tava sutvāna māṇavāti”.*

*“Lúc trước tâm ta tợ lửa lò,
Còn châm dầu nữa, cháy thêm to.
Em đem nước tưới lên lò lửa,
Lửa tắt: lòng ta hết khổ lo,
Em nhỏ giùm ta mũi tên trù,
Cho lòng ta trắng hận ngàn thu,
Cho ta hết khổ sầu con chết,
Chẳng thế ta nào sống được ru.
Tên khổ trong tâm nhỏ sạch rồi,
Giờ ta hạnh phúc biết an vui,
Nhờ nghe giác đắc lời trai trẻ,
Thôi dứt sầu thương, khóc cũng thôi”.*

Kể đó, ông Bà la môn hỏi tiếp thiếu niên rằng:
Cậu là ai?

*“Devatā nusi gandhabbo,
Ādū sakko purindado;
Ko vā tvam kassavā putto,
Katham jānemu tam mayanti”?*
*“Cậu em là Càn Thát Bà,
Là vua Đế Thích hay chư Thiên.
Là ai? Con kể lạ, quen?
Làm sao cho lão biết tên thử nào?”.*

Thiếu niên đáp:

*“Yañca kandasī yañca rodasi,
Puttam ālāhane sayam dahitvā;
Svāham kusalam karitvāna kammam,
Tidasānam saḥabyatam gatoti”.*
*“Chính con ông khóc ông gào,
Ông đem thiêu xác bỏ vào rừng hoang.
Con nhờ thiện nghiệp thế gian,
Sanh lên Đạo Lợi dự hàng chư Thiên”.*

Khi nghe chư Thiên cho biết nguyên do như thế, ông Bà la môn hỏi nữa rằng:

*“Appam vā bahum vā nāddasāma,
Dānam dadantassa sake agāre;
Uposatthakammam vā tādīsam
Tena kammēna gatoti devalokanti?”.*
*“Ta không thấy trẻ chuyên cần,
Cúng dường nhiều ít làm duyên tại nhà,
Bát quan trai chẳng giữ qua,
Sanh lên thiên giới được là do đâu?”.*

Thiếu niên giải thích rằng:

“Ābādhikohaṃ dukkhito gilāno,
Ātūrarūpomhi sake nivesane;
Buddhaṃ vigatarajaṃ vitīṇakaṅkhaṃ,
Addakkhiṃ sugataṃ anomapaññaṃ;
Svāhaṃ muditamano pasannacitto,
Añjaliṃ ākarīṃ tathāgatassa;
Tāhaṃ kusalaṃ karitvaṃ kammaṃ;
Tidasānaṃ sahaḃyatamaṃ gatoti”.

*“Nghĩ thân bệnh hoạn khổ sầu,
Nằm nhà còn những lo âu não phiền.
Thấy Phật vô nhiễm vô khiên,
Thiện Thệ diệu trí hóa duyên qua đường,
Tâm con phấn khởi lạ thường,
Chấp tay tưởng Phật cúng dường đức tin.
Tâm thành là nghiệp siêu sinh,
Bạn cùng Đạo Lợi, thiên đình quốc vương”.*

Trong khi nghe qua những lời giảng giải của vị chư Thiên, ông Bà la môn phát sanh phỉ lặc khắp cả châu thân, để tỏ niềm hân hoan, ông ngân lên bài tán thán:

“Acchariyaṃ vata abbhutaṃ,
Añjalikammassa ayamīdiso vipāko;
Ahampi muditamano pāsannacitto,
Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāmīti”.

*“Thật là huyền diệu phi thường,
Chấp tay là nghiệp, quả dường thế u?
Tôi cũng đem hết tâm tư,
Quy y Phật Bảo kể từ hôm nay”.*

Thấy ông Bà la môn đã có chánh kiến, thiếu niên bèn dạy ông rằng:

“Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāhi,
Dhammañca saṅghañca pasannacitto;
Tatheva sikkhāpadāni pañca,
Akhaṇḍaphullāni samādiyassu.
Pānātipātā viramassu khippaṃ,
Loke adinnaṃ parivajjayassu;
Amajjapo no ca musā bhaṇāhi,
Sakena dārena ca hoti tuṭṭhoti”.

*“Hôm nay ông có tâm thành thật,
Hãy quy y cùng Phật, Pháp, Tăng.
Năm điều học, Phật cấm ngăn.
Gọi là ngũ giới, chớ hằng đơn sai.
Tội sát sanh chừa ngay tức khắc,
Của trong đời hoạn lạc đừng tham
Rượu say, nói dối không làm,*

Vợ nhà tri túc, chó nên dâm tà”.

Ông Bà la môn hoan hỷ nhận lãnh mấy lời chỉ giáo của vị chư Thiên bằng tiếng “Sādhū – Lành thay!”. Đoạn ông ngâm kệ rằng:

“Atthakāmosi me yakkha,
Hitakāmosi devatā;
Karomi tuyhaṃ vacanaṃ,
Tvamasi ācariyo mama.
Upemi saraṇaṃ buddhaṃ,
Dhammañcāpi anuttaraṃ;
Saṅghaṇca naradevassa,
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Pānātipātā viramāmi khippaṃ,
Loke adinnaṃ parivajjayāmi;
Amajjapo no ca musā bhaṇāmi,
Sakena dārena ca homi tuṭṭhoti”.

*“Chư Thiên hoặc Dạ xoa, người hỡi!
Muốn an lành lợi ích cho ta,
Tôn người làm thầy, làm cha,
Lời người ta sẽ hành qua y kỳ,
Nay tôi nguyện y Đức Phật,
Và quy y Pháp thật cao siêu,
Quy y Tăng hội đủ điều,
Thỉnh Văn đệ tử hàng triệu Thích Ca.
Tội sát sanh nguyện xa tức khắc,
Của trong đời hoạn đắc không tham,
Rượu say, nói dối không làm,
Vợ nhà tri túc chẳng ham dâm tà”.*

Khi vị chư Thiên bảo ông Bà la môn: “Này ông Bà la môn, nhà ông có nhiều tiền của, ông nên tìm đến Đức Bôn Sư cúng dường để bát, thỉnh pháp, nghe kinh và hỏi han đạo lý”.

Vừa dứt lời vị chư Thiên biến mất. Ông Bà la môn trở về nhà bảo vợ rằng: “Này bà nó! Ta sẽ thỉnh Đức Sa môn Gotama về nhà để hỏi đạo vậy bà hãy lo sắp đặt lễ vật để cúng dường chư Tăng”.

Đoạn ông đi ngay đến Tịnh xá tìm Đức Bôn Sư, gặp Ngài ông chẳng biết đánh lễ, cũng chẳng tỏ lời hoan hỷ theo pháp xã giao, ông chỉ biết nép một bên và nói: “Bạch Ngài Gotama, xin Ngài vui lòng nhận bữa Trai Tăng hôm nay tại nhà tôi, cùng chư Tỳ khuru Tăng”.

Đức Bôn Sư im lặng nhận lời.

Khi được biết Đức Bôn Sư chấp nhận lời mình, ông Bà la môn vội vã trở về hỏi người nhà lo nấu nướng vật thực loại cứng và loại mềm cho kịp giờ dâng cúng.

Đức Giáo Chủ cùng với đại chúng Tỳ khưu tùy cùng đông đảo, ngự đi bộ đến nhà ông Bà la môn và ngồi lên những chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ông Bà la môn phục dịch Đức Thế Tôn thật cung kính.

Bên ngoài quần chúng tụ tập rất đông, theo truyền ngôn khi có người tà kiến thỉnh Phật cúng dường Trai Tăng, thì có hai dạng người thường tụ hội nơi chỗ cuộc lễ để chờ nghe vấn đạo. Bên phe tà kiến nghĩ rằng: “Hôm nay chúng ta sẽ được mục kích Sa môn Gotama bối rối vì bí lối, không giải đáp được những câu vấn nạn”. Nhóm người chánh kiến lại nghĩ khác: “Hôm nay chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Chánh Giác”.

Khi thấy Đức Như Lai đã độ xong bữa Ngọ, ông Bà la môn bèn đến bên chân Ngài, ngồi xuống một chỗ dưới tháp và bắt đầu mở lời nói rằng:

- Bạch Ngài Gotama! Có người nào không từng cúng dường để bát cho Ngài, không từng nghe Ngài thuyết pháp, giảng kinh, không từng giữ Bát quan trai giới, chỉ có tâm chí thành khẩn thiết đối với Ngài không thôi, mà được siêu sanh Thiên giới hay chăng?

Đức Bôn Sư trả lời bằng cách hỏi lại câu như vậy:

- Này ông Bà la môn, tại sao ông còn chất vấn Như Lai. Vậy chứ đứa con trai cưng của ông là thiếu niên Matṭhakuṇḍali đã chẳng nói cho ông biết là cậu ấy sinh lên cõi trời chỉ vì có tâm chí thành khẩn thiết đối với Như Lai hay sao?

- Bạch Ngài Gotama! Có nói tại đâu?

- Vậy chớ hôm qua ông qua mộ địa kêu khóc, ông há chẳng thấy gần nơi thiêu xác con ông có một thiếu niên đang khoanh tay kêu khóc, rồi ông ngâm kệ hỏi như vậy hay sao:

“Hỡi cậu trai đeo kim hoàn,
Mình đây hoa với huỳnh đàn thơm tho...”.

Đức Bôn Sư đọc lại hết câu chuyện vấn đáp của hai người và kể luôn tiểu sử cậu Matṭhakuṇḍali nữa.

Do nhân duyên như vậy, Đức Thế Tôn mới thuyết lên một câu Phật ngôn:

“Na kho, brāhmaṇa, ekasatam na dve satāni atha kho mayi manam pasādetvā sagge nibbattānam gaṇanā nāma natthīti”.

“Này ông Bà la môn! Không phải một trăm, không phải hai trăm đâu, số người nhờ có đức tin trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh Thiên giới nhiều không thể đếm”.

Đám đông đang dự thỉnh còn đang bán tin bán nghi. Hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, Đức Bôn Sư bèn nguyện rằng: “Thiên tử Matṭhakuṇḍali hãy hiện xuống nơi đây với cả tòa Kim ốc”.

Thiên tử Matṭhakuṇḍali bỗng nhiên hiện đến tức khắc, bề cao ba phần tự dậm, khắp mình trang điểm bằng những vật báu cõi trời từ trên tòa đèn bằng vàng bước xuống, đánh lễ Đức Bôn Sư rồi đứng nép một bên. Khi ấy Đức Thế Tôn cất tiếng hỏi:

- Ông nhờ tạo nghiệp gì mà được phước báu cao sang đường ấy?

Rồi Đức Bôn Sur ngâm luôn bài kệ hỏi rằng:

“Abhikkantena vaṇṇena,
Yā tvam tittṭhasi devate;
Obhāsentī disā sabbā,
Osadhī viya tārakā;
Pucchāmi tvam deva mahānubhāvaṃ,
Manussabhūto kimakāsi puññanti”.

*“Chư Thiên đứng nơi kia,
Dung nhan đẹp quán thế,
Sáng đường sao một thế,
Nghe Như Lai hỏi đây,
Hỡi vị trời oai vệ,
Tạo phước gì đáng kể?”.*

Đức Bôn Sur vừa dứt lời vị chư Thiên vội vàng đáp trả rằng:

- Bạch Ngài! Con nhớ kiếp trước đặt hết niềm tin nơi Ngài mà được phước báu cao thượng này đây?

- Ông chỉ nhờ có tâm trong sạch tin tưởng Như Lai mà được như thế này phải không?

- Bạch Ngài đúng vậy.

Quần chúng trầm trồ ngắm nhìn vị chư Thiên rồi tỏ lời khâm phục rằng: “Huyền diệu thay ân huệ của chư Phật, con trai của Bà la môn Adinṇapubbaka chẳng có làm phước lành chi khác, chỉ nhờ đặt lòng tin trong sạch vào Đức Giáo Chủ mà được vinh quang đường ấy”. Và quần chúng lấy làm hoan hỷ.

Khi ấy Đức Bôn Sur phán dạy quần chúng rằng:

“Tất cả nghiệp thiện và bất thiện của con người tạo ra đều do tâm đi trước dẫn đầu, tâm làm chủ, người có tâm trong sạch tạo nghiệp gì, khi sanh lên cõi trời, cõi người nghiệp ấy vẫn còn theo dính kể cận bên mình, như hình với bóng không lúc nào rời nhau”.

Sau khi chấm dứt câu chuyện bằng cách chỉ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa Nhân quả. Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau, chẳng khác nào vị Hoàng Đế để đóng ấn ngọc tỳ lên trên chỗ đất xi để niêm phong một bức cấm nang mang tờ Thánh chỉ:

“Manopubbaṅgamādharmā,
Manosetṭhā manomayā;
Manasā ce pasannena,
Bhāsati vākaroti vā;
Tato naṃ sukkhamanveti,
Chāyāva anupāyīnīti”.

“*Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm là nghiệp duyên.
Ai mà tâm sạch lành hiền,
Nói làm chi cũng yên vui theo mình.
Ví như bóng nọ tùy hình,
Hình đâu bóng đó như in hắc hời*”.

CHÚ GIẢI:

*Tâm⁽¹⁾ đi trước⁽²⁾ các Pháp⁽³⁾
Tâm chủ⁽⁴⁾ duy tâm tác⁽⁵⁾
Nếu bằng tâm trong sạch⁽⁶⁾
Nói năng hoặc hành vi⁽⁷⁾
Phúc lạc sẽ theo người⁽⁸⁾
Như bóng theo hình thật⁽⁹⁾*

(1) Tâm hay ý (*Mano*) tức là tâm (*citta*) theo cách phân loại tổng quát thì có tất cả Tứ địa tâm (*catubbhūmikacitta*), nghĩa là tâm trong bốn cõi: Dục, Sắc, vô sắc và Siêu thế. Theo ý nghĩa trong kệ ngôn này mà phân định cho chính xác, thì đây chỉ nói riêng về tám thiện tâm ở cõi Dục mà thôi. Còn theo chuyện tích này, tâm của cậu *Matṭhakuṇḍali* là tâm câu hữu hỷ tương ưng trí (*Somanassasahagatam ñāṇasamyuttam*).

(2) Đi trước (*Pubbaṅgamā*), là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các Pháp (*Dhamma*), chỉ thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn.

Do lẽ tâm câu hữu với hỷ tương ưng trí làm duyên sanh khởi cho các uẩn kia, nên gọi là tâm đi trước. Ví như có nhiều người đồng làm phước một lượt trong một cuộc lễ dâng y, đặt bát, dâng vật dụng đến chư Tỳ khưu Tăng, hoặc chung đèn, dọn hương, treo hoa kết lưạ để cúng dường cao thượng ở một nơi thuyết pháp công cộng, thì thử hỏi: “Ai là người dẫn đầu trong nhóm ấy?”, cố nhiên ta phải trả lời rằng: “Người mà ai nấy đều nương theo để làm chung cuộc phước ấy, dầu là ông Giáp, ông Ất chỉ cũng gọi là người cầm đầu”.

Do lẽ tâm làm duyên khởi cho các pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước dẫn đầu, quả nhiên không bao giờ các pháp sanh lên mà không có tâm sanh, trái lại khi tâm sanh rồi thì cũng có một vài nhóm tâm sở không cùng sanh.

(4) Tâm chủ (*Manoseṭṭhā*) vì tâm là chúa tể các pháp, nên gọi là tâm là chủ pháp, cũng vì thủ lãnh của một đảng được tôn xưng là chúa đảng, hoặc vị chủ tịch trong cuộc nhóm họp thì được gọi là hội chủ. Nơi đây nói tâm là chủ cũng y như thế.

(5) Tâm tác (*Manomayā*): Ví như ta lấy vàng làm nguyên liệu, để chế ra nhiều món đồ kim loại, ta thường nói các món đồ ấy làm bằng vàng (*suvanṇamayā*), nghĩa là do vàng mà làm ra (*duy kim tác*), các pháp do tâm làm nguyên liệu hay bản thể mà sanh ra nên gọi là duy tâm tác cũng đồng một lý như thế.

(6) Nếu bằng tâm trong sạch (*Manasā ce pasannena*) là bằng tâm thuần thiện, không bị tham, sân, si, tà kiến làm cho nhiễm ô, như đục.

(7) Nói năng hoặc hành vi (*bhāṣati vā karoti vā*): Người có tâm trong sạch như thể nói ra toàn là 4 thứ lời lành (không vọng ngữ, lường thiệt, thô ngữ, hí ngữ), thuộc về khẩu thiện hạnh, còn làm chi cũng trong ba nghiệp lành (không sát sanh, trộm cắp, tà dâm) thuộc về thân thiện hạnh, nhược bằng không nói, không làm chi hết cũng có đầy đủ ba nghiệp lành (không tham, sân, si) thuộc về ý thiện hạnh. Lộ trình của thập thiện nghiệp trải qua ba cửa thân, khẩu, ý tròn đủ như thế.

(8) Phúc lạc sẽ theo người (*Tato sukhamanveti*): Hễ con người tạo thiện nghiệp qua thân, khẩu, ý từ giờ nào thì phúc lạc sẽ theo bên người từ giờ đó, do mười nghiệp quả ba cửa đã giải trên đây, con người được siêu sanh về nhàn cảnh để hưởng sự an vui hạnh phúc vì nơi ấy thân căn và các căn tùy thuộc gọi là thân căn tâm sở của người ấy, hằng có quả an vui theo sát một bên (hỷ thần tùy chí) chẳng khi nào rời.

(9) Như bóng theo hình thật (*Chāya vā anupāyinīti*), là như bóng rọi của thân mình luôn luôn dính liền theo thân, thân đi thì bóng cũng đi, thân đứng bóng cũng đứng, thân ngồi bóng cũng ngồi, không thể dùng biện pháp dụ dằng hay thô bạo hoặc mềm mỏng hay cứng rắn mà tách rời ra được. Chẳng hạn như nói nhỏ nhẹ “Bóng ơi! Hãy đi chỗ khác” hoặc đánh đập, la hét “Tại sao bóng cứ theo ta mãi vậy” cũng chẳng ly khai bóng với hình cho được.

Cũng như thế ấy, trên lộ trình của người, thiện nghiệp này con người đã có sẵn thiện tâm, dầu đã thực hành hay chưa thực hành, khi sanh về cõi nào nhất là cõi Dục giới thì thân căn và các thiện căn tâm sở tùy thuộc đều có quả an vui theo dính một bên, như bóng với hình không rời nhau vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp. Thiên tử Maṭṭhakuṇḍali chứng quả Dự Lưu, cả ông Bà la môn *Adiṇṇapubbaka* cũng vậy. Ông này về sau đem cả gia sản khổng lồ của mình ra gieo trồng vào phước điền ở trong Phật giáo.

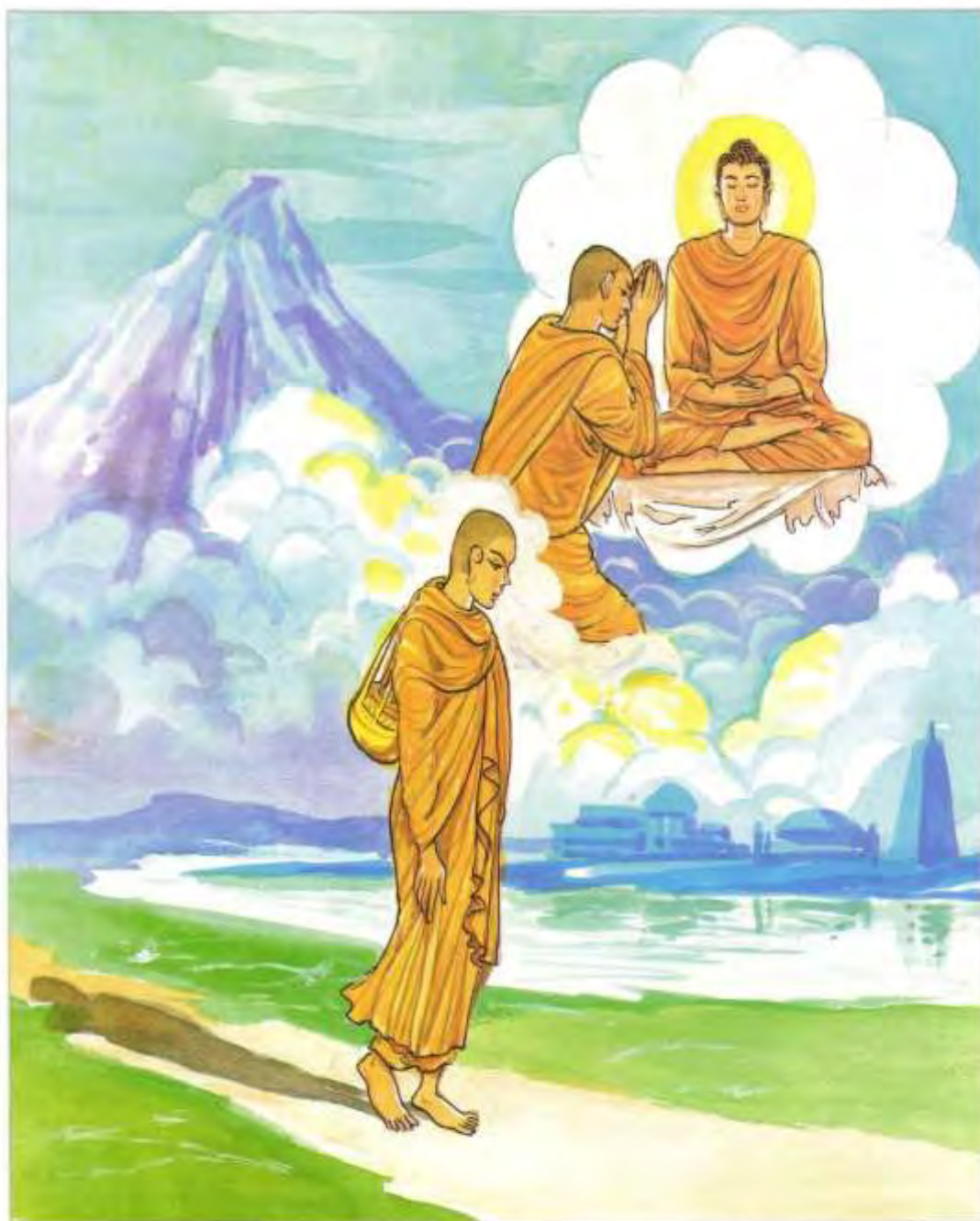


Dịch Giả Cẩn Đề

*Nhờ tâm niệm thiện chí chân thành,
Khiến cậu Kim Hoàn được vẫn sanh,
Cha đã thương tiền liêu mạng trẻ,
Phật còn nhớ nguyện độc căn lành,
Lâm chung một niệm, nhân dầu chặm,
Phước báu ngàn xuân, quả khá nhanh!
Chẳng đợi cùng đường cùng thọ giới,
Thiên đường, Kim ốc cũng thơm danh.*

DỨT TÍCH CẬU MAṬṬHAKUṆḌALI





Happiness follows the doer of good, as the shadow that leaves not the person.

02. Hạnh phúc đi theo sau người làm thiện nghiệp, như bóng không rời người.

I.3- Tích TRƯỞNG LÃO TISSA

(Tissatheravatthu)



Kệ NGÔN: (Pháp Cú câu 03-04)

03. “Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me;
Ye ca taṃ upanayhanti,
Veram tesam na sammati”.

*“Nó mắng tôi, đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp tôi,
Người cố chấp niệm ấy,
Hận lòng người chẳng nguôi”.*

04. “Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me;
Ye ca taṃ nūpanayhanti,
Veram tesūpasammattī”.

*“Nó mắng tôi, đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp tôi,
Người không chấp niệm ấy,
Hận lòng tự khắc nguôi”.*

Kệ Pháp Cú (3 và 4) này do Đức Bôn Sur đã thuyết ra, trong khi Ngài an cư tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Tissa.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Tissa vốn dòng hoàng tộc, xuất gia nhập đạo lúc tuổi đã cao niên, nhằm thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, được nhiều lợi lộc, Trưởng lão thọ dụng đầy đủ, thân thể phì mẩy đầy đà. Trưởng lão ưa đắp y giặt giữ dăn nếp thật sạch sẽ thẳng thớm, lại thích ngồi chễm chệ trong phòng nhóm Tăng hội ngay giữa chánh điện.

Nhiều vị Tỳ khuru từ phương xa mới về để yết kiến Đức Bôn Sur, trông thấy Trưởng lão, ngỡ rằng: “Chắc đây là vị cao Tăng Đại đức”, nên đến gần xin hầu hạ, nắm bóp tay chân cho Trưởng lão. Trưởng lão làm thinh nhận lời, nhưng bất ngờ thay có một vị Tỳ khuru hỏi Trưởng lão:

- Bạch Ngài, năm nay Ngài được bao nhiêu hạ? (tuổi đạo của Tỳ khuru).

- Ta chưa có hạ nào hết. Ta tuy lớn tuổi nhưng vừa mới xuất gia.

Vị sư trẻ phát nói nặng lời rằng:

- Này ông sư già mất dạy, công cao ngã mạn, không biết tự lượng, ông trông thấy các Ngài Đại đức trong nhóm đây mà không chào hỏi theo pháp. Các Ngài ngỡ ông cao hạ nên xin phục dịch ông, ông cũng làm thinh, đã vậy mà còn trân tráo, không tỏ ra vẻ gì là biết ăn năn hối ngộ.

Nói rồi vị sư trẻ bật ngón tay kêu ra tiếng trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão Tissa khí phách hãy còn hiên ngang, bị người chạm đến lòng tự tôn tự đại của dòng Sát Đế Ly (Khattiya vua chúa) bèn hỏi lại rằng:

- Các ông đến đây tìm ai?

- Chúng tôi về thỉnh an Đức Tôn Sư.

- Vậy mà đối với ta, các ông lại hỏi lẫn nhau “Ông đó là ai?” phải không? Ta sẽ nhổ tận gốc dòng họ các ông cả bây giờ.

Nói rồi, Trưởng lão Tissa vừa khóc meo máo vừa đi tìm Đức Bôn Sur, trong tâm uất ức sâu khổ lắm!

Thấy Trưởng lão, Đức Bôn Sur bèn hỏi:

- Này Tissa! Ông làm gì mà buồn rầu khô sở, mặt mày đăm lẹ, đến đây còn khóc vậy?

Nhóm khách Tăng bảo nhau: “Nếu để ông ta đi một mình, ông ta có thể gây ra nhiều chuyện rắc rối”, nên cũng đi theo Trưởng lão, đến nơi đánh lễ Đức Tôn Sur rồi ngồi qua một bên.

Sẵn dịp đó, Trưởng lão Tissa “mét” với Đức Bôn Sur:

- Bạch Ngài! Máy ông Tỳ khuru này đã mắng nhiếc tôi.

- Lúc ấy ông ngồi tại đâu?

- Bạch Ngài, trong chỗ Tăng hội, ngay chỗ giữa chánh điện.

- Máy Tỳ khuru này đến, ông có thấy không?

- Bạch Ngài! Có thấy.

- Ông có đứng dậy đi đón tiếp mấy vị này không?

- Bạch Ngài! Không có đi.

- Ông có lời xin rước bát, xách phụ đồ đạc cho mấy vị không?

- Bạch Ngài, không có hỏi.

- Ông có hỏi xin hầu hạ dâng nước cho mấy vị này không?

- Bạch Ngài, không có làm chi hết.

- Này Tissa! Đối với những Tỳ khuru lớn hạ, ông có bốn phận phải làm tất cả các việc trên đây, bởi vì ông sư nào không giữ những phép hành ấy, thì không được quyền ngồi giữa chánh điện vậy thì chính ông có lỗi, ông hãy xin sám hối với các vị Tỳ khuru này đi.

- Bạch Ngài! Máy ông này đã mắng nhiếc tôi, tôi không thể sám hối với máy ông này đâu?

- Này Tissa, không nên như thế, ông phải xin sám hối đi.

- Bạch Ngài, tôi nhứt định không sám hối đâu?

Chư Tăng thấy vậy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Ông này thật đúng là một ông sư ương ngạnh (cứng đầu).

Nghe vậy, Đức Tôn Sur bảo chư Tăng rằng:

- Này các Tỳ khuru, đây không phải là lần đầu tiên đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã tỏ ra ương ngạnh như vậy rồi.

- Bạch Ngài, hiện tại đây ông ta bướng bỉnh thế nào chúng con đã thấy biết, còn trong kiếp quá khứ chẳng hay ông ta đã làm gì?

Nghe chư Tăng hỏi, Đức Bổn Sư liền đáp:

- Nay các Tỷ khưu, nếu các ông muốn biết thì hãy lắng tai nghe.

Và Ngài nhắc lại chuyện cổ tích như vậy:

“Xưa kia, dưới triều Quốc vương Bārāṇasī, trị vì thành Bārāṇasī (Ba La Nại), có ông Đạo sĩ tên là Devila, sau tám tháng cần tu khổ hạnh trong miền núi Himalaya (Hy Mã Lạp sơn), đạo sĩ muốn về thành để an cư trong bốn tháng mưa, để tiện bề kiếm thức ăn có vị, mùi chua, mặn...

Từ miền Tuyết Sơn về đến cổng thành, đạo sĩ gặp mấy đứa nhi đồng, bèn kêu lại, hỏi thăm:

- Mấy vị xuất gia tu hành về đến thành này thường ngụ ở đâu?

- Bạch Ngài, trong trại làm đồ gốm.

Đạo sĩ xăm xăm đến chỗ trại làm đồ gốm, đứng ngoài cửa nói vọng vào:

- Xin gia chủ hoan hỷ cho bản đạo tá túc một đêm trong quý trại.

Chủ lò gốm đáp:

- Chúng tôi không có làm đêm trong trại, trại rộng có thiếu chi chỗ trống. Ngài cứ tùy tiện vào đó ngủ nghỉ.

Nói xong, chủ lò gốm cho người người quét dọn trong gian trại ngoài. Đạo sĩ Devila vừa vào trại ngồi nghỉ chân, thì bên ngoài có vị đạo sĩ khác tên là Nārada, cũng từ núi Tuyết Sơn lặn lội về thành, đến trại ông chủ lò gốm xin ngụ nhờ một đêm.

Ông chủ lò gốm nghĩ thầm: “Ông đạo sĩ đến trước có vui lòng cho ông này ngủ chung hay không, điều ấy không can gì đến ta”, nghĩ rồi bèn nói:

- Bạch Ngài, nếu vị đạo sĩ đến trước bằng lòng thì Ngài cứ tha hồ vào đó nghỉ ngơi.

Vì thế, đạo sĩ Nārada đến xin hỏi đạo sĩ Devila:

- Bạch thầy, xin thầy hoan hỷ cho tôi ngủ chung một đêm được không?

- Gian trại rộng thênh, thầy hãy vào đây nghỉ ở một phía đi.

Nghe vậy, đạo sĩ mới đi vào phía trong cổng, ngồi sau chỗ đạo sĩ Devila, hai bạn tu hành chuyện vãn hàn huyên một hồi, kẻ tới giờ tắt đèn đi ngủ.

Trước khi nằm xuống, đạo sĩ Nārada để ý ghi nhớ chỗ cửa ra vào và chỗ nằm của đạo sĩ Devila, không dè ông này không nằm ngay chỗ mình đã ngồi, mà lại đến nằm ngang cửa cái.

Ban đêm, đạo sĩ Nārada đi ra, rúi đập nhằm bính tóc của đạo sĩ Devila, ông này hỏi:

- Ai đi đập ta vậy?

- Bạch thầy, tôi. – Đạo sĩ Nārada đáp.

- Đồ giả tu, – Devila mắng – Ngươi từ rừng rú về đây để đập tóc ta phải không?

- Bạch thầy, tôi thật tình không biết thầy ra nằm đây. Xin thầy hoan hỷ thứ lỗi cho tôi.

Nói rồi, đạo sĩ Nārada đi luôn ra ngoài không lưu ý đến đạo sĩ Devila đang còn nằm khóc tức tưởi. Một lát sau, ông này nằm nói thầm một mình: “Nếu ta nằm nguyên chỗ cũ, hẳn ta trở vào và đập nhằm ta nữa”. Ông bèn nằm day đầu về phía dưới chân.

Đến khi đạo sĩ Nārada trở vào, cũng tính thầm: “Lần trước ta đi phía này, đã đập nhằm bính tóc của ông thầy, bây giờ ta đi vô phải tránh xuống phía dưới chân ông thầy mới được”. Nhưng vừa bước vô, đạo sĩ Nārada đã đập trúng cần cổ của đạo sĩ Devila, ông ta la lên: “Ai đó?”.

- Bạch thầy, tôi.

Đạo sĩ Nārada vừa lên tiếng, đã bị đạo sĩ Devila mắng rằng:

- Đồ giả tu! Lần trước đã đập bính tóc của ta, lần này lại còn đập lên cổ của ta nữa, ta sẽ nguyên rửa nhà ngươi cho mà coi.

Nghe vậy, đạo sĩ Nārada phân trần, biện minh rằng:

- Bạch thầy, khi đi vô thì tôi nghĩ rằng: “Lúc này tôi đã đập trúng tóc của thầy, bây giờ ta phải đi phải dưới chân của ông thầy”, không phải lỗi nơi tôi vì tôi không biết thầy nằm như vậy, tôi lỡ đập nhằm, xin thầy hoan hỷ miễn thứ.

- Đồ giả tu! Ta sẽ nguyên rửa nhà ngươi.

- Xin thầy đừng làm như vậy.

Không đếm xỉa đến lời xin lỗi của đối phương, đạo sĩ Devila cất tiếng nguyên rửa rằng:

“Sahassaramsi satatejo,
Suriyo tamavinodano;
Pāto udayanto suriye,
Muddhā te phalatu sattadhāti”.

*“Với nghìn tia sáng, trăm ngọn lửa,
Mặt trời quét sạch cảnh u minh.
Cho đầu ngươi nứt ra bảy mảnh,
Lúc mặt trời mai lộ dạng hình”.*

Đạo sĩ Nārada nói:

- Thầy ơi! Tôi là người không có lỗi chi mà thầy chẳng kể lời tôi, cứ nguyên rửa đại như thế, ai có lỗi thì người ấy bị nứt đầu, chứ người vô tội có hề chi.

Nói rồi đạo sĩ Nārada cũng thốt lời nguyên rửa lại:

“Sahassaramsi satatejo,
Suriyo tamavinodano;
Pāto udayanto suriye,
Muddhā te phalatu sattadhāti”.

*“Với nghìn tia sáng, trăm ngọn lửa,
Mặt trời quét sạch cảnh u minh.”*

*Cho đầu người nứt ra bảy mảnh,
Lúc mặt trời mai lộ dạng hình”.*

Đạo sĩ Nārada vốn là một bậc thần thông quảng đại, có thể biết được bốn mươi kiếp quá khứ, bốn mươi kiếp vị lai, cộng chung là tám mươi kiếp trái đất (kappa). Sau khi nguyên rửa, đạo sĩ hỏi: “Ai sẽ mắc lời thề độc này?”, nhờ tịnh tâm quán xét đạo sĩ thấy biết: “Ông này sẽ bị bể đầu”, nên động mỗi từ tâm muốn ra tay tế độ, bèn dùng thần lực ếm không cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng trong thành thấy mặt trời không mọc, kéo nhau đến cửa hoàng cung than khóc, kêu ca rằng: “Lịnh thiên tử là chúa cả giang san thiên hạ, ngày nay mặt trời không mọc, mong ân lịnh Thiên tử sử dụng vương quyền khiến sai mặt trời mọc lên cho con dân được nhờ”.

Đức vua tự thẩm xét các nghiệp do thân, khẩu, ý của mình đã tạo, thấy không có điều chi phạm lỗi đối với Thánh thần hoặc Tiên vương, bèn nghĩ thầm: “Vì duyên có nào đây? Chắc có lẽ các vị xuất gia đạo sĩ đã tranh chấp nhau đây chứ gì?”.

Để dứt lòng nghi, đức vua phán xét hỏi dân chúng rằng:

- Trong thành hiện nay, có vị xuất gia tu hành nào chăng?

- Muôn tâu Thánh thượng! Chiều hôm qua có hai vị đạo sĩ mới đến, tá túc tại trại đồ gốm.

Nghe vậy, đức vua lập tức truyền lịnh khiến quân thấp đuốc soi đường, đoạn Ngài thân hành ngự giá đến trại đồ gốm, đánh lễ đạo sĩ Nārada xong, ngồi xuống một bên rồi hỏi bằng kệ rằng:

“Kammantā nappavattanti,
Jambūdīpassa nārada;
Kena loko tamobhūto,
Tam me akkhāhi pucchitoti”.

*“Kính bạch Na La Đa đạo sĩ,
Cõi Diêm Phù bởi lý do chi,
Bóng đêm bao phủ khắp tứ vi,
Khiến cho dân chúng không đi ăn làm.
Chắc có lẽ Ngài am hiểu đạo,
Trẫm xin Ngài chỉ giáo phân minh”.*

Đạo sĩ Nārada đem hết sự việc thuật lại cho vua nghe, rồi nói:

- “...Vì lẽ ấy, Ta bị đạo huynh này nguyên rửa và ta cũng có nguyên rửa lại như vậy. Ta không có lỗi chi, nếu ai có lỗi thì cho đầu này nứt ra làm bảy mảnh. Nhưng sau lời nguyên, ta chú tâm quán xét tìm coi ai sẽ mắc lời thề độc, thì ta hiểu biết là khi mặt trời ban mai vừa lộ dạng, đầu của đạo huynh đây sẽ nứt làm bảy mảnh, bởi vì lòng từ bi, không nỡ để cho đạo huynh ấy bị nạn, ta đã cầm mặt trời lại không cho mọc lên.

- Bạch Ngài! Làm sao cho vị đạo sĩ này khỏi bị tai hại?

- Nếu đạo huynh ấy chịu sám hối với ta thì khỏi bị tai hại.

- Vậy thì đạo trưởng hãy sám hối với Ngài đi.
- Hấn đã đập tóc, đập cổ ta, không bao giờ ta lại đi sám hối với kẻ giả tu như thế.
- Bạch đạo trưởng! Đừng nên làm thế hãy chịu sám hối đi.
- Ta không sám hối đâu?
- Đầu đạo trưởng sẽ bị nứt ra làm bảy mảnh.

Dầu nghe lời hăm dọa như thế, đạo sĩ Devila cũng nhứt quyết không chịu sám hối, khi ấy đức vua phán:

- Chắc đạo sĩ này không tự mình xuống nước nhận lỗi phải không?

Nói rồi, đức vua truyền lệnh cho thị vệ nắm tay, nắm chân, nắm lưng, nắm cổ của đạo sĩ Devila, đè ông ta xuống bắt phải mọp đầu dưới chân đạo sĩ Nārada.

Đạo sĩ Nārada nói: “Thôi, thầy (ācariya) hãy bình thân, ta miễn lỗi cho thầy rồi đó”. Rồi đạo sĩ Nārada tâu với đức vua:

- Tâu Đại Vương! Vì đạo huynh đây không tự mình chịu sám hối, xin Đại Vương hãy ra lệnh đem ông ta đến một cái ao hồ, không xa độ thành, để hòn đất lên đầu ông ta và bắt ông ta đứng dưới sâu ngập tới cổ.

Đức vua làm y như lời, rồi đạo sĩ Nārada dặn đạo sĩ Devila:

- Bạch thầy! Tôi sẽ thị hiện thần thông, khiến cho mặt trời mọc lên, khi ấy thầy lặn xuống dưới nước và trời đầu lên ở một nơi khác và chạy đi luôn.

Đức Bôn Sư thuyết tích này, còn giải thêm rằng:

“Này các Tỳ khuru, đức vua lúc bấy giờ là Ānanda, Devila nay là Tissa và Nārada chính là Như Lai. Thuở xưa ông ta cũng tỏ ra bướng bỉnh, ương ngạnh như thế đó”.

Đức Bôn Sư quay qua dạy thêm Trưởng lão Tissa, đoạn Ngài kết luận rằng:

- Này Tissa, nếu Tỳ khuru nào cố chấp mãi trong tâm như vậy: “Ông đó nhiếc mắng tôi, ông đó đánh đập tôi, ông đó áp chế tôi, thì Tỳ khuru đó sẽ không nguôi ngoai được mỗi căm thù, hờn giận. Nhưng nếu tỳ khuru ấy không cố chấp niệm ấy trong tâm thì tự khắc nỗi căm thù oán hận sẽ nguôi ngoai”.

Tiếp sau đó, Đức Bôn Sư nói lên bài kệ sau đây:

“Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
 Ajini maṃ ahāsi me;
 Ye ca taṃ upanayhanti,
 Veramaṃ tesamaṃ na sammati”.

“Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
 Ajini maṃ ahāsi me;
 Ye ca taṃ nūpanayhanti,
 Veramaṃ tesūpasammattī”.

“Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
 Áp chế tôi, cướp giật tôi kia mà.

Người còn cố chấp phiền hà,
 Hận lòng người ấy chắc là khôn nguôi”.
 Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
 Áp chế tôi, cướp giật tôi kia mà.
 Người không cố chấp phiền hà,
 Hận lòng người ấy chắc là chóng tan”.



CHÚ GIẢI:

Nó mắng⁽¹⁾ tôi, đánh⁽²⁾ tôi,
 Áp chế⁽³⁾ tôi, cướp⁽⁴⁾ tôi.
 Người⁽⁵⁾ cố chấp niệm ấy⁽⁶⁾,
 Hận lòng người ấy chẳng nguôi⁽⁷⁾

.....
 Người không chấp niệm ấy⁽⁸⁾,
 Hận lòng người sẽ nguôi⁽⁹⁾.

- (1) Nó mắng (*Akkocchi*), đây là nhiếc mắng, chửi rủa.
- (2) Đánh (*Avadhi*) là đánh đập.
- (3) Áp chế (*Ajini*) là bắt phải khuất phục bằng lời nói xuôi ngược, hoặc việc làm cao thấp để đè ép.
- (4) Cướp (*Ahāsi*) là giật lấy, sang đoạt của cải, tài vật, nhất là y của nhà sư.
- (5) Người (*Ye*): Là bất luận ai, kể cả chư Thiên và nhân loại, tại gia hoặc xuất gia.
- (6) Cố chấp niệm ấy (*Taṃ upanayhanti*): Là cứ ôm ấp, chất chứa trong tâm rằng “Nó đánh tôi, nó mắng tôi” rồi hờn giận mãi, chẳng khác nào người lấy nhiều nước cỏ thơm (*kusa*) che đầy mớ cá uơn, chở trên một chiếc xe bò.
- (7) Hận lòng người chẳng nguôi (*Veraṃ tesam na sammati*): Ở những người cố chấp như trên, hề có sự cảm hờn nổi lên ắt là không nguôi ngoai, không lắng dịu được.
- (8) Người không chấp niệm ấy (*Ye ca taṃ nūpanayhanti*): Là không nhớ tường, không lưu tâm để ý, hoặc là biết suy nghĩ về nghiệp quả, nên dù có bị mắng, bị đánh, bị áp đảo, bị cướp bóc cũng không hờn giận: “Hồi trước chắc mình có mắng người, có đánh người, có áp đảo người, có cướp bóc người, nên nay người mới trả đũa lại, nghĩ như vậy nên không cự thù, chuốc oán”.
- (9) Hận lòng người sẽ nguôi (*Veraṃ tesūpasammati*): Người sau này có dễ dãi quên mình, để cho sự sân hận sanh lên, thì mỗi cảm thù tự khắc cũng nguôi ngoai tan rã, nhờ không cố chấp, cũng như lửa không gặp bồi (nhiên liệu) hay dầu vậy.



Thời pháp vừa dứt, một trăm ngàn vị Tỳ khưu đắc Thánh quả Tu Đà Hườn, kỳ dư đại chúng thính pháp đều được hưởng sự lợi ích và số người bướng bỉnh, ương ngạnh nhờ đó trở nên mềm mỏng dễ dạy.



Dịch Giả Cần Đề

*Thấy lỗi người, không thấy lỗi mình,
Hận lòng, Trưởng lão khó làm thinh.
Quyết đưa cả nhóm ra hài tội,
Nào nhận riêng ta đáng phạt hình.
Mãn cây thân già, dòng dõi quý,
Mà quên hạ nhỏ, bạn bè khinh.
Lắng nghe Phật thuyết nhân tiên nghiệp,
Giải được tâm thù hận chúng sanh.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA





The hatred of those who mull over the wrong done to them keeps on growing.

03. Nỗi hận thù tiếp tục tăng lên trong lòng những ai nghĩ mãi đến sự bất công mà kẻ khác gây cho họ.



Those who do not mull over the harm done to them are appeased.

04. Những ai không nghĩ đến điều tai hại mà kẻ khác gây cho họ, sẽ được nguôi dần.

I.4- Tích NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA

(Kālīyakkhinīya upatti vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 05)

“Na hi verena verāni, Sammantīdha kudācanam; Averena ca sammanti, Esa dhammo sanantanoti”.	<i>“Đời này hận rửa hận, Muôn thưở chẳng sạch thù. Từ bi rửa sạch hận, Là định luật thiên thu”.</i>

Kệ Pháp Cú số 5 này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến nàng Vañhiṭṭhim (Thạch Nữ).

Tương truyền rằng: Thưở ấy có một công tử thiếu niên, khi cha mới qua đời, một tay cậu chăm lo phụng dưỡng từ thân vừa phải đảm đang coi sóc mọi việc trong nhà, ngoài ruộng.

Bà mẹ thấy con đơn chiếc, mới bảo cậu rằng:

- Để má lo bề gia thất cho con, nghe không.
- Má ơi! Má đừng nói chuyện ấy, má còn sống đến ngày nào con nguyện ở vậy nuôi má đến ngày ấy, cho đến trọn đời.
- Con à, một mình con mà gánh vác luôn cả mọi việc ruộng nương nhà cửa, lòng má áy náy không vui, con để má lo đời bạn cho con.

Thiếu niên từ chối nhiều phen, nhưng bà mẹ cứ thúc giục, dỗ dành mãi, nên cậu làm thỉnh nhận chịu.

Khi ấy, mẹ cậu ra đi, định đến dạm hỏi con gái của một gia đình nọ, thiếu niên muốn biết ý mẹ, bèn nói với rằng:

- Má định nói con ai vậy?
- Cô con gái nhà ông Mỗ, bà mẹ đáp.

Thiếu niên nghe rồi, cảm mẹ lại và ngỏ lời chỉ nhà cô gái mà cậu ưng ý.

Chiều lòng con, bà mẹ đi ngay đến nhà ấy, dạm hỏi con gái chủ nhà cho con trai mình, định ngày làm lễ cưới. Và đến ngày ấy rước dâu về, cho con có người nội trợ.

Cô vợ hiếm hoi, ở với chồng một thời gian khá lâu mà không sinh nở, thấy vậy bà mẹ bảo người con trai:

- Con à! Con vợ mà con ưng ý, biểu má cưới đem về, bây giờ mới biết là nó hiếm hoi, không sanh nở được. Chẳng lẽ để nhà ta tuyệt tự vì không con nối dòng, con để má kiếm đứa khác cho con.

Thiếu niên không chịu, đáp tắt ngang: “Thôi đi má”, nhưng bà mẹ chẳng nản lòng, cứ theo òn ỉ nói mãi.

Cô Vañhiṭṭhim nghe lõm được chuyện này, tự nghĩ: “Áo mặc sao qua khỏi đầu, làm con làm sao cãi được lời cha mẹ. Một mai chồng ta cưới vợ bé đem về, nếu nó có con chắc mọi người trong gia đình sẽ cung trọng nó mà khinh rẻ ta, xem ta như hạng tôi đòi. Ôi! Hay là ta hãy kiếm vợ bé cho chồng, để ta được trọn quyền chọn lựa người theo ý muốn của ta”.

Thế rồi cô Vañhiṭṭhim lân la đến một gia đình nọ, dạm hỏi một cô thiếu nữ để làm vợ bé cho chồng, nhưng ban đầu cô ta bị cha mẹ cô gái cự tuyệt, hỏi rằng:

- Thím ơi! Sao thím nói gì lạ vậy?

- Dạ! Bởi vì tôi hiếm hoi, không thể sanh con cho chồng tôi khỏi tuyệt tự... nếu dì nó đẻ con trai, dì nó sẽ được trọn quyền cai quản cả gia đình, làm chủ luôn cả tài sản nữa.

Sau cùng, cô Vañhiṭṭhim thuyết phục được gia đình cô gái và dặt cô ta đem về, cho làm vợ bé chồng mình.

Nhưng rồi tâm cô Vañhiṭṭhim nảy sanh như vậy: “Nếu con nhỏ này sanh con trai hoặc con gái thì một mình nó sẽ nắm hết quyền hành trong nhà ta. Ta phải mưu tính cách nào, không cho nó sanh con mới được”.

Thế nên, cô đình ninh dặn dò cô vợ bé rằng:

- Dì nó à! Khi nào dì cần thai thì báo cho chị biết nghe không.

Cô vợ bé vô tình đáp lại: “Dạ...dạ”.

Y theo lời hứa, khi biết mình có nghén, cô vợ bé bèn báo tin cho cô Thạch Nữ hay.

Cô này đã có dụng ý từ trước, nên hằng ngày thường làm ra vẻ yêu thương, tự tay nấu cơm cháo bưng đem cho cô vợ bé ăn.

Khi biết được tin cô vợ bé thọ thai, cô ta bèn trộn lẫn thuốc phá thai vào vật thực cho cô vợ bé và kết quả là cái thai bị xảo.

Cô vợ bé thọ thai lần thứ hai, cũng thiệt tình nói cho cô Thạch Nữ biết, cô này lại hạ độc thủ, làm cô vợ bé trụ thai lần thứ hai.

Các phụ nữ lối xóm, có người tò mò hỏi cô vợ bé rằng: “Có phải chị bị bà lớn lập tâm hãm hại chăng?”.

Cô vợ bé bèn tỏ hết tâm sự gia đình, liền bị các cô bạn trách rằng: “Chỉ có chị là mù quáng, đại dốt mới tin nghe vợ lớn như vậy. Con mẹ sợ mất chủ quyền trong nhà,

nên hốt thuốc phá thai cho chị uống, chị tin lời con mẹ nên mới bị hư thai, từ rày đừng thèm nghe theo con mẹ nữa”.

Mấy lời rĩ tai nói nhỏ của mấy cô bạn láng giềng khiến cho cô vợ bé sinh nghi, nên khi có thai lần thứ ba, cô ta không tiết lộ cho cô vợ lớn biết, nhưng rồi bụng càng ngày càng to cô ta bị vợ lớn hạch hỏi rằng: “Sao dì có thai mà không báo cho chị biết?”.

Túng nước, cô vợ bé phải đáp thật rằng: “Chị đã báo hại làm cho em hư thai hết hai lần rồi, bây giờ bảo em nói cho chị biết nữa hay sao?”.

Cô Vañhithim nghĩ thầm: “Muru kế của ta bị bại lộ rồi”. Từ đó, cô ta rình rập, chờ dịp nào cô vợ bé sơ ý ra tay, đến khi cái thai đã lớn, cô ta mới gặp cơ hội, bèn trộn thuốc phá thai vào thanh thuốc bổ của cô vợ bé.

Cái thai đã già ngày tháng, nên không xảo ra, quay lại nằm ngang cửa tử cung, dựng phụ nghe dạ dưới đau trần dử dội nghi mình sắp thiệt mạng vì tay cô vợ lớn, nên vừa khóc vừa thề nguyện rằng: “Một tay mày sát hại ba đứa con tao. Bây giờ tới tao cũng chết vì tay mày, chết rồi tao sẽ đầu thai làm nữ Dạ Xoa (Yakkhinī) để ăn thịt mấy đứa con mày lại mà rửa hận”.

Dứt lời, cô ta tắt hơi luôn, thọ sanh làm con mèo cái (majjārī) trong nhà.

Còn cô Vañhitthim bị chồng lôi ra mắng rằng:

- Con ác phụ, mày đã báo hại làm cho tao phải tuyệt tự.

Chưa đã con giận, chồng cô còn thúc cùi chỏ, lên gối, thẳng tay đấm đá một cách tàn nhẫn.

Bị trận đòn chí tử, cô Vañhitthim đau nặng bỏ mình luôn, chuyển kiếp làm con gà mái trong nhà.

Không bao lâu, con gà mái lớn lên, bắt đầu đẻ trứng, con mèo rình ăn trộm ổ trứng đầu tiên của nó. Lứa trứng thứ hai, thứ ba cùng con gà mái cũng bị ăn luôn. Con gà mái căm thù con mèo mới thề rằng:

- Mày ăn của tao hết ba lứa trứng, bây giờ còn muốn ăn thịt của tao nữa, tao mà chết rồi đầu thai kiếp khác tao thề sẽ ăn thịt lũ con mày lại báo oán.

Thế rồi con gà mái chết, đầu thai làm con beo cái, còn con mèo cái khi chết đầu thai làm con nai cái.

Đến khi con nai cái sinh con, ba lần đều bị con beo cái tìm đến ăn thịt con cả ba lần. Khi biết mình sắp chết, con nai cái thề rằng: “Mày ăn thịt con tao ba lần, bây giờ còn sắp ăn thịt tao nữa, tao thề kiếp sau sẽ ăn thịt cả mày lẫn con mày mới hả dạ tao”.

Nguyện rồi, con nai cái chết hóa thân làm Hắc Nữ Dạ Xoa (bà chằn đen), còn con beo cái sau khi chết, đầu thai làm con gái một gia đình Trưởng giả ở kinh thành Sāvattthī.

Cô con gái lớn lên được gả về làm dâu trong một gia đình ở tận cổng làng, đến khi thiếu phụ sanh đưa con đầu lòng, Dạ Xoa cái hiện đến hóa hình giống như bạn chí thân của thiếu phụ, giả vờ hỏi thăm người nhà của thiếu phụ rằng:

- Chị bạn thân thiết của tôi đâu?

- Nằm ở trong buồng, mới sinh con.

Nghe vậy, nữ Dạ Xoa nói:

- Để tôi vô thăm coi sanh trai hay gái.

Dạ Xoa vô buồng giả vờ ẵm đứa hài nhi sơ sinh, ăn thịt rồi biến mất.

Lần thứ hai thiếu phụ sinh con, cũng bị nữ Dạ Xoa hiện đến ăn thịt như thế.

Đến lần thứ ba, khi mang thai gần đến ngày sinh, thiếu phụ bảo chồng rằng: “Mình ơi! Tại đây có con chằn cái, nó đã ăn thịt con ta hai lần rồi, kỳ này em muốn về nhà ba má em để nằm chờ”.

Và thiếu phụ sanh đưa con thứ ba tại nhà cha mẹ ruột của mình tại thành Sāvattthī.

Trong khi ấy nữ Dạ Xoa có phận sự phải đi đội thuyền nước.

Vì tất cả Dạ Xoa ở quốc độ của vua Vessavana (Tỳ Sa Môn) là vị Đại Thiên Vương trấn thủ phương Bắc, đều bị bắt đi đội thuyền nước từ hồ Anottattā (Thiên Lãnh). Công việc làm sau này kéo dài đến bốn năm tháng, khi được phóng thích, các Dạ Xoa khác đều bị bỏ mạng vì quá nhọc xác.

Còn Dạ Xoa Kālī (Hắc nữ), khi mãn hạn được thả ra, lật đật trở lại nhà của thiếu phụ và hỏi rằng:

- Cô bạn của tôi đâu?

- Cô ấy lánh mặt đi nơi khác rồi, kiếm không gặp đâu. Vì ở đây có sanh đứa con nào cũng bị bà chằn tinh tới bắt ăn thịt hết, nên kỳ này cô về nhà cha mẹ ruột của cô rồi.

Nghe đáp như vậy, nữ Dạ Xoa lấy làm tức tối, nói thầm một mình: “Dầu cho đi đường nào, mày cũng không thoát khỏi tay tao”, lòng đang sôi sục hận thù, nó vụt chạy về phía trong thành Sāvattthī.

Ngày ấy, nhằm ngày lễ đặt tên cho đứa con mới sinh, thiếu phụ tắm rửa cho con sạch sẽ, đặt tên cho nó và nói cho chồng:

- Anh ạ! Bây giờ chúng mình trở về nhà.

Nói đoạn, thiếu phụ bỗng con theo chồng lên đường trở về chốn cũ.

Khi đi ngang qua Tịnh xá Jetavana, tới chỗ ao hồ, thiếu phụ trao con cho chồng ẵm, lội xuống tắm dưới ao, tắm xong nàng lên bờ ẵm con cho chồng xuống tắm. Thiếu phụ đứng trên bờ hồ đang cho con bú, bỗng thấy dáng con Dạ Xoa lù lù chạy tới. Khi nhận biết đích xác là nó rồi, thiếu phụ lớn tiếng ríu rít kêu chồng: “Anh ơi! Anh ơi! Mau lên, con Dạ Xoa nó tới đây rồi nè”.

Liệu chồng lên không kịp, thiếu phụ ẵm con quày quả cắm đầu chạy ngay vào trong Tịnh xá.

Lúc bấy giờ, Đức Bôn Sur đang ngồi thuyết pháp giữa tứ chúng. Thiếu phụ đặt đứa hài nhi dưới chân Đức Như Lai, rồi bạch rằng: “Con xin cúng dường Đức Ngài đứa con nhỏ này, xin Ngài từ bi tế độ cứu sanh mạng con của con”.

Ngoài cổng tam quan, nữ Dạ Xoa bị chư Thiên Sumana (Thiện Ý) đứng trấn giữ nơi đó chặn lại, không cho vào Tịnh xá. Đức Bôn Sur bèn kêu Đại đức Ānanda và dạy rằng:

- Này Ānanda, hãy ra gọi nữ Dạ Xoa vào. Thiếu phụ la lên:

- Bạch Ngài! “Nó” vào đó.

Đức Bôn Sur bảo:

- Cứ để yên cho nó vô, đừng làm ồn.

Khi nữ Dạ Xoa vào đến nơi, đứng trước Đức Bôn Sur, Ngài khiển trách rằng:

- Tại sao người làm như vậy? Nếu các người không có duyên lành được diện kiến một vị Phật như Ta, thì các người còn buộc oan trái với nhau mãi mãi cho đến hết một kiếp của quả địa cầu này (kappa) như con rắn với con mòng thử (Nāgamissatha) hề gặp nhau là run rẩy, sừng sộ, sôi sục hận thù, hay như con quạ với con chim cú vậy.

Tại sao các người lấy hận rửa hận, lấy oán báo oán, thù hận chỉ có thể dập tắt bằng từ bi, chứ không phải bằng hận thù được.

Nói rồi Đức Bôn Sur đọc bài kệ:

“Na hi verena verāni,
Sammantīdha kudācanam;
Averena ca sammanti,
Esa dhammo sanantanoti”.

*Khắp cùng trên cõi nhân gian,
Có đâu thù hận dẹp tan hận thù.
Từ bi cởi mở hận thù,
Đó là định luật thiên thu lưu truyền”.*

CHÚ GIẢI:

“*Đời này hận rửa hận*” – *Muôn thưở chẳng sạch thù* (*Na hi verena verāni, sammantīdha kudācanam*): Chẳng khác nào ta lấy nước dơ như nước bọt, nước mũi chẳng hạn, để rửa chỗ dính phần uế, thì không chỗ nào sạch sẽ thơm tho được, trái lại chỗ rửa ấy càng nhơ nhớp hôi thúi lên. Cũng như thế khi bị người mắng, mắng lại người, khi bị người đánh, đánh lại người, để mong trả thù rửa hận thì mỗi oan trái đó sẽ không giải tỏa, mà còn thắt chặt thêm và hận thù cũng chẳng được trấn an nên ngày càng tăng trưởng.

“*Từ bi rửa sạch hận thù*” (*Averena ca sammanti*): Chẳng khác nào lấy nước trong sạch để tẩy rửa vết nước miếng, nước mũi, phần uế, thì chỗ rửa ấy mới được sạch sẽ, hết mùi hôi thối.

Cũng y như thế vết nhơ hận thù nhờ thứ nước nhẫn nhục, từ bi tẩy sạch được, người biết lưu tâm chiêm nghiệm, thấu triệt được chân lý thì tự khắc bao nhiêu hận lòng cố kết, cũng đều tan rã.

“*Là định luật thiên thu*” (*Esa dhammo sannantanoti*):

Pháp dùng nước từ bi để tẩy sạch hận thù là một pháp hoàn toàn bất di bất dịch, đã có từ ngàn xưa mà tất cả chư Phật Độc Giác và Thinh văn Giác đều công nhận.



Bài kệ vừa dứt, nữ Dạ Xoa chứng được quả Tu Đà Hườn, thính chúng câu hội nơi ấy cũng đều hưởng được sự lợi ích.

Kế đó, Đức Bổn Sư bảo thiếu phụ:

- Con hãy trao đũa hài nhi qua nữ Dạ Xoa.
- Bạch Ngài, con không dám.
- Chớ nên sợ vô lý, không can gì đâu.

Thiếu phụ bạo gan đưa con mình qua tay nữ Dạ Xoa, nữ Dạ Xoa tiếp ẩm đũa bé vào lòng, hôn hít, nựng nịu rồi trao trả lại cho mẹ nó, rồi phát khóc âm ức. Đức Bổn Sư liền hỏi:

- Sao ngươi lại khóc?
- Bạch Ngài, lúc trước con dùng đủ phương này chước nọ để nuôi mạng sống mà còn đói lên đói xuống, không được no lòng, bây giờ con sẽ sống bằng cách nào đây.
- Ngươi chớ nên quá lo âu.

Sau khi an ủi Dạ Xoa, Đức Bổn Sư quay qua bảo thiếu phụ rằng:

- Con hãy đem nó về nhà, cho nó ở chung và cấp dưỡng cao lương mỹ vị cho nó.

Thiếu phụ dắt nữ Dạ Xoa về nhà, cho ở một chái phía sau và hằng ngày cúng dường cơm cháo bánh trái, toàn thứ ngon lành thượng hạng.

Tối khi trong nhà đập lúa, Dạ Xoa thấy đòn xóc giơ lên cao, sợ giáng xuống trúng đầu mình nên nói với thiếu phụ:

- Tôi không thể nào ở đây lâu hơn nữa, bạn kiếm cho tôi một chỗ khác.

Thiếu phụ đưa Dạ Xoa đi lựa chỗ, lần lượt từ chái nhà kho trừ đòn xóc và nhà tắm vào nhà bếp vào chòi dựa xoài, rồi ra chỗ đồng rác, ra tận cổng làng... Đến chỗ nào Dạ Xoa cũng lắc đầu không chịu ở, nói rằng: “Ở đây thấy đòn đập lúa giơ lên xuống, tôi sợ trúng nhằm đầu tôi sẽ bể hai... Ở đây con nít tạt xối nước dơ... Ở đây có chó nằm... Ở đây trẻ con phóng uế... Ở đây người ta đổ rác.. Ở đây, lũ trẻ trong làng làm thầy coi tướng v.v...”.

Cuối cùng, thiếu phụ đưa nữ Dạ Xoa ra tới ngoại ô, chọn một địa điểm an tịnh vắng

lặng. Nữ Dạ Xoa bằng lòng ở đó, hằng ngày thiếu phụ vẫn đem món ăn thượng vị cung cấp cho nó.

Nữ Dạ Xoa tự nghĩ: “Cô bạn của ta đối xử với ta rất mực thâm tình, ta phải làm sao đền đáp ân đức trọng hậu của người trong muôn một”.

Rồi nữ Dạ Xoa nói cho cô bạn biết rằng: “Năm nay trời sẽ mưa nhiều, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất gò”.

“Năm nay nắng hạn, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất bưng”.

Nhờ đó, năm nào thiếu phụ cũng được trúng mùa, cửa nhà sung túc, trong khi mùa màng của những người khác đều bị hư hại vì mưa già hay nắng hạn.

Bạn bè hàng xóm hỏi thăm thiếu phụ: “Này chị sao mùa màng của những người khác đều bị hư hoại, mùa màng của chị gặp năm dư nước, thiếu nước chị cũng không bị hư hại như của người khác, hình như là từ khi đầu mùa chị đã tiên đoán biết trước năm nào mưa dầm, năm nào nắng hạn vậy phải không? Hay là chị làm cách nào?”.

Thiếu phụ tỏ thật rằng:

- Tôi có cô bạn nữ Dạ Xoa, cô ta tiên đoán biết trước thời tiết mỗi năm mưa nhiều hay nắng nhiều, đều có nói cho chúng tôi hay, chúng tôi theo lời cô ta chỉ dẫn mà làm mùa, nhờ vậy năm nào chúng tôi cũng trúng. Vậy chứ bà con không thấy ngày ngày chúng tôi đem cơm cháo, bánh trái đi ra hay sao? Đó là những vật thực chúng tôi đem đến cung cấp cho cô ta vậy. Bà con muốn cậy cô ta chỉ biểu giùm cho, thì cứ đem vật thực ngon lành đến biểu cô ta là được chứ gì.

Khi ấy, cư dân trong thành tranh nhau mang lễ vật đến.

Từ đó về sau, nữ Dạ Xoa làm bà thầy hướng dẫn nông nghiệp cho mọi người, được cúng dường lợi lộc dồi dào và quy tụ rất đông tín đồ đệ tử.

Sau đó, bà ta có lập ra tám thứ thực phẩm do người bắt thăm dâng cúng (Salākabhaddāni) và cái lệ này vẫn còn gìn giữ cho đến ngày nay.



Dịch Giả Cần Đề

*Tranh chấp tranh quyền nghịch lẫn nhau,
Giết con tình địch họa càng sâu.
Gà beo, lợn kiếp hai đời khổ,
Chẳng, thú, bàng sanh mấy đọa sầu.
Có oán nào từng vui đến trước,
Thâm thù chỉ để hận về sau.
Vâng lời Phật dạy: Từ, bi, xả,
Cùng sống nương theo lý đạo mầu.*

DỨT TÍCH NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA

CHÚ GIẢI:

I- Ngài Buddhaghosa, tác giả bộ Chú Giải Pháp Cú Kinh, là một Tỷ khưu ở xứ Thaton, dòng dõi Bà la môn xuất gia theo Phật giáo vào thế kỷ thứ V, Ngài rất thông suốt Tam Tạng và được Phật giáo Nam Tông xem là một vị Thánh Tăng, đã có công chấn chỉnh Phật giáo suy đồi ở Tích Lan, hủy bỏ những kinh điển mà Ngài cho là không đúng đường lối của Đức Phật và có viết lại bằng Pāli những Bộ Chú Giải, nhất là bộ Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) mà chư Tăng ngày nay lấy làm kinh chánh để tu học về GIỚI – ĐỊNH – TUỆ.

Tuy nhiên, gần đây có một số chư Tăng ở Thái Lan bắt đầu ngờ vực những công trình của Ngài. Vì lẽ, dòng dõi Bà la môn của Ngài bao giờ cũng có chủ tâm dẹp bỏ Phật giáo, hay ít nhất cũng hạ bệ Phật và sắp Ngài vào hàng dưới Phạm Thiên của họ, biết đâu chừng những kinh chính thống Phật giáo đã bị thiêu đốt và thay thế bằng những giáo lý lai Bà la môn?

(Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài không cho ghi chép kinh vì sợ tam sao thất bản. Mấy tổ về sau giỏi chữ nghĩa văn chương nhất là các vị Bà la môn sẽ có thể thêm bớt làm sai lệch nguyên bản, Ngài chỉ thuyết bằng tiếng Pāli, tiếng bình dân xứ Magadha, không có chữ Nam Phạn, chữ Bắc Phạn (Sanskrit) là của đạo Bà la môn, tuy hơi giống như tiếng Pāli, nhưng không phải là một thứ tiếng như tiếng Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc của xứ ta).

Trong quyển Légende de Gautama, trang 372, có đoạn nói về Ngài, xin trích dịch ra dưới đây:

Người đầu tiên có công sưu tập một bản sao của Tam Tạng là Ngài Buddhaghosa, tu sĩ xứ Thaton, dòng Bà la môn, người này xuống thuyền ở Thaton, lúc bấy giờ ở ven biển gần đó, địa phương này nằm ở trong xứ Ramagnia và dân bản xứ gọi là người Moun. Ngài đã đáp thuyền buồm đi Tích Lan trong năm 1.043 – 400 năm sau Dương Lịch. Dưới triều đại của vua Mahānāma. Ngài ở lại đảo ba năm viết (chép) Tam Tạng bằng chữ Miến Điện trên lá bối (lá buôn) theo các bản viết chữ Tích Lan. Ở một bản kinh khác, chúng tôi đọc thấy Ngài viết ra tiếng Pāli những bản kinh bằng tiếng Tích Lan. Ngài Buddhaghosa lưu lại xứ Tích Lan ba năm để hoàn thành công trình đã dự định. Trong thời gian Ngài ở đảo này, dân chúng rất hâm mộ kính mến Ngài, nên khi Ngài từ giã, họ dâng cúng Ngài rất nhiều vật dụng quý giá, Ngài mang về xứ Suvannabhūmi (Kim Thành), ở xứ Ramagnia nguyên bộ Tam Tạng.

II- Những phước báu dành cho tín đồ sau khi qua đời, đúng theo tỉ lệ của các việc làm phước thiện của họ lúc còn sống. Các cõi trời tiếp theo cõi người, nhưng ở dưới mười sáu cõi dành cho các Phạm Thiên Hữu sắc, được mở ra tiếp đón các thiện tín tu, các dục lạc ở cõi chư Thiên hoàn toàn thuộc loại cảm quan. Tất cả những gì con người có thể tưởng ra để làm thỏa mãn ngũ quan, được dồn trên các nhàn cảnh ấy và chư Thiên ở cõi đó tha hồ mà hưởng thụ một cách tự do, rộng rãi. Thú vui bằng Ngũ trần thì không thể nào tả hết cho được, ta chỉ cần biết là: Ở cõi trời Dục giới phái tính vẫn còn. Trong hai cõi thấp nhất là Tứ Đại Thiên và Đao Lợi, sự hành dâm vẫn có giữa hai phái tính nhưng không có sự chữa đẻ, trong cõi Dạ Ma chư Thiên nam và nữ chỉ ôm nhau hôn hít là đủ thỏa mãn tình dục, trong cõi Đâu Suất hai bên chỉ nắm tay nhau, trong cõi Hóa Lạc vợ chồng chỉ nhìn mặt nhau. Và trong cõi Tha Hóa Tự Tại, hai người chỉ cần gặp nhau ở một nơi nào đó. Về phái tính trong Dục giới thiên, chúng ta có thể nhận thấy hai điểm:

A- Là dục lạc càng mất vẻ thô tục và càng trở nên thanh bai, tế nhị khi càng lên cõi cao hơn. Hễ lúc còn sống, thiện tín làm phước càng thanh cao to lớn, thì sau đó sẽ được sanh lên cõi càng thanh cao và hưởng thụ được những cảnh vui tế nhị. Do đó, Đức Phật Gotama của chúng ta, trong tiền kiếp đã tạo nhiều giới đức tối cao nên được sanh lên cõi trời Đâu Suất (Tusita) là cõi trời dục thứ tư.

B- Thời gian thụ hưởng dục lạc cứ tăng gấp đôi từ cõi dưới thấp lên cõi trên kế tiếp. Nghĩa là những thú vui ở cõi Đao Lợi được xem như thọ hưởng lâu hơn gấp đôi cõi Tứ Đại Thiên, cõi Dạ Ma thì gấp đôi cõi Đao Lợi, cứ như thế tăng dần cho đến cõi trời thứ sáu.

Trong các bài pháp mà chư Tỳ khưu thuyết cho quần chúng nghe để khuyên khích họ tinh tấn, nhất là về hạnh bố thí, các Sư hết sức rộng rãi trong các lời hứa hẹn về phước báu ở trên nhàn cảnh, lấy đó làm một phương tiện mạnh mẽ để duy trì sự tinh tấn bố thí cúng dường của chư thiện tín, chư Tăng đã thành công rực rỡ trong các chương trình đã dự định. Đối với đại đa số thánh giả, người ta không thể phủ nhận

rằng: “Những Phật giáo đồ là những nạn nhân của sự gặt gẫm này”, đã trọn tin những lời thuyết của Pháp sư. Về vấn đề cõi trời Dục giới đó là đức tin chung trong đại chúng Phật giáo đồ, thỉnh thoảng người ta có thể gặp một số ít người phủ nhận các truyện ngụ ngôn ấy. Nhưng số ít này không được quan tâm lưu ý vì phần chính thống của Giáo hội xem họ như những người tự do tư tưởng, thuần lý luận (Vie de gandama trang 281).

Trường hợp cậu Matṭhakuṇḍali được văn sanh lên cung trời Đao Lợi, không phải do làm phước hay giữ giới, mà chỉ giữ tâm trong sạch hướng đến Đức Phật là được như vậy.

Điều này mới nghe qua, như phản lại lời các Pháp sư thường ca tụng về pháp Bồ thí và Trì giới, nhưng chính Đức Phật đã xác nhận và vị chư Thiên Matṭhakuṇḍali là một bằng chứng: Chỉ bằng tâm trong sạch, dầu nói hoặc làm, hoặc nghĩ cũng được phước cả. Nguyên nhân tạo nghiệp là ý (mano). Ở nơi khác, Đức Phật còn dạy rằng tâm (tác ý) tức là nghiệp. Như cổ Đại đức Hộ Tông đã từng giải bày thứ quả của tài thí đều do tâm cả, xin nhắc lại là:

1- Bồ thí với sự mong mỏi phước báu thì sẽ được sinh lên cõi trời thấp nhất (Tứ Đại Thiên).

2- Bồ thí và nghĩ đến việc làm thiện thì sanh lên cõi trời thứ hai (Đao Lợi).

3- Bồ thí vì phong tục tập quán sẽ sanh lên cõi trời thứ ba là Dạ Ma.

4- Bồ thí theo Phật giáo thì sẽ được sanh lên cõi trời thứ tư là Đâu Suất.

5- Bồ thí bằng tâm vui thích thì sẽ sanh lên cõi trời thứ năm là Hóa Lạc.

6- Bồ thí bằng tâm giúp cho người được an vui đầy đủ thì được sanh lên cõi trời thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại.

7- Bồ thí không cầu mong hưởng quả, chỉ để xả ly tham, sân, si, nhất là lòng bòn xén thì được sanh lên cõi Phạm Thiên (vì đã hết dục vọng).

Phần nhiều thiện tín không thích quả phước vô lậu của cách bồ thí với tâm xả ly để sớm đạt được đạo quả Niết Bàn, mà chỉ bồ thí để hồi hướng cho người đã quá vãng và để dành cho mình kiếp sau được hưởng quả. Ít người hiểu biết rành vì không được chư Tăng giải rành mạch, tận tường, là mình đã bồ thí hết cả phần phước của mình trong khi đọc bài Phước căn... không chừa lại chút gì cả, mà còn đọc tiếp lời nguyện xả ly những phiền não tức là những dục vọng ham muốn, hưởng dục lạc ngũ trần trong ngày vị lai. Một lẽ nữa, là chư thiện tín hiểu lầm Niết Bàn là cõi tịch diệt, không không rỗng tuếch, đoạn diệt tất cả nên ngán sợ Niết Bàn.

Trong số chư Tăng có vị chưa nhận thức rằng, một Thánh nhân bậc thấp nhất, tuy nghèo xơ xác về mặt vật chất cũng không phải là người vô sản cùng đỉnh. Do lẽ đó, Đức Phật đã từng khuyên các hành giả: “Vị Tỳ khưu nên ở chỗ nào pháp dễ phát

sanh mặc dù thiếu thôn vật thực” và Ngài cũng nhắc nhở các đệ tử: “Hãy là người thừa tự pháp, chớ đừng làm người thừa tự vật thực của Như Lai”.

Nhiều vị cư sĩ muốn xuất gia mà ngại thiếu thôn vật thực vật chất, không thể tu được nên ráng làm phước để dành làm hậu bị thực. Các vị quá sợ khổ như vậy, không thể nào dám Minh sát Khổ và nếu ráng học nhiều pháp thì chỉ biết cái khổ bằng lý thuyết suông. Và lại đem hết tài sản bỏ thí cúng dường lớn lao trọng đại như ông Anāthapiṇḍika hay bà Visākhā, phước báu chẳng hơn gì người thợ hàng hoa Sumana được Phật thọ ký là Phật Độc Giác sau này.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật có giải về phước hữu lậu của Ngài đã làm trong kiếp còn là Bồ Tát Velāma nhiều vô số kể, nhưng so ra chẳng bằng một phần mười của hành giả thấy Pháp Sanh Diệt, tức là Minh sát Khổ cho tới khi hết khổ, không còn tái sanh cái khổ, tức là chứng được pháp Vô Sanh (của cái khổ).

Sự tích cậu Maṭṭhakuṇḍali về lý thì giống như pháp niệm Phật A Di Đà của phái Tịnh Độ, nghĩa là nhờ tha lực bằng đức tin mãnh liệt nơi Đức Phật vào lúc lâm chung mà được siêu sanh, tuy nhiên chẳng phải dễ gì niệm tưởng Đức Phật trong khi từ già cõi đời được, nếu không có sự trợ duyên.

Trong sách Quần Nghi Luận có kể mười trường hợp lâm chung không thể niệm Phật, xin chép ra đây:

- 1- Không gặp người trí thức nên không đi khuyên niệm Phật.
- 2- Nghiệp khổ buộc trong thân, không rảnh trí mà niệm Phật.
- 3- Trúng gió tắt tiếng, không xưng niệm hiệu Phật được.
- 4- Cuồng tâm loạn trí không thể niệm Phật được.
- 5- Chết chìm, chết thiêu không thể niệm Phật được.
- 6- Gặp nạn hùm, gấu mà không có ai nhắc niệm Phật được.
- 7- Gặp bạn ác khuyên điều tà, không tin Phật nên chẳng niệm được.
- 8- Ăn no quá độ rồi bị hôn mê mà chết nên không thể niệm Phật được.
- 9- Chết trong trận giặc không thể niệm Phật được.
- 10- Té xuống từ núi cao mà chết, không niệm Phật được.

Hành giả Minh sát Khổ thường xuyên giác ngộ lý Tứ Đế không sợ mê muội vào lúc lâm chung, dù không niệm Phật nhưng vẫn chánh niệm, giác tỉnh thì không bao giờ sa đọa xuống khổ cảnh. Nhưng hành giả không nên giải đãi dễ dãi, mà phải bắt đầu cho sớm thành thói quen, đừng đợi tuổi già mới Minh sát Khổ.

*Mạc đại lão lai phương quán khổ
Cô phân đa thị thiếu niên nhân.*

III- Xã hội Ấn Độ trước thời Đức Phật, đã phân ra làm bốn giai cấp. Theo Luật Đức Bàn Cổ (Mano) đã ấn định bốn cách này căn cứ vào bốn dòng dõi, tuy sống chung trong một xứ nhưng mỗi dòng chỉ kết hôn với người đồng dòng với mình thôi, chứ không chịu thứ con lai hai dòng. Cấp Bà la môn là cấp tu sĩ, cao nhất vì tự cho mình là quý phái, trong sạch, thánh thiện, được phép làm chủ các việc tế tự. Đức trời Phạm Thiên là đáng tạo hóa ra mọi loài vạn vật. Cấp thứ hai là cấp chiến sĩ hay vua chúa, gọi là Khattiya (Bắc phạn là Ksatrya), Tàu âm là Sát Đế Ly. Đức Thích Ca thuộc dòng chiến sĩ, nhưng ngài đã cách mạng, phá bỏ hàng rào giai cấp, nghĩa là lập ra giai cấp A La Hán, hay đúng hơn là định nghĩa lại tiếng Bà la môn, là bậc có giới đức đáng được lãnh đạo, chứ không phải là do cha mẹ Bà la môn sanh ra mà được tôn trọng là Bà la môn (cấp tối cao). Theo Ngài, hai giai cấp sau là Phệ Xá (thương buôn, thợ thuyền) và cấp Thủ Đà La (cùng đinh, du mục), nếu tu hành đúng đắn thì cũng được gọi là Bà la môn.

Theo Phật sử thì Đức Phạm Thiên (mà tu sĩ Bà la môn cho là đáng Tạo hóa tối tôn) còn nhỏ hơn Đức Phật và không đủ khả năng bằng Ngài, nên đã ba lượt yêu cầu Ngài ra đi hoằng pháp độ sanh sau khi Ngài đắc đạo. Do đó, dòng Thích Ca được Đức Phật làm nổi bật lên (chính danh hiệu Thích Ca – Sakya – nghĩa là Thắng nhân) đã kiêu căng càng thêm ngỗ mạn, như trường hợp Đại Đức Tissa hay Trưởng lão Channa (Xa Nặc) và Đại Đức Ānanda. Hai Ngài này, sau khi Đức Phật Niết Bàn rồi, mới chịu bỏ tánh tự tôn và đắc quả A La Hán.

Để phá bỏ sự chấp ngã mà Phật gọi là một tà kiến, Ngài đã thuyết minh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta) cho năm vị Kiều Trần Như nghe và năm vị đệ tử đầu tiên đã lần lượt đắc quả A La Hán, nhờ giác ngộ rằng Ngũ uẩn không phải là ta, ta không phải là Ngũ uẩn... Tiếng *Anatta* chính Đức Phật đã giải thích rằng: “*N’etaṃ mama nesohamasmivana me so atta*” như đã dịch ở trên, nhưng ngày xưa các Ngài Đại đức thông Hán tự nên dịch là Vô Ngã, khiến cho lắm phật tử hiểu lầm là không có cái ngã. Và lại, các Pháp sư nhất là luật sư dùng thuyết Vô Ngã để chống lại chủ trương Bà la môn giáo: họ cho con người là một tiểu ngã, sau khi hết luân hồi sẽ trở về nhập cái Đại Ngã (Mahā – atma) tức là đáng tạo hóa, Phạm Thiên, đây chỉ là một phương tiện huyền ảo, một thứ khí giới để thắng phục địch thủ giỏi biện luận, một phương thuốc đặc biệt để trị bệnh ngã chấp của giai cấp Bà la môn và nhiều nhóm ngoại đạo khác chuyên môn lý luận. Đây không phải là môn thuốc trị bá chứng hoặc môn thuốc hay nhất của vị Y vương, nếu uống không nhằm bệnh người Phật tử vô ý sẽ phát khùng, cho rằng Đức Phật khẳng định rằng tất cả các Pháp là Vô Ngã (Anattā), hiểu sai như vậy thì hết muốn tu hành vì có ai đâu nhập Niết Bàn và có ai đâu sa địa ngục.

Quý bạn tinh ý nên đọc qua đoạn đầu Tạng Luật, chỗ Đức Phật đánh chánh, những tiếng đồn về Ngài là người chủ trương pháp Vô vi là hiểu đừng làm cái chi cả và thuyết Hư vô (Nevayiko) nghĩa là tất cả đều không.

Tinh hoa của Đạo Phật là Tứ Diệu Đế hay bốn chân lý của Bậc Thánh Nhân. Tiếng Phật chỉ định người đã giác ngộ Tứ đế và đem ra dạy lại người khác. Tiếng Vô minh chỉ sự dốt về Tứ đế, nên không biết lối nào để thoát khổ và tiếng Giải thoát tri kiến chỉ sự thấy, biết con đường đi đến sự diệt khổ. Sau khi đã hành qua pháp Minh sát Khổ, nghĩa là với sự ghi nhớ của mình, ngồi quan sát rõ ràng sự diễn tiến của cái khổ từ khi sanh tới khi diệt, hay nói cách khác với trí Bát Nhã (hay tâm không chấp trước) bình tĩnh trải qua bốn giai đoạn Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo).

Phân đông nhân loại vẫn còn ở trong trạng thái vô minh, nên chỉ nhìn Đức Phật và đạo Phật một cách siêu hình, thần thánh không chút gì thiết thực cả và chưa bỏ được tánh ý lại thần quyền như dân tộc cổ sơ, nên đi lạc vào tà kiến ngoại đạo mà không ngờ, cứ tự phụ cho mình là chánh kiến và vẫn còn nom nớp lo sợ lắm chuyện vu vơ.

Câu chuyện tiền kiếp của Trưởng lão Tissa chỉ là một thứ ngụ ngôn, nhưng Đức Phật đã khéo dùng đúng lúc vui vui, khiến cho ai đọc đến kết cuộc cũng bật cười cho sự bướng bỉnh của đạo sĩ Devila. Đại đức Tissa và tiền kiếp của Ngài có thật hay không? Không thành vấn đề, điều quan trọng là phần giáo lý thực tiễn, chứa đựng trong sự tích làm cho hiểu rõ thêm nghĩa và nhớ dai. Hai câu Pháp Cú 3-4 nếu gặp trường hợp như vậy, ta hãy đem trí tuệ mà thuyết phục cái tánh ngã mạn vô lối của ta thì ta là người thấu triệt chân lý ẩn trong câu chuyện cổ tích này.

IV- Yakkha (Dạ Xoa) là một trong Bát bộ được kể dưới đây (theo tài liệu Từ Bi Âm số 28.. năm 1935)

1- Càn Thát Bà (Gandhabba) Tàu dịch là Hương Âm, nghĩa là dùng các thứ mùi hương mà thọ dụng.

2- Tỳ Xá Xà (Pisaca) Tàu dịch là Đạm tinh khí, nghĩa là ăn uống những đồ tinh khí của người và các giống bấp đậu.

3- Cưu Bàn Trà (Kumbhanda), Tàu dịch là Ứng hình, nghĩa là nam căn giống như cái vò vậy.

4- Chư Long (Nāga) nghĩa là các thứ Rồng.

5- Bích Lệ (Peta), Tàu dịch là Nga quỷ, nghĩa là thứ quỷ đói khát.

6- Phú Đơn Na (Pūtana) Tàu dịch là Xú nga quỷ, nghĩa là thứ nga quỷ đói mà thân thể rất hôi thúi.

7- Dạ Xoa (Yakkha) Tàu dịch là Dòng Kiện quỷ, nghĩa là thứ quỷ rất mạnh bạo.

8- La Sát (Rasasa) Tàu dịch là Bạo ác, nghĩa là thứ quỷ rất dữ tợn, hay ăn thịt người ta.

Tám bộ quỷ thần trên đây, có phát tâm hộ trì chánh pháp, cho nên Phật thuyết pháp đến đâu thì cũng có các bộ này đến hộ vệ và nghe pháp cả. Những chúng sanh này, Phật giáo Nam Tông gọi là chư Thiên cõi thấp ở bốn cõi trời Tứ Đại Vương.

V- Cõi Tứ Đại Thiên là cõi trời thấp nhất trong sáu cõi trời Dục giới (sáu cõi này còn có vợ chồng, có dâm dục, có ăn uống như nhân gian, nên gọi là trời Dục giới như đã giải ở trên).

Theo chú giải kinh Bắc Tông (Tứ Bi Âm) thì bắt đầu từ dưới chân núi Sineru, tính là bốn muôn hai ngàn do tuần, mỗi do tuần là sáu mươi km, đó là chỗ ở của trời Tứ Đại Thiên.

(Theo pāli một do tuần là mười sáu km, ở đây có lẽ dịch lộn mười sáu thành sáu mươi do chữ tách là Chaddasa).

Bốn cõi Thiên Vương trấn bốn phương trời, một ông là Dhatarattha (Trì Quốc Thiên Vương), đất nơi đó toàn bằng bạc trắng, thành của ông kêu là thành Thượng Hiền. Ông lãnh một bộ thần Càn Thát Bà và một bộ quỷ Tì Xá Xà, ở phía đông núi Sineru, hộ người Đông Thắng Thần Châu.

Một ông tên là Virulhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), thành của ông ở tên là Sudassana (Thiện kiến), đất nơi đó bằng ngọc lưu ly xanh, ông lãnh coi Cưu Bàn Trà và một bộ quỷ đói, ở phía nam núi Sineru, hộ người Nam Thiện Bộ Châu.

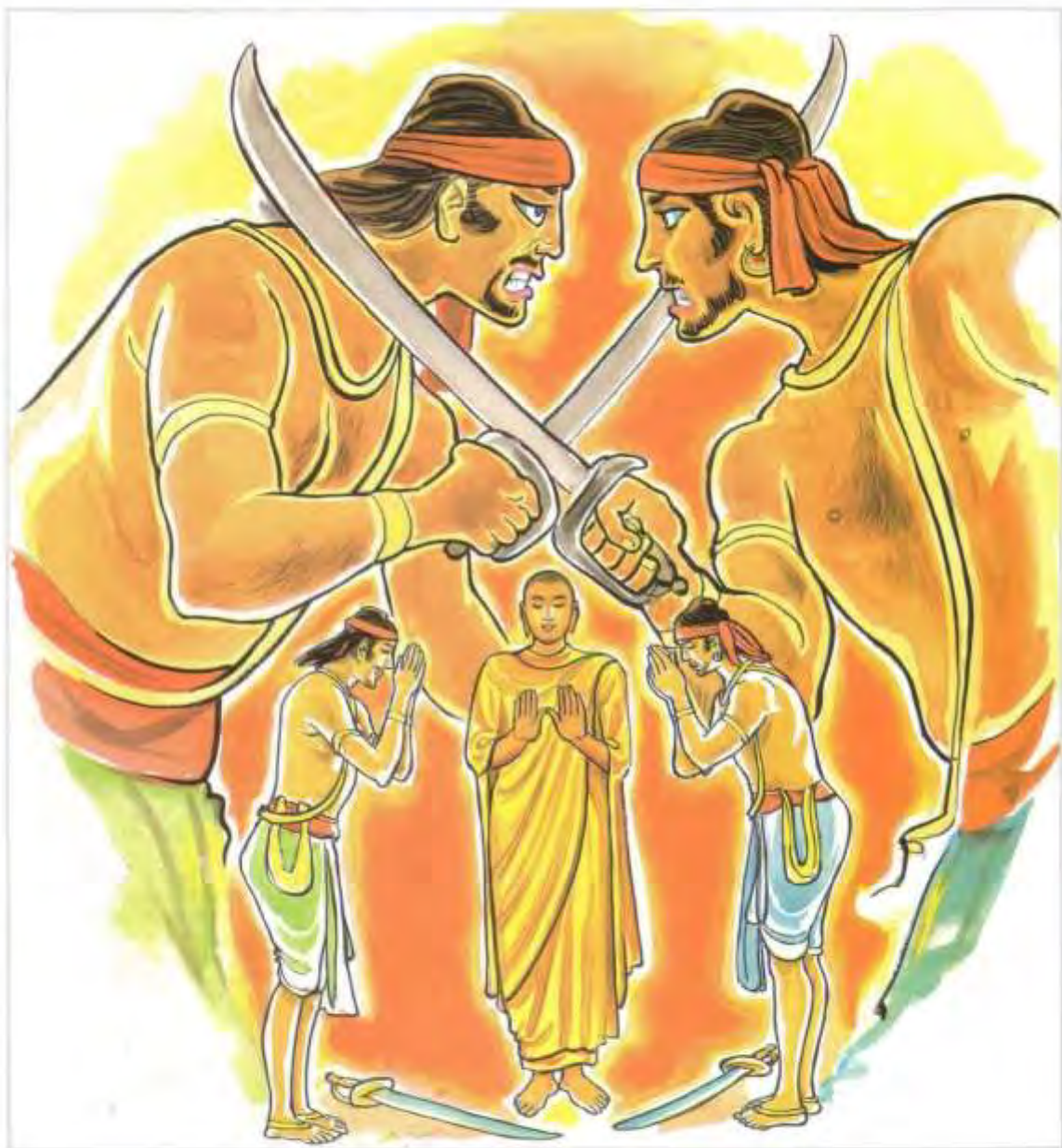
Một ông tên Vessavana (Đa Văn Thiên Vương) hay Kuvera, có ba thành là: Thành Khả Úy, Thành Thiên Kính và Thành Chúng Quy, đất nơi đó bằng vàng, ông lãnh bộ quỷ Dạ Xoa và La Sát, ở phía Bắc núi Tu Di, hộ người Bắc Cưu Lưu Châu. Tên vị Trời này Trung Hoa âm dịch là Tỳ Sa Môn, theo trong tích Nữ Dạ Xoa Kālī, mà chúng ta có nói đến.

Bốn vị vua Trời này, mỗi ông có ba mươi hai vị Tướng quân và chín mươi một vị Thái tử. Vị nào cũng đủ oai lực ủng hộ mười phương, ngày đêm nơi cõi này bằng ở cõi người năm mươi năm.

Thân của bốn vị Trời ấy đều cao bảy mươi một trượng (mỗi trượng dài mười thước), còn tuổi thọ thì lâu đến năm trăm cõi ấy, bằng chín triệu năm ở cõi người.

Tại sao bốn cõi Trời ấy hưởng phước được như vậy? Vì kiếp trước ở cõi người, bốn Trời ấy tu đủ mười nghiệp lành thượng phẩm, hoặc là giữ một giới sát sanh không phạm tới hay giữ Bát quan trai trong một ngày một đêm rất tinh thành, nên hưởng được phước báu như thế.

Tại từng trời ấy, mặt trời, mặt trăng đi quanh theo mà soi bốn hướng ở bốn phía núi Sineru.



Hatred never conquers hatred. Only non-hatred conquers hatred.

05. Sân hận không bao giờ nhiếp phục sân hận, chỉ vô sân nhiếp phục sân hận mà thôi.

I.5- Tích CÁC TỖ KHUỞ Ở KOSAMBI

(*Kosambakavatthu*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 06)

**“Pare ca na vijānanti,
Mayam’ettha yamāmase;
Ye ca tattha vijānanti,
Tato sammanti medhagā”.**

***“Nhóm kia không hiểu biết,
Nơi đây ta tự diệt.
Người am hiểu lẽ này,
Từ nay thôi biện thuyết”.***

Kê Pháp Cú số 6 này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các Tỷ khưu ở thành Kosambi.

Thời ấy, gần thành Kosambi có hai vị Tỷ khưu cùng an cư trong ngôi chùa Ghosita (Lôi Âm), một vị chuyên thuyết pháp, một vị thông suốt Tạng Luật. Vị nào cũng có năm trăm đệ tử túc trực bên mình.

Một hôm vị Pháp sư đi đại tiện trong cầu xí, rửa ráy xong đi ra, còn chừa nước dư trong cái gáo mà không úp xuống.

Kế đó vị Luật sư đi cầu vô thấy nước dư trong cái gáo, đến khi trở ra gặp vị Pháp sư bèn hỏi:

- Này đạo hữu, phải đạo hữu đi cầu còn chừa nước dư trong cái gáo không?
- Dạ phải! Thưa đạo hữu.
- Đạo hữu không biết làm vậy là phạm giới (Tác ác) sao?
- Dạ! Thật tôi không biết.
- Làm vậy là phạm giới đó thưa đạo hữu.
- Thế thì để cho tôi xin sám hối tội ấy.
- Nhưng nếu đạo hữu không cố ý, không niệm tưởng trong khi làm thì không phạm.

Nghe vậy vị Pháp sư phạm giới cho là mình không có lỗi, nên bỏ qua không sám hối.

Vị Luật sư không kín miệng, đem nói với nhóm đệ tử của mình: “Vị Pháp sư này phạm giới mà không biết”.

Những vị này, khi gặp mặt những vị đệ tử của vị Pháp sư, bèn chê trách: “Thầy Tế độ của mấy đạo hữu đã phạm giới mà không biết là mình có lỗi”.

Đệ tử của vị Pháp sư đem chuyện này bạch với thầy mình. Vị Pháp sư nói rằng: “Cái ông Luật sư này, lúc trước đã bảo là ta không phạm, bây giờ lại nói là ta phạm. Vậy ông ta là người vọng ngữ”.

Thế rồi, hai bên sanh sự cãi nhau, trước nhỏ sau to, lần lần gây ra lớn chuyện. Kế đó vị Luật sư nắm được cơ hội, nhóm hết chư Tăng, đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư. Viện có rằng vị này phạm giới mà không chịu nhận lỗi.

Từ đó, những thí chủ thường dâng cúng vật thực vật dụng và những người hộ độ chư Tăng trong chùa bắt đầu chia ra làm hai phe.

Cho đến chư Tỳ khưu Ni thỉnh Tăng dạy đạo, chư Thiên hộ pháp cùng các bạn mới bạn cũ, chư Thiên trên hư không cũng như chư Phạm Thiên, tất cả những vị còn phạm tâm thấy đều chia ra làm hai phe đôi lập, tranh luận nhau, tiếng xôn xao thấu đến cõi trời Sắc Cứu Cánh Thiên (kaniṭṭhabhavana).

Lúc ấy, một vị Tỳ khưu đem chuyện tranh chấp giữa hai nhóm Tăng về bạch lên Đức Thế Tôn, nói rằng: “Nhóm Tăng đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư cho rằng mình hành đúng pháp luật, nhưng nhóm bình vực vị này phản ứng bản trục xuất, cho là không đúng pháp luật, nên vẫn giao thiện thân cận vị Pháp sư”.

Đức Thế Tôn hai lần nhắc lời khuyên bảo: “Hãy nên hòa hiệp”, nhưng Ngài được tin trả lời: “Bạch Ngài, họ vẫn không chịu hòa nhau”.

Lần thứ ba được tin cho hay Tăng chúng đã phân ly, Đức Thế Tôn phải thân hành ngự đi đến tận nơi tranh chấp giải bày chỗ bất lợi trong hành vi thái độ của cả hai bên, bên Luật sư đọc tuyên ngôn trục xuất và bên Pháp sư phạm giới mà không chịu sám hối.

Rồi Ngài phán dạy chư Tăng hãy làm lễ Phát lồ chung nhau ngay lúc đó và hành Tăng sự chung trong một chỗ có Kiết giới (Sīmā). Ngài ban hành điều lệ, cho phép các Tỳ khưu đã tranh chấp nhau nơi Trai Tăng đường hay bất luận nơi nào, hãy nên ngồi xen kẽ nhau (āsanatarikāya) trong Trai Tăng đường.

Dàn xếp xong xuôi, Đức Thế Tôn trở về chùa Jetavana.

Kế đó, lại có tin cho hay: Chư Tỳ khưu ở Kosambi lại cạnh tranh với nhau nữa. Đức Thế Tôn lại thân thành ngự đến tận chùa Ghosita để hòa giải. Ngài mở lời can ngăn rằng: “Thôi đi, các Tỳ khưu đừng chia rẽ, tranh chấp nữa”.

Đoạn Ngài dạy tiếp rằng:

- Nay các Tỳ khưu, những sự chia rẽ tranh chấp, cãi lầy, kinh chống nhau, đều chẳng lợi ích chi, cũng vì tranh chấp nhau mà con chim cút Ấn Độ (Lututika) bé tí hon đã làm thiệt mạng một thớt tượng chúa (Hatthināga).

Sau khi kể tích Bốn Sanh (Jātaka) về con chim cút, Đức Thế Tôn khuyên nhủ rằng: “Nay các Tỳ khưu, các ông hãy nên hòa hợp nhau, đừng kinh chống nhau nữa. Vì kinh chống nhau mà cả trăm ngàn con chim cút thường (vattatā) phải bỏ mạng”.

Và Đức Bốn Sư kể thêm về tiền tích con chim cút.

Nhưng chư Tăng vẫn giữ lập luận của mình, bất chấp những huấn từ của Đức Thế Tôn.

Một vị Pháp sư háo thắng, muốn cho Đức Thế Tôn khỏi phải cực lòng nói mãi vô ích, lên tiếng can rằng: “Bạch Thế Tôn là Đức Pháp Chủ, xin Ngài hãy về nơi

ngủ dưỡng nhàn và hưởng thụ sự an vui nhân tiền hiện hữu. Để cho chúng Tăng nhờ sự chia rẽ, tranh chấp, cãi lầy, kinh chống nầy mà danh tiếng được lẫy lừng”.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn lại phán: “Nầy các Tỳ khuru, xưa kia tại thành Bārāṇasī, có vị Quốc vương tên là Brahmadatta (Phạm Thí) là vua xứ Kāśi.

Vua Brahmadatta xâm chiếm nước Kosala của vua Dīghīti (Trường Thọ), bắt hành quyết vị Vương tâu quốc, sau được Thái tử Dīghāyu (Trường Sanh) dung tha mạng sống, không báo thù, từ đó hai họ giao hòa, đồng vinh cộng lạc”.

Kể tích nầy, Đức Bôn Sur kết luận: “Nầy các Tỳ khuru, rất đổi là các bậc vua chúa anh hùng mã thượng, từng trải việc kiếm cung chinh chiến mà còn nhẫn nại giao hòa được như thế thay, hà huống là chư Tăng đã xuất gia Sa môn, dự hàng Thịnh Văn đệ tử của Như Lai mà không làm sao sáng tỏ đức nhẫn nhục hiền hòa, cho mọi người trông thấy được sao?”.

Mặc dầu đã tận tình khuyên giới, Đức Bôn Sur cũng không hòa giải được nhóm đệ tử của Ngài.

Thấy Tăng chúng phân ly, Đức Thế Tôn chẳng được hài lòng. Ngài tự nghĩ: “Các Tỳ khuru không vâng lời ta giáo hóa, tình trạng chia rẽ nầy chỉ làm Ta bận rộn hay là Ta lánh xa nơi đô hội, một mình ra đi tìm chỗ tịnh cư”.

Nghĩ rồi, Đức Thế Tôn vào thành Kosambi khát thực, sau đó không từ già trẻ Tăng, Ngài mang y bát đơn thân độc hành, ngự ngay đến làng Balaka của người làm muối (Lonakaranam). Nơi đó Ngài thuyết cho Đại đức Bhagutthera về hạnh độc hành (Ekacarikavatta). Rồi Ngài ngự đến rừng Pācinavamasamigadāya (Trúc Lộ Viên), thuyết về phước báu hương vị của pháp hòa hợp cho ba mươi vị thiếu niên công tử nghe.

Đoạn Ngài trực chỉ vô miền Pālileyyaka.

Nghe rằng Đức Thế Tôn đã nhập một hạ an vui nơi đó, dưới gốc cây Tāla xinh đẹp trong khu rừng Rakkhitaṇḍava (Vệ Lâm) gần vùng Pālileyyaka có con Tượng chúa Pālileyyaka hộ độ.

Ở Kosambi, những thiện nam tử đi chùa không thấy Đức Bôn Sur, bèn hỏi chư Tăng:

- Bạch các Ngài! Đức Bôn Sur ngự tại đâu?
- Ngài đi vào rừng Pālileyyaka rồi.
- Bạch Ngài vì lý do nào?
- Vì Ngài đã cố gắng hết sức giảng hòa mà chư Tăng chúng tôi không chịu đoàn kết với nhau.
- Bạch các Ngài! Các Ngài đã xuất gia làm đệ tử của Đức Bôn Sur, mà Đức Bôn Sur dạy các Ngài hòa hợp đoàn kết, các Ngài không chịu đoàn kết với nhau hay sao?
- Quả thật như thế đó, nầy các đạo hữu.

Mọi người nghe vậy, bảo nhau: “Mấy ông nầy là môn đồ của Đức Bôn Sur mà lại cãi lời Thầy, không chịu đoàn kết. Tại mấy ông mà chúng ta không diện kiến Đức

Bồn Sur được vậy ta đừng nên thỉnh ngồi, đánh lễ, chào mừng, kính trọng mấy ông này nữa”. Từ đó trở đi, khi gặp chư Tăng ở Kosambi, không ai thêm để ý chào đón chi hết.

Chư Tỳ khuru đi khát thực cũng ít người để bát, phải nhịn đói hết hai ba ngày liền, nhờ đó mới tỉnh ngộ cùng nhau sám hối và tha thứ tội lỗi cho nhau, đoạn báo tin cho thiện tín hay rằng:

- Nay chư thiện tín, chư Tăng đã hòa hợp, các ông hãy trong sạch như trước.
- Các Ngài có xin sám hối với Đức Bồn Sur chưa?
- Nay các đạo hữu, chư Tăng chưa sám hối với Ngài.
- Nếu vậy, các Ngài hãy xin sám hối với Đức Bồn Sur đi. Chừng nào các Ngài xin sám hối với Đức Bồn Sur chừng ấy chúng tôi sẽ trong sạch với các Ngài như trước.

Lúc ấy vì chưa mãn hạ, không thể đi sám hối với Đức Bồn Sur nên các Tỳ khuru phải ráng sống lây lất khổ cực lắm.

Trái lại, Đức Bồn Sur nhập hạ một mình trong rừng được an vui nhờ có Tượng chúa Pālileyyaka hộ độ.

Tượng chúa này cũng lìa đàn, đi vô rừng sâu một mình để được an tịnh.

Tượng chúa tự nghĩ: “Ồ trong đàn chung chạ bức bối quá! Nào là voi đực voi cái voi lứa voi con... bao nhiêu đầu ngọn cỏ của ta đều bị chúng gặm trước, bao nhiêu nhánh cây ta bẻ sẵn xuống đều bị chúng dành nhau ăn, chỗ ta uống nước đều bị chúng quây cho nổi bùn. Ta xuống ngâm mình dưới ao hồ nào cũng bị con voi cái đeo theo kỳ cọ trên mình ta. Hay là ta hãy lánh đi, tìm chỗ sống riêng biệt một mình”. Nghĩ rồi Tượng chúa quyết định lìa đàn, đi ngay vô khu rừng Rakkhittavana trong vùng Pālileyyaka, đến dưới gốc cây Tāla xinh đẹp, chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, đánh lễ Ngài xong, Tượng chúa nhìn quanh không thấy có vật chi khác hết, Tượng chúa bèn lấy chân đạp mạnh vào gốc cây Tāla xinh đẹp làm cho cây ngã xuống, đoạn dùng vòi tét một cánh cây, lấy làm chỗi quét sân.

Kế đó, Tượng chúa dùng vòi lấy vỏ cây đi múc nước để sẵn.

Khi nhớ nước nóng cần phải có, tượng nghĩ lập cách nấu nước, làm sao đây? Tượng dùng vòi kéo cây cứng cọ nhau cho nháng lửa, đoạn nó chất thêm củi khô cho cháy lên có ngọn, lượm đá nhỏ bỏ vô đồng lửa, nướng cho nóng, rồi dùng vòi cầm gậy khều đá ra, lăn đùa đi cho đá rớt xuống các hồ nước thiên nhiên trên một hốc đá (sondi).

Thỉnh thoảng Tượng lấy vòi thăm chừng, khi độ biết nước vừa đủ ấm, nó đến đánh lễ Đức Bồn Sur.

Đức Ngài hỏi nó: “Người nấu nước nóng rồi phải không Pālileyyaka?”. Đoạn Đức Thầy đến chỗ tắm.

Kế đó, Tượng chúa mang nhiều thứ trái cây dâng lên Đức Bồn Sur. Tới giờ Đức Bồn Sur vào làng khát thực, Tượng chúa lấy y bát đội lên đầu đi theo hầu Ngài.

Khi tới cận xóm, Đức Bôn Su dừng lại, bảo tượng rằng: “Nầy Pālileyya, kể từ đây người không thể theo ta được nữa, hãy trao y bát lại cho ta”.

Lấy y bát rồi, Đức Bôn Su ngự đi một mình vào làng khát thực.

Con Tượng chúa đứng mãi nơi bìa rừng, chờ cho tới khi Đức Bôn Su đi bát về, chạy ra rước lấy y bát, đội lên đầu và lục thực theo Ngài trở về chỗ ngự.

Về đến nơi, nó để y bát xuống đàng hoàng, lại tiếp tục làm lại những công việc hàng ngày nó vẫn làm để phục dịch Đức Bôn Su, khi rảnh việc nó cầm cây làm quạt để quạt hầu Ngài.

Ban đêm, Tượng cầm một khúc cây to, thức để canh phòng thú dữ, nó nói thầm: “Ta sẽ hộ vệ Đức Bôn Su”, rồi nó đi tới đi lui, tuần hành theo các khoảng trống trong rừng cho tới khi mặt trời mọc.

Theo tục truyền, khu rừng được mệnh danh kể từ đó.

Khi mặt trời mọc lên, Tượng chúa dâng nước rửa mặt, cây đánh răng... đến Đức Bôn Su xong, nó lo làm những phận sự hằng ngày đã kể ở trước.

Gần nơi đó, có con khỉ chúa, ngày ngày trông thấy Tượng chúa dậy sớm, hầu hạ phục dịch Đức Như Lai, khỉ chúa tự nghĩ: “Ta cũng sẽ làm việc chút ít chứ”.

Trong khi nhảy nhót la cà nhiều chỗ, một hôm khỉ ta gặp được một ổ mật ong, đóng trên một nhánh cây, thấy ong đã bỏ đi hết, nó bèn bẻ nhánh cây ấy, cầm đi đem về gần tới Đức Bôn Su nó bứt lá chuối lột dưới ổ mật ong, rồi dâng lên cho Ngài dùng.

Ngài chỉ tiếp nhận và làm thỉnh.

Khỉ chúa đứng chờ coi Đức Bôn Su có thọ dụng ổ mật đó không. Nhưng nó chỉ thấy Ngài cầm lên và để xuống chứ không dùng. Khi ta tự hỏi: “Có cái gì đây?”, nó bèn cầm lấy nhánh cây có ổ ong lên, lật qua lật lại xem thật kỹ, thì thấy còn sót trứng ong trong ổ, nó bèn cẩn thận gạt bỏ hết trứng ong, rồi dâng ổ mật lại Đức Bôn Su.

Lần này Ngài thọ lãnh và thọ dụng.

Thấy vậy, khỉ chúa mừng quỳnh, tung tăng nhảy nhót chuyênhết cảnh này tới cảnh kia.

Đang lúc cao hứng, không cẩn thận đề phòng, khỉ chúa vói tay chụp phải một nhánh cây giòn yếu, nhánh nắm trong tay gãy, nhánh đập dưới chân cũng gãy luôn, khỉ ta rơi từ trên cao xuống, trúng nhằm một góc cây bén nhọn, chết liền tại chỗ.

Nhờ tâm trong sạch đối với Đức Bôn Su, khỉ được siêu sanh lên cõi Tam thập tam thiên (Tāvātimsa) ở trong một tòa đền bằng vàng rộng ba mươi do tuần, có hàng ngàn thiên nữ theo hầu. Khắp cõi Diêm Phù Đề đều hay biết tin Đức Bôn Su kiết hạ an cư trong rừng Rakkhitavana, có Tượng chúa hộ độ.

Từ thành Sāvattthī Trưởng giả Anāthapiṇḍika và bà Visākḥā cùng nhiều đại gia tộc khác gửi thơ yêu cầu Đại đức Ānanda:

“Bạch Ngài, xin cho chúng tôi được yết kiến với Đức Tôn Su”.

Năm trăm vị Tỳ khuru nhập hạ ở tha phương, khi mãn hạ về gặp Đại đức Ānanda, cũng yêu cầu:

- Này đạo hữu Ānanda! Từ khi chúng tôi hội kiến với Đức Tôn Sư, được nghe pháp thoại của Ngài đến nay cũng đã quá lâu, xin đạo hữu hoan hỷ giúp chúng tôi được yết kiến Ngài để được nghe những lời vàng ngọc do Ngài ban bố.

Đại đức Ānanda bèn hướng dẫn chư khách Tăng đi tìm Đức Bôn Sư.

Khi gần đến nơi, Đại đức nghĩ thầm: “Đức Như Lai đã sống biệt cư trong ba tháng qua, ta chẳng nên đưa khách Tăng cùng vào một lượt mà làm mất sự yên tịnh của Ngài”.

Để chư Tăng ở lại bên ngoài, Đại đức đi một mình vào rừng Rakkhitavana.

Tượng chúa Pālileyyaka vừa thấy dáng người lạ đã cầm gậy chạy xông tới.

Đức Bôn Sư nhìn tượng chúa và kêu: “Pālileyyaka hãy dang ra đừng đứng cản đường. Đó là vị thí giả của Như Lai”.

Tượng chúa lập tức bỏ gậy xuống, đến xin rước bát của Đại đức, nhưng Đại đức không đưa. Tượng chúa nghĩ thầm: “Nếu vị này thông hiểu Giới Luật thì không dám để đồ đạc của mình lên thạch bàn chỗ Đức Bôn Sư an tọa”.

Đại đức đặt y bát xuống đất (những vị Tỳ khuru hiểu Luật không bao giờ để đồ đạc của mình lên chỗ ngồi, chỗ nằm của các bậc Thầy Tổ).

Tượng chúa thấy vậy, phát tâm trong sạch đối với Đại đức.

Sau khi đánh lễ Đức Tôn Sư, Đại đức ngồi xuống một bên. Đức Bôn Sư bèn nói:

- Này Ānanda! Ông lại đây có một mình ông sao?

Khi nghe Đại đức Ānanda cho Ngài biết có năm trăm vị Tỳ khuru cùng đi với Đại đức, Ngài lại nói:

- Chư Tăng ấy hiện giờ ở đâu?

- Vì không biết được tôn ý, nên con vào đây có một mình, chư Tăng còn ở lại phía ngoài.

- Hãy gọi chư Tăng ấy vào đây.

Đại đức vâng lời dạy; chư Tăng vào đến nơi, đánh lễ Đức Thầy xong, ngồi nép qua một bên.

Đức Bôn Sư thân mật hỏi han chư Tăng về việc tự túc và hành đạo rồi, chư Tăng bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương tối thượng, lá ngọc cành vàng mà ở rừng suốt ba tháng hạ, không người hộ độ, dâng nước hầu cơm khi ngồi, khi đứng, khuya sớm một mình chắc là cực khổ lắm!

Nghe vậy, Đức Bôn Sư đáp:

- Này các Tỳ khuru! Đã có tượng chúa Pālileyyaka làm hết mọi việc cần thiết giúp Ta, nếu ai có được bạn đồng cư như Tượng chúa này, người ấy có thể vui sống chung, bằng không được vậy thì sống lẻ loi cô độc còn hơn.

Nói rồi, tiếp đọc ba câu kệ dưới đây về sau được ghi chép lại trong phẩm Voi (Nāga vagga) của kinh Pháp Cú.

“Sace labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ,
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥārī-dhīraṃ;
Abhibhuyya sabbāni parissayāni,
Careyya ten’attamano satīmā.
No ce labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ,
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥārīdhīraṃ;
Rājāva raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya,
Eko care mātaṅgaraññeva nāgo.
Ekassa caritaṃ seyyo,
Natthi bāle saḥāyatā;
Eko care na ca pāpāni kayirā,
Appossukko mātaṅgaraññeva nāgoti”.

*“Nếu may gặp bạn đồng hành,
Hiền minh chơn chánh hiểu rành lối đi.
Tinh thường thắng phục gian nguy,
Hãy nên hoan hỷ, nhớ ghi kết tình.
Nếu không gặp bạn đồng hành,
Hiền minh chơn chánh, hiểu rành lối đi.
Như vua bỏ nước vong suy,
Như voi rừng thẳm thà đi một mình.
Thà rằng chiếc bóng độc hành,
Không cùng đũa đại kết tình thâm giao.
Độc cư chẳng phạm lỗi nào,
Thanh nhàn như tượng ra vào rừng sâu”.*

Kệ ngôn vừa dứt, năm trăm vị Tỳ khuru đều đắc quả A La Hán. Kế đó Đại đức Ānanda chuyển lời thỉnh cầu của ông Anāthapiṇḍika và các thiện tín khác, Đại đức nói:

- Bạch Ngài! Năm mươi triệu Thánh Thinh Văn có ông Anāthapiṇḍika là người lãnh đạo, kính gởi lời xin cung thỉnh Đức Tôn sư trở về Jetavana.

Đức Thế Tôn phán:

- Thế thì này Ānanda, ông hãy mang bát của Ta đi.

Đại đức Ānanda vừa lấy y bát của Đức Bôn Sư bước đi, thì Tượng chúa đứng đường cản lại. Chư Tăng thấy Tượng làm vậy bèn hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tượng chúa làm cái gì đây?

- Này các Tỳ khuru! Tượng chúa tỏ ý muốn cúng dường thực phẩm đó. Tượng này có công hộ độ Như Lai lâu ngày, chớ nên làm buồn lòng nó. Chư Tăng hãy ở nán lại.

Đức Bôn Sư dẫn chư Tăng quay trở lại chờ.

Tượng chúa đi sâu vô rừng, kiếm chuỗi và nhiều thứ trái cây khác, chất lên trên đầu, đội về để dành qua ngày sau dâng cúng đến chư Tăng, năm trăm vị Tỳ khuru độ cũng không hết.

Khi chư Tăng thọ thực xong, Đức Bôn Sư lấy y bát ra đi.

Tượng chúa rẽ lối đi chen vào chư Tăng, đến đứng ngay trước mặt Đức Bôn Sư. Chư Tăng lại bạch hỏi:

- Bạch Ngài! Tượng chúa định làm gì vậy?

- Này các Tỳ khuru! Tượng chúa muốn tiễn đưa các ông về cho sớm và giữ ta ở lại.

Đức Bôn Sư quay qua bảo Tượng chúa rằng:

-Này Pālileyyaka, hôm nay Như Lai ra đi không còn trở lại. Vĩnh biệt nhà người. Trong kiếp hiện tại này người chẳng mong gì đắc Thiền định, Minh sát hay chứng được đạo quả chi đâu. Thôi người hãy nán lại ở đây nghe.

Nghe vậy, Tượng chúa dứt vôi vào miệng, từ từ thụt lùi lại phía sau vừa đi vừa rống lên những tiếng bi ai sầu thảm (nếu nó cầm được Đức Như Lai ở lại, có lẽ nó sẽ hết lòng phụng dưỡng Ngài mãi mãi cho đến hết đời của nó).

Ra tới bìa rừng, Đức Bôn Sư kêu Tượng chúa và bảo:

- Này Palileyyaka! Từ đây trở ra không phải là địa phận của người, nếu người đi xa hơn nữa vào tới nhà cửa xóm làng có người ở, ắt là sẽ nguy hiểm cho người. Thôi người hãy dừng lại!

Tượng chúa bèn dừng lại, rống lên nghe rất thảm thiết. Nó giương đôi mắt nhìn theo Đức Bôn Sư cho đến khi khuất dạng rồi bị nứt tim, nó chết ngay tại chỗ đó, nhờ đang có tâm trong sạch với Đức Như Lai, nó được sanh về cõi Tāvātimsa (Đao Lợi) ở trong một tòa lầu đài bằng vàng ba mươi do tuần, có cả ngàn thiên nữ theo hầu và được mệnh danh là Pālileyyaka Thiên tử (Devaputta).

Đức Bôn Sư ngự hành lần hồi về tới Jetavana. Các Tỳ khuru ở Kosambi hay tin Đức Bôn Sư đã trở về thành Sāvatthī, bèn kéo nhau đến để xin sám hối.

Quốc vương xứ Kosala nghe tin chư Tăng tranh chấp ở Kosambi đi vào thành Kosala, bèn ngự đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

- Bạch Ngài! Quả nhân cảm không cho các Tỳ khuru ngộ nghịch ấy vào nước của quả nhân.

- Tâu Đại Vương! Tất cả những Tỳ khuru ấy đều là hạng người có giới đức thanh cao, chẳng qua vì tranh giành, kinh chống lẫn nhau mà không vâng lời Như Lai đó thôi. Nay họ đã biết ăn năn đến để xin sám hối Như Lai. Đại Vương hãy để cho họ đến.

Ông Anāthapiṇḍika cũng đến bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Con không cho mấy ông đó vào chùa.

Đức Bôn Sur lại giải thích cho ông nghe, như Ngài giải thích với đức vua, nên ông lẳng lẳng đi ra.

Khi các Tỳ khuru ở Kosambi đến, Đức Bôn Sur ra lệnh sắp đặt chỗ ở riêng biệt một phía cho họ ở chung, ngoài ra các Tỳ khuru khác không được ngồi chung, đứng chung hay tiếp xúc chuyện trò của họ.

Nhiều người nghe tiếng đồn, kéo nhau đến chùa hỏi thăm Đức Bôn Sur: “Bạch Ngài! Các vị nào là những vị Tỳ khuru tranh chấp ở Kosambi đâu?”.

Đức Bôn Sur chỉ ngay họ cho thiện tín thấy. Rồi hết người nọ đến người kia, họ lấy tay chỉ truyền nhau: “Nghe nói là mấy ông Sur đó đó”.

Thế rồi, chư Tỳ khuru ấy hổ thẹn chẳng dám ngược mặt ngó lên đến quỳ mọp dưới chân Đức Bôn Sur và xin sám hối với Ngài.

Đức Bôn Sur quở rằng:

- Này các Tỳ khuru! Việc làm của các ông thật là đáng tội, các ông được xuất gia tu hành với một vị Phật như Ta, mà các ông bất chấp lời khuyên dạy, chẳng khứng hiệp hòa. Bậc hiền trí thưở xưa lãnh lời di chúc của song thân sắp thọ tử hình, dầu cho song thân có bị thảm sát chết đi rồi, cũng không dám vi phạm lời di chúc ấy. Về sau được thống lãnh cả hai quốc gia.

Nói rồi, Đức Bôn Sur nhắc lại tích đức vua xứ Kosala một lần nữa và Ngài kết luận rằng:

“Này các Tỳ khuru, dầu cho Phụ vương và Mẫu hậu đã bị hành quyết rồi, Thái tử Trường sanh cũng không trái lời di chúc của Tiên vương. Về sau được vua Brahmadatta phong làm phò mã và nhường cả ngai vàng, thành ra một mình thống lãnh cả hai lãnh thổ là xứ Kāsi và Kosala. Còn các ông bây giờ cãi, không nghe lời Ta. Tội lỗi của các ông nặng nề biết mấy”.

Đến đây Đức Bôn Sur đọc lên bài kệ rằng:

“Pare ca na vijānanti,
Mayam’ettha yamāmase;
Ye ca tattha vijānanti,
Tato sammanti medhagāti”.

*“Nhóm kia tranh luận đảo điên,
Không ngờ: Mình tự tìm niềm diệt vong.
Nhóm này lý nọ hiểu thông,
Ta đây dứt sự lòng vòng hơn thua”.*



CHÚ GIẢI:

Pare ca: Theo nghĩa thông thường là “những người khác” nhưng ở đây không có nghĩa là người ngoài cuộc, mà ám chỉ những người đang tranh chấp. Gây sự xáo trộn trong đoàn thể, là những người thiếu sự hiểu biết, tương đối với nhóm này là

nhóm hiểu biết, không tranh chấp. Hoặc giả chỉ nhóm Tăng mà Như Lai đã khuyên giới: “Này các Tỳ khưu, đừng nên chia rẽ nhau”... mà chẳng chịu nghe lời, lại còn đáp rằng: “Vì chúng tôi còn tham sân...”.

Na vijānanti: Nghĩa là *không hiểu biết*, tức là không hiểu biết rằng: Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Hoặc giả là dốt nát đảo điên, chấp theo tà kiến, gắng làm tăng trưởng mầm sống chia rẽ tranh chấp với hi vọng rằng: “Làm vậy chúng tôi sẽ được danh tiếng”.

Mayam’ettha: Nghĩa là *chúng ta nơi đây*, ý nói trong việc tranh chấp, chia rẽ này, hoặc là ở nơi đây có sự chia rẽ này.

Yamāmase: Sự tiêu diệt, chư Tăng đang hòa hợp sống chung, bỗng nhiên sanh ra tranh giành, cãi vã, bất hòa, ấy là tự mình chặn đứng bước tiến của mình, tự mình tiêu diệt mình, tự mình đưa nhau đến chỗ suy vong mà không tự biết.

Ya ca tattha: Nghĩa là *những người ở tại đây*, chỉ nhóm người không tranh chấp, đối lại với nhóm kia ở câu kệ trên.

Hoặc giả chỉ những Tỳ khưu tranh chấp, nhưng sớm biết ăn năn tự hối, nhờ có sự lưu tâm, suy xét, cân phân lợi hại.

Vijānanti: Nghĩa là *hiểu biết*, tức là hiểu biết sự tai hại của sự chia rẽ và sức mạnh của sự đoàn kết to lớn dường nào.

Tato: *Từ đây* hay là *do đây*, từ đây là kể từ lúc người hiền trí nhờ lưu tâm quán xét thấu đáo được rằng: Sự tranh chấp chia rẽ là con đường đưa đến chỗ diệt vong.

Còn nói do đây, là do những người sớm biết lưu tâm quán xét tự nhận tội lỗi để cùng nhau hợp hòa trở lại, do người như vậy làm gương cho người khác noi theo.

Samanti medhagātī: Các sự tranh chấp, cãi lầy hiện thuyết hơn thua, phải quấy thay đều yên lặng chấm dứt, không còn kéo dài lòng thông nữa.

Đến cuối câu kệ, chư Tỳ khưu đều đắc quả nhất là quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cần Đề

*Hai nhóm Tỳ khưu Kiều Thưởng Di,
Nghịch nhau bởi có chẳng ra gì.
Nước thừa, lại phá Tăng hòa hiệp,
Giới nhỏ sao làm chúng đoan ly.
Phật dạy không nghe lời quý ích,
Thầy chung sẽ được tiếng cao kỳ.
Từ Tôn vắng bóng còn ai hộ.
Bụng đói thì thôi hết thị phi.*

DỨT CHUYỆN CÁC TỖ KHƯU Ở KOSAMBI





Some know not that life ends in death. Thought of death prevents quarrelling.

06. Một số người không biết rằng đời sống chấm dứt bằng cái chết, suy tư về cái chết sẽ ngăn chặn mọi tranh chấp

I.6- Tích TIỂU HẮC VÀ ĐẠI HẮC

(Cullakāḷamahākāḷa vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 07-08)

07. “Subhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi amattaññuṃ,
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ;
Taṃ ve pasahati māro,
Vāto rukkhaṃ’va dubbalaṃ”.

*“Ai sống theo thị dục,
Các căn chẳng thu thúc,
Ăn uống vô độ điều,
Biếng lười không tận lực,
Ma thắng người ấy như,
Gió đè cây yếu sức”.*

08. “Asubhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu susaṃvutaṃ;
Bhojanamhi ca mattaññuṃ,
Saddhaṃ āraddhavīriyaṃ;
Taṃ ve nappasahati māro,
Vāto selaṃ’va pabbatanti”.

*“Ai bất tịnh quán tu,
Các căn khéo nhiếp thu,
Ăn uống có tiết độ,
Chánh tín và cần cù,
Ma chẳng thắng người ấy.
Như gió thổi sơn đầu”.*

Kệ Pháp Cú 7 và 8 này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Setabya, trong rừng Simsapa, đề cập đến hai anh em Cullakāḷa và Mahākāḷa.

Cullakāḷa (Tiểu Hắc), Majjhimakāḷa (Trung Hắc) và Mahākāḷa (Đại Hắc) là ba anh em Trưởng giả ở thành Setabya. Trong ba người, anh cả và em út chuyên đi xứ xa bỏ hàng trở về bằng năm trăm cỗ xe bò, người giữa ở lại xứ nhà lo việc buôn bán.

Công việc hợp tác buôn bán giữa ba anh em vẫn trôi chảy đều đều như vậy, cho đến một lúc nọ sau khi chất đủ thứ hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe bò. Hai vị thương khách lên đường trở về thành Sāvattihī. Đến khoảng giữa đường của thành Sāvattihī và chùa Jetavana. Họ cho đoàn xe dừng lại và mở thả bò ra, nghỉ đêm tại đó.

Sáng hôm sau, Trưởng giả Mahākāḷa trông thấy các thánh Thinh Văn ở thành Sāvattihī, tay cầm hương hoa lễ vật đi nghe thuyết pháp. Trưởng giả Mahākāḷa bèn hỏi:

- Máy người này đi đâu vậy?

Khi biết mục đích của cuộc hành hương. Trưởng giả Mahākāḷa nói thềm: “Ta cũng đi nữa”.

Nghĩ rồi Trưởng giả kêu em út và dặn rằng:

- Này em! Em hãy ở đây trông chừng đoàn xe, để anh đi nghe thuyết pháp.

Dặn em rồi, Mahākāḷa ra đi, đến đánh lễ Đức Như Lai xong, ngồi xuống một nơi ngoài vòng cử tọa.

Ngày ấy, tùy theo trình độ của Mahākāḷa, Đức Bôn Sư đã thuyết tuần tự pháp, giảng giải kinh Khổ Uẩn và các kinh khác nữa, chỉ rành chỗ tai hại, lầm lỗi, ô nhiễm của Ngũ trần dục lạc.

Mahākāḷa nghe pháp xong tự nghĩ: “Trước sau gì con người cũng phải một lần ra đi, phải tay bỏ hết những vật hiện hữu, một mình lẻ loi sang cảnh giới khác, của tiền, thân quyến nào có ai theo. Vậy ta còn nần ná ở nhà làm gì? Ta nhất định sẽ xuất gia”.

Chờ cho đại chúng trong hội trường đánh lễ Đức Bôn Sư ra về hết. Mahākāḷa đến xin Đức Bôn Sư cho mình được xuất gia.

Đức Bôn Sư bèn hỏi:

- Ông còn có ai mà phải từ già không?
- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai út.
- Nếu vậy, ông hãy trở về từ già đưa em trai út của ông đi.
- Sādhu! Bạch Ngài.

Đáp xong Mahākāḷa trở về chỗ đoàn xe, tìm gặp Cullakāḷa và bảo: “Này em! Em hãy nhận làm chủ hết cả tài vật này đi”.

- Còn anh thì sao? Thưa anh! Anh sẽ đi đâu?
- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Bôn Sư.

Cullakāḷa viện đủ lí lẽ để anh mình từ bỏ ý định xuất gia, nhưng không được. Rốt cuộc Cullakāḷa bảo:

- Sādhu! Lành thay, xin Trưởng huynh hãy làm theo ý định.

Mahākāḷa bèn xuất gia với Đức Bôn Sư.

Kể đó, Cullakāḷa cũng xuất gia, nhưng trong tâm tính thầm rằng: “Hễ lôi kéo anh ta ra được rồi thì ta cũng sẽ hoàn tục”. Thời gian sau, Mahākāḷa thọ Cụ túc giới, tu lên bậc trên xong, bèn đến đánh lễ Đức Bôn Sư và hỏi về hai pháp trọng yếu trong Phật giáo.

Sau khi nghe Đức Bôn Sư thuyết minh về hai pháp ấy, Mahākāḷa bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con nay đã lớn tuổi rồi mới xuất gia, chắc không kham nổi Pháp học cho trọn đủ được, nhưng con có thể hy vọng thành tựu pháp hành Minh Sát.

Thế rồi, Tỳ khuru Mahākāḷa học lấy đề mục bất tịnh (tử thi) để niệm cho đặc quả A La Hán và thọ trì chi đầu đà ngụ nơi mộ địa (Sosanikadhutaṅga).

Lối cuối canh đầu, khi mọi người đều an giấc, Trưởng lão Mahākāla đi vào mộ địa hành thiền và khi mặt trời gần sáng, trước khi thiên hạ thức dậy, Trưởng lão trở về chùa.

Khi ấy, người giữ mộ địa là một phụ nữ, tên là Kālī, có phận sự thiêu xác chết, thấy bóng Trưởng lão Mahākāla thấp thoáng giữa canh khuya, khi đứng, khi ngồi, hoặc đi tới đi lui trong nghĩa địa, bèn tự hỏi: “Ai mà vào chi đây, ta phải rình coi cho biết mặt”.

Nhưng rình coi mãi cũng không thể đoán biết được người ấy là ai? Một hôm Kālī thắp một cây đèn treo trong nhà thiêu xác rồi dắt con trai, con gái ra núp ở một phía bên ngoài. Gần nửa đêm Kālī thấy Trưởng lão đi đến, bèn ra đánh lễ Trưởng lão và hỏi:

- Bạch Ngài! Một vị Sư cao quý như Ngài mà ngụ ở chỗ này sao?

- Phải đó, cô tín nữ.

- Bạch Ngài, Ngài cư ngụ nơi mộ địa cần phải tuân theo một vài thủ tục.

Trưởng lão không nói: “Cô tưởng rằng ta sẽ làm theo những quy tắc của cô đưa ra hay sao?”. Nhưng Trưởng lão chỉ hỏi:

- Này cô tín nữ! Tôi phải tuân hành theo những thủ tục gì?

- Bạch Ngài! Người cư ngụ nơi mộ địa cho vị trụ trì chùa mình và cho vị xã trưởng trong làng mình hay biết.

- Vì lý do nào?

- Dạ! Bởi vì bọn ăn trộm sủa khi lấy được đồ, khi bị chủ nhà rượt đuổi theo, tung nước thường hay ném tang vật vào trong mộ địa để thoát thân. Bởi thế người ta mới hăm dọa những người cư ngụ trong mộ địa, nhưng nếu Ngài đã có trình báo đảng hoàng với nhà chức trách, thì khỏi lo phiền phức về sau vì đã được những người có thẩm quyền chứng nhận rằng: “Chúng tôi chứng nhận vị Đại đức này có khai báo trong thời gian cư ngụ nơi đây vị này không phải là kẻ trộm”. Do đó mà Ngài cần trình báo với người hữu trách đúng theo thủ tục.

Trưởng lão lại hỏi:

- Ngoài ra còn phải làm gì nữa không?

- Bạch Ngài, trong thời gian cư ngụ nơi mộ địa, Ngài phải kiêng cử cả thịt, cá, mè, trứng, đường mật, bột... Ngài không được ngủ ngày, không nên lười biếng. Ngài phải luôn luôn tinh cần dững mãnh, không có sự gian dối, phải có nhiều thiện chí. Buổi tối chờ khi mọi người ngủ hết rồi, Ngài mới nên từ chùa đến đây. Gần sáng mọi người chưa thức dậy, Ngài nên trở về chùa.

Bạch Ngài, nếu như Ngài cư ngụ nơi đây, hành y như thế mà đạt đến mục đích tối cao của đời tu sĩ, thì hễ khi nào có tử thi mang đến vứt bỏ tại đây, tôi sẽ đem xác ấy vào nhà thiêu dùng hương hoa lễ vật cúng tế vong linh của người quá cố.

Nhược bằng Ngài không thành tựu được theo cách ấy thì tôi sẽ đặt tử thi lên giàn hỏa châm lửa đốt, lại lấy cây cọ nhồi đấm cho xì nước, rồi lôi ra ngoài dùng búa đập chặt đứt ra nhiều khúc ném trở vào lửa, để Ngài chứng kiến rồi lấy đó làm đề mục tham thiền.

Nghe xong, Trưởng lão đáp:

- Sādhu! Lành thay, vậy khi cô thấy có xác nào có thể làm đề mục niệm tử thi được, thì báo tin cho ta.

Sau đó, trong khi chờ đợi, Trưởng lão Mahākāḷa vẫn noi theo bốn nguyện hành Sa môn pháp ở nơi mộ địa.

Trưởng lão Cullakāḷa vốn tánh hoạt bát, hiếu động, không thích ngồi yên, chỉ tưởng nghĩ đến gia đình, thương nhớ vợ con, Trưởng lão nói thầm: “Anh ta lựa chi con đường tu hành quá khổ khắc như thế không biết”.

Khi ấy, có một thiếu phụ con nhà giàu sang vương bệnh thành linh, sớm đau chiều chết, nên thi thể không sứt kém tòi tàn.

Đầu hôm, thân quyến bạn bè của cô đưa xác cô ta vào mộ địa với củi khô, dầu và các món vật dụng để thiêu xác, rồi bảo cô giữ mộ địa: “Hãy thiêu xác này đi”.

Trả trước lệ phí, những người ấy giao xác cho cô giữ mộ địa.

Khi cô giữ mộ địa cời hết y phục của thiếu phụ chết ra. Thì thấy lồ lộ nguyên cả thân hình, tròn trịa xinh xắn, một màu vàng ánh. Cô ta nghĩ ngay rằng: “Tử thi này là một đề mục thích ứng vừa cho ta thỉnh Trưởng lão tới quán niệm”.

Cô ta lập tức đi tìm Trưởng lão, đánh lễ xong rồi bạch rằng:

- Tôi vừa mới được một tử thi làm đề mục niệm tốt vô cùng, xin thỉnh Ngài đến quán sát.

- Sādhu! Lành thay!

Đáp lời xong, Trưởng lão đến ngay, khiến giờ lớp y phục che phủ trên tử thi và nhìn kỹ từ gót chân lên ngọn tóc. Rồi Trưởng lão bảo: “Hãy ném cái xác thân đẹp dễ vàng ánh này vào lửa và khi nào lửa bắt đầu cháy xém xác thân thì hoan hỷ báo cho ta biết”.

Dặn rồi Trưởng lão trở về chỗ cũ của mình và ngồi xuống. Cô giữ mộ địa làm theo lời dặn rồi đến báo cho Trưởng lão biết. Trưởng lão đến quan sát tử thi, khi lửa bén cháy tới thịt thì xác thân trở nên màu giống như con bò cái, rồi hai chân rút ra đánh tòn ten, hai tay rút lại cong queo, chỗ trán không còn chút da.

Trưởng lão nghĩ thầm: “Cái thi hài này khi này, ai nhìn tới ắt cũng sanh lòng thương yêu lưu luyến, mà bây giờ tiêu hoại đã tan như vậy”.

Trở về chỗ cũ, Trưởng lão ngồi xuống, quán xét thấy rõ lý hoại diệt (Khayavaya) cảm kích ngâm lên mấy câu kệ vô thường:

“Aniccā vata saṅkhārā
Uppādavayadhammino
Uppajjitvā nirujjhanti
Tesaṃ vūpasamo sukhoti”.

Lược dịch:

*“Hữu vi quả thật chẳng miên trường,
Sanh diệt xưa nay vẫn sự thường.
Các pháp tự sanh rồi tự diệt,
Diệt sanh tịch tịnh mới an khương”.*

Đọc xong bài kệ, Trưởng lão tăng tiến pháp Thiền Minh sát, đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Lúc Trưởng lão đắc A La Hán thì Đức Bôn Sur cùng đại chúng Tỳ khưu cất bước du hành ngự đến gần thành Setabya vào tịnh cư trong rừng Sīṃsapa.

Mấy bà vợ của Cullakāḷa nghe đồn: “Đức Bôn Sur đã về gần đây”, bèn bàn tính với nhau: “Chúng ta sẽ bắt chồng ta trở lại mới được”, tính rồi họ cho người đi thỉnh Đức Bôn Sur.

Theo thông lệ của chư Phật, nhà nào muốn thỉnh Phật và chư Tăng thì phải sắp đặt chỗ ngồi cho có trật tự đúng pháp, thường thì một vị sư được phái đến đó trước để chỉ biểu cách thức như vậy: Ngay chính giữa là chỗ danh dự để Đức Phật ngự một mình, phía phải là chỗ của Đại đức Sāriputta, phía tay trái là chỗ của Đại đức Moggallāna, kể từ đó sắp hai dãy ghế của chư Tăng.

Lúc ấy, Đại đức Mahākāḷa đang đứng trong chỗ để y bát, bèn bảo Trưởng lão Cullakāḷa: “Sư về đó chỉ biểu sắp đặt chỗ ngồi trước đi”.

Từ lúc người nhà trông thấy Cullakāḷa, họ bày ra chuyện trớ trêu, đem chỗ ghế thấp sắp ngay hàng đầu nơi chỗ dành riêng cho chư Đại đức và sắp những ghế cao vào các nơi những vị mới tu.

Tỳ khưu Cullakāḷa nhắc đi nhắc lại:

- Đừng làm như vậy, đừng sắp ghế thấp ở chỗ cao và ghế cao ở chỗ thấp.

Bảo đến lần thứ ba, họ đã chẳng thềm nghe mà hỏi lại:

- Chớ còn ông làm gì mà chẳng chịu ra tay sắp chỗ ngồi, cứ ở không đi tới đi lui hoài vậy? Lúc đi tu ông có từ giã ai không? Ai cho ông xuất gia? Ông về đây làm gì?

Nói rồi họ ráp nhau xé rách y trong, y ngoài của Trưởng lão Cullakāḷa, lấy thường phục màu trắng thay cho ông rồi nói:

- Bây giờ ông đi thỉnh Đức Bôn Sur đi để chúng tôi ở nhà mà sắp đặt chỗ ngồi.

Vừa mới tu lên Tỳ khưu chưa có hạ nào, kể hoàn tục vừa theo sở thích nên Cullakāḷa chẳng chút hổ thẹn, cũng không thắc mắc ngại ngùng vì lỗi phục sức đó. Ông ta đi ngay đến nơi Đức Bôn Sur, đánh lễ Ngài xong, xin rước luôn chư Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trở về nhà.

Mấy bà vợ của Trưởng lão Mahākāḷa tính với nhau: “Hai cô này đã bắt được chồng họ quay trở về, chúng ta phải bắt chồng chúng ta quay trở về mới được”.

Tính rồi, mấy bà chờ chư Tăng độ ngọc xong, bèn thỉnh Đức Bôn Sur và chư Tăng ngày hôm sau, thọ thực nơi nhà của mình.

Lần này một vị Tỳ khưu lạ đến trước, chỉ bảo cách sắp đặt chỗ ngồi, mấy bà không có cơ hội để bắt cóc chồng cũ, bèn thỉnh Đức Phật và chư Tăng an tọa xong, dâng vật thực.

Lúc bấy giờ có đủ mặt hai bà vợ của Cullakāḷa, bốn bà vợ của Majjhimakāḷa, tám bà vợ của Mahākāḷa.

Chư Tăng vị nào muốn thọ thực trong nhà thì ngồi đó dùng, còn vị nào muốn ra ngoài thì sau khi thọ bát rồi đứng dậy ra đi. Đức Bôn Sur ngồi luôn nơi đó thọ thực.

Khi Ngài dùng xong bữa, các phụ nữ ấy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trưởng lão Mahākāḷa còn phải ở lại tụng kinh hồi hướng phước báu, xin cung thỉnh Ngài hoan hỷ trở về trước với chư Tăng.

Đức Bôn Sur đáp: “Sādhū!”.

Rồi Ngài ra về trước, để Trưởng lão Mahākāḷa ở lại một mình. Về đến cổng thành, chư Tăng mới lên tiếng than phiền rằng:

- Tại sao Đức Tôn Sư làm như vậy, không biết là Ngài cố ý hay vô tình? Hôm qua cho Cullakāḷa về nhà trước đã làm hại cuộc đời tu hành của ông ta rồi. Hôm nay phái một vị Tỳ khưu lạ đến trước, nên không có sự tai hại nào xảy ra, bây giờ Đức Bôn Sur lại bảo Mahākāḷa ở lại một mình và Ngài ngự ra về trước, tội nghiệp Tỳ khưu Mahākāḷa giới đức chơn chánh, không biết có bị mấy bà vợ cũ làm hư phạm hạnh, kết liễu cuộc đời tu sĩ hay không?

Nghe chư Tăng bàn tán, Đức Bôn Sur dừng bước quay lại hỏi:

- Này các Tỳ khưu! Các ông đang nói chuyện gì vậy?

Chư Tăng lặp lại lời vừa nói với Đức Bôn Sur. Ngài nói:

- Này các Tỳ khuru! Các ông cũng tính rằng Mahākāḷa cũng bị như Cullakāḷa hay sao?

- Bạch Ngài! Đúng như vậy vì Cullakāḷa chỉ có hai vợ, còn Mahākāḷa có đến tám vợ. Nếu tám bà này ráp nhau vây bắt, ông ta làm sao thoát khỏi, bạch Ngài.

Đức Bôn Sur dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các ông chớ nên nói như thế, Cullakāḷa đã quen sống đời phóng túng, bằng thứ tư tưởng chạy theo dục lạc ngũ trần, như cây mềm yếu mọc dựa bờ sông. Trái lại con của Như lai Mahākāḷa sống không ham dục lạc, hành thiền quán bất tịnh như núi đá kiên cố không bị lay chuyển.

Nói rồi, Đức Bôn Sur ngâm hai bài kệ sau đây:

“Subhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi amattaññuṃ,
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ;
Taṃ ve pasahati māro,
Vāto rukkhaṃ’va dubbalaṃ”.

“Asubhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi ca mattaññuṃ,
Saddhaṃ āraddhavīriyaṃ;
Taṃ ve nappasahati māro,
Vāto selaṃ’va pabbatanti”.

*“Người ham khoái lạc vui đùa,
Lục căn chẳng giữ lại ưa ăn nhiều.
Biếng lười phận sự bỏ liều,
Ma vương mới dễ dắt dìu khiến sai.
Cây mềm gió lốc dễ bay,
Người hèn khó thoát khỏi tay dục tình”.*

*“Lục căn khôn khéo giữ gìn,
Uống ăn tiết độ vững tin pháp thiền.
Thanh bản giữ một lời nguyên,
Quán thân bất tịnh, tinh chuyên tu hành.
Như đông đặng núi đá xanh,
Ma Vương muốn thắng cũng đành bó tay”.*

CHÚ GIẢI:

Subhānupassim (theo thị dục): là ưa thích sự khoái lạc về thể xác, ở đây có nghĩa là buông thả tâm hồn, tư tưởng cho chạy theo đối tượng là người nữ (itthārammaṇa).

Viharantaṃ (sống): là nường vào, là cần phải có, người nam nào đang ấp ủ một bóng sắc mà mình say mê, đang nắm giữ những nét kiều diễm mà mình đắm đuối, luôn miệng trầm trồ: “Móng tay đẹp quá, ngón tay đẹp quá”... hai tay, hai chân, bắp chuối chân, ngực, háng, bụng, vú, cổ, môi, răng, miệng, mũi, mắt, tai, mày, trán, tóc đẹp quá, rồi lấy tay sờ rẫm, cầm vuốt ve... tóc, răng, móng, da đẹp rồi lấy tay sờ... màu da đẹp, dung nhan đẹp... rồi chiêm hữu giữ gìn. Như vậy gọi là chạy theo khoái lạc.

Câu “Ai sống theo thị dục” chỉ hạng người như thế.

Indriyesu (các căn): là Lục căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Asaṃvutaṃ (chẳng thu thúc): là không gìn giữ sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Amattaññuṃ (vô độ lượng): là không biết tri túc, không có chừng mực trong sự tìm kiếm, trong sự thọ lãnh, trong sự dùng xài.

Bhojanamhi amattaññuṃ (ăn uống vô độ): Là trong sự ăn uống không biết quán tưởng, không biết từ chối, không biết phân biệt rằng: Món thực phẩm này hợp lẽ đạo (dhammiko), món thực phẩm kia không hợp lẽ đạo (adhammiko).

Kusītaṃ (biếng lười): là biếng lười trong sự suy xét để thấy rõ tội lỗi ác hại của Ngũ trần dục lạc.

Hīnavīriyaṃ (kém tinh tấn): là không tấn lực, không cố gắng, thiếu sự tinh cần dũng mãnh hành trì trong bốn oai nghi.

Pasahati māro (Ma thắng): là ma vương thâm phục, lấn áp, đè nén.

Vāto rukkhaṃ va dubbalanti (như gió đè cây yếu): là như đông to gió lớn thổi rạp những cây yếu ớt mọc ở bờ sông, đông gió ấy làm cho bông trái, lá đọt phải rơi rụng, nhánh nhỏ phải đứt đoạn, nhánh lớn phải gãy lìa, gốc rễ tróc bật lên, cả cây phải nằm chổng gọng, gốc trở lên trời, ngọn cắm xuống đất.

Con người tu hành mà yếu đuối nhu nhược, cũng bị phiền não Ma vương quật ngã như thế ấy, những giới nhỏ của Tỳ khưu như tác ác, ác khẩu, Ưng học pháp ví như bông trái, lá, đọt, của cây, những giới vừa là Ưng xả đối trị và Ưng đối trị ví như nhánh nhỏ, mười ba giới Tăng tàng ví như những nhánh lớn. Còn bốn giới Bất cộng trụ ví như gốc rễ của cây. Người tu mà yếu hèn chịu nằm ẹp dưới quyền lực của phiền não Ma vương để cho dục tình chi phối sai sử rồi thì bao nhiêu giới nhỏ, lớn cũng đều

vi phạm và cuối cùng phải hư hỏng phạm hạnh, sa ngã là người cư sĩ bạch y, không còn dự hàng Thánh Văn đệ tử của Đức Phật nữa.

Asubhānupassin (*Bất tịnh quán*): là quán niệm một trong mười đề bất tịnh (tử thi) hoặc niệm ba mươi hai thể trược, niệm thuận khởi đầu từ tóc là vật bất tịnh rồi đến lông, móng, răng, da, tất cả hình hài này là vật bất tịnh.

Viharantaṃ (*tu*): là tinh tấn quán niệm như trên.

Indriyesu (*các căn*): là sáu căn đã giải.

Susamvutaṃ (*khéo nhiếp thu*): là dứt được say mê nữ sắc, đóng chặt các cửa, không cho tâm tiếp xúc với Lục trần là sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp.

Bhojanamhi ca mattaññum (*Ăn uống có tiết độ*): là ăn uống có chừng mực, nghịch hản với sự vô tiết độ.

Saddhaṃ (*Chánh tín*): là có đức tin nơi nghiệp quả tương quan, đức tin của phàm nhơn gọi là phàm tín (lokiyassaddha) nhờ sự suy xét hành thiện và nhận thức được tin có ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Đức tin của bậc Thánh nhân là Thánh tín (Lokuttarassaddha) nhờ được giải thoát mà tin nơi đạo quả và Niết Bàn.

Āraddhavīriyaṃ (*Cần cù*): là có sự tinh tấn bền bỉ, dẻo dai có nhiều nghị lực chịu được gian khổ.

Taṃ ve (*Người ấy*): là người giới hạnh như vậy.

Nappasahati māro (*Ma không thắng*): là Ma vương không thể lấn áp, thâm phục.

Vāto selaṃ'va pabbatanti (*như gió thổi núi đá*): là như gió, dầu cho mạnh đến bậc nào cũng không lay chuyển, đàn áp được khối đá to mà vững chắc như núi.

Cũng như thế, phiền não Ma vương không thể đàn áp, lay chuyển đối với tâm tánh của người có giới đức kiên cố được.

Đại đức Mahākāla còn ở lại một mình, bị tám bà vợ cũ ráp lại bao vây mà hỏi: “Ông đi tu có từ giã ai không? Bây giờ ông chịu hoàn tục hay không?”.

Hỏi rồi, tám bà ra tay lột bộ y vàng của Đại đức. Thấy tình thế nguy ngập, Đại đức vội vã đứng dậy, dùng thần thông bay lên phá trống nóc nhà thoát ra ngoài, theo đường hư không bay theo kịp Đức Bôn Sur lúc Ngài vừa đọc dứt hai kệ ngôn. Đại đức đứng ở giữa hư không, tán tụng kim thân của Đức Bôn Sur, rồi đáp xuống đất, đánh lễ dưới chân Ngài.

Cùng lúc kệ ngôn chấm dứt, những Tỳ khưu có mặt nói đó đều chứng Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tiểu Hắc tâm còn luyến thế gian,
Theo anh tạm khoác bộ y vàng.
Của đời chưa chán mùi cam chỉ,
Đường đạo nào kham bị khổ toan.
Lấp lửng chờ anh, anh bước thẳng,
Chàng ràng kiếm vợ vợ lới ngang.
Đội hoa lại mặc đồ cư sĩ,
Chẳng tị hiềm chi chẳng hổ hang.
Đại Hắc lòng không luyến tục trần,
Mong tìm đạo quả bậc siêu nhân.
Nửa đêm đứng quán bên thi thể,
Hằng bữa ngồi tu sát mổ phần.
Thấu lẽ vô thường sanh với diệt,
Quên niềm phu phụ ái và ân.
Xem chừng tám ả vừa sanh sự,
Trở nóc phi đằng giải thoát thân.*

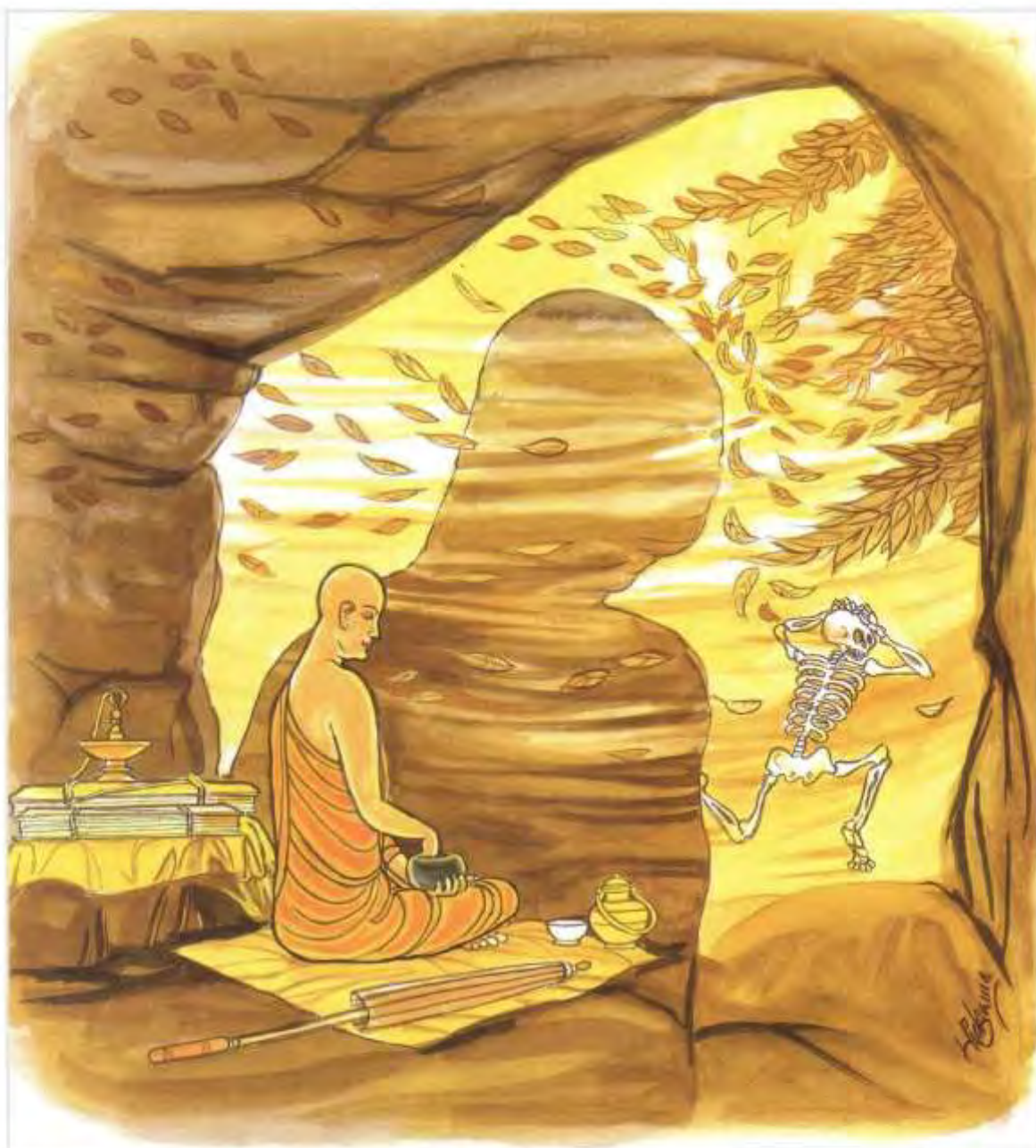
DỨT TÍCH TIỂU HẮC, ĐẠI HẮC





Death overpowers the sensuous, undisciplined and gluttonuous like the wind a weak tree.

**07. Tử thần đánh bại những kẻ thích dục lạc, phóng dật và tham ăn,
như ngọn gió đánh ngã một cây yếu ớt.**



Death overpowers not the steadfast thinker just as the wind does not tremble a firm rock.

**08. Từ thân không chiến thắng người Quán Minh Sát tinh cần,
cũng như ngọn gió không làm rung động tảng đá kiên cố.**

I.7- Tích DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ

(Devadattassa Kāsāvalabha vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 09-10)

“Anikkasāvo kāsāvaṃ,
Yo vatthaṃ paridahessati;
Apeto damasaccena,
Na so kāsāvaṃ arahati”.

“Yo ca vantakāsāv’assa,
Sīlesu susamāhito;
Upeto damasaccena,
Sa ve kāsāvaṃ arahati”.

*“Ai muốn đắp huỳnh y,
Phiền trước chưa đoạn ly.
Không chơn thật tự chủ,
Y, người chẳng thích nghi”.*

*“Ai phiền trước đoạn ly,
Giới luật khéo tu trì.
Tự chủ cách chơn thật,
Người ấy xứng huỳnh y”.*

Kệ Pháp Cú (9 và 10) này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Devadatta thọ lãnh y quý giá ở thành Rājagaha (Vương Xá).

Một thưở nọ, hai vị Thượng Thịnh Văn, mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng, đến từ giả Đức Bôn Sur, đánh lễ Ngài rồi cùng nhau rời chùa Jetavana, lên đường sang thành Rājagaha.

Dân chúng ở thành này hiệp nhau từng nhóm hai ba người hoặc nhiều hơn nữa, thỉnh Tăng để bát, theo phép cúng dường mỗi Tỳ khưu mới đến.

Một hôm nhân cơ hội đó, Đại đức Sārīputta trong khi hồi hướng phước báo có thuyết giảng rằng:

“Nầy chư thiện tín, một người tự mình làm phước cúng dường không khuyên rủ ai khác, kiếp sau tái sanh ở nơi nào chỉ được đầy đủ tiền của (Bhogasampadā) chứ không được đầy đủ những người tùy thuộc (parivārasampadā).

Một người không làm phước cúng dường, lại không kêu gọi ai khác thì kiếp sau tái sanh ở nơi nào cũng cô độc bần cùng, cơm bữa ngày hai bữa chẳng đủ no bụng.

Còn một người vừa tự mình làm phước cúng dường vừa khuyên rủ nhiều người khác làm chung với mình, thì hàng trăm hoặc hàng ngàn hoặc hàng trăm kiếp tái sanh ở nơi nào cũng được đầy đủ cả hai phương diện tài sản dồi dào, tùy thuộc đông đảo! Còn một người không làm phước cúng dường, nhưng lại khuyên rủ người khác làm phước, thì sanh ở nơi nào sẽ bần cùng, nhưng có nhiều tùy thuộc”.

Nghe vậy, một vị trí thức nghĩ rằng: “Ông ơi! Thời pháp vừa thuyết thật huyền diệu làm sao, hy hữu làm sao đâu. Chỉ cách tạo phước lành đầy đủ cả hai chi. Ta phải ráng thực hành để tạo phước báu đầy đủ cả hai phương diện”.

Nghĩ rồi vị ấy bèn thỉnh Đại đức:

- Bạch Ngài, chúng tôi xin thỉnh Trai Tăng ngày mai.

Đại đức hỏi:

- Này ông thiện nam, ông cần thỉnh bao nhiêu vị?

- Bạch Ngài! Ngài có bao nhiêu vị tùy tùng?

- Một ngàn, này thiện nam.

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài luôn với tất cả chư Tăng ngày mai đến nhà để thọ thực.

Đại đức im lặng nhận lời.

Trên đại lộ vào thành, gặp người nào ông thiện nam ấy cũng rủ: “Này quý ông bà, tôi xin thỉnh Trai Tăng được một ngàn vị sư. Quý ông có thể hùn phước cúng dường chừng bao nhiêu vị? Quý bà chừng bao nhiêu vị?”.

Mỗi người hứa cúng nhiều ít tùy theo phương tiện của mình. Họ nói: “Chúng tôi xin cúng mười vị, chúng tôi hai mươi vị, chúng tôi ba mươi vị, chúng tôi một trăm vị...”.

Vị trí thức bèn xếp đặt tất cả câu hội tại nhà của mình ông nói: “Thế thì chúng ta hãy hợp nhau lại một chỗ để nấu nướng và dâng cúng cho tiện? Quý bạn hãy đem tất cả vật thực như dầu mè, gạo bột, đường... đến nhà tôi”.

Lúc ấy, có một ông Trưởng giả hùn phước một xấp vải may y xứ Gandhāra, trị giá một trăm ngàn đồng và nói: “Nếu quý vị góp vật thực còn thiếu thì hãy bán vải y này gộp thêm cho đủ, nếu như không thiếu thì tùy ý muốn dâng cúng đến vị Đại đức nào thì dâng”.

Sau khi mọi người chung đậu để làm phước Trai Tăng đủ cả, không còn thiếu món chi, ông chủ lễ bèn hỏi phần đông rằng: “Vải y vô giá này của ông Trưởng giả hùn phước với những lời dặn như vậy đó. Bây giờ chúng ta làm phước đầy đủ rồi, còn dư ra vậy chúng ta nên dâng đến vị Sư nào?”.

Một nhóm người đề nghị: “Hãy dâng đến Đại đức Sārīputta”.

Một nhóm khác nói: “Đại đức chỉ đến với chúng ta một năm một kỳ trong mùa lúa chín. Còn Sư Devadatta là người bạn thường trực của chúng ta, cả trong những ngày lễ và ngày thường, lúc nào cũng gần gũi sẵn sàng bên chúng ta như bình nước uống. Vậy chúng ta nên dâng vải này đến Sư”.

Sau khi thảo luận rất lâu, nhiều người vì chỗ cảm tình quen biết, đồng ý chấp thuận dâng xấp vải y quý giá đến Tỳ khuru Devadatta.

Được vải, Devadatta cắt đôi ra làm y nội và y vai trái (hạ và thượng y) may, nhuộm xong, liền mặc y mới đi tới đi lui.

Nhiều người thấy chương mắt phê bình rằng: “Y này coi Devadatta mặc không xứng đáng. Phải Đại đức Sārīputta mặc mới xứng. Vậy mà Devadatta vận y vàng không xứng với mình, đi tới đi lui coi thật không được”.

Khi ấy, có một vị Tỷ khuru du hành từ thành Rājagaha về thành Sāvattthī, đánh lễ Đức Bôn Sur và thỉnh an Ngài xong, Ngài bèn hỏi thăm sự an vui của hai vị Đại đệ tử. Vị này bèn bạch hết câu chuyện bộ y quý về tay người không xứng đáng với Đức Thế Tôn. Đức Bôn Sur nói:

- Này Tỷ khuru! Không phải kiếp này Devadatta mới lạm đắp y vàng đâu. Hồi tiền kiếp, ông ta cũng từng lạm đắp y vàng như thế rồi.

Nói xong, Ngài kể luôn chuyện tiền thân của nhà Sur vô sĩ:

“Xưa kia, dưới triều của Quốc vương Brahmadatta, đóng đô tại thành Bārāṇasī, có một người thợ săn cư ngụ trong thành. Anh ta chuyên nghề săn bắn voi lấy ngà, móng, ruột và thịt nạc voi đem bán để chi độ hộ khẩu.

Lúc ấy, trong rừng già có đoàn voi gom cả ngàn thớt về quần tụ để kiếm ăn, đi theo đường gặp những vị Phật Độc Giác. Từ đó về sau, mỗi khi qua lại ngang chỗ chư Phật ngồi tịnh, đàn voi đều quỳ gối đánh lễ các Ngài rồi mới dặng đi.

Một hôm, tên thợ săn trông thấy hành động ấy của đàn voi, thì thầm nghĩ rằng: “Những con tượng này ta đến gần hạ chúng được rất là khó khăn, thế mà mỗi lần qua lại, chúng đều dùng chân đánh lễ chư Phật Độc Giác, không biết chúng nhìn thấy cái chi mà chúng đánh lễ?”.

Sau khi suy nghĩ, tên thợ săn nói thầm: “Chắc tại thấy bộ y vàng”.

Anh ta bèn tính thầm: “Ta cần phải kiếm cho được một bộ y vàng”. Nhon dịp một vị Phật Độc Giác xuống tắm dưới ao, anh ta lén lấy trộm, rồi ra chỗ đường mà voi năng đi lại, tay lăm le cầm cây lao nhọn đắp y lên che kín, ngồi chờ.

Đàn voi đi tới, tưởng lầm anh ta là một vị Độc Giác Phật, nên dùng chân đánh lễ, rồi mới đi qua. Tên thợ săn chờ cho đàn voi qua hết, rút lao ra phóng giết con đi sau cùng, lấy ngà, móng, ruột, thịt nạc rồi còn dư bao nhiêu đều đào đất chôn cho mất tích, đoạn anh ta rời khỏi rừng đi về thành.

Thời gian sau, nhằm lúc Đức Bồ Tát giáng sanh làm tượng chúa, cầm đầu cả đoàn voi, tên thợ săn vẫn còn dùng cách ấy. Đức Bồ Tát là tượng chúa, thấy đàn voi của mình ngày một hao hụt, bèn hỏi những voi khác rằng: “Những voi này đi đâu mất mà đàn ta ngày càng thưa thớt vậy?”.

- Thưa chúa Tượng, chúng tôi không biết.

Nghe đáp như vậy, chúa Tượng tự nghĩ: “Chúng đi đâu mà chẳng hỏi xin ta kìa, chắc không phải đi đâu, có lẽ chúng đã bị tai nạn”.

Rồi Tượng chúa phát nghi rằng: “Chắc là chúng bị hại chỗ người đắp y vàng chẳng sai”.

Nghĩ thế, Tượng chúa bèn ra lệnh cho cả đoàn voi đi trước, để một mình đi đoạn hậu vừa đi vừa quan sát.

Tên thợ săn là vị Phật giả mạo, chờ đàn voi đánh lễ qua hết rồi, khi thấy Bồ Tát từ từ đi tới phía sau cùng, bèn lập tức vén y lên, nhắm ngay chỗ nhược của Tượng chúa phóng cây lao tới.

Tượng chúa đã đề phòng trước, nên thôi lui tránh được cây lao. Bồ Tát liền nghĩ: “Đây là kẻ sát hại đàn voi của ta” nên xông tới quyết bắt cho được.

Nhưng hắn ta chạy núp sau một thân cây, Bồ Tát tính thầm “Ta sẽ lấy vòi quần luôn cả cây lẫn người hắn mà chà đạp xuống đất”.

Ngay lúc ấy, tên thợ săn đã cỡi tặc chiếc y vàng lên cao cho Tượng chúa thấy.

Tượng chúa nghĩ thầm: “Nếu ta sát hại tên này, thì ta sẽ mất mặt đối với chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và A La Hán chẳng sai”. Vì thế, nên tượng chúa dần lòng nhẫn nhịn và hỏi rằng:

- Chính nhà ngươi đã sát hại những voi trong đàn của ta phải không?
- Dạ phải, thưa ông Tượng.
- Tại sao ngươi tạo nghiệp ác nặng nề như thế, tự mình không xứng đáng mà dám lạm khoác bộ y vàng của bậc đã dứt trừ tham dục, làm như vậy ngươi đã tạo nghiệp ác rất nặng nề.

Nói rồi, Bồ Tát đọc hai bài kệ khuyến cáo tên thợ săn như sau:

*“Cà sa mặc ở bên ngoài,
Tâm còn ô nhiễm cũng hoài lá y,
Buông lung giả dối hay gì?
Thà rằng không mặc, mới y hợp thời.
Trong tâm tẩy sạch bụi đời,
Chân thành khắc kỷ, chẳng rời luật nghi,
Người tu y với lá y,
Cà sa Tăng và từ bi khách thiên”.*

Đọc kệ rồi, Bồ Tát còn thêm câu kết luận:

- Việc làm của ngươi thật không xứng đáng chút nào, nói rồi thả hắn đi.
- Khi chấm dứt thời pháp, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:
 - Tên thợ săn voi lúc trước nay là Devadatta và Tượng chúa cho tên thợ săn bài học đó chính là Như Lai vậy.

Này Tỳ khru, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta mặc y không xứng đáng với người của ông ta đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã từng làm như thế đó rồi.

Đến đây Đức Bôn Sur lặp lại bài kệ trên:

“Anikkasāvo kāsāvaṃ,
Yo vatthaṃ paridahessati;
Apeto damasaccena,
Na so kāsāvaṃ arahati”.

“Yo ca vantakāsāv’assa,
Sīlesu susamāhito;
Upeto damasaccena,
Sa ve kāsāvaṃ arahatīti”.

Nêu lên làm sáng tỏ nghĩa lý này bằng tích Tượng chúa sáu ngà.



CHÚ GIẢI:

Anikkasāvo (*Chưa dứt triền phược*): là chưa tẩy sạch phiền não trong tâm là tham, sân, si.

Kāsāvaṃ: là y cà sa, tức là y vàng của Tỳ khru.

Paridahessati (*sẽ đắp*): là sẽ vận mặc, trùm phủ khoác lên mình.

Apeto damasaccena (*không chơn thật tự chủ*): là không chế ngự được lục căn, không nói lời chân thật, đúng theo chơn lý Thánh Đế.

Na so kāsāvaṃ arahati: là kẻ kém đức thiếu tài, như vậy không xứng đáng mặc y vàng cà sa.

Vantakāsāv’assa (*đã dứt triền phược*): là đã dứt bỏ, đã xa lìa những ô nhiễm phiền não, noi theo bốn Thánh Đạo.

Sīlesu (*trong Giới luật*): là Tứ thanh tịnh giới: thu thúc trong giới bốn, thu thúc lục căn, thu thúc theo chánh mạng, thu thúc theo quán tưởng tứ vật dụng.

Susamāhito (*khéo tu trì*): là khéo thọ, khéo giữ và hành theo cách chắc chắn.

Upeto damassaccena (*có sự tự chủ chơn thật*): là thật sự thu thúc sáu căn, có lời nói chơn thật.

Sa ve kāsāvaṃ arahati: người giới hạnh như vậy xứng đáng mặc bộ y vàng.



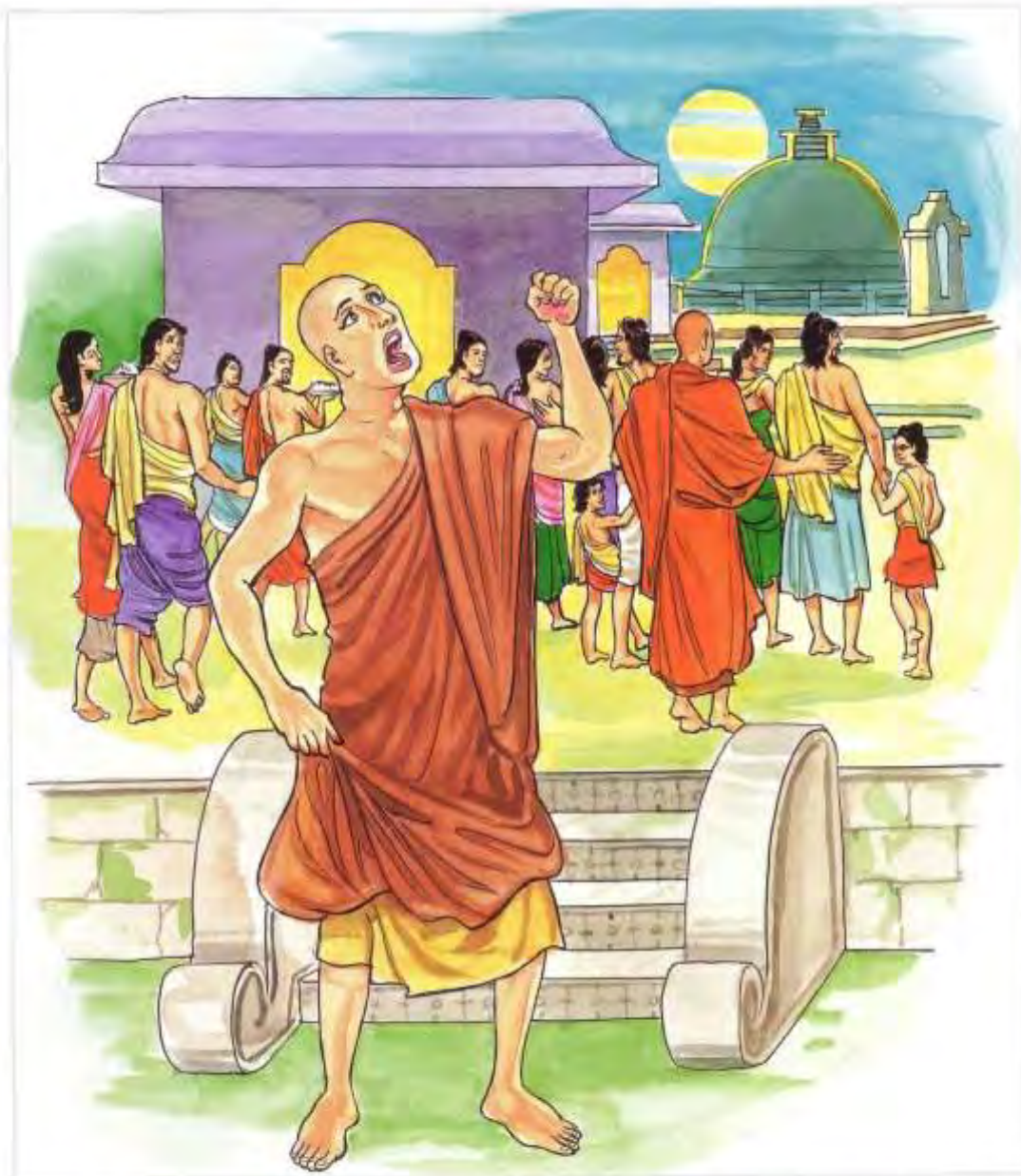
Bài kệ vừa dứt vị Tỳ khru du hành đắc quả Tu Đà Hườn, nhiều vị khác cũng chứng đắc đạo quả nhất là quả Nhập Lưu. Kỳ dư thính chúng đều hưởng sự lợi ích.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Dịp may dong ruổi khiến Đề Bà,
Vớ được y vàng mặc nhón nha!
Giới hạnh không bì người lạ xứ,
Tài năng chỉ cậy chỗ quen nhà.
Gặp thời vênh váo quên điều phải,
Đắc thế kiêu kỳ chấp cái ta.
Đường cũ ngựa quen từ kiếp trước,
Săn voi cũng lạm đắp cà sa.*

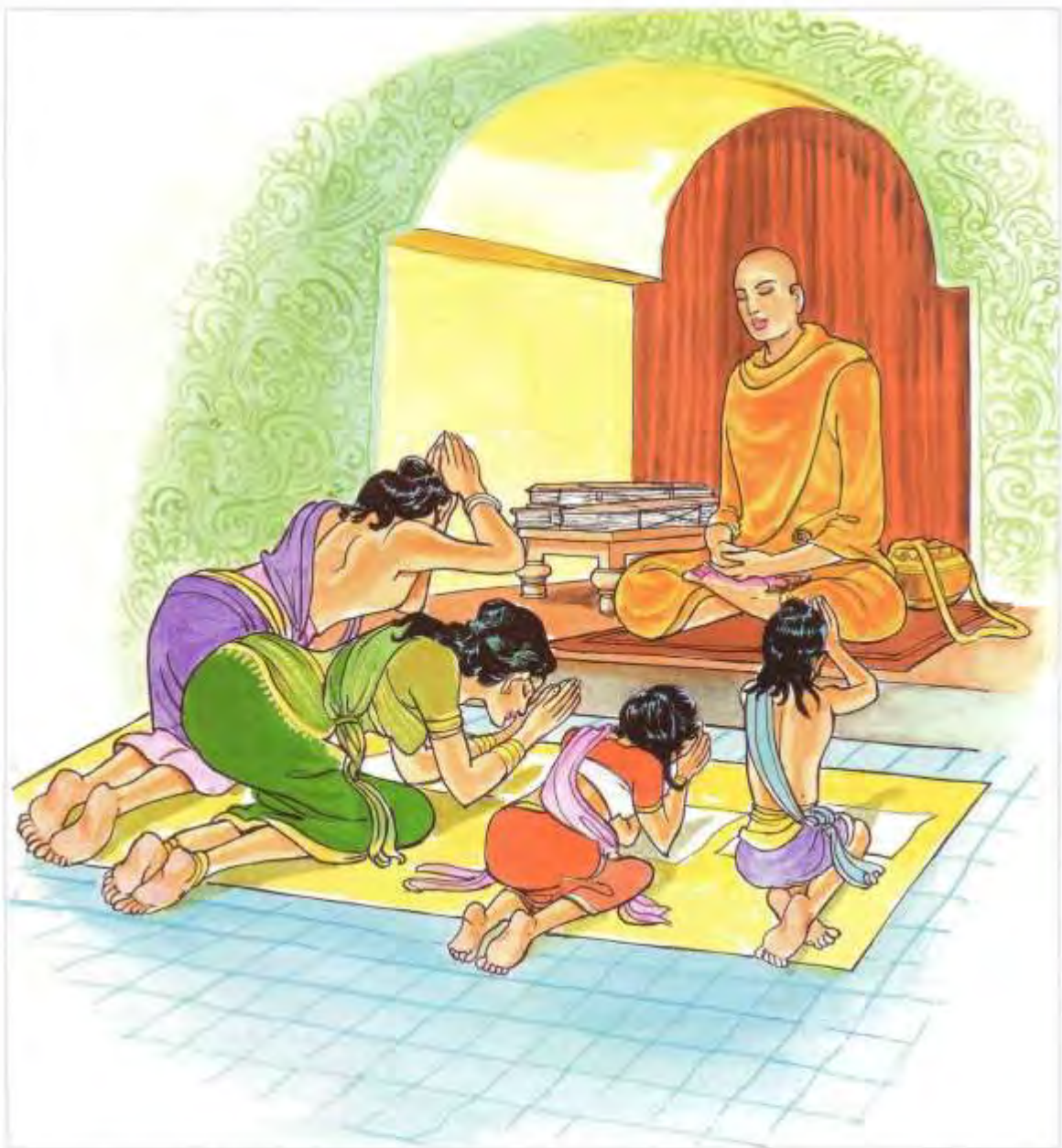
DÚT TÍCH DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ





Those who are tainted, unrestrained and devoid of truthfulness do not deserve the robe.

09. Những người có tâm cầu uế, không tự chế ngự và thiếu chân thật, không xứng đáng với chiếc y casa.



The taintless and firm in conduct, restrained and truthful, are worthy of the stained robe.

10. Những người có đạo hạnh vô nhiễm và kiên cố, tự chế ngự và chân thật, mới xứng đáng với chiếc y casa.

I.8- Tích ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT

(*Sañjayassānāganavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú 11-12)

“Asāre sāramatino, Sāre cāsāradassino; Te sāraṃ nādhigacchanti, Micchāsaṅkappagocarā”.	“Việc không cần tưởng cần, Việc cần thấy không cần. Người tư duy tà vạy, Không đạt thấy lý chân”.
“Sāraṇ ca sārato ñatvā, Asāraṇ ca asārato; Te sāraṃ adhigacchanti, Sammaṣaṅkappagocarā”.	“Việc cần biết là cần, Không cần biết không cần. Người tư duy đúng đắn Hằng đạt thấy lý chân”.

Kệ Pháp Cú (11-12) này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana (Trúc Lâm), đề cập đến ông Sañjaya không khứng theo về với Ngài, như lời tường trình của hai vị Thượng thủ Thịnh Văn (Aggasāvaka) đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như sau:

Cách nay bốn A tăng kỳ (Asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (kappa) quá địa cầu. Đức Bôn Sư Thích Ca còn là một vị công tử dòng Bà la môn (Brahmaṇa), cư ngụ trong thành Amaravatī (Bát Tử). Sau khi học tập tinh thần bá nghệ thì song thân đều khuất bóng, công tử bèn xả hết tài sản vô số triệu ra bố thí rồi xuất gia làm đạo sĩ, ẩn tu trong miền Tuyết Sơn (Himavanta) tục gọi là núi Ma Thiên Lãnh.

Trong lúc hành thiền, đắc pháp Thần thông, đạo sĩ bay lên hư không ngó xuống thấy thiên hạ đang quét dọn con đường từ ngôi Tịnh xá Sudassana (Thiện Kiến) của đấng Thập Lực Dīpaṅkara Nhiên Đăng Phật vào tới thành Amaravatī.

Đạo sĩ cũng tự mình lãnh một phần công quả, ráng hết sức làm nhưng không xong kịp, khi Đức Bôn Sư ngự đến, để bổ khuyết một đoạn đường ngắn còn dở dang, đạo sĩ bèn trải tấm tọa cụ bằng da beo của mình lấp chỗ sinh lầy, nằm xấp xuống bắt cầu và nguyện rằng: “Đức Bôn Sư cùng với Thánh chúng (Sāvakaṅgha) không từng dẫm lên chỗ bùn nhơ, xin các Ngài bước lên mình ta mà đi qua cho sạch”.

Thấy vậy, Đức Cỗ Phật thọ ký rằng: Vị này có Phật căn (Buddhakura), còn bốn A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa sẽ thành Chánh quả hiệu là Gotama”.

Sau thời kỳ Đức Phật Dīpaṅkara, lần lượt đến thời Đức Phật Koṇḍañña, Phật Sumaṅgala, Phật Sumana, Phật Revata, Phật Sobhita, Phật Anomadassī, Phật Padumuttara, Phật Sumedha, Phật Sujāta, Phật Piyadassī, Phật Atthadassī, Phật Dhammadassī, Phật Siddhattha, Phật Tissa, Phật Pussa, Phật Vipassī, Phật Sikhī, Phật Vessabhū, Phật Kakusandha, Phật Konāgamana và Phật Kassapa.

Hai mươi ba vị Phật trên đây nối tiếp nhau, xuất hiện trong đời, khiến cho cõi thế từng hồi rạng ngời ánh đạo từ bi.

Đức Bồ Tát (Bodhisatta) tinh tấn bồ tát người pháp Pāramī, mười pháp Upapāramī, mười pháp Paramatthapāramī. Đức Bồ Tát hoàn thành Tam thập độ (Timsapāramī). Trong kiếp thọ sanh làm Thế tử Vessantara đã khiến cho quả địa cầu rung động bảy lần. Khi Ngài thực hành đủ năm pháp đại thí (Mahāpariccāga), dứt tình thân ái, hy sinh cả vợ và con.

Sau khi thăng hà, Đức Vessantara sanh lên cõi Tusita (Đâu Suất), sống hết bốn ngàn tuổi thọ như ý (năm trăm bảy mươi sáu triệu năm nhân loại) thì chư Thiên trong mười ngàn cõi Sa bà (cakkavāḷa) vân tập đến trước ngọc giai cung thỉnh Ngài giáng sinh làm Phật, bằng kệ ngôn rằng:

“Kāloyan te mahāvīra,
Uppajja mātu kucchiyaṃ;
Sadevakam tāranta,
Bujjhassa amataṃ padanti”.

*“Bậc Đại Hùng, giờ thiêng đã đến,
Cung thỉnh Ngài lãnh nhiệm đầu thai.
Gót vàng già biệt thiên giai,
Mở đường bát tử, Phật đài ngự yên”.*

Nghe vậy, Đức Bồ Tát suy ngẫm năm điều đại quán (Mahāvilokanāni). Chư Thiên lại nhắc rằng:

“Kālaṃ desaṇṇe dīpaṇca,
Kulaṃ māterameva ca;
Ime paṇca viloketvā,
Upajjanti mahāyasāti”.

*“Chọn thời, xứ, chọn luôn châu nữa,
Lựa dòng sang, rồi lựa mẹ hiền.
Năm điều đại quán đủ duyên,
Xin cung thỉnh Đại hoàng thiên lâm phàm”.*

Mạng chung từ cõi trời, Đức Bồ Tát giáng sanh trong hoàn tộc Sakya, toại hưởng ngũ trần của đế nghiệp. Dần dà hết thời thơ ấu, đến tuổi hoa niên Đức Bồ Tát được làm chủ ba tòa cung điện hợp theo thời tiết ba mùa với nếp sống huy hoàng vương giả, chẳng khác nào ở cõi Thượng Thiên.

Nhưng có ba hôm, nhân lúc dạo chơi vườn Ngự Uyển, Đức Bồ Tát lần lượt xúc kiến ba vị Sứ trời (Devadūta) mệnh danh là Lão (Jiṇṇa), Bệnh (Byādhi) và Tử (Mata). Cả ba lần Ngài đều phát tâm kinh cảm, bâng hoàng quay gót về cung.

Đến kì du ngoạn thứ tư, Đức Bồ Tát gặp được một vị Sa môn từ đó ý Ngài thiết tha hoài vọng con đường thoát tục “Ta phải xuất gia”.

Ngự vào vườn ngự uyển, Đức Bồ Tát ngồi trên bờ hồ Hạnh Phúc (Maṅgalapokkharanī) cho đến hết ngày hôm ấy.

Sau khi Đức Bồ Tát nhận lấy y phục của quan nội thị, thì chư Thiên Vissakamma (Tỳ Thủ Yết Ma) tự nhiên hiện đến. Ngài còn đang nhờ vị này sắp đặt hóa trang, chợt nghe tin báo rằng Thái tử Rāhula vừa mới chào đời vốn biết rằng tình phụ tử sâu xa mãnh liệt, Đức Bồ Tát nói: “Sợi dây luyến ái này, Ta phải cắt đứt nó ngay khi nó chưa ràng buộc được Ta”. Nghĩ rồi, Bồ Tát bộ hành vào thành, bỗng nghe cô em họ của Ngài là công chúa Kisāgotamī hát rằng:

“Nibbutā nūna sā mātā
Nibbuto nūna so pitā
Nibbutā nūsa sā nārī
Yassāyaṃ īdiso patīti”.

*“Hạnh phúc thay mẹ chàng tuổi trẻ,
Hạnh phúc thay cha đẻ chàng ta,
Hạnh phúc thay bạn quần thoa.
Có chồng anh tuấn hào hoa như chàng”.*

Nghe qua bài kệ, Đức Bồ Tát nói thầm: “Phải chăng cô này là sứ giả, giục Ta lên đường phúc lạc trường niên (Nibbutapada)”.

Đưa tay lên cổ tháo chuỗi trân châu, Đức Bồ Tát tặng thưởng cô em họ, đoạn Ngài ngự về vương thất tịnh tọa trên long sàng.

Đêm ấy, trong chốn thâm cung, cảnh tượng các vũ nữ, phi tần sật sừ ngây ngủ, xiêm y lếch lác, mắt mũi bơ phờ, càng khiến Đức Bồ Tát sanh tâm chán chường phiền muộn, Ngài ra lệnh bảo thị thần Channa (Sa Nặc) thắng ngựa Kaṇṭhaka (Kiền Trắc) đến cho Ngài. Lên yên thần mã, đeo thêm Channa làm bạn đồng hành, Đức Bồ Tát bắt đầu chuyến đi lịch sử, có đủ mặt chư Thiên trong mười ngàn cõi Sa bà tụ hội lại tiễn đưa.

Ra khỏi đế đô vượt qua dòng sông Vô Thượng (Anoma), Đức Bồ Tát tự xuất gia, rồi lần hồi tiến đến thành Rājagaha. Vào thành Rājagaha, khát thực xong, Ngài đình bộ an tọa trên sườn Paṇḍarapabbata (Bạch Sơn), đức vua Magadha thân ngự đến thỉnh Đức Bồ Tát về triều, nhưng Ngài đã khước từ vương vị và về sau Ngài đắc quả Toàn Tri (Sabbaññū). Buổi đầu tiên, trên bước đường tầm phương tự thắng, Đức Bồ Tát có tìm đến thọ giáo với hai tu sĩ tự xưng đã đắc đạo mẫu là Ālara và Uddaka, Nhưng sau lúc nhập môn, Ngài nhận thấy Đạo quả của hai vị này chưa đạt đến chỗ cao siêu tuyệt đối. Đức Bồ Tát lại tách ra đi tìm chân lý với chí cương quyết xả thân cầu đạo, nhưng chỉ tự mình khổ hạnh cần tu, sau sáu năm trời đằng đẳng trôi qua.

Một buổi sáng bình minh vào ngày rằm tháng tư âm lịch (Visākha). Độ xong bữa cơm sữa đề hồ do nàng Sujātā dâng cúng. Đức Bồ Tát ném bát vàng xuống sông Nerañjara (Ni Liên Thiên) và khiến bát ấy trôi ngược dòng sông theo ước nguyện.

Dựa mé sông Ni Liên lặng lẽ, trong rừng Mahāvana (Đại Lâm) u nhã, Đức Bồ Tát tinh tấn công phu suốt ngày hôm ấy. Mãi đến xế chiều, có ông lão Sotthiya (An Hòa) hiến dâng cho Ngài một bó cỏ. Ngài nhận lãnh xong thì Long Vương (Nāgarāja) hiện đến ca tụng ân đức của Ngài.

Tại gốc cây Bồ Đề (Bodhimanda) theo lời nguyện của Bồ Tát tự nhiên có một bảo tọa nổi lên, Ngài trải cỏ ra làm bồ đoàn, rồi phát lời đoạn thệ rằng:

“Na tāvimam pallaṅkam bhindissāmi, yāva me anupādāya asevehi cittaṃ na vimuccissati” – “Ta nhất định không bao giờ từ bỏ thế ngồi này, cho đến bao giờ tâm Ta được giải thoát, tất cả lậu hoặc (āsava) không còn chấp thủ nữa mới thôi”.

Đoạn Ngài ngự lên bồ đoàn, ngồi quay mặt về hướng Đông, ác vàng chưa lặn, Ngài đã thắng đội binh Ma vương (mārabala).

Canh một đầu hôm, Ngài đắc Túc mạng minh (Pubbenivā – saññāṇa), canh giữa Ngài đắc Sanh tử minh (Cutūpatātāññāṇa) và đến canh cuối Ngài đắc Minh thấu triệt nhân sanh khởi của vạn pháp (Paccayākarenāṇa).

Khi vàng thái dương ló dạng, Ngài chứng đạo quả Toàn Giác gồm đủ ân đức của một vị Thập Lực (Dasabala) nhất là bốn Thần túc (Dục – Cần – Tâm – Thầm).

Trải qua bảy thất (bốn mươi chín ngày), Ngài không lìa xa cội Bồ Đề, đến thất thứ tám, Ngài ngự đến gốc cây Ajapāla nigrodha, ngồi trầm tư mặc tưởng nguyên lý cao thâm mâu nhiệm của Chánh Pháp.

Thấy Ngài an nhiên bất động vua trời Phạm Thiên Sahampati với mười ngàn Phạm chúng Thiên theo hầu vội xuống khẩn cầu Ngài đi hoằng pháp độ sinh. Dùng Phật nhãn quan sát thế gian xong, Ngài chấp nhận lời Đại chúng Thiên cung thỉnh.

“Thời Pháp đầu tiên, Như Lai nên thuyết cho ai đây?”, sau khi tự vấn, Ngài thấy rõ hai thầy Ālara và Uddaka đã mệnh chung, Ngài đi đến nhóm năm thầy Kiều Trần Như có nhiều duyên lành, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy khởi hành sang xứ Kāśi.

Giữa đường, Ngài có gặp du sĩ Upaka. Ngày rằm tháng sáu âm lịch (āṣāḍha), Ngài mới tới chỗ ngụ của năm vị Tỳ khưu (Pañcavaggiya) trong rừng Isipatana migādāya. Đối với sai lầm của những nhóm đệ tử này, Ngài đã vạch rõ lẽ lối thích nghi, rồi Ngài bắt đầu Chuyển Pháp Luân (Dhamma cakkam pavatteti), khiến cho một trăm tám mươi triệu Phạm Thiên với vị lãnh đạo là Koṇḍañña uống được nước nguồn bất tử (Amataṃ pāyati).

Quay bánh xe Bảo pháp đến ngày thứ năm Ngài độ các vị Tỳ khuru trong nhóm này đắc quả A La Hán. Cũng trong ngày ấy, Ngài quán sát thấy duyên lành của công tử Yasa đã đến, nên ngồi nán chờ, nửa đêm Công tử phát tâm nhằm chán gia đình, lìa nhà ra đi thơ thân, không ngờ đến ngay chỗ ngự của Đức Thế Tôn.

Ngài lên tiếng gọi: “Lại đây Yasa”. Nội trong ngày ấy, Ngài thuyết pháp độ công tử Yasa đắc quả Nhập Lưu (Sotāpatti) và tiếp qua ngày sau đắc quả A La Hán.

Kế đó, Ngài tiếp độ năm mươi bốn người bạn thân của công tử Yasa bằng cách bảo cho họ xuất gia Ehibhikkhu (Thiện lai Tỳ khuru) và đắc luôn quả A La Hán.

Như thế là trên cõi phàm trần đã có sáu mươi một vị A La Hán.

Ra hạ đầu tiên, chư Tăng làm lễ Tụ tứ xong, Đức Bôn Sur phán rằng: “Caratha, bhikkhave, cārikanti” – “Này các Tỳ khuru! Hãy cất bước vân du”. Phái sáu mươi vị sứ đồ đi tản mác tứ phương, rồi Đức Bôn Sur thân hành ngự qua miền rừng Uruvela (Quảng Đại Biên). Tới khu Kappāsikavanasaṇḍa (Miên Hoa Viên Lâm) là rừng trồng bông vải ở khoảng giữa đường, Đức Bôn Sur hóa độ cả ba mươi vị công tử trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya. Trong số này các vị thấp kém nhất đắc quả Tu Đà Hườn vị ưu tú nhất đắc A Na Hàm. Nhưng rồi Đức Bôn Sur cũng độ cho các vị đó xuất gia bằng cách Ehibhikkhu và phái đi tha phương hành đạo.

Ngài tiếp tục ngự hành đến rừng Uruvela, biến hóa ba ngàn năm trăm phép lạ (pāṭihāriya) thu phục ba anh em ngoại đạo tóc bện (Jaṭṭila) đứng đầu là đạo sĩ Uruvela Kassapa cùng với một ngàn đệ tử của họ, Ngài cho tất cả xuất gia Ehibhikkhu cho nhóm trong xứ Gayāsīla, rồi Ngài thuyết thời pháp Viêm Nhiệt Luân (Aditta pariyāya) “Giải về lửa phiền não”, hóa độ cho tất cả đắc quả A La Hán. Với đoàn Thánh Tăng một ngàn vị A La Hán ấy, Đức Thế Tôn ngự về Laṭṭhivanuyyāna (Công Viên Tiểu Thợ Lâm) ở phụ cận thành Rājagaha, Ngài nghĩ rằng: “Như Lai sẽ thanh toán hai điều giao ước cùng Quốc vương Bimbisāra (Tân Bà Sa) lúc trước”.

Nghe tin đồn: “Đức Bôn Sur đã trở lại”, Đức Vua dẫn theo mười hai muôn Bà la môn và gia trưởng đến yết kiến Đức Bôn Sur. Đức Thầy dùng lời dịu ngọt thuyết pháp phủ dụ xong, thì đức vua với mười một muôn vị tùy giá đắc quả Nhập Lưu, còn một muôn vị phát khởi đức tin và quy y Tam Bảo.

Qua ngày thứ sáu, nhờ Thiên Vương Đế Thích (Sakka) biến hình làm một thanh niên tán dương oai đức của Ngài vừa đi trước mở đường. Đức Bôn Sur nhập thành Rājagaha, ngự vào hoàng cung, sau bữa thọ thực, Đức Bôn Sur nhận lãnh Tịnh xá Veluvana và ngự an nơi đó. Chính tại ngôi chùa này mà Đại đức Sāriputta và Moggallāna tìm đến xuất gia đầu Phật. Đây lần lượt kể tiếp chuyện như sau:

Trước thời Đức Chánh Biến Tri Gotama giảng thế, cách thành Rājagaha không xa, có hai làng Bà la môn là Upatissa và Kolita. Ngày ở làng Upatissa, cô Bà la môn Sāri thọ thai thì ở làng Kolita, cô Bà la môn Moggallā cũng kết tử nhâm thân.

Theo tục truyền, hai gia tộc này từ bảy đời liên tiếp đã từng giao hảo mật thiết với nhau, thân nhân của hai bên cho hai dụng phụ uống thuốc dưỡng thai cùng ngày. Chấn mười tháng, hai nàng đồng hạ sanh con trai.

Đến ngày lễ đặt tên, con bà Sārī được mệnh danh là Sārīputta vì là trưởng nam của một trưởng tộc trong làng Upatissa nên còn có tên gọi là Upatissa, con của bà Moggallī thì có tên là Kolita vì là con trai đầu lòng của một thế gia chủ tể trong làng Kolita.

Đến tuổi trưởng thành, hai công tử đều tỏ ra xuất chúng trong mọi nghề nghiệp. Khi công tử Upatissa muốn đi du hí ở sông hoặc ở công viên thì có năm trăm chiếc kiệu vàng đứng đón đưa. Còn công tử Kolita mỗi khi đi chơi lại dắt theo cả đoàn năm trăm cỗ xe tuần mã, hai công tử cậu nào cũng có năm trăm thiếu niên tùy tùng hộ tống.

Trong thành Rajagaha hàng năm có lệ dân chúng họp nhau ăn chơi trên chóp núi, gọi là Sơn Đảnh Hội (Giraggamajja). Hai chiếc giường của hai công tử được kết dính liền ở một nơi, hai cậu cùng ngồi bên nhau chủ tọa và thưởng thức cuộc lễ, đến chỗ vui nhộn hai cậu cùng cười, đến chỗ bi thương hai cậu cùng khóc. Đến lúc lạc quyền thì hai cậu cùng bỏ thí một lượt với nhau. Họ hành động như vậy trong nhiều ngày.

Cho đến một hôm, trí hóa của hai người trở nên già giặn, họ không còn vui cười trước cảnh trào lộng hay nhỏ lệ trước cảnh tâm ly, bỏ thí cho kẻ lạc quyền như những ngày trước nữa.

Theo truyền ngôn thì hai chàng đang bị một định kiến như vậy ám ảnh: Có chi đâu mà ta phải ở đây nhòem ngó, không đầy một trăm năm nữa, tất cả mọi thứ này đều phải tiêu tan không còn lại chút hình bóng. Ta nên gia công tìm kiếm đạo giải thoát khỏi luật vô thường là hơn.

Với ý nghĩ như thế trong đầu, hai chàng ngồi xuống bồn khoăn... Sau cùng công tử Kolita hỏi bạn rằng: “Hiền huynh Upatissa, sao hiền huynh không có vẻ hài lòng toại ý như những ngày qua? Hôm nay hiền huynh lại ra chiều bất mãn... Chẳng hay điều chi đang làm cho hiền huynh thắc mắc ưu phiền?”.

Công tử Upatissa bèn đáp: “Hiền huynh Kolita à! Xem mãi các trò chơi này, tôi nhận thấy tất cả đều trống rỗng vô ích. Chỉ bằng ta mau đi tìm pháp môn giải thoát, độ lấy thân mình còn hơn, đó là điều tôi ngồi yên tư lự. Còn hiền huynh vì sao cũng lộ vẻ không vui?”.

Công tử Kolita cũng đáp lời như vậy. Khi biết bạn mình đồng một chí nguyện với mình, công tử Upatissa bèn ngỏ lời tâm sự rằng: “Hiền huynh, chúng ta cùng chung một lý tưởng cao đẹp, cùng mong tâm cầu lấy con đường giải thoát vậy ta hãy xuất gia một lượt để cùng nhau tu học. Ta nên xuất gia với vị Đạo trưởng nào đây?”.

Ngay lúc bấy giờ, có thầy Sañjaya là một giáo chủ ngoại đạo cùng với một số đông đệ tử du sĩ vào thành Rājagaha.

Hai công tử tính rằng: “Ta sẽ đến xuất gia, ta sẽ theo ông này”, nên giải tán bớt năm trăm thiếu niên thủ hạ và bảo họ: “Hãy lấy tất cả kiệu và xe rồi đi đi”. Còn lại năm trăm vị tùy tùng, hai công tử dắt theo đến xuất gia học đạo cùng với thầy Sañjaya. Từ khi có hai công tử xuất gia, thầy Sañjaya càng được dồi dào lợi đắc và lòng lấy thanh danh hơn bao giờ hết, nhưng chỉ trong vài ngày, hai trò mới đã học hết giáo lý của ông thầy. Họ bèn hỏi: “Bạch thầy! (ācariya) Giáo lý của thầy hiểu biết chỉ có bấy nhiêu hay còn cao siêu hơn nữa?”.

- Có bao nhiêu thì hai trò đã học hiểu qua tất cả rồi đây.

Nghe dứt lời, họ thâm nghĩ: “Nếu quả như thế ta còn theo làm đệ tử của thầy nữa cũng vô ích, con đường giải thoát khỏi sự sanh tử mà ta bỏ cửa lìa nhà ra đi tìm kiếm, ta không thể gặp trong đạo của thầy. Nhưng cõi Diêm Phù Đề (Jambūdīpa) rộng lớn bao la, ta hãy chịu khó lê chân qua khắp kinh đô, phố phường, làng mạc, chắc có ngày ta cũng sẽ hạnh ngộ bậc thầy minh triết, giảng rành về đạo giải thoát cho ta”.

Kể từ hôm ấy, hễ nghe có tiếng đồn có vị Bà la môn, Sa môn hiền trí ở tận đâu đâu thì hai chàng du sĩ (paribbājaka) cũng tìm đến nơi đó để luận đạo, nhưng những câu hai chàng hỏi mấy vị kia trả lời không được, trái lại mấy câu vấn nạn của họ hai chàng giải đáp dễ dàng.

Cùng nhau chu du khắp cõi Diêm Phù mà chẳng gặp Minh sư, hai chàng đành quay gót về quê. Trước khi chia tay để đi lang thang mỗi người một ngã, du sĩ Upatissa giao ước với bạn rằng: “Hiền huynh Kolita ạ! Trong hai đứa mình hễ ai gặp đạo bất tử (amata) trước, thì phải nhớ nói lại cho người kia biết nghe”.

Thời ấy, nhằm lúc Đức Bôn Sư đã vân du đến thành Rājagaha, nhận lãnh Tịnh xá Veluvana và an ngự nơi đó.

Từ ngày được lệnh: “Này các Tỷ khưu! Vì lợi ích của chúng sanh, hãy đi vân du hành đạo” thì sáu mươi vị A La Hán lãnh sứ mạng ra đi, ngõ hầu tán dương ân đức của Tam Bảo.

Một trong số chư Thánh Tăng ấy là Đại đức Assaji, thuộc nhóm năm thầy Kiều Trần Như của Đức Thế Tôn, đã quay gót trở lại, đi về phía thành Rājagaha. Và sáng hôm sau, đắp y mang bát vào nội thành khát thực.

Cùng trong lúc ấy, du sĩ Upatissa sau khi đi bát thọ thực từ sáng sớm, đang trở về chùa của môn phái mình, thì gặp Đại đức Assaji, chàng khen thầm: “Từ trước đến giờ, ta chưa từng thấy một vị xuất gia nào phong độ như vị Sư này. Trong cõi trần ai ví như có ai đắc quả A La Hán hoặc đạt được A La Hán đạo, thì vị này phải là một trong số những thánh Tăng ấy chẳng sai. Ta hãy thử đến tiếp xúc hỏi thăm Ngài”.

- Bạch đạo huynh vì tôn chỉ nào mà đạo huynh xuất gia? Vị nào là thầy của đạo huynh? Giáo pháp của ai mà đạo huynh thuyết giảng?

Nhưng chàng xét lại: “Giờ chưa phải lúc ta vấn đạo vị Tỳ khuru này vì người đang đi trì bình khát thực từng nhà. Ta hãy chậm rãi nổi bước theo chân người, y theo lẽ lối của kẻ mong cầu học hỏi”.

Khi thấy Đại đức thọ bát rồi, còn đi tìm chỗ ngồi cho phải lệ, du sĩ Upatissa hiểu ý, bèn đặt cái ghế du sĩ nhỏ của mình xuống đất và thỉnh Đại đức an tọa.

Sau bữa cơm, chàng lại tiếp dung nước trong bầu của mình đến Đại đức, sau khi làm đúng theo pháp như một đệ tử phục dịch thầy, du sĩ chờ Đại đức xong bữa đàn tràng, mới chào một cách thân thiện hoan hỷ, nói rằng: “Bạch đạo huynh, thật là quang minh thanh tịnh, nước da của đạo huynh thật là mịn màng tươi sáng. Chẳng hay đạo huynh xuất gia vì tôn chỉ nào? Ai là sư phụ của đạo huynh? Đạo huynh truyền bá giáo pháp cho ai?”.

Đại đức nghĩ thầm: “Những du sĩ ngoại đạo bình thường hay chống đối Phật giáo lắm, vậy ta sẽ chỉ cho chàng này thấy cái thâm sâu vi diệu của chánh pháp”.

Đoạn Đại đức mở lời khiêm nhường, tỏ thật rằng mình mới xuất gia và nói: “Này đạo hữu! Bần Tăng còn non nớt lắm. Vì ta xuất gia nhập đạo chưa được bao lâu, ta không đủ khả năng thuyết pháp luận giải dài dòng”.

Chàng du sĩ vội đáp: “Xin đạo huynh cứ tùy theo khả năng của mình mà thuyết pháp nhiều ít chi cũng được hết, Upatissa này sẽ cố công thấu triệt giáo lý bằng trăm ngàn cách”.

Nói đoạn đọc kệ rằng:

“Appaṃ vā bahuṃ vā bhāsassu,
Atthaññeva me brūhi;
Attheneva me attho,
Kiṃ kāhassi byañjanaṃ bahunti”.

*“Ít nhiều xin nói ngay,
Điều cốt yếu chỉ bày;
Tôi chỉ cần cốt yếu,
Lắm lời cũng không hay”.*

Nghe vậy Đại đức đọc kệ đáp rằng:

“Ye dhammā hetuppabhavā,
Yesam hetuṃ tathāgato;
Tesañca yo nirodho ca,
Evaṃ vadī mahāsamaṇoti”.

*“Những pháp nào có nhân,
Nhân pháp Đức Như Lai,
Pháp với nhân nào diệt,
Đức phật dạy không sai”.*

Chỉ nghe qua hai câu của bài kệ, chàng du sĩ đã đắc ngay Tu Đà Hườn quả, lãnh hội cả giáo nghĩa bằng cả ngàn cách.

Khi chàng đắc Sơ quả rồi, Đại đức đọc tiếp hai câu sau và chấm dứt bài kệ. Nhưng vị Thánh Nhập Lưu mới này không chứng đắc những quả vị cao hơn.

“Đây chắc là tại một nguyên do”, thâm nghĩ như thế, chàng bèn bạch với Đại đức rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng thuyết pháp cao siêu hơn nữa đây, bấy nhiêu cũng tạm đủ rồi. Chẳng hay Tôn Sư bây giờ đang ngự ở đâu?

- Ở Veluvana, này đạo hữu.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin thỉnh Ngài đi trước, đệ tử còn một người bạn. Cả hai chúng tôi có giao ước với nhau rằng: “Hễ ai đạt đạo bất tử (amata) trước thì phải thông tin với người kia hay”. Bây giờ đệ tử lo giữ lời hứa, trở về rủ bạn của đệ tử, rồi sẽ theo con đường của Ngài đi mà tìm đến yết kiến Đức Tôn Sư.

Nói rồi, du sĩ Upatissa gieo năm vốc xuống đất, nằm mọp bên chân Đại đức, đoạn đứng lên nhiễu quanh Đại đức ba vòng từ trái sang phải.

Sau khi tiễn biệt đại đức Assaji, du sĩ Upatissa đi ngay về chùa của Ngài Sañjaya, trông thấy chàng về từ đằng xa, du sĩ Kolita nói thầm: “Hôm nay sắc diện bạn ta không giống như những ngày thường, có lẽ bạn ta thấu đạt con đường bất tử rồi chăng?”. Kolita liền đón bạn, hỏi ngay:

- Gặp đạo bất tử rồi chăng?

- Gặp đạo bất tử rồi bạn ạ.

Sau khi báo tin lành, Upatissa đọc luôn bài pháp kệ mình học được cho bạn nghe. Bài kệ vừa dứt, du sĩ Kolita cũng đắc Tu Đà Hườn. Chàng vội hỏi:

- Hiền huynh có nghe Đức Tôn Sư hiện ngự tại đâu không?

- Nghe nói Ngài ngự ở Veluvana, hiền huynh à! Chính Đại đức Assaji là Thầy Tiếp dẫn của tôi bảo thế.

- Vậy thì chúng ta nên đến ngay nơi đó để yết kiến Đức Tôn Sư đi hiền huynh.

Du sĩ này có tên là Sārīputta vốn là người có đặc tính bao giờ cũng cung kính ông thầy đầu tiên của mình, cho nên chàng lại nhắc bạn mình rằng:

- Này hiền huynh! Ta hãy bạch cho thầy của ta là du sĩ Sañjaya hay biết chúng mình đã gặp đạo bất tử. Nếu thầy thức tỉnh kịp, thầy sẽ thông cảm cho chúng ta, chẳng như thầy không thông cảm thầy cũng phải tin theo lời thành thật của ta mà yết kiến Đức Bốn Sư. Chừng được nghe pháp của bậc Đại Giác, chắc thầy sẽ đắc đạo quả không sai vậy.

Hai bạn đồng ý, cùng nhau đi đến tiếp xúc với thầy Sañjaya. Thấy mặt hai chàng, thầy liền hỏi:

- Hai hiền hữu đã tìm gặp một vị Đạo sư nào chỉ rành cho mình con đường bất tử chưa?

- Dạ! Bạch thầy, tìm gặp rồi, Đức Phật đã xuất thế, Đức Pháp đã xuất thế, Đức Tăng đã xuất thế. Vậy mà thầy còn lang thang trên con đường hư ảo vô đề vô căn (tucche asāre). Xin thầy đi với chúng tôi, chúng ta cùng đến học đạo với Đức Tôn Sư.

- Các đồ đệ hãy đi đi, phần ta không thể đi được.

- Bạch thầy vì sao vậy?

- Vì ta nay dù sao cũng là thầy của hàng đại chúng rồi, nếu ta hạ mình đi làm đệ tử cho người, thì kể như nước trong vò đang yên lặng bỗng nhiên dao động nổi sóng lên, ta không thể đi làm Sa môn sinh của ai được.

- Bạch Thầy, xin thầy chớ nên cố chấp như thế.

- Thôi đừng bận tâm lo lắng cho ta nữa, các hiền đồ cứ đi, còn ta thì không thể nào đi được.

- Bạch thầy, từ khi Đức Phật xuất thế, hàng đại chúng đều quy ngưỡng nơi Ngài, hằng bữa thường cầm hương và hoa đem đến cúng dường không ngớt, chúng tôi cũng sẽ quy y đầu Phật. Bạch Thầy, rồi đây thầy sẽ làm gì?

- Này các hiền đồ, hiện tại trong đời này có nhiều kẻ ngu hay người trí?

- Bạch Thầy, kẻ ngu nhiều, người trí thì hiếm.

- Nếu vậy, này các hiền đồ, những người trí hãy đi nhập chung với những người trí là Sa môn Gotama, còn những kẻ ngu hãy ở lại đây, làm bạn với những kẻ ngu như ta. Các hiền đồ hãy đi đi, ta sẽ không đi đâu.

Thuyết phục thầy cũ không được, hai chàng còn ráng nói thêm một câu thông:

- Bạch Thầy, rồi thầy sẽ được rạng danh.

Đoạn hai chàng cáo biệt.

Hai chàng vừa đi, giáo đoàn môn hạ của thầy Sañjaya cũng vừa tan rã, ngay từ lúc ấy cảnh chùa trở nên vắng vẻ, quạnh hiu, thấy chùa trống trơn không còn đệ tử, thấy ta giận ói máu tươi.

Năm trăm du sĩ thuộc hạ cũ theo tiền chân hai chàng một đôi, rồi phân nửa số đó trở về với Sañjaya, còn phân nửa ở lại hai chàng thân nhận làm đệ tử và dắt luôn đến chùa Veluvana (Trúc Lâm).

Đang ngồi thuyết pháp giữa Tứ chúng (Catuparisā), Đức Bôn Sur trông thấy hai chàng từ xa đi đến, từ đằng xa, Ngài gọi chư Tăng lại và giới thiệu trước rằng:

- Này các Tỳ khuru! Hai người bạn mới đến kia là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là cặp Thinh Văn Thượng Thủ của Như Lai, một cặp Thượng thủ quý báu nhất (Aggabhaddayuga).

Nhóm du sĩ đánh lễ Đức Bôn Sur rồi đồng ngồi nép qua một bên, ngồi yên chỗ xong, họ bạch Đức Thế Tôn như vậy:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn được xuất gia nơi Đức Ngài, chúng con muốn xin thọ Cụ túc giới.

Đức Thế Tôn bèn phán: “Etha bhikkhavoti (Thiện lai chư Tỳ khuru)”. Lại đây hỡi các Tỳ khuru! Giáo phái đã được hiển dương, hãy hành trì phạm hạnh cho chánh đáng, ngõ hầu chấm dứt mọi khổ đau”.

Kim ngôn vừa dứt, do thần thông của Đức Thế Tôn, tất cả nhóm Tỳ khuru mới này đều có đủ y bát, trang mạo giống như những vị Đại đức Tăng bằng trăm tuổi hạ.

Khi ấy, Đức Bôn Sur càng gia công thuyết Pháp để giáo hóa nhóm đệ tử mới, cho họ biết chấp theo lẽ lối ngoại đạo. Trừ hai vị Thượng Thinh Văn siêu việt trí (Sāvaka pāramīñña) tức là trí tuệ Ba la mật của một vị Đại đệ tử của Đức Phật vậy.

Riêng về Đại đức Moggallāna, từ ngày xuất gia đầu Phật, đến nương ngụ gần thôn Kallavāla, trong xứ Māgadha, hành thiền được bảy hôm, kể bị hôn trầm đã dưới. Nhờ Đức Bôn Sur thức tỉnh, Đại đức phát tâm kinh sợ thắng phục được hôn trầm, tinh tấn niệm đề mục Tứ đại (Dhātu kammaṭṭhāna), do Đức Thế Tôn truyền giáo, thành tựu ba đạo quả cao thượng và đạt đến đỉnh của Thinh Văn siêu việt.

Còn Đại đức Sārīputta sau ngày xuất gia vẫn còn ở trong thành Rājagaha với Đức Bôn Sur, nương nhờ trong một hang đá Trư Quật, tục gọi là hang heo đào (Sākarakhātalena). Mãi đến nửa tháng sau, Đại đức nghe Đức Phật thuyết bài kinh Vedanā pariggaha sutta (Đa Thọ Học) để hóa độ du sĩ Dīghanakha là cháu kêu Đại đức bằng cậu. Nhờ đưa trí theo dõi lời kinh, Đại đức lần lượt đạt đến mức cùng tột của Thinh Văn siêu việt trí. Cũng như người được no lòng nhờ ăn bữa cơm dọn cho người khác vậy. (Đại đức Sārīputta có tiếng là bậc thông minh quán chúng (Mahāpañña) mà tại sao lại chứng quả Thinh Văn siêu việt trí sau Đại đức Moggallāna lâu đến thế?).

Trong trường hợp này, ta nên giải thích chính đáng như vậy: “Tại vì phải chuẩn bị kỹ càng hơn ví như người nhà nghèo muốn đi đâu thì đi ngay không có gì phải sửa

soạn, còn các bậc vua chúa thì phải chờ sắp đặt long xa phụ cán chỉnh tề đội ngũ rồi mới khởi hành”.

Một ngày, Đại đức Sārīputta đắc chứng A La Hán với Tuệ phân tích lúc bóng xế tà (Vaḍḍhamānakacchāyāya), Đức Bôn Sư cho triệu tập Thịnh Văn Hội đề cử hai Đại đức lên địa vị Thượng thủ Thịnh Văn (Aggasāvaka), rồi truyền đọc giới bốn Pāṭimokkha.

Chư Tỳ khuru thì thăm dò nghị rằng: “Đức Tôn Sư chỉ coi mặt (mukhalokanena) mà ân tứ cho các Tỳ khuru, hai chức Thượng thủ Thịnh Văn đáng lẽ Ngài nên phong cho những đồ đệ đầu tiên là năm vị trong nhóm Kiều Trần Như (Pañca vagga) mới phải. Nếu không kể các vị ấy, thì Ngài nên huệ cố đến nhóm có năm mươi lăm vị Tỳ khuru có Đại đức Yasa đứng đầu mới hợp lý.

Ngoài mấy vị này ra, còn có ba chục vị trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya cũng xứng đáng được Ngài lưu ý, còn không nữa thì còn nhóm ba anh em Uruvelakassapa, sao Ngài chẳng tấn phong?

Đằng này, Ngài lại bỏ các vị cũ ra đề cử mấy ông mới xuất gia sau này lên làm hai đệ tử đứng đầu tất cả các chư Tăng... Thật Đức Bôn Sư coi mặt mà ân tứ vậy”.

Thấy vậy, Đức Bôn Sư phán hỏi: “Này các Tỳ khuru, các ông bàn luận chuyện chi đó?”.

Khi nghe chư Tăng phúc đáp xong, Đức Bôn Sư thanh minh rằng: “Này chư Tỳ khuru! Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khuru đâu? Như Lai giao phó nhiệm vụ cho các ông ấy đều đúng theo sở nguyện cá nhân của từng người một. Như Aññasikoṇḍañña tuy có lòng cúng dường chín lần bằng những sản phẩm đầu tiên trong một vụ mùa, nhưng trong lúc dâng cúng không phát nguyện thành Thượng thủ Thịnh Văn. Trái lại trong lúc ông đề bát ông chỉ phát nguyện chứng đắc pháp tối thượng (Aggadhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người mà thôi”.

- Bạch Đức Thế Tôn! Chuyện ấy xảy ra từ bao giờ?

- Này các Tỳ khuru! Các ông hãy lắng tai nghe.

- Dạ vâng, bạch Ngài.

Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tiền tích sau đây:

“Này các Tỳ khuru, cách đây chín mươi một đại kiếp, có Đức Thế Tôn Vipassī giảng thế. Thời ấy có hai anh em là Mahākāḷa và Cullakāḷa, là hai trưởng giả, đã cho người gieo trồng lúa Sālī (thứ lúa đại mạch quý giá nhất Ấn Độ) trong một thửa ruộng lớn.

Ngày nọ, Trưởng giả Cullakāḷa đi thăm ruộng, bứt một hạt Sālī đòng đòng (Sālī gabbham: Lúa mới tượng hình) bỏ vào miệng nhai, nhận thấy hạt lúa non này có

hương vị thơm ngọt vô cùng. Trưởng giả nảy ra ý định muốn để bát cúng dường Sālī non đến Tỳ khuru Tăng có Đức Phật làm hội chủ.

Trưởng giả liền trở về gặp anh mình và rủ: “Anh à! Chúng ta hãy cho người cắt Sālī đồng đồng, nấu chín hợp theo lẽ đạo của chư Phật, rồi chúng ta để bát cúng dường nghe anh?”.

- Chú nói sao? Cắt lúa Sālī đồng đồng nấu chín để bát à? Tự cổ chí kim chưa từng có ai làm vậy, mà trong tương lai cũng chẳng có ai làm vậy. Thôi chú đừng có phá cho hư hại mùa màng.

Cullakāla nằng nặc quyết một, cứ theo gót chân anh nói mãi, sau cùng Mahākāla nói: “Thôi được! Bây giờ ta hãy phân chia đôi. Ruộng lúa Sālī, phần nào của anh, chú chớ có rờ đụng tới, còn phần riêng của chú, mặc chú muốn làm gì thì làm”.

Được cởi mở tâm lòng, Cullakāla vội đáp “Lành thay”.

Chia ruộng xong Cullakāla liền thuê nhiều nhân công cắt lúa Sālī đồng đồng đem về, nấu với sữa tươi không pha nước, chín rồi trộn chung thêm gia vị cam tran như bơ, sữa lỏng (sappi), mật ong và đường.

Sau khi để bát chư Tăng có Đức Phật Vipassī làm hội chủ. Cullakāla chờ cho các Ngài độ xong, mới bạch rằng: “Bạch Ngài! Do sự cúng dường thù thắng (aggadāna) bằng những lúa Sālī trở đồng đồng này. Xin cho được đặc pháp thù thắng (Aggadhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người”.

Đức Tôn Sư chúc phúc cho ông: “Vạn sự như ý” (Evaṃ hotuti).

Sau đó Trưởng giả Cullakāla lại đi thăm ruộng, thấy lúa Sālī trở đồng phát sanh như cũ, gié đơm đầy như là lúa đã được bó lại, ông phát sanh năm loại phỉ lặc nói thàm: “Thật là may quá!”.

Trưởng giả liền kêu thôn dân phụ lực để làm phước cúng dường thù thắng. Cứ như thế, mỗi vụ lúa, Cullakāla cứ cúng dường kết quả đầu tiên: Khi lúa vừa ngậm sữa thì dâng lúa vừa ngậm sữa đầu tiên, khi gặt lúa thì dâng lúa gặt đầu tiên, khi đập lúa thì dâng lúa đập đầu tiên, khi quạt lúa thì dâng lúa quạt đầu tiên, khi vựa lúa thì dâng lúa vựa đầu tiên. Chỉ trong một mùa lúa, Cullakāla đã cúng dường thù thắng được chín lần. Trong tất cả những lần ấy, chỗ lúa được đem đến cúng dường lại hoàn trả như cũ một cách tự nhiên, mùa lúa ấy Trưởng giả Cullakāla trúng quá sức tưởng tượng, đúng như câu: “Thiện hữu thiện báo”, hễ ai hộ pháp thì được pháp độ trì. Cho nên, Đức Thế Tôn có thuyết rằng:

“Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ,
Dhammo suciṇṇo sukhamāvahāti;
Esānisamso dhamme suciṇṇe,
Na duggatiṃ gacchati dhammacārī”.

*“Chánh pháp hộ trì người nương chánh pháp
Nương pháp thì an lạc biết bao,
Phước báu nương pháp thanh tao,
Nương pháp khỏi đọa trần lao, thoát nần”.*

Trong thời kỳ Đức Chánh Biến tri Vipassī, Aññasikondañña đã làm phước cúng dường chín lần thù thắng như thế đó, nhưng chỉ ước nguyện đắc pháp thù thắng trước hơn tất cả mọi người mà thôi. Và trong thời kì Đức Phật Padumuttara, cách nay một trăm ngàn đại kiếp. Khi ở trong thành Hamsavatī (Thiên Nga), ông có cúng dường trọng thể (Mahādāna) trong bảy ngày đêm liên tiếp, rồi mọp bên chân Đức Thế Tôn thời ấy, nguyện cầu đắc pháp thù thắng trước hết thấy mọi người.

Cho nên đời nay, Như Lai đã căn cứ theo nguyện vọng của ông mà ân tứ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khuru đâu.

- Bạch Ngài! Còn năm mươi lăm vị công tử đó Đại đức Yasa làm trưởng đoàn chẳng hay tạo nghiệp gì?

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Này các Tỳ khuru! Mấy ông ấy đối với một vị Phật quá khứ, cũng phát nguyện thành A La Hán và đã có tạo nhiều phước nghiệp, nhất là trong kiếp sau, thời Đức Phật chưa giáng thế và thành lập một ban phước thiện, chuyên lo tống chung những xác chết bần tiện, cô đơn.

Một hôm thấy một phụ nữ có mang, họ bèn xúm nhau đưa vào bãi tha ma để hỏa táng:

- Các anh đem thiêu nhé!

Năm người được chỉ thị ở lại mộ địa, kỳ dư bao nhiêu đều trở về làng. Thanh niên Yasa đứng chỉ huy việc thiêu này, chàng dùng cây nhọn đâm lưng cái xác cho chảy bớt nước và lật qua lật lại cho mau cháy. Chằm chỉ nhìn cây đuốc thịt đang biến thành than, chàng bỗng đâm ra nhòm góms cái tử thi một cách lạ thường, đó là triệu chứng trong tâm chàng phát sanh bất tịnh tướng (Asubhasañña).

Yasa kêu bốn chàng kia lại chỉ: “Quý vị ơi! Hãy nhìn cho kỹ xác chết này, da của nó nứt nẻ loang lổ từng đốm giống hệt như miếng da bò, thật là bẩn thỉu, hôi tanh, đáng tởm làm sao?”.

Bốn người bạn Yasa ngay lúc ấy cũng đều phát sanh bất tịnh tướng. Xong phận sự đốt thây ma, năm chàng trở về làng kể chuyện vừa qua với các bạn kia. Chàng Yasa thuật lại chuyện ấy trong gia đình chàng nghe, nên cha mẹ chàng cũng phát sanh bất tịnh tướng (Asubhasañña).

Đó là tiền nghiệp của nhóm Tỳ khuru Yasa, chính do nhân ấy mà đang ở trong lâu đài, nhìn những mỹ nữ ngủ, Yasa có cái cảm giác như đang ở trong mộ địa với những thây ma và cũng nhờ tích lũy những nghiệp lành trong những kiếp đã qua, nên

kiếp này tất cả những người trong nhóm mới đắc chứng những quả đặc thù (Vivesadhigama) là A La Hán quả.

Như thế thì, những Tỳ khuru này cũng đắc quả đúng theo nguyện vọng của họ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khuru đâu.

Chư Tăng lại hỏi thêm nữa rằng:

- Bạch Ngài, còn những bằng hữu trong nhóm quý tộc Bhadda, chẳng hay đã tạo nghiệp gì?

Đức Thế Tôn đáp:

- Nay các Tỳ khuru! Các công tử ấy cũng đã cúng dường đối với Đức Phật quá khứ, phát nguyện thành A La Hán và đã làm nhiều chuyện phước đức. Tiếp theo đó, trong thời Đức Phật chưa giảng thế, họ đầu thai làm ba mươi tên lưu manh lăng tữ, nhờ nghe huấn từ của Đức Thế Tôn ban cho ông Tundila mà cải tà quy chánh, thọ trì ngũ giới được sáu muôn năm. Do đó, kiếp chót này, các ông ấy chứng đắc quả vị đúng theo bốn nguyện cá nhân từ những kiếp trước. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khuru đâu”.

- Bạch Ngài! Còn những vị trong nhóm của đạo sĩ Uruvelakassapa đã làm gì?

- Các ông ấy đã phát nguyện thành A La Hán và cũng tạo nhiều phước nghiệp.

Thật vậy, cách đây chín mươi hai đại kiếp Kappa này có hai vị Phật giảng sanh là Đức Phật Tissa và Đức Phật Pussa.

Đức Phật Pussa vốn là vị đông cung Thái tử, con đức vua Mahinda (Đại Đế). Sau khi Ngài đắc quả Chánh Biến Tri thì có Thượng thủ Thịnh Văn là Hoàng tử út, em Ngài, Đề nhĩ Thịnh Văn là vị công tử con quan Lễ bộ Thượng thư đương triều.

Nhân dịp đến yết kiến Đức Bôn Sur, đức vua tự hỏi thăm: “Thái tử của trăm là Đức Phật, Hoàng tử út là Đề nhĩ Thịnh Văn, con quan Lễ bộ Thượng thư là đề nhĩ Thịnh Văn (Dutiyasāvaka)”.

Ngược nhìn lên ba Ngài, đức vua càng thỏa thích với ý nghĩ: “Đức Phật cũng của trăm, Đức Pháp cũng của trăm, Đức Tăng cũng của trăm”. Nên cao hứng cất tiếng niệm ba lần: “Namo tassa bhagavato arahato sammā sambuddhassa” (Kính lạy Đức Ngài, Đức Đại Phúc, Đức Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri”). Đoạn đức vua phủ phục long thể trước chân Đức Bôn Sur và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Năm nay quả nhân sống đã đúng chín muôn tuổi thọ, chỉ còn đợi giờ an giấc trường niên. Trong những ngày tàn của quả nhân, xin thỉnh Ngài đừng đi bát nhà ai, mà chỉ nhận tứ vật dụng (chỗ dùng để ăn, mặc, ở, trị bệnh) của một mình quả nhân dâng cúng.

Đức Bôn Sur nhận lời.

Từ đó, đức vua Mahinda chăm lo hộ độ Đức Phật Pussa thường xuyên mỗi bữa.

Ngoài hai vị xuất gia, đức vua còn có ba Hoàng tử nữa, vị đầu có năm trăm tùy tướng, vị kế có ba trăm tùy tướng, vị út có hai trăm tùy tướng.

Ba vị Hoàng tử muốn để bát hộ độ anh mình là Đức Phật Pussa, nhưng xin phép vua cha nhiều lần không được.

Đến khi biên thùy nổi loạn chống lại triều đình, ba Hoàng tử được lệnh sai đi bình giặc. Dẹp yên bờ cõi, ba Hoàng tử khai hoàn phục vị vua cha.

Quốc vương ôm con vào lòng, hôn lên đầu và phán rằng: “Vương nhi các con, trăm chuẩn ân thưởng cho các con tùy theo ước nguyện”.

- Dạ xin vâng! Tâu lệnh phụ vương.

Ba Hoàng tử phụng hành lời hứa của vua cha mà thôi. Cách mấy hôm sau, Quốc vương lại nhắc:

“Các vương nhi hãy nhận lãnh phần thưởng của mình đi”.

Ba Hoàng tử bèn tâu rằng: “Tâu phụ vương, chúng con không ước nguyện chi khác hơn là từ rày về sau chúng con được phép cúng dường hộ độ vương huynh của chúng con. Xin lệnh phụ vương ban cho chúng con ân huệ ấy”.

- Nay các Vương nhi! Việc ấy trăm không thể ân tứ được.

- Tâu phụ vương, nếu phụ vương không chuẩn tấu cho chúng con cúng dường thường trực, thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con mỗi người trong bảy năm.

- Nay Vương Nhi! Việc ấy, trăm không thể ân tứ được.

- Nếu không thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con trong sáu năm... năm năm... bốn năm... ba năm... hai năm... một năm... Hoặc trong bảy tháng... sáu tháng... năm tháng... bốn tháng... ba tháng... hai tháng... Hoặc một tháng.

- Nay các vương nhi! Việc ấy trăm không thể ân tứ được.

- Tâu đại vương! Xin phụ vương cho chúng con mỗi người một tháng, nhập chung là ba tháng liền nhau.

- Được rồi, trăm y tấu, các vương nhi hãy lo hộ độ vương huynh trong ba tháng liền nhau.

Ba Hoàng tử hân hoan khấu biệt Quốc vương trở về cung. Thời thường, ba Hoàng tử chung nhau chỉ có một viên quản khổ và một viên thiện tế viên quan coi việc bếp núc có đến mười hai viên thủ hạ thanh niên.

Ba Hoàng tử ra lệnh đòi hai viên quan ấy đến và bảo rằng: “Ba tháng tới đây, chúng ta sẽ mặc nhị y, thọ trì Thập giới và nhập hạ với Đức Bổn Sư. Hai khanh hãy thay ba ta và tiếp tục coi việc xuất kho những thực phẩm cứng và mềm, cho nấu

nướng, rồi mỗi ngày để bát cúng dường đến chín muôn vị Tỷ khuru, luôn cả ba ta cùng một ngàn tùy tướng của ta nữa. Thôi hai khanh hãy ráng tự lo liệu lấy, ba ta chẳng còn việc chi phải nói thêm nữa”.

Thế rồi, dắt theo cả ngàn tùy tướng thân tín, ba Hoàng tử xin thọ trì Thập giới. Xuất gia tạm, đắp nhị y và nhập hạ tại chùa.

Hai quan quản khô và thiện tế hợp chung nhau, luân phiên lo liệu việc cúng dường, mỗi ngày đều cho người vào kho của ba Hoàng tử, xuất ra đủ thứ thực phẩm cứng và mềm, sắp đặt xong rồi cho làm lễ Trai Tăng.

Trong khi các đầu bếp nấu cơm, cháo vật thực dọn ra thì lũ con nhỏ của họ la khóc đòi ăn. Hai quan Tổng quản thấy vậy lấy món ăn chúng đòi ăn đưa cho chúng ăn trước khi chư Tăng ngự tới. Vì thế, chư Tăng chỉ thọ thực một bữa thừa, không đầy đủ nguyên vẹn như khi mới dọn.

Lần lần về sau, hai quan Tổng quản trông thấy thực phẩm mới dọn, cũng sanh thèm, nhin không được, giả bộ nói: “Ta hãy đem cho lũ trẻ”, rồi lấy đem đi ăn vụng.

Cả đám từ nhỏ đến lớn có tám muôn bốn ngàn vị phạm tội ăn bớt thực phẩm mà họ có phận sự cúng dường Đại Đức Tăng, sau khi tan rã thân xác, đều bị sanh đọa vào cõi ngạ quỷ (Petti visaya).

Ba anh em Hoàng tử với một ngàn thuộc hạ, sau khi từ già cõi đời, được siêu sanh lên Thiên giới, rồi luân hồi chuyển kiếp, khi thì ở cõi trời, khi thì ở cõi người. Trải qua chín mươi hai đại kiếp mới đến ngày nay. Mỗi khi tạo nghiệp lành họ đều nguyện thành A La Hán. Cho nên cả ba vị đều đắc Thánh quả đúng theo nguyện vọng của mình. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ đâu.

Quan thiện tế của ba vị Hoàng tử nay là vua Bimbisāra, còn quan quản khô nay là cận sự nam Visākha. Những người phụ tá của họ, khi ấy sau khi chết bị đọa sanh vào cõi ngạ quỷ (ma đói), rồi chuyển kiếp, khi làm người, khi làm chư Thiên, khi ở khổ cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Cho đến hiện kiếp này, họ sanh sống trong cõi ngạ quỷ suốt trong khoảng thời gian nối liền bốn chu kỳ có Phật xuất thế. Họ đã đến gặp Đức Phật Kakusandha là vị Chánh Đẳng Giác đầu tiên xuất hiện trong hiện kiếp này, Ngài có tuổi thọ là tám muôn năm, họ bạch hỏi Ngài: “Xin Ngài cho biết đến bao giờ chúng tôi mới có được thức ăn?”.

Đức Phật đáp: “Trong thời Như Lai, các người chưa có gì ăn được, sau này địa đại sẽ cao lên một do tuần, chừng ấy có Đức Phật danh hiệu là Konāgamana sẽ giảng thế. Các người ráng chờ đến vị Phật này mà hỏi thăm”.

Các ngạ quỷ chờ đợi suốt khoảng giữa hai đời Phật và khi Đức Chánh Biến Tri Konāgamana xuất thế, chúng đến bạch hỏi Ngài: “Xin Ngài chỉ dạy cho biết, bao giờ chúng tôi mới được có thức ăn?”.

Đức Phật konāgamana cũng đáp: “Trong thời của Như Lai các người cũng chưa có gì ăn được. Sau này khi địa đại cao thêm một do tuần, chừng ấy có Đức Phật Kassapa sẽ ra đời, các người nên chờ hỏi vị Phật ấy!”.

Các ngạ quỷ đành phải chịu đói, chờ thêm khoảng thời gian không Phật nữa. Khi gặp Đức Phật Kassapa, chúng cũng tới hỏi thăm và nghe trả lời mừng rỡ như trước: “Trong thời của Như Lai các người cũng chưa có gì ăn được. Sau này khi địa đại cao thêm một do tuần, chừng ấy Đức Phật có hồng danh Gotama sẽ giảng lâm, thân nhân của các người là đức vua Bimbisāra sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn và hồi hướng phước báu đến cho các người, chừng ấy các người sẽ có được thức ăn”.

Thời gian không có vị Phật sau cùng này đối với ngạ quỷ chỉ thoáng qua mau hầu như đầu hôm sớm mai vậy (bởi chúng vui mừng vì sắp được ăn).

Khi Đức Như Lai xuất thế vua Bimbisāra cúng dường Trai Tăng bữa đầu, chúng ngạ quỷ không thọ hưởng được quả báu (vì thí chủ không hồi hướng đến), chúng đợi tới khuya về báo mộng cho đức vua ngó thấy và rú lên những tiếng rùng rợn.

Sáng hôm sau, đức vua ngự hành đến chùa Veluvana thuật lại chuyện ma hiện hình cho Đức Như Lai nghe.

Đức Bôn Sur dạy rằng: “Tâu đại vương! Cách đây chín mươi hai đại kiếp trong thời Đức Chánh Biến Tri Phussa, những ngạ quỷ ấy là thân bằng quyến thuộc của đại vương. Vì tội ăn vót thực phẩm mà chúng có phận sự cúng dường đến Đại đức Tăng nên bị đọa xuống cõi ngạ quỷ, rồi lại luân hồi lên xuống nhiều kiếp. Đến thời của mỗi vị Phật, chúng đều hỏi thăm cả ba vị Chánh Biến Tri là Đức Kakusandha, Đức Konāgamana và Đức Kassapa, đều trả lời như vậy... như vậy..., chúng đã nóng lòng chờ đợi suốt cả thời gian ấy, nhưng hôm qua sau khi đại vương làm lễ Trai Tăng chúng không lãnh được phước báu, cho nên mới hiện hình kêu la như thế đó!”.

Nghe vậy, đức vua Bimbisāra bạch hỏi rằng: “Bạch Ngài! Như buổi Trai Tăng ngày nay, họ có lãnh được phước báu hay không?”.

- Có lãnh được! Tâu đại vương.

Hôm sau, đức vua lại thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm hội chủ đến thọ thực. Sau bữa Trai Tăng trọng thể (mahādāna), đức vua hồi hướng phước báu rằng: “Bạch Ngài! Do sự phước thí này xin cho những vong linh quyến thuộc của trẫm có đầy đủ cơm nước của hàng chư Thiên”.

Ngay lúc ấy, các ngạ quỷ đều thoát khỏi sự đói khát nhờ thọ hưởng được phước hồi hướng. Nhưng đến hôm sau chúng lại hiện cho đức vua thấy thân chúng lở lỏ.

Đức vua ngự đến bạch hỏi Đức Tôn Sư: “Bạch Ngài, đêm qua những vong linh ấy hiện hình lồ lộ cho trăm thấy, là ý nghĩa làm sao?”.

Hôm sau, Đức vua cúng dường y và vải cho chư Tăng có Đức Phật là hội chủ và nguyện rằng: “Do phước này, xin cho các vong linh quyến thuộc của trăm được mặc y phục của hàng chư Thiên”.

Ngay lúc ấy, những y phục chư Thiên tạo phát sanh đầy đủ sẵn đến các vong linh lồ lộ, cởi lớp ngạ quỷ, họ trở thành những chư Thiên có hình thái xinh đẹp sáng chói.

Khi chúc phúc, Đức Bôn Sư đọc bài kinh bắt đầu bằng: “Tirokuddesu tiṭṭhanti... (các hàng ngạ quỷ đã đến nhà quyến thuộc rồi...)” để dạy bảo cho các thí chủ và các vong nhân cách thức hồi hướng phước báu cho nhau (Xem Kinh Tụng của cổ Đại đức Hộ Tông).

Bài kinh Ngạ quỷ đứng ngoài vách nhà vừa dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh được lãnh hội giáo pháp (trong khi kể về tiền thân của ba anh em Uruvelakassapa, Đức Bôn Sư đã đề cập đến tích các ngạ quỷ như trên).

- Bạch Ngài! Còn hai vị Thượng thủ Thịnh Văn đã làm gì?

- Hai vị Thượng thủ Thịnh Văn đã phát nguyện làm Thượng thủ Thịnh Văn.

Quả vậy, cách đây lối một A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, Sārīputta sanh ra trong một gia đình đại phú thuộc giai cấp Bà la môn quý danh là công tử Sārada (Kim Thu), còn Moggallāna sanh trong một vọng tộc đại gia, có tên là Sirivaḍḍhana (Tân Lợi), hai chàng là đôi bạn cố giao, thân thiết với nhau từ thuở còn dọc đất chơi bòn.

Đến khi thân phụ qua đời, công tử Sārada được thừa hưởng trọn cả gia tài to tát, nhưng không lấy thế làm vui. Một hôm công tử ngồi tư lự một mình: “Ta chỉ biết được phần nào kiếp sống của ta trong đời hiện tại, chứ không biết gì về kiếp vị lai. Đã là giống hữu tình (satta) hễ sanh lên tất có ngày chịu chết. Nào ai thoát khỏi công lệ đó đâu, âu là ta hãy xuất gia sống đời phiêu bạt, để tìm con đường giải thoát tử sanh”.

Nghĩ rồi, công tử Sārada đến nhà bạn hỏi rằng: “Bạn Sirivaḍḍhana ơi! Tôi định sẽ tìm cách xuất gia, tìm đạo giải thoát, bạn có thể xuất gia chung với tôi chăng?”.

Trưởng giả Sirivaḍḍhana bèn đáp: “Bạn ơi! Chắc tôi không đi được, xin bạn cảm phiền đi xuất gia một mình”.

Công tử Sārada tự nghĩ: “Đến chung cuộc rồi, không ai có thể dắt cả thân bằng quyến thuộc đi sang thế giới bên kia. Thôi thì việc ai nấy làm, đường ai nấy đi”.

Từ đó, công tử mở rộng cửa kho vàng ra bố thí cho những kẻ khốn cùng, bản tiện xin ăn. Xong cuộc đại thí, công tử đi vào tận chân núi xuất gia làm đạo sĩ.

Ban đầu chỉ một, hai, ba người xuất gia tu theo đạo sĩ Sārada, nhưng lần lần số đệ tử tăng lên đến bảy muôn bốn ngàn.

Đạo sĩ Sārada hành đắc chứng được Ngũ thông, Bát thiên bèn đem cách niệm đề mục thiền tịnh (kasiṇa parikamma) chỉ dạy cho các đạo sĩ tóc bện đệ tử, nhờ vậy tất cả đều đắc Ngũ thông, Bát thiên như nhau.

Thời ấy, Đức Phật hồng danh là Anomadassī giảng lâm nơi thành Buddhamatī (Giác Tuệ) cũng có khi gọi là Candavatī (Thái Âm), phụ vương Ngài tên Yasavanta thuộc giai cấp Sát Đế Ly (Khattiya), mẫu hậu Ngài là Yasodharā nương tử.

Ngài giác ngộ dưới cội cây Long Thọ (Ajjuna), có Tỳ khưu Nisabha (Trác Lạc) và Anoma (Vô Thượng) là nhị vị Thượng thủ Thịnh Văn, có thiện nam Varuṇa là đại thí chủ, có Tỳ khưu ni Sundarā (Mỹ Lệ) và Tỳ khưu ni Sumanā là hai nữ đệ tử (aggasāvikā). Tuổi thọ của Ngài là mười muôn năm, bề cao của Ngài là năm mươi tám hắc tay (hatta: lối năm tất tây), hào quang từ thân Ngài chiếu ra xa mười hai do tuần, Ngài có mười muôn Tỳ khưu tùy tùng.

Một hôm, hừng sáng Ngài xuất định Đại Bi quán thế gian, thấy đạo sĩ Sārada, Ngài nghĩ rằng: “Hôm nay do nhờ duyên lành của đạo sĩ Sārada mà chánh pháp sẽ được tuyên dương. Sārada sẽ phát nguyện thành Thượng thủ Thịnh Văn. Bạn của đạo sĩ Sārada là Trưởng giả Sirivaḍḍhana sẽ nguyện làm đệ nhị Thượng Thủ Thịnh Văn. Dứt thời pháp, tất cả tùy tùng của đạo sĩ Sārada có bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính sẽ đắc quả A La Hán. Vậy Như Lai nên ngự đến đó”.

Sau khi quán sát thấy rõ như thế, Đức Phật Anomadassī không nói cho ai hay biết, Ngài lặng lẽ đắp y mang bát ra đi một mình như chúa sơn lâm.

Lúc ấy, những đạo sĩ đệ tử của Sārada đã đi tứ tán vào rừng hái trái cây, đạo sĩ ở lại tịnh thất một mình.

“Ta hãy cho đạo sĩ biết Ta là vị Phật”, nghĩ như thế Đức Tôn Sư trù trên hư không đáp xuống, đứng trước mặt đạo sĩ Sārada. Khi thấy rõ oai lực của Đức Phật và tướng hảo quang minh của Ngài, đạo sĩ lẩm nhẩm ôn lại bài kệ mô tả tướng tốt của bậc Đại Nhân (Mahāpurisa), rồi đạo sĩ nói thầm: “Người có đầy đủ tướng tốt như vậy, nếu không xuất gia thì sẽ trở thành vị Chuyển Luân Vương. Còn nếu xuất gia thì sẽ làm vị Phật Toàn Giác vén màn vô minh bao trùm cõi thế. Người này quyết chắc là một vị Phật không còn nghi ngờ chi nữa”.

Biết rõ như vậy, đạo sĩ tiến bước đến trước Đức Phật gieo năm vóc xuống đánh lễ Ngài, đoạn sắp chỗ ngồi và thỉnh Ngài an tọa.

Đức Thế Tôn ngự lên chỗ ngồi dọn sẵn, đạo sĩ Sārada tự mình cũng chọn một chỗ phải lễ, ngồi nép qua một bên.

Bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính hái được đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng rồi trở về với đạo trưởng. Về đến nơi họ nhìn chỗ ngồi của Đức Phật, rồi nhìn chỗ ngồi của thầy mình và nói: “Bạch Thầy, chúng đệ tử đã từng chu du khắp chốn, chưa từng gặp ai cao thượng hơn thầy. Nhưng người này so với thầy, chúng đệ tử thấy còn cao thượng hơn”.

Nghe vậy, đạo sĩ Sārada đáp: “Các con nói chi. Đừng có tính đem hột cải bé tí teo mà đo với núi Sineru có bề cao tám muôn bốn ngàn do tuần. Đừng đem thầy ra mà so sánh với Đức Phật Toàn Giác, nghe các con!”.

Khi ấy, các đạo sĩ nghĩ thầm: “Nếu người này là một kẻ tầm thường vô vị thì thầy ta đã không đưa ra một ví dụ như thế. Chắc hẳn đây là một bậc Ứng Cúng (Arahā) không sai”.

Nghĩ rồi, cả thầy đồng quỳ xuống, mọp đầu đánh lễ Đức Tôn Sư.

Kế đó, đạo sĩ Sārada bảo các đệ tử rằng: “Này các trò, hiện đây chúng ta chẳng có gì xứng đáng để cúng dường Đức Phật, Ngài đến nhằm giờ chúng ta đi khát thực. Chúng ta hãy tùy tài lực của mình mà cúng dường, vậy các trò hãy tìm cách kiếm đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng đem về đây nghe”.

Khi có trái cây đem về, đạo sĩ Sārada rửa tay sạch sẽ, đích thân để bát cúng dường đấng Như Lai. Lúc Tôn Sư thọ bát, chư Thiên thêm chất tự dưỡng thiên, tạo phước để vào trong bát của Ngài.

Kế đó, đạo sĩ Sārada cũng tự mình lọc nước cho Đức Tôn Sư. Đức Tôn Sư thọ thực xong vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Đạo sĩ Sārada cho gọi tất cả đệ tử của mình, đi đến ngồi gần Đức Tôn Sư vấn an Ngài theo xả giao. Khi ấy, Đức Tôn Sư nguyện thầm: “Hai vị Thượng thủ Thịnh Văn cùng đi với Tăng chúng hãy đến nơi đây”. Hai vị Đại đệ tử thần giao cách cảm, được lệnh của Đức Tôn Sư, bèn dắt cả đoàn Tăng chúng gồm có mười muôn Thánh Lậu Tận (A La Hán) đến chỗ Đức Tôn Sư, đánh lễ Ngài và đứng nép qua một bên.

Thấy vậy, đạo sĩ Sārada cho gọi các đệ tử vào bảo: “Này các trò, ghé chỗ chư Phật ngồi thấp quá. Ghế để mười muôn vị Sa môn ngồi cũng không có. Hôm nay các trò cũng nên nhân dịp này mà làm một cuộc lễ cúng dường trọng thể đến chư Phật. Vậy các trò hãy đi vào chân núi, tìm hái đủ thứ kỳ hoa dị thảo, sắc đẹp hương nồng đem về đây”.

Tục ngữ có câu “Kathānakālo papañco... Nhân thoại vô công” chẳng có ai ước lượng được giới hạn thần thông của một bậc pháp thuật cao cường cho được. Chỉ trong chốc lát, các đạo sĩ đã lần lượt đem về vô số những hoa vừa thơm vừa đẹp.

Bảo tọa của Đức Phật được kết bằng hoa rộng lớn cả một do tuần, bảo tọa của hai vị Thượng thủ Thịnh Văn rộng ba phần tư do tuần, kỳ dư bảo tọa của chư vị Tỷ

khuru rộng từ nữa do tuần (hai gāvuta) sắp xuống, của các vị mới xuất gia thì rộng lối bảy chục thước tây (một trăm bốn mươi usabha).

Ta chớ lấy làm lạ, đặt nghi vấn rằng: “Làm cách nào mà sắp xếp bao nhiêu bảo tọa to lớn như vậy trong ngôi đạo tràng ấy?”. Đó là do phép thần thông làm ra mới có được như thế.

Các bảo tọa chung dọn xong, đạo sĩ Sārada đến trình Đức Như Lai, chấp tay cung kính bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cung thỉnh Ngài ngự lên bảo tọa, cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự bình an lâu dài.

Vậy có kệ rằng:

“Nānāpupphañca gandhañca,
Sannipātetvāna ekato;
Pupphāsanam paññāpetvā,
Idam vacamabraviṃ;
Idam me āsanam vīra,
Paññattam tavanucchaviṃ”.

“Mama cittam pasādentō,
Nisīdi pupphamāsane;
Sattarattindivam buddho,
Nisīdi pupphamāsane;
Mama cittam pasādetvā,
Hāsavitvā sadevaketi”.

*“Hương hoa nhiều thứ gộp chung,
Kết xong bảo tọa, cúi cung bạch rằng:
Bạch Đại Hùng nên chẳng bảo tọa?
Tôi vì Ngài kết đã thành công;
Thỉnh Ngài lên bảo tọa bông,
Cho tâm tôi sạch, cho lòng tôi vui.
Trên đài hoa, Phật ngồi bảy bữa,
Khiến tâm tôi sạch rửa trần ai.
Chư Thiên dĩ chí muôn loài,
Chúng tôi hỷ dạ Phật oai nhiệm mầu”.*

Đức Bôn Sur nhận lời, ngự lên đài an tọa, kế đó là hai vị Thượng thủ Thịnh Văn và kỳ dư chư Tỳ khưu đều lần lượt ngồi lên những bảo tọa dành riêng cho từng vị.

Đạo sĩ Sārada tay cầm lọng hoa vĩ đại, đứng che trên đầu Đức Như Lai.

Đức Tôn Sư chú nguyện rằng: “Do sự cúng dường lễ bái này quả phước lớn lao hãy phát sanh đến các đạo sĩ tóc bính”.

Phúc chúc xong rồi, Đức Tôn Sư ngồi yên, nhập vào Thiền Diệt (Nirodha samāpatti). Thấy biết Tôn Sư đã ở trong trạng thái Diệt Thọ Tướng Định, hai vị Thượng Thủ Thịnh Văn và tất cả chư Tăng cũng đều nhập định luôn.

Sau khi nhập Thiền Diệt, Đức Như Lai ngồi nguyên trong một tư thế bảy ngày liền.

Trong thời gian ấy, mỗi ngày các đạo sĩ đệ tử của Sārada đều đứng chấp tay hầu bên Phật, ngoại trừ giờ đi khát thực, phải chia nhau đi kiếm trái cây rừng lót dạ mà thôi.

Riêng một mình đạo sĩ Sārada không đi kiếm ăn, đạo sĩ đứng yên, tay cầm bông hoa suốt bảy ngày liền, trong lòng tràn ngập một niềm vui phơi phới (pīti).

Khi xuất Thiền Diệt, Đức Bổn Sư gọi vị Thượng Thủ Thịnh Văn tay phải là Đại đức Nisabha, bảo: “Này Nisabha, con hãy chúc phúc cho các đạo sĩ đã có lòng tôn kính cúng dường những bảo tọa hoa”.

Khi ấy, như một tướng soái oai hùng vừa được Đức Chuyển Luân Vương đích thân ban thưởng, Đại đức Nisabha phát tâm hoan hỷ, trụ vào Thịnh Văn siêu việt trí, mở lời chúc phúc cho các đạo sĩ cúng dường những bảo tọa hoa.

Sau thời pháp của vị Thủ Thịnh Văn, Đức Tôn Sư quay lại gọi đệ nhị Thịnh Văn ngồi bên tay trái của Ngài và bảo: “Này Tỳ khưu! Con cũng hãy thuyết pháp đi”.

Vâng lời Đức Bổn Sư, Đại đức Anoma niệm tưởng những Phật ngôn trong Tam Tạng, rồi thuyết ra một thời pháp.

Mặc dầu cả hai vị thượng Thịnh Văn thay nhau thuyết pháp, nhưng tất cả đạo sĩ trong hội trường không có một ai lãnh hội được giáo nghĩa.

Khi ấy, Đức Bổn Sư trụ tâm vào Vô Biên Phật Cảnh Trí (Aparimāṇa buddhavisaya) rồi thuyết ra một thời pháp.

Thời pháp dứt, trừ đạo sĩ Sārada, tất cả bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính đều đắc quả A La Hán. Các đạo sĩ ấy bèn xin xuất gia với Đức Tôn Sư.

Đức Ngài đưa tay ra vẫy gọi: “Thiện Lai Tỳ khưu...”, tức thì tất cả tóc râu của các đạo sĩ ấy đều biến mất hết và họ trở thành Tỳ khưu có tám món phụ dính liền theo thân là ba y, bát, dây lưng, ống đựng kim, ống lược nước, dao cạo.

Thử hỏi: Vì sao đạo sĩ Sārada không đắc A La Hán?

Xin đáp: Tại vì tâm không định.

Theo truyền ngôn thì từ khi vị Thủ Thịnh Văn ngồi trên bảo tọa thứ nhì kế bên Đức Phật, trụ tâm vào Thịnh Văn siêu việt trí thuyết pháp. Đạo sĩ Sārada sau khi nghe được thời pháp này rồi, đâm ra mơ ước: “Ôi! Phải chi mình được lãnh nhiệm vụ của vị Đại đệ tử này trong Giáo pháp của một vị Phật vị lai”. Vì mãi bận tâm lo nghĩ như vậy, nên đạo sĩ không đắc quả chi hết.

Đạo sĩ đành lễ Đức Như Lai. Rồi đứng đối diện với Ngài và bạch hỏi: “Bạch Ngài! Chẳng hay trong giáo pháp của Ngài vị Tỳ khưu ngồi sát bên cánh tay phải của Ngài mệnh danh là gì?”.

- Tỳ khưu nào theo phụ lực với Như Lai, quay chuyển bánh xe pháp, đã đạt tới mức thượng đỉnh của Thịnh Văn Siêu Việt Trí (Sāvakaṇāṇassakotiṭṭipatto), đã hiểu biết mười sáu vấn đề (Solasapaññā) (tức là mười sáu lý của Tứ Diệu Đế - xem Kho Tàng Pháp Bảo) Tỳ khưu ấy mệnh danh là Thủ Thịnh Văn (Aggasāvaka) trong Giáo Pháp của Như Lai.

- Bạch Ngài! Do nơi công đức của con đứng cảm lộng tôn kính che mát cho Ngài trong bảy ngày liền, con không cần được phước báu làm Đế Thích (Sakka) hoặc Phạm Thiên (Brahma) chi hết. Con chỉ nguyện làm Thủ Thịnh Văn của một Đức Phật vị lai, y như Đại đức Nisabha ngày hôm nay vậy.

Nghe đạo sĩ phát nguyện xong, Đức Tôn Sư tự vấn: “Lời nguyện của chàng này có thành tựu hay không?”. Ngài phóng tầm Giác Lực (Sañña) của Ngài về thời vị lai, quan sát thấy sau một A Tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, lời nguyện ấy sẽ được kết quả.

Thấy vậy, Ngài bảo đạo sĩ Sārada rằng: “Lời nguyện của người không phải là vô hiệu quả (mogha), sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa vị Phật danh hiệu là Gotama sẽ giáng thế, thân mẫu Ngài là Mahāmāyā, thân phụ Ngài là Suddhodana, thái tử Ngài là Rāhula, thị giả Ngài tên Ānanda, đệ nhị Thịnh Văn Ngài là Moggallāna, người sẽ là vị Thủ thịnh Văn của Ngài, là vị Tướng quân chánh pháp (Dhammasenāpati) tên là Sārīputta. Thọ ký cho đạo sĩ rồi, Đức Phật thuyết pháp phủ dụ, đoạn Ngài cùng tất cả Thánh Tăng đồng vân bay đi.

Đạo sĩ Sārada (Sāradatāpasa) đến gần chư Tỳ khưu đệ tử cũ, nhờ các vị này chuyển lời đến bạn mình là Trưởng giả Sirivaḍḍhana. Đạo sĩ nói:

- Bạch các Ngài! Xin các Ngài hoan hỷ nói giùm với bạn tôi rằng: Đạo sĩ Sārada là người đã quỳ dưới chân của Đức Phật Anomadassī, phát nguyện làm vị Thủ Thịnh Văn trong giáo pháp của Đức Phật Gotama giáng thế trong thời vị lai. Vậy người có muốn làm đệ nhị Thịnh văn hay không?

Tuy đã nhần lời như thế, nhưng đạo sĩ cũng theo một lối tắt đi trước các Trưởng lão, đến trước nhà của Trưởng lão Sirivaḍḍhana. Trông thấy bạn cố tri, Trưởng giả kêu lên:

- Chà! Thật lâu quá mới thấy đạo huynh về thăm tôi.

Đoạn Trưởng giả kéo ghế mời đạo sĩ ngồi và tự mình cũng ngồi ở một chỗ thấp hơn.

- Bạch Ngài! Ngài không có giáo đồ đệ tử chi hết sao? Trưởng giả hỏi.

- Thật vậy bạn à! Đức Phật Anomadassī đã đến Tịnh xá của chúng tôi, chúng tôi đã tùy theo tài lực của mình mà làm lễ cúng dường. Rồi Đức Tôn Sư đã thuyết pháp cho chúng tôi nghe. Dứt thời pháp, trừ tôi ra, tất cả đều đắc quả A La Hán và xuất gia Tỳ khưu hết rồi, vì tôi thấy Đại đức Nisabha là vị Thịnh Văn của Đức Bôn Sư, tôi đã phát nguyện thành vị Thủ Thịnh Văn trong giáo pháp của Đức Phật Gotama sắp giảng thế trong thời vị lai. Còn bạn, bạn hãy phát nguyện làm vị đệ tử nhị Thịnh Văn trong giáo pháp của Đức Phật ấy đi.

- Bạch Ngài! Tôi không được thân cận, quen biết với chư Phật.

- Để tôi lãnh phần thỉnh chư Phật cho, bạn cứ yên trí ở nhà lo sắp đặt cuộc đại lễ Trai Tăng đi nhé.

Nghe lời bạn, Trưởng giả Sirivaḍḍhana cho người dọn miếng đất trước cửa nhà mình thành một cái sân rộng độ tám sào đất vuông (Karīsa) tráng thật bằng phẳng. Trải cát trắng khắp mặt sân, rắc thêm năm thứ hoa đồng nội (Lāja) dựng lên một cái nhà lồng nóc lợp bằng hoa sen xanh, như là để nghinh tiếp một bậc Đế Vương vậy.

Trưởng giả lại cho sửa soạn bảo tọa của chư Phật, sắp đặt chỗ Ngồi của chư Thánh Tăng, chuẩn bị lễ vật cúng dường rất long trọng, rồi báo tin cho đạo sĩ Sārada hay để cung nghinh chư Phật.

Đạo sĩ thỉnh được chư Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi cùng đi theo các Ngài trở về nhà bạn Trưởng giả Sirivaḍḍhana.

Trưởng giả thân hành ra nghinh tiếp chư Tăng, thỉnh bát nơi bàn tay của Đức Như Lai, rước Ngài ngự vào Thanh Liên Đình.

Khi Đại đức Tăng có Đức Phật làm hội chủ đã an tọa trên những ngôi vị đã sắp đặt sẵn, Trưởng giả Sirivaḍḍhana lấy nước rót lên tay Đức Bôn Sư theo nghi lễ cúng dường (dakkhiṇodaka) xong, liền tiếp dâng cúng những thực phẩm cam trân mỹ vị. Sau bữa Trai Tăng, Trưởng giả lại dâng đầy đủ y quý giá đến Đại đức Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi bạch rằng: “Bạch Ngài! Cuộc lễ Trai Tăng này không phải được tổ chức với mục đích tầm thường nhỏ nhen. Xin thỉnh Ngài từ bi hoan hỷ lưu lại nơi đây, để con được cúng dường như vậy trong bảy ngày liên tiếp”.

Đức Bôn Sư nhận lời.

Khi lễ đại thí trong bảy ngày liền vừa chấm dứt, Trưởng giả Sirivaḍḍhana đánh lễ Đức Bôn Sư, đoạn đứng chấp tay bạch rằng:

- Bạch Ngài! Bạn của tôi là đạo sĩ Sārada đã nguyện làm Thủ Thỉnh Văn của Đức Phật nào, thì tôi cũng nguyện xin là đệ nhị Thỉnh Văn của Đức Phật ấy.

Đức Thế Tôn quán sát thời vị lai, thấy lời nguyện Trưởng giả sẽ thành tựu, bèn thọ ký rằng: “Từ đây về sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, người sẽ là đệ nhị Thỉnh Văn của Đức Phật Gotama”.

Nghe Đức Phật thọ ký, Trưởng giả vui mừng không kể xiết. Phúc chúc xong, Đức Tôn Sư cùng đoàn Thỉnh Văn về Tịnh Xá.

Thuật xong tiền tích của hai vị Đại đức Sārīputta và Moggallāna, Đức Bốn Sư dạy tiếp:

- Nay các Tỳ khuru, đó là lời nguyện mà hai con của Như Lai đã phát ra từ thời quá khứ. Hai vị Tỳ khuru này trước đã phát nguyện đắc quả vị nào thì nay đắc quả vị đó, đúng theo bốn nguyện của mình vậy thôi. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khuru đâu.

Đức Bốn Sư dứt lời, hai vị Thượng thủ Thỉnh Văn đánh lễ và bạch rằng: “Bạch Ngài! Khi còn ở ngoài đời, chúng con đã có lần lên xem lễ hội trên đỉnh núi...”. Hai vị lần lượt kể hết chuyện mình trong kiếp hiện tại từ lúc dự kiến cuộc lễ Sơn Đánh Hội, cho đến khi hạnh ngộ Đại đức Assaji, được chứng quả Tu Đà Hườn. Rồi thuật tiếp rằng:

- Bạch Thầy! Chúng con đã rủ thầy Sañjaya cùng đến hầu hạ bên chân Ngài, chúng con đã chỉ cho thầy thấy chủ thuyết lập luận (laddhi) của thầy là vô căn vô bản (nissāra), chúng con đã giải cho thầy nghe về phước báu của sự quy y đầu Phật, nhưng thầy đáp rằng: “Nếu giờ ta thay bậc đổi ngôi, hạ mình làm môn đồ cho người, thì cũng giống như nước trong vò đang yên mà làm cho phát sanh sự dao động (cātiyā udaka calana bhāvappattisadiso) ta không thể đi làm học trò cho ai được”.

Chúng con lại nói: “Bạch Thầy, giờ đây hàng đại chúng ai ai cũng đều cảm hương hoa đi chùa lễ Phật. Còn thầy thì sao?”.

Thầy lại hỏi rằng: “Trong đời này có nhiều người trí (paṇḍitā) hay nhiều kẻ ngu (dandhā)?”

Chúng con đáp lại: “Bạch Thầy, kẻ ngu thì nhiều, những người trí thì rất hiếm”.

Nghe vậy, thầy bảo chúng con: “Thế thì người trí nên đi nhập chung với người trí là Sa môn Gotama. Còn kẻ ngu hãy ở lại với kẻ ngu như ta, các trò cứ đi đi”.

Thầy nói như thế, rồi không chịu đến đây, bạch Ngài.

Nghe xong câu chuyện của hai vị Thủ Thỉnh Văn, Đức Bốn Sư dạy rằng: “Nay các Tỳ khuru! Thầy Sañjaya tự mình mang nặng tà kiến việc không cần cho là cần, việc cần cho là không cần. Còn các Tỳ khuru, tự nghĩ mình là bậc hiền trí việc cần biết

là cần, việc không cần biết là không cần. Nhờ vậy mới dứt bỏ được việc không cần yếu mà kiên trì lấy việc cần yếu”.

Đến đây, Đức Bôn Sur thuyết kệ ngôn rằng:

“Asāre sāramatino,
Sāre cāsāradassino;
Te sāraṃ nādhigacchanti,
Micchāsaṅkappagocarā”.

“Sāraṇ ca sārato ñatvā,
Asāraṇ ca asārato;
Te sāraṃ adhigacchanti,
Sammāsaṅkappagocarāti”.

*“Việc không cần cứ cần chuyên,
Việc cần yếu lại chẳng siêng tu hành.
Tư duy tà kiến đã đành,
Người như thế chẳng đạt thành lý chân”.*

*“Việc cần thì biết là cần,
Việc không cần yếu cũng phân biệt rành.
Tư duy chánh kiến tu hành,
Người như thế sẽ đạt thành lý chân”.*



CHÚ GIẢI:

Trong hai bài kệ trên đây, đoạn đầu “*Asāre sāramatino sare cāsāradassino*”, (việc không cần tưởng cần việc cần thấy không cần), đề cập tới hạng người chấp theo mười thứ tà kiến (dasa vatthukāmicchādittṭhi), rồi do sự suy nghĩ sai lầm trong những điều không cần yếu (asāre) như tứ vật dụng (cattāro paccayā): (Thức ăn, y phục, chỗ ở, thuốc men), lại nhận thấy là cần yếu, quan trọng thiết thực (Sāradassino).

Ngược lại, trong những điều cần yếu (sāra) cho sự tu hành giải thoát như mười thứ Chánh kiến (dasavatthukā sammādittṭhi) và Giới (sīla), Định (samādhi), Tuệ (paññā), Giải thoát (vimutti), Giải thoát tri kiến (vimuttiññāṇa dassana), Thánh đế (paramattha) và Níp Bàn (Nibbāna) thì lại thấy là không cần yếu quan trọng thiết thực (asāre dassino).

Mười thứ tà kiến này là Thập vô tướng kiến (dasa natthilakkhaṇa dittṭhi), là cho rằng:

- 1- Bồ thí không có phước.
- 2- Cúng dường không có phước.

- 3- Báo hiếu, đáp ân không có phước.
- 4- Không có nhân quả tốt xấu.
- 5- Đời nay không thật có.
- 6- Đời sau sẽ không có.
- 7- Mẹ không phải mẹ.
- 8- Cha không phải thật cha.
- 9- Hạng hóa sanh vô hình không có.
- 10- Không ai chứng đắc thần thông, đạo quả.

Đoạn kệ “*Te sāraṃ nādhigacchanti; micchā saṅkappa gocarā*” (người tư duy tà vậy không đạt thấu chân lý). Kết luận bài kệ trên đây, quả quyết rằng họ (là những người chấp cứng theo tà kiến vì nhận thức sai lầm mà chỉ lo theo đuổi ngũ trần dục lạc (Kāma vitakka), phù phiếm vô căn (asāraṃ) để người tận hưởng thú vui tạm bợ trong một kiếp rồi thả tâm theo tà tư duy (micchāsaṅkappa gocara), không khi nào suy tư đến những điều quan yếu thiết thực, cho nên họ không đạt thấu lý chân như (sāraṃ nādhigacchanti), không đắc Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Thánh đế và Níp Bàn.

Trong bài kệ sau, đoạn đầu “*Sāraṇca sārato ñatvā, asāraṇca asārato*” (việc cần biết là cần, không cần biết không cần), đề cập đến hạng người tu hành chính chắn, nương theo mười thứ Chánh kiến, nghịch với mười thứ tà kiến đã kể trên, biết nhận thức đúng đắn thấy Giới, Định, Tuệ... là chủ yếu (sāraṇca asārato ñatavā), còn tứ vật dụng là phụ thuộc, không mấy vì quan trọng trong đạo giải thoát (asāraṇca asārato).

Đoạn kết luận “*Te sāraṃ adhigacchanti sammāsaṅkappa gocarāti*” quả quyết rằng họ (te) là những bậc hiền trí giữ mình nương theo Chánh kiến hằng niệm tưởng sự ly dục (nekkhamma) để tâm trong Chánh tư duy (sammāsaṅkappa gocara).

Những người như thế mới khả dĩ đạt đến mục đích, cứu cánh của đời tu hành là chân lý, là giải thoát Níp Bàn vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, rất nhiều người đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thánh chúng đều được hưởng sự lợi ích.

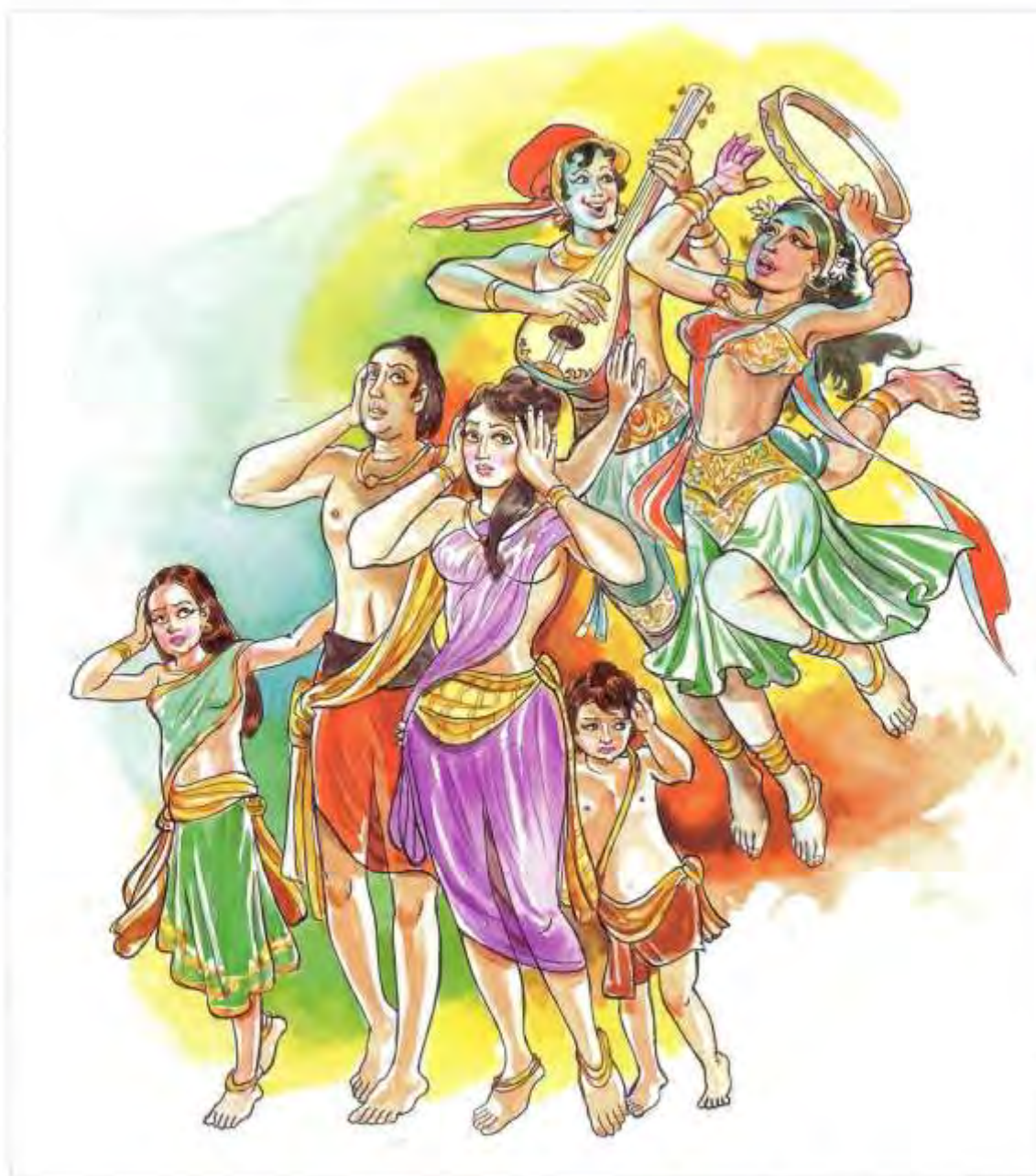


Dịch Giả Cẩn Đề

*Gặp Phật ra đời có dễ đâu?
Thương ông Tân Nhã chẳng hồi đầu!
Ham gom lễ vật, lo gìn giữ,
Tránh gặp Bốn Sư sợ lạy hầu.
Ác kiến hô tư ngu hóa trí,
Si tâm loạn tướng đã thành châu!
Tham lam tự chuốc thêm hờn giận,
Đến chết chưa thông lý đạo mâu...
Xả kiến tư tài để xuất gia,
Ưu Ba Đề Xá đạo Ta bà,
Hai câu kệ ngắn thay niềm tục,
Nữa dặm đường xa bỏ nẻo tà!
Vắng bạn không quên lời hẹn cũ,
Lìa thầy vẫn nhớ lễ con nhà...
Chân thành đại nguyện từ bao thưở,
Mới được ngồi bên Đức Thích Ca.
Nhấn khách tâm tu dứt tử sanh,
Xả thân cầu đạo, chẳng cầu danh!
Sai con, sai cả đừng câu chấp,
Mâm nhỏ, mâm to chớ giật giành!
Cảnh vắng an lòng ly thế tục,
Đồ ngon nhịn miệng tụng chơn kinh!
Trước sau giữ vẹn niềm nguyên thủy,
Tròn đủ nhân duyên gặp bạn lành.*

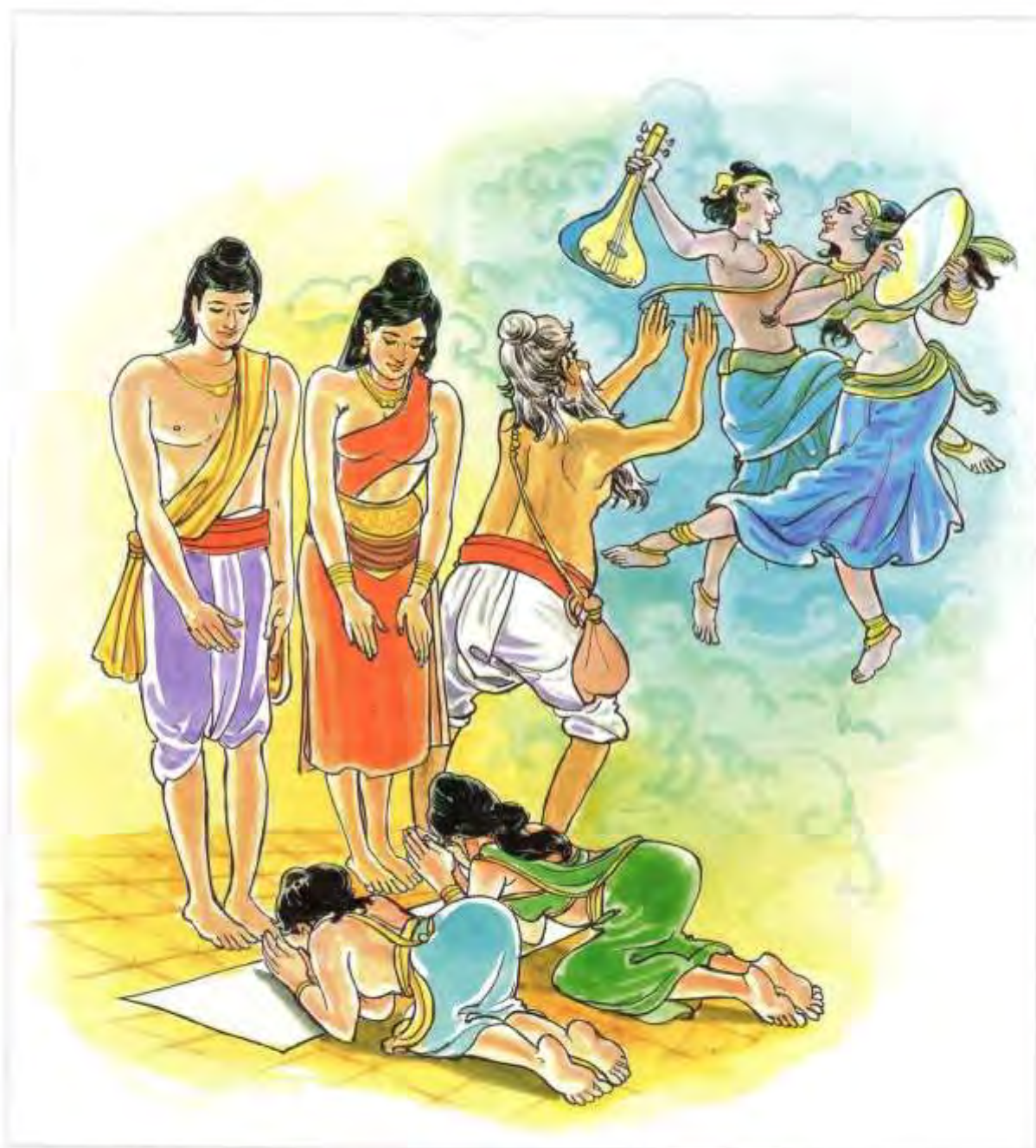
DỨT TÍCH SAÑJAYA KHÔNG ĐÀU PHẬT





Those who view the unreal as real and the real as unreal reach not upto the real, misled as they are.

11. Những ai thấy phi chân là chân thật và chân thật là phi chân tất nhiên không đạt đến chân thật, vì họ bị lầm lạc.



Viewing the real as real, the unreal as unreal, they being correctly guided, reach the real.

12. Những ai thấy chân thật là chân thật, phi chân là phi chân tất nhiên đạt chân thật vì họ có chánh kiến.

I.9- Tích ĐẠI ĐỨC NANDA

(*Nandathera vatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 13-14)

“Yathā’gāraṃ ducchannaṃ,
Vuṭṭhi samativijjhati;
Evaṃ abhāviṭaṃ cittaṃ,
Rāgo samativijjhati”.

“*Như nhà mái lợp thừa,
Dễ bị đột nước mưa.
Tâm không tu luyện kỹ,
Tham dục vào có thừa*”.

“Yathā’gāraṃ succhannaṃ,
Vuṭṭhi na samativijjhati;
Evaṃ subhāviṭaṃ cittaṃ,
Rāgo na samativijjhati”.

“*Như nhà lợp kín tốt,
Nước mưa không thể đột.
Tâm tu luyện kỹ càng,
Tham dục vào chẳng lọt*”.

Kệ Pháp Cú 13-14 này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Nanda.

Quả nhiên, lúc Đức Giáo chủ là đấng Chuyển Pháp Luân vân du đến thành Rājagaha (Vương Xá) và đang ngự tại Tịnh xá Veḷuvana (Trúc Lâm), thì đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn) dồn dập biệt phái mười đoàn sứ giả với lời ủy thác: “Chư hiền khanh khá mau qua đó rước Thái tử về, cho quả nhân được gặp mặt con”.

Từng đợt, hàng ngàn thị giả theo vị đoàn trưởng nối tiếp ra đi, để rồi tất cả đều đắc A La Hán quả và nhập luôn vào Giáo hội Tăng già, đến lượt cuối cùng vị đoàn trưởng là Đại đức Kāludāyi nhận biết là đã đúng thời kỳ thịnh Phật, bèn ngâm lên sáu mươi bài kệ, ca tụng con đường trở lại cố đô.

Với đoàn Thánh Tăng hai muôn vị Lậu Tận (A La Hán), giữa cảnh trùng phùng với tất cả vương gia quyến thuộc, Đức Thiên Nhơn Sư đã khiến cho một trận mưa hồng rơi xuống như hoa (Pakkharavassa) để làm sống lại một thời xưa, rồi nhân đó Ngài nhắc tích Bồ Tát Vessantara là tiền thân của Ngài.

Qua ngày sau, lúc ngự vào thành khát thực, Đức Bôn Sur độ cho phụ vương Ngài đắc quả Nhập Lưu (Sotāpatti-phala) với bài kệ Pháp Cú:

“Uttitṭhe nappamajjeyya,
Dhammaṃ sucariṭaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ setī,
Asmiṃ loke paramhi ca”.

“*Pháp môn khát thực chớ khinh thường,
Chánh hạnh Tỳ khuru pháp đáng nương.
Kẻ y chánh pháp hằng an lạc,*

Kiếp trước đời sau vạn kết trường”.

Và với bài kệ sau đây:

“Dhammañcare sucaritaṃ,
Na naṃ duccharitaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhica”.

*“Chánh hạnh hành theo pháp đáng thương,
Tà hạnh đừng nên giữ lệ thường.
Kẻ y chánh pháp hằng an lạc,
Kiếp trước đời sau vạn kết trường”.*

Ngài đã độ cho Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī đắc quả Nhập Lưu và đưa Phụ vương Ngài tiến lên quả Nhất Lai (Sakadāgāmi).

Kể đó, sau một bữa thọ thực trong hoàng cung, Đức Bồn Sur thuyết tích nàng Candakinnarī, là một chúng sanh mình chim đầu người vốn là tiền thân của nàng Yasodharā, ngõ hầu để cho ân nghĩa mẹ Rāhula đối với chính Ngài từ những lúc còn mang kiếp thú...

Đến ngày thứ ba, đang lúc Thái tử Nanda tung bừng cử hành song lễ là tức vị Quốc vương cùng tấn phong Hoàng hậu, thì Đức Bồn Sur ngự vào biệt điện hoàng gia để lấy bát. Thọ thực xong, Ngài trao bát tận tay Thái tử Nanda, ban lời chúc phúc, rồi từ bảo tọa đứng lên cất bước ra đi, không thâu hồi bát lại.

Thái tử vì lòng tôn kính Đức Như Lai, không dám mở lời kêu gọi: “Bạch Ngài! Xin hãy lấy bát đi”.

Lẳng lẳng theo hầu Đức Thầy, Thái tử nghĩ thầm: “Tới cầu thang chắc Ngài sẽ lấy bát”, nhưng tới đó Đức Bồn Sur không dừng chân lại lấy bát. Thái tử lại tính thầm: “Chắc là xuống chân cầu thang, thì Ngài sẽ lấy lại chẳng sai” nhưng đến đây Đức Bồn Sur vẫn làm ngơ đi luôn một mạch. Thái tử lại tự nhủ: “Thế nào tới sân ngự trước đền rồng, Ngài cũng sẽ thâu bát lại” nhưng đến nơi đây, Đức Bồn Sur cũng vẫn đi thẳng”.

Mặc dầu trong thân tâm vẫn muốn quay gót trở lui, Thái tử vì nể Đức Thầy, không hề dám hở môi kêu nài: “Ngài ơi! Xin Ngài lấy bát lại giùm”.

Vừa đi vừa mong ước lắm thầm: “Tới đây Ngài sẽ lấy bát lại... tới đằng ấy Ngài sẽ lấy bát lại...”. Cứ như thế, Thái tử lầm lũi theo sau chân Đức Bồn Sur, làm một vị thị tùng miễn cưỡng.

Ngay lúc ấy, có bọn cung tần trông thấy Thái tử ra đi, bèn chạy đi báo tin cho bà tần Hoàng hậu là công nương Janapadakalyānī (Hoa Khôi) được biết.

- Tâu lệnh nương nương, Đức Thế Tôn đã dắt tân vương đi rồi vậy lệnh bà phải liệu làm sao, một khi tân vương vắng mặt...

Nghe tin cấp báo công nương không cầm được tuổi lệ, lật đặt bối sơ đầu tóc đang chải dở dang, bưng bả chạy theo gọi vói:

- Hoàng tử ơi! Xin khá mau trở lại trào ca.

Những lời kêu than thiết tha của ý trung nhân, dường như châm thấu trái tim đa cảm của vị Hoàng tử si tình, khiến chàng phải bàng hoàng ngơ ngẩn... Nhưng Đức Bôn Sư Ngài vẫn tiếp bước, không hề quay lại thâu hồi bình bát, để cho Hoàng tử được rảnh tay.

Dắt chàng đến chùa, Đức Bôn Sư phán hỏi:

- Nanda! Có muốn xuất gia không?

Vì quá tôn kính Đức Tôn Sư, Thái tử không thể từ chối rằng: “Không”, nên ngập ngừng đáp lại:

- Dạ thưa... Muốn! Bạch Ngài.

Đức Giáo Chủ liền bảo: “Nếu vậy, này các Tỳ khưu, các ông làm lễ xuất gia cho Thái tử Nanda”.

Đức Bôn Sư độ cho Thái tử Nanda xuất gia đúng vào ngày thứ ba kể từ ngày Ngài trở về thành Kapilavatthu.

Trong ngày thứ bảy, mẫu thân của Thái tử Rāhula, cho con vận một bộ triều phục sang trọng hoa mỹ dạy con hãy đến gần Đức Thế Tôn và thỉnh nguyện rằng: “Vương nhi thấy không! Vị Sa môn da như vàng ròng, hình dáng như Phạm Thiên, có đến hai muôn Sa môn khác theo hầu hạ, chính là phụ vương của con đó, khi phụ vương ra đời thì người có được những hàm châu báu vĩ đại, nhưng từ khi người xuất gia đến giờ mẫu hậu không còn trông thấy được nữa. Vậy vương nhi, con hãy đến xin người ban cho con phần di sản ấy. Con thưa như vậy nghe: Bạch Ngài Đại Sa môn, con là trưởng tử của Ngài. Sau khi kế vị ngai vàng, con sẽ là một Chuyển Luân Vương giàu sang bốn biển, nên con cần phải có những kho sản quý giá vì lẽ phụ nghiệp thì tử năng thừa, xin Ngài ân tứ cho con những hàm châu báu của Ngài”.

Thái tử Rāhula đến gần Đức Thế Tôn, đánh lễ xong thì phát tâm yêu mến phụ thân mình nên âu yếm tỏ bày rằng: “Bạch Ngài Sa môn! Bóng mát của Ngài làm con vui sướng làm sao”.

Đoạn Thái tử đứng lên, nói thêm những lời lễ, bày tỏ nguyện vọng của mình. Sau khi thọ thực và phúc chúc xong, Đức Thế Tôn từ bảo tọa đứng dậy ra về.

Thái tử Rāhula cũng vội vã đi theo Đức Thế Tôn và nhắc đi nhắc lại: “Xin Ngài Đại Sa môn ân tứ phụ sản cho con, xin Ngài Đại Sa môn ân tứ phụ sản cho con...”.

Đức Thế Tôn lặng thinh, không bảo Thái tử quay gót trở về. Nội thị triều thần trông thấy Thái tử đi chung với Đức Bôn Sur thì cũng không ai dám đứng ra ngăn cản lại. Do đó, Thái tử theo Đức Thế Tôn đi luôn cho đến vườn chùa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Thứ phụ sản mà Rāhula mong mỏi, chỉ là thứ tài sản luân lưu giả tạm (Vattānugata) không được trường tồn vĩnh cửu. Vậy để Như Lai ban cho nó Thánh sản (Ariyadhana) có Thất bảo mà Như Lai đã đắc nơi cõi Bồ Đề của Như Lai vậy”.

Liên đó, Đức Thế Tôn kêu Đại đức Sārīputta: “Ông hãy cho Rāhula xuất gia”.

Đại đức y lệnh, làm lễ xuất gia cho Thái tử.

Nghe được tin này, đức vua Suddhodana hết sức buồn phiền. Không thể nhẫn nại làm thinh, đức vua ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn, bày tỏ nỗi lòng sầu khổ và đưa ra thỉnh nguyện như vậy: “Bạch Thế Tôn, xin Ngài đừng cho chư Tăng làm lễ xuất gia cho đứa trẻ vị thành niên nào chưa được cha mẹ cho phép”.

Đức Thế Tôn chấp nhận lời yêu cầu của đức vua. Hôm sau, khi Đức Thế Tôn ngự trong đền vua, dùng bữa điểm tâm (pātarāsa) xong, Tịnh Phạn Vương ngồi nép một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong thời gian Ngài tu khổ hạnh có một vị chư Thiên đến mách bảo quả nhân rằng: “Thái tử của đại vương đã mệnh chung”. Quả nhân nhất định không tin lời vị chư Thiên ấy, cho nên phản đối ngay rằng: “Không bao giờ Thái tử của trăm có thể mạng chung, trước khi đắc thành Thánh quả”.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn bảo rằng:

- Tâu đại vương, trong kiếp này làm sao đại vương còn tin được vì trong kiếp trước cũng chính người đó trung cho đại vương thấy một bộ xương và nói: “Con ông đã chết”, nhưng đại vương nghe xong chẳng chút gì tin.

Nhân dịp này, Đức Thế Tôn thuyết tích Bôn Sanh nói về công tử Mahādhammapāla (Đại Hộ Pháp).

Nghe đến đoạn kết, đức Tịnh Phạn Vương liền đắc quả A Na Hàm (Anāgāmi).

Sau khi độ cho phụ vương Ngài đắc ba quả Thánh rồi, Đức Giáo Chủ cùng với tất cả Tỳ khưu Tăng thị tùng lên đường trở lại gần thành Vương Xá.

Từ đây, do theo lời hứa với Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Đức Bôn Sur ngự hành sang qua Sāvattihī, để chủ tọa lễ khánh thành ngôi Đại Tự Jetavana vừa kiến trúc xong và ngự an nơi đó.

Trong thời gian Đức Thầy ngự an nơi Jetavana như thế, Đại đức Nanda cảm thấy bức bối, bứt rứt, nóng nảy, bèn chôn nên hằng thở than với chư Tăng rằng:

- Các sư hữu ơi! Tôi không thấy chút gì hứng thú khi hành theo phạm hạnh. Chắc là tôi không sống được đời tu sĩ lâu, có lẽ rồi đây ta sẽ xả giới và trở về cương vị cũ của tôi khi trước.

Khi Đức Bôn Sur nghe chư Tăng tường trình câu chuyện này, Ngài cho gọi Đại đức Nanda đến và phán hỏi:

- Này Nanda! Nghe nói ông đã thốt với nhiều Tỷ khưu những lời như vậy: “Các sư hữu! Tôi không thấy hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, chắc là tôi không sống cuộc đời tu sĩ được lâu. Có lẽ rồi đây tôi sẽ xả giới mà trở về cương vị cũ của tôi lúc trước”. Có quả thật vậy chăng?

- Bạch Ngài! Quả thật vậy.

- Này Nanda! Ông mắc chứng có gì mà không thấy hứng thú trong sự tu hành theo phạm hạnh, không ưng sống cuộc đời tu sĩ, toan xả giới xuống cương vị của ông như cũ?

- Bạch Ngài! Tôi không thể quên nàng Thích Nữ của tôi là công chúa Kalyāṇī, khi nàng từ trong biệt điện hoàng gia, tóc chải nửa chừng, mắt chưa ráo lệ. Nàng đã van lơn: “Hoàng tử ơi! Xin chàng hãy mau trở lại trào ca”. Bạch Ngài! Tôi nhớ mãi hình bóng của nàng mà không thấy chút gì hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, không ưng sống cuộc đời tu sĩ và sẽ xả giới lui về cương vị tân vương.

Liền đó, Đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nanda, dùng thần thông đưa Đại đức lên Đạo lợi thiên cung, dọc đường bay Đức Thế Tôn chỉ cho Đại đức lưu ý đến một con khỉ cái sứt tai, sứt mũi, đứt đuôi, ngồi chết rục trên một gốc cây cháy nám, trong một cánh đồng khi hỏa hoạn.

Trên cung trời Đạo Lợi, Đức Thế Tôn dẫn cho Đại đức Nanda được vào xem cảnh năm trăm thiên nữ đang châu hầu đức Ngọc Đế (Sakka), năm trăm Hằng Nga yêu kiều diễm lệ, gót đỏ như son thắm, tựa như chân chim bồ câu. Cho xem mãn nhãn rồi, Đức Thế Tôn mới hỏi: “Này Nanda! Ông nghĩ thế nào? Nếu đem so sánh năm trăm Ngọc nữ yếu điệu này với Thích Nữ Kalyāṇī, thì ai diễm lệ ai mỹ miều, ai khả ái hơn ai?”.

Nghe Thế Tôn hỏi, Đại đức vội đáp: “Bạch Ngài, nếu đem so nàng Thích Nữ Kalyāṇī với năm trăm ngọc nữ này, thì nàng ấy xấu như con khỉ cái ngồi chết rục sứt cả tai, mũi và cụt đuôi kia vậy. Về nhan sắc nàng thua kém quá xa mười phần không bằng được một, lẽ dĩ nhiên năm trăm tiên nga này yêu kiều mỹ lệ, mỹ miều, khả ái hơn nhiều”.

- Nếu vậy thì này Nanda, ông hãy vui lên, hãy vui lên đi. Như Lai cam đoan là ông sẽ được năm trăm ngọc nữ yếu điệu gót son này.

Nghe vậy Đại đức Nanda mừng rỡ, trả lời rằng:

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài chịu đứng chủ hôn giúp cho tôi cưới được năm trăm ngọc nữ gót son yếu điệu ấy, thì tôi nguyện sẽ vui vẻ luôn và thực hành phạm hạnh, bạch Ngài.

Liên khi ấy, Đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nanda, biến mất trên cung trời Đao Lợi và hiện xuống nơi Tịnh xá Veluvana.

Giữa chư Tăng có tiếng đồn đãi rằng: “Nghe nói Đại đức Nanda, là em một cha khác mẹ với Đức Thế Tôn, cố công hành đạo chỉ vì mong mỏi được gần ả thiên nga... Nghe nói Đức Thế Tôn cam đoan sẽ giúp cho Đại đức Nanda được gần năm trăm ngọc nữ gót son yếu điệu”.

Từ khi ấy, các Tỷ khưu bạn của Đại đức Nanda hễ gặp mặt Đại đức là buông lời khinh chê, chọc ghẹo nào là: Đại đức tu hành theo lối người ở đợ; nào là: Đại đức làm như kẻ nô lệ, cố công hành đạo chỉ vì muốn cưới năm trăm ngọc nữ yếu điệu gót son mà Đức Thế Tôn đã hứa chủ hôn thành toàn cho Đại đức.

Cứ nghe bạn đồng tu lặp đi lặp lại mãi những lời chế nhạo gay gắt ấy, Đại đức Nanda cảm thấy khó chịu, bức mình, chán ngán quá, nên lánh đi tìm một chỗ khuất tịch vắng vẻ, đem hết tâm tư chuyên thực hành phạm hạnh Sa môn pháp. Không bao lâu Đại đức đạt tới mục tiêu cứu cánh của đời phạm hạnh, tự mình chứng ngộ sự tri kiến các pháp và an tâm nơi đó, cũng như bất cứ con nhà gia giáo, thoát ly gia đình, xuất gia hành đạo, tu theo chánh pháp vậy.

Đại đức tự mình giác ngộ: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã tròn, việc phải làm đã làm, sau kiếp này ta sẽ không còn kiếp nào khác nữa”.

Thế là từ đây, trên cõi trần ai có thêm một vị A La Hán nữa là Đại đức Nanda vậy.

Khi ấy vào khoảng nửa đêm, một vị chư Thiên hiện xuống, hào quang chiếu sáng khắp cả Jetavana, đến bên Đức Bôn Su đánh lễ Ngài xong, mách bảo rằng: “Bạch Ngài! Đại đức Nanda là em cùng cha khác mẹ với Ngài, đã diệt trừ lậu hoặc, thành bậc Vô Lậu, có tâm giải thoát, có tuệ giải thoát, tự mình chứng đắc các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi”.

Kể đó, khi đêm gần tàn, Đại đức Nanda cũng về gần Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hủy bỏ lời cam đoan hứa đứng chủ hôn cho tôi với năm trăm ngọc nữ gót son, từ nay tôi không tính tưởng đến việc ấy nữa.

- Này Nanda! Như lai nhờ Tha tâm thông đã biết rõ rằng là Nanda đã tận trừ lậu hoặc, thành bậc Vô Lậu, có tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình đã chứng ngộ các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi... Này Nanda! Ông được tâm giải thoát tất cả lậu

hoặc, nhờ buông bỏ chấp thủ từ giờ phút nào thì lời cam đoan của Như Lai cũng được cởi mở từ giờ phút ấy.

Thế rồi, Đức Thế Tôn ngâm kệ hoan hỷ tán thán rằng:

“Yassa tiṇṇo kāmapaṅko,
Maddito kāmakaṇṭako;
Mohakkhayamanuppatto,
Sukhadukkhe na vedhatīti”.

*“Vũng bùn đục lặc đã băng qua,
Gai ngũ trần kia đã đập chà.
Ai dứt bỏ si mê thì giác ngộ,
Khổ vui chẳng động đến tâm mà”.*

Sau đó, có một hôm các Tỷ khuru cất vấn Đại đức Nanda rằng:

- Này sư hữu! Lúc trước sư hữu thường hay than phiền bất mãn, thế bây giờ thì ra sao?

- Này các sư hữu! Tôi không còn muốn hoàn tục đâu.

Nghe qua lời ấy, chư Tăng bảo nhau rằng: “Đại đức Nanda đã nói lời giả dối, có ý không muốn cho ta biết rõ sự thật, những ngày trước, chính Đại đức than phiền luôn miệng là: Tôi chán nản quá, mà bây giờ lại nói: Tôi không còn muốn hoàn tục nữa là sao?

Thế rồi, chư Tăng đem câu chuyện này bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỷ khuru! Vì trong dĩ vãng tâm tư Nanda giống như gian nhà mái lợp thưa thớt, còn bây giờ tâm ông ta giống như gian nhà mái lợp kín đáo rồi vậy. Quả thật từ khi nhìn thấy các Thiên nữ về sau ông đã tịnh tâm tu hành để đạt đến mục đích tối thượng của đời xuất gia, nhờ vậy mà nay ông đã kỳ sở nguyện.

Dứt lời, Đức Thế Tôn xướng lên hai bài kệ sau đây:

“Yathā’gāraṃ ducchannaṃ,
Vuṭṭhi samativijjhati;
Evaṃ abhāviṭaṃ cittaṃ,
Rāgo samativijjhati”.

“Yathā’gāraṃ succhannaṃ,
Vuṭṭhi na samativijjhati;
Evaṃ subhāviṭaṃ cittaṃ,
Rāgo na samativijjhati”.

*“Mái thưa mưa thấm dột lặn.
Tâm không tu luyện đục tham lọt vào.*

*Mái dầy ngăn giọt mưa rào,
Tâm tu luyện kỹ, tham nào lọt vô”.*

CHÚ GIẢI:

Chữ Agāraṃ trên đây nghĩa là gian nhà, bất cứ là nhà nào.

Ducchannam: nghĩa là che lợp thừa thớt trống trải (Viralacchannam) có nhiều kẽ hoặc lỗ hổng (chiddāvacchaddam)

Samativijjhati (dột): là nước mưa xuyên qua được.

Abhāvitam (không tu luyện): ví như gian nhà mái lợp thừa thớt thì nước mưa đột được. Tâm người không tu luyện bằng thiền định thì tham dục mới có thể lọt vào, chẳng phải hoàn toàn chỉ có tham dục mà thôi. Ngoài ra còn có nhiều thứ phiền não khác nữa như sân hận, si mê, ngã mạn... dễ xâm chiếm được cái tâm không tu luyện ấy.

Subhāvita (tu luyện kỹ): là tu luyện đúng bằng thiền Chỉ quán (samatha vipassanā bhāvanāni). Tâm được tu luyện đúng đắn kỹ càng như thế, thì các thứ phiền não nhất là tham dục (rāga) không thể lọt vào, y như gian nhà mái lợp đầy đặn kín đáo, thì nước mưa không thể đột được như vậy.



Khi bài kệ vừa chấm dứt, nhiều vị Tỳ khuru đắc quả Nhập Lưu, đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.

Kế đó, chư Tăng tụ tập trong giảng đường (Dhammasabhāyama) tiếp tục bình luận về câu chuyện vừa qua.

- Này các sư hữu! Chư Phật quả thực là oai lực phi thường. Như Đại đức Nanda đã chán đời phạm hạnh vì si tình công chúa Kalyāṇī. Thế mà Đức Thế Tôn đã khéo áp dụng miếng mồi Thiên nữ để giáo hóa và thuyết phục khiến cho ông trở nên con người tốt, dễ dạy (Vinīto).

Đức Thế Tôn ngự trở vào giảng đường và phán hỏi:

- Này các Tỳ khuru! Đây không phải là mới lần đầu tiên mà Nanda được cả hóa bằng miếng mồi nữ sắc đâu. Chuyện này đã từng xảy ra trong tiền kiếp của ông ta y như thế rồi.

Chư Tăng nghe đến đây, liền thỉnh cầu Đức Thế Tôn dẫn tích tiền thân, Ngài bèn nhắc lại cổ tích như sau:

Thưở xưa, trong thành Bārāṇasī, dưới triều quốc vương Brahmadatta, có một người lái buôn tên là Kappaka.

Ông Kappaka có nuôi một con lừa để kéo xe, chở đồ góm, mỗi ngày đi được bảy do tuần.

Một lúc nọ ông lái buôn chất đầy hàng hóa lên xe cho con lừa kéo đi đến thành Takkasilā. Đến nơi ông dừng xe lại bán hàng và thả lừa ra cho nó đi kiếm ăn tự do.

Trong lúc lang thang dọc theo bờ nương bên đường, lừa ta chợt thấy một nữ lưu đồng chủng, bèn mon men đến gần đó để làm quen.

Cô lừa thân mật chào mừng khách lạ đường xa, rồi hỏi rằng:

- Này anh lừa! Anh ở đâu lại đây vậy?

- Anh ở thành Bārāṇasī.

- Anh lại đây làm chi vậy?

- Lại để buôn bán em à.

- Anh chở hàng gì vậy anh?

- Anh chở đồ gốm.

- Kéo một xe đồ nặng anh đi được bao nhiêu do tuần?

- Anh đi được bảy do tuần em ạ.

- Tối chỗ nghỉ ngơi có ai bóp căng đấm lưng cho anh không?

- Chà nếu vậy thì đời anh chẳng những là cực khổ nhọc nhằn mà còn quanh quẽ cô đơn lắm vậy.

(Dĩ nhiên súc vật thì chẳng hề có ai bóp căng, đấm lưng bao giờ, nhưng cô lừa nói như vậy là để lấy lòng bạn mới, hy vọng có thể thắt chặt mối tình sơ giao).

Chú lừa bị ảnh hưởng cuộc gặp gỡ qua đường, từ đó bỗng nhiên sanh tâm bất mãn.

Khi người lái buôn bán hàng xong, định thu xếp trở về, quay lại thấy con lừa bèn bảo nó:

- Lừa ơi! Ta hãy lên đường.

- Ông cứ đi đi, tôi không đi đâu hết.

Người chủ lừa dùng lời dịu ngọt vỗ về khuyên bảo con vật của mình nhiều lần, không thấy kết quả mới tính thầm rằng:

- Nó không chịu đi thì ta hăm cho nó sợ mới được.

Nghĩ rồi ông Kappaka ngâm kệ:

“Patodante karissāmi,
Soḷasaṅgulikaṇṭakam;
Sañchindissāmi te kāyaṃ,
Evaṃ jānāhi gadrabhātī”.

*“Ta sẽ làm đốt nhon,
Mũi dài mười sáu phân.
Đâm lưng nát thịt lừa,
Biết thân thì lựa chọn”.*

Lừa nghe xong, đáp trả lại ngay: “Nếu quả như thế, lừa này cũng biết cách đổi phỏ với ông vậy”. Nói rồi lừa cũng kệ rằng:

“Patodante karissāmi,
Soḷasaṅgulikaṇṭakam;
Purato patiṭṭhahitvāna,
Uddharitvāna pacchato;
Bhaṇḍam te pātayissāmi,
Evam jānāhi kappakāti”...

*“Ông cứ làm đốt nhón,
Mũi dài mười sáu ngón.
Cảng trước tôi đứng yên,
Giò sau tôi bung gọn.
Liệu hôn, đừng xăm xôn...”*

Ông Kappaka nghe con lừa của mình trả lời trịch thượng như vậy, thì tự hỏi thầm: “Do đâu mà hần dám hỗn xược với ta như thế?”.

Đưa mắt nhìn quanh, ông trông thấy con lừa cái tơ, mới chợt hiểu rằng: “À! Hèn gì hần ta dám giở giọng búợng bình. Chắc con lừa cái này đã dạy hần ta những điều học ấy. Được rồi, để ta bảo với hần: Lừa ơi! Ta sẽ kiếm cho ngươi một con vợ hình dung giống y như con kia, ta phải dùng miếng mồi nữ sắc để câu nhử mà sai khiến nó đi mới được”.

Nghĩ diệu kế, ông Kappaka ngâm kệ hứa với lừa rằng:

“Catuppadim saṅkhamukhiṃ,
Nāriṃ sabbaṅgasobhiniṃ;
Bhariyaṃ te ānayissāmi,
Evam jānāhi gadrabhāti”.

*“Một kiêu nữ tứ túc,
Mặt ngọc, dáng ngoại mục.
Ta sẽ cưới cho lừa,
Mặt dạ đẹp lòng chưa?”*

Nghe chủ hứa như vậy, lừa ta vui mừng khắp khởi bèn kệ đáp rằng:

“Catuppadim saṅkhamukhiṃ,
Nāriṃ sabbaṅgasobhiniṃ;
Bhariyaṃ me ānayissasi,
Evam jānāhi kappaka;
Kappaka bhiyyo gamissāmi,
Yojanāni catuddasāti”.

*“Một kiều nữ tứ túc,
Mặt ngọc dáng ngoạn mục.
Nếu ông cưới cho lừa,
Lừa nguyện sẽ tiếp tục.
Kéo xe nặng đằng xa,
Mười bốn dặm mỗi lúc”.*

Thấy êm rồi, ông Kappaka gọi con lừa:

- Thôi mau lại đây đi con.

Nắm được con lừa, ông dắt nó bắt kê vào xe, đánh về chôn cũ.

Về nhà được vài hôm, con lừa nhắc chủ nó rằng:

- Thưa ông! Ông có nhớ lời hứa sẽ kiếm vợ cho lừa hay chăng?

Ông lái buôn đáp: “Ừ ta nhớ và ta sẽ giữ lời hứa. Ta sẽ lo kiếm vợ cho lừa, nhưng ta giao trước: Ta chỉ chạy ăn cho mỗi mình lừa thôi. Khi có vợ, lừa phải tự liệu san sẻ phần ăn với vợ, khi có đôi bạn rồi thì sẽ có con đàn con lũ. Chừng ấy chúng bây hãy tự tiện liệu mà chia sớt vật thực cho nhau, đó là chuyện riêng của chúng bây”.

Nghe ông Kappaka trình bày cặn kẽ như vậy, con lừa mất hết hi vọng, không còn ước mong có đôi bạn nữa.

Đức Bôn Sư thuyết tích đến đây bèn kết luận rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Con lừa cái kia xưa nay là công chúa Kalyāṇī, con lừa đực nay là Tỳ khưu Nanda, còn ông lái buôn Kappaka nay chính là Như Lai vậy.

Ấy, từ quá khứ Nanda đã từng được Như lai giáo hóa (Vinīto) bằng cách dùng mồi nữ sắc để thuyết phục.



Dịch Giả Cần Đề

*Một đấng quân vương nặng chữ tình,
Nan Đà hạnh đắc quả Vô sanh!
Áo vua bỏ lại gìn y bát,
Tay vợ lìa ra giữ kệ kinh!
Chẳng thiết hoa khôi hiền thế tục,
Không ham ngọc nữ chốn thiên đình!
Nương cùng Chánh Giác hành chơn đạo,
Như thuở còn mang khổ nhục hình!*

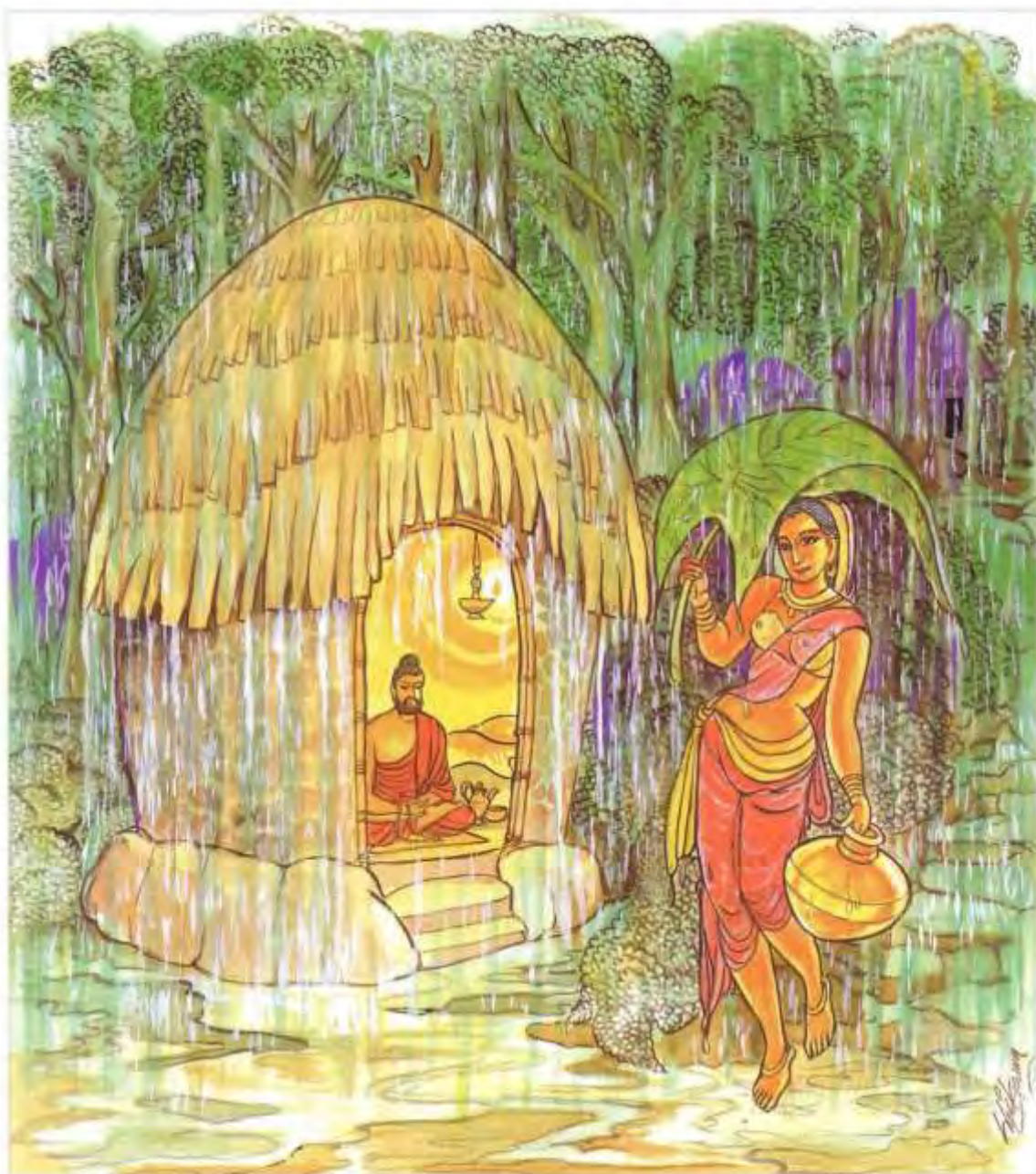
DÚT TÍCH ĐẠI ĐỨC NANDA





Lust pierces the undeveloped and uncultured mind like rain the ill-thatched roof.

13. Tham dục xâm nhập tâm không tu tập giống như mưa xâm nhập mái nhà vụng lợp.



Lust pierces not the developed and cultured mind as rain does not the well-thatched roof.

14. Tham dục không xâm nhập tâm khéo tu tập giống như mưa không xâm nhập mái nhà khéo lợp.

I.10- Tích ĐỒ TÊ CUNDA

(*Cundasūkarikavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 15)

**“Idha socati pecca socati,
Pāpakāri ubhayattha socati;
So socati so vihaññati, disvā
Kammakiliṭṭhamattano”.**

***“Sống khổ, chết cũng khổ,
Kẻ ác hai đường khổ,
Đã khổ càng thêm sầu,
Thấy nghiệp mình lem ố”.***

Kệ Pháp Cú 15 này, Đức Tôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Veluvana, đề cập đến ông đồ tể giết heo tên là Cunda.

Theo như khẩu truyền, ông đồ tể này đã từng sát hại dòng heo suốt cả năm mươi lăm năm trường để lấy thịt, lớp ăn, lớp bán mà nuôi mạng sống.

Gặp năm mất mùa đói kém, ông ta lấy xe bò chở lúa về miền đồng quê, dạo qua các làng để mua heo con, mỗi con trả giá một hoặc hai lon lúa là nhiều, ông ta trở về nhà với một xe heo đầy, thả heo vào chuồng lộ thiên phía sau nhà, nguyên là một miếng đất trống mà ông đã rào kín bốn mặt, ông cho heo ăn đủ thứ rau cỏ và cả đồ dơ, nuôi cho tới lớn.

Muốn làm thịt con heo nào, ông bắt trói thúc ké nó vào gốc cột, lấy cây đòn tay vuông đập khắp mình nó cho thịt mềm ra và nở phồng ra cho nặng cân.

Xong rồi ông cạy răng, banh mở heo ra, nhét một khúc cây vào cẳng miệng, không cho nó ngậm kín lại, đoạn ông lấy nước ấm đang sôi chế vào cổ họng heo.

Nước nóng chảy tuột vào bụng heo làm loãng phần trong ruột nó và lõi cuộn ra ngoài hậu môn, hễ ruột heo còn chút ít phần dơ thì nước chảy ra còn đục, bao giờ ruột tẩy thật sạch, nước chảy ra thật trong thì mới thôi.

Còn nước sôi trong ấm, ông chế luôn lên lưng heo, cạo cho vượt lớp da bên ngoài, ông lấy đuốc đốt râu heo, rồi dùng gươm bén chặt đầu nó ra, huyết heo chảy xuống, ông hứng vào chậu để dành rưới lên thịt khi quay heo.

Thịt chín rồi, ông ta ngồi vào bàn cùng ăn với vợ con, còn dư bao nhiêu ông để bán cho khách hàng.

Ông Cunda đã sanh sống bằng nghề đồ tể, tạo nghiệp sát sanh như vậy trong hơn năm mươi lăm năm qua.

Mặc dầu Đức Như Lai ngự trong ngôi chùa gần nhà, ông chớ hề nhìn ra ngày nào mà bước chân đến đó dâng cúng một nắm hoa, để bát chừng một vá cơm, hoặc làm chút ít công quả chi để bòn phước về sau.

Một hôm, thành linh ông phát bệnh nặng, tuy chưa bỏ xác, ông cũng bị ngọn lửa A tỳ thiêu đốt ngày đêm. Hỏa lực của địa ngục Vô gián này cũng có thể làm nổ mất người, mặc dù đứng cách xa đến hàng trăm do tuần... Do đó có câu kệ:

**“Samantā yojanasatam;
Pharitvā tiṭṭhati sabhadāti”.**

*“Nóng xa hàng trăm do tuần
Lửa A tỳ cháy tung bùng ngày đêm”.*

(Để mô tả sức nóng dữ dội của lửa đại địa ngục hơn thứ lửa thường đến mức độ nào. Đại đức Nāgāsena đã từng đưa ra sự so sánh sau đây, để đáp lại câu hỏi của vua Milanda: “Tâu đại vương! Nếu có một tảng đá to bằng cái nhà, rớt vào trung tâm hỏa ngục, thì chỉ trong giây lát là nó sẽ cháy tan ra tro bụi ngay. Vậy mà, do bởi nghiệp quả nặng nề, những kẻ làm ác đọa sanh chẳng khác nào bào thai ở trong bụng mẹ vậy).

Trong lúc bị thiêu đốt nóng nẩy như thế, ông Cunda có những hành động kỳ dị khác thường, như tiếng heo la rồi ông xuống gối, bò hai chân ra phía trước nhà, rồi bò vô phía sau nhà, gia nhân quyền thuộc xúm nhau kèm và bùm miệng ông lại cũng không ngăn được ác nghiệp tới thời trả quả. Thế rồi họ cũng buông thả ông ta ra để mặc ông bò lê bò la lung tung trong nhà, la hét luôn mồm như heo bị cắt cổ vậy.

Ở xung quanh đó, cách xa độ bảy căn nhà, không ai có thể ngủ yên giấc với ông ta, cho đến người trong nhà ông cũng kinh hãi. Vì thấy ông là hiện thân của Tử thần nên không dám ở chung để săn sóc gìn giữ, họ tấn cánh cửa lại, nhốt một mình ông ta trong nhà, còn tất cả đều ra ngoài, luân phiên canh gác chung quanh nhà, để phòng ngừa ông có thể thoát ra.

Ông Cunda vẫn bò lê lét trong nhà, bị lửa đại địa ngục thiêu đốt nóng nẩy, nên la hét như heo suốt trong bảy ngày đêm như thế... đến ngày thứ tám ông mới tắt hơi bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục Vô gián.

Địa ngục Vô gián này, ta nên mô tả theo như trong quyển Thiên Sứ Kinh (Devadūtasuttanta).

Vài Tỳ khuru đi ngang qua nhà ông Cunda, nghe tiếng kêu la tưởng lầm là tiếng của heo kêu, nên về đến chùa vào ngồi bên Đức Phật mà bạch rằng:

- Bạch Ngài! Lão Cunda đóng kín cửa nhà lại để giết heo, kẻ hôm nay là bảy ngày rồi, chắc họ sắp làm tiệc lớn ăn mừng việc chi đây, bạch Ngài! Thử nghĩ coi, ông ta đã sát hại biết bao nhiêu heo rồi, mà chẳng chịu nghỉ tay, thật quả vậy, ông ta không còn một chút tâm từ, tâm bi nào cả, thiết tưởng trên đời này không có một chúng sanh nào mà ác độc, hung bạo đến thế bao giờ.

Đức Bôn Sư giải rằng:

- Này các Tỳ khuru! Lão Cunda không có giết heo trong bảy ngày nay đâu. Vì nghiệp quả (Kammavipāka) đã chín mùi, nên ông bị lửa địa ngục A tỳ nổi lên thiêu đốt ngay khi còn sống, bị thọ khổ hình, ông ta nóng nẩy la hét như heo và bò lê lét trong nhà suốt bảy ngày qua. Hôm nay mới bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục A tỳ.

Chư Tăng bèn bạch rằng: “Bạch Ngài! Lão Cunda lúc sống đã chịu quả khổ như thế mà chết rồi còn phải đọa sanh vào khổ cảnh ác đạo nữa sao?”.

Đức Bôn Sư đáp:

- Đúng vậy, này các Tỳ khuru! Kẻ nào dê đuôi (Pamatto), mặc dầu còn tại gia hay đã xuất gia cũng đều chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế cả.

Rồi Ngài đọc tiếp bài kệ sau đây:

“Idha socati pecca socati,
Pāpakāri ubhayattha socati;
So socati so vihaññati,
Disvā kammakiliṭṭhamattano”.

*“Những tay bạo ác hung đồ,
Dù cho thác xuống dưới mồ chưa yên.
Kiếp này đau khổ triền miên,
Kiếp sau vương vẩn hận phiền không thôi.
Thấy mình ác nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp ngậm ngùi ăn năn”.*



CHÚ GIẢI:

Chữ Pāpakāri trong bài kệ trên đây chỉ kẻ tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối, đến khi lâm chung, hồi tưởng lại lúc mình sanh tiền, thấy rằng: “Quả thật ta chưa từng làm việc lành nào cả, ta chỉ có làm việc ác không mà thôi”. Thế rồi, kẻ ấy ăn năn hối hận, ân sâu khổ não.

Đó là nghiệp khổ trong đời này (idha).

Còn quả khổ kế tiếp sau là: Sau khi chết rồi, kẻ ác tái sanh vào khổ cảnh vào cảnh giới khác cũng còn phải chịu ảnh hưởng của sự buồn rầu, sầu khổ trong hiện kiếp ấy nữa.

Vì là kẻ ác phải chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế, nên lão Cunda đồ tể, đã khổ trong khi còn sống mà còn khổ thêm sau khi thác rồi nữa.

Disvā kammakiliṭṭhamattano (thấy nghiệp mình lem ó): Sau khi nhìn thấy tự mình đã tạo nghiệp xấu xa, nhớ nhớp thì kẻ ác sanh tâm buồn rầu, cằn than van rên rĩ, lại càng ăn năn hối tiếc.



Sau bài kệ, có nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thánh pháp cũng đều được hưởng ít nhiều lợi ích.

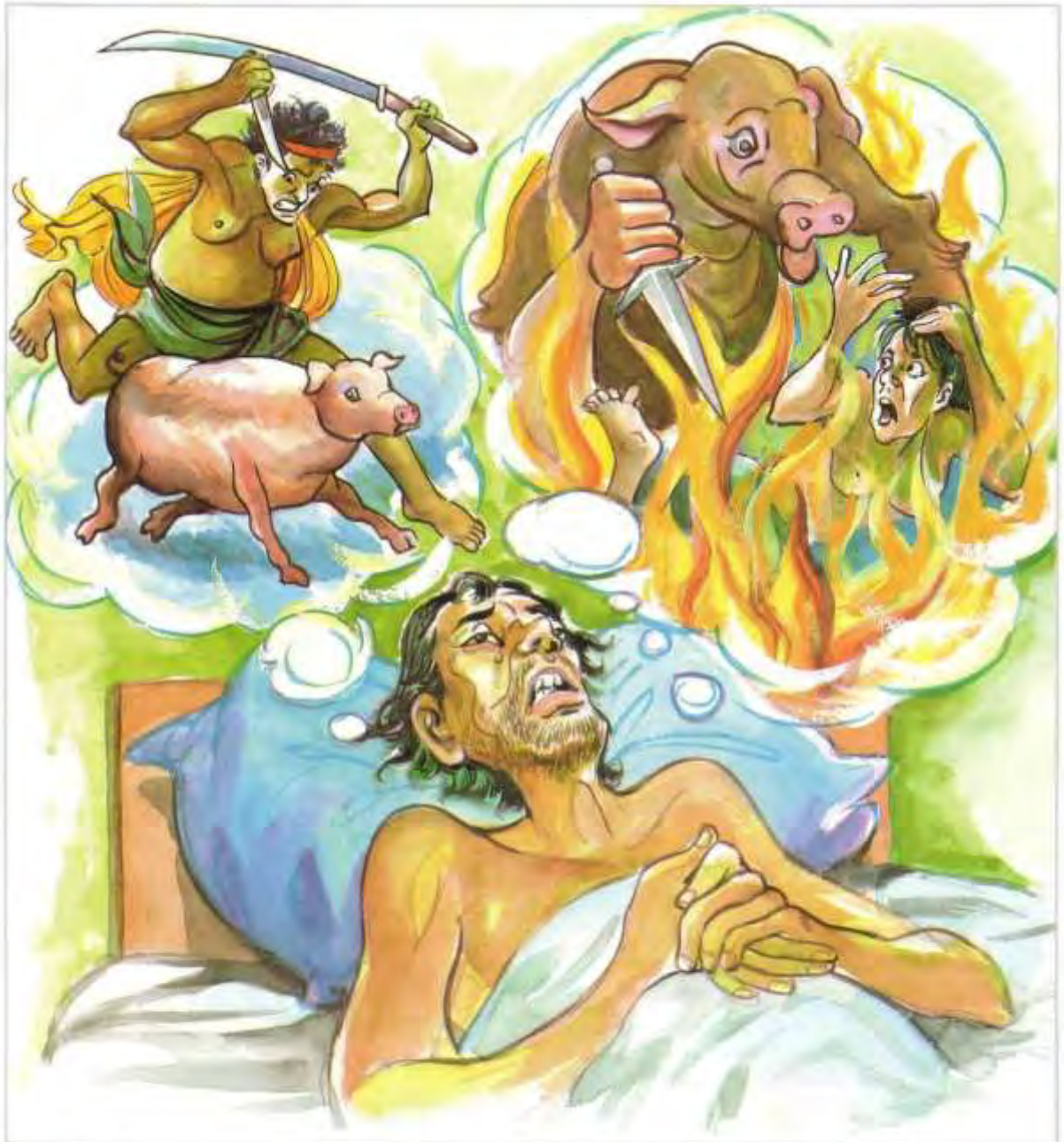


Dịch Giả Cần Đề

*Giết lợn nuôi mình với vợ con,
Năm lẫn năm chẵn, nghiệp vuông tròn!
Một cơn nóng sáng mơ thành thú,
Bảy bữa rên la tưởng bị đòn!
Ngọn lửa A Tỳ cao ngất núi,
Tội ông đồ tể lớn tà non!
Ác lai ác báo mau cùng chậm,
Sống chết hai nơi khổ vẫn còn.*

DỨT TÍCH ĐỒ TỂ CUNDA





Seeing one's own impure action the evil doer grieves and is vexed here and hereafter.

15. Thấy nghiệp cầu uế của mình, người ác hạnh ưu phiền, khổ não ở đời này và đời sau.

I.11- Tích THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA

(Dhammika upāsaka vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 16)

**“Idha modati pecca modati,
Katapuñño ubhayattha modati;
So modati so pamodati, disvā
Kammavisuddhimattano”.**

***“Sống vui thác cũng vui,
Người thiện hai đời vui,
Đã vui càng hoan hỷ,
Thấy nghiệp mình sạch rồi”.***

Kệ Pháp Cú (16), Đức Phật thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến ông thiện sự nam sùng đạo Dhammika.

Tương truyền rằng: Thuở ấy, tại thành Sāvattthī (Xá Vệ), có đến năm trăm ông thiện nam, toàn là những nhà hộ mộ tôn sùng Phật Pháp, mỗi ông sùng đạo này quy tụ được năm trăm cư sĩ trong mỗi nhóm của mình.

Vị thủ lãnh của tất cả các nhóm cư sĩ có được mười bốn người con, bảy trai và bảy gái. Mỗi người con ông đều rất trong sạch trong sự hộ độ Tăng, thường xuyên đề bát bằng cách rút thăm, để dâng cháo, cơm vật thực đến Tăng (Salākabhadda), để bát một ngày nào trong mỗi kỳ nửa tháng (pakkhikabhadda), làm lễ Trai Tăng đang nhập hạ tại chùa (vassavāsika).

Ông Dhammika với vợ và mười bốn người con mà ông mệnh danh là đoàn hậu sanh của ông, hiệp nhau thành mười sáu người thiện tín đắc lực, thay phiên nhau chăm lo cúng dường thực phẩm đến Tăng.

Ông đứng ra làm gương mẫu giới đức cho cả gia đình ông và tất cả thiện tín và ông hoan hỷ thỏa thích trong sự cúng dường Tăng Bảo luôn luôn như vậy.

Một thời gian sau, ông Dhammika nhuốm bệnh và sức lực suy giảm rất nhiều.

Biết mình kiệt quệ, ông muốn được nghe kinh, nên bảo người nhà đến đánh lễ Đức Thế Tôn và xin cho tám hoặc mười sáu vị Tỳ khưu rành rẽ về kinh tụng.

Đức Bôn Sư ra lệnh cho các Tỳ khưu đến nhà ông.

Chư Tăng đến nơi, ngồi lên những chỗ đã dọn sẵn hai bên giường bệnh của ông.

- Bạch Đại Đức Tăng! - Ông cố gắng nói, - Vì con yếu quá không thể đánh lễ chư Tăng được, xin các Ngài từ bi hoan hỷ tụng bố thí cho con một bài kinh.

Chư Tăng hỏi: “Ông thiện nam muốn nghe kinh gì?”.

- Bạch! Xin các Ngài tụng Niệm Xứ Kinh (Satipatthānasutta).

Nghe vậy chư Tăng bắt đầu tụng:

“Ekayāno ayam, bhikkhave, maggo sattānam visuddhiyāti...”.

“Chỉ có con đường này, các Tỳ khưu! Là lối đi duy nhất, dắt dẫn chúng sanh đến nơi hoàn toàn thanh tịnh...”.

Ngay khi ấy, từ sáu cung trời Dục giới (Tứ Đại Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại Thiên), có sáu chiếc thiên xa chạy xuống, mỗi chiếc dài năm mươi do tuần, trang bị đầy đủ bằng mọi thứ mỹ phẩm xuê xang lộng lẫy, do một ngàn con tuần mã kéo đi. Mỗi vị chư Thiên đứng trên thiên xa đồng thanh nói với Dhammika: “Tôi xin mạn phép rước ông về thiên cung của chúng tôi...”.

Ông Dhammika chưa kịp trả lời, chư Thiên đã nói rằng:

- Ông ơi! Ví như cái bát đất đã bể mà đổi được cái bát bằng vàng, ai sanh về thiên cung của chúng tôi sẽ được hưởng muôn ngàn lạc thú, xin ông hãy về với chúng tôi.

Ông thiện nam Dhammika đang nằm nghe kinh, không muốn dứt đoạn nữa chừng, nên bảo chư Thiên: “Thôi đi, khoan đã...”.

Các thầy Tỳ khưu nghe vậy, ngỡ là ông nói với mình, bèn thôi không tụng kinh nữa.

Khi ấy các con trai của ông, phát khóc lên ầm ĩ, kể lể rằng:

- Trước kia phụ thân ta nghe kinh không bao giờ chấn động, sao hôm nay bảo thỉnh chư Tăng đến tụng, rồi lại bảo “Thôi đi” như vậy. Ôi! Đến phút lâm chung đổi diện với Tử thần chắc không chúng sanh nào không hãi hùng kinh sợ.

Chư Tăng thấy tình cảnh ấy cũng nhắc bảo nhau không tụng kinh nữa thì ra về, nói rồi đồng đứng dậy cáo từ ra đi.

Một lúc sau ông Dhammika hồi tỉnh, nghe tiếng con khóc mới hỏi rằng:

- Sao các con lại khóc?

- Thưa cha! Cha đã bảo thỉnh chư Tăng đến tụng kinh cho cha nghe, thế mà khi chư Tăng đang tụng thì cha lại ngăn cản bảo thôi đi, các con khóc vì nghĩ rằng: “Không có chúng sanh nào mà không sợ mặt Tử thần”.

- Thế chư Tăng bây giờ đâu rồi?

- Các Ngài nói: “Không tụng kinh nữa thì ta về” và đã đi về hết rồi cha ạ.

- Này các con! Không phải cha nói lời ấy với chư Tăng đâu!

- Thế thì cha nói với ai vậy? Thưa cha.

- Có sáu vị chư Thiên từ sáu cõi trời đưa đến sáu chiếc thiên xa, trang trí lộng lẫy, đậu ngay giữa hư không, họ đứng trên xe cất tiếng hỏi cha: “Mời Ngài hoan hỷ về cõi chư Thiên với chúng tôi”. Cha bảo “Thôi đi” là nói với chư Thiên ấy.

- Thưa cha! Nhưng thiên xa nào đâu, chúng con không thấy.

- Hiện ở nơi đây, ta có vòng hoa nào không?

- Thưa cha có.

- Trong các cõi trời, cõi nào là an lạc nhất hử các con?

- Thừa cha! Cõi trời an lạc nhất là cõi Đâu Suất thiên (Tusitabhavanam) là nơi tịnh cư của tất cả chư Bồ Tát và của phụ mẫu chư vị Đại Giác trong kiếp thành đạo ở thế gian.

- Vậy thì các con hãy lấy vòng hoa liêng lên hư không và nguyện: “Xin vòng hoa này dính trên chiếc thiên xa của cõi trời Đâu Suất”.

Các con ông Dhammika y lời, ném một vòng hoa dính vào gọng xe là lơ lửng giữa hư không.

Tất cả mọi người túc trực nơi đó đều thấy vòng hoa lơ lửng giữa hư không mà không ai thấy chiếc thiên xa cả.

Ông thiện nam hỏi:

- Các con có thấy vòng hoa không?

- Dạ! Thừa thấy.

- Vòng hoa dính trên chiếc thiên xa từ cõi Đâu Suất đưa xuống, cha nay sắp về thiên cảnh ấy vậy các con chớ nên bi thảm, nếu muốn tái sinh về đó để phụ tử được trùng phùng thì các con nên noi gương cha mà tạo nhiều phước báu ở cõi trần gian này đi vậy.

Dứt lời, ông Dhammika từ giã cõi đời, bước lên thiên xa về cung Đâu Suất. Liên đó, ông hóa thành vị chư Thiên bề cao ba phần tư do tuần, khắp mình đeo giắt những món trang sức, có thể chất đầy sáu mươi cỗ xe bò, có hàng ngọc nữ theo hầu và được một tòa Kim ốc phát sanh lên rõ rệt.

Nói về chư Tăng, khi vào đến Tịnh xá vào đánh lễ, phục lịnh Đức Bổn Sư, Ngài phán hỏi:

- Này các Tỳ khuru! Ông cận sự nam có nghe các ông tụng kinh không?

- Bạch Ngài! Có, nhưng đến nửa bài kinh thì ông ấy lên tiếng bảo thôi, rồi đàn con ông phát khóc ầm lên. Chúng con thấy ở nán lại cũng không làm gì nên đứng dậy ra về.

- Này các Tỳ khuru! Không phải ông Dhammika đã nói các lời ấy với các ông đâu. Có những chư Thiên từ trên sáu cõi trời đưa sáu chiếc thiên xa trang trí lộng lẫy và thỉnh ông lên xe về thiên cảnh, ông ấy không muốn nghe dở bài kinh đang tụng, nên đã thốt lời ấy với chư Thiên.

- Bạch Ngài, có vậy mà chúng con không biết.

- Quả thực vậy đó, các Tỳ khuru.

- Bạch Ngài! Bây giờ ông ấy đang thọ sanh về đâu?

- Này các Tỳ khuru! Hiện giờ ông ấy ở cõi Đâu Suất thiên.

- Bạch Ngài! Lúc ông ấy còn sanh tiền, đã vui sống giữa thân bằng quyến thuộc, bây giờ chết rồi lại được thọ sanh vào nhàn cảnh để hưởng thêm hạnh phúc nữa sao?

- Đúng vậy, này các Tỳ khuru! Những người không dể dôi (appamattā) dầu còn tại gia hay đã xuất gia, cũng đều hưởng được sự yên vui trong hai cảnh giới. Lúc sống và sau khi chết rồi cũng đều như thế cả.

Đến đây, Đức Bôn Sur nói lên kệ ngôn rằng:

“Idha modati pecca modati,
Katapuñño ubhayattha modati;
So modati so pamodati,
Disvā kammavisuddhimattano”.

*“Những người đã sẵn thiện căn,
Kiếp này, kiếp nữa, lòng hằng an vui.
Thấy mình phúc nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp đều vui sướng hoài”.*



CHÚ GIẢI:

Trong câu kệ Phạn ngữ, chữ *Katapuñña* chỉ cho người tạo thiện nghiệp bằng nhiều đường lối, khi lâm chung xét thấy rằng: Quả thật, ta chưa từng làm việc quấy ác, ta chỉ làm những việc thuần thiện mà thôi... Nhờ đó mà y được an vui với nghiệp lành trong đời hiện tại.

Sau khi chết, y cũng còn nhờ ảnh hưởng của quả lành, tiếp tục theo mà được an vui kiếp sau nữa, nên mới gọi là hai đời vui (ubhayattha modati).

Kammavisuddhi: nghiệp sạch, như cận sự nam Dhammika. Sau khi xét thấy tự mình đã tạo nhiều nghiệp trong sạch (thuần thiện), tự mình đầy đủ phước nghiệp (kammaṇa) rồi, đến khi lâm chung cũng hưởng được sự an vui trong kiếp hiện tại và sau khi mệnh chung lại được thọ sanh vào cảnh giới khác lại càng hưởng nhiều thiên phúc lạc hơn nữa.



Sau bài kệ này, chư Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thánh pháp cũng được hưởng ít nhiều lợi ích.

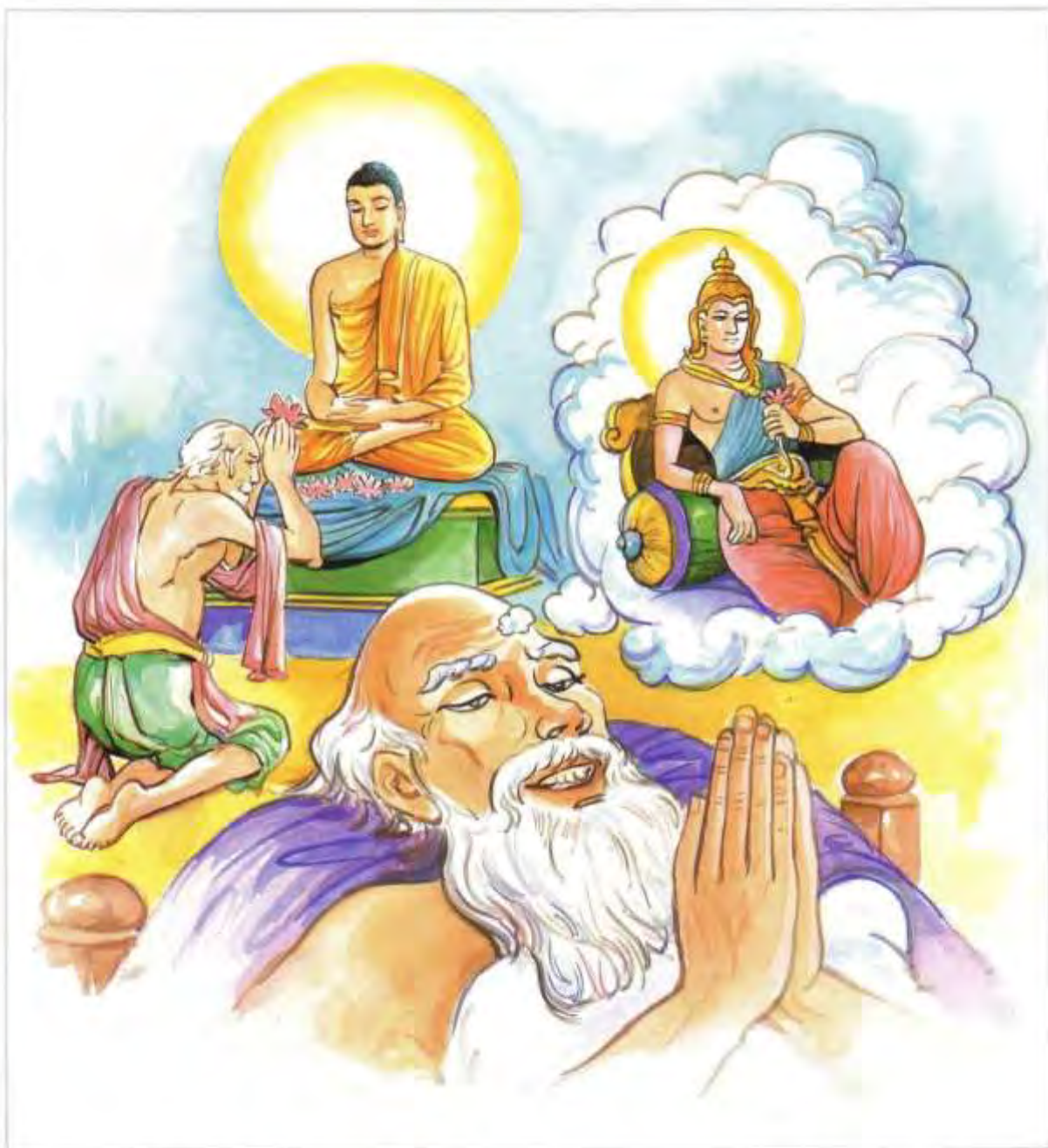


Dịch Giả Cần Đề

*Suốt cả đời tu, chương phước điền,
Chánh tâm sùng đạo, cảm chư Thiên,
Sáu xe túc trực, chờ tôn khách,
Ngàn ngựa bốn phi đón đại hiền?
Tặng tụng kinh dài, ai khiến nghĩ?
Con lo bố khổ, dạ sao yên?
Trần an, may có vòng hoa lạ,
Lơ lửng trên không việc nhần tiền.*

DỨT CHUYỆN CẬN SỰ NAM DHAMMIKA





Seeing the purity of one's own action the doer of good continues to rejoice in both worlds.

16. Thấy nghiệp thanh tịnh của mình, người thiện hạnh hân hoan mãi ở đời này và đời sau.

I.12- Tích DEVADATTA

(Devadatta vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 17)

**“Idha tappati pecca tappati,
Pāpakārī ubhayattha tappati;
“Pāpaṃ me katan”ti tappati,
Bhiyyo tappati duggatim gatoti”.**

***“Sống than, chết cũng than,
Kẻ ác hai đời than.
Than “mình lỡ tạo ác”,
Càng than khi đọa lạc”.***

Kệ Pháp Cú (17) này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Devadatta.

Tiêu sử của Devadatta từ khi xuất gia đến ngày bị đất rút, tất cả Kinh Bốn Sanh (Jātakāni) đều có tường thuật đầy đủ chi tiết.

Dưới đây chỉ là một sự tích tóm lược mà thôi.

Thưở ấy, nhằm lúc Đức Bốn Sư ngự an trong vườn xoài của ông Anupiya, trong thị trấn Mallā (Nigama mallāna) thuộc địa phận xứ Anupiya.

Khi ấy, tám muôn quyến thuộc của Ngài hội nhau lại thảo luận với nhau rằng:

- Từ khi thầy tướng tiên đoán Đức Như Lai sau này sẽ thành bậc Đại Giác hoặc sẽ tước vị Đế Vương, chúng ta đã hứa lời sẽ cho con cháu của chúng ta trong tông tộc Sát Đế ly (Khattiya) đi theo để hầu hạ Ngài. Vậy bây giờ ta nên giữ lời hứa đó.

Thế rồi, hoàng tộc Thích Ca cho tám muôn vị Thái tử xuất gia theo Phật, trừ ra sáu vị là đức vua Bhaddiya và các vương tử Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadatta còn ở lại nhà.

Vì thế trong hoàng tộc Thích Ca, có người lại đưa sự kiện này ra hội thảo và kêu nài rằng:

- Tất cả chúng ta đều có cho con mình xuất gia đúng theo lời hứa, còn sáu họ Thích này không phải là thân tộc của chúng ta hay sao, mà không cho con xuất gia.

Nghe vậy, Thái tử Mahānāma (Đại Danh) đến nói với em mình là Anuruddha rằng:

- Này em! Trong gia đình ta chưa có người nào xuất gia, vậy bây giờ em đi hay là để anh đi xuất gia đây?

Hoàng tử Anuruddha từ nhỏ tới giờ chỉ quen sống trên nhung lụa, an hưởng cuộc đời vương giả cao sang phú túc, chưa hề nghe đến tiếng “không có” bao giờ.

Cho đến một hôm nọ, sáu Vương tử trên đây ráp nhau chơi đánh cầu (Vulalīla), Anuruddha bị thua cuộc phải chịu đãi bánh, nên cho thị giả về nhà xin bánh.

Chơi đi chơi lại ván nào cũng thua, Anuruddha cho người về xin bánh mãi, bà mẹ sắp bánh gửi đến được ba lần, đến lần thứ tư bà chỉ nhắn lời nói: “Bánh không có”. Ông hoàng trẻ tuổi chưa từng nghe tiếng không có cho nên ngẫm nghĩ: “Đó là

thứ bánh gì vậy há?”, đoạn ông bảo tùng giả hãy cứ đi về lấy Bánh Không Có đem đến vậy.

Người này y lời về bẩm lại: “Tâu linh bà! Xin bà hãy gọi Bánh không Có đến cho điện hạ”. Nghe vậy, bà mẹ suy nghĩ: “Con ta chưa hề nghe tiếng “không có” bao giờ. Vậy nhân đây ta phải áp dụng cách này, dạy cho nó biết”.

Thế rồi, bà lấy một cái đĩa bằng vàng, đặt úp trên một cái đĩa không nữa cũng bằng vàng và trao cho người hầu đem đi. Lúc đó chư Thiên ngự trong thành ấy nghĩ rằng: “Thái tử Anuruddha đã từng nhịn ăn phần ăn của mình trong một mùa đói kém để cúng dường một vị tối thượng Độc Giác Phật thời quá khứ và đã phát nguyện: “Xin cho tôi đừng bao giờ nghe đến tiếng không có. Xin cho tôi đừng bao giờ bận tâm biết đến vấn đề lương thực”. Hôm nay, nếu để cho Thái tử thấy cái đĩa không thì chúng ta còn mặt mũi nào về dự Đại hội chư Thiên và có lẽ đầu chúng ta sẽ nứt ra làm bảy mảnh”.

Nghĩ rồi, chư Thiên lấy những bánh trời đặt vào đầy đĩa cho Thái tử Anuruddha.

Khi vị tùng giả mang đĩa đến chỗ sân đánh cầu, Thái tử đến giờ ra, thì mùi bánh thơm ngon sức nức bay lan khắp cả châu thành. Thái tử cắn thử một miếng ngậm vào miệng, nghe hương vị thanh thoát lạ thường, không thể tả sao cho xiết.

Khi ấy Thái tử Anuruddha nghĩ rằng: “Từ trước mẹ ta không yêu ta, nên chưa có lần nào người làm thứ bánh Không Có này cho ta ăn. Kể từ đây về sau, ta nhứt định không thèm dùng thứ bánh nào khác nữa”.

Thái tử đi ngay về nhà, báo mẹ rằng:

- Thưa mẹ! Mẹ có yêu con hay không?

- Mẹ có yêu quý con ví như người chột mắt quý con mắt sáng của mình, hay như mọi người yêu quý quả tim của mình vậy con à.

- Thế sao hồi đó tới giờ, chưa có lần nào mẹ làm thứ bánh Không Có cho con ăn hở mẹ?

Bà mẹ quay lại hỏi người hầu Thái tử:

- Này con! Con thấy trong đĩa có chút gì không?

- Tâu linh bà! Đĩa đầy bánh, toàn là thứ bánh lạ từ trước tới giờ con chưa được thấy.

Bà mẹ lẩm bẩm: “Con ta quả thật là một bậc đại phước, đại lộc, đã tạo nhân lành từ đời kiếp trước, cho nên chư Thiên mới để bánh đầy đĩa gọi đến cho nó như thế”.

Ông hoàng con lại nũng nịu, nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, từ rày về sau con nhứt định không ăn thứ bánh gì khác hết, mẹ phải làm rỗng một thứ bánh Không Có cho con ăn nghe mẹ.

Kể từ ngày ấy, mỗi khi Anuruddha đòi ăn bánh thì bà mẹ lại y như trước, lấy cái đĩa không đặt úp lên một cái đĩa không khác, rồi gọi lên cho con.

Trong suốt thời gian Thái tử còn ở trong gia đình, chư Thiên vẫn hằng cung cấp bánh trời cho Thái tử như thế mãi. Vì không bận tâm lo nghĩ đến những nhu cầu về

vật chất cho nên dầu là một vấn đề thông thường, Thái tử cũng không biết rõ, nói chỉ đến chuyện xuất gia.

Khi nghe Thái tử Mahānāma hỏi, Anuruddha không đáp lời anh, mà còn hỏi lại:

- Xuất gia nghĩa là đi làm gì vậy hoàng huynh?

Thái tử giải thích sơ lược rằng: “Cạo bỏ râu tóc, khoác bộ y vàng, nằm ván cứng giường thô, đi trì bình khát thực, sống một đời sống không gia đình, như thế gọi là xuất gia vậy”.

Nghe vậy, Thái tử Anuruddha đáp:

- Vậy thì hoàng huynh ơi! Em chỉ quen sống an nhàn dục lạc, em không xuất gia hành đạo được đâu.

- Vậy thì em hãy ráng học tập công nghệ (Kammantā) rồi ở lại nhà, để anh đi xuất gia cho gia đình ta khỏi thất hứa.

Hoàng tử Anuruddha lại hỏi:

- Hoàng huynh! Anh vừa nói đến hai tiếng công nghệ, thế nghĩa là gì vậy hoàng huynh?

Lệ thường, các con nhà quyền quý, không ai léo hánh đến các chỗ nấu ăn, mó tay vào việc cơm nước, bếp núc bao giờ, có đâu mà biết quán xuyến công nghệ gia đình cho được.

Cho đến vật thực hằng ngày, các vị vương tử cũng không biết xuất xứ từ đâu. Cho nên, có một hôm giữa ba vị Hoàng tử có một câu hỏi sau đây được nêu lên: “Đồ biết vật thực ta ăn, từ đâu mà có?”.

Kimbila bảo: “Từ nhà kho mang lại”. Bhaddiya vội cãi: “Biểu đệ không biết nên nói sai rồi, vật thực này trong nồi mức ra”. Anuruddha nhất định nói rằng: “Cả hai biểu huynh đều nói trật hết. Vật thực này là do đĩa ngọc chén vàng phát sanh ra”.

Theo tục truyền, sở dĩ ba Thái tử giải thích khác nhau, đó là mỗi vị chấp theo quan kiến của mình.

Kimbila thường xuyên thấy người ta vào kho, lấy lúa đem ra xay, cho nên mới cho là vật thực từ kho mang lại.

Bhaddiya có lúc thấy người ta bới cơm từ trong nồi ra, cứ tưởng là vật thực từ trong nồi mức ra.

Còn Anuruddha chưa từng thấy ai xay lúa, nấu cơm rồi bới ra, chỉ thấy vật thực đã dọn sẵn trên chén đĩa trong giờ ăn, nên quả quyết rằng: “Vật thực phát sanh từ nơi chén đĩa”.

Thật ra, ba vị con nhà quý tộc này cũng chưa biết rõ vật thực xuất xứ từ đâu.

Do đó, Hoàng tử Anuruddha mới hỏi lại anh mình câu hỏi:

- Tiếng công nghệ nghĩa là gì vậy hoàng huynh?

Thái tử Mahānāma giải thích rằng: “Từ đầu mùa lo dọn đất nhất là cày bừa ruộng nương rồi lo trồng trọt lúa, bắp, đậu, mè... Kế đến cuối mùa thì lo gặt hái phơi,

nhập vào kho tích trữ... Mỗi năm, năm nào cũng phải làm đi làm lại bấy nhiêu công việc đồng áng như vậy”.

Nghe vừa dứt lời, Anuruddha nói thầm rằng: “Chà! Công việc gia đình làm biết bao giờ mới hết và biết đến bao giờ ta mới được rảnh rang để toại hưởng phú quý vinh hoa”.

Sau khi nêu rõ lý do là: “Công việc gia đình làm mãi cũng không rồi” Hoàng tử cương quyết thưa với anh:

- Thôi hoàng huynh cứ ở lại nhà mà lo công nghệ gia đình, còn em không thích làm những việc ấy đâu!

Nói rồi, Hoàng tử đi tìm thân mẫu và thưa rằng:

- Thưa mẹ! Xin phép mẹ cho con đi xuất gia.

Anuruddha đến xin ba lần, bà mẹ cũng không cho phép. Sau cùng bà đưa ra điều kiện này: “Nếu bạn con là vua Bhaddiya cùng đi xuất gia với con thì mẹ chấp thuận ngay”.

Nghe vậy, Anuruddha đến gặp bạn mình và thưa rằng:

- Tâu hoàng huynh! Tiểu đệ vì kẹt có hoàng huynh mà chậm trễ đi xuất gia.

Hoàng tử cứ đeo theo năn nỉ và đưa ra nhiều lý do để thúc đẩy, giục nhà vua. Nên sau cùng đức vua Bhaddiya hẹn trong bảy hôm nữa sẽ đi xuất gia một lượt.

Rồi đó, đức vua Bhaddiya trong dòng họ Sakya (Thích Ca) hiệp với Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadatta. Tất cả là sáu vị Sát Đê Ly cùng với ông thợ cạo Upāli nữa là bảy người. Trong bảy ngày liên tiếp chung nhau tận hưởng mọi lạc thú vinh sang trong đời, như những chư Thiên nơi miền Cực lạc.

Đến ngày khởi hành, bảy vị xuất gia được quân binh hộ giá rầm rộ tiến lên, y như các đấng quân vương ngự du trong vườn Thượng Uyển, đi đến biên thùý, bảy vị ấy ra lệnh cho đoàn quân hộ tống trở về, rồi cùng nhau lần lượt vượt qua giới tuyến, đi sang địa phận quốc gia khác.

Nơi đây, sáu vị Hoàng tử cởi bỏ hết trang sức đeo trên mình ra, bỏ thành một đồng, kêu ông thợ cạo và bảo: “Này Upāli! Bạn hãy thu hết của này và trở lại xứ nhà, bấy nhiêu đây chắc cũng đủ cho bạn sống một cuộc đời bạn được”.

Ông Upāli sụp lạy tạ các vị hoàng gia, khóc lóc bịn rịn. Vì không dám cãi lệnh các chủ cũ, ông buộc lòng đứng dậy, xách gói bảo vật quảy lên vai, rồi quay chân trở lại.

Sáu vị vương giả đứng nhìn theo bóng ông thợ cạo trở về cố quốc, ai ai cũng đều lưu luyến ngậm ngùi, thật là:

*Nào nùng theo cảnh chia phôi,
Rừng cây ử dật, núi đồi tang thương.*

Trên nẻo đường về, ông vừa đi chậm vừa suy nghĩ rằng:

“Dòng Thích Ca xưa nay vẫn có tiếng là hung hãn (Caṇḍa), nếu họ tưởng làm ta hạ sát các Hoàng tử này mà đoạt của báu thì thế nào họ cũng giết ta bỏ mạng và lại

các vương gia Thích Tử này đã vứt bỏ những đồ trang sức quý giá của họ, như là nhỏ cục nước miếng, để

được rảnh rang đi tu, thì ta đại gì chẳng noi theo gương ấy”.

Nghĩ vậy, ông cởi đồ trang sức đang quây trên vai ấy, đem treo lên trên một nhánh cây và nói: “Ai cần dùng thì cứ lấy” rồi ông hối hả chạy theo các vị đi xuất gia.

Thấy ông chạy theo, các vị ấy ngừng lại hỏi:

- Sao ông còn trở lại?

Ông Upāli bèn tỏ thật cảm nghĩ và quyết định của mình. Các vị Hoàng tử bèn dắt luôn ông đi theo, đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng: “Bạch Ngài, dòng họ Thích Ca của chúng ta vẫn thường có tính ngã mạn. Người này đã từng phục dịch chúng ta lâu năm, xin Ngài hãy cho ông ta xuất gia trước nhất, để chúng tôi cung kính lễ bái ông theo bậc Sư huynh, ngõ hầu phá bỏ cái tánh ngã mạn của chúng tôi”.

Tiếp theo lời thỉnh cầu ấy, Đức Bôn Sư cho ông Upāli xuất gia đầu tiên, rồi lần lượt đến phiên sáu vị Hoàng tử.

Trong nhóm Tỳ khưu mới này, Đại đức Bhaddiya đắc Tam Minh (Tevijjā) trong mùa hạ đầu, Đại đức Anuruddha trước đắc Thiên Nhân Thông (Dibbacakkhu), rồi sau đó đắc A La Hán do nhờ nghe bài Kinh Mahāpurisa vitakka, Đại đức Ānanda đắc quả Tu Đà Hườn, hai vị Đại đức Bhagu và Kimbila trong thời gian sau nhờ tinh cần hành thiền Minh Sát (Vipassanā) cũng đều đắc quả A La Hán, Devadatta thì đắc Thần thông phàm (Puthujjanikamiddhim).

Sau đó một thời gian, khi Đức Bôn Sư ngự tại thành Kosambi thì có rất nhiều lợi lộc phát sanh đến Đức Như Lai và Thánh chúng. Hằng ngày thiện tín nườm nượp đến chùa, đem theo lễ vật trọng thể đến để cúng dường và hỏi thăm Đức Thế Tôn ngự nơi đâu? Đức Sārīputta ở đâu? Đại đức Mahā Kassapa ở đâu?

Họ vừa đi vòng quanh nhìn vào chỗ tám mươi vị Thánh Văn và luôn miệng hỏi thăm Đại đức Bhaddiya ở đâu? Đại đức Anuruddha ở đâu? Đại đức Kimbila ở đâu?

Các Tỳ khưu vị nào cũng được mọi người săn đón, nhưng không ai nghe hỏi về Đại đức Devadatta ngồi ở đâu? Hoặc đứng tại đâu cả?

Thấy không ai lưu ý đến mình, Đại đức tự ti mặc cảm, nghĩ thầm rằng: “Ta cũng đồng xuất gia một lượt với những Tỳ khưu ấy, họ là dòng dõi Sát Đế Ly xuất gia, thế sao họ được người đời săn đón trọng hậu, còn ta thì không có ma nào động đến tên! Bây giờ ta biết ai là người mà ta có thể làm cho phát tâm trong sạch để họ cúng dường đến ta?”.

Khi ấy, Đại đức Devadatta tính thầm: “Với Bimbisāra đã đắc Tu Đà Hườn một lượt với mười một muôn vị tỳ gia trong buổi sơ ngộ với Đức Thầy. Ta không thể hiệp tác được với vua Kosala, ta cũng không thể liên kết. Chỉ còn Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế), con của vị chúa tể một quốc gia cường thịnh mới là người mà ta thu phục để làm bạn tri kỷ vậy”.

Sau khi quyết định như vậy, Devadatta rời Kosambi đi đến thành Rājagaha (Vương Xá), tự biến hình thành một thanh niên, khắp mình quần đầy những con độc

xà, hai con làm vòng tay, hai con làm kiềng chân, một con làm kiềng cổ, một con đội trên đầu, một con vắt vào bên vai.

Đại đức từ trên hư không đáp xuống với cách trang bị bằng rắn như thế, ngồi trên bắp vế của Thái tử Ajātasattu.

Thái tử giật mình kinh hãi, kêu lên rồi hỏi rằng:

- Người là ai?

- Ta là Devadatta.

Nói rồi, để cho Thái tử hết sợ, Đại đức liền hiện nguyên hình là một vị Tỳ khưu có đầy đủ tam y nhất bát đứng ngay trước mặt Thái tử, làm cho Thái tử phát tâm trong sạch, từ đó bắt đầu cúng dường lễ vật đầy đủ mọi thứ.

Khi được cúng dường trọng hậu rồi, Đại đức Devadatta cũng chưa toại nguyện, Đại đức còn mong rằng: “Ta sẽ đứng ra lãnh đạo Tăng chúng” tà niệm vừa phát khởi trong tâm thì các pháp thần thông (iddhi) cùng với Tứ Thần Túc (catuppāda) của Devadatta tự nhiên biến mất.

Đại đức Devadatta trở về Veluvana, đến chỗ cư ngụ của Đức Bôn Sur, nhằm lúc Ngài đang thuyết pháp, có đức vua cùng hàng tứ chúng ngồi nghe, Đại đức đánh lễ Đức Bôn Sur rồi đứng dậy chấp tay thỉnh cầu rằng: “Bạch Thế Tôn! Hiện nay Ngài đã già nua, niên kỷ cao tường rồi, không còn hoạt bát như xưa. Vậy Ngài cũng nên nhân cơ hội lạc cho yên thân, tôi nguyện sẽ đứng ra lãnh đạo chư Tăng, xin Ngài giao cho tôi lèo lái con thuyền Giáo hội”.

Nghe qua mấy lời đường đột khiếm nhã ấy, Đức Thế Tôn không thể nào chấp nhận được.

Bất mãn vì bị từ chối, Devadatta bỏ ra đi, tuy ngoài miệng làm thỉnh, nhưng trong thâm tâm đã buộc oan trái với Đức Như Lai kể từ khi ấy.

Liền đó vâng lệnh Đức Thế Tôn, chư Tăng nhóm tất cả thiện tín trong thành Rajāgaha và đọc tuyên ngôn không thừa nhận Đại đức Devadatta là người của Giáo hội Tăng Già này nữa. Hay tin này, Devadatta nói rằng: “Kể từ giờ phút này, ta đã bị Sa môn Gotama sa thải rồi, ta phải lập tâm báo thù, rửa cái nhục này mới được”.

Nói rồi, Devadatta đến hội kiến với Thái tử Ajātasattu, kiếm cách dẫn dụ rằng: “Tâu điện hạ, đời xưa con người trường thọ nhưng đời nay chẳng ai sống được lâu, chẳng lẽ điện hạ ở mãi cái địa vị làm ông hoàng con cho đến khi xuống lỗ. Vậy tốt hơn điện hạ nên lo thí phước vương mà soán đoạt ngôi trời, còn ta thì sẽ lo hạ sát Đức Thế Tôn mà tranh giành quả Phật”.

Sau khi dụ hoặc được Thái tử Ajātasattu, Devadatta thuê bốn người nam bản xứ đi hành thích Đức Như Lai, nhưng họ đã đắc quả Tu Đà Hườn và họ trở về không.

Thấy mưu sự bất thành, Devadatta tự mình leo lên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú) lăn đá xuống, cố ý đoạt mạng Đức Thế Tôn, nhưng chỉ làm cho người trầy da chảy máu.

Chưa hả giận, Devadatta lại lừa díp, phóng thích thốt tượng Nālāgiri để cho nó đến chà đạp Đức Thế Tôn. Thấy tượng hung hãn chạy lại, Đại đức Ānanda đứng ra

cản đường, quyết liều mạng mình mà cứu Đức Bồn Sur, nhưng Đức Giáo Chủ chỉ rải lòng từ (mettā) thu phục được voi dữ, ngự ra khỏi thành và trở về Tịnh xá bình yên vô sự.

Ngày ấy, hàng ngàn thiện tín câu hội tổ chức đại lễ Trai Tăng, sau đó trước sự hiện diện của hầu hết dân cư trong thành Rājagaha, độ cho tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp (dhammābhisamayo).

Chư Tăng đều ca tụng lòng dũng cảm của Đại đức Ānanda đã dám liều mình cản đường một con voi dữ đang nổi cơn điên để che chở Đức Bồn Sur.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này các Tỳ khuru, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda dám liều mình vì Như Lai đâu”. Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Đức Thế Tôn bèn dẫn lại điển tích nói về hai con thiên nga với con cua (Cullahaṃsamahāhaṃ sakakkaṭaka).

Cơ mưu của Devadatta mong lòng hại Phật, cả ba lần đều bị thất bại cả ba, nhưng hai lần trước là thuê người ám toán và lăn đá phi tang đều còn âm thầm, chỉ còn có sự phóng thích voi điên là quá lộ liễu, nên đã làm chấn động tất cả quần chúng và thấu đến tai đức vua.

Thiên hạ đồn đãi rùm lên: “Nào là Devadatta thuê người hành thích Phật, lăn đá đè Phật, bây giờ còn manh tâm thả voi Nālāgiri ra để hãm hại Đức Phật nữa. Tội ác tày trời như thế phải đưa ra quốc vương xử trị mới được”.

Đức vua nghe dân chúng dị nghị quá, bèn ra lệnh chấm dứt sự cúng dường năm trăm nôi cháo sữa và từ đó tuyệt giao, không hộ độ cho Devadatta nữa. Đã vậy, những nhà thiện tín trong thành cũng nghĩ luôn, không ai còn để bát cho ông ta.

Không kham nhẫn với sự thiếu thốn lợi lộc, Devadatta vì mưu đồ sinh kế, lại dờ dờ quỷ quyệt đến đánh lễ Đức Bồn Sur và xin quyết năm điều.

Đức Thế Tôn phán rằng: “Thôi đi ông hỡi! Devadatta, Tỳ khuru nào muốn ở trong rừng thì cứ ở rừng, Tỳ khuru nào muốn ở xóm thì cứ ở trong xóm”.

Chụp ngay lấy cớ Đức Bồn Sur không chấp thuận năm điều thỉnh nguyện của mình, Devadatta rêu rao lên rằng: “Các đạo hữu ơi! Giữa Như Lai và ta, ai là người nói lời thanh bạch (vacanaṃ sobhaṇaṃ). Với thật tâm muốn bảo tồn Chánh Pháp, ta đã nói rằng: “Bạch Ngài! Xin Ngài chế định cho chư Tỳ khuru mãi mãi suốt đời nương theo năm pháp là ngụ ở trong rừng, đi bát mà ăn, mặc y phẩn tảo, ngồi dưới cội cây, không dùng thịt cá, thế mà Ngài không chấp nhận lời ta”.

Vậy bạn nào muốn giải thoát trần lao, xin cứ theo ta mà hành đạo”. Nói rồi, ông ta bỏ đi.

Nhiều Tỳ khuru mới xuất gia, kém hiểu biết cho rằng: “Đại đức Devadatta nói phải lắm, chúng ta nên nương tựa theo Đại đức mà hành đạo cao thượng”. Rồi họ nhập một đoàn với ông ta.

Với số năm trăm Tỳ khuru tách ra đi theo mình, Devadatta hành theo năm điều kể trên, làm ra vẻ rách rưới lang thang, thọ thực nơi các gia đình trong sạch với người tu khổ hạnh và quyết tâm chia rẽ Giáo Hội Tăng Già.

Hay tin này, Đức Thế Tôn triệu tập Thịnh Văn hội và chất vấn ông ta: “Này Devadatta, nghe đồn ông lập tâm chia rẽ Tăng, ý muốn phá hoại Giáo hội phải không?”.

Devadatta xác nhận rằng: “Quả thật vậy, bạch Thế Tôn”.

- Này Devadatta, chia rẽ Tăng là một tội nặng. – Đức Bôn Su tiếp theo là huấn từ, chỉ dạy những hậu quả của sự chia rẽ và sự hòa hiệp.

Devadatta không đếm xỉa gì đến kim ngôn ngọc ngữ của Đức Thầy, bỏ phòng nhóm ra đi một nước.

Khi gặp Đại đức Ānanda đang đi trì bình khát thực trong thành Rājagaha, ông ta kêu Đại đức và nói nhấn: “Này đạo hữu Ānanda! Kể từ nay ta sẽ hành lễ Phát lồ (lễ sám hối của chư Tỳ khưu) và hành Tăng sự riêng biệt, không cần có Đức Thế Tôn và không cần có Tăng chúng nữa”.

Đại đức Ānanda trở về Tịnh xá, bạch lại chuyện với Đức Thế Tôn, khi nghe hết đầu đuôi, Đức Thế Tôn động lòng bi mẫn than rằng: “Devadatta đã phá hoại con đường Thiên giới, tự mình tạo nghiệp Vô gián để sau phải chịu thiêu đốt trong địa ngục A tỳ”. Ngài trầm tư một lúc rồi ngâm kệ lên rằng:

“Sukarāṇi asādhūni,
Attano ahitāni ca;
Yaṃ ve hitaṇca sādhuṇca,
Taṃ ve paramadukkaranti!”.

*“Dễ làm việc bất lương,
Và tự chịu tai ương,
Còn việc phước việc thiện,
Lại khó làm phi thường”.*

Dứt bài kệ Pháp Cú 163. Đức Thế Tôn lại đọc tiếp một bài kệ ngẫu hứng (Udāna) như vậy:

“Sukaraṃ sādhuṇā sādhu,
Sādhu pāpena dukkaraṃ;
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ,
Pāpamariyehi dukkaranti”.

*“Thiện hơn hành thiện dễ dàng thay!
Ác hơn hành thiện khó chi tày!
Ác hơn hành ác như chơi giỡn.
Thánh hơn hành ác chẳng quen tay”.*

Nói về Devadatta, chờ đến ngày làm lễ phát lồ vào trong chỗ kiết giới, ngòai qua một phía cùng với đồng lõa của mình, rồi tuyên bố rằng: “Su nào ưng hành theo năm điều do tôi đề xướng thì xin biểu quyết bằng cách rút thăm”. Năm trăm Tỳ khưu mới tu, con dòng Vajjī vì ít cảm mến Đức Thế Tôn nên đã đồng tình bỏ Đức Bôn Su mà theo về phe Devadatta.

Chia rẽ Tăng rồi, ông ta dắt các Tỳ khuru phe mình đi về phía Gayāsīsa (Tượng Đầu Sơn).

Khi nghe tin Devadatta đi về xứ ấy, Đức Bôn Sur phái hai vị Thủ Thịnh Văn đến đó để dắt những Tỳ khuru kia trở về. Hai vị Đại đệ tử vâng lời ra đi, đến nơi trở hết tài nghệ đặc biệt của mình, một vị thuyết pháp, một vị thì thi thố thần thông, dẫn độ cho năm trăm vị Tỳ khuru mới tu kia đều được nếm hương vị Niết Bàn. Rồi dắt nhau bay về Tịnh xá.

Khi ấy, Devadatta đang nằm ngủ, Kokālika là Tỳ khuru đồng lõa trong việc chia rẽ Tăng vội kêu ông ta dậy: “Dậy đi, đạo hữu Devadatta. Sārīputta và Moggallāna đã dắt cả đoàn Tỳ khuru của đạo hữu đi hết rồi”.

- Tôi đã căn dặn đạo hữu rồi mà, đừng có tin tưởng bọn Sārīputta và Moggallāna. Bọn này có nhiều tà tâm tư ý, chưa thoát khỏi vòng nô lệ của những dục vọng xấu xa đê hèn.

Nói rồi, Kokālika lấy đầu gối thúc mạnh vào ngực của Devadatta, ngay quả tim ông ta, đã làm ông ta ói máu tươi ra tại chỗ.

Chư Tăng ở chùa thấy Đại đức Sārīputta và Moggallāna dẫn đoàn Tỳ khuru theo đường hư không bay về thì bạch với Đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, Đại đức Sārīputta lúc đi chỉ có một mình Moggallāna là bạn đồng hành, bây giờ trở về dắt theo một đoàn Tăng lữ, coi thật là huy hoàng xán lạn”.

Đức Bôn Sur đáp: “Này các Tỳ khuru, đây không phải là lần đầu tiên mà Sārīputta có vẻ huy hoàng xán lạn! Thời quá khứ, khi còn mang lớp thú, con của Như Lai cũng từng trở về với Như Lai đầy vẻ huy hoàng như thế”. Thuyết đến đây Đức Bôn Sur đọc bài kệ Bôn Sanh Lakkhaṇa (Con Tướng):

“Hoti sīlavatam attho,
Paṭisaṇṭhāra vuttinam;
Lakkhaṇam passa āyatam,
Ñātisaṅghapurakkhatam;
Atha passasinam kālam,
Suvihīnamva ñātibhīti”.

*“Kẻ giới đức tính tình thân thiện,
Sống một đời vinh hiển cao sang.
Hãy xem con Tướng huy hoàng,
Dẫn đầu quyền thuộc hiên ngang trở về.
Rồi nhìn lại ê chề buồn bã.
Con thời kia mất cả thân bằng”.*

Kể đó, chư Tăng bạch rằng:

- Bạch Ngài nghe đồn Devadatta có đặt để hai vị Tỳ khuru làm Thủ Thịnh Văn, ngồi hai bên mình bắt chước Ngài mà phát ngôn rằng: “Ta nay sẽ thuyết pháp độ đời, đem ân huệ của một vị Đại Giác mà ban bố cho tất cả chúng sanh”.

Nghe vậy, Đức Bôn Sur đáp: “Này các Tỳ khưu! Đây không phải mới lần thứ nhất đâu, trong thời quá khứ ông ta đã từng cố gắng bắt chước Như Lai và cũng đã thất bại rồi”.

Nói đoạn, Đức Bôn Sur ngâm bài kệ Bôn Sanh Nadīcarakāka (Giang Hành Điều).

“Apī vīra ka passesi,
Sakuṇaṃ mañjubhāṇakaṃ;
Mayūragīvasaṅkāsaṃ,
Patimaṃ mayhaṃ saviṭṭhakaṃ.
Udakathalacarassa pakkhina,
Niccaṃ āmakamacchabhajino;
Tassānukamaṃ saviṭṭhako,
Sevāle paliguṇṭhito mato’ti”.

*“Quạ hùng ơi! Người đi đâu đó,
Cỏ gặp chim, cầm cổ giống công,
Tiếng kêu lạnh lớt đẹp lòng,
Tên Xa Biệt Thác là chồng của ta,
Dầu dưới nước hay là trên bộ,
Thấy chim kia hăng độ cá tươi,
Chồng cô bắt chước như người,
Không may vướng rễ rong tươi chết chìm”.*

Dứt bài kệ ngôn Bôn Sanh, Đức Bôn Sur kể luôn sự tích con quạ hùng (Vīra) cho chư Tăng nghe. Những ngày sau đó, Đức thầy cũng còn đề cập đến chuyện trên đây, khi Ngài ngâm kệ Bôn Sanh:

“Acāri vatāyaṃ vitudaṃ vanāni,
Kattāṅgarukkhesu asārakesu;
Athāsadā khadiraṃ jālasāraṃ,
Yatthābhidaṃ raruḷo uttamaṅganti ca,
Lasī ca te nipphalitā,
Kattako ca vidālito;
Sabbā te phāsuka bhaggā,
Dāni samma virocasīti”.

*“Đi khắp rừng tung hoành khoét đục,
Những cây mềm nhánh mục gãy tan.
Gập keo lõi cứng mỗ càn,
Ô hô! Kim sí vỡ toang cả đầu.
Đại bàng nay còn đâu,
Óc người văng tứ phía,
Sọ người nứt hai đầu,
Sườn người đều gãy lọi,
Trông người thật đáng sầu”.*

Tiếp qua ngày sau, khi nghe lời bình phẩm: “Devadatta là kẻ bội ơn”. Đức Bôn Sur lại thuyết Tích Bôn Sanh mà ngâm kệ rằng:

“Akaramhā va te kiccaṃ,
Yaṃ balaṃ ahuvamha se;
Migarāja namo tyatthu,
Api kiñci lābhamha se.
Māma lohitaḥhakkhassa,
Niccaṃ luddāni kubbato;
Dantantaragato santo,
Taṃ bahuṃ yampi jīvasīti”.

*“Lộc vương con việc chi cứ bảo,
Thân hết lòng nguyện báo ơn Ngài,
Trung thành chẳng dám đơn sai,
Ơn trên xuống phước một hai chàng nào?
Ta cần uống máu đào để sống,
Và luôn luôn bạo động mà thôi,
Rằng ta đã ngậm miếng mồi,
Này giờ người sống nhiều rồi còn chi?”.*

Và một lần nữa, nhân nhắc đến Devadatta có tâm sát hại Đức Bôn Sur, Ngài lại ngâm kệ Bôn Sanh và thuyết tích con hoẵng (một thứ nai), kệ rằng:

“Nātametam kuruṅgassa,
Yaṃ tvam sepaṇṇi seyyasi;
Aññaṃ sepaṇṇiṃ gacchāmi,
Na me te ruccate phalanti”.

*“Hoẵng đã biết việc này đích thật,
Trái Xê ban, người vắt xuống mà,
Cây kia ta hãy băng qua,
Cây này quả chẳng ưa ta chút nào”.*

Lại một hôm khác, nhân nghe chư Tăng bình luận bảo nhau: “Devadatta đã mất hai điều lợi ích là lợi lộc và phẩm vị Sa môn”. Đức Bôn Sur bèn dạy rằng: “Này các Tỷ khuru, đây không phải mới lần đầu Devadatta đã mất cả hai đường lợi ích như thế”. Nói rồi, Ngài ngâm kệ và thuyết tích Bôn Sanh Ubhatobhaṭṭha (Tham thì thâm).

“Akkhī bhinnā paṭo naṭṭho.
Sakhīgehe ca bhaṇḍanaṃ;
Ubhato paduṭṭhakammantā.
Udakamhi thalamhi cati”.

*“Mặt bị nổ, áo quần tiêu hết,
Vợ lẫn loạn gia thất rã tan,
Hai nơi sự nghiệp tiêu tan,
Dưới sông cũng hồng, trên ngàn cũng hư”.*

Cứ như thế, trong thời gian cư ngụ trong thành Rājagaha (Vương Xá), Đức Bôn Sur đã thuyết rất nhiều kinh và tích Bôn Sanh đề cập đến Devadatta. Sau đó, Ngài rời thành Rājagaha, ngự sang thành Sāvattihī (Xá Vệ) và an ngự tại Đại Tự Jetavana (Kỳ Viên).

Về phần Devadatta, bị bệnh nằm liệt giường suốt chín tháng, sau cùng muốn gặp Đức Bôn Sur, ông bảo đệ tử của ông rằng: “Ta muốn yết kiến Đức Thế Tôn, các trò hãy làm sao đưa ta đến gặp Ngài”.

- Bạch Ngài! – Đệ tử đáp – lúc bình thời Ngài cột oan trái với Đức Bôn Sur, nên đã bỏ ra đi, chúng tôi sẽ không đưa Ngài trở về gặp Đức Bôn Sur đâu!

Devadatta xuống nước nhỏ, năn nỉ với các đệ tử rằng: “Các trò chó làm ta tuyệt vọng vì không được sám hối với Đức Bôn Sur. Thật ra ta có buộc oan trái với Ngài, nhưng ngược lại Ngài đối với ta không mấy may có chút thù hằn”.

Nói đến đây, Devadatta, đọc lên bài kệ rằng:

“Vadhake devadattamhi,
Core aṅgulimālake;
Dhanapāle Rāhule ca,
Sabbattha samamanasoti”.

*“Với sát nhân Đề Bà,
Hoặc tướng cướp Vô Nã,
Hộ tài Ra Hầu La,
Ngài hằng bình đẳng đạo”.*

Rồi ông khẩn khoản yêu cầu: “Hãy đưa hộ ta đến bái kiến Đức Bôn Sur đi các trò ơi”. Sau cùng nhóm đệ tử ông đặt ông lên cái chõng và kiêng ông đi.

Nghe tin Devadatta đang trở về Tịnh xá, chư Tăng vào bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Đức Thế Tôn! Nghe đồn rằng Devadatta trở lại đây để yết kiến Ngài”.

- Này các Tỳ khuru! Trong kiếp hiện tại này (attabhāva) ông ta không thể vào thấy mặt Như Lai đâu.

(Có thuyết cho rằng: Vị Tỳ khuru nào đã xin giữ năm điều của Devadatta thì từ đó về sau luôn luôn không còn gặp Đức Phật nữa).

Chư Tăng lần lượt báo tin lên Đức Bôn Sur: “Bạch Ngài, ông ta tới chỗ kia... chỗ nợ”.

- Ông ta muốn làm gì thì làm, nhưng ông ta không giáp mặt được Như Lai đâu.

Chư Tăng vẫn tiếp tục thông tin: “Ông ta về còn cách đây độ một do tuần... độ nữa do tuần... Bạch Ngài, ông ta đã về đến hồ sen trong Tịnh xá Jetavana”.

- Dầu cho đã về trong vòng chùa Jetavana này, y cũng không giáp mặt được Như Lai đâu.

Các Tỳ khuru khiêng Devadatta về đến hồ sen trong chùa, bèn để giường xuống bên hồ và xuống hồ tắm rửa. Khi ấy, Devadatta tự mình ráng ngồi dậy, định bước xuống giường, vừa đặt chân đứng lên thì ông ta bị đất sụp lún mất hai bàn chân, kéo đến hai mắt cá, rồi hai đầu gối, hai bắp vế, lần tới ngực, cuối cùng khi xương quai hàm của ông nằm ngang mặt đất thì ông gộp hết hơi tàn đọc lên bài kệ tuyệt mạng sau đây:

“Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ,
Devātidevaṃ naradammasārathim;
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhaṇaṃ,
Pāṇehi buddhaṃ saraṇaṃ gatasmīti”.

*“Bằng hơi sót với xương tàn trên đất,
Con quy y cùng Đức Phật tuyệt luân.
Chúa chư Thiên, thầy huấn luyện nhân quần,
Bậc Phổ Nhân, có tướng thuần trăm đức”.*

Tới giai đoạn này, có giả thuyết cho rằng: “Đức Như Lai đã làm lễ cho Devadatta xuất gia Tỳ khưu lại vì Ngài nghĩ rằng: “Nếu không như vậy thì ông ta chỉ là người cư sĩ, không có hy vọng giữ được đức tin Tam Bảo trong ngày vị lai và chịu đựng hậu quả nặng nề của tội ngũ nghịch mà ông đã phạm”.

Khi ông đã được xuất gia lại rồi, thì dù cho nghiệp quả có nặng nề đi nữa, ông vẫn còn giữ được đức tin và nhẫn nại mà chịu đền tội, do đó Đức Bổn Sư đã cho ông xuất gia lại”.

(Về sau khi mãn một trăm ngàn đại kiếp của quả địa cầu, Devadatta ta sẽ đắc quả Bích Chi Phật (Pacceka-buddha), tức là Phật Độc Giác, có hồng danh là Aṭṭhissara.)

Sau khi bị đất rút chôn sống, Devadatta đọa sanh vào địa ngục Vô gián bề rộng một trăm do tuần, thân hình ông ta cũng vươn lên cao một trăm do tuần, đầu của ông ta lọt vào một cái lỗ bằng sắt (ayaka palla) chụp đến vành tai, chân ông ta đứng trên một cái nền cũng bằng sắt lún tới ngang mắt cá, một cây đòn sắt lớn bằng cây thốt nốt từ trong bức tường phía Tây, xĩa ra đâm thẳng vào phía lưng thủng qua tới trước ngực ông ta rồi cắm luôn vào bức tường phía Đông.

Một cây đòn sắt khác, từ bức tường phía Nam xĩa ra đâm thẳng hông bên phải, thấu qua hông bên trái của ông ta, rồi cắm luôn vào bức tường phía Bắc. Lại có một cây đòn sắt khác, từ nơi cái lỗ sắt từ nơi cao đâm thủng xương sọ, thấu qua mình ông ta cắm luôn xuống nền bằng sắt.

Nơi hỏa ngục mà ông phải chịu khổ hình trong tư thế bất động như vậy, khi ấy giữa Tăng chúng, câu hỏi sau đây được nêu lên để làm đề tài cho một cuộc bình luận khác: “Từ phương trời xa xăm, Devadatta được về đến nơi đây mà không được gặp mặt Đức Thế Tôn. Lại còn bị đất chôn sống nữa”. Nghe vậy, Đức Bổn Sư minh định rằng: “Này các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu mà Devadatta đắc tội với Như Lai và bị đất chôn sống đâu, trước kia ông ta cũng có lần bị đất rút như thế rồi”.

Để chứng minh, Đức Bổn Sư nhắc lại câu chuyện đã xảy ra trong một tiền kiếp của Ngài, khi Ngài mang lớp tượng chúa: “Thưở ấy, Ngài chỉ đường cho một kẻ lạc lối, cho hắn trèo cỡi lên lưng Ngài, đưa hắn ra đến nơi an toàn, về sau hắn phải ơn Ngài. Trở lại ba lần, lần đầu để cửa khúc chót cái ngà của Ngài, lần kế cửa khúc giữa của ngà, lần cuối cửa sát tận gốc ngà, làm cho ngài phải đổ máu. Kẻ bội bạc ấy đi khuất tầm mắt Ngài, thì liền bị đất sụp chôn sống ngay”. Dứt chuyện dĩ vãng, Đức Bổn Sư ngâm bài kệ vịnh Bốn Sanh giới đức tượng (sīlavanāga) để vịnh như sau:

“Akataññussa posassa,
Niccaṃ vivaradassino;

Sabbañce paṭhavim dajjā
Neva naṃ abhirādhayeti”.

*“Đối với phùng vong ân phản phúc,
Thường chó khi nước đục thả câu,
Dẫu đem tất cả địa cầu,
Tặng y, y cũng tóm râu chưa vừa”.*

Sau khi nghe hết tích chuyện ấy, chư Tăng vẫn còn bàn luận về vấn đề Devadatta bị đất rút tái đi tái lại mãi. Nhân đó, Đức Bôn Sur thuật lại thêm một Bôn Sanh, trong đó tiền thân Devadatta là vua Kālābura cũng bị đất rút chôn sống vì đắc tội với đạo sĩ Khantivādi, là tiền thân của Ngài. Devadatta còn bị đất rút chôn sống trong một kiếp nữa khi ông ta là vua Mahā Patāpa (Đại Huy Hoàng) đã tạo tội đối với tiền thân của Đức Bôn Sur là Bồ Tát Culladhammapāla. Tích này Đức Bôn Sur cũng có kể cho chư Tăng nghe.

Việc Devadatta bị đất sụp chôn sống làm cho dân chúng ai cũng vui mừng thỏa thích. Họ tự động treo cờ xí hoặc cột lá chuối phát phơ, châm đầy các lu và đổ nước đầy các đồ chứa, đoạn cử hành đại lễ ăn mừng và nói: “Ông ấy chết quả thật là một đại lợi cho nhà ta”.

Khi chư Tỳ khuru đem chuyện này tường trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho rằng: “Này các Tỳ khuru, đây không phải là lần đầu tiên mà dân chúng ăn mừng cái chết của Devadatta, thời dĩ vãng dân chúng của đã thỏa thích về cái chết của ông ta như thế”.

Để chứng minh, Đức Phật thuật lại tiền tích đức vua Piṅgala (Cát Huỳnh) ở thành Bārāṇasī, là một vị vua độc tài chuyên chế, có cặp mắt vàng sậm mà tất cả muôn dân đều ta thán, cho nên ai ai cũng ăn mừng khi được tin nhà vua hung tàn bạo ngược này băng hà và Đức Bôn Sur đọc luôn bài kệ Piṅgala như sau:

“Sabbo jano himsito piṅgalena,
Tasmim mate paccayaṃ vedayanti;
Piyo na te āsi akanhanetto,
Kasmā tvam rodasi dvārapāla.
Na me piyo āsi akanhanetto,
Bhāyāmi paccāgamanāyā tassa;
Ito gato himseyya maccurājam,
So himsito āneyya naṃ puna idhāti”.

*“Triều Cát Huỳnh triều sanh linh đồ thán,
Bạo chúa băng, dân thoát nạn âu ca.
Môn quan ơi! Ngài khóc phải chăng là,
Vì mến tiếc chúa băng hà huỳnh mục.
Ta với hấn không chút tình cốt nhục,
Ta chỉ e hấn bình phục hồi sinh,
Đây hấn đi khủng bố chúa Diêm Đình,
Người sợ họa, hườn hồn linh hấn lại”.*

Cuối cùng, chư Tăng còn bạch hỏi Đức Bôn Sur: “Bạch Ngài! Hiện giờ Devadatta thọ sanh về đâu?”.

- Này các Tỳ khuru! Ông ta hiện ở trong đại địa ngục Vô gián (Avīci).
- Bạch Ngài, lúc sống ông ta than thở nhiều rồi, mà sau khi chết ông ta còn đi thọ sanh vào chỗ cực hình để than thở nữa hay sao?

Để kết luận, Đức Bốn Sư ngâm kệ ngôn Pháp Cú sau đây:

“Idha tappati pecca tappati,
Pāpakārī ubhayattha tappati;
“Pāpaṃ me katan”ti tappati,
Bhiyyo tappati duggatim gatoti”.

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ:

Idha tappati (*Ở đây than*): nghĩa là còn sống trong kiếp hiện tại đây, kẻ ác đã phải ưu bi sầu khổ vì nghiệp (Kammatappati).

Pecca (*Sau khi thác*): là nói sau khi qua cảnh giới khác, kẻ ác cũng còn than thở vì ảnh hưởng của việc làm ác quá khứ. Gọi là than thở vì quả (vipāka tappati) và lại than thở hơn khi bị sa vào ác đạo, để chịu nhiều thứ khổ hình nặng nề ác liệt nữa.

Pāpakārī (*Kẻ làm ác*): là chỉ kẻ đã tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối khác nhau.

Ubhayattha (*Ở hai nơi*): là khi còn sống và sau khi chết như đã giải. (Xem tích đồ tể Cunda).

Pāpaṃ me katan (*Ta đã làm ác*): là khi than thở vì nghiệp, kẻ ác chỉ thở than chút ít thôi, đến lúc than thở vì quả thì kẻ ác lại than thở nhiều hơn chút nữa và đến khi đọa sanh vào khổ cảnh địa ngục thì kẻ ác còn than thở gấp bội, than thở nhiều hơn bao giờ hết, than thở tới mức cùng cực tối đa.

Khi Đức Bốn Sư chấm dứt bài kệ, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.

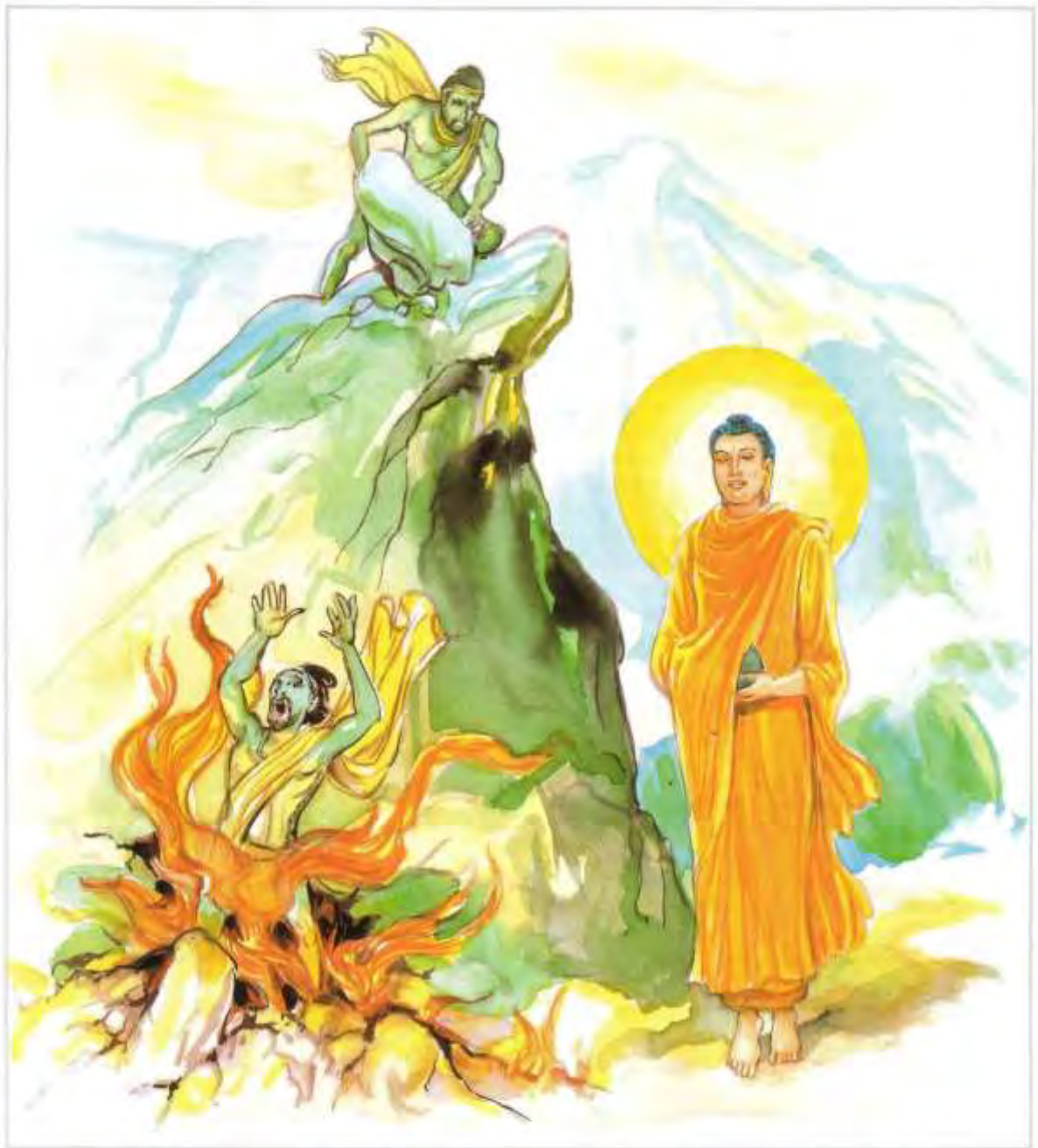


Dịch Giả Cần Đề

*Luật Tạng còn ghi tội rẽ Tăng,
Đề Bà phản Phật bởi tham xằng,
Ba phen ám toán không thành tựu,
Ngàn thưở điều linh khó thượng thắng!
Dương thế đất dây còn sụp lún,
Âm ty sắt đỏ mới cân bằng!
Càng gây oan trái càng thêm hận,
Hy, xả, từ, bi phải sượng chăng?*

DÚT TÍCH DEVADATTA





The evil doer suffers here and hereafter and more so when he is born in realms of woe.

17. Người ác hạnh đau khổ đời này lẫn đời sau và càng đau khổ hơn khi tái sinh vào cõi ác dữ.

I.13- Tích SUMANĀDEVĪ

(*Sumanādevīvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 18)

**“Idha nandati pecca nandati,
Katapuñño ubhayattha nandati;
Puññaṃ me katan”ti nandati,
Bhiyyo nandati sugatiṃ gatoti”.**

***“Sống sướng, chết cũng sướng,
Kẻ thiện hai đời sướng.
Sướng thấy mình làm lành,
Càng sướng khi vãng sanh”.***

Kệ Pháp Cú (18) này, Đức Bôn Sur thuyết tại Đại Tự Jetavana, khi Ngài an trú nơi ấy, trong thành Sāvattihī, đề cập đến nàng Sumanādevī.

Vào thời ấy, trong thành Sāvattihī, mỗi ngày nơi nhà ông Trưởng giả Anāthapiṇḍika đều có hai ngàn vị Tỷ khưu đến thọ thực và nơi nhà của bà tín nữ Visākhā cũng có số chư Tăng đông như vậy.

Các thiện tín khác trong thành Sāvattihī, bất cứ là ai nếu muốn làm phước Trai Tăng đều phải thông qua hai vị ấy hoặc sở cậy đến sự chỉ dẫn của họ. Tại sao vậy? Bởi vì dầu cho thí chủ nào dám chịu tốn kém xuất ra hằng trăm đồng vàng để làm cuộc lễ phước lớn hơn ông Anāthapiṇḍika hay bà Visākhā, thì cũng vẫn chưa vừa lòng chư Tăng, mà còn bị xâm xỉ rằng: “Cuộc phước thí gì đâu ấy?”.

Thật ra, hai vị đại thí chủ nhờ thân cận quen ý chư Tăng nên thành tựu trong việc dâng cúng thực phẩm hạp theo sở thích của các Ngài. Do đó, mọi người khi muốn làm phước cúng dường vật chi đến chư Tăng, đều rủ nhau vị ấy cùng đi.

Chỉ ngặt có một điều là khi họ đi lo việc giúp người khác thì không có ai trông coi hộ Tăng trong nhà của họ. Bà Visākhā nghĩ thầm: “Ta biết chọn ai thay thế cho ta trông coi hộ độ chư Tăng đến đây lấy bát”.

Thấy đứa cháu nội gái, bà lấy làm ưng ý, bèn giao cho cô ta đứng trông nom việc ấy và nơi nhà bà Visākhā đã có cô cháu của bà đảm trách phận sự hộ Tăng đến thọ thực.

Về phần ông Anāthapiṇḍika, ông cũng chỉ định con gái lớn của ông tên là Mahā Subhaddā (Diệu Hiền), thay mặt cho ông, cô này lo phục dịch chư Tăng, nghe kinh thính pháp đắc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến cưới rước đi.

Kể đó, ông Anāthapiṇḍika giao trách nhiệm cho người con gái kế là Culla Subhaddā (Tiểu Diệu Hiền), cô này cũng làm y như cô chị trước, cũng đắc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến rước đi.

Sau cùng, cô con gái út của ông tên là nàng Sumanādevī (Tổ Tâm nương tử), đứng ra thay mặt cho cha mà đảm trách phận sự hộ Tăng, cô nghe pháp đặc quả Tu Đà Hàm, nhưng vẫn ở vậy vì không có người đến xin cưới hỏi. Buồn vì tiếng gái lỡ thời cô bỏ ăn nằm liệt giường và nhẩn cha cô về gặp mặt.

Ông Anāthapiṇḍika đang ở trong trai đường được tin gấp rút của con gái út. Bèn lật đật trở về nhà hỏi con gái:

- Sumanā con! Con đau làm sao vậy?
- Này cậu út, cậu nói chi vậy?
- Sumanā con à! Con nói tầm xàm.
- Chị không nói xàm đâu? Cậu út à.
- Samanā con! Con sợ chết phải không?
- Chi không sợ chết đâu cậu út à.

Nói dứt lời, nàng Sumanādevī làm thỉnh rồi tắt hơi, đi luôn sang cảnh giới khác.

Dầu đã đặc Sơ quả (Tu Đà Hườn), Trưởng giả Anāthapiṇḍika không sao khuây khỏa nổi ưu sầu mến tiếc đứa con gái yêu đã mất. Lo việc hỏa táng thi hài cho con xong, ông vừa khóc vừa đi đến chỗ ngụ của Đức Bôn Sư, thấy ông đến Ngài hỏi:

- Này gia chủ, có việc chi ông đến đây mà còn khóc? Trông ông có vẻ khổ sở sầu bi, mặt đầy nước mắt vậy?

- Bạch Ngài! – Ông đáp – con gái út của con là Sumanādevī vừa mới từ trần.

- Vậy sao ông khóc, ông há chẳng biết rằng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết hay sao?

- Bạch Ngài, con cũng biết lắm, nhưng con gái út của con nó có đầy đủ sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi thế nào ấy. Thế mà nó lại mất trí mê tâm nói bậy, nói xàm trong lúc lâm chung. Đó là điều con hết sức buồn rầu đau khổ.

- Này phú Trưởng giả, chẳng hay con gái ông đã nói những gì?

- Bạch Ngài, khi con hỏi nó: “Này Sumanādevī, con đau làm sao?” thì nó đáp rằng: “Này cậu út, cậu nói chi?”. Con lại bảo nó “Sumanā, con nói xàm”, thì nó đáp lại rằng: “Chị không nói xàm đâu cậu út à”. Con nói “Sumanādevī con sợ chết phải không?”, nó đáp: “Chị không sợ chết đâu cậu út à” rồi nó làm thỉnh tắt hơi đi luôn, không trời trần lời chi nữa hết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này phú Trưởng giả, con gái của ông không nói xàm đâu!”.

- Thế sao nó nói lạ kỳ vậy?

- Này gia chủ, sở dĩ con gái ông nói như vậy là vì kể về đạo quả, thì ông phải là em út nhỏ hơn con gái của ông, quả thật ông chỉ chứng bậc Tu Đà Hườn, con gái ông đã chứng bậc Tư Đà Hàm. Tức là về đạo quả con gái ông lớn hơn ông một bậc.

- Bạch Ngài! Thật vậy sao?

- Quả thật vậy đó gia chủ.

- Thế Bạch Ngài! Bây giờ nó sanh về đâu?

- Này gia chủ, con ông hiện đang ở Đâu Suất Đà Thiên.

- Bạch Ngài, con gái út của con khi còn sống ở gia đình hằng vui vẻ hoan hỷ, nay chết rồi lại sanh về nơi hoan hỷ như thế nữa sao?

Đức Bôn Sư đáp: “Đúng vậy, này gia chủ, kẻ nào không bung lòng (appamattā) đầu còn tại gia hay đã xuất gia đều được hoan hỷ trong kiếp này và luôn kiếp sau như thế cả”.

Nói rồi Ngài ngâm kệ rằng:

“Idha nandati pecca nandati,
Katapuñño ubhayattha nandati;
“Puññaṃ me katan”ti nandati,
Bhiyyo nandati sugatim gatoti”.

*“Kiếp này hoan hỷ bao nhiêu,
Kiếp sau cũng vẫn còn nhiều hỷ hoan.
Nghĩ mình phúc nghiệp vẹn toàn,
Cả trong hai kiếp đều hoan hỷ hoài.
Lại càng hoan hỷ lâu dài,
Khi sanh lên cõi Bồng Lai thiên đường”.*



CHÚ GIẢI:

Chữ **Idha** (nơi đây): nghĩa là trong đời kiếp này thì hoan hỷ với nghiệp hỷ (kammanandana).

Pecca (sau khi chết): nghĩa là trong đời sau thì hoan hỷ với quả hỷ (vipāka nandati).

Katapuñño (kẻ thiện): chỉ người làm việc thiện việc lành việc phước bằng nhiều đường lối khác nhau.

Ubhayattha (hai nơi): khi còn sống ở đời này, hay xét rằng: “Ta chỉ làm việc lành, ta không từng làm việc ác rồi phát tâm hoan hỷ” chết rồi thọ sanh ở cảnh giới khác, cũng nhờ ảnh hưởng quả của nghiệp mà hoan hỷ thêm nữa.

Puññaṃ me (*ta làm lành*): người thiện đang vui vẻ trong kiếp hiện tại là nhờ có ý nghĩ: “Ta đã làm việc lành, sự vui này chưa có bao nhiêu vì chỉ căn cứ trên nghiệp hỷ, càng vui vẻ hơn là khi do quả hỷ mà được siêu sanh về nhàn cảnh”.

Sugatiṃ: Tuổi thọ lâu đến năm trăm bảy mươi sáu triệu năm (*satta paññā savassa koṭiyo satthiṇca vassa sata sahaṣṣāni*), tuổi hưởng phước lộc của chư Thiên nơi cung trời Đâu Suất thì càng hoan hỷ vô cùng tận.



Bài kệ vừa dứt, có nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Con gái mà xưng chị với cha,
Tố Tâm nương tử khéo thay là!
Tiến cung Đâu Suất lên thêm ngọc,
Rời chốn trần lao bỏ kiếp hoa!
Thính pháp bất ngờ lên Nhị quả,
Hộ Tăng đâu tính đạo thiên hà?
Lòng trinh một tấm dầu chưa tỏ,
Trưởng giả cầu ân Phật Thích Ca.*

DỨT TÍCH NÀNG SUMANĀDEVĪ





The doer of good is happy here and hereafter and happier when born in a blissful state.

18. Người thiện hạnh sung sướng đời này lẫn đời sau và càng sung sướng hơn khi tái sinh vào cõi lành.

I.14- Tích HAI VỊ TỖ KHUỒ BẠN

(*Dvesahāyakabhikkhuvatthu*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 19-20)

“Bahumpi ce sahitam bhāsamāno,
Na takkaro hoti naro pamatto;
Gopo’va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ,
Na bhāgavā sāmāññaṃ hoti”.

“Appampi ce sahitam bhāsamāno,
Dhammassa hoti anudhammacārī;
Rāgañca dosañca pahāyamohaṃ,
Sammappajāno suvimuttacitto;
Anupādiyāno idha vā huraṃ vā,
Sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti”.

*“Kính nhiều năng thuyết tụng,
Pháp không hành, phóng túng;
Như giữ đẽm bò người,
Chẳng hưởng Sa môn dụng”.*

*“Kính nhiều ít thuyết tụng,
Chánh pháp hành trì đúng,
Trí minh, tâm giải phóng,
Tất hưởng Sa môn dụng”.*

Kê Pháp Cú này (19 – 20), Đức Bôn Sur thuyết ra khi ngự tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến hai người bạn cùng xuất gia một lượt.

Thời ấy, ở thành Sāvattthī, có hai vị công tử kết bạn với nhau, sau khi đi chùa nghe Đức Bôn Sur thuyết pháp, họ bèn từ bỏ ngũ trần dục lạc cùng nhau quy ngưỡng giáo lý của Đức Thầy rồi xuất gia luôn.

Khi mãn thời hạn năm năm nương nhờ các vị Cao Tăng, Đại đức (A Xà Lê và Trưởng lão). Hai bạn Tỷ khuru cùng đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch hỏi về pháp chủ yếu của bậc xuất gia.

Nge Đức Thế Tôn giảng giải rành mạch về Pháp hành (Vipassanā dhura) và Pháp học (Gantha dhura), một vị nói:

- Bạch Ngài! Con vì lớn tuổi mới xuất gia, chắc không kham kiện toàn Pháp học, nhưng Pháp hành thì con có thể thành tựu viên mãn.

Thế rồi vị ấy xin Đức Bôn Sur chỉ dạy cách hành thiền, gia công gắng sức tu tập, nên đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Còn vị kia lại bạch rằng: “Bạch Ngài, con sẽ thành tựu được Pháp học”. Sau khi lần lượt học hết Phật ngôn, thông suốt Tam Tạng vị này đi đến đâu cũng đem sở học của mình ra mà thuyết pháp giảng đạo, chú giải kinh điển, thu phục được năm trăm Tỷ khuru đệ tử và trở thành vị Pháp sư, cầm đầu mười tám đoàn Tăng lữ đông đảo.

Nhiều Tỷ khuru, sau khi thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bôn Sur, cùng nhau đến đạo tràng của vị Thiền sư nói trên đề mong nương nhờ hành đạo. Nhờ hết lòng vâng giữ hành theo những huấn từ của vị thầy chỉ dẫn (ācāriya), tất cả đều đắc quả A La Hán. Sau đó, chư Tăng đến đánh lễ vị Thiền sư và bạch: “Bạch Ngài, chúng tôi muốn đến yết kiến Đức Bôn Sur”. Vị Thiền sư tiễn biệt chư Tăng và dặn rằng: “Chư hiền hữu cứ đi đi và cho ta kính lời đánh lễ Đức Bôn Sur và tám mươi vị Đại Thánh Văn và hãy nhân danh ta mà vấn an Đại đức Pháp Sư bạn ta giùm một chút”.

- Các Tỳ khuru về đến Tịnh xá vào đánh lễ Đức Bôn Sur và tám mươi vị Đại Thánh Văn đệ tử Phật, xong rồi liền đi tìm Đại đức chuyên về Pháp học và bạch rằng: “Bạch Ngài! Thầy chỉ dẫn của chúng con có lời đánh lễ Ngài”.

Vị Pháp sư hỏi: “Thầy của các ông là ai?”.

- Bạch Ngài! Đó là vị Tỳ khuru bạn của Ngài.

Mấy lần đầu, khi nhận được tin của vị Tỳ khuru bạn cũ nhắn thăm như thế thì vị Pháp sư còn nhắn lại được. Nhưng về sau hết tốp này đến tốp kia, những đệ tử của vị Thiên sư cứ đem tin về mãi, khiến cho vị Pháp sư không dẫn tâm ngã mạn được mỗi khi nghe chư Tỳ khuru bạch đi bạch lại rằng: “Thầy của chúng con kính lời đánh lễ Ngài”.

Vị Pháp sư hỏi: “Thầy của các ông là ai?”.

- Bạch Ngài! Đó là vị Đại đức bạn cũ của Ngài.

Nghe đáp như vậy vị Pháp sư cất vấn các đệ tử của bạn mình rằng: “Các ông đã học được những gì nơi thầy của các ông, có học được bộ nào trong các kinh, nhất là Trường Bộ Kinh không? Có được Tạng nào trong tam tạng chưa?...”.

Rồi vị Pháp sư tự nói thầm: “Ông sư này chẳng thuộc nổi bài kệ Tứ cú nào mà cũng dám làm thầy dạy người ta. Vừa xuất gia ông ta liền thọ pháp Đầu đà, mặc y phấn tảo, ngự luôn trong rừng, quy tụ cho thật nhiều đệ tử, để khi ông về giáp mặt ta sẽ chất vấn ông ta vài câu mới được”.

Sau đó, một thời gian vị Thiên sư trở về để bái yết Đức Bôn Sur, có ghé qua gọi y bát của mình nơi vị Pháp sư bạn cũ.

Sau khi đánh lễ, thỉnh an Đức Bôn Sur và tám mươi vị đại Trưởng lão, Thiên sư trở về chỗ ngụ của Pháp sư. Đại đức này chào đón bạn của mình đúng theo phép của vị trụ trì đối với khách Tăng, xong rồi mới ngồi ngang hàng, trong bụng tính thầm: “Ta sẽ chất vấn ông sư này mới được”.

Trong khi ấy, Đức Bôn Sur biết rõ tâm lý của vị trụ trì Pháp sư, Ngài nghĩ rằng: “Nếu để Tỳ khuru này làm khổ con Như Lai như thế, thì ông ta sẽ sa địa ngục”.

Động lòng bi mẫn, muốn ra tay tế độ, Đức Thế Tôn làm như đi quan sát quanh ngôi Tịnh xá rồi ngự ngay đến nơi chỗ hai Tỳ khuru bạn đang ngồi đàm đạo, Ngài ngự lên Phật Bảo tọa đã được dành soạn sẵn.

(Chư Tăng giữ lệ: Thường thường trước khi ngồi luận đạo bất cứ nơi đâu cũng phải dọn sẵn một Bảo tọa để dành phòng khi Đức Phật ngự đến thỉnh linh. Vì thế, Đức Bôn Sur đến là ngự ngay lên Phật Bảo tọa đã dọn sẵn).

Khi an tọa, Đức Bôn Sur bèn hỏi vị Tỳ khuru chuyên về Pháp học (Ganthika bhikkhu) một câu hỏi về Sơ thiên (Pathamajjhāna) vị Pháp Sư chịu bí không trả lời được (Tasmiṃ akathite). Đức Bôn Sur lần lượt hỏi tiếp về các pháp siêu nhân (Uttarimanussa dhamma) khác, từ Nhị thiên lên cao đến Bát thiên, từ thiên Hữu sắc đến thiên Vô sắc.

Vị Đại đức chuyên về Pháp học chịu phép bí luôn không đáp được câu nào cả (Ganthikattheropi ekampi kāthetum nāsakkhi).

Kế đó, Đức Bôn Sur lại chất vấn về Tu Đà Hườn đạo vị Pháp sư cũng không đáp được. Đức Bôn Sur quay qua hỏi vị Đại đức Lậu Tận, Đại đức giải đáp trôi chảy hết.

Đức Bôn Sur hết sức hoan hỷ, tán dương rằng: “Lành thay! Lành thay!”. Đoạn Ngài hỏi tiếp về Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo.

Vị Đại đức Pháp sư không trả lời được câu nào cả, còn vị Đại đức A La Hán thì mỗi câu mỗi trả lời một cách rành mạch.

Cứ mỗi lần vị Thiên sư đáp trúng thì Đức Bôn Sur lại hoan hỷ tán dương: “Sādhū! Lành thay!” và tất cả chư Thiên, từ quả địa cầu cho đến cõi Đại Phạm Thiên, luôn cả Long Vương và Kim Sí Điều (suppanna) đều đồng thanh hoan hô vang dậy: “Lành thay! Lành thay!”.

Đức Bôn Sur khen vị Thiên sư bốn lượt như vậy, sau khi nghe tiếng “Sādhū! Lành thay!” lần cuối cùng, nhóm thị giả và đệ tử của vị Pháp sư đều bất bình, than phiền trách móc rằng: “Tại sao Đức Bôn Sur lại làm như vậy, vị Đại đức già dốt kia có biết chi đâu mà Đức Bôn Sur Ngài lại quá khen lão sādhu đến bốn lượt như thế. Còn vị Pháp sư là thầy của chúng ta đã thuộc nằm lòng tất cả Phật ngôn trong Tam Tạng lại là vị Tăng trưởng của năm trăm Tỷ khuru thì Ngài chẳng tán thưởng lần nào cả”.

Nghe chư Tăng đang xầm xì to nhỏ, Đức Bôn Sur quay lại hỏi rằng: “Này các Tỷ khuru! Các ông đang nói chi đó vậy”, nghe chư Tăng đáp xong Đức Bôn Sur dạy rằng: “Này các Tỷ khuru! Giáo sư của các ông đang ở trong Giáo pháp của Như Lai chẳng khác nào mục đồng chăn giữ bò cái cho người, còn con của Như Lai thì giống như chủ đàn bò, có thể tùy thích thọ dụng năm thứ phẩm vị của bò (pañcagorasa)”.

Nói xong, Đức Thế Tôn ngâm hai bài kệ dưới đây:

“Bahumpi ce sahitam bhāsamāno,
Na takkaro hoti naro pamatto;
Gopo’va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ,
Na bhāgavā sāmāññaṃ hoti”.

“Appampi ce sahitam bhāsamāno,
Dhammassa hoti anudhammacārī;
Rāgañca dosaṇca pahāyamohaṃ,
Sammappajāno suvimuttacitto;
Anupādiyāno idha vā huraṃ vā,
Sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti”.

*“Tụng kinh thuyết pháp thường thường,
Mà lòng khinh xuất chẳng nường Pháp hành.
Người còn dính mắc lợi danh,
Không chi hưởng được quả lành Sa môn.
Khác nào mục tử cô thôn,
Vì người chuyên có một môn đếm bò”.*

“Kinh dù tụng chẳng mấy pho,

*Nhưng y giáo pháp dẫn đo hành trì.
Diệt trừ tham với sân, si,
Hiểu biết chân chánh tâm ly dục trần.
Đời này đời nữa không cần,
Ắt là hưởng được phước phần Sa môn”.*



CHÚ GIẢI:

Chữ ***Sahitaṃ*** trong hai bài kệ trên đây chỉ những Phật ngôn ghi chép trong Tam Tạng kinh điển Pāli (Tipiṭaka). Tỳ khưu theo lời thầy A Xà Lê (ācāriya) học hiểu rành rẽ rồi đem ra thuyết giảng đọc tụng cho người khác nghe. Dầu cho có thuyết giảng thật nhiều mà người không vâng giữ hành theo những lời chỉ dạy của Đức Phật thì đến ngày vô thường (aniccā divasa) trong khoảng khắc ngắn ngủi bằng con gà trống vỗ cánh, người ấy cũng không sao giữ được bình tĩnh sáng suốt để tránh khỏi bị sa đọa.

Bao giờ cũng vậy, kẻ chăn bò cái mướn, đến hết ngày thì lừa gom bò, đếm cho đủ số giao lại cho chủ rồi nhận lãnh chút ít tiền công, chứ không được tùy thích thọ hưởng năm thứ phẩm vị của bò cái (sữa tươi, sữa chua, lạc, sanh tô, đề hồ). Cũng y như thế vị Pháp sư năng thuyết bất năng hành cùng với toàn thể nhóm Tỳ khưu đệ tử của mình chia nhau làm công việc lớn nhỏ, rồi chia nhau hưởng lợi lộc vật chất (mà Đức Phật cho là không cần yếu) chớ không được chia hưởng phần phước cao quý của bậc Sa môn đặc đạo quả.

Trái lại, người chủ bò, bao giờ cũng có thể tùy theo sở thích, thọ dụng năm thứ phẩm vị của bầy bò mà kẻ chăn giữ đem về giao lại cho mình.

Cũng y như thế, người nghe thuyết pháp rồi, ráng vâng giữ hành theo cho đúng đắn, lần lượt chứng nhập từ các bậc thiền từ Sơ thiền trở lên, hoặc là tăng tiến pháp hành Minh Sát chứng đắc đạo quả tức là được chia hưởng phần phước cao quý của quả vị Sa môn, như người chủ bò được hưởng năm thứ vị của bò cái vậy.

Trong bài kệ đầu, Đức Bôn Sư không nói động đến người phá giới (dussīla), Ngài chỉ đề cập đến vị Tỳ khưu giới đức (Sīlasampanna), quảng kiến, đa văn (bahussuta), nhưng có tánh dễ duôi khinh suất (pamāda) đến ngày vô thường còn giữ được tâm trí bình thản nên không bị sa đọa.

Kệ thứ nhì: Đề cập đến người đầu không nghe nhiều, học rộng, nhưng rất cẩn thận, luôn luôn lưu ý đến nghiệp mình đang làm.

Trong kệ này, *appampi ce* đề cập đến người, dầu cho chỉ biết chút ít, như chừng một hai phẩm kinh chi đó, mà thôi.

Dhammassa anudhammacārī (Chánh pháp trì hành đúng), để rõ được nghĩa kinh, thông được lý pháp, Tỳ khưu hành trì các pháp thích nghi đưa đến pháp siêu Thế (Nava lokuttara dhamma), gọi là giai đoạn đầu của con đường tu (pubba bhāga paṭipadā), gồm có Tứ thanh tịnh giới: Thu thúc giới bôn, quán tưởng, chánh mạng, hạnh đầu đà: mười ba Pháp đầu đà, nhất là mặc y phần tảo, đi bát mà ăn, ngụ ở trong rừng... Thiền quán bất tịnh (mười đề mục tứ thi). Như thế mới là người hành theo chánh pháp (anudhammacārī).

Ví như hôm nay hoặc hôm nào chẳng hạn vị ấy nguyện giải nghĩa lý thâm sâu vi diệu của Phật ngôn và bắt đầu hành đạo theo chánh pháp, nhờ sự thực hành đúng đắn, từ bỏ tham, sân, si làm cái nhân chân thật vị ấy giác ngộ chứng pháp cần giác ngộ, tẩy sạch mọi thứ phiền não ngủ ngầm trong tâm do theo năm lỗi: là do Minh sát tuệ (vikkhambhana), do Thánh đạo (samuccheda), do Thánh quả (paṭi passaddhi), do nhập Níp Bàn tức là được giải thoát (nissaddhi), do nhập Níp Bàn tức là được giải thoát (nissaraṇa).

Anupādiyāno idha vā huraṃ vā (không chấp đây hoặc kia là) nghĩa là không chấp trước ngoại cảnh hay nội tâm (ajjhata bāhirā), không chấp trước các uẩn, căn và chất (khandhāyatanadhātu), không chấp bốn cái thủ (cố chấp trong ngũ trần, kiến thức, giới cấm thủ, bản ngã), nhờ đó mà hành giả chứng được bậc Đại Lưu Tận (Mahā khīṇāsava) đạt đến con đường có tên là Sa môn đạo, để đắc Sa môn quả là như thế, tức là chia hưởng được phần phước của Sa môn, thọ dụng năm môn của bậc Vô học (asekkha dhammakkhanda) như là ngôi nhà được coi lên một cái gác nhón (ratanakūṭa), bậc hành giả chơn chánh, nhờ nghe thuyết pháp rồi ráng vâng giữ hành theo mà đạt đến quả vị tối cao là A La Hán vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

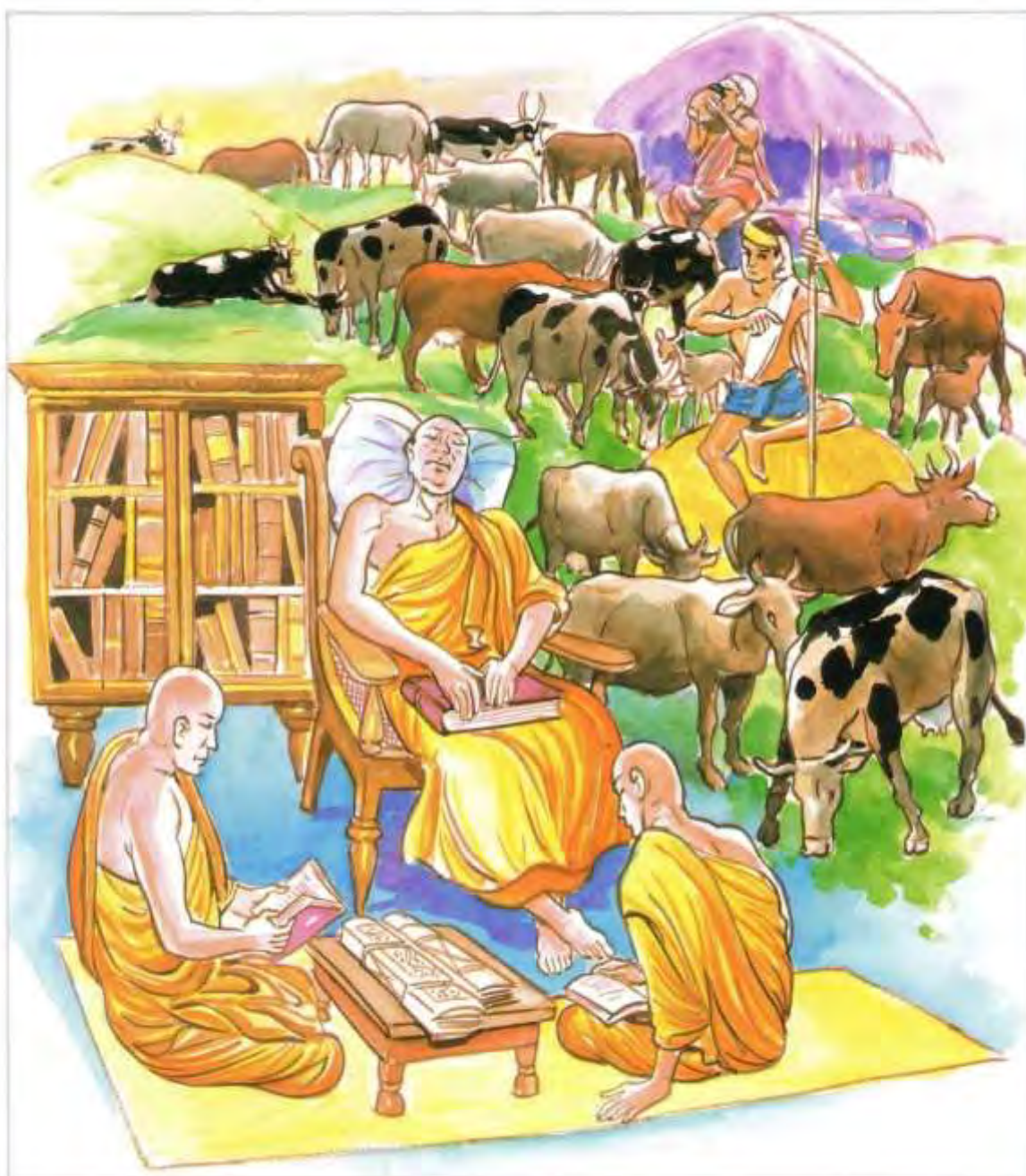
*Học để độ người chẳng độ mình,
Cậy tài hoạt bát trí thông minh.
Muốn ai cũng biết qua nhiều pháp,
Cười kẻ không rành, thuộc ít kinh.
Tham dục còn, thì chưa bắt tử,
Sân si hết, mới thật vô sinh.
Thuyết hay, hay thuyết, đều vô bổ,
Nếu chẳng kèm thêm chút Pháp hành!
Pháp học không kham giữ Pháp hành,
Cần tu hạnh đắc quả vô sanh.
Người hay cứ thuyết cho nhiều pháp,
Ta dở cam đành thuộc ít kinh,
Phiền não thanh yên, còn giác tuệ,
Sân si giữ sạch, hết vô minh.
Trần ai, ai biết ta cũng chẳng,
Muốn độ tha nhân, trước độ mình.*

DỨT TÍCH HAI VỊ TỶ KHUÙ BẠN



DỨT PHẨM SONG YẾU





Reciting Dhamma, without practice of it, is fruitless like a cowherd's count of another's cattle.

19. Tụng kinh! Nhưng không hành pháp sẽ không có kết quả, giống như kẻ chăn bò của người khác.



Practice of Dhamma, with less of recital, totally unattached, qualifies one for recluseship.

20. Hành pháp, ít tụng kinh, tâm ly tham vô chấp thủ, tức là có khả năng sống đời sa-môn.

II. PHẨM CHUYỀN NIỆM

(*APPAMĀDA VAGGA*)

- 12 bài kệ: Pháp Cú số 21-30

- 09 tích truyện



II.1- Tích HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

(*Sāmāvatī vatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú 21-22-23)

“Appamādo amatam padaṃ,
Pamādo maccuno padaṃ;
Appamattā na mīyanti,
Ye pamattā yathā matā”.

“Etaṃ visesato ñatvā,
Appamādamhi paṇḍitā;
Appamāde pamodanti,
Ariyānaṃ gocare ratā”.

“Te jhāyino sātatikā,
Niccaṃ dalhaparakkamā;
Phusanti dhīrā nibhānaṃ,
Yogaḁkhemamnuttaranti”.

“Chuyên cần đường bất tử,
Giải đãi lộ tiêu vong;
Người chuyên cầu chẳng chết,
Kẻ biếng sống như không”.

“Nhờ tri giác như thế,
Bậc trí chẳng buông lung;
Hoan hỷ chuyên cần mãi,
Tôi, Thánh được thung dung”

“Người chuyên cầu thiền định,
Hằng tinh tấn dụng công;
Bậc trí thoát triển phục,
Chứng Níp Bàn vô song”.

Những kệ ngôn Pháp Cú (21-22-23) này được Đức Thế Tôn đã thuyết pháp khi Ngài an ngự tại Ghositārāma (Lôi Âm Tự), gần thành Kosambi, đề cập đến cái chết của Hoàng hậu Sāmāvatī cùng năm trăm phi tần của cô và cái chết của Thứ hậu Māgandiyā luôn cả năm trăm cung nữ, quyến thuộc của nàng.

Đầu đuôi câu chuyện như sau:

Trong thời quá khứ, nơi quốc lộ Allakappa (An Lạc Kiếp), có Allakappa Quốc vương và nơi quốc độ Vettḥadīpaka (Bệ Tha Đảo), có Vettḥadīpaka Quốc vương. Hai nhà vua là đôi bạn thâm giao. Hai người kết nghĩa kim bằng từ thời thơ ấu, đã từng sống chung, học tập nghề văn nghiệp võ với một ông thầy. Khi phụ vương của mỗi vị băng hà, ai về nước nấy để nối ngôi thiên tử, thống lãnh giang sơn tiểu quốc (Dasadasayojanika ratṭha). Tuy nhiên, hai vị tân vương thỉnh thoảng vẫn còn tương hội, cùng sánh vai nhau đi đứng, nằm ngồi.

Một hôm luận đàm thế sự, nhìn thấy dân gian lớp mới sanh, lớp đã già, đều đi lần đến cõi chết, hai bạn tri kỷ đồng than: “Hỡi ơi! Huỳnh tiên di lộ, bất đắc tương tùy, hơi thở dứt đi thì thân này cũng bỏ, cơ đồ sự nghiệp, quyến thuộc gia đình... chung quy cũng là ảo mộng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia tu hành cho rảnh”.

Phán rồi, hai nhà vua cả quyết phú thác sơn hà xã tắc lại cho thê nhi, cùng nhau xuất gia đạo sĩ vào ẩn cư trong miền Tuyết Lãnh (Himavanta).

Ở chung nơi đây, hai bạn đạo bảo nhau rằng: “Chúng ta bỏ vương quyền đế vị là hy cần đắc đạo, nhập thánh siêu phàm, chẳng lẽ không tự túc cánh sinh, nếu ta còn lưu luyến chung cư thì có khác nào lúc xưa ta còn ở thế? Thôi ta nên ở riêng mỗi người một phía, bạn ở núi kia tôi ở núi này, mỗi kỳ nửa tháng, đến ngày Phát lồ (sám hối) ta sẽ hội họp một lần nữa mà thôi”.

Hai đạo sĩ lại đồng ý thêm rằng: “Như thế ta cũng còn mong mỗi đến ngày tương hội, tốt hơn hết là đến ngày ấy, bạn nổi lửa bên núi bạn, tôi nổi lửa bên núi tôi. Bằng cách ấy, ta thông tin nhau biết là mình còn sống”.

Thế rồi, hai đạo sĩ chia tay, giữ đúng lời giao ước. Một thời gian sau, đạo sĩ Veṭṭhadīpaka chết, thọ sanh làm một vị Thiên vương có nhiều thần lực.

Đến kỳ Phát lồ nửa tháng, không thấy khói lửa phía núi bên kia vị đạo sĩ còn sống biết rằng: “Bạn ta đã mãn phần”.

Còn vị thiên, sau khi hóa sanh, ngẫm xem thân hình đổi mới, cao sang lồng lẩy, bèn tìm hiểu duyên nghiệp đã làm cho được quả phước hiện tại, thì được biết rằng: Do nhờ ta xuất gia tu hành. Rồi vị ấy tính thầm: “Ta hãy xuống thăm bạn ta coi nào?”.

Liên đó, xóa bỏ hình dáng chư Thiên vị ấy biến thành một khách lữ hành, đến đánh lễ vị đạo sĩ và đứng qua một bên.

Thấy người lạ, đạo sĩ hỏi:

- Đạo hữu ở đâu lại đây?
- Bạch Ngài! Tôi là khách lữ hành ở tận một phương xa, bạch Ngài cho phép tôi hỏi thăm: Nơi đây có ai khác nữa ở chung với Ngài không?
- Có, ta có một người bạn.
- Ngài ấy ở đâu?
- Vị ấy ở núi bên kia, hôm nay đến kỳ Phát lồ mà sao không thấy nổi lửa, có lẽ vị ấy chết rồi chăng?
- Bạch Ngài, đúng vậy.
- Đạo hữu biết chắc ư?
- Bạch Ngài vị ấy chính là tôi đây.
- Đạo hữu sanh về cảnh giới nào?
- Tôi sanh lên cõi trời, làm vị Thiên vương có nhiều thần lực, nay vì muốn thăm bạn cũ, nên trở xuống đây. Bạch Ngài! Nơi đây Ngài có gặp điều chi trở ngại, khó khăn phiền phức không?
- Thừa đạo hữu, có. Tôi bị mấy con voi thường đến quấy phá.
- Bạch Ngài, chẳng hay mấy con voi ấy quấy nhiễu Ngài bằng cách nào?

- Đàn voi đến phóng uế trên sân, chỗ tôi đã quét sạch sẽ và dậm chân quần thảo làm cho bụi bay lên tứ tung, tôi phải mất công hốt phân voi và đổ đất lấp các lỗ chân voi.

- Chắc Ngài muốn đàn voi đừng trở lại nữa?

- Phải đó, đạo hữu.

- Vậy thì để tôi chỉ Ngài cách này làm cho bọn chúng sẽ từ biệt nơi đây.

Nói rồi, Thiên vương tặng cho đạo sĩ cây đàn thần ba dây và dạy cho đạo sĩ niệm chú để sai khiến loài voi. Lần lượt chỉ vào ba dây đàn, Thiên vương giảng:

- Khi nào Ngài khảy dây đàn này và niệm chú này thì đàn voi chạy thẳng một mạch, không thể quay đầu nhìn lại phía sau. Còn khi nào Ngài khảy dây đàn này và niệm câu chú này, thì đàn voi “phản tiền vi hậu”, quay đầu lại vừa chạy vừa nhìn về phía Ngài. Còn nếu Ngài khảy dây đàn này và niệm câu thần chú này thì con Tượng chúa lập tức chạy đến đưa lưng cho Ngài cỡi.

Đoạn Thiên vương đánh lễ đạo sĩ và cáo từ lui gót.

Nhờ phép niệm chú và khảy đàn rất linh nghiệm, khiến cho đàn voi chạy lảng xa hết, đạo sĩ từ đó mới được nhận sự nhàn lạc tịnh cư nơi miền sơn dã.

Đồng thời với đạo sĩ, có đức vua ngự, hiệu là Parantapa (Phổ Chiếu), đóng đô tại thành Kosambi.

Một hôm nhân buổi chiều hè nóng bức, quốc vương cùng Chánh hậu đang hoài thai ra khỏi hoàng cung, ngự tọa trên sân thượng lộ thiên của tòa biệt điện.

Hoàng hậu được đức vua khoác trên mình chiếc long bào triều phục bằng gấm đỏ trị giá bằng mười vạn đồng vàng, trong khi ấu yếm chuyen trò, đức vua lại cỡi chiếc nhẫn ngọc ẩn trị giá cũng mười vạn đồng vàng nơi tay Ngài mà lòng qua ngón tay của Hoàng hậu.

Tình cờ khi ấy, trên không có con chim đại bàng (hatthilingasakuna) từ xa bay đến, trông thấy Hoàng hậu mặc chiếc hồng bào, nó tưởng là đồng thịt đỏ tươi, nên xếp đôi cánh lại lao mình xuống nhanh như cắt, phát ra tiếng gió ào ào nghe đến lạnh mình. Đức vua kinh hãi đứng dậy, chạy ngay xuống lầu. Hoàng hậu cũng hốt hoảng hoang mang, nhưng vì đang lúc hoài thai nên không thể lanh chân tẩu thoát kịp. Vì thế đại bàng điều xót được Hoàng hậu, kẹp cứng trong móng vuốt của nó, rồi vỗ cánh bay lên.

Theo lời xưa kể lại, giống đại bàng này là một giống kên kên (Thốc thú) có mỏ dài như vòi voi, có sức mạnh tha mỗi bằng năm con tượng, cho nên khi sót mỗi rồi là nó bay đi, tùy thích đáp xuống mà ăn thịt. Đang lúc bị chim đại bàng tha bay lên không, Hoàng hậu phập phồng sợ chết, tự nghĩ thầm rằng: “Giống thú hay sợ tiếng người, nếu ta kêu la, nó nghe tiếng ta, ắt là buông bỏ ta rơi xuống đất, như thế ta cùng thai nhi cũng đều vong mạng. Chi bằng chờ khi nó đậu chỗ nào, sắp sửa ăn thịt ta, chừng ấy ta sẽ cất tiếng la to để xua đuổi nó”.

Nhờ thông minh tinh trí, nghĩ ra diệu kế, Hoàng hậu nhẫn nại làm thỉnh.

Nơi miền Tuyết Sơn, có một cây đa rất to lớn, mọc lên đã lâu đời, thân cây sừng sững giữa trời, tàn nhánh tròn xoe, sum suê mát mẻ, chim đại bàng vẫn thường sớt tha thú rừng đem về gác trên cây đa cổ thụ mà ăn. Cho nên hôm ấy nó cũng tha Hoàng hậu Parantapa về đậu trên cháng hai ấy và đưa mắt quan sát con đường về. Theo tục truyền giống chim này có thói quen là luôn luôn quan sát con đường về như thế.

Ngay khi ấy, Hoàng hậu tính rằng: “Bây giờ là lúc ta phải xua đuổi nó đây”.

Duổi hai cánh tay ra, Hoàng hậu vừa vỗ tay vừa la lớn tiếng, đuổi được con chim đại bàng bay mất.

Chiều tàn, bóng ô vừa khuất, Hoàng hậu bỗng nghe thai nhi chuyển động. Bầu trời lúc bấy giờ lại vẫn vũ mây đen, tứ bề chớp giăng sấm nổ.

Thảm thay cho một trang quốc mẫu, lá ngọc cành vàng.

*“Rừng khuya tân khổ cơ hàn
Ai người bậu bạn trấn an cho mình”.*

Đến khi đêm tàn mưa tạnh vừa hồng ló dạng trời đông, Hoàng hậu xỏ lòng sanh được một hoàng nam. Để kỷ niệm bầu trời quang đăng với mặt nhật đang lên, báo hiệu một ngày tươi sáng. Hoàng hậu Parantapa đặt tên con là Udena (Cao Thắng). Chỗ Hoàng hậu thọ nạn, cách chỗ ngụ của đạo sĩ Allakappa không bao xa.

Thói thường trong những ngày mưa, đạo sĩ sợ cảm hàn không dám vào rừng hái trái cây, đạo sĩ chỉ đi đến dưới gốc cây đa cổ thụ, chờ đại bàng điểu ăn xong thì hót mót xương thừa, thịt vụn, đem về giã nát ra, cho thêm gia vị nấu thành nước canh mà húp.

Sáng hôm ấy, đạo sĩ cũng tính thầm: “Ta đi lượm mót xương”, đến gốc cây đa, đạo sĩ còn đang nhặt xương gom lại, bỗng nghe tiếng khóc của trẻ thơ ở phía trên cây.

Đạo sĩ ngược mắt nhìn lên, thấy Hoàng hậu ẵm con, bèn hỏi rằng:

- Nàng là giống chi?
- Thừa thiếp bị đại bàng điểu xớt tha về đây.
- Nàng muốn xuống đất không?
- Thừa muốn! Nhưng thiếp e giữa thiếp với người có chỗ cách biệt về dòng dõi không?
- Nàng thuộc về giai cấp nào?
- Thừa thiếp thuộc dòng Sát Đế Ly (Khattiya).
- Bần đạo cũng dòng Sát Đế Ly.
- Thế thì xin Ngài hãy kể những kiến thức đặc biệt của dòng Sát Đế Ly thử coi.

Nghe đạo sĩ kể đúng rồi, Hoàng hậu hết nghi nan, bèn yêu cầu: “Xin Ngài trèo lên ẵm ấu tử giùm cho tiện thiếp”.

Đạo sĩ lập cách mở một lối lên đến cháng cây đa, đoạn trèo lên để bồng ấu tử và dặn rằng: “Nàng khá thủ lễ, chớ đụng tay vào mình bần đạo không nên”.

Hoàng hậu y lời, khi trao hài nhi qua cho đạo sĩ ẵm xuống giữ gìn không cho đụng chạm, rồi Hoàng hậu cũng xuống theo luôn.

Đạo sĩ bồng ấu tử trở về tới thảo am, ra tay tế độ nuôi nấng nhưng dè dặt chẳng cho đứt giới người tu, đạo sĩ vào rừng kiếm mật ong nguyên chất và nước trái thốt nốt, đem về nấu cháo lỏng cho ấu tử bú.

Thấy đạo sĩ chăm non dưỡng dục con mình mà còn gìn giữ tư cách, Hoàng hậu buồn thân tội phạm nói thầm rằng: “Như ta nay đường đi chẳng biết, nẻo về cũng không hay, ở lại thì đạo sĩ đối với nữ nhân bơ phờ lạnh nhạt, không chút cảm tình. Nếu rủi bị ông ấy bỏ rơi thì mẹ con ta biết sẽ lưu lạc về đâu? Chắc chắn cả hai đều phải chết, ta phải làm sao cho đạo sĩ phá bỏ giới hạnh, chớ đừng bỏ rơi hai mẹ con ta”.

Nghĩ vậy, Hoàng hậu bắt đầu ăn vận rách rưới lang thang, dùng chất liệu bò nhuộc chất mà lung lạc tâm kẻ tu hành. Đạo sĩ rút cuộc phải xiêu lòng. Từ đó nam nữ sống chung thuận hòa hợp êm ấm.

Tháng ngày qua... Một hôm đạo sĩ nhìn xem thiên tượng, thấy khí số của vua Parantapa đã hết, bèn kêu vợ bảo rằng:

- Này hiền nội, đức vua Parantapa trong thành Kosambi đã băng hà rồi.
- Sao phu quân nói vậy, đức vua với phu quân có thù nghịch chi chẳng?
- Không đâu! Này hiền nội, ta nhìn xem thiên tượng thấy sao ứng ra điều ấy, nên nói như thế.

Hoàng hậu sụt sùi đổ lệ.

Đạo sĩ hỏi:

- Sao nàng lại khóc.

Khi được biết vua Parantapa là chồng cũ của vợ mình, đạo sĩ an ủi: “Thôi hiền nội đừng nên bị lụy, ở đời hễ có sanh là có tử, đó là lẽ đương nhiên”.

- Thừa phu quân, thiếp cũng biết như vậy.
- Thế sao nàng lại khóc?
- Vì con trai của thiếp là đông cung Thái tử, có quyền kế vị ngai vàng, đáng lẽ hưởng được phú quý vinh hoa tột bậc thế mà Thái tử bây giờ phải chịu làm kẻ thường dân, cho nên thiếp tủi buồn cho thân con mà lưu lệ đó phu quân!
- Hiền nội cứ an tâm, đừng lo rầu nữa, nếu Thái tử muốn hồi trào để thừa hưởng được phú quý vinh hoa tột bậc thì ta có cách giúp cho Thái tử thành toàn ý nguyện chẳng sai.

Hoàng hậu mừng rỡ đáp: “Thừa phu quân, nếu được vậy thì còn chi quý bằng”.

- Được rồi, hiền nội.

Tiếp theo lời hứa, đạo sĩ lấy cây đàn thần ba dây ra trao cho Thái tử và truyền dạy ba câu mật chú điều khiển loài voi.

Hồi ấy vẫn có vô số tượng rừng ra vào gần đây, tập trung quanh các gốc cây to kẻ hơn trăm ngàn thớt. Đạo sĩ liền dặn Thái tử rằng: “Lúc đàn voi chưa đến, con phải

trèo lên ngai trước trên cây cao. Hễ thấy chúng nó đến thì con niệm câu chú này và khảy dây đàn này, tất nhiên cả đàn voi sẽ quay đầu lại chạy thẳng một mạch không dám liếc nhìn lại phía sau. Chờ cả đàn voi qua hết, con hãy tuột xuống mà về”.

Thái tử vâng lời dưỡng phụ, một mình vào rừng thí nghiệm phép linh, xong rồi trở về thảo am thuật lại chuyện.

Qua ngày thứ hai, đạo sĩ lại dạy thêm Thái tử:

“Bữa nay con niệm câu chú này và khảy sợi dây đàn này, đàn voi sẽ phản tiến vì hậu vừa chạy vừa nhìn về phía con”.

Thái tử cũng vâng lời ra đi, thí nghiệm xong liền trở về phục lệnh dưỡng phụ.

Khi ấy, đạo sĩ gọi Hoàng hậu và bảo: “Này hiền nội, nàng có cần nhấn tin chi, thì hãy nói với con đi! Thái tử trở về phen này ắt sẽ lên ngai cửu ngũ”.

Hoàng hậu gọi Thái tử vào ngỏ lời tâm sự rằng: “Này vương nhi, con chính là đông cung Thái tử, con vua Parantapa xứ Kosambi, lúc mẹ mang con trong lòng thì bị đại bàng điều xót đi...”.

Thuật hết lai lịch tông tích của mình rồi, Hoàng hậu lại kể đích danh các đại thần trong triều, nhất là tên quan Nguyên soái cho Thái tử biết và tiếp rằng: “Đến lúc cần, con hãy trưng ra chiếc Hồng Cẩm bào và chiếc Vương chỉ hoàn này vốn là triều phục và ngọc ấn của phụ vương con để làm tin”.

Dặn dò xong, Hoàng hậu tiễn biệt Thái tử. Thái tử quay lại hỏi đạo sĩ rằng:

- Thừa dưỡng phụ! Bây giờ con phải làm gì?

- Con hãy trèo lên cây, ngồi trên một nhánh thấp rồi con niệm câu chú này và khảy sợi dây này, tức thì Tượng chúa đến đưa lưng cho con cưỡi, con tuột xuống ngai lên lưng Tượng trở về cố quốc kế vị ngai vàng của phụ vương con.

Thái tử sụp xuống bái biệt song thân, rồi theo lời dạy của dưỡng phụ, gọi con Tượng chúa đến cỡi lên lưng nó và kê miệng gần tai nó, xuống lệnh phán rằng: “Ta là Thái tử Udena, con vua Parantapa xứ Kosambi, xin Tượng chúa hãy đưa ta về triều phục quốc, để kế vị ngai vàng!”.

Nghe vậy, Tượng chúa rống to lên, dùng ngôn ngữ của loài voi kêu gọi hợp đàn: “Vô số ngàn thốt tượng hãy tập trung tất cả nơi đây”.

Quả nhiên, có vô số ngàn thốt tượng vâng lệnh chúa đàn quy tụ rất đông.

Với lực lượng hùng hậu vô số ngàn voi chiến Thái tử lên đường trở lại cố đô, đến biên ải, Thái tử kêu gọi dân chúng: “Ta là đông cung Thái tử trở về trào phục quốc, thần dân khá mau hộ giá mà lập công danh”.

Từ đó trở đi dân chúng gia nhập càng ngày càng đông, Thái tử kết tập cả đoàn dân quân cùng với tượng binh kéo dộc toàn lực về vây thành Kosambi và phái sứ giả vào triều trao tói hậu thư, kết thúc bằng hai điều vắn tắt: “Muốn chiến tranh hay là quy hoàn vương vị cho ta”.

Trào thần đáp lại sứ giả rằng: “Cả hai câu hỏi của quý Ngài chúng tôi không thể trả lời dứt khoát. Quả thật, Hoàng hậu hoài thai có bị đại bàng điều xót tha đi, nhưng

từ đó đến nay biệt tích vắng tăm, còn mất thế nào chưa rõ, bao giờ chúng tôi nghe đích xác tin tức Hoàng hậu rồi, chúng tôi mới có thể biểu quyết chiến tranh hay hoàn vương vị lại cho chúa của quý Ngài”.

Sứ giả về tâu lại với Thái tử những lời thương nghị của trào thần, Thái tử bèn thân hành đến tận cổng thành, bắt loa phán rằng: “Ta là đông cung Thái tử Udena, con của Hoàng hậu mất tích đây”. Rồi Thái tử gọi đích danh các quan đại thần, nhất là tên vị Nguyên nhung. Thấy họ còn hoài nghi, Thái tử bèn trưng ra hai tín vật, bá quan nhận thấy chiếc Hồng cầm bào và chiếc ngọc ấn chỉ hoàng là tín hiệu của quốc vương Parantapa, bèn mở rộng cửa ngõ môn nghinh tiếp Thái tử với ba quân tướng sĩ vào thành và chọn ngày làm lễ đăng quang để tôn Thái tử lên ngôi cửu ngũ.

(Trên đây là sự tích đản sanh của Thái tử Udena).

Nơi quốc độ Allakappa, trong một năm mất mùa, nạn đói hoành hành rất khốc liệt, có một anh chàng nọ tên là Kotuhaliko (Háo Kỳ) nghèo xác nghèo xơ, không nuôi sống nổi gia đình là một vợ, một con thơ chưa rời vú mẹ. Chàng bảo vợ: “Chúng mình hãy đi Kosambi để tìm lối sống!”.

Nói rồi, anh ta góp nhóp được chút ít lương khô để dành ăn theo đường, dắt vợ ẵm con bỏ nhà ra đi.

Anh Kotuhaliko chạy tị nạn đói, nhưng cũng có người cho rằng anh ta chạy tránh bệnh thiên thời dịch khí, làm cho nhân dân chết lây liều yếu vậy.

Hai vợ chồng đi được một quãng đường thì vật thực hết sạch vừa đói vừa lả vì kiệt sức và còn phải đeo theo đứa con thơ, Kotuhaliko chán nản, than thở với vợ rằng:

- Mình ơi! Chúng ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa này lại nơi đây mà đi cho đỡ khổ nghe mình.

Động lòng từ mẫn, Kālī (Thị Thời) phản đối chồng rằng:

- Con còn sống, em không đành bỏ nó đâu?

- Vậy thì ta phải làm sao?

- Thì ta thay phiên nhau mà ẵm nó chứ sao?

Người mẹ lãnh phiên đầu, đeo đứa bé như một vòng hoa, đặt nó nằm yên trên ngực mình, một lúc sau thiếu phụ trao con cho chồng. Kotuhaliko ẵm con đi, dừng lại từng hồi từng chập chỗ nọ, chỗ kia. Mỗi khi bụng đói cồn cào, khổ đau quá sức. Thỉnh thoảng anh ta nhắc đi nhắc lại với vợ rằng: “Mình ơi! Ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa này đi cho rảnh”.

Kālī hề nghe chồng mở miệng nói, là phản đối liền, nhất định không chịu lìa con. Đứa bé được hai người thay phiên nhau ẵm bồng. Một lúc sau mòn mỏi ngủ thiếp trên tay cha nó.

Kotuhaliko thấy con ngủ, bèn giục vợ đi trước, một mình ở lại sau, anh kiếm lá lót trải dưới một bụi cây, se sẽ đặt con nằm xuống rồi bỏ đi.

Kālī quay lại kiểm chồng, không thấy con bèn hỏi:

- Con đâu, mình?

- Anh để nó nằm dưới bụi cây kia kìa.

Kālī đầm ngực khóc than kẻ lẽ: “Minh ơi! Minh làm khổ cho em, không có con chắc em không sống được, mình đem con giao trả lại cho em”.

Kotuhhaliko phải miễn cưỡng trở lại ẩm con theo, nhưng đến nửa đường đứa trẻ cũng chết.

(Do nhân dứt bỏ con thơ nhiều chỗ trong kiếp ấy mà Kotuhhaliko phải trả quả, bị đem dứt bỏ bảy lần trong một kiếp sau. Thấy đó, ta không nên khinh thường những tội lỗi nhỏ nhen mà cho rằng sẽ không trả quả).

Vợ chồng Kotuhhaliko khi được rảnh tay lại tiếp tục lộ trình gian khổ và sau cùng đi đến nông trại của một chủ nuôi bò.

Hôm ấy, nhằm ngày trong trại tổ chức lễ mừng cho con bò cái giống (dhenumaṅgala) của chủ trại mới đẻ con so. Thường nhật có một Phật Độc Giác hằng đến thọ thực trong trại chủ bò. Chủ trại để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác trước, rồi mới cử hành cuộc lễ, bữa ăn thịnh soạn cơm trắng chung dọn ê hề.

Chủ trại nhìn thấy vợ chồng Kotuhhaliko mới đến, bèn hỏi rằng: “Hai em ở đâu lại đây?”.

Sau khi nghe tường thuật những nỗi đoạn trường của kẻ tị nạn đói, ông bèn khiến gia đình đem đến cho họ khá nhiều cơm trắng với sanh tô (sappi).

Kālī nói: “Minh ơi! Hễ mình sống là em sống vậy mình hãy ráng ăn cho no nê đi đừng bủ lại khi trước mình đã chịu đói lâu ngày”.

Nói rồi, người vợ đem gần hết phần cơm trắng, sanh tô của mình sốt qua bát của chồng, chỉ chừa lại ăn chút ít thôi. Anh Kotuhhaliko vì bị đói trong bảy ngày liền, bây giờ gặp được mỹ vị cao lương, ăn nhiều bao nhiêu cũng chưa đã thèm.

Sau khi sai người bố thí cơm trắng cho hai nạn nhân, chủ trại bò ngồi vào bàn ăn để dùng bữa.

Anh Kotuhhaliko ngồi nhìn chủ trại, thấy ông ấy ném vắt cơm sữa xuống cho con chó cái đang nằm dưới gầm bàn thì phát sanh ý nghĩ như vậy: “Con chó cái này quả thật có phước mới được chủ cho ăn ngon lành như thế hằng ngày”.

Đêm ấy, anh Kotuhhaliko bị trúng thực, phát ách, đau bụng mà chết, tâm thức nhập vào thai bào của con chó cái nói trên.

Kālī lo an táng chồng rồi, còn nán ở lại làm công việc trong nhà chủ trại bò. Lăn được một gáo gạo, chị bèn nấu cơm để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng: “Xin cho phước này thấu đến chồng con”, nguyện rồi chị tự nghĩ: “Ta nên ở lại đây phục dịch vì Ngài Đại đức mỗi ngày đều đến đây thọ bát. Dầu ta có cúng dường hay không, mỗi ngày ta cũng được dịp lễ bái phục dịch Ngài. Như vậy, chắc chắn ta sẽ tạo được nhiều phước báu cho đời vị lai”. Thế là từ đó chị Kālī ở luôn làm công cho chủ trại.

Độ vài tháng sau, con chó cái đẻ, trong bảy con, nó chỉ có một con đực, chủ trại bò cưng con chó con này lắm, nên lấy sữa của một con bò cái cho nó bú, không bao

lâu nó lớn, mỗi ngày trong khi thọ thực, Đức Phật Độc Giác đều cho nó một vắt cơm, vì được cho ăn quen lệ, con chó này cảm mến Đức Phật Độc Giác.

Thường thường chủ trại bò đến hộ Đức Phật Độc Giác ngày hai lần. Đi đường đến chỗ có thú dữ, ông ta lấy gậy đập lên bụi cây, hay đập xuống đất, miệng la: “Hiu, hiu, hiu” ba tiếng làm cho thú dữ hoảng sợ bỏ chạy, mỗi lần ông đi, con chó chạy theo ông.

Một hôm, chủ trại bò ngỏ lời yêu cầu Đức Phật Độc Giác rằng:

- Bạch Ngài! Khi nào con không được rảnh thì con sẽ cho con chó này đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ chấp nhận lời yêu cầu của con.

Từ đó về sau, mỗi khi bận việc, chủ trại bò sai con chó:

- Này con, con hãy đi thỉnh Ngài Đại đức.

Chỉ nghe chủ nói qua một lần là con chó lập tức đi. Tới chỗ mà chủ nó hay đập gậy lên bụi cây hay đập xuống đất, nó đứng lại sủa ba tiếng, khi chắc ý là thú dữ nghe tiếng nó sủa bỏ chạy xa rồi, nó mới sủa bộ tịch cho chỉnh tề, đi đến thảo am, chỗ Đức Phật Độc Giác đang ngự, thấy Ngài ngồi trong am nó đứng ngay trước cửa sủa ba tiếng ra hiệu cho biết là có nó đến, đoạn nó vào nằm bên Ngài. Đoán biết Đức Phật Độc Giác sắp ra đi, nó vừa sủa vừa chạy trước dẫn đường.

Để thử trí khôn của con chó, Đức Phật Độc Giác thường rẽ qua lối này lối nọ, thấy vậy, nó chạy vọt tới trước, đứng cản đường và sủa lên để kêu Ngài trở lại con đường kia, một hôm Đức Phật Độc Giác cũng rẽ qua lối khác như thường lệ, con chó cũng chạy tới trước đón đường, nó rống sủa, nhưng Ngài không đổi hướng, lại nắm chân nó vệt qua để đi tới, khi thấy Ngài đi luôn, con chó chạy theo níu chéo y của Ngài lùi ngược lại, để chỉ cho Ngài biết con đường nên đi. Sự gần gũi thân mật như thế khiến cho mối tình quyến luyến của con chó đối với Đức Phật Độc Giác càng ngày càng gia tăng.

Một thời gian sau, khi thấy y của Đức Phật Độc Giác cũ quá, ông chủ trại bò xin dâng Ngài vải may y. Khi ấy, Đức Phật Độc Giác bảo rằng: “Này đạo hữu, việc cắt may y rất khó mà làm một mình, vậy để ta đem vải đến chỗ có người tiếp tay phụ may cho dễ”.

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hoan hỷ ở đây may y.

- Không thể được đâu đạo hữu!

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài đừng đi ở đó quá lâu.

Khi chủ trại bò hầu chuyện cùng Đức Phật Độc Giác con chó ở một bên để ý lắng nghe.

Đức Phật từ giã thí chủ rồi, liền bay bổng lên hư không đoạn Ngài trực chỉ bay luôn về núi Gandhamādana (Hương Đản).

Thấy Đức Phật Độc Giác bay đi, con chó đứng dưới đất nhìn theo mà sủa mãi, cho đến khi hình bóng của Ngài mờ dần và tan biến trong hư không thì tim nó vỡ tan ra. Ôi, súc vật cũng có nhiều con trung nghĩa trung thành, trái với tiếng lòng muôn dạ

thú, còn loài người cũng lắm kẻ mặt miệng gươm lòng, hiệp với câu: “Giáp mặt lời ra, lòng xa ngàn núi (đối diện dữ, nhữ tâm cách thiên san).

Do nhờ tánh trung nghĩa chân thật, sau khi chết, con chó được thọ sanh lên cung trời Đao Lợi, có một ngàn ngọc nữ theo hầu hưởng được phước lộc của một Thiên vương, đức vua trời này có giọng nói rất to. Dầu khi kẻ tai nói nhỏ, tiếng Ngài cũng vang rền xa mười sáu do tuần. Do đó, Thiên vương được mệnh danh là Lôi Âm thiên tử (Ghositadevaputta).

Nhờ gieo nhân nào mà Ngài được phước ấy, nhờ trong kiếp chó Ngài đã sửa Đức Phật Độc Giác bằng cả tấm lòng triu mến vậy.

Lôi Âm thiên tử không được trường thọ để hưởng lộc trời. (Trên Thiên giới, chư Thiên mạng chung vì hết tuổi thọ, hoặc vì hết phước, vì quên thọ thực hay vì quá sân hận). Vị nào do tạo nhiều phước nghiệp, thọ sanh lên cõi trời nào, sống mãi tùy theo số tuổi thọ của chư Thiên cõi ấy, chết rồi sanh đi sanh lại cũng chưa hết phước, như vậy gọi là mạng chung vì hết tuổi thọ. Vị nào tạo chút ít phước thọ sanh lên cõi trời nào, khi hưởng hết phước để dành thì phải chết ví như người gởi vào công khổ độ bốn, năm lon lúa, lấy ra hết rồi thôi, như thế mạng chung vì hết phước. Còn vị nào đang mê say thọ hưởng ngũ trần, mãi ham vui mà quên lãng việc thọ thực vị ấy cũng phải chết vì xác thân không được dinh dưỡng, như thế gọi là mạng chung vì quên thọ thực. Và vị nào thấy vị khác có nhiều oai lực phước báu hơn mình mà phát sanh lòng ganh tị, hễ cơn giận nổi lên thì cũng chết, như vậy gọi là mạng chung vì sân hận.

Ghositadevaputta mãi vui say với ngũ trần dục lạc mà quên thọ thực nên phải mạng chung, đầu thai vào lòng một cô gái lâu xanh ở trong thành Kosambi. Vừa sanh con, cô kỹ nữ (sobhinī) đã hỏi đứa tỳ nữ: “Trai hay gái?”.

- Dạ thưa cô, trai!

Không cần thấy mặt anh nhi, sản phụ vội bảo:

- Vậy mầy hãy bỏ thằng này vào một cái giỏ xách bằng mây, rồi đem liệng nó ra trên đồng rác.

Đứa nữ tỳ vâng lệnh chủ, đem vứt đứa bé vô thừa nhận. (Các cô ả làng chơi ở đô thành chỉ nuôi ròng coi gái, chớ không dùng con trai vì con gái mới nổi được nghiệp nhà).

Nằm trơ trên đồng rác, hòn máu bỏ rơi bị chó và quạ xúm lại bao vây, nhưng chẳng con nào dám xáp lại gần do nhờ phước báu đã sửa Đức Phật Độc Giác với tâm triu mến trong kiếp làm chó của nó.

Thời may, trong giây phút ấy có người đàn ông đi ra đồng, thấy quạ và chó chòm chum một chỗ, nên để ý tự hỏi:

- Đàng đó có cái gì vậy?

Rảo bước đến nơi, người đàn ông thấy đứa hài nhi thì sanh lòng thương như con đẻ, bèn bế xốc nó lên và tri hô rằng:

- Ta xí được đứa con trai, đoạn người ấy bỗng nó đem về nhà.

Ngày sanh đứa trẻ không cha là ngày ông Thiên hộ thành Kosambi vào triều bái mạng đức vua. Lúc vào hoàng thành ông gặp quan Khâm thiên giám từ trong cung nội đi ra, bèn nghiêng mình thi lễ và hỏi rằng:

- Kính thưa Quốc sư, chẳng hay Ngài đã xem thiên văn để tiên đoán quốc sự ngày bữa nay hay chưa?

- Thưa phú Trưởng giả, đó là bốn phận hằng ngày của bốn chức.

- Vậy thưa Ngài, trong nước có chuyện chi lạ xảy ra không?

- Chẳng có chi khác, ngoài việc đứa bé sanh ra trong đô thành ngày hôm nay, sau này sẽ là đệ nhất phú Trưởng giả.

Lúc ấy bà Thiên hộ cũng có thai gần ngày sanh, cho nên ông Thiên hộ hỏi hỏi sai tên gia đình theo hầu:

- Này con! Con về xem coi bà đã lâm bồn chưa nghe!

Tùng giả vâng lời chạy ngay về nhà, hỏi: “Bà Thiên Hộ đã lâm bồn chưa?”.

Nghe người nhà đáp: “Bà chưa sanh”, tùng giả bèn chạy trở vô thành, lập y lại với chủ “Bà chưa sanh”.

Khi hay tin vợ chưa sanh, phú ông vào triều thỉnh an đức vua xong vội vã trở về nhà, cho đòi con tử tấ Kālī (Hắc Nô) đến, giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn bảo: “Con hãy đi rảo khắp trong thành dò xét, nếu gặp đứa bé nào mới sanh ra nội ngày bữa nay thì con xuất hết một ngàn đồng vàng mua nó đem về cho ông”.

Nàng kālī (Hắc Nô) đi hỏi thăm lần hồi, nhờ người điềm chỉ đến ngay nhà người đàn ông xí được đứa bé, liền hỏi vợ chủ nhà:

- Thằng nhỏ này thím sanh được bao lâu rồi?

- Dạ mới sanh bữa nay.

- Cho tôi xin nó đi.

Rồi cô kỳ kèo trả giá, từ một đồng lên tới một ngàn đồng vàng mới mua được đứa con rồi đem về cho ông Thiên hộ.

Phú ông bề ngoài làm ra vẻ yêu mến đứa con nuôi, cho cất nhà riêng để nó ở, nhưng trong thâm tâm ông dự tính rằng: “Nếu vợ ta sanh con gái thì ta sẽ gả cho thằng này và truyền chức Thiên hộ cho rể, nhược bằng vợ ta sanh con trai thì ta sẽ thủ tiêu nó ngay”.

Cách vài ngày sau, phú bà xỏ lòng, sanh được một trai. Phú ông nghĩ rằng: “Bây giờ ta phải tìm cách hạ sát đứa con hoang thì đứa con ruột của ta sẽ giữ chức đệ nhất phú gia trong thành Kosambi này”.

Ông Thiên hộ gọi con tử tấ Kālī và dặn riêng nó rằng: “Con đem thằng bé ngoại tộc này đến cửa chuồng bò, chờ khi người ta sắp thả bò ra, thì con bỏ nó nằm ngay giữa lối đi, cho bò cái dậm nhẹp xác nó! Con chờ coi, thấy nó bị đạp chết rồi, hãy về cho ông biết tin”.

Nữ tỳ Kālī ẵm đứa bé đi, chờ một lúc thấy mục đồng mở cửa chuồng bò, bèn đặt nó nằm ngang cửa lối đi của bò. Mọi bữa khác thì con bò đực đầu đàn đi ra sau chót hết, nhưng hôm nay nó lại ra trước nhất, đến ngay chỗ đứa bé nằm nó đứng dang bốn chân ra, che chở tứ phía.

Bầy bò cái không biết mấy trăm con, chạy túa ra làm hai hàng, chạm vào hai bên hông con bò mộng, người chăn bò thấy chuyện lạ, nói thầm rằng: “Con bò mộng này lúc nào cũng đi ra sau cùng, sao hôm nay lại phát chứng chạy ra trước nhất, đứng chặn ngay cửa chuồng vậy cả? Không biết có cái gì ở đó?”.

Khi đến gần, trông thấy đứa bé tí hon đang nằm dưới con bò mộng, người chăn bò sanh lòng thương như con ruột của mình, bèn hô lớn lên: “Ta xí được đứa con trai” rồi ẵm luôn nó vô nhà.

Kālī về phục dịch chủ, đem hết mọi sự trình lại cho ông Thiên hộ nghe. Phú ông lại giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn: “Bây giờ con đem số tiền này đi, ráng chuộc thằng bé về cho ông”.

Tỷ tât Kālī thực hành lệnh chủ, xuất hết một ngàn đồng vàng chuộc được đứa bé mang về cho ông Thiên hộ. Khi ấy, phú ông lại nhỏ to sở cậy đứa tớ gái tâm phúc rằng: “Này Kālī con, hôm nay trong đô thành có năm trăm cỗ xe bò sắp khởi hành một chuyến buôn xa, sẽ đi từ mờ sáng vậy con hãy mang thằng bé này đem bỏ giữa đường lộ cho bò đạp, cho xe cán nó nát thây, đứt đầu chết đi cho rảnh, con chờ xem thấy nó chết thật rồi, hãy về cho ông hay”.

Con nữ tỳ lại mang đứa bé đi bỏ nằm ngang giữa lộ. Lúc khởi hành vị đoàn trưởng cho xe mình đi trước dẫn đường, đến chỗ đứa bé nằm, cặp bò đứng khựng lại, bị chủ la hét thúc giục, chúng lại lộn nài bẻ ống không chịu đi tới nữa. Vì cặp bò hướng đạo sanh chứng, tháo trút như vậy, nên cả đoàn xe phải dừng lại. Vị đoàn trưởng đang mãi đứng loay hoay gác ách lên cổ bò thì trời rặng sáng.

Khi ấy ông trưởng đoàn lái buôn nhìn xuống đường để xem coi: “Tại sao mấy con bò sanh chứng kì vậy?”, khi trông thấy đứa hài nhi ông mừng thầm: “Hay lắm, công việc này thật phù hợp với vợ ta”, rồi ông bồng đứa bé lên và đem nó về nhà.

Thấy Kālī về, ông Thiên hộ lật đật hỏi thăm, khi nghe đứa tớ gái tường thuật hết sự tình, ông lại sai nó đi:

- Thôi con ráng đi một lần nữa, đem một ngàn đồng vàng này chuộc nó đem về đây.

Con nữ tỳ làm theo lời chủ dặn.

Ông Thiên hộ lại bảo nó: “Bây giờ con đem thằng nhỏ bỏ vào bãi tha ma, để cho cầm thú, nhất là chó mèo nhai xương nó, cho phi nhân, ngạ quỷ đánh đập nó chết đi, chừng con thấy nó thật chết rồi thì về cho ông biết tin”.

Kālī lại mang đứa hài nhi ra đi, quạ hay là các giống phi nhân đều không dám xấp lại gần kề bên nó, nó chỉ có một mình lơ trôi, chẳng có cha, có mẹ, có anh chị nào khác bảo bọc, che chở cho nó hết cả. Vậy thì ai hộ trì nó? Đó là nhờ phước nó đã tạo trong kiếp chó, bằng cách sửa kêu Đức Độc Giác Phật với tâm triu mến, hộ trì cho nó vậy.

Khi ấy có một người chăn dê, đuổi hàng trăm ngàn con dê ra đồng cỏ cho ăn, đi xuyên qua bãi tha ma, một con dê cái đi kiếm lá cây ăn, nên tách ra đi riêng, chui vào một bụi rậm, thấy đứa bé nó dừng lại, quỳ hai gối đưa vú cho đứa bé bú, nghe người chăn giả tiếng kêu “be be”, nó cũng không chạy ra, người này định bụng ta sẽ đập cho nó mây gãy.

Khi chui vào chỗ lùm cây bụi rậm, thấy con dê cái đang đứng chàng hảng cho đứa bé nút sữa của nó, người chăn dê cảm thấy thương đứa bé ấy như con mình, bèn tri hô lên rồi ẵm nó đem đi.

Con Kālī mục kích được chuyện này, trở về phúc trình tường tặn cho ông phú hộ biết, ông ta lại sai nó mang một ngàn đồng tiền vàng chuộc đứa bé mang về và nó lại thi hành mệnh lệnh của chủ.

Khi ấy, ông Thiên hộ lại dặn dò cô tớ gái thân tín: “Này Kālī con! Phen này con ráng đem thằng này trèo lên núi, tới chỗ vực thẳm mà người ta sẽ xô bọn cướp xuống hành hình (Corappabbata), con vớt nó xuống hố sâu cho nó va chạm vào vách đá đập nát thân nhi, chừng con thấy nó rớt xuống đất thật chết rồi thì con về cho ông hay”.

Con nữ tỳ đại đứa bé, trèo lên chót núi rồi quăng nó xuống.

Ngay chỗ ấy, từ sườn núi phía dưới có một lùm tre lớn theo khe đá nứt mọc lên, trên đầu ngọn tre một đám cam thảo rừng (jiñjuka) bao phủ rậm rạp, đứa bé rơi nằm trong đó như là nằm trên tấm thảm to vậy.

Ngày ấy, ông thợ cả trong nhóm người đan thúng rỏ cần dùng tre, ông ta xách rựa đi với đứa con trai lên núi, đến chỗ lùm tre dọn gai ốc để đốn, bị động đứa trẻ khóc ré lên. Nghe tiếng con nít khóc dậy, ông đốn tre nói: “Tiếng gì y như tiếng con nít khóc vậy?”. Đoạn ông ta tìm lối trèo lên đầu ngọn tre, thấy đứa hài nhi ông mừng rỡ tri hô lên: “Ta xí được đứa con trai”. Rồi ông bồng nó đem đi.

Con Kālī trở về gặp ông Thiên hộ, ông hỏi thì nó thấy sao nói vậy, tình thật khai ngay, phú ông lại đưa ra một ngàn đồng vàng, biểu nó đi chuộc đứa bé đem về cho ông và nó cứ y lời, không dám cãi lệnh chủ.

Mặc dù bị dưỡng phụ là ông Thiên hộ lập phương này thế nọ để sát hại như thế, đứa con trai mồ côi cũng chẳng hề hấn gì, nó lớn dần lên và được mọi người gọi là Ghosaka (Lôi Âm công tử) vì tiếng nói của nó vang rền như sấm, nó như là cái gai nhọn đâm vào mắt Trưởng giả, ông ta thù ghét nó đến nỗi ông ta không muốn trông thấy mặt nó, bị những ý tưởng đen tối ám ảnh, ông Thiên hộ lại cố tìm cho ra mưu kế để giết nó cho khuất mắt mình, ông ta bèn đến chỗ ngụ của người làm nghề lò gốm và nói:

- Chừng nào bạn đốt lò?

- Ngày mai.

Nghe vậy, ông Thiên hộ nói: “Thế thì bạn cứ cầm lấy một ngàn đồng tiền vàng này mà xài, rồi tiếp theo làm việc này giúp tôi nhé!”.

- Việc chi vậy?

- Tôi có một thằng con nuôi, tôi sẽ sai nó đến đây bạn hãy dắt nó vào phòng kín, lấy dao bén phân thân nó ra từng mảnh, ném vào lò hầm. Đây một ngàn đồng vàng này tôi biếu trước cho bạn, khi nào xong việc tôi còn nhiều quà tặng thù lao cho bạn nữa.

Chủ lò gốm nhận lời đáp: “Dạ thưa, được rồi”. Hôm sau, ông Thiên hộ cho đòi Ghosaka (Lôi Âm) đến, bảo rằng:

- Con à! Hôm qua cha có đặt cho ông chủ lò gốm làm một công việc, giờ con hãy đến nhắc ông ta như vậy: “Hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm chuyện chi đó, thì chú cứ làm đi”.

Công tử Ghosaka: “Dạ vâng”, rồi ra đi.

Khi ấy, con ruột của ông Thiên hộ đang chơi bắn cu li (Golakīlā) với bạn trẻ, thấy Ghosaka ra đi, kêu lại hỏi: “Anh Ghosaka, anh đi đâu đó?”.

- Cha sai anh đi đến nhà người chủ lò gốm có việc.

- Để em đi thế cho, mấy đứa này ăn của em nhiều đạn quá, anh hãy ở đây chơi, gỡ lại giùm em.

- Anh sợ cha rầy lắm.

- Anh đừng sợ, để em đi đưa tin thế cho anh, em bị thua nhiều lắm, anh ráng gỡ lại giùm em, trước khi em trở về nhà.

Công tử Ghosaka có tiếng là chơi bắn đạn rất giỏi nên con Trưởng giả mới theo nài nỉ như vậy.

Sau cùng công tử chiều theo ý em và bảo: “Ừ thôi, thì em đến nhắc với chủ lò gốm rằng: Nghe nói hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm công việc chi đó vậy bây giờ chú cứ làm đi”.

Cậu con ruột của ông Thiên hộ đến tìm gặp ông chủ lò gốm và nói y theo lời Ghosaka đã dặn. Cậu ta không dè ông chủ lò gốm đã nhận tiền của cha cậu, nên y theo mật ước, giết chết và phân thân cậu và ném vào lò hầm.

Công tử Ghosaka ở chơi bắn đạn, mãi đến chiều tối mới trở về nhà. Ông Thiên hộ thấy cậu liền hỏi: “Ừa sao con chưa đi mà còn ở đây?”.

Công tử Ghosaka bèn cho dưỡng phụ biết lí do: Cậu không đi là vì em cậu đã giành đi thế cho cậu.

Nghe vừa dứt lời, ông Thiên hộ tưởng như máu nóng sôi trào trong khắp người ông, ông kêu thét lên hai tiếng: “Đừng giết,” rồi ông oằn oại chấp tay, lão đảo đi đến lò gốm vừa đi vừa than khóc: “Chú lò gốm ơi! Chú đừng có giết hại tôi hi hi, chú đừng có giết hại tôi hi hi...”.

Chủ lò gốm thấy ông Thiên hộ đi đến vội vã chạy ra đón rước và cho biết rằng: “Thưa ông chủ, xin ông đừng to tiếng việc ấy tôi đã thi hành rồi”.

Ông Thiên hộ bị mối sầu tựa như mối đè nặng tâm tư, nhưng ông chỉ còn nước ngâm hờn, nuốt tủi, thầm ôm mối hận ngàn đời.

Đó là tội báo của kẻ nhiễm ô, manh tâm muốn hãm hại người trong sạch, đề cập đến việc này, Đức Thế Tôn có thuyết bài kệ Pháp Cú được ghi trong phẩm Đạo Trượng (Hình phạt).

“Yo daṇḍena adaṇḍesu,
Appaduṭṭhesu dussati;
Dasannaṃ aññataraṃ thānaṃ,
Khippameva nigacchati”.
“Vedanaṃ pharusam jāniṃ,
Saṁrassa ca bhadaṇaṃ;
Garukaṃ vāpi ābādhanaṃ,
Cittakkhepaṃ va pāpuṇe”.
“Rājato vā upassaggam;
Abbhakkhānaṃ va dāruṇaṃ;
Parikkhayaṃ va ñātinaṃ,
Bhogānaṃ va pabhaṇṇaṃ”.
“Atha v’assa agārāni,
Aggi dahati pāvako;
Kāyassa bhedaṃ duppaṇṇo;
Nirayaṃ so’papajjati”.

*“Cầm đao trượng đôi tay không,
Ác nhân muốn hại người trong sạch thì,
Quả kia sẽ trả cấp kỳ,
Trong mười điều khổ, thọ y một điều:
Tâm thần đau đớn trăm chiều,
Hoặc thân ngộ nạn nát tiêu, rã rời,
Hoặc lâm bệnh nặng khổ đời,
Hoặc cuồng tâm, hóa ra người khùng điên,
Hoặc vua hình phạt, cùm xiềng,
Hoặc người vu cáo oan khiên tội tình,
Hoặc ly tán cả gia đình,
Hoặc là tài sản tan tành hư hao,
Hoặc là cửa rộng nhà cao,
Lửa hồng một ngọn cháy ào tan hoang.
Rã thân rồi, kẻ ngu ngoan,
Còn sa địa ngục chịu toàn khổ đau”.*

Tuy đau khổ vì con chết do lòng hiểm độc của mình, phú Trưởng giả vẫn chưa tỉnh ngộ hồi quá, mà lại càng ghét cay ghét đắng công tử Ghosaka, muốn thủ tiêu ngay cậu cho khỏi xốn mắt, mỗi khi nhìn thấy cậu, ông lại moi óc tìm ra được một kẻ khác “Ta sẽ sai thằng này đi đến mượn tay cậu quản lý ở Gāmasata (Ba Thôn) của ta giết nó”.

Ông liền thảo một bức thư, đại khái nói rằng: “Thằng này là con nuôi của ta, nhờ cậu giết nó chết và trừ cho mất xác, rồi ta sẽ đền công ơn xứng đáng”.

Trao phong thư cho công tử Ghosaka, phú ông hạ thấp giọng bảo rằng: “Đây Ghosaka con! Cha có một viên quản lý ở Gāmasata, con mau mang thư này đến trao tận tay ông ấy”.

Dẫn dò xong, phú ông buộc bức thư cầm nang vào vạt áo của cậu Ghosaka. Chàng công tử này đã đến tuổi thiếu niên mà còn dốt chữ vì thất học. Từ bé đến giờ, chàng bị người dưỡng phụ ác tâm cứ mãi tìm cách giết chàng cho khuất mắt, nhưng chẳng thành công, có đâu mà chăm lo đến sự học vấn của chàng.

Vì thế, chàng ta vẫn vô tình để cho dưỡng phụ buộc cầm nang, trong đó đựng bản án của chàng vào vạt áo. Lúc ra đi chàng chỉ hỏi: “Thưa cha, con chưa có vật thực chỉ để ăn theo đường”.

- Con khỏi cần đem theo vật thực cho mất công. Con đi giữa đường thì đến làng mổ, nơi đó có ông Trưởng giả là bạn của cha, con ghé nhà ông ấy dùng cơm rồi hãy đi nữa.

- Dạ thưa vâng!

Công tử Ghosaka cúi lạy từ giả dưỡng phụ, đi đến làng mổ hỏi thăm nhà ông Trưởng giả, rồi đến gọi cổng thì gặp bà Trưởng giả.

- Cháu ở đâu lại đây? – Phú bà hỏi.

- Dạ thưa bác! Cháu ở thành nội. – Thiếu niên đáp

- Cháu là con ai?

- Dạ thưa bác cháu là con ông Thiên hộ.

- Phải cháu tên là Ghosaka không?

- Dạ thưa bác phải.

Bà Trưởng giả thấy mặt Ghosaka và nghe tiếng chàng đối đáp tự nhiên sanh lòng mến thương chàng như con đẻ.

Ông bà Trưởng giả chỉ có một nàng tiểu thư tuổi vừa mới cặp kê, nhan sắc mỹ miều, khả ái. Ông bà cất riêng một đứa nữ tỳ để theo săn sóc và phục dịch cho tiểu thư. Tiểu thư ở trên tầng lầu thứ bảy, tối ngày chẳng hề bước chân ra khỏi căn phòng.

Bà Trưởng giả thấy con hầu của tiểu thư xuống lầu bèn kêu hỏi nó: “A hoàn ạ! Mày đi đâu vậy?”.

- Bẩm bà! Tiểu thư sai con đi chợ.

Bà Trưởng giả bảo: “Thôi mày khoan đi chợ đã! Lại đây lo sửa soạn ghế cho công tử ngồi, trải chiếu mời công tử nằm nghỉ đâu đó xong xuôi đàng hoàng, rồi hãy đi chợ nghe”.

Con a hoàn vâng lệnh bà Trưởng giả, lo xong công việc rồi mới đi chợ. Khi nó về, tiểu thư thấy nó đi lâu nên trách mắng, hăm he, nó bèn phân trần: “Thưa tiểu thư, xin tiểu thư đừng giận, mắc bị có công tử Ghosaka là trưởng nam của ông Thiên hộ mới đến, bà biểu phải làm công kia việc nọ cho công tử trước rồi hãy đi chợ sau, nên em về trễ”.

Vừa nghe đến tên công tử Ghosaka, tiểu thư bỗng nhiên sững sốt ngẩn ngơ: Tình yêu công tử bộc phát như xuyên qua khỏi làn da, chạm đến tận xương tủy của nàng xử nữ.

- Trong tiền kiếp công tử Ghosaka chính là chàng Kotuhaliko còn tiểu thư là nàng Kālī vợ của chàng, nàng nhờ để bát một bát cơm cúng dường Đức Phật Độc Giác, nên kiếp này được sanh vào nhà đại phú, tình yêu chồng từ kiếp trước như lửa bùng cháy lại, khiến cho nàng xúc động tâm tư. Bởi thế nên Đức Thế Tôn mới thuyết kệ rằng:

“Pubbevasannivāsenā,
Paccuppannahitena vā;
Evantaṃ jāyate pemaṃ,
Uppalaṃ va yathodaketi”.

*“Xưa từng chung chạ ra vào,
Giờ nay tái ngộ, lòng nào chẳng lay.
Men tình vừa nhấp đã say,
Bèo xanh gặp nước ngày ngày gia tăng”.*

Khi ấy, tiểu thư hỏi con a hoàn: “Công tử hiện nay ở đâu vậy em?”.

- Thừa cô! Công tử đang nằm ngủ trên giường.
- Công tử có cầm vật chi trên tay không?
- Thừa tiểu thư, ở vạt áo công tử có buộc một bức cẩm nang.

Tiểu thư nghĩ thầm: “Đó là thư từ chi vậy?”.

Trong khi công tử Ghosaka còn đang say giấc nồng, tiểu thư không cho cha mẹ hay biết, rón rén lén xuống thơ phòng, mở lấy cẩm nang buộc nơi vạt áo của công tử, đoạn trở lên khuê các, đóng cửa cài then mở thư ra đọc, tiểu thư vốn là bậc văn hay chữ giỏi, đọc suốt hết lời lẽ trong thư rồi chép miệng than rằng: “Ôi! Công tử khờ khạo làm sao, ai lại buộc theo vạt áo một bức thư giết mình mà đi lang thang như vậy? Nếu ta không thấy kịp còn chi là đời của công tử”.

Tiểu thư liền xé bỏ bức thư độc hại, nhái theo tuồng chữ và lời lẽ của ông Trưởng giả văn tắt như vậy: “Đây là trưởng tử của tôi tên là Ghosaka. Xin túc hạ thay mặt tôi, tương lễ vật từ Gāmasata, lo cho nó đẹp duyên cùng ái nữ của ông Trưởng giả bạn tôi, cắt chia nửa phần đất giữa làng chỗ túc hạ ở, cất một ngôi nhà xung quanh có tường rào và thuê người canh gác cẩn mật phòng vệ chu đáo, xong rồi gởi thư phúc đáp: “Tôi đã làm như vậy... như vậy...” thì ta hậu tạ chẳng dám quên ơn”. Thảo xong bức thư bỏ vào cẩm nang, tiểu thư vội vã trở xuống chỗ Ghosaka đang ngủ, buộc trở lại vào áo công tử như trước.

Ngủ một giấc đỡ mệt, công tử dậy dùng cơm trưa, rồi cất bước lên đường, đi suốt cả đêm, sáng hôm sau công tử Ghosaka đến Gāmasata, gặp viên quản lý đang đi công cán trong làng. Thấy Ghosaka viên quản lý bèn hỏi:

- Có việc chi vậy công tử?
- Cha tôi gởi thư qua cho ông đây.

- Thư gì đâu, công tử cho tôi coi thử.

Tiếp lấy bức cảm nang viên quản lý mở thư ra đọc rồi phân bua với dân làng: “Bà con ơi! Bà con coi đây, ông chủ thương tôi hết mình, ông gửi thư biểu tôi: “Hãy lo cưới vợ cho trưởng nam của ta”. Vậy anh em hãy ráng lo sắp đặt cử nước sẵn sàng nghe chưa”.

Phân chia công tác cho các gia chủ dự bị cuộc lễ hôn phối xong viên quản lý khiến dọn miếng đất gọn gàng giữa làng và lo kiến tạo một ngôi nhà mới.

Kế đó viên quản lý sắp sanh lễ vật cầu hôn, đến rước tiểu thư ái nữ của ông Trưởng giả về cử hành lễ tân hôn và tân gia cho công tử Ghosaka, đoạn cho người báo hỷ tin cho ông Thiên hộ biết: “Tôi đã phụng hành mệnh lệnh Thiên hộ, làm như thế...như thế...”.

Tiếp được hỷ tin, ông Thiên hộ càng thêm tức tối bội phần, ngày đêm vào thở ra than: “Việc ta chủ mưu sao không thành, còn việc ta không chủ mưu thành sự như thế làm chi”.

Lớp sâu con chết, lớp giận Ghosaka, hai mối ưu phiền dồn dập, khiến ông Thiên hộ phát chứng đau bụng sanh ra kiết lỵ.

Đây nói về tiểu thư con ông Trưởng giả, khi về ở nhà mới, nàng dặn dò hết các gia tộc: “Nếu có người nhà của ông Thiên hộ qua đây, mà chưa gọi sai biểu các người thì các người khoan đi báo tin cho công tử biết nghe không?”.

Còn ông Thiên hộ nằm trên giường bệnh, ông tính một mình: “Nghĩa tử là kẻ ngoại thân, ta nhất định sẽ không lập nó lên là kẻ thừa kế sản nghiệp của ta”.

Nghĩ rồi, ông cho đòi quản gia đến bảo rằng: “Này cậu, ta muốn gặp mặt nghĩa tử của ta. Vậy cậu sai một đứa bộ hạ đi kêu nó về đây!”.

- Dạ thưa vâng! – Viên quản lý đáp, rồi ông ấy thảo một bức thư, trao cho một gia đình cầm đi qua Gāmasata để rước công tử Ghosaka.

Khi nghe tin báo có đứa gia đình của ông Thiên hộ mới qua, còn đứng ngoài cổng ngõ chờ linh, tiểu thư con ông Trưởng giả cho gọi nó vào nhà và hỏi: “Cậu qua đây có việc chi?”.

- Thưa tiểu thư, ông Thiên hộ bệnh, sai con đi rước công tử về cho ông thấy mặt.

- Này, cậu thấy ông bệnh mà còn khỏe hay yếu sức rồi?

- Thưa tiểu thư, ông còn khỏe, thấy ông vẫn ăn uống như thường?

- Thôi được, cậu cứ ở lại đây chơi, đợi lúc nào cô bảo về hãy về.

Tiểu thư lấy tiền thưởng công cho tên gia đình, sai người dọn chỗ cho nó ở lại, nhưng cấm tuyệt không ai được thông báo cho công tử biết.

Ông Thiên hộ nằm chờ tin, lại hỏi viên quản gia: “Sao lâu quá vậy cậu! Hay là cậu chưa sai đứa nào kêu con ta về đây phải không?”.

- Dạ thưa Thiên hộ, tôi đã sai gia đình đi rồi, nhưng nó chưa về.

- Nếu vậy, cậu sai đứa nào khác đi tiếp theo coi.

Viên quản gia lại sai thêm một tên gia đình khác. Đứa sau này qua Gāmasata cũng bị tiểu thư đón hỏi thăm tin và lưu giữ lại như đứa trước.

Bệnh tình của ông Thiên hộ bỗng đâu biến chứng trở nên trầm trọng, cơm cháo ông cho vào một bát thì cũng cho ra một bát. Lần thứ ba, ông hỏi viên quản gia: “Sao lâu giữ vậy? Hay cậu không cho đứa nào đi gọi con ta về?”.

- Thưa Thiên hộ, tôi đã sai thêm đứa khác đi nữa rồi, nhưng nó cũng chưa về.
- Thế thì hãy sai thêm đứa khác đi nữa đi.

Viên quản gia lại sai thêm đứa khác đi qua rước công tử.

Đứa gia đình thứ ba này cũng bị tiểu thư đón lại hỏi thăm: “Bệnh tình của ông Thiên hộ lúc này ra sao?”. Nó đáp: “Thưa tiểu thư ông Thiên hộ bệnh nặng lắm, ông tuyệt thực, nhắm chắc ông phải chết, ông bị ngay sống trường, ăn vô chút nào thì xỏ ra hết chút này”.

Tiểu thư nghĩ thầm: “Lúc này chính là lúc nên đi”. Tiểu thư bèn vào thưa với chồng: “Có tin nhắn cho hay nghiêm đường thọ bệnh”.

- Hiền thê nói chi?
- Dạ thưa lang quân, phụ thân của chàng quý thể bất an.

Công tử Ghosaka lại hỏi vợ rằng: “Bây giờ ta phải làm gì đây há?”.

Tiểu thư đáp: “Thưa lang quân! Ta nên đem theo sản phẩm ở Gāmasata để làm lễ vật khi về thăm viếng gia nghiêm”.

- Ồ phải rồi!

Công tử khiến người mang lễ vật chất đầy mấy cỗ xe bò, đem đi theo, rồi hai vợ chồng khởi hành.

Đi được nửa đường, tiểu thư nói với chồng:

- Lịnh nghiêm đường đau yếu, ta về thăm mà mang nhiều lễ vật kèn cang bất tiện lắm. Thôi chàng hãy cho trả trở lại hết đi.

Nói rồi, tiểu thư cho xe đem tất cả về hết nhà ông Trưởng giả cha nàng. Tiểu thư lại dặn chồng: “Lang quân à! Lát nữa về thăm lịnh nghiêm, chàng hãy đứng phía dưới chân, để thiếp đứng phía trên đầu nghe chàng”.

Vào tới trong nhà, công tử Ghosaka đứng phía dưới chân dưỡng phụ, còn nàng thì đứng phía trên đầu ông.

Trong giờ ấy, ông Thiên hộ nằm ngửa, mắt nhắm thiêm thiếp, viên quản gia đang ngồi bóp chân cho ông, bèn lên tiếng:

- Thưa Thiên hộ, có công tử mới về đây.
- Nó đâu?
- Dạ công tử đang đứng dưới chân Thiên hộ đó.

Trông thấy công tử Ghosaka, ông Thiên hộ cho mời viên tổng quản tài sản của ông đến hỏi rằng:

- Gia tài của ta tất cả được bao nhiêu?

- Thừa Thiên hộ về tiền mặt, đồ vật dùng và xa xỉ phẩm độ bốn trăm triệu, còn làng ấp, ruộng vườn, sản vật lương tức, tứ tức, xe cộ, mỗi thứ được chừng này, chừng này...

Nghe viên tổng quản phúc trình xong, ông Thiên hộ có ý muốn di chúc rằng: “Chừng ấy tài sản của ta, Ghosaka là nghĩa tử, ta không cho quyền thừa kế”. Nhưng khi thốt ra lời, ông Thiên hộ nói lộn là “Ta cho quyền thừa kế”. Tiểu thư nghe dứt tiếng, nàng mừng thầm tự nghĩ: “Nếu cho ông ấy nói sửa trở lại thì tình thế sẽ đảo ngược hết”. Tiểu thư liền giả cách bi thương, bứt tóc dậm chân khóc kể rằng: “Cha ơi là cha, cha nói làm chi lời ấy, làm cho hai con nghe qua càng thêm đau khổ quá chừng! Cha ơi là cha ơi...”.

Dứt lời, tiểu thư giả vờ chồm tới trước, đập đầu ngay ngực ông Thiên hộ, rồi nằm lì nơi đó khóc nỉ non tức tưởi, cốt ý không cho cha chồng mở miệng sửa lại chúc ngôn. Nhưng ông Thiên hộ cũng vừa tắt thở ngay trong phút giây ấy.

Gia nhân vào trào bá kiến đức vua Udena để báo tin: “Ông Thiên hộ đã thất lạc”. Quốc vương ban cho gấm vóc để đem về khâm liệm tống chung phú ông, đúng theo lề lễ và phán hỏi:

- Thiên hộ có con trai hay con gái chi không?

- Muôn tâu bệ hạ, Thiên hộ có một người con trai là công tử Ghosaka. Trước khi thất lạc, Thiên hộ có chúc ngôn truyền hết tài sản lại cho công tử.

Sau đó một thời gian, đức vua triệu công tử Ghosaka vào triều bệ kiến.

Hôm ấy nhằm trời mưa to, trong sân ngự chỗ nào cũng có nước đọng vũng, công tử Ghosaka tính thầm: “Ta đi châu vua”, rồi một mình đi vào cung nội. Đức vua đứng trong biệt điện, mở cửa sổ nhìn ra, thấy công tử đi đến đang nhảy tránh các vũng nước trong sân mà vào cung.

Đến chỗ vua ngự, công tử triều bái, tung hô vạn tuế, rồi đứng lên. Đức vua phán hỏi công tử:

- Khanh đây phải là Ghosaka không?

- Muôn tâu bệ hạ, phải! Hạ thần chẳng may nên nghiêm đường đã sớm thất lạc.

- Khanh đừng bị lụy, để trẫm phong chức Thiên hộ cho khanh, để khanh được nối chức của cha.

Phán xong, đức vua ân tứ cho công tử mấy chung ngự tửu, rồi truyền bãi châu: “Trẫm cho phép khanh về”.

Khi Ghosaka về, đức vua còn đứng nhìn theo, thấy công tử đi thẳng một đường, lội luôn qua các vũng nước, chứ không nhảy tránh như lúc vào cung. Đức vua lấy làm lạ về cử chỉ của công tử Ghosaka, bèn triệu hồi và phán hỏi công tử:

- Nay hiền khanh, tại sao lúc vào cung để triều kiến trẫm thì khanh nhảy tránh các vũng nước, còn khi trở về khanh lội phăng xuống nước, đi thẳng một đường?

- Muôn tâu Thánh thượng, hạ thần lúc vào cung còn là một công tử, cho nên còn giữ tánh bay nhảy bông lông, bây giờ đã được lệnh cửu trùng chân hứa sẽ ban cho tước lộc triều đình, hạ thần không dám kinh suất như trước, cho nên phải đi đứng chỉnh tề như thế.

Nghe công tử biện bạch, Quốc vương Udena cảm mến, khen rằng:

- Thiếu niên này có đủ tư cách, đáng được thụ phong ngay từ bây giờ.

Phán rồi, đức vua hạ chiếu chỉ, phong cho công tử Ghosaka giữ chức Thiên hộ của cha, được phép thu thuế công điền công thổ một trăm thôn ấp như trước.

Công tử Ghosaka về nhà vinh quy bái tổ, công tử đứng trên một chiếc xe hoa, nhiều qua thành phố dân chúng khắp nơi tung bùng chào đón, tiếng hoan hô vang dậy.

Tiểu thư ở nhà đang trò chuyện với bà vú Kālī, tiểu thư hỏi rằng: “Nhũ mẫu Kālī, vú có biết rằng tất cả sản nghiệp của con trai vú, nhờ một tay con mà có không?”.

- Nhờ bằng cách nào hả con?

- Lúc trước công tử qua nhà con, bên vạt áo có buộc một phong thư mượn người hạ sát chàng. Khi ấy chính tay con xé bỏ bức thư độc hại ấy và viết tráo một bức thư khác, mượn người đứng chủ hôn cho công tử đứng cưới con. Nhờ con cứu mạng mà công tử mới được sống sót đến ngày nay.

- Con à! Con chỉ biết thấy có bao nhiêu đó thôi. Chớ thật ra lão Thiên hộ đã lập tâm mưu sát công tử nhiều lần, kể từ thưở công tử hãy còn bé thơ. Nhưng lão đã thất bại hoàn toàn mặc dầu lão đã tung ra rất nhiều tiền của.

- Nhũ mẫu à! Lão Thiên hộ đã tạo thật nhiều nghiệp hết sức nặng nề, tội lỗi phải không?

Thấy công tử đã nhiều qua thành phố, trở về đến nhà, Tiểu thư cười rằng: “Công tử nhờ một tay thiếp mới được vinh hiển như thế”.

Thiên hộ Ghosaka thấy vợ cười thì hỏi:

- Tại sao nàng cười?

- Tại vì một lẽ riêng.

- Lẽ gì? Nói ta nghe thử.

Tiểu thư nín thinh, làm ra vẻ bí mật. Ghosaka rút kiếm ra giả vờ hăm dọa: “Nếu thực không chịu khai, ta sẽ chém mi đứt hai bây giờ”.

Tiểu thư nói: “Thiếp cười vì chàng nhờ thiếp mới được làm chủ bấy nhiêu sản nghiệp này đây?”.

Ghosaka bảo vợ: “Tất cả tư sản này là của gia nghiêm truyền giao cho ta, ta thừa hưởng là lẽ dĩ nhiên, nàng có công lao chi mà kể lễ”.

Thiên hộ vẫn vô tình, không biết chi về ác tâm của dưỡng phụ trong thời gian qua, nên khi nghe vợ kể công, thì chàng không tin.

Tiểu thư bèn đem tất cả những điều ẩn khúc thuật lại một hồi: “Dưỡng phụ sai chàng mang thơ, mượn tay người thủ tiêu chàng, mà chàng vô tình nào biết. Nhờ thiếp đã làm như vậy... như vậy... để cứu mạng và che chở cho chàng sống đến ngày nay”.

- Không tin chàng cứ hỏi bảo mẫu Kālī thì biết.

- Thừa bảo mẫu vợ con nói đây có thật không?

- Thật thế con à, dưỡng phụ con mưu tính giết con khi con còn mẵng sữa nhưng không được. Người đã xuất rất nhiều tiền sai đem bỏ con bảy lần ở bảy chỗ, mà con đều thoát chết. Nên bây giờ con mới sống mà thừa hưởng di sản, được vua phong chức Thiên hộ và ân tứ quyền thu thuế một trăm thôn ấy đó con.

Nghe hết tự sự, Thiên hộ Ghosaka giật mình, than thầm: “Ôi! Nghiệp báo của ta quả thật nặng nề, cho nên mới chết hụt nhiều lần như vậy. May sao mà ta còn toàn mạng... Nếu ta cứ buông lung phóng dật chẳng là trái đạo lắm ư? Từ rày ta không nên dễ dãi nữa!”.

Nghĩ rồi, mỗi ngày Thiên hộ xuất ra một ngàn đồng tiền vàng để làm việc phước thiện, như giúp kẻ lỡ đường, nuôi người tàn phế, châu cấp cho kẻ cô bần quả nhược... Thiên hộ giao phó công việc chuẩn thí cho Trưởng giả Mittakutumbika trông coi.

DỨT TÍCH THIÊN HỘ GHOSAKA



Thờ ầy, nơi kinh thành Bhaddavatī, có viên ngoại là bạn đồng điệu “tương giao tương kiến” (aditṭhapubba-sahāyako) của Thiên hộ Ghosaka.

Do những lái buôn từ thành Bhaddavatī đến Kosambi, Thiên hộ được nge danh tiếng giàu sang của nhà cự phú ở nước láng giềng, sanh lòng ái mộ, muốn kết tình hữu nghị nên gửi tặng phẩm đến cho viên ngoại. Bánh ịch đi bánh quy lại, hai nhà giao hảo như thế, nhưng chưa có dịp gần nhau. Một thời gian sau, nhà viên ngoại Bhaddavatī bị nhiễm bệnh thiên thời (ahivātarogo). Ruồi lẩn chết trước tiên, kế đến kiến mối, chuột, bọ, gà vịt, heo, chó, mèo, bò cạp, tứ gái, tứ trai. Sau cùng tất cả gia nhân đều chết trụi, những người sợ chết lây, bỏ nhà chạy đi lánh nạn thì còn được sống sót. Trong số đó có viên ngoại Bhaddavatī, bà vợ và cô con gái tên là Sāmā (Ô Nhi: Con đen).

Chạy thoát nơi tử địa rồi viên ngoại tính muốn qua thăm Thiên hộ Ghosaka, bèn cùng vợ con lên đường đi Kosambi. Họ đi mới được nửa đường thì hết lương thực.

Dầu dãi phong sương, nhịn đói, nhịn khát thân thể mệt mỏi, tay chân rũ liệt, gian nan lắm họ mới đi đến thành Kosambi. Kiếm chỗ có nước tắm rửa sạch sẽ cho mát mẻ, rồi họ vào nghỉ trong một ký túc xá (sālā) ở đầu cổng thành.

Tạm trú yên nơi viên ngoại bảo vợ rằng: “Bà ơi! Chúng ta tiêu tụy như vậy mà đến nhà ai, dầu là nhà mẹ sanh đi nữa, coi cũng khiếm nhã, nghe đồn bạn ta là Thiên hộ Ghosaka hằng ngày xuất cả trăm đồng tiền vàng để cứu giúp những người lỡ chân trái bước, áo rách đói cơm, ta hãy sai con Sāmā đến đó xin vật thực, ta dùng đỡ một đôi ngày cho lại sức, rồi hãy đến nhà viếng thăm bằng hữu của ta vậy”.

Bà Bhaddavatī cũng đồng tình: “Phải đó ông à”. Đêm ấy ba người ngủ luôn nơi ký túc xá, sáng hôm sau, khi thấy đám bàn nhân kéo đến xin vật thực, ông bà viên ngoại kêu con gái:

- Con ơi! Con đi xin vật thực về cho cha mẹ đi con.

Than ôi! Một thiên kim tiểu thư đến hồi mặt vận, cũng phải ráng dần lòng chịu nhục, ôm bát đi chung với đám ăn mày, đến đứng trước cửa nhà Trưởng giả Mitta.

- Cô bé đây lãnh mấy phần?

Nghe Trưởng giả hỏi, tiểu thư đáp:

- Dạ thưa ba phần.

Trưởng giả cấp cho nàng ba phần ăn.

Lãnh thực phẩm xong, tiểu thư đem về ký túc xá cùng ngồi ăn chung với cha mẹ.

Bà viên ngoại nói: “Gia tài sự nghiệp của ta đều tiêu tan, nhưng cũng có ngày tạo lại được cái khác, bây giờ ông nên bảo trọng thân thể, cứ ăn cho no đi, đừng lo cho mẹ con tôi, mà cũng đừng nghĩ ngợi gì nữa”.

Bị hai người cổ nài ni ép ăn viên ngoại Bhaddavatī thọ thực quá nhiều, nên bị trúng thực phát ách, đau bụng cả đêm và trút hơi thở cuối cùng vào lúc mặt trời mới rạng.

Hai mẹ con bà viên ngoại vật mình than khóc, tình cảnh ái ly tử biệt thật là thống thiết bi ai...

Sáng hôm ấy, tiểu thư Sāmā vừa gạt lệ sầu vừa đi đến chỗ phát chẩn. Thấy tiểu thư, Trưởng giả Mitta lại hỏi:

- Cô bé lãnh mấy phần?

Tiểu thư đáp: “Dạ thưa hai phần”.

Trưởng giả bèn cấp cho tiểu thư hai phần ăn, tiểu thư đem thực phẩm xin được về dâng hết cho mẹ và yêu cầu bà ăn cho no, chiều theo lòng con gái, bà viên ngoại dùng bữa ăn quá sức mình vật thực không tiêu hóa được làm cho bà sinh bụng, phát ách và từ trần luôn ngày ấy.

Tiểu thư Sāmā còn sống một mình, hết khóc lại than, muôn sầu vạn thảm, quê người vô võ, tứ cố vô thân, chút phận liễu yếu đào tơ, luống chịu truân chuyên nhiều nỗi.

Đã khổ tâm còn đói bụng, ngày sau tiểu thư phải gắng gượng đi xin ăn vừa đi vừa gạt lệ sầu.

Cô bé lãnh mấy phần ăn?

Dạ thưa, chỉ một phần.

Từ ba ngày nay, Trưởng giả Mitta thấy cô bé này mỗi ngày mỗi giảm một phần ăn, nên khi nghe cô đáp “một phần”, thì nói giọng khinh miệt rằng: “À cô bé ăn mày! Bữa nay mày mới tiết độ rồi hả?”.

Tiểu thư Sāmā cảm thấy xót xa tủi nhục như vừa bị ai xát muối vào vết thương lòng, nhưng cũng còn gượng hỏi lại rằng:

- Dạ thưa, ông nói chi?
- Bữa đầu mày lãnh ba phần, hôm qua lãnh hai phần, hôm nay lãnh một. Vậy là hôm nay mày biết tiết độ rồi đó.
- Dạ thưa ông chủ, xin ông đừng hiểu lầm là tôi xin về ăn một mình tôi.
- Thế thì tại sao cô bé đã lãnh tới ba phần?
- Bữa đầu, chúng tôi cả thầy ba người, hôm qua còn hai, bữa nay còn một mình tôi mà thôi.

Trưởng giả chưa hiểu rõ nguyên nhân, hỏi tiếp: “Tại làm sao, đâu em nói rành rẽ cho ta nghe thử?”.

Sau khi tiểu thư Sāmā kể hết nỗi nhà tan tác vì tai biến, trôi nổi thân lạc loài. Trưởng giả Mitta cảm lòng không được, nước mắt tuôn rơi.

Trưởng giả an ủi tiểu thư: “Thôi chuyện đã qua rồi, em đừng khêu gợi lại nữa. Con gái của viên ngoại Bhaddavatī cũng như con gái của ta, từ giờ trở đi ta nhận con làm nghĩa nữ”.

Nói rồi, Trưởng giả hôn lên đầu Sāmā, dắt nàng vào nhà, lập nàng lên làm trưởng nữ của mình.

Khi ấy, trong phước xá (Dānagga) có nhiều tiếng ồn ào huyền náo. Tiểu thư Sāmā hỏi dưỡng phụ rằng:

- Thưa cha, sao cha không bảo đám người kia êm lặng và cha bố thí cho họ vậy?
- Không có cách nào làm cho họ im lặng được con à!
- Thưa cha, con có cách làm được.
- Làm sao được hả con?
- Thưa cha! Cha hãy cho xây rào ngang phía trước phước xá chỉ chừa hai bên cửa ra vào, rồi cha dặn họ: “Đi vô bên này, đi ra bên kia”. Làm như vậy thì cha sẽ giữ được trật tự. Họ hết chen lấn ồn ào, ai cũng đi vô lãnh phần mình và đi ra êm thấm.

Trưởng giả Mitta nghe dứt lời khen rằng: “Hay quá, phương pháp của con hay quá”. Rồi Trưởng giả làm y như lời đề nghị của cô nghĩa nữ.

Tiểu thư trước đây tên là Sāmā, nay vì có sáng kiến làm hàng rào trước phước xá, nên được người gọi là Sāmāvatī. Từ đó về sau, trong phước xá dứt hẳn tiếng ồn ào náo nhiệt, sự thay đổi này làm cho Thiên hộ Ghosaka đề ý, lúc trước mỗi khi nghe tiếng người lao xao vọng đến nhà mình, Thiên hộ rất hài lòng, nói thầm: “Tiếng huyền náo ở phước xá ta đó”. Cách hai ba bữa nay, nghe trong phước xá lặng trang, Thiên hộ lấy làm lạ, bèn đích thân đến gặp Trưởng giả Mitta để gạn hỏi cho biết nguyên nhân.

- Công việc chẳng thí vẫn tiếp tục như thường chứ.
- Dạ vâng, thưa Thiên hộ.

- Tại sao hai ba bữa nay nghe lặng trang, không có tiếng tăm chi hết vậy?
- Thưa Thiên hộ vì tôi áp dụng phương pháp khiến họ được im lặng trước khi lãnh phần cấp thí.
- Thế sao từ trước ông không áp dụng phương pháp ấy?
- Thưa Thiên hộ vì trước kia tôi chưa biết.
- Sao bây giờ lại biết?
- Thưa Thiên hộ, nhờ có trưởng nữ của tôi nó bày cách cho tôi.
- Ủa lạ, từ hồi trước tới giờ, ta chưa nghe nói là ông có con gái mà.

Trưởng giả Mitta bèn đem hết lai lịch của tiểu thư Sāmāvatī, từ khi viên ngoại chết đi cho đến lúc Trưởng giả nhận tiểu thư Sāmāvatī làm trưởng nữ của mình, thuật lại một hồi. Nghe xong, Thiên hộ Ghosaka trách rằng:

- Chuyện như vậy, mà sao ông không cho ta hay? Con gái của bạn ta tức là con gái của ta. Ông kêu nó ra đây cho ta hỏi coi.

Thiên hộ nói tiểu thư Sāmāvatī rằng:

- Con là ái nữ của viên ngoại Bhaddavatī phải không?
- Dạ thưa Ngài, phải.
- Nếu vậy con đừng buồn lo nữa, ta nhận con làm con gái của ta, con chịu chăng?

Thiên hộ Ghosaka hôn lên mái tóc đen huyền của cô gái mồ côi, cấp cho cô năm trăm nữ tỳ và đặt lên địa vị tiểu thư, trưởng nữ của thiên hộ.

Ngày lễ Quốc khánh trong thành Kosambi, nhân dân vui chơi tung bùng, rộn rịp. Theo tục lệ, ngày này ai ai cũng được tự do, mấy cô thiếu nữ “khuê môn bất xuất” đều dắt cả nhóm thị tỳ của mình đi bộ ra bờ sông để tắm gội.

Nhân dịp lễ hội, tiểu thư Sāmāvatī cùng với năm trăm thị nữ dắt nhau đi tắm sông. Họ diễu ngang qua sân ngự trước đền vua.

Quốc vương Udena đứng trong hoàng cung nhìn qua song cửa sổ, thấy tiểu thư Sāmāvatī, bèn phán hỏi thị thân: “Vũ nữ này là của ai?”.

- Tâu bệ hạ! Nàng là ái nữ của Thiên hộ Ghosaka, mỹ danh là Sāmāvatī.

Quốc vương Udena từ lúc thấy tiểu thư Sāmāvatī thì đem lòng sủng ái, bèn hạ chiếu chỉ truyền lệnh cho Thiên hộ Ghosaka đưa tiểu thư tiến cung.

- Muôn tâu Thánh thượng, thần không thể nào đưa con gái tiến cung. – Thiên hộ Ghosaka đáp.

- Khanh chớ vi lệnh quả nhân như thế. Hãy mau đưa linh ái tiến cung lập tức.

- Muôn tâu chúa thượng, luật nước tuy nghiêm minh, không có lệ xử phạt, giam cầm người vô tội. Quyền cha thì hữu hạn thì làm sao hạ thần áp chế, đánh đập, ép uống duyên con. Hạ thần không thể đem con gái mình mà hiến nạp vào cung.

Đức vua nổi trận lôi đình chỉ bộ, ra lệnh cho quan quân niêm phong nhà cửa của Thiên hộ Ghosaka, bắt hai ông bà đại phú đuổi tống ra bên ngoài.

Tiểu thư đi tắm về bị cấm cửa, không vào nhà được, bèn hỏi ông Thiên hộ:

- Sao có việc này vậy thưa cha?

- Này con, đức vua đưa sứ đến, đòi tuyển con vào cung, cha mẹ không phục tùng vương lệnh. Đức vua phần nộ ra lệnh niêm phong nhà cửa, đuổi tống cha mẹ ra ngoài như vậy đây.

- Thưa cha, - tiểu thư nói - Cha đã phạm tội khi quân, tội ấy rất nặng. Phàm đạo làm tôi không nên cãi lệnh nhà vua. Thưa cha, con thiết tưởng, cha nên tâu cùng đức vua, xin cho cả đoàn thị nữ cùng nhập cung với con.

- Hay thay! Nếu con đã thuận tình gán gửi quân vương thì cha mẹ sẽ chiều ý con mà tâu lên Thiên tử.

Nói rồi Thiên hộ Ghosaka cho người dâng sớ tâu lên Thiên tử. Đức vua chấp nhận bằng lời chuẩn tấu, đoạn khiến quân binh đến rước tiểu thư Sāmāvatī với đoàn thị nữ nhập cung. Đức vua tấn phong tiểu thư là chánh cung Hoàng hậu, còn năm trăm thị nữ của tiểu thư đều được chuẩn nhận làm cung nữ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ SĀMĀVATĪ



Đức vua Udena còn có một bà Thứ hậu tên là Vāsuladatta (Hòa Tu Lạc Thí), là công chúa con vua Caṇḍapajjota (Huy Đăng) trị vì Ujjenīya.

Hoàng đế Caṇḍapajjota là một vị vua có nhiều tham vọng hằng mong đi chinh phạt các nước nhược tiểu để mở rộng bờ cõi nước mình.

Một hôm, trên đường du ngoạn trở về nhà vừa háo chiến vừa tự đắc nhìn ngắm giang san của mình, rồi phán hỏi quần thần: “Có lãnh thổ của quốc vương nào bì kịp với lãnh thổ của trẫm đây chăng?”.

Bá quan tâu rằng: “Muôn tâu Chúa thượng, nếu so với lãnh thổ của Quốc vương Udena thì đất nước của chúng ta chưa thấm vào đâu cả vì xứ Kosambi là một xứ rộng lớn vô cùng”.

Nghe vậy, Hoàng Đế Caṇḍapajjota phán rằng:

- Thế thì trẫm sẽ tương tập binh, thôn tính xứ Kosambi.

- Muôn tâu Thánh thượng, không thể được.

- Tại vì sao thế?

- Vì vua Udena biết phép điều tượng, miệng niệm mật chú, tay khảy đàn thần vua ấy có thể huy động đàn voi chiến chạy tới chạy lui đúng theo binh pháp. Nước ta không có tượng binh hùng hậu và người tài giỏi như vua ấy đâu?

- Trẫm không bắt sống được vua ấy sao?

- Muôn tâu chúa thượng, nếu chúa thượng quyết bắt cho được vua Udena thì phải dụng mưu kế như vậy: Chúa thượng nên khiến thợ mộc rành nghề, chế tạo một

con tượng bằng gỗ, rồi cho quân đem thả gần ranh giới nước vua Udena. Hễ vua ấy nghe đồn có voi chiến, hoặc ngựa chiến ở đâu, thì dẫu cho xa xôi cách mấy cũng tìm đến tận nơi, khi ấy ta phục binh thì bắt được vua Udena dễ dàng như trở bàn tay.

Hoàng đế Caṇḍapajjota nghe tâu rất đẹp ý, bèn khiến tuyển nhiều thợ khéo, đặt cho họ làm một con tượng máy bằng gỗ, bên ngoài lấy vải cũ xù xì như da voi phủ lên, bên trong sắp đặt cơ quan điều động, đứng xa trông có vẻ linh hoạt như là voi sống thật sự, xong rồi Hoàng đế Caṇḍapajjota khiến quân sĩ đem tượng máy đến tận biên thủy, đặt nó đứng trên bờ của một hồ nước, trong bụng voi có đến sáu mươi quân sĩ điều khiển cho nó đi tới đi lui chỗ này, chỗ nọ. Họ đem theo phần voi để trải đường voi đi. Một người thợ rừng xứ Kosambi trông thấy con bạch tượng trước nhất “Thót tượng này rất xứng với quân vương ta”. Nghĩ vậy, người ấy về trào tâu với vua Udena:

- Muôn tâu chúa thượng! Hạ thần đi rừng gặp một con voi trắng phau nhau như ngọn núi tuyết. Thật là một thứ bạch tượng quý rất xứng đôi với chúa thượng.

Lập tức vua Udena phong cho thợ rừng làm hướng đạo viên, rồi vua cưỡi voi cùng với đoàn quân hộ giá lên đường đi săn bạch tượng.

Thấy vua Udena trúng kế, bọn thám tử thông tin cho Hoàng đế Caṇḍapajjota hay.

Vua Caṇḍapajjota ngự giá đến nửa đường, khiến quân sĩ an dinh hạ trại, đoạn bố trí hai đội quân mai phục hai bên con đường chẹt, chờ vua Udena đến.

Vua Udena không hay biết cơ mưu của địch, chỉ cứ mãi rượt theo con bạch tượng giả, bị đuổi gần, bọn người trong mình con voi gia tăng tốc độ, hướng về nơi có phục binh chạy tới.

Vua Udena giờ thuật niệm chú, khải đàn để trục hồi tượng chúa, nhưng con voi gỗ không tuân theo phép, bỏ chạy đi luôn.

Thấy cưỡi voi rượt không kịp, đức vua Udena liền bỏ voi, thót lên một con tuấn mã, thúc ngựa đuổi theo.

Ngựa vua phi nước đại, bỏ cả đoàn quân hộ tống rớt lại phía sau, đưa một mình vua vào nơi hiểm địa.

Khi ấy hai đội binh của hoàng đế Caṇḍapajjota rời chỗ mai phục, xông ra đón đường vây bắt được vua Udena, đem về nạp cho chúa tướng.

Đoàn quân hộ giá của vua Udena chạy trốn tới, thấy vua mình bị sa lưới địch, đã bị sanh cầm, bèn lập tức thối lui, đồn trú ngoài biên giới.

Sau khi dùng mưu bắt sống được vua Udena, Hoàng đế Caṇḍapajjota ra lệnh hạ ngục nhà vua thất thế, sai lính canh phòng cẩn thận, đoạn mở tiệc khao quân, ăn mừng thắng trận trong ba ngày liền. Đến ngày thứ ba vua Udena kêu gọi các lính canh: “Chúa tướng các ngươi đâu?”.

- Đang uống rượu mừng bắt được vua nước địch.

Nghe vậy vua Udena quát mắng rằng: “Chúa tướng của chúng bây hành động y như là hạng phụ nữ. Lẽ thường, trên chiến địa hễ bắt được vua nước nghịch, một là

tha, hai là giết, chớ có đầu mà giam cầm cô gia mãi, để cùng nhau uống rượu ăn mừng”.

Bọn lính canh chạy đi tâu lại những lời trên đây với chúa tướng. Hoàng đế Caṇḍapajjota thân ngự đến đề lao, hỏi vua Udena: “Phải quốc vương đã buông lời khiển trách khiếm nhã đối với quả nhân như thế chăng?”.

- Tâu đại vương, phải.

- Quả nhân nghe đồn Quốc vương biết pháp điều khiển tượng, nếu Quốc vương truyền dạy quả nhân phép ấy, quả nhân sẽ thả Quốc vương ra ngay.

- Được rồi, cô gia sẽ dạy, nhưng trước khi thọ giáo, đại vương phải làm lễ bái sư, nào đại vương đánh lễ đi.

- Quả nhân chẳng đánh lễ ai cả.

- Đại vương không khứng hạ mình làm lễ bái sư hay sao?

- Quả nhân không làm lễ bái sư.

- Thì cô gia cũng không truyền phép điều tượng.

- Nếu Quốc vương giầu nghề, quả nhân sẽ đưa Quốc vương theo châu tiên đế.

- Thân ta như cá nằm trên thớt, đại vương cứ giết phút ta đi, chớ đừng mong làm chủ được tâm ta.

Nghe tù nhân phẫn uất la to, Hoàng đế Caṇḍapajjota biết không thể thị oai, nghĩ rằng: “Bây giờ ta phải tìm cách nào học lấy mật chú này cho kỳ được. Ta không nên để tiết lộ ra ngoài. À hay ta hãy cho Công chúa con ta đến học với hấn, rồi sau đó ta sẽ học lại của Công chúa”.

Suy nghĩ chín chắn rồi, Hoàng đế Caṇḍapajjota hỏi lại vua Udena: “Nếu có ai khác đánh lễ Quốc vương để thọ giáo thì quốc vương sẽ truyền dạy mật chú cho người ấy phải chăng?”.

- Tâu đại vương, phải.

- Nếu vậy, trong hoàng cung có đứa con gái lưng gù, để quả nhân bảo nó ngồi bên trong bức rèm đánh lễ, còn Quốc vương thì hãy đứng bên ngoài mà dạy nó học.

- Tâu đại vương! Gù lưng hay què cẳng chi cũng được, miễn là làm lễ bái sư, thì cô gia sẽ truyền bí thuật.

Hoàng đế Caṇḍapajjota liền trở về cung điện bảo công chúa Vāsuladatta: “Này công chúa, có một thanh niên cùi phong lở lói mà biết câu mật chú quý giá vô cùng, phụ vương không muốn hấn tiết lộ cho kẻ nào biết được. Vậy con hãy ngồi sau bức rèm làm lễ bái sư, rồi học câu chú ấy. Còn hấn ta, phụ vương sẽ khiến đứng phía ngoài bức rèm mà dạy con học, thôi để phụ vương dắt hấn đến đây”.

Hoàng đế Caṇḍapajjota đã bịa ra cô gái lưng gù và gã thanh niên cùi như thế, để cho hai bên ghê sợ lẫn nhau mà không dám suông sã lừa dối.

Bị bức rèm ngăn cách, hai đảng không trông thấy rõ nhau. Chờ Công chúa đánh lễ và ngồi xuống xong vua Udena đứng bên ngoài nói vọng vào để truyền dạy mật chú.

Suốt cả ngày hôm ấy, ông thầy nhắc đi nhắc lại có một câu chú, mà cô học trò nói theo cũng không đúng giọng. Vua Udena bực mình gắt gỏng: “Cô gái lưng gù này đây, môi và má cô dày quá đi thôi. Tôi phải tát tai cô mới được. Cô phải đọc đúng giọng như vậy nè”.

Công chúa nổi giận cũng mắng trả lại: “Cái thằng cha cùi phong lở lói này đừng có ăn nói hàm hồ, người như ta mà người dám kêu là cô gái lưng gù phải không?”.

Công chúa vén rèm lên nhìn vua Udena. Vua Udena hỏi:

- Tiểu thư là ai?
- Ta là công chúa Vāsuladatta.
- Đại vương đã nói với ta rằng: “Công chúa là cô gái lưng gù”.
- Phụ vương cũng nói với ta rằng: “Quốc vương là gã thanh niên cùi phong lở lói”.

Hai người đồng chung một ý nghĩ: “Chắc phụ hoàng sợ chúng ta gần gũi thân mật nhau nên nói vậy”.

Rồi họ đưa nhau vào bên trong bức rèm tư tình với nhau. Từ đó về sau, không còn có chuyện dạy chú thuật, học thuật chi nữa cả. Hoàng đế Caṇḍapajjota không hay biết chuyện này và thường hỏi thăm công chúa: “Con có học pháp thuật không con?”.

- Tâu phụ vương, con vẫn đang học.

Nấn ná ở nước ngoài được ít lâu. Một hôm vua Udena than thở cùng công chúa Vāsuladatta: “Công chúa ơi! Tình nghĩa vợ chồng đậm đà, thắm thiết dù cho cha mẹ, anh em ruột cũng chẳng sánh bằng. Nếu công chúa thật dạ yêu ta, thì ráng giúp ta được đào sanh cùng nhau trở về cố quốc, ta sẽ phong cho Công chúa làm Hoàng hậu và cấp cho năm trăm cung phi mỹ nữ theo hầu”.

- Nếu như quân vương đoan thệ giữ lời kim thạch thì thần thiếp nguyện sẽ tận tình mà khai lộ đào sanh.

- Ái hậu ơi! Trẫm sẽ giữ đúng như lời đã hứa.
- Thôi được rồi, xin Quân vương hãy vững dạ.

Hôm ấy, Công chúa vào vương cung bái kiến phụ hoàng, rồi đứng qua một bên. Hoàng đế Caṇḍapajjota liền phán hỏi:

- Công chúa, con học hết phép điều tượng rồi phải không?
- Tâu phụ vương, con học chưa hết.

Vua lại phán:

- Thế thì con có điều chi muốn tỏ trần?

- Tâu phụ vương! Chúng con cần có một cửa thành riêng biệt và một con vật thần hành (Vāhana).

- Để làm chi vậy con?

- Tâu phụ vương, người thí nghiệm thần chú cần phải ra phía ngoài thành trong lúc ban đêm để kiếm một vị thuốc, cho nên chúng con cần phải có một cửa thành đặc biệt và một con vật thần hành để tiện dụng trong lúc xuất thành chánh thời hoặc phi thời cũng được.

Đức vua chuẩn tâu. Đôi tình nhân vui mừng hớn hở, đích thân ra khai một cửa thành đặc biệt.

Hoàng đế Caṇḍapajjota có đến năm vật thần hành. Một con voi cái tên là Bhaddavatī (Hiền Ly) mỗi ngày đi được năm mươi do tuần. Một quan nội thị tên là Kāla (Ô Nha) mỗi ngày đi sáu mươi do tuần, hai con thiên lý mã là Velakaṃsi mà Muñjakesi mỗi ngày chạy được một trăm do tuần và con voi chúa Nālāgiri mỗi ngày đi được một trăm hai mươi do tuần.

Tương truyền rằng: Trong tiền kiếp, trước thời kỳ Đức Phật Tổ Gotama giảng sanh, Hoàng Đế Caṇḍapajjota là bộ hạ của Tổng trấn (Issara).

Một ngày nọ, nhằm lúc quan tổng trấn ra ngoài ngoại ô để tắm, đang đi trở về thì gặp vị Phật Bích Chi (Pacceka-buddha) vào thành khát thực, bị Ma vương cản trở khiến toàn thể dân chúng không ai để bát, nên Ngài chẳng thọ dụng chút ít vật thực nào hết, bèn ôm bát không trở ra.

Đã vậy, Ma vương còn hóa hiện ra một người lạ mặt đứng đón Ngài tại cổng thành để hỏi: “Bạch Ngài! Ngài đi bát có được chút gì không?”. Đức Phật Độc Giác hỏi lại Ma vương:

- Vì có nào mà người phá rồi, làm cho ta đi bát không được chi hết vậy?

- Thế thì Ngài hãy trở lại thành, phen này tôi không phá Ngài nữa đâu.

Kỳ thật nếu Đức Phật Độc Giác trở vào thành thì Ma vương sẽ nhập vào mình toàn thể dân chúng khiến cho họ vỗ tay cười rộ lên chế nhạo Ngài. Nhưng Đức Phật từ khước không vào lại thành, thấy gạt Đức Phật không được, Ma vương biến mất.

Khi ấy, quan Tổng trấn trông thấy Đức Phật Độc Giác ôm bát không đi ra, bèn kính cẩn đánh lễ Ngài, rồi hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi bát có được chút chi chăng?

- Này đạo hữu! Đi vào rồi, bây giờ ta đi ra.

Quan Tổng trấn ngẫm nghĩ: “Đại đức không trả lời câu hỏi của ta, mà lại nói lảng qua chuyện khác, chắc là Ngài không được chi hết”.

Khi đến xin Đức Phật Bích Chi cho xem bát, quan Tổng trấn nhìn thấy bát trống không, ý muốn xin thỉnh bát mà chưa dám vì không biết chắc ở nhà mình cơm nước đã chín sẵn chưa?

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài đi thông thả lại một chút.

Nói rồi quan Tổng trấn bươn bả trở về nhà, hỏi rằng: “Ở nhà cơm nước có chín sẵn chưa hả?”.

- Thừa sẵn cả rồi.

Nghe vậy, quan Tổng trấn gọi tên bộ hạ thân tín, bảo rằng:

- Này con! Nội nhà không có ai chạy lẹ bằng con vậy con ráng hết tốc lực chạy theo cho kịp Ngài Đại đức, bạch Ngài cho con thỉnh cái bát, rồi ôm bát chạy bay trở về đây.

Quan Tổng trấn vừa dứt tiếng nói thì tên bộ hạ đã phát sải như giông, chạy lấy bát đem về tức khắc. Quan Tổng trấn đem phần cơm ăn của mình đặt vào đầy bát rồi trao cho tên bộ hạ: “Này con, con chạy ra cho mau dâng bát thực phẩm này lên Ngài Đại đức! Phần phước của sự cúng dường này, ông cho con hết đó”.

Tên bộ hạ nhận lãnh bát vật thực, lại vội vã chạy thật nhanh, đến dâng bát lên Đức Phật Độc Giác, rồi gieo năm vóc xuống đất, đánh lễ Ngài xong, phát nguyện rằng: “Bạch Ngài, do phước báu đã chạy đi cấp tốc, chạy về cũng cấp tốc của tôi hôm nay, xin cho tôi làm chủ được năm vật thần hành thiên lý, đi được năm mươi, sáu mươi, một trăm và một trăm hai mươi do tuần mỗi ngày trong đời cận lai. Do sự nồng nhiệt của thân tôi khi chạy đi chạy lại dưới ánh mặt trời gay gắt, xin cho tôi tái sinh lên cõi nào cũng được oai lực sáng chói như ánh mặt trời. Do nơi phước báu để bát của chủ tôi cho tôi, xin cho tôi chứng được phép màu cũng như Ngài vậy”.

Đức Phật Bích Chi đáp: “Mong cho được như ý” và Ngài đọc bài kệ phúc chúc như sau:

“*Ichitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Cando paṇṇaraso yathā*”.

“*Ichitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Maṇi joti raso yathā*”.

*“Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện,
Của thí chủ mau kết quả nhân tiền.
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như tối rằm, trăng chiếu sáng khắp miền.
Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện,
Của thí chủ mau kết quả nhân tiền.
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như ngọc Ma ni, như ý chơn truyền”*.

Theo huyền thoại, hai bài kệ phúc chúc này đã có từ thời Đức Phật Bích Chi và được truyền tụng mãi đến ngày nay.

Trong bài kệ sau, thành ngữ Mañijotiraso chỉ thứ ngọc Ma ni bảo châu, giúp cho sở hữu chủ có thể thành tựu tất cả mọi điều mong ước.

Tên bộ hạ của quan tổng trấn trong thời dĩ vãng, nay là Hoàng đế Caṇḍapajjota, do phước báu của tiền nghiệp đã kể, mà năm món vật thần hành phát sanh đến Hoàng đế vậy.

Một hôm, Hoàng đế xuất thành du ngoạn trong vườn thượng uyển. Vua Udena nghĩ: “Hôm nay, ta phải nhân lúc đại vương đi vắng mà tẩu thoát cho mau”. Vua tom góp vàng, bạc dồn đầy mỗi thứ trong một cái bao da thật lớn, chắt lên lưng con voi cái Bhaddavatī, rồi cùng với Công chúa Vāsuladatta cỡi voi bôn đào.

Huỳnh môn quan trông thấy hai người chạy trốn, bèn tức tốc báo với Hoàng đế Caṇḍapajjota. Hoàng đế hạ lệnh cho tướng sĩ dẫn binh rượt theo truy nã, thấy đại quân đuổi gần theo phía sau. Vua Udena mở miệng bao đựng tiền vàng ra, ném rải xuống đất, quân sĩ đang chạy nhanh, bỗng dừng lại tranh nhau lượm cho hết tiền vàng, rồi mới lên ngựa rượt đuổi theo nữa. Vua Udena lại mở miệng cái bao đựng bạc, ném rải tứ tung theo đường, tướng sĩ mãi ham lo lượm bạc nên đình bộ lần thứ hai.

Nhờ vậy vua Udena với Công chúa Vāsuladatta chạy vượt qua khỏi biên giới về tới địa phận xứ Kosambi.

Đội quân đồn trú nơi biên ải, thấy vua Udena đã về, liền nhỗ trại hộ tống Quốc vương trở lại kinh đô. Về đến nơi vua Udena giữ lời hứa tấn phong Công chúa Vāsuladatta làm thứ cung Hoàng hậu.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU VĀSULADATTA



Ngoài hai bà chánh cung và thứ cung, Hoàng đế Udena còn có một người ái phi tên là Māgandiyā (Tam Địa), sau khi nàng tiến cung, được vua Udena phong làm Hoàng hậu thứ ba.

Nghe nói, nàng này người gốc Kuru, con dòng Bà la môn, cả cha và mẹ nàng cùng trùng một tên với bà là Māgandiyā. Bà có một người chú (Cūlapitu) cũng tên là Māgandiyā.

Tiểu thư Māgandiyā có nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, đẹp như là tiên nữ giáng trần, mặc dầu đã có nhiều bậc vương tôn công tử, con nhà quyền quý đến cầu hôn. Tiểu thư vẫn còn treo giá ngọc vì phụ thân nàng chưa kén được rể đồng sàng. Ông nói ngay: “Các cậu không xứng với con gái ta”. Khiến cho bọn người rắp ranh bắt sẽ tui ngưu rút lui, về sau không còn ai dám nuôi hi vọng được làm chồng của tiểu thư nữa.

Một bữa nọ, theo lệ thường vào lúc tinh sương, Đức Bổn Sư dùng tuệ nhãn quan sát thế gian, thấy ông Bà la môn Māgandiyā với vợ ông, đều có căn lành có thể đắc quả A Na Hàm trong ngày hôm ấy. Vì thế, Ngài tự mang y bát một mình ngự đến ngôi đền thờ thần lửa của ông Bà la môn ở ngoại ô thị trấn.

Ngắm nhìn tướng hảo quang minh siêu phàm tuyệt sắc của Đức Như Lai. Ông Bà la môn nghĩ thầm: “Trên đời này nhất định không có cậu trai nào khác có thể sánh

cặp với cậu trai này. Cậu này thật xứng đôi vừa lứa với con gái ta, ta sẽ dắt con gái ta ra tại đây mà gả không cho cậu”.

Nghĩ vậy, ông Bà la môn kêu Đức Bôn Sur và nói:

- Này ông Sa môn! Lão có một đứa con gái mà lâu nay lão vẫn kén rể đồng sàng, nhưng chưa gặp cậu trai nào có thể sánh duyên cùng con gái lão, nay lão gặp ông nếu đem so ông với nó thì hai đảng thật là xứng đôi vừa lứa, sắc cầm hảo hiệp. Vậy ông hãy đứng đây chờ, lão về dắt con gái ra mà gả cho ông.

Đức Bôn Sur im lặng, không đáp lời chi cả, ông Bà la môn lật đật chạy về gọi bà vợ: “Bà ơi! Bà à! Ta đã gặp được chàng rể xứng đáng với nhà ta, bà lo trang điểm con gái lệ lệ lên đi”. Khi tiểu thư đã trang điểm tươm tất rồi, ông Bà la môn với vợ dắt con gái chạy ra kiếm Đức Bôn Sur. Khắp cả châu thành đều xôn xao náo động, dân chúng bàn tán rằng: “Ông lão này lúc trước rêu rao là không có ai xứng đáng với con gái của lão và không chịu gả con cho ai hết cả. Bây giờ phát thịnh nói: “Hôm nay lão đã gặp được người xứng với con gái lão. Để ta tới xem mắt chàng rể quý của ông lão xem ra sao?”.

Thế là, người nọ rủ người kia, họ ùn ùn chạy theo ông Bà la môn. Khi ông Bà la môn dắt con gái đến chỗ hẹn với Đức Bôn Sur, thì Ngài không còn đứng ở chỗ đó nữa, nhưng Ngài có lưu lại một ấu chân, trước khi sang qua đứng ở chỗ khác.

Pháp Phật thật là kỳ diệu vô cùng, sau khi đã nguyện, chư Phật dặm chân lên tại chỗ nào thì ngay tại chỗ ấy có dấu bàn chân của Ngài in hình rõ rệt, còn ở những chỗ khác ngoài chỗ nguyện thì không thấy dấu vết chi cả.

Vả lại, những dấu chân của chư Phật không ai có thể xóa nhòa, dầu cho người ấy có phép hô phong hoán vũ, đảo hải di sơn, khiến cho gió táp mưa sa, tượng dày thú đập đi nữa để làm mất dấu Phật tích này cũng không thể được.

Khi ấy, bà Bà la môn hỏi chồng: “Chàng rể đâu?”.

- Cậu ấy mới vừa đứng đây, sao bây giờ đi đâu rồi?

Vừa nói, ông Bà la môn đưa mắt nhìn quanh, thấy dấu chân Đức Phật, ông bảo bà: “Đây dấu chân cậu ấy rành rành đây”.

Bà Bà la môn vốn là người thông suốt ba bộ kinh Phệ Đà (Veda), rành về khoa tướng số, nên lắm nhảm duyệt lại những bài kệ “thân tướng”, xem kỹ dấu chân Đức Phật, rồi quyết đoán rằng: “Này ông Bà la môn, dấu chân này không phải là của người phạm tục đâu!”.

Rồi bà đọc kệ rằng:

“Rattassa hi ukkuṭikam padam bhava,
Dutṭhassa hoti sahasānupīṭitam;
Mūḷhassa hoti avakaḍḍhitam padanti,
Vivattachadassa idamīdisam padanti”.

*“Đầu chân tùm người đầy tham dục,
Dấu lõm sâu phạm tục xấu xa,
Dấu kéo lê, tánh la cà,*

Dấu này hiển lộ, quả là chánh tâm”.

Ông Bà la môn vội ngăn vợ: “Thôi thôi hãy dẹp mấy câu chú ngữ của bà đi, đừng có giờ giọng thầy bói nói đui, hít tới hít lui, hít ra kẻ trộm nằm trên máng xối...”.

- Này ông Bà la môn! Ông muốn nói chi thì nói, chớ dấu chân này, theo tôi nhận biết, thì không phải của người đắm nhiễm ngũ trần.

Ông Bà la môn ngó quang quất, trông thấy Đức Bôn Sur thì kêu lên:

- Cậu ấy đây rồi.

Ông ta đi ngay đến chỗ Đức Phật và gọi: “Này ông Sa môn lão đem con gái lão ra mà gả không cho ông đây”.

Đức Bôn Sur không đáp ngay: “Ta cần hoặc ta không cần dùng con gái của ông”. Ngài ôn tồn bảo rằng: “Này ông Bà la môn, để Như Lai kể lại cho ông nghe một câu chuyện”.

- Ông Sa môn kể đi.

Thế rồi, Đức Bôn Sur nhắc lại lộ trình hành đạo của Ngài, từ khi mới phát đại nguyện xuất gia cho tới khi cảm thắng Ma vương dưới cội Bồ Đề và kết luận: “Dưới gốc cây Bồ Đề, Như Lai đã vượt qua ngũ dục ấy rồi”.

Thấy chuyện trên đây chưa dứt được nỗi ưu phiền tuyệt vọng của ông Bà la môn, Đức Bôn Sur giảng thêm chuyện ba cô Ma nữ, con gái của Ma vương đã từng dùng kế mỹ nhân để cám dỗ Ngài một cách vô ích: “Khi ấy Như Lai cũng chẳng còn thêm nữa là”. Nói rồi, Đức Bôn Sur ngâm kệ rằng:

“Disvāna taṇhaṃ aratīṇca rāgaṃ,
Nā hosi chando api methunasmim;
Kimevidaṃ muttakarīsapuṇṇaṃ,
Pādāpimaṃ samphusitaṃ na iccheti”.

*“Khát vọng, tật đố, dục tình,
Đã từng bạo dạng trên hình mà chơi.
Chán chường bướm lá ong lời,
Xả chỉ phần uế đầy người thế a.
Chớ mong đây đó hiệp hòa,
Dầu đưa chân đặng cũng là chẳng ưng”.*

Bài kệ vừa dứt, cả hai ông bà Bà la môn đều chứng đắc A Na Hàm quả, còn tiểu thư Māgandiyā bị chạm tự ái, nên sanh lòng thù hận mà buộc oan trái với Đức Bôn Sur: “Nêu Sa môn này không cần ta thì ông ta nên nói ngay là ông không cần ta mới phải. Sao ông lại miệt thị ta là phần uế đầy người với mức sang giàu trẻ đẹp như ta, nguyện sao ta đạt đến địa vị mẫu nghi thiên hạ, cao quý tốt phẩm triều đình, để chừng ấy ta sẽ liệu phương chước mà hạ nhục Sa môn Gotama này mới được”.

(Đức Bôn Sur biết hay không biết việc tiểu thư Māgandiyā kết buộc oan trái với Ngài vì bài kệ trên đây? Cố nhiên là Ngài biết chớ lẽ nào không, Ngài biết mà tại sao Ngài ngâm kệ ấy?

Vì Ngài muốn tiếp độ cho hai người kia, bao giờ cũng vậy chư Phật chỉ thuyết pháp tế độ cho chúng sanh chúng đắc đạo quả mà thôi, chớ không phải để gây oan trái).

Ông Bà la môn Māgandiyā dắt tiểu thư đến gởi nhà chú út của tiểu thư là Cūla Māgandiyā, bảo bọc chu toàn. Rồi cả hai người đến xin xuất gia với Đức Bổn Sư và về sau đều đắc quả A La Hán.

Ông Cūla Māgandiyā sau khi nhận lãnh trách nhiệm thành toàn giai ngẫu cho tiểu thư Māgandiyā thì suy tính rằng:

- Cháu gái ta, nếu đem gả cho kẻ thấp hèn dân dã thì không xứng đáng. Chỉ có bậc vua chúa mới xứng với nó mà thôi.

Nghĩ rồi, ông bèn đưa cháu gái lên thành Kosambi, mua sắm đủ thứ thời trang lộng lẫy để tô điểm cho tiểu thư thêm mỹ lệ, dắt tiểu thư hiến nạp vua Udena và tâu rằng: “Muôn tâu Thánh thượng, bảo nữ (Itthīratana) này xứng với chúa thượng, hạ thần mong ân chúa thượng đoãn nạp”.

Vua Udena thấy tiểu thư Māgandiyā quả là một trang quốc sắc thiên hương, bèn đem lòng sủng ái vua cấp cho năm trăm cung nữ theo hầu tiểu thư, phong cho tiểu thư làm Hoàng hậu thứ ba, được dự vào hàng mẫu nghi thiên hạ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ MĀGANDIYĀ



Thế là Quốc vương Udena có đến ba Hoàng hậu với tổng số một ngàn năm trăm cung nữ hầu hạ dưới trướng.

Đồng thời trong thành Kosambi cũng có ba nhà Thiên hộ là Thiên hộ Ghosaka, Thiên hộ Kukkuṭa (Hùng Kê) và Thiên hộ Pāvārika (Hắc Y).

Hằng năm cứ đến mùa mưa, thì có năm trăm vị đạo sĩ từ miền Tuyết Sơn về thành để kiết hạ an cư. Một hôm ba nhà Thiên hộ thấy các đạo sĩ đang đi khát thực thì phát tâm thành tín, mời các đạo sĩ vào ngồi trong nhà, cúng dường vật thực xong, thỉnh cầu các vị ấy nhập hạ bốn tháng ở gần nhà mình; mãn hạn kỳ, ba nhà đại phú lại tiếp thỉnh các Ngài trở lại nhập hạ mùa sau, rồi mới tiễn đưa các vị ấy lên đường về núi.

Sau tám tháng hành đạo trong miền Tuyết Sơn, các đạo sĩ lại về thành an cư gần gần trú xứ của ba nhà Thiên hộ.

Từ đó trở đi, họ cứ luân lưu như thế mãi cho đến một kỳ hạ nọ, các đạo sĩ cũng quen lệ, rời miền tuyết giá, đi xuyên qua một khu rừng, thấy một cây đa to, họ đến ngồi xung quanh gốc cây ấy để nghỉ mệt. Vị đạo sĩ trưởng đoàn nghĩ thầm: “Vị thọ thần ngự trên cây này không phải là hạng tầm thường thấp kém đâu? Chắc hẳn là một vị Thiên vương có nhiều oai lực, ước gì Ngài ban cho cả đoàn đạo sĩ nước uống giải khát”.

Quả nhiên, thọ thần ban cho họ nước giải khát, vị trưởng đoàn ước muốn có nước để tắm, thọ thần ban cho họ nước tắm. Đạo sĩ ước muốn có cơm ăn, thọ thần

cũng cho họ cơm ăn. Kế đó đạo sĩ trưởng nói thầm: “Ta mong ước vật kia vật nọ. Thiên vương này đều ban cho tất cả, ước gì ta được giáp mặt Thiên vương”.

Thọ thần làm cho cây nứt đôi và hiện hình trong chỗ nứt ấy. Các đạo sĩ xúm nhau hỏi: “Tâu Thiên vương! Quyền lực của Ngài thật to tát, chẳng hay Ngài đã tạo nghiệp gì mà được hưởng phước này?”.

- Bạch xin các Ngài đừng tra hỏi tôi.

- Tâu Thiên vương! Xin Ngài hoan hỷ trả lời.

Hồ thẹn vì tiền nghiệp của mình quá nhỏ nhen, thọ thần không muốn phô trương ra, nhưng bị các đạo sĩ nài ép, yêu cầu mãi, thọ thần phải chiều theo: “Thôi vậy, xin các Ngài lắng nghe”.

Thế rồi, Thiên vương bắt đầu kể chuyện: Theo lời tự thuật, thọ thần kiếp trước là một người đàn ông nghèo khó, đi xin việc làm để kiếm ăn, may được ông Anāthapiṇḍika thu nhận, cho ở làm công, nhờ đó mà yên thân, tạm sống qua ngày.

Một hôm nhằm ngày Bát quan trai, ông Anāthapiṇḍika đi chùa về, hỏi gia nhân: “Có ai nói chú mới đến ở mượn biết: Hôm nay cả nhà ta giữ bát quan không?”.

- Dạ thưa ông chủ! Không có ai nói cả.

- Vậy thì hãy lo nấu nướng cơm chiều cho chú ấy nghe.

Vâng lệnh chủ, người nhà lo nấu cơm chiều, để dành phần cho chú mới đến ở. Chú ấy làm lụng cả ngày trong rừng, đến chiều mới trở về nhà, kêu lên: “Nấu cơm rồi thì dọn cho tôi ăn, tôi đói bụng quá”.

Gia nhân dọn cơm ra, nhưng chú ấy bỗng nhiên ngừng lại, chưa vội ăn: “Mọi bữa thì giờ này trong nhà rần rần, đầu này kêu cơm, đầu kia gọi canh, đầu nọ xin thêm đồ ăn, om sòm tỏ lờ, bữa nay ai nấy đều nằm ngủ im lìm. Họ dọn cơm chỉ một mình ta ăn, có việc chi vậy cả?”.

Chú làm mượn quay lại hỏi gia nhân: “Bộ mấy người kia ăn cơm hết rồi phải không?”.

- Họ không ăn.

- Tại vì lý do gì vậy?

- Nhà này không có ai dùng cơm chiều trong những ngày Bát quan cả vì tất cả đều là những người thọ trì Bát giới. Cho đến trẻ con còn bú, phú Trưởng giả cũng bắt cho súc miệng rồi cho ngâm kẹp bộ dầu (catumadhura) để làm người thọ trì Bát giới nữa. Tối đến, khi lũ trẻ nhỏ lớn gì đều đi ngủ rồi, người ta đốt đèn và hương trầm lên ngồi tham thiền đề mục ba mươi hai thể trực. Vì quên không nói cho chú biết bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai, nên tôi phải ráng nấu cơm chiều cho chú ăn. Thôi chú cứ dùng cho no bữa đi.

Chú làm rừng nói: “Nếu bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai thì tôi cũng xin giữ nữa”.

Gia nhân đáp: “Nếu muốn vậy phải bẩm cho ông chủ biết!”.

- Ô! Anh hỏi giùm ông chủ coi.

Gia nhân đi hỏi ý kiến phú Trưởng giả, ông đáp: “Nếu bây giờ chú ấy chưa ăn, chú ấy súc miệng cho sạch rồi nguyện thọ trì Bát quan phần (uposathaṅgāni) thì chú sẽ được hưởng phước báu của nửa ngày Bát quan”.

Chú mới ở nghe vậy, bèn làm theo cách ấy, vì ráng nhịn đói sau một ngày làm lụng cực nhọc, chú ấy bị cảm gió đau bụng. Chú phải lấy một dây lưng thắt chặt ngang bụng, một tay đè giữ mỗi thắt, nằm úp sấp mà chịu.

Hay tin này, phú Trưởng giả sai gia nhân cầm đuốc và đem theo kẹo mật, bơ dầu đi với ông đến thăm người bệnh, ông hỏi: “Con đau làm sao?”.

- Con bị trúng gió, đau bụng.
- Không sao, con ráng ngồi dậy, lấy kẹo mật, bơ dầu này ngậm đi.
- Dạ, mà ông chủ cũng ngậm kẹo này chứ.
- Không vì ông không có bệnh, con có bệnh thì ngậm ấy kẹo mà ăn.

Chú ở không chịu ăn, đáp rằng:

- Dạ, thưa ông chủ, con đã trót lỡ không được thọ trì Bát quan trọn cả một ngày, thì bây giờ con nguyện giữ gìn cho dứt giới Bát quan phần trong nửa ngày còn lại.

- Con đừng làm vậy, không nên.

Dầu cho ông chủ nói gì thì nói, chú ở vẫn một mực từ chối và rồi chú ấy tắt thở vào lúc mặt trời mọc, bỏ xác nằm trơ như một đóa hoa tàn. Tâm thức của chú thọ sanh làm vị Thiên vương, ngự trên cây đa này đây.

Sau khi kể hết tiền nghiệp của mình, thọ thần kết luận:

- Phú Trưởng giả Anāthapiṇḍika là người tín ngưỡng Đức Phật (Buddhamāmakko), là người tín ngưỡng Đức Pháp, là người tín ngưỡng Đức Tăng. Nhờ làm theo lời ông chủ biểu, thọ trì nửa ngày Bát quan trai, ta mới tạo được phước báu là nhân duyên sanh quyền lực của ta vậy.

Nghe đến tiếng Đức Phật (Buddho), năm trăm vị đạo sĩ đồng thời đứng lên, chấp tay yêu cầu Thiên vương hãy niệm Đức Phật ba lần cho chúng tôi niệm theo với. Tiếng niệm Đức Phật vang lên nghe như rung chuyển cả một góc trời.

Các đạo sĩ bồi hồi cảm kích, buột miệng tự nhủ: “Tiếng niệm vang rền như vậy, cũng khó mà được nghe trong thế gian”. Đoạn họ thốt lời cảm tạ thọ thần: “Thiên vương ơi! Cái tiếng mà chưa từng nghe từ vô lượng kiếp, trăm ngàn đại kiếp, nhờ Thiên vương mà chúng tôi mới được nghe đây!”.

Khi ấy, các đạo sĩ đệ tử bạch cùng đạo sĩ trưởng:

- Vậy chúng ta đi tìm Đức Phật ngay bây giờ đi.
- Này các trò, từ lâu nay chúng ta đã nhờ ân ba nhà Thiên hộ giúp đỡ rất nhiều vậy mai này sau khi thọ thực tại nhà ba vị ấy, ta phải báo tin cho họ biết và từ giã họ. Các trò hãy khoan, đừng vội đi gấp.

Các đệ tử vâng lệnh thầy, đều ở nán lại.

Ngày hôm sau, khi nhớ chừng hôm nay là ngày quý vị đạo sĩ của mình trở về, ba nhà Thiên hộ khiến gia nhân nấu cơm cháo, sắp (soạn) chỗ ngồi trước sẵn sàng, rồi ra đi nghinh tiếp các đạo sĩ, thỉnh vào ngồi trong nhà và cúng dường vật thực.

Sau bữa cơm, các đạo sĩ đứng dậy nói: “Chúng tôi xin cáo từ gia chủ để đi nơi khác”.

- Bạch các Ngài! Các Ngài đã nhận lời thỉnh cầu của chúng tôi, hứa ở đây nhập hạ bốn tháng mà sao các Ngài còn định đi nữa?

- Nghe rằng: Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã giáng thế, cho nên chúng tôi đi tìm gặp Đức Bổn Sư.

- Ngoài các Ngài ra, những người khác có thể tháp tùng với quý Ngài, đi đến gặp Đức Đạo Sư được chăng?

- Những người khác đi cũng được, không có chi trở ngại đâu đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin các Ngài khoan đi, chờ sắp đặt hành trang, chúng tôi cùng đi nữa.

- Nếu chờ quý gia chủ sắp đặt hành trang thì sợ e trì hoãn lâu lắc mất nhiều thì giờ, thôi để bản đạo chúng tôi khởi hành đi trước, rồi quý gia chủ sẽ nối gót theo sau.

Nói rồi, đoàn đạo sĩ vội vã đăng trình đến gặp Đức Chánh Biến Tri, họ vội vàng quỳ xuống đánh lễ Ngài rồi nép qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư thuyết thời pháp gọi là Tuần Tự Pháp Thoại (Anupubbīkatham), nghe hết thời pháp, tất cả năm trăm đạo sĩ đều đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, nên ngỏ lời xin xuất gia.

Đức Bổn Sư lại phán: “Lại đây, hỡi các Tỳ khưu”. Ngài vừa dứt lời, thì tự nhiên do thần thông của Ngài các vị sư mới liền được đáp y mang bát giống như các vị Đại đức hàng trăm tuổi hạ.

Sau các đạo sĩ, ba nhà triệu phú cùng nhau ra đi, mỗi người cùng mang theo năm trăm cỗ xe bò, chở đủ thứ thập vật đồ cúng dường như là vải, y phục, đường, mật, bơ, dầu... đến Đại Tự Jetavana, đi bộ vào chùa, đánh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi nghe pháp. Nghe hết thời pháp, họ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Họ ở nán lại Jetavana độ nửa tháng để làm phước Trai Tăng ngày ngày được gần gũi Đức Bổn Sư.

Khi muốn trở về Kosambi, ba nhà Thiên hộ đến đánh lễ cáo từ Đức Bổn Sư và xin Ngài ngự sang xứ mình để hoằng dương chánh pháp, Đức Bổn Sư chuẩn nhận bằng lời dạy rằng:

- Này các gia chủ, chư Như Lai chỉ an cư tịnh lạc trong chỗ rừng xa, nhà vắng mà thôi.

Nghe vậy, ba nhà triệu phú đáp: “Bạch Ngài, chúng con hiểu rồi. Để chúng con lo liệu về sắp đặt chỗ nơi, xong rồi sẽ phái người sang thỉnh Ngài”.

Về đến Kosambi, ba nhà cự phú bèn xúc tiến công việc kiến thiết cảnh già lam (ārāma), Thiên hộ Ghosaka cất Ghositārāma (Lôi Âm Tự), Thiên hộ Kukkuṭa thì cất Kukkuṭārāma (Hùng Kê Tự), Thiên hộ Pāvarika thì cất Pāvarikārāma (Hắc Y Tự). Xong rồi, họ phái người đi thỉnh Đức Bổn Sư. Khi nghe tin sai của ba nhà Thiên hộ đến cung thỉnh. Đức Bổn Sư liền ngự sang thành Kosambi.

Ba nhà cự phú ra khỏi thành nghinh tiếp Đức Bôn Sur, lần lượt thỉnh Ngài vào ngôi nơi chùa mới của mình và tuyên bố trong cuộc lễ: “Ngôi đạo tràng này, chúng tôi xin dâng đến tứ phương Tỳ khuru Tăng, có Đức Phật làm hội chủ”.

Sau cuộc lễ dâng chùa, ba nhà cự phú thay nhau hộ độ chư Tăng. Đức Bôn Sur mỗi ngày ngự trong mỗi một ngôi chùa, hễ ở chùa của vị nào thì Ngài trì bình đến trước cửa nhà vị ấy mà thọ bát.

Thưở ấy có ông Sumana (Hảo Ý) là nhà chuyên môn làm tràng hoa để cung cấp cho ba nhà Thiên hộ. Một hôm, ông Sumana nói với ba vị thân chủ của mình rằng: “Tôi là người phục vụ cho ông chủ đã lâu rồi, bây giờ tôi muốn để bát cúng dường Đức Bôn Sur, tôi phải nghỉ việc một ngày để lo sắp đặt sự cúng dường”.

- Nếu vậy, ngày mai chú để bát đi.

- Dạ vâng, thưa ông chủ.

Hôm sau, ông Sumana cung thỉnh Đức Bôn Sur đến nhà và cúng dường thực phẩm.

Vào thời ấy vua Udena ban cho Hoàng hậu Sāmāvatī mỗi ngày tám đồng vàng để mua hoa, số tiền đó thường được giao cho một thế nữ tên là Khujjuttarā đi lấy hoa ở nhà ông Sumana.

Ngày ấy, khi cô thế nữ lưng gù đến, ông Sumana nói: “À! Hôm nay tôi mới vừa thỉnh được Đức Bôn Sur, tôi phải để dành những thứ hoa đẹp quý thượng hạng mà cúng dường Ngài, cô ở đây phụ tiếp với tôi, một lát nữa nghe pháp xong rồi thì cô lấy số hoa còn lại mà đem đi”. Cô thế nữ đáp: “Dạ được”, rồi cô ở lại chờ.

Sau khi để bát cúng dường chư Tỳ khuru Tăng có Đức Phật làm hội chủ xong, ông Sumana phát nguyện hồi hướng phước báu đến chư Thiên và các bậc hữu ân đã quá vãng. Nhân đó, Đức Bôn Sur thuyết giảng về công đức hồi hướng phước báu. Ngồi chăm chú theo dõi thời pháp của Đức Bôn Sur, cô Khujjuttarā chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn. Cô gái lưng gù này trong những ngày khác thì cô chỉ mua có bốn đồng hoa mà thôi, còn bốn đồng thì cô ăn lời, nhưng trong ngày ấy cô mua đủ tám đồng hoa đem về. Thấy nhiều hoa, Hoàng hậu hỏi cô thế nữ:

- Này con! Có lẽ hôm nay đức vua tặng lên gấp đôi số tiền mua hoa cho ta phải chăng?

- Tâu Chánh Hậu, không phải.

- Không thì tại sao hôm nay nhiều hoa thế?

- Những ngày khác thì con ăn lời, cắt bớt bốn đồng vàng, chỉ mua đem về có bốn đồng mà thôi.

- Bữa nay, sao con không ăn lời?

- Nhờ nghe thời pháp của Đức Bôn Sur con đã chứng ngộ được chánh pháp.

Khi ấy, thay vì hăm he trách mắng cô thế nữ “Mi là con thị tỳ xấu xa, bấy lâu nay mi đã ăn cắp giữ bao nhiêu đồng vàng, thì mi phải trả hết lại cho ta”, Hoàng hậu lại phán bảo:

- Này con, con đã hữu duyên uống được nước nguồn bất tử vậy con hãy cho chúng ta uống với.

Cô Khujjuttarā đáp:

- Nếu vậy, xin cho con được tắm gội sạch sẽ đã.

Nghe vậy, Hoàng hậu cho các cung nữ lo tắm rửa cho cô thể nữ bằng mười sáu bầu nước thơm và ban cho cô hai cái y choàng bằng lụa thật tốt, cô lấy một cái để mặc một cái choàng lên phủ kín mình. Cô chỉ biểu cho cung nữ dọn một pháp tòa và đem đến cho cô một cây quạt.

Lên ngôi đài hoàng trên pháp tọa, một tay cầm cây quạt tuyệt đẹp, cô Khujjuttarā mở lời kêu gọi năm trăm cung nữ và thuyết lại cho họ nghe y nguyên thời Pháp mà cô đã được nghe Đức Bôn Sư thuyết.

Xong rồi, tất cả năm trăm cung nữ ấy đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Tất cả đều đánh lễ cô gái gù lưng và nói: “Chị ơi! Từ giờ trở đi xin chị đừng làm các công việc gì nặng nhọc nữa, xin chị giữ địa vị làm mẹ và bà giáo của chúng tôi. Chị cứ ở không để đi nghe pháp của Đức Bôn Sư để về cùng thuyết lại cho chúng tôi nghe với”.

Cô Khujjuttarā làm y như lời yêu cầu về sau trở thành một nữ Tam Tạng Pháp Sư.

Khi ấy, Đức Bôn Sư đặt cô lên hàng đệ tử ưu tú: “Này các Tỳ khưu! Cao minh nhất trong các nữ cận sự Thinh Văn về đệ nhất thuyết pháp là thể nữ Khujjuttarā này vậy”.

Năm trăm cô cung nữ yêu cầu cô thể nữ lưng gù:

- Chị ơi! Chúng tôi muốn bái kiến Đức Bôn Sư. Chị làm sao đưa giùm chúng tôi đến gặp Ngài để chúng tôi cúng dường hương hoa lễ vật đến Ngài.

- Thưa quý nàng! Thể thống của hoàng gia rất trọng đại, tôi không dám dắt đưa các nàng ra khỏi hoàng cung.

- Chị ơi! Đừng để chúng tôi mãi mòn thất vọng, chị ráng làm cách nào giúp chúng tôi được bái kiến Đức Bôn Sư.

- Thôi thì các nàng, mỗi người trở một lỗ trống trong vách phòng của mình, rộng vừa đủ để trông thấy rõ bên ngoài và cho người mang lễ vật, hương hoa để sẵn nơi đó, chờ khi Đức Bôn Sư đi ngang qua để đến cổng ba nhà Thiên hộ, thì các nàng lại chỗ lỗ trống của phòng mình mà nhìn xem, hay là giơ tay ra ngoài lễ bái và dâng cúng lễ vật.

Các phi tần làm y theo như vậy, họ chờ Đức Bôn Sư đi ngang qua, lúc Ngài ngự đến hoặc lúc trở về để nhìn ngắm kim quang hoặc lễ bái, cúng dường tùy theo sở thích.

Bất ngờ, một hôm Thứ hậu Māgandiyā từ trong tư cung bước ra, trong khi thung thăng bách bộ, bà đi đến chỗ ngự của năm trăm nàng cung phi ấy.

Trông thấy các lỗ trống trong vách cung phòng, Thứ hậu bèn hỏi: “Lỗ gì vậy?”.

Các nàng cung nữ không biết việc Thứ hậu Māgandiyā ôm lòng thù hận, ngầm buộc oan trái với Đức Bôn Sur, nên tình thật đáp rằng: “Khi nào Đức Bôn Sur ngự vào thành, chúng tôi đứng đó mà lễ bái và dâng cúng lễ vật đến Ngài”.

Thứ hậu nghĩ thầm: “Sa môn Gotama vào thành lúc này, thật là dịp may ta lập cách tẩy thù, phục hận, rửa được cái nhục ngày xưa. Còn mấy con tiện tỳ này là bọn a dua, thị tòng của hắn, thì ta cũng sẽ làm cho biết tay”.

Lập tâm như thế rồi, Thứ hậu Māgandiyā vào triều, mật tấu với vua Udena: “Tâu đại vương! Năm trăm cung nữ của Chánh hậu Sāmāvatī âm mưu tư thông với bên ngoài, dự bị hành thích đại vương trong vài ngày tới đây”.

Đức vua không tin đáp rằng: “Các cung nữ ấy không dám làm việc tày đình ấy đâu”.

Mặc dầu Thứ hậu tâu đi tâu lại, đức vua cũng không lưu ý, thấy vu cáo đến ba lần mà đức vua cũng không tin lời mình, Thứ hậu bèn tâu rằng: “Nếu đại vương không tin, thì xin đại vương quang lâm đến chỗ ngụ của các cung nữ ấy mà quan sát thì sẽ rõ ngay gian”.

Đức vua ngự đến các cung phòng, trông thấy những lỗ trống trong vách, phán hỏi lỗ gì đây vậy.

Sau khi nghe các cung nữ trình bày hợp lý, đức vua chẳng giận hờn trách mắng chi họ, mà còn cho lệnh đến lấp các lỗ trống lại và gắn cửa sổ mắt cáo (khuddacchiddakavātapānāni) vào vách của tất cả các cung nữ. Tương truyền rằng: “Những cửa sổ mắt cáo có từ khi này vậy”.

Bị thất bại trong việc vu cáo các cung nữ, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: “Bây giờ ta phải đối phó với Sa môn Gotama trước đã!”.

Thứ hậu bèn vãi tiền ra mướn dân chúng trong thành: “Ai thấy Sa môn Gotama vào thành thì kéo hết kẻ ăn người làm trong gia đình ra mà mắng nhiếc, lăng mạ xua đuổi ông ta đi”. Bọn người tà kiến, không có đức tin nơi Tam Bảo, sau khi lớn tiếng mắng chửi, lăng mạ Ngài: “Ngươi là kẻ cướp, là kẻ ngu, là kẻ khùng, ngươi là con lạc đà, là con bò, là con lừa, ngươi là giống quỷ sứ, là giống súc sanh, ngươi sẽ không bao giờ được siêu sanh lên nhàn cảnh, ngươi nhất định sẽ sa vào ác đạo”. Bị xúc phạm bằng mười thứ thô ác ngữ như trên. Đại đức Ānanda bạch với Đức Bôn Sur: “Bạch Ngài, dân chúng miền này mắng nhiếc, lăng mạ ta. Vậy ta hãy đi qua nơi khác”.

- Đi đâu hở Ānanda?
- Bạch Ngài, ta đi qua thành khác.
- Nếu dân chúng ở đó mắng nhiếc ta thì ta sẽ đi đâu nữa hở Ānanda?
- Bạch Ngài! Thì ta sẽ bỏ đó mà đi qua thành khác nữa.
- Này Ānanda! Không nên làm như vậy, chỗ nào có sự khẫu thiết (adhikaraṇa) phát sanh, thì ta phải lưu lại đó cho đến khi những tiếng thị phi lắng dịu hết rồi mới nên đi qua chỗ khác. Họ mắng nhiếc bằng những lời lẽ nào vậy Ānanda?
- Bạch Ngài, họ giảng đủ cả thập ác thô ngữ.

- Này Ānanda! Như Lai chẳng khác nào con tượng chúa khi lâm trận phải hứng chịu tất cả bao nhiêu mũi tên địch từ bốn phía bắn vào, cũng như nơi đây, dầu cho những kẻ không giới hạnh có thốt ra nhiều lời bất nhã như thế kia, Như Lai cũng vẫn nhẫn nhục chịu đựng được hết.

Nói rồi, Đức Bôn Sur thuyết pháp, tự đề cập đến Ngài và kết thúc bằng ba bài kệ Pháp Cú sau đây, được ghi chép trong Phẩm Voi:

“Ahaṃ nāgo va saṅgāme,
Cāpāto patitaṃ saraṃ;
Ativākyam titikkhissam,
Dussīlo hi bahujjano”.

“Dantaṃ nayanti samitiṃ,
Dantaṃ rājābhirūhati;
Danto seṭṭho manussesu,
Yoti vākyam titikkhati”.

“Varamassatarā dantā,
Ājānīyā ca sindhavā;
Kuñjarā ca mahānāgā,
Attadanto tato varanti”.

*“Như voi xuất trận gan lì,
Hứng tên cung bắn vào bì chẳng nao.
Như Lai hứng chịu biết bao,
Những lời phỉ báng thấp cao tục tằn”.*

*“Thế gian lắm kẻ làm nhẩn,
Phá hư giới hạnh thiện căn của mình.
Voi thuần được đến hội đình,
Voi thuần được chúa thích tình ngự du.
Cao hơn nhân loại người tu,
Nhịn lời phỉ báng phạm phu tục tằn”.*

*“Quý thay là giống la thuần!
Quý thay ngựa tuấn người hăng khéo nuôi!
Quý thay tượng chúa đàn voi!
Người tự điều chế hẳn hoi quý hơn”.*

Sau khi thuyết giảng như thế, Đức Bôn Sur phán:

- Này Ānanda! Người chó nên tư lự, họ chỉ mắng nhiếc trong vòng bảy ngày mà thôi. Đến ngày thứ tám họ sẽ tự động im lặng ngay.

Quả nhiên đối với chư Phật, mọi sự khẩu thiệt chỉ tồn tại trong bảy ngày chó không bao giờ kéo dài hơn nữa.

Khi thấy mướn người mắng nhiếc, xua đuổi Đức Bôn Sur không kết quả, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: “Bây giờ ta sẽ làm gì đây? À lũ cung tằm và Sāmāvatī là những kẻ hậu thuẫn của Sa môn Gotama. Ta phải tiêu diệt lũ nó”.

Một hôm nọ, Thứ hậu được chỉ định trông coi việc ngự thiện, làm quản đốc nơi tòa ngự yến lâu (Rañño surāpāṇatthāna). Nhân cơ hội đó, Thứ hậu gửi mật thư cho chú mình như vậy: “Xin tin cho Quốc trượng rõ, con đang cần dùng gà trống, tám con sống và tám con chết. Quốc trượng nên mang gà đến ngự yến lâu, đứng túc trực nơi chân cầu thang và thông tin cho con biết tin Quốc trượng đến. Khi có lệnh truyền cho vào. Quốc trượng cũng đừng lên lâu, lần đầu tiên Quốc trượng gọi cho nội thị tám con gà trống còn sống và lần sau hãy gọi mấy con kia”.

Mặc khác, Thứ hậu dứt lót vàng bạc mua chuộc viên quan hầu rượu của vua (Cūlupatthāko) và căn dặn: “Khanh nhớ ràng làm đúng theo lời ta ủy thác nha”.

Tiếp được mật thư, Quốc trượng Cūla Māgandiyā thân hành đi vào hoàng cung, khiến nội thị thông báo cho đức vua biết. Quốc vương truyền lệnh cho vào. Quốc trượng thối thác với nội thị rằng: “Nơi Quốc vương yến ẩm, ta không dám lên”.

Thứ hậu bèn phán bảo bồi yến quan: “Hiền khanh hãy xuống tiếp kiến Quốc trượng đi”.

Quan bồi yến xuống lâu, được Quốc trượng gọi tám con gà trống còn sống đem lên dâng đức vua: “Tâu Quốc vương, đây là lễ vật của Quốc trượng hiến nạp”.

Quốc vương rất đẹp ý, phán rằng: “Quý hóa thay! Được thêm món trân tu mỹ vị này cô gia không biết nên giao cho ai nấu nướng đây”.

Thứ hậu Māgandiyā tâu: “Tâu đại vương, năm trăm cung phi do Chánh hậu Sāmavati chưởng quản hiện đang ở không, đi đông đi dài. Xin đại vương gọi món này đến bảo họ nấu nướng rồi mang lại đây”.

Quốc vương ra lệnh cho quan bồi yến:

- Khanh đem mấy con gà này đến giao tận tay các cung nữ, chớ đừng giao cho ai khác và tâu rằng: “Đức vua muốn quý lệnh bà tự tay mình làm thịt gà và nấu món ăn dâng lên đức vua”.

- Hạ thần xin tuân Thánh lệnh.

Nói rồi, quan bồi yến ra đi, đến gặp các cung nữ và truyền lệnh vua. Các cung nữ từ chối, đáp rằng: “Chúng tôi giữ giới không dám sát sanh”.

Quan bồi yến trở về phục lệnh đức vua. Khi ấy Thứ hậu Māgandiyā tâu rằng:

- Tâu đại vương! Muốn biết thật các cung nữ này có giữ giới cấm sát sanh hay là họ chỉ mượn cớ thối thác, không tuân vương lệnh, thì xin đại vương thử phán bảo họ: “Nấu xong thực phẩm đem dâng cúng đường Sa môn Gotama”, xem ra sao?

Quốc vương y tâu, lại sai viên quan hầu rượu ra đi một lần nữa. Bồi yến quan đem gà xuống lâu, giả cách như đem thẳng vào thâm cung, nhưng sự thật thì ông giao trả Quốc trượng tám con gà trống sống mà tráo lấy tám con gà trống chết, đem qua chánh cung, tâu với vương phi rằng: “Có lệnh vua khiến quý vương phi làm thịt mấy con gà này, nấu thành thực phẩm gọi đến cúng đường Đức Tôn Sư”.

Các cung nữ ra rước lấy mấy con gà chết và nói:

- Bây giờ, công việc này là phận sự của chúng tôi đây.

Thấy quan hầu rượu trở về phục lệnh, đức vua phán hỏi:

- Thế nào vậy khanh?

- Bồi yến quan tâu: “Muôn tâu chúa thượng, vừa nghe nói nấu lễ cúng dường Sa môn Gotama, thì các cung nữ liền chạy ra đón đường hạ thần và rước mấy con gà ròi”. Thấy vậy, Thứ hậu Māgandiyā liền tâu rằng:

- Đại vương hãy coi đó, có phải rõ ràng là các cung phi ấy chỉ có tâm xu hướng ngoại nhân chớ không có lòng tín ngưỡng đại vương chăng, thế mà đại vương còn chẳng tin lời thần thiếp.

Quốc vương làm thỉnh giữ về trăm ngăm để cho Thứ hậu Māgandiyā tha hồ tâu rỗi. Thấy vậy, Thứ hậu nghĩ thầm: “Bây giờ, ta phải làm sao đây?”.

Thời ấy đức vua luân phiên ngự vào cung của ba bà Hoàng hậu Sāmāvatī, Vāsuladatta và Māgandiyā. Vua tuần tự lưu lại trong mỗi hậu cung bảy ngày đêm liền.

Sau khi hỏi vua để biết trước “Mai hay một đức vua sẽ ngự hành sang qua chánh cung”, Thứ hậu Māgandiyā sai một người thân tín đến dinh Quốc trưởng Cūla Māgandiyā, để xin một con rắn độc đã nhỏ hết mấy cái răng độc về cho mình cần dùng. Quốc trưởng làm y như lời hứa cháu gái cung.

Quốc vương Udena, mỗi khi thân hành ngự đến nơi nào cũng mang cây đàn điều tượng đem theo, thùng đàn có một lỗ nhỏ, Thứ hậu Māgandiyā lừa cho con rắn độc xà chui qua lỗ ấy mà vào trong thùng đàn, đoạn lấy một chùm hoa nhét trám miệng lỗ. Đến ngày Quốc vương xuất hành, Thứ hậu giả vờ hỏi:

- Hôm nay đại vương ngự đến cung nào?

- Đến cung chánh hậu Sāmāvatī.

Nghe vậy, Thứ hậu can rằng: “Tâu đại vương! Đêm hôm quan thần thiếp nằm mộng, thấy một điềm bất thường là linh Thiên tử không nên ngự qua chánh cung được”.

- Trẫm nhất định qua đó.

Thứ hậu can ngăn đức vua đủ ba lần, rồi mới nói:

- Nếu đại vương quyết như thế, thì thần thiếp xin cùng đi với đại vương.

Nói rồi, Thứ hậu theo sát cánh Quốc vương, ra khỏi phạm vi đệ tam cung, Thứ hậu cũng không quay về, lại nói rằng:

- Tâu chúa thượng! Thần thiếp rất e ngại, không biết sắp xảy ra biến cố nào đây.

Khi Quốc vương ngự đến chánh cung, Hoàng hậu Sāmāvatī và đoàn cung nữ ra nghinh tiếp, khoác lên long thể những đồ trang điểm quý giá tràng hoa và hương trầm. Đức vua cứ để nguyên các phục sức ấy mà ngự dụng các món thiện soạn (subhojanam). Xong bữa rồi, đức vua ngự lên long sàng để an giấc, buông bỏ cây đàn kế bên đầu nằm.

Thứ hậu Māgandiyā giả vờ đi quan sát chỗ nọ, chỗ kia, rồi thừa lúc vắng người lên đến rút bỏ chùm hoa nhét trám cái lỗ trên thùng đàn.

Con rắn nằm yên trong thùng đàn hai ba ngày qua, liền theo lỗ trống bò ra ngoài, ngóc đầu lên phùng mang thở khem khem rồi trườn lên nằm trên long sán. Thấy vậy, Māgandiyā kêu thét lên: “Chúa thượng ơi! Có con rắn!”. Rồi như ngây như dại, Thứ hậu mắng nhiếc cả Quốc vương, Chánh hậu cùng các cung nữ:

- Hôn quân bất hạnh, không nghe lời ta can gián. Lũ tiện tỳ này cũng vô phước vậy mà cũng học đòi châu chực Quốc vương. Có lẽ chúng bây mong mỗi đức vua thăng hà để cho bây được sống an vui, nếu đức vua còn tại vị thì chúng bây sống chịu cực khổ phải không?

Chúa thượng ơi! Sáng nay thần thiếp đã thấy triệu bất thường, biết là Chúa thượng chẳng nên ngự đến cung của chánh hậu Sāmāvatī này. Thần thiếp đã hết lời can gián mà Chúa thượng chẳng tin nghe thần thiếp.

Nhìn thấy con rắn, Quốc vương kinh hoàng, nghĩ đến cái chết:

“Mấy cung nữ này có thể làm cho trăm thăng hà được lắm. Ôi! Thật trăm quá ngu khờ mới không tin lời Thứ hậu đã lẩm lẩn chỉ rõ ác tâm của bọn họ cho trăm thấy. Lần đầu tiên họ khoét lỗ vách cung phòng để ngồi ngó ra ngoài, lần kế đó họ thả mấy con gà trống của trăm đưa đến cho họ làm thịt và bữa nay họ thả rắn lên long sán trong lúc trăm ngủ say”.

Nghĩ đến đây, Quốc vương phùng phùng nổi giận, nộ khí xung thiên.

Chánh hậu Sāmāvatī điềm tỉnh bảo năm trăm cung nữ:

- Đây các em. Chẳng có ai có thể che chở cho chị em mình hết. Vì các Thiên vương, Thiên hậu với chị em mình cũng ngang đồng bậc, chẳng khác chi nhau, các em cứ lo rải tâm từ đừng ái ngại chi hết.

Quốc vương lấy chiếc cung vàng có sức bắn đi mạnh gấp ngàn cây cung thường (sahassathāmasiṅgadhanu), cầm lên tay búng thử dây cung, lắp mũi tên có tẩm thuốc độc vào, rồi truyền lệnh bắt Chánh hậu Sāmāvatī đứng đầu, cả đoàn cung phi sắp hàng đứng nối theo sau. Đoạn Quốc vương nhắm ngay ngực Hoàng hậu Sāmāvatī bắn mũi tên ra.

Do mãnh lực từ tâm của Hoàng hậu, mũi tên quay đầu trở lại bay thẳng về phía Quốc vương, suýt đâm thủng tim Quốc vương mới dừng lại. Quốc vương giật mình, ngẫm nghĩ rằng: “Mũi tên của trăm bắn ra, dầu cho gặp đá cứng nó cũng xuyên thủng đi qua, còn trên hư không nó đâu có đụng bá chỗ nào, sao tự nhiên nó quay đầu trở lại, chực bay xĩa vào tim của trăm? Ôi! Rất đỗi là một mũi tên, là thứ đồ bắn bỏ, là giống vô tình, là vật vô sanh mà nó còn nhận thức được giới đức của Hoàng hậu, trăm là giống con người mà sao trăm thua vật vô tri”. Quốc vương ném phăng chiếc cung vàng xuống đất, chấp tay ngồi xồm bên chân Hoàng hậu Sāmāvatī rồi đọc kệ rằng:

“Sammuyhāmi pamuyhāmi,
Sabbā muyhanti me disā;
Sāmāvatī maṃ tīyassu,
Tvaṅca me saraṇaṃ bhavāti”.

*“Trăm quên, trăm lạc mất đường,
Trăm không còn nhớ hướng phương đi về.*

*Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trăm nương tựa cận cề được chăng?”.*

Nghe Quốc vương thốt ra những lời khiêm tốn, tự hạ mình như vậy, Chánh hậu không nói “Phải đó Chúa thượng, Chúa thượng hãy quy y với thần thiếp”. Nhưng Chánh hậu lại tâu rằng:

- Tâu đại vương! Hễ thần thiếp quy y với vị nào thì đại vương cũng nên quy y với vị đó.

Hoàng hậu bèn đọc bài kệ rằng:

“Idaṃ vatvā sāmāvatī,
Sammāsambuddhasāvika;
Mā maṃ tvaṃ saraṇaṃ gaccha,
Yamaṃ saraṇaṃ gatā.
Esa buddho mahārāja,
Esa buddho anuttaro;
Saraṇaṃ gaccha taṃ buddhaṃ,
Tvaṇca me saraṇaṃ bhavāti”.

*“Ô Nhi Ly nữ Thịnh Văn.
Của Đức Toàn Giác đáp rằng: Chúa ơi!
Chúa đừng quy ngưỡng theo tôi,
Hãy quy ngưỡng Phật đang ngồi từ bi.
Mà tôi cũng đã quy y,
Phật đó cao thượng không chi sánh bằng.
Phật đó, đại vương nhớ chăng?
Để tôi nương tựa hầu gần Đại vương”.*

Đức vua Udena nghe dứt bài kệ của Hoàng hậu Sāmāvatī, bèn nói: “Bây giờ, trăm càng hoang mang lo sợ hơn bao giờ hết”.

Đoạn vua lại ngâm kệ rằng:

“Esa bhiyyo pamuyhāmi,
Sabbā muyhanti me disā;
Sāmāvatī maṃ tīyassu,
Tvaṇca me saraṇaṃ bhavāti”.

*“Phật càng làm trăm lạc đường,
Trăm không còn nhớ hướng phương đi về;
Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trăm nương tựa cận kề ái khanh”.*

Dầu cho đức vua yêu cầu mấy lượt, Hoàng hậu cũng vẫn từ nan như trước.

- Thôi thì để trăm quy y với Đức Bốn Sư và đồng thời trăm ban cho ái khanh một ân huệ tùy ý ái khanh chọn lựa.

Nghe vua chuẩn hứa, Chánh hậu đáp: “Tâu đại vương, thần thiếp vui lòng nhận lãnh ân huệ vua ban”.

Quốc vương Udena bèn đến chỗ Đức Bôn Sư đang ngự xin quy y với Ngài, rồi cung thỉnh Tỳ khưu Tăng quang lâm vào hoàng cung thọ thực, sau cuộc lễ Trai Tăng liên tiếp bảy ngày, quốc vương phán bảo Hoàng hậu Sāmāvatī: “Bây giờ ái khanh muốn được trăm ân tứ vật gì, ái khanh cứ nói cho trăm biết”.

- Tâu đại vương! Thần thiếp không cần dùng châu báu, bạc vàng chi cả. Thần thiếp chỉ xin chúa thượng ban cho ân huệ này là: Chúa thượng thỉnh Đức Bôn Sư với năm trăm Tỳ khưu hằng ngày vào hoàng cung để thần thiếp và các cung nhân được nghe thuyết pháp.

Quốc vương bèn đánh lễ Đức Bôn Sư, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trăm xin cung thỉnh Ngài với năm trăm vị Tỳ khưu, hằng ngày vào thọ thực nơi đây để cho Chánh hậu cùng đoàn cung nhân được dịp đánh lễ và thỉnh pháp.

- Tâu đại vương! Đồng danh với chư Phật Như Lai, không nên đi mãi một chỗ nào vì đại chúng ở khắp nơi còn đang ngóng đợi Như Lai.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin Ngài biệt phái một Tỳ khưu đại diện cho Ngài.

Đức Bôn Sư bèn chỉ định Đại đức Ānanda.

Từ đó về sau, mỗi ngày Đại đức Ānanda đều dắt năm trăm vị Tỳ khưu vào hoàng cung thọ thực, Chánh hậu cùng đoàn cung nhân vẫn chăm lo sốt bát cúng dường và nghe kinh, thỉnh pháp đều đều không ngớt.

Một hôm, sau khi nghe dứt thời pháp do Đại đức Ānanda thuyết, đoàn cung nhân phát tâm thành tín hết sức trong sạch bèn dâng năm trăm lá y vai trái (Uttarasaṅgā) để cúng dường Pháp Bảo, thứ y này rất quý, mỗi lá trị giá đến năm trăm đồng vàng.

Khi thấy các cung nhân không còn một lá y quý báu nào hết, Quốc vương phán hỏi:

- Những y vai trái của các ái khanh để đâu?

- Chúng tôi đã cúng dường Ngài Đại đức.

- Đại đức đã nhận hết cả ư?

- Tâu chúa thượng, Đại đức đã thu nhận hết cả.

Quốc vương đến đánh lễ Đại đức Ānanda và phán hỏi về các cung nhân cúng dường năm trăm lá y Uất Đà La Tăng. Khi Đại đức xác nhận rằng: Các cung nhân có đúng dường và Đại đức có thọ lãnh số y ấy, Quốc vương bèn hỏi: “Bạch Ngài bấy nhiêu y đó há chẳng phải là quá nhiều lắm sao? Vậy Ngài dùng làm gì cho hết?”.

- Tâu đại vương, ta chỉ thọ dùng vừa phải thôi, còn dư ra thì ta bố thí cho các vị mặc y cũ rách.

- Có y mới, các vị ấy sẽ dùng y cũ của mình làm gì?

- Họ sẽ bố thí cho những vị có y cũ rách hơn.

- Rồi các vị sau này sẽ làm gì với những y cũ rách của mình.

- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót giường.

- Còn những tấm trải lót giường cũ , chư Tăng để làm gì?
- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót dưới đất.
- Những tấm trải lót dưới đất cũ, chư Tăng để làm gì?
- Tàu đại vương! Chư Tăng dùng làm giẻ chùi chân.
- Giẻ chùi chân cũ, chư Tăng để làm gì?
- Chư Tăng xé nhỏ ra, quét cho nhuyễn rồi nhào lộn với đất sét để tô trên vách.
- Bạch Ngài, nếu chư Tăng làm như thế thì những vật cúng dường quý Ngài quả thật không uổng chút nào.
- Tàu đại vương phải.

Quốc vương phát khởi đức tin trong sạch, bèn hạ lệnh cho quân hầu mang thêm năm trăm lá y nữa đến cúng dường, đặt xuống bên chân Đại đức Ānanda.

Tương truyền rằng: “Mỗi khi có năm trăm lá y quý giá cúng dường thí chủ chia ra làm năm trăm phần, dâng đến bên chân của Đại đức và Đại đức thọ lãnh đủ năm trăm lần. Mỗi khi có một ngàn bộ y quý giá cúng dường, thí chủ chia ra làm một ngàn phần dâng đến bên chân Đại đức và Đại đức thọ lãnh đủ một ngàn lần. Nhưng y phát sanh đến Đại đức vô số kể, không chỉ có một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười hay một đôi chục đâu.

Theo truyền ngôn: Khi Đức Như Lai Níp Bàn rồi, Đại đức đi vân du ta bà khắp cõi Diêm Phù Đề, đến chùa nào Đại đức cũng bố thí những y bát của mình cho tất cả Tỳ khưu trong chùa ấy.

Thử hỏi: Đại đức nhờ tạo nghiệp gì trong quá khứ mà trong kiếp này có được y phát sanh dồi dào như thế?

Tương truyền rằng: Xưa kia trong một kiếp làm thợ dệt Đại đức có cúng dường một cây kim và một nắm vải vụn đến một vị Phật Độc Giác. Nhờ quả phước của sự cúng dường cây kim kiếp này Đại đức có được Trí Bát Nhã (Mahāpañña), nhờ quả phước của sự cúng dường vải vụn, kiếp này Đại đức mới có nhiều y như thế.

Nói về Thứ hậu Māgandiyā từ khi thất bại trong các việc vu cáo, thấy Chánh hậu cùng đoàn cung nhân, chẳng những đã không bị thiệt hại mà còn được Quốc vương trọng dụng thì càng đem lòng căm tức. Thứ hậu nghĩ thầm: “Cơ mưu của ta sắp đặt đều sai lạc hết, thật là hoài công vô ích, bây giờ ta phải tính sao đây? À ta còn một cách này”.

Chờ lúc Quốc vương xuất thành, ngự đi du ngoạn, Thứ hậu thảo bức mật thư gửi cho chú mình: “Quốc trượng mau đến cung của Sāmavātī, mở cửa kho chứa vải và kho chứa dầu, rồi đem quần vòng hết mấy cây cột, nhốt chung tất cả cung nhân vào một chỗ, khóa kín cửa cung phòng, bên ngoài cho một nhóm thợ máy, sắp đặt hỏa tiễn phóng vào, chừng lửa bốc cháy cung phòng, Quốc trượng lánh mặt đi”.

Cūla Māgandiyā lập tức trèo lên cung điện của Chánh hậu, mở cửa các kho lấy vải nhúng vào dầu, rồi đem quần vòng các cây cột. Khi ấy, Chánh hậu Sāmavātī cùng đoàn cung nhân xúm nhau đến hỏi: “Quốc trượng làm chi đó vậy?”.

- Tâu Chánh hậu, Quốc vương hạ lệnh phải quần vải dầu vào hết mấy cây cột này. Lệnh của vua ra thì thần chỉ biết tuân theo chứ không dám bàn cãi chi cả. Xin quý linh bà đừng đến gần các cây cột này.

Kể đó Quốc vương lửa hết cung nhân nhốt vào trong cung thất, khóa trái cửa lại, bên ngoài cho quân đốt lửa, dùng máy phóng hỏa, bắn xả vào các cung phòng, lửa cháy bốc lên ngùn ngụt. Thấy vậy, Chánh hậu Sāmāvatī ban huấn từ phủ dụ các cung phi: “Chị em chúng ta đã từng là những kẻ phiêu bạt lang thang trong vòng luân hồi sanh tử từ đời vô thủy cho đến nay, dầu cho ngọn lửa hồng như thế kia có thiêu rụi thân xác chúng ta trong một kiếp này cũng không thể nào chúng ta cắt đứt cái vòng tái sanh lần quần và chúng đắc Tuệ giác chư Phật. Vậy chị em chúng ta hãy ráng chuyên cần chớ khá dễ dãi”.

Thế rồi, trong tòa hậu cung bùng bùng lửa cháy dậy trời, Hoàng hậu Sāmāvatī cùng với các cung phi lấy sự thọ khổ làm đề mục tham thiền, gia công chuyên chú niệm, nên người đắc Nhị quả, người đắc Tam quả trong lúc lâm chung.

Hay tin hỏa hoạn thiêu rụi cánh cung, có nhiều Tỳ khuru sau bữa Trai Tăng, hoặc đi khát thực rồi trở về đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi nép qua một bên.

Khi đã ngồi yên, chư Tỳ khuru bạch cùng Đức Thế Tôn: “Bạch Ngài! Hôm nay trong lúc Quốc vương Udena xuất ngoại ngự du, lửa cháy hậu cung, cả đoàn năm trăm vương phi có Sāmāvatī là Chánh hậu đều thiệt mạng. Bạch Ngài, các cung phi ấy đều là tín nữ, chẳng hay họ sẽ được chuyển kiếp, siêu sanh về cảnh giới nào?”.

- Này các Tỳ khuru! Trong nhóm cận sự nữ ấy có người đắc Tu Đà Hườn, có người đắc Tư Đà Hàm, có người đắc A Na Hàm. Này các Tỳ khuru, tất cả các cận sự nữ ấy đều đắc Thánh quả, không còn ai là phàm phu trong lúc lâm chung cả.

Khi ấy, nhận xét cái chết vì hỏa tai của đoàn cung phi và Chánh hậu không ngoài định lý nhân quả. Đức Thế Tôn cảm khái ngâm bài kệ sau đây:

“Mohasambandhano loko,
Bhabbarūpova dissati;
Upadhibandhano bālo,
Tamasā parivārito;
Sassatī viya khāyati,
Passato natthi kiñcananti”.

*“Thế gian liên kết bởi vô minh,
Chỉ thấy nhân tiền cảnh sắc thịnh,
Kẻ đại đắm chìm trong biển tối,
Vì mang thủ chấp buộc theo mình,
Cho rằng thế giới lưu tồn mãi,
Người thấy không gì thoát tử sinh”.*

Sau bài kệ, Đức Thế Tôn thuyết luôn một thời pháp tóm tắt như vậy: “Này các Tỳ khuru! Tất cả chúng sanh khi còn lang thang trong vòng luân hồi, nếu có chuyên cần mãi mãi thì tạo được phước nghiệp luôn luôn, còn nếu lúc nào dễ dãi thì lúc ấy

cũng tạo gây ác nghiệp vậy, bởi thế cho nên chúng sanh khi thì thọ vui, khi thì thọ khổ đều do tiền nghiệp của mình trong kiếp này hoặc kiếp xa xưa!”.

Quốc vương Udena đang ngự du, nghe tin phi báo cung điện của Chánh hậu Sāmavatī phát hỏa, bèn cấp tốc hồi loan đề đốc thúc việc cứu chữa. Quốc vương ngự về đến nơi thì đã muộn. Tòa chánh cung đã bị hỏa thiêu, chỉ còn trơ lại những đồng tro tàn.

Lòng buồn rười rượi, Quốc vương ngồi phịch trên chiếc cảm đôn, quần thần xúm nhau khuyên giải, Quốc vương vẫn lặng thinh. Càng tưởng nhớ đến ân đức của người quá cố, Quốc vương càng thêm ảo não, tự hỏi: “Kẻ nào ác tâm gây ra cảnh chia lìa tang tóc này đây? Chắc có lẽ Thứ hậu Māgandiyā chớ không phải ai đâu xa lạ”. Tuy hiểu biết như thế, nhưng Quốc vương lại nghĩ thầm: “Nếu dùng biện pháp hăm he, tra tấn, sợ e Thứ hậu không chịu khai ngay, trăm phải dùng mẹo mà tra hỏi một cách êm thấm mới mong tìm ra manh mối được”. Nghĩ rồi, Quốc vương đổi buồn làm vui, phán bảo các quan cận thần tư vấn rằng: “Chư hiền khanh, lúc trước trăm ăn ngủ không yên, ngày đêm cứ phập phồng lo sợ vì trăm nghĩ: Sāmavatī đang rình rập mong chờ cơ hội để ra tay hành thích trăm. Bây giờ Sāmavatī thác rồi, trăm mới vững dạ yên lòng, toại hưởng một đời hạnh phúc”.

- Tâu chúa thượng việc này do kẻ nào gây ra vậy.

- Chắc là do một người nào đó có lòng yêu mến trăm.

Thứ hậu Māgandiyā đứng gần đó nghe Quốc vương đáp lời như vậy, thì vội vã tâu rằng:

- Tâu Chúa thượng việc này do tay thần thiếp gây nên, chớ ngoài thần thiếp ra không ai có thể làm được. Thần thiếp đã triệu Quốc trưởng vào cung và ra lệnh cho Quốc trưởng thi hành việc ấy.

Quốc vương phán: “Trừ ái Hậu ra, trăm không còn ai thật lòng yêu quý trăm. Ái hậu ơi! Trăm phát tâm trong sạch muốn ban bố cho ái hậu một ân huệ. Vậy ái khanh hãy triệu của gia nhân quyền thuộc của ái hậu vào đây”.

Thứ hậu bèn gửi thư kêu gọi thân nhân: “Đức vua phát tâm trong sạch đối với ta, Ngài sẽ ban bố ân huệ, tất cả bà con hãy đến cho mau”.

Những gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā lũ lượt kéo nhau vào hoàng cung đều được Quốc vương ban thưởng rất trọng hậu. Thấy vậy, nhiều người không phải khuyến thuộc của Thứ hậu cũng ráng lo lót để được chứng nhận là: “Gia nhân của Māgandiyā để vào cung lãnh thưởng”.

Sau khi đã kiểm kê gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā, Quốc vương ra lệnh bắt hết những người ấy trói lại, dẫn họ ra chỗ sân ngự, xô họ xuống ngồi dưới những hố cá nhân đã đào sẵn, rồi lấp đất lại, rải rom lên trên và châm lửa đốt. Khi lửa bén cháy da tội nhân, Quốc vương truyền lệnh lấy cây sắt cày qua cày lại nhiều lượt để phân thân họ ra từng mảnh. Còn Thứ hậu Māgandiyā cũng bị Quốc vương ra lệnh lấy dao bén lóc hết những mảng thịt nạc trong người của Thứ hậu bỏ vào chảo dầu sôi, chiên chín như bánh cam, rồi bắt Thứ hậu phải ăn.

Một hôm, trong phòng pháp hội, nhân khi nhắc đến vụ hỏa thiêu hậu cung, chư Tăng đồng kết luận rằng: “Này các đạo hữu, thật là không hợp lý khi những tín nữ có những đức tin trong sạch như thế, sao lại phải hứng chịu cái chết thê thảm như thế?”.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ khưu các ông ngồi thảo luận việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, như thế... như thế...

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Trong kiếp này đoàn cung nhân có Sāmāvatī là Chánh hậu tử nạn như thế là vì họ trả quả của nghiệp tiền khiên, chớ không có chi lạ.

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi hoan hỷ giải rõ tiền nghiệp của họ cho chúng con được biết.

Nghe chư Tăng yêu cầu, Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tích xưa:

Thời quá khứ, dưới triều đại của Quốc vương Brahmadatta, có tám vị Phật Độc Giác đóng đô tại thành Bārāṇasī, hằng ngày ngự đến thọ thực trong vương cung, năm trăm cung nữ lo việc hộ độ chư Phật.

Khi bảy vị Phật ngự về núi Hy Mã (Himavanta), còn một vị ở lại đang ngồi nhập đại định trong một đám cỏ rậm gần bên bờ sông.

Một hôm, nhân thấy chư Phật đi vắng, Quốc vương dắt đoàn cung nữ xuống sông để bơi lội. Các cung nữ ham vui đắm mình dưới nước cả ngày, đến khi lên bờ họ cảm thấy lạnh run, nên muốn nhóm lửa để sưởi cho ấm.

“Chúng ta đi kiếm lửa nhóm”, nói rồi họ kéo nhau đi tìm chỗ nọ, chỗ kia, đưa mắt lục soát tứ phía. Trông thấy đám cỏ rậm rạp tưởng là đám cỏ không họ bèn châm lửa đốt rồi đứng xúm xít quanh để sưởi. Khi đám cỏ cháy rạp xuống, các cung nữ mới thấy Đức Phật Độc Giác ngồi yên trong đám lửa. Họ hoảng sợ kêu bảo nhau: “Thôi chết rồi, chết mình rồi chị em ơi. Đức Phật Độc Giác của Quốc vương mà chết cháy, Quốc vương hay được thì chị em mình chắc không toàn tánh mạng. Bây giờ đã trót lỡ như thế, chúng ta phải thiêu Ngài luôn cho mất tích”.

Thế là, cả đoàn năm trăm cung nữ rồi rít chạy túa ra đi, quơ củi khô gom lại, chất thành một đống cao lớn. Họ châm lửa đốt củi rồi bỏ đi, yên chí là lần này chắc Ngài sẽ cháy tiêu mất xác.

(Các cung nữ ấy ban đầu không có tác ý, nhưng bây giờ thì họ cố ý vì lẽ đó họ phải mắc nghiệp quả về sau).

Tuy nhiên, dầu họ có gom cả trăm cả ngàn khúc củi chất đống rồi đốt cháy bùng lên, họ cũng không làm cho Đức Phật Độc Giác đang nhập đại định phải bị tác hại hay nóng nảy một chút nào. Bởi vậy, đến ngày thứ bảy, Đức Phật Độc Giác xuất định ra đi bình yên vô sự. Do ác nghiệp đã tạo, các cung nữ bị sa vào hỏa ngục, bị lửa thiêu trong nhiều trăm ngàn năm, do quả còn dư, khi tái sinh lên làm người, họ còn bị chết cháy cả trăm kiếp và kiếp chót này họ bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung như thế. Đó là do tiền nghiệp của họ vậy.

Nghe dứt tích này, chư Tăng hỏi Đức Bôn Sư:

- Bạch Ngài! Còn cô Khujjutarā do ác nghiệp gì mà cô bị tật gù lưng, do thân nghiệp gì mà cô có trí tuệ đại Bát nhã, do phước nghiệp gì cô chứng quả vị Tu Đà Hườn và do ác nghiệp gì cô phải chịu làm nô tỳ cho người khác?

- Này các Tỳ khuru! Cũng dưới triều đại của Quốc vương Brahmadatta đó, ở tại thành Bārāṇasī, có một vị Phật Độc Giác có tật hơi gù lưng.

Khi ấy có người nữ là người phục dịch cho Đức Phật. Lấy các mền ni làm y trùm, lại lấy cái chén chum làm bát (bằng vàng), giả cách gù lưng nhái theo Đức Phật Độc Giác cho mọi người coi chơi và nói: “Đức Phật Độc Giác của chúng ta có tướng đi như vậy, như vậy...”. Do quả nghiệp của ác hành ấy mà cô Khujjutarā phải mang tật gù lưng.

Khi chư Phật vào vương cung thọ thực lần đầu tiên, Quốc vương thỉnh các Ngài an tọa xong, cho người thỉnh bát không của các Ngài, đơm đầy cơm trắng rồi đem dâng trở lại, cơm nóng quá khiến chư Phật phải trở tay liền liền.

Thấy vậy, cô phục dịch lấy tám chiếc vòng tay bằng ngà của mình đem dâng chư Phật và bạch: “Xin các Ngài để bát lên trên cái vòng này mà bưng”. Chư Phật lấy vòng ngà lót kê đít bát rồi nhìn cô cung nữ. Cô hiểu ý chư Phật nên bạch: “Bạch các Ngài, chúng con không cần dùng những chiếc vòng ấy, xin dâng đứt luôn đến các Ngài, các Ngài cứ nhận lấy đi”.

Chư Phật Độc Giác nhận lãnh các vòng tay ngà ngự luôn về núi Nandamūlaka, cho tới ngày nay, những chiếc vòng ngà ấy vẫn còn nguyên vẹn.

Do thiện nghiệp ấy, bây giờ cô Khujjutarā có trí đại Bát nhã, thông suốt Tam tạng và do phước báu của sự phục dịch chư Phật Độc Giác cô chứng đắc Tu Đà Hườn.

Trên đây là tiền nghiệp của cô Khujjutarā có trí đại Bát nhã (Mahāpañño) thông suốt Tam tạng và do phước báu phục dịch chư Phật Độc Giác cô ta chứng đắc Tu Đà Hườn.

Còn đây là tiền nghiệp của nàng Khujjutarā trong thời kỳ không có Đức Phật Độc Giác.

Đến thời Đức Phật Tổ Kassapa (Ca Diếp), cô là một tiểu thư của ông Trưởng giả thành Bārāṇasī. Một buổi chiều kia cô cang ngồi soi kiếng để tự trang điểm. Khi ấy, có một Tỳ khuru Ni là bậc Lậu Tận (A La Hán) quen thân với tiểu thư đến nhà để thăm (các Tỳ khuru Ni A La Hán thường hay đến viếng thăm những gia đình hộ độ mình vào buổi xế chiều). Ngay phút ấy, cô không có tớ gái nào đứng hầu gần đó để làm tay sai cho cô tiểu thư cả.

Khi ấy vị Tỳ khuru Ni đến, tiểu thư nói: “Con xin đánh lễ Sư cô, Xin Sư cô hoan hỷ trao giùm cái hộp nữ trang qua cho con”.

Sư cô nghĩ thầm: “Nếu ta không lấy cái hộp này trao qua cho tiểu thư thì cô ấy sẽ buộc oan trái với ta và rồi về sau cô ta sẽ đi địa ngục, còn nếu ta làm theo lời cô thì cô sẽ làm tội tớ trong đời vị lai. Thà để cô phải làm tội tớ cho người, còn hơn là để cô phải chịu thiêu đốt trong cảnh địa ngục”.

Quán xét thấy rõ nguyên nhân như thế vị Tỳ khuru Ni Lậu Tận bèn lấy cái hộp đồ nữ trang trao qua cho cô tiểu thư. Do tiền nghiệp đã sai khiến một vị A La Hán mà cô Khujjuttarā phải mang kiếp làm kẻ tôi đòi vậy.

Qua ngày sau, chư Tăng lại nhóm trong phòng pháp hội, câu hỏi sau đây được nêu lên: “Một nhóm năm trăm phụ nữ có nàng Sāmāvatī đứng đầu bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung, một nhóm nữa gồm có quyền thuộc của bà Māgandiyā bị ủ rơm đốt cháy, rồi bị cày sắt phun thây. Bà Māgandiyā bị lóc xẻo thịt chiên trong chảo dầu. Trong số người trên đây, những ai đáng gọi là còn sống, những ai đáng gọi là đã chết?”.

Đức Bôn Sur ngự vào phòng nhóm phán hỏi chư Tăng: “Này các Tỳ khuru! Các thầy đang thảo luận việc chi đây?”.

- Bạch Ngài! Việc như vậy, như vậy...

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Thế Tôn phán bảo rằng: “Này các Tỳ khuru những kẻ giải đãi biếng nhác, dầu cho còn sống một trăm năm nữa, cũng đáng gọi là đã chết. Những người chuyên cần tinh tấn, dầu cho chết rồi cũng vẫn như còn sống y nhiên. Cho nên Māgandiyā sống cũng vậy, chết rồi cũng vậy, đều đáng gọi là tử vong, còn năm trăm cung nữ có Sāmāvatī đứng đầu tuy đã chết nhưng cũng đáng gọi là đang còn sống. Quả thật, này các Tỳ khuru những người chuyên cần không đời nào chết đi”.

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm liên tiếp ba bài kệ:

“Appamādo amataṃ padaṃ,
Pamādo maccuno padaṃ;
Appamattā na mīyanti,
Ye pamattā yathā matā”.

“Etaṃ visesato ñatvā,
Appamādamhi paṇḍitā;
Appamāde pamodanti,
Ariyānaṃ gocare ratā”.

“Te jhāyino sātatikā,
Niccaṃ daḷhaparakkamā;
Phusanti dhīrā nibbānaṃ,
Yogakkhemaṃ anuttaranti”.

*“Chuyên cần là lộ trường tồn,
Buông lung là lộ đưa hồn âm cung.
Người cần chuyên sống vô cùng,
Kẻ buông lung sống, lâm chung khác nào.
Hiên nhân biết rõ tháp cao,
Cần chuyên thủ phận dám nào buông lung.
Cần chuyên ngày tháng thung dung,
An vui tự tại sánh cùng Thánh nhân,
Nhờ tu thiền định tinh cần,
Ngày đêm tinh tấn, trí nhân siêu phàm,
Chứng ngay vô thượng Níp Bàn,
Não phiền giữ sạch, tịnh an cõi lòng”.*

CHÚ GIẢI:

Appamādo: *Sự chuyên cần, không buông lung.* Trong câu kệ này, Đức Thế Tôn nêu rõ sự lợi ích lớn lao mà người tu tập chuyên cần hằng đạt được và một khi đạt được sự lợi ích lớn lao (tức là Níp Bàn) ấy rồi, hành giả hằng trú vững trong đó.

Quả thật dầu cho ai có dày công học hết Phật ngôn trong toàn bộ Tam tạng, rồi đem ra thuyết giảng cũng không được sự lợi ích bằng người chuyên cần tu tập, bởi thế Đức Phật có dạy rằng: “Này các Tỳ khuru! Ví như ta đem dấu chân voi mà so sánh với bất cứ dấu chân nào khác của các giống thú rừng, thì ta thấy dấu chân voi bao giờ cũng to lớn vượt bậc, lấn át tất cả các dấu khác.

Cũng như thế! Này các Tỳ khuru, nếu ta đem pháp chuyên cần mà so sánh với bất cứ những thiện pháp nào chẳng hạn thì bao giờ chuyên cần (appamādo) cũng có sự lợi ích to lớn vượt bậc, lớn hơn những thiện pháp khác.

Người mà không xa lìa pháp ghi nhớ đến sự lợi ích ấy, có tâm thường trú trong chánh niệm, gọi là người chuyên cần vậy.

Amataṃ padam (*Con đường bất tử*): Đức Thế Tôn dùng danh từ bất tử (amataṃ) để ám chỉ Níp Bàn là cõi Vô sanh (Ajatatta) vì nơi đó không có sự sống, chết cho nên gọi là cõi bất tử. Đức Thế Tôn gọi là con đường bất tử (amataṃ padam).

Pamādo (*Giải đãi*): Là sự lười biếng, sự phóng dật, sự buông lung dễ dãi, tiếng này chỉ trạng thái của người bỏ mất pháp ghi nhớ, thường hay quên, mà ta quen gọi là lãng trí (muṭṭhāsacca).

Maccuno padam (*Lộ suy vong*): Maccu là cõi chết, chỗ tử vong, padam là con đường lối đi, đạo lộ.

Quả nhiên giải đãi (Pamatto) không vượt qua khỏi biên luân hồi, chỉ lần quẩn trong vòng sanh tử, sanh ra để mà chết mãi vậy thôi.

Con đường đưa kẻ giải đãi đến chỗ suy vong gọi là lộ suy vong (maccuno padam).

Appamattā (*Những người chuyên cần*): Tức là những người có chánh niệm, luôn luôn có đầy đủ pháp ghi nhớ đến điều lợi ích lớn lao.

Na mīyanti (*Chẳng biết*): Ta chẳng nên nghĩ tưởng là họ chẳng già, không chết vì thật ra chẳng có chúng sanh nào không già, không chết cả. Những người dễ dãi thì bất chấp thiện ác, hành động của họ vô giới hạn, họ không có lý tưởng chánh kiến, cho nên họ không thoát khỏi con đường sanh tử triền miên. Dầu họ đang còn sống thì cũng kể như họ đã chết rồi vậy. Còn những người chuyên cần, gia công nỗ lực, chúng đắc đạo quả một cách mau chóng, thì khỏi phải tái sanh kiếp thứ nhì thứ ba... Cho nên dầu họ đang còn sống hay đã chết cũng đáng gọi là chẳng chết vậy.

Ye pamattā yathā matā (*Những kẻ biếng như đã chết*): Những chúng sanh nào lười biếng, giải đãi thì sống cũng như không, ta có thể xem họ như đã chết vì lười, cũng như xác chết vì đã đứt mạng căn, như khúc củi mục, không có tâm thức, nếu là người tại gia họ chẳng hề khi nào có ý nghĩ khắc kỷ lợi tha, chẳng hạn như: “Ta sẽ bỏ thí vợ con, ta sẽ thọ trì Ngũ giới, Bát quan trai giới...”.

Nếu là người xuất gia, họ chẳng hề phát tâm nhẫn nại, cầu tiến, chẳng hạn như: “Ta sẽ hầu hạ thầy tế độ, thầy tiếp dẫn, hoặc các Đại đức Cao Tăng, ta sẽ giữ hạnh Đầu đà, ta sẽ hành thiền...”. Do các lý đã nêu, Đức Thế Tôn mới thuyết câu kệ ngôn trên đây vậy.

Etam viśesato ñatvā (Nhờ giác tri như thế): nghĩa là biết rõ rằng: Kẻ giải đãi không thể nào thoát khỏi vòng sanh tử, còn người chuyên cần thì chắc chắn là sẽ thoát khỏi biển luân hồi.

Appamādamhi paṇḍitā (Các bậc trí chẳng buông lung): Hiền nhân hay trí giả là những bậc thông minh trí tuệ, tự mình kèm lấy mình, đã không dám buông lung mà còn tinh cần thêm lên mãi mãi, các bậc ấy biết rõ hai con đường sanh và tử đã nêu trong hai câu kệ đầu (1 và 2).

Appamāde pamodanti (Mãi chuyên cần hoan hỷ): Là các bậc hiền trí biết rõ lý trên, hằng hoan hỷ vui thích thỏa mãn trong sự chuyên cần.

Ariyānaṃ gocare ratā (Cõi Thánh được thung dung): Các vị hoan hỷ trong sự chuyên cần, càng ngày càng tinh tấn thêm, ắt được hưởng sự an vui tịnh lạc, tự tại ung dung trong cảnh giới thiền định đạo quả của bậc Thánh nhân, gọi là cõi Thánh của hàng Thánh Văn đệ tử Phật Độc Giác và chư Chánh Đẳng Giác, gồm có bốn chỗ niệm, ba mươi bảy pháp trợ đạo và chín pháp siêu thế...

Te jhāyino (Người tu thiền định) chỉ các bậc hiền trí hằng tu tập theo hai pháp hành Thiền định (Samādhi) và Chỉ quán (Samātha vipassanā) để đắc thiền định và đạo quả, bằng cách định tâm trên đối tượng gọi là Bát thiền (aṭṭhasamāpatti) và pháp quan sát ba tướng (Vô thường, Khổ não, Phi ngã), gọi là Minh sát (vipassanā).

Sātatikā (Chuyên): Từ khi xuất gia về sau, hành giả cứ một mực tinh tấn, chuyên cần rèn luyện tâm mãi cho đến bao giờ chứng đạt A La Hán quả mới thôi.

Niccaṃ dāḥaparakkamā (Hằng tinh tấn dụng công): Pháp nào mà ta cần nên chứng đắc với sức mạnh với sự hăng hái với sự cố gắng của một người nam. Nếu chưa chứng đắc pháp ấy, ta nhất định chưa đình chỉ sự tinh tấn, nhờ quyết tâm như thế, bậc hiền trí không thôi chuyển trên đường hành đạo và hằng tinh tấn nỗ lực, không bỏ dở sự công phu.

Phusanti (Chứng đạt): Trong Phật giáo có hai danh từ dùng để chỉ sự chứng đắc đạo quả là: Tuệ chứng (ñāṇaphusana) và Dị thực chứng (vipākaphusana).

Nói về bốn đạo (Cattāri magga) thì gọi là Tuệ chứng, nói về bốn quả là Dị thực chứng (cattāri phalāni: bốn quả). Nơi đây Đức Phật thuyết về Dị thực chứng.

Câu nói: “Các bậc trí tuệ (dhīrā) hằng làm cho thấu rõ Níp Bàn bằng Thánh quả (Ariyāphalena nibbānaṃ sacchikarontā) đồng nghĩa với câu do nơi Dị thực chứng (Vipākaphusanāya) của Thánh quả ấy mà các bậc hiền trí (dhīrā paṇḍita) làm cho thấu rõ Níp Bàn.

Yogakkhemaṃ anuttaranti (Thoát phiền trước vô thượng): Yoga nơi đây chỉ cho bốn cái ách mà chúng sanh bị trói chặt vào, càng làm cho họ chìm đắm mãi trong biển sanh tử, là nguyên nhân của mọi phiền não nhiễm ô: Đó là dục ách (Kāma yoga), hữu ách (Bhava yoga), kiến ách (Ditṭhi yoga) và vô minh (avijjā yoga).

Khemam là an toàn, tự tại, không còn lo sợ vì đã thoát khỏi bốn ách.

Anuttaram là vô thượng vô song vì Níp Bàn là pháp cao thượng quý báu hơn tất cả các pháp thế gian (phàm) và siêu thế gian (Thánh).

Sau thời Pháp của Đức Thế Tôn, có nhiều người đắc chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

Sanh tử hai đường, hệ ở đâu?

Mưu cao chỉ lắm họa càng sâu!

Khổ vui nhớ xét nhân tiền nghiệp,

Lành dữ chờ xem quả đáo đầu.

Trắng cờ Ma Phi sao Phật góm?

Đen như Ô Hậu lại vua cầu?

Ai người trí tuệ ham thịnh sắc?

Thánh Đức miên trường, mặc bề dâu.

DÚT TÍCH HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ





21. Heedfulness and diligence are the way to Nibbāna. The heedless are like unto the dead.

**21. Không phóng dật và tinh cần là con đường đi đến Níp Bàn.
Những người phóng dật cũng giống như người đã chết.**



22. The wise, delighting in the way of the Noble Ones, rejoice in heedfulness.

22. Những người có trí, thích thú con đường của bậc Thánh, hân hoan tinh cần tu tập.



23. The steady and constant meditator wins the supreme security and bliss of Nibbāna.

23. Người thiền định chuyên tâm kiên trì đạt được tối thượng an ổn và cực lạc Níp Bàn.

II.2- Tích KUMBHAGHOSAKA

(*Kumbhaghosaka vatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú 24)

“Uṭṭhānavato satimato,
Sucikammassa nisammakārino;
Saññatassa ca dhammajīvino,
Appamattassa yasobhivaḍḍhatīti”.

*“Người chánh niệm nhiệt thành,
Tĩnh nghiệp hiệp tri hành,
Giữ mình sống phải đạo,
Không buông lung thô tháo,
Hàng lòng lấy thịnh danh”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết khi Ngài ngự ở Veluvana, đề cập đến Thiên hộ Kumbhaghosaka (Đào Khí Âm).

Thưở ấy, nhà của một phú Trưởng giả trong thành Rājagaha bị nhiễm bệnh thời khí (ahivātakarogo).

Lúc bệnh mới phát, ruồi lẩn chết trước, kế đến những bò cái, súc vật khác chết tiếp theo. Từ đó, bệnh lây qua các nô tỳ, công nhân trong nhà và sau cùng lây đến chủ nhà.

Khi biết mình lâm trọng bệnh, liệu thế chắc không thoát khỏi chết, hai ông bà phú Trưởng giả đưa đôi mắt đầm lệ nhìn cậu công tử đang đứng gần đó và bảo rằng: “Con ơi! Nghe nói lúc bệnh này mới phát, những người phá vách chạy thoát ra ngoài thì được sống sót. Vậy con đừng lo cho cha mẹ. Hãy tiên bảo kỳ thân, chạy thoát đi cho mau, nếu còn sống ngày sau con trở về đây, đến hàm cha mẹ chôn giấu bốn trăm triệu đồng vàng, con đào lấy lên mà làm của sinh sống”.

Nghe qua những lời trấn trời của song thân trong giờ hấp hối, cậu con trai xúc động đến rơi nước mắt. Vừa lạy vừa khóc, cậu không biết làm gì hơn là vâng lời cha mẹ, trốn tránh tử thân, phá vách thoát ra ngoài chạy về miền sơn lâm (Pabbatagahano). Cậu ở tại đó mười hai năm trời dài đằng đẳng, mới quay về sanh quán.

Lúc ra đi là tiểu công tử hãy còn ấu xuân, bây giờ trở về râu tóc sum suê, mặt mày đổi khác nên không ai nhìn biết cậu là con nhà đại phú đã từ trần.

Công tử liền đến thăm chùng hầm chôn vàng mà song thân quá cố đã di ngôn cho cậu, thấy còn nguyên vẹn thì nghĩ thầm: “Bây giờ không còn ai nhận ra ta hết, nếu ta đào lên lấy kho vàng tiêu xài, thì sao khỏi chánh quyền bắt bớ làm khó dễ ta, nghĩ rằng ta là một kẻ bần cùng đạo tộm của người chôn giấu. Thôi ta hãy kiếm việc làm thuê, lấy tiền chi độ khẩu”.

Thế rồi, công tử cải trang, ăn vận rách rưới, đi dấn vào xóm lao động vừa đi vừa nói:

- Ai có cần mướn người làm không?

Khi ấy có người ở mướn, trông thấy Kumbhaghosaka trong bộ y phục bần cùng đi xin việc thì bảo cậu: “Này chú em, làm việc này giúp bọn ta, thì bọn ta sẽ cấp lương thực cho chú em”.

- Việc chi vậy mấy anh?

- Ôi việc này dễ ợt, nếu chú em mầy siêng năng thì hừng đông dậy cho sớm đi loanh quanh kiếm các công nhân và kêu gọi họ: “Anh em ơi! Hãy thức dậy đẩy xe ra ngoài và hãy bắt kê bỏ vô! Đã đến giờ thả voi, ngựa ra đồng cỏ rồi nghe! Chị em cũng mau mau ra nấu cơm, nấu cháo đi nghe!”, chỉ có vậy thôi.

Nghe giảng giải xong, công tử nhận chịu đáp:

- Được vậy tốt lắm.

Khi ấy, công tử được cấp cho một cái nhà ở gần nơi đó, mỗi ngày công tử làm tròn phần việc mà họ đã giao.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bimbisāra có phép chỉ nghe tiếng nói mà đoán biết thân thể cả tất cả mọi người. Một hôm Quốc vương tỉnh cờ nghe được tiếng nói của công tử Kumbhaghosaka, bèn buột miệng phán rằng: “Đó là một tiếng nói của thanh niên cự phú”.

Lúc ấy có bà ngự nữ đứng hầu đức vua, bà muốn ứng tiếng hỏi nhưng lại nghĩ thầm: “Chắc có lẽ đức vua cũng chẳng dạy cho ta biết rõ việc này đâu? Ta cần phải tự mình truy cho ra sự thật”.

Nghĩ rồi, bà ngự nữ phái một quan nội thị ra đi: “Khanh hãy điều tra xem thanh niên đó là người như thế nào?”.

Nội thần vội vã ra đi, gặp mặt công tử Kumbhaghosaka rồi trở về tâu rằng: “Tâu lệnh bà, thanh niên đó là một người nghèo khổ, làm công cho một người ở mướn”.

Quốc vương nghe tâu làm thinh.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, Quốc vương vẫn còn nghe tiếng nói ấy và cũng đã thốt ra những lời như trước, khiến cho bà ngự nữ đứng hầu nghe được, bà cũng nghĩ như trước: “Ta phải truy cho ra manh mối việc này”.

Bà đã sai phái người đi điều tra nhiều lượt, nhưng ai cũng về trả lời rằng: “Đó là một kẻ bần nhon”.

Bà ngự phi suy nghĩ: “Quốc vương nghe tâu đó là một kẻ bần nhon thì không tin, cứ lặp đi lặp lại rằng: “Đó là tiếng nói của chàng thanh niên đại phú”. Việc này ta phải làm cho ra lẽ, ta phải biết rõ sự thật mới được”.

Bà tâu cùng Quốc vương: “Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thần thiếp một ngàn đồng vàng, thần thiếp sẽ dắt Công chúa đi theo, nhất định sẽ đem kho tàng ấy về nhập vào vương khố”.

Quốc vương chuẩn tâu, ban cho vương phi một ngàn đồng vàng, vương phi nhận tiền rồi, bảo Công chúa vận y phục bằng thứ vải thô kịch dơ dáy, đoạn hai mẹ con rời thành Rājagaha ra đi.

Giả trang khách lữ hành, hai phụ nữ quyền quý này đến ngay xóm lao động vào trong một nhà nọ hỏi một chủ nhà: “Bác ơi! Chúng tôi đi xa lỡ đường, xin bác làm ơn cho ở đỡ vài hôm rồi chúng ta sẽ ra đi”.

Chủ nhà đáp:

- Bác à! Không mấy khi bác đến đây hỏi xin ở nhờ, nhưng nhà cháu đông người chật chội lắm, đùm đậu ở đây không tiện, hay bác hỏi ở nhà Kumbhaghosaka thử xem, chú ấy ở một mình một cái nhà rộng lớn.

Vương phi dắt Công chúa đến đó, yêu cầu: “Ông ơi! Chúng cháu lỡ đường, xin ông chủ cho chúng cháu ở nhà nhờ trong một vài hôm”.

Thấy thanh niên từ chối nhiều lượt vương phi khấn khoản van nài: “Ông chủ làm ơn cho chúng cháu ngủ nhờ một đêm nay thôi, ngày mai chúng cháu sẽ đi sớm”.

- Ở thôi được! Hai người ở đỡ một đêm thì cứ ở.

Ngày hôm sau vương phi không chịu từ giả lên đường, chờ khi công tử đi ra đồng làm việc trở về vương phi bảo: “Ông chủ ơi! Ông có lòng tốt cho chúng tôi ở tá túc, chúng tôi không biết lấy chi đền ơn vậy chúng tôi xin nấu cơm giúp ông chủ”.

- Thôi đi bà ơi! Tôi tự nấu lấy mà ăn cũng được.

Tuy bị từ chối vương phi cũng không nản lòng, cứ đeo theo yêu cầu mãi về sau cũng được công tử chấp nhận vương phi bèn ra chợ mua các thứ ngon lành hảo hạng như gạo trắng thơm... đem về nấu nướng theo thực đơn của nhà vua, gồm: Có cơm trắng nuột như bông bươi, phụ thêm hai ba món sơn hào hải vị cam trân ngà ngọc, chờ công tử đi làm về dọn ra cho công tử dùng. Khi thấy công tử dùng xong bữa có vẻ hài lòng thỏa mãn. Vương phi bèn nói với ông chủ:

- Ông chủ ơi! Mẹ con chúng tôi còn mệt, xin ông chủ cảm phiền cho mẹ con tôi ở lại một đôi ngày nữa.

Công tử nhận lời:

- Ở được.

Ngày hôm sau vương phi đích thân đứng nấu các món thực phẩm hương diêm dọn cho công tử ăn.

Thấy biết công tử đã xiêu lòng vương phi đã nài nỉ xin ở thêm mấy ngày nữa.

Nay lần mai lượt, thừa lúc công tử Kumbhaghosaka vắng nhà vương phi dùng dao bén cắt đứt nhiều khúc ở dưới hai bên phía dưới giường nệm của công tử. Khi công tử đi làm về, ngồi lên giường thì cái giường lún thấp xuống.

Công tử hỏi: “Tại sao cái giường này thủng xuống như vậy đây?”.

- Thừa ông chủ, có mấy đứa con nít ở lối xóm lại chơi, chúng nó nghịch quá, tôi ngăn cản không được. Chúng nó cả đám trèo ngồi hết trên giường hoại.

- Bà ơi! Tôi mắc cái nạn này cũng là tại do bà ở đậu mà ra, chớ lúc trước mỗi lần ra đi, tôi khóa cửa nhà lại hết thì đâu có xảy ra chuyện gì?

- Tôi ngăn lũ trẻ không được thì biết làm sao. Thừa ông chủ.

Vương phi kiểm lời chồng chế như vậy, rồi cứ ngày một ngày hai xin lưu lại ở trong nhà, cắt đứt hết dần dây treo nệm, chỉ còn chừa lại mỗi sợi vải tao nguyên mà thôi, mặc cho công tử phiền hà trách móc.

Một hôm, công tử đi làm về vừa ngồi trên giường thì cái giường nệm sụp xuống luôn, làm công tử té ngồi, động trán trên hai đầu gối. Công tử đứng dậy cắn nhằn: “Tôi làm cái gì, tôi sẽ đi đâu bây giờ, mấy bà báo hại tôi mất cả giường nằm”.

- Ông chủ ơi! Ông đừng buồn tội nghiệp, tôi biết làm sao hơn, tại lũ trẻ con tinh nghịch quá, tôi không ngăn nổi. Thôi giờ này ông định đi đâu? Thôi ông cảm phiền lên ngủ đờ một giường với em gái một đêm nay.

Vương phi bảo Công chúa: “Con ạ, con nằm nép qua một bên cho anh con nằm chung với”.

Công chúa nằm chừa một khoảng trống và kêu: “Ông chủ lên nằm đây đi”.

Vương phi cũng giục công tử: “Ông chủ cứ lên nằm một bên em gái đi”.

Công tử Kumbhaghosaka y lời, lên nằm ngủ chung một giường với Công chúa, chỉ trong đêm ấy, trai gái đã giao tình với nhau. Thiếu nữ phát khóc thút thít. Nghe tiếng vương phi gạn hỏi:

- Sao con khóc vậy con?

- Thưa mẹ! Chuyện xảy ra như vậy...

- Con ạ! Việc đã lỡ rồi, có khóc cũng chẳng ích chi. Vả lại con gái lớn cần phải lấy chồng, trai lớn cần phải lấy vợ. Con được sửa tráp nâng khăn cho công tử đây, cũng là một việc rất hay vậy.

Nói rồi Vương phi nhìn nhận công tử là giai tử của mình. Từ đó, ba mẹ con sống chung với nhau rất thuận hòa êm thấm.

Cách mấy hôm sau vương phi cho người thông tin lên đức vua: “Xin bệ hạ cho kỵ binh đi rao truyền. Cho thần dân trong xóm lao động phải ăn mừng lễ khánh hạ, nhà nào không tuân lệnh thì phải nộp tiền phạt!”.

Quốc vương y tấu, cho lính mã kỵ bắt loa loan truyền vương lệnh trong xóm lao động.

Khi ấy, bà hỏi chàng rể:

- Con ạ! Có lệnh đức vua truyền lệnh dân chúng trong xóm lao động chúng ta phải ăn mừng lễ khánh hạ. Vậy ta phải làm sao bây giờ?

- Thưa má, con đi làm thuê, lương không đủ sống, biết làm thế nào bây giờ.

- Con ạ! Những người có nhà ở thì vay mượn được, còn lệnh vua truyền xuống thì không thể cãi lại đâu con. Vậy con đi hỏi coi có nhà nào cho vay thì con cầm cổ vay mượn đờ một vài đồng vàng đem về cho má.

Công tử bực mình vừa đi vừa cắn nhằn, đến hầm chôn vàng đào lấy lên một đồng đưa cho nhạc mẫu.

Vương phi gửi đồng vàng ấy lên cho đức vua và lấy tiền mình ra xài phí trong cuộc lễ.

Độ vài hôm sau vương phi lại cho người thông tin lên Quốc vương, cũng tâu xin như trước.

Quốc vương lại hạ lệnh cho thần dân ăn mừng lễ khánh chúc, nhà nào không tuân lệnh thì phải nộp phạt.

Công tử Kumbhaghosaka nghe mẹ vào báo tin và thúc hối chạy tiền thì cần nản, nhưng cũng đi lấy hai ba đồng vàng đem về.

Vương phi nhận được tiền của con rể, bèn gọi người thân tín đem dâng lên đức vua. Lại cách mấy hôm nữa vương phi thông tin lên đức vua: “Bây giờ xin bệ hạ hãy triệu công tử về triều”.

Quốc vương y tâu, cho binh cầm lệnh tiến đi triệu công tử Kumbhaghosaka.

Toán lệ binh đến xóm lao động, kiểm hỏi người rằng: “Ai tên Kumbhaghosaka?”. Sau cùng gặp được công tử, họ gọi:

- Lại đây chú ơi! Có lệnh của đức vua đòi chú về triều.

Công tử hoảng hốt, không biết có chuyện gì mà binh lính đến kiểm mình, nên đáp:

- Quốc vương không quen biết với tôi mà. Vả lại, tôi có làm tội lệ gì đâu...

Nói rồi, công tử không chịu đi.

Khi ấy, toán lệ binh bắt đắc dĩ phải dùng cường lực, nắm hai tay công tử lôi đi, thấy họ làm như vậy vương phi quả rằng:

- Nè những quân khó dạy. Bây nắm tay lôi bừa con rể của ta như vậy là bất hợp pháp đó nghe.

Hăm he toán lính rồi vương phi trấn an công tử:

- Con cứ đi đi, đừng sợ chi cả. Mẹ về báo kiến đức vua xong, đứa nào nắm tay con lôi kéo, mẹ sẽ bắt chặt tay chúng nó hết.

Nói rồi Vương phi dắt Công chúa về triều trước, thay đổi xiêm y, trang điểm tươm tất và mặc y phục lộng lẫy, rồi đứng chờ ở trong một phía nơi cung đình.

Công tử Kumbhaghosaka bị lệ binh điệu đến sân triều, quỳ xuống triều bái Quốc vương xong, đứng lên chờ lệnh.

Quốc vương phán hỏi: “Khanh tên là Kumbhaghosaka phải không?”.

- Muôn tâu đại vương, phải.

- Vì lý do gì, khanh có một kho tàng to tát mà lại giấu, không khai báo chi hết vậy?

- Muôn tâu đại vương, ngu dân này đâu có kho vàng nào. Ngu dân nghèo khó, còn phải đi làm mướn kiếm ăn.

Khi ấy, Quốc vương lấy mấy đồng tiền vàng của công tử trưng ra làm tang vật và phán hỏi: “Mấy đồng vàng này của ai đây?”.

Công tử nhìn biết là tiền của mình thì sợ hãi, than rằng:

- Trời ơi! Nguy cho ta rồi, tại sao mấy đồng tiền vàng này lọt vào tay đức vua?”.

Nhìn quanh một lượt, công tử trông thấy Vương phi và Công chúa xiêm y lộng lẫy đang đứng chỗ ngưỡng cửa ngự phòng thì nói thầm: “Quả thật ta mắc tội khi quân nặng lắm, hai mẹ con bà ấy chắc là người của đức vua cho theo do thám ta”.

Thấy công tử nín thinh, Quốc vương phán bảo: “Thôi khanh hãy nên khai hết sự thật. Tại sao khanh làm như thế?”.

- Tâu đại vương! Vì hạ thần không có ai là người bảo trợ để cho hạ thần nương nhờ cả.

- Người như trẫm không làm chỗ nương nhờ cho khanh được sao?

- Tâu đại vương! Thật là tốt đẹp quý báu, nếu hạ thần được đại vương bảo trợ cho hạ thần được có chỗ nương nhờ.

- Kho vàng của khanh tất cả được bao nhiêu?

- Tâu đại vương, bốn trăm triệu đồng vàng.

- Khanh cần phương tiện gì để đem lên?

- Tâu đại vương, hạ thần cần nhiều xe bò.

Quốc vương truyền lệnh thắt mấy trăm cỗ xe bò, cho lệ binh đi theo Kumbhaghosaka đến hầm chôn vàng, lấy vàng chất lên xe bò, chở về sân ngự chắt thành một đống to lớn. Đoạn Quốc vương triệu tập tất cả dân cư trong thành Rājagaha và phán hỏi:

- Trong đô thành có ai làm chủ được bấy nhiêu vàng đây không?

- Tâu đại vương, không.

- Vậy ta nên làm gì đây?

- Tâu đại vương! Xin đại vương trọng thưởng và phong chức tước cho chủ kho vàng này.

Quốc vương y tấu, ân tứ nhiều tặng phẩm tước thưởng công tử Kumbhaghosaka, phong cho công tử chức Thiên hộ và gả Công chúa cho công tử.

Xong rồi Quốc vương với tân phò mã, ngự đến yết kiến Đức Bôn Sư. Sau khi đánh lễ Ngài, Quốc vương bạch rằng: “Bạch Ngài, quả nhân chưa từng thấy ai cương nghị như thanh niên này, mặc dù làm chủ một kho tàng bốn trăm triệu, chàng không hề ỷ lại, chàng làm như kẻ bần hàn, ăn vận rách rưới, làm thuê cho xóm lao động mà nuôi mạng sống, quả nhân đã khéo dùng mưu mẹo điều tra mới khám phá ra sự thật và cho đào lấy kho vàng đưa vào triều. Quả nhân đã gả Công chúa cho chàng, phong cho phẩm hàm Thiên hộ kiêm chức Phò mã. Bạch Ngài, thật quả nhân chưa từng thấy ai giàu nghị lực như thiếu niên này vậy”.

Nghe xong, Đức Bôn Sư đáp:

- Tâu đại vương! Người giữ theo một nếp sống như thế, mới gọi là sống theo lẽ đạo, còn kẻ bắt lương làm nghề trộm cướp chẳng hạn, chỉ chuyên đàn áp nhiều hại trong kiếp hiện tại, chúng sẽ không có sự an vui. Quả thật thanh niên con nhà giàu có, không may gặp cảnh sa sút mà chịu khó làm công nhân hoặc làm nông phu để nuôi mạng như thế, thì đáng gọi là sống chánh mạng, phải đạo lý. Người có sự tinh tấn, đầy đủ sự ghi nhớ chánh niệm, sau khi dùng trí tuệ cân nhắc rồi mới hành động sao cho tri hành hiệp nhất giữa ba nghiệp thân, khẩu và ý của mình thuần tịnh luôn luôn, nhất là giữ mình sống đời đạo lý, nương theo chánh mạng, không bao giờ xa lìa chánh niệm thì thanh danh về quyền hành, chức tước hoặc sự nghiệp càng ngày càng tăng trưởng thêm lên.

Đến đây, Đức Bốn Sư ngâm kệ ngôn rằng:

“Uṭṭhānavato satimato,
Sukikammassa nisammakārino;
Saññatassa ca dhammajīvino,
Appamattassa yasobhivadḍhatīti”.

*“Nhiệt thành chánh niệm song song,
Thân, tâm, khẩu nghiệp sạch trong phải đường.
Trí năng cân nhắc tỏ tường,
Sống theo đạo lý, luân thường chẳng quên”.*

CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng *Uṭṭhānavato* chỉ người có lòng nhiệt thành, tinh tấn hăng hái, chuyên cần.

Satimato: Người có đầy đủ sự ghi nhớ hay pháp chánh niệm.

Sukikammassa: (là người) tịnh nghiệp, nghĩa là tam nghiệp (thân, khẩu, ý) đều thanh tịnh, trong sạch vô tội.

Nisammakārino: Là người có trách nhiệm nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với kiến thức chân xác của mình. Hễ ý nghĩ hay lời nói làm sao thì việc làm cũng vậy, hoặc là người suy xét kỹ lưỡng, nghĩ đến nguyên nhân và hậu quả các nghiệp mình tạo do thân, khẩu, ý trong sạch vô tội rồi mới hành động.

Saññatassa: là biết rõ ràng trí tuệ các thanh hạnh của mình, biết tam nghiệp mình vô tội.

Dhammajīvino: Là người sống hợp theo lý đạo, nuôi mạng chân chánh, như tại gia thì không lường thặng tráo đấu, mua cân già bán cân non, điều ngoa gian xảo... còn xuất gia tu hành thì không làm hai mươi một pháp tà mạng, như cho thuốc, đi thơ... chỉ sống tự túc và tri túc bằng cách tri bình khát thực, lấy lạt qua ngày.

Appamattassa: Là không buông lung, không phóng dật, không quên lãng sự tu thức, chánh niệm.

Yasobhivadḍhati: Thanh danh tăng trưởng, là quyền tước chức vụ, tên tuổi... càng ngày càng lừng lẫy, càng được nhiều người mến phục.



Sau khi bài kệ chấm dứt, Thiên hộ Kumbhaghosaka rắc quả Nhập Lưu, ngoài ra còn có nhiều người rắc Thánh quả, nhất là Sơ quả do nhờ thính pháp của Đức Bổn Sư, hàng đại chúng hưởng được lợi ích như thế.

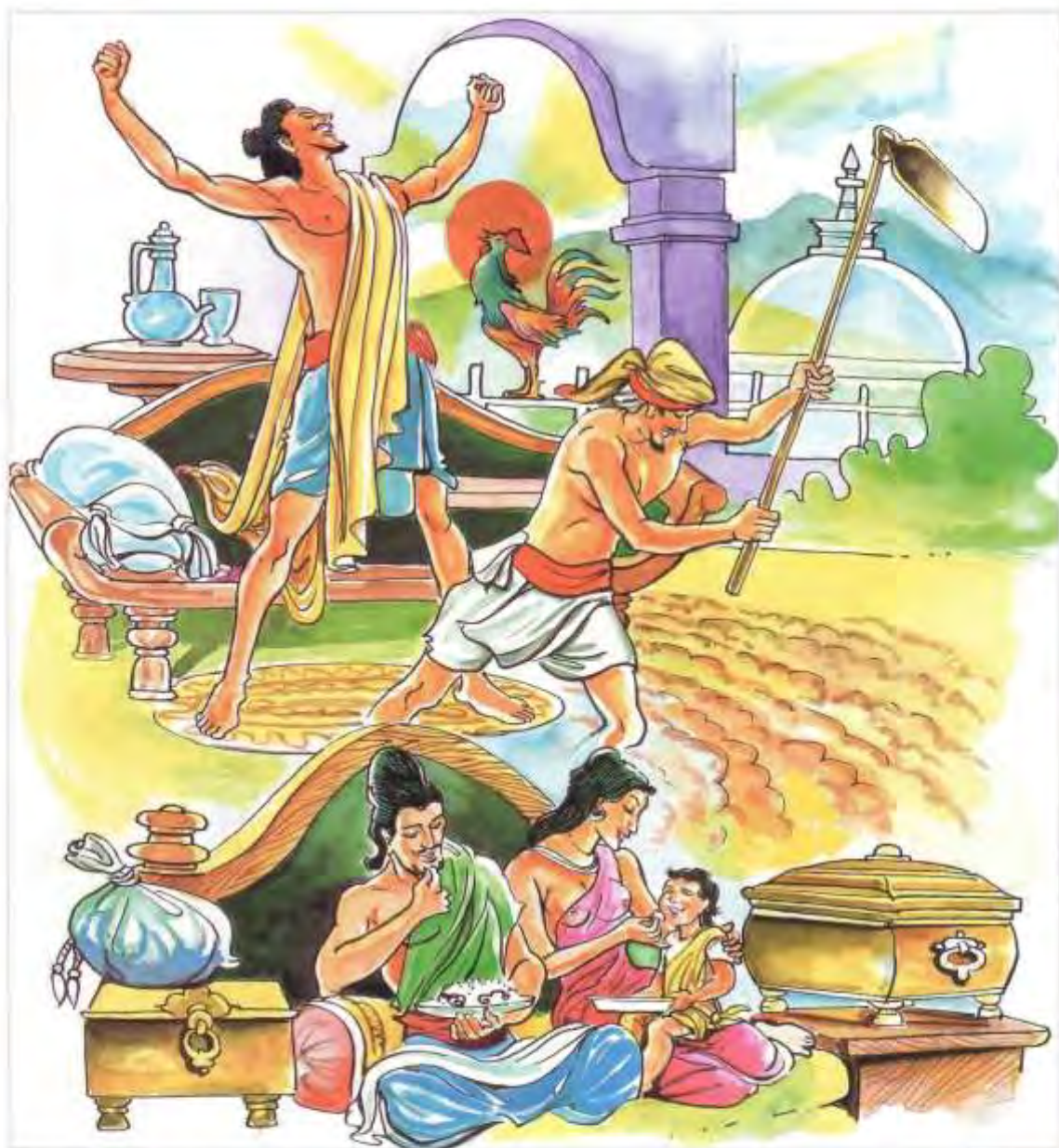


Dịch Giả Cẩn Đề

*Chánh niệm, chuyên cần, nhẫn biết bao!
Tám gương Kumbha sáng hừng hào!
Giá nghề ti tiện thân hèn hạ,
Thật kể châu toàn của quý cao!
Nếu chẳng Tần Vương nghe tiếng mách,
Thì không hoàng tộc bước chân vào,
Đức dày phước lớn càng tăng trưởng,
Bỏ lúc trần ai chịu khổ lao!*

DỨT TÍCH KUMBHAGHOSAKA





24. Mindful and striving, pure, restrained and righteous, man advances to fame and prosperity.

24. Với chuyên tâm, nỗ lực, thanh tịnh, tự điều thân và chánh hạnh, con người đi đến danh vọng và phồn vinh.

II.3- Tích TRƯỞNG LÃO TIỂU BÀN ĐẶC

(*Cūḷapanthakatttheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú 25)

“Uṭṭhānenappamādena,
Saññāmena damena ca;
Dīpaṃ kayirātha medhāvī,
Yaṃ ogho nābhikīratitī”.

“*Nhiệt thành không giải đãi,
Giới căn thu thúc mãi.
Người trí đắp cù lao,
Khỏi ngọn triều khổ hại*”.

Kệ Pháp Cú (25) này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự an tại Veluvana, đề cập đến Đại đức Cūḷapanthaka.

Tương truyền rằng: Thời ấy, trong thành Rājagaha, có một tiểu thư con nhà phú Trưởng giả Dhanasetṭhi (Tài Bạch) đến tuổi cặp kê, tiểu thư được song thân cho ở tầng lầu thứ bảy không cho ra khỏi cửa khuê phòng, thật là:

*Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, bật đường chim xanh.*

Tuy nhiên, con gái đến tuổi dậy thì, tình xuân phát động, tiểu thư không đành lòng giữ thói nhà băng tuyết, nên đã trà trộm lịnh mẹ cha mà tư thông với một gia đình, sợ việc đổ bể lậu tiếng ra ngoài, Tiểu thư bàn với tình nhân: “Chúng mình ở đây mãi không thể được, nếu cha mẹ em biết việc em tác tệ chắc là song thân phải phân thây em ra. Vậy chúng mình hãy đi ra cho khỏi xứ này, khỏi sợ bị ai dòm ngó”.

Thế là đôi trai gái gom lấy tư trang và đồ tể nhuyễn quý giá, trỏ cửa sổ trên nóc lầu thông dây xuống đất và trốn khỏi tòa lầu đài của Trưởng giả Dhanasetṭhi.

Hai người cứ lầm lũi mà đi mãi vừa nhắc chừng nhau:

- Mình đi tới chỗ nào không có người quen biết, mình sẽ ở đó.

Đôi nam nữ tự do luyến ái này đi đến lưu cư tại một địa phương nọ trong một thời gian, thì cô vợ có thai, khi gần ngày sanh, thiếu phụ thổ thề với chồng: “Mình ơi! Em gần tới kỳ khai hoa nở nhụy, mà ở đây không có ai hộ hàng thân thích chi cả. Sau khi sanh con, hai đứa mình có khốn khổ hơn nhiều, ta hãy đánh liều tạ tội với song thân đi mình.

Nghe vợ nói, người nô bộc nghĩ thầm: “Nếu ta trở về nơi đó, chắc là tính mạng không an toàn”. Vì quá lo sợ như thế, nên anh ta kiếm có thói thác, hẹn nay rồi lại hẹn mai.

Ngày tháng qua... tiểu thư nóng nảy, bôn chôn nghĩ rằng: “Cái anh ngốc này cứ lo sợ tội mình nặng nề, nên dục dục không muốn trở về nhà ta. Thôi thì dầu anh ta không đi theo ta chẳng nữa, ta cũng cứ đi một mình vậy”.

Nghĩ rồi, tiểu thư sắp xếp đồ đạc trong nhà cho gọn gàng. Đoạn nói cho hàng xóm biết là mình trở về sanh quán và lên đường.

Người chồng đi làm về, không thấy vợ bèn hỏi thăm bạn láng giềng, nghe nói: “Chị ấy đã đi về nhà cha mẹ rồi”. Anh ta cấp tốc chạy theo, bắt kịp vợ đang đi nơi khoảng nửa đường. Ngay chỗ hai người gặp nhau, tiểu thư chuyển bụng xỏ lòng, đẻ rớt một đứa con. Anh chồng hỏi:

- Hiền thê ơi! Cái chi đó vậy?
- Chàng ơi một đứa con trai mới chào đời.
- Bây giờ, chúng ta làm gì đây?
- Bây giờ đã sanh nở giữa đường giữa sá rồi, thì ta còn đến nhà cha mẹ làm chi nữa. Thôi chúng mình hãy quay trở lại.

Hai vợ chồng cũng đồng một ý, bèn bồng con trở lại tư gia vì đứa trẻ bị đẻ rớt dọc đường, nên người ta đặt cho nó cái tên là Panthaka (Lộ).

Ít lâu sau, tiểu thư lại thọ thai và tất cả câu chuyện sanh nở lần thứ hai diễn y như lần trước. Vì cả hai đứa con trai của Tiểu thư đều bị đẻ rớt dọc đường, nên đứa ra đời trước gọi là Mahāpanthaka (Đại Lộ) và đứa sau được gọi là Cūḷapanthaka (Tiểu Lộ) cho dễ phân biệt anh em. Đẻ rồi, hai vợ chồng tay bồng tay bế con thơ đồng quay trở lại nhà mình.

Trong xóm, chỗ hai vợ chồng đến cư ngụ, đứa con trai lớn là Mahāpanthaka thường nghe các bạn trẻ láng giềng, đứa thì khoe có chú có bác, đứa thì chúng có ông bà, nên theo hỏi mẹ nó: “Má à! Tụi nó đứa còn có ông nội, ông ngoại, đứa thì có bà ngoại, bà nội. Còn hai đứa tụi con thì không có họ hàng chi hết. Sao vậy hả má?”.

- Có chứ sao không hả con, ở xứ này mình không có họ hàng bà con với ai hết. Nhưng ở tại đô thành Rājagaha chỗ ông ngoại con là phú Trưởng giả Dhanasetthi ở thì mình có nhiều thân quyến lắm!

- Sao mình không về đó hờ má?

Tiểu thư không tỏ thật vì lý do nào mình không đi về đó thăm cha mẹ cho con biết. Hai đứa bé không được nghe giải thích một cách thỏa đáng, cứ đeo theo tiểu thư mà hỏi han hoài.

Sau cùng tiểu thư nói với chồng: “Chàng ơi, hai đứa con cái của mình làm khổ em quá lắm. Bây giờ mình hãy dắt chúng nó về thăm nội ngoại. Chẳng lẽ cha mẹ thấy mình lại nở ăn thịt mình hay sao?”.

- Phận anh thì không thể nào giáp mặt nhạc gia, nhưng anh sẽ đưa hai con về cho chúng nó nhìn ông ngoại, bà ngoại.

- Vậy thì ta nên chuẩn bị hành trang, rồi dắt chúng về thăm họ hàng bên ngoại.

Hai vợ chồng dắt hai đứa con trai ra đi, lần hồi đến thành Vương Xá. Họ vào ngụ trong một ký túc xá trong thành, tiểu thư nhờ người qua lại, đem tin cho ông bà phú Trưởng giả hay rằng mình đã dắt hai con về thăm cha mẹ.

Khi được tin ấy, ông bà đại phú nói nhắn trả lời rằng:

- Trong cái vòng tái sanh lẫn lộn này, thật ra không có ai là con trai, con gái hay là ông bà, cha mẹ ai tất cả, ta không muốn nhìn thấy mặt chúng nó nữa, lũ nó đã

làm điểm nhục gia phong của ta, chúng nó muốn lấy bao nhiêu tiền của thì ta cho, rồi hai người đi tìm chỗ sống an vui đi. Còn hai đứa nhỏ thì gởi lại ta nuôi giùm cho.

Tiểu thư nhận lãnh số gia tài do người đại diện của phú Trưởng giả trao cho và giao lại hai con mình cho người ấy dắt đem đi, hai đứa bé từ đó sống chung với ngoại tổ cho tới khi lớn khôn.

Giữa hai anh em có sự khác biệt rõ rệt, bé Cūlapanthaka thì hình vóc ốm yếu chỉ ưa lúc thức ở nhà, còn bé Mahāpanthaka hằng ngày theo ông ngoại đến nghe Đức Thập Lực thuyết pháp. Do được gần gũi Đức Bôn Sur thường xuyên như thế, Mahāpanthaka nảy ra ý muốn xuất gia. Cậu bèn tỏ thật với ông ngoại: “Nếu ông ngoại cho phép con đi tu, thì con xuất gia liền”.

- Sao cháu lại nói vậy, dầu cho ai trong nhân gian cũng xuất gia hết thì ngoại cũng không ngăn cản, huống chi là một mình cháu. Nếu cháu liệu tu được thì cháu cứ xuất gia.

Nói rồi, ông đại phú Dhanasetthī dắt bé Mahāpanthaka đến yết kiến Đức Bôn Sur. Ngài phán hỏi: “Này gia chủ, đứa bé này ông mới có được phải không?”.

- Vâng, bạch Ngài! Nó là cháu ngoại của con, nó muốn xuất gia đi tu với Ngài.

Đức Bôn Sur bèn gọi một vị Tỷ kheo đầu đà thường thường khát thực và bảo: “Ông hãy làm lễ xuất gia cho đứa bé này”.

Vị Đại đức chỉ cách niệm đề mục thể trước đầu tiên là tóc, lông, móng, răng, da cho bé Mahāpanthaka, rồi cho cậu xuất gia Sa di, từ đó về sau Mahāpanthaka chăm học thuộc lòng rất nhiều Phật ngôn, đến khi tròn đủ hai mươi tuổi, Sa di Mahāpanthaka xuất gia lên bậc trên, chuyên tâm hành thiền Chỉ quán (samātha vipassanā) và đắc A La Hán quả.

Trong khi hưởng thụ tịnh vị của Bát Thiền và Tứ quả, Đại đức Mahāpanthaka nghĩ rằng: “Vị tịnh lạc này có thể bố thí cho Cūlapanthaka được”.

Sau đó, Đại đức về thăm ngoại tổ là nhà đại phú hỏi ướm:

- Thưa đại phú hộ, nếu người cho phép thì bản Tăng sẽ làm lễ xuất gia cho Cūlapanthaka.

- Bạch Đại đức, Ngài hãy làm lễ xuất gia cho nó đi.

Thiên hạ người thì đồn rằng: Nhà Đại phú hộ Dhanasetthī có đức tin hoàn toàn trong sạch đối với chánh pháp. Có kẻ nói là ông ta bực mình vì mắc cỡ khi nhìn nhận hai đứa bé là con của tiểu thư đã bỏ nhà ra đi với trai, cho nên vui lòng cho phép cả hai đứa cháu ngoại đi.

Đại đức Mahāpanthaka làm lễ xuất gia truyền thọ Cụ túc giới cho em. Sau khi nhập đạo, Tỷ kheo Cūlapanthaka tỏ ra hết sức tối dạ. Ông được Đại đức bắt đầu dạy bằng kệ Nam Phạn này:

“Padmaṃ yathā kokanudaṃ sugandhaṃ,
Pāto siyā phullamavītagandhaṃ;
Aṅgīrasaṃ passa virocamānaṃ,
Tapantaṃādiccamivatalikkheti”.

*“Như đóa sen hồng là thứ sen thơm ngát,
Lúc rạng đông nở bừng hương ngào ngát.
Kìa đáng Chí Tôn, Ngài rực rỡ quang vinh,
Tợ vầng thái dương trên trời sáng bình minh”.*

Bài kệ này, Tỳ khưu Cūḷapanthaka học ròng rã bốn tháng chưa thuộc. Tại sao? Nghe nói rằng: Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa. Cūḷapanthaka là một Tỳ khưu rất thông thái, nhận thấy một Tỳ khưu tối dạ đang học kinh tiếng Phạn (Pāli) có buông lời chê nhạo, khiến cho vị ấy hồ thẹn bỏ luôn sự học tập kinh kệ. Do tiền nghiệp ấy, kiếp này Tỳ khưu Cūḷapanthaka sanh chứng tối dạ, học kệ không vô, cứ học câu dưới thì quên câu trên, học câu sau thì quên câu trước, dầu cho hết sức cố gắng học đi học lại mãi nhưng vì bị nghiệp chướng, Cūḷapanthaka không nhớ nổi bài kệ trên đây.

Bốn tháng trôi qua... Khi ấy, Đại đức Mahāpanthaka bảo em mình rằng: “Này Cūḷapanthaka, chú tu trong giáo pháp này chắc không được, có một bài kệ mà chú học bốn tháng chưa thuộc thì làm sao chú giải cho tròn phận sự người xuất gia? Ở đây càng tội lỗi nhiều. Thôi chú hãy hoàn tục đi”.

Nói rồi, Đại đức kéo em mình đẩy ra ngoài Tịnh Xá, tuy bị anh xua đuổi, Cūḷapanthaka vẫn không muốn hoàn tục vì còn mến mộ con đường giải thoát.

Lúc bấy giờ Đại đức Mahāpanthaka đảm nhiệm chức vụ Trị sự trong Giáo hội Tăng già, chư Thiện tín thường nhờ Đại đức chỉ định các Tỳ khưu cho mình, thỉnh đến nhà sốt bát.

Hôm ấy, ông Jīvaka Komārabhacca (Tôn Sanh Nghĩa Tử, tâu âm là Kỳ Bà) đem theo nhiều tràng hoa vật thơm và vật thoa (để tắm gội) đến ngôi vườn xoài của mình để cúng dường Đức Bổn Sư, Ngài đang ngự nơi đó.

Sau khi cúng dường và thỉnh pháp, ông Jīvaka đứng lên đánh lễ và cáo từ Đức Bổn Sư, rồi đến bạch hỏi Đại đức Mahāpanthaka rằng: “Bạch Ngài, có bao nhiêu Tỳ khưu cùng ở đây với Đức Bổn Sư?”.

- Có tất cả năm trăm vị Tỳ khưu.
- Bạch Ngài, đệ tử xin thỉnh hết năm trăm vị Tỳ khưu cùng đi với Đức Thế Tôn ngày mai đến nhà đệ tử để thọ thực.
- Này ông thiện nam, ta nhận lời của ông thỉnh hết tất cả chư Tăng. Trừ ra một mình Tỳ khưu Cūḷapanthaka vì ông ta tối dạ, kinh pháp còn non kém lắm.

Nghe Đại đức trị sự nói vậy, Tỳ khưu Cūḷapanthaka nghĩ thầm: “Đại đức nhận lời thỉnh của thí chủ cho tất cả Tỳ khưu đi dự Trai Tăng, lại bỏ ta ra ngoài, không kể tình huynh nghĩa đệ chi hết. Còn ở đây chắc có ngày ta tức bực tìm mà chết. Thôi thà ta xin hoàn tục, làm người cư sĩ tại gia chỉ lo việc bổ thí, trì giới cũng tạo được phước lành vậy”.

Sáng hôm sau, Tỳ khưu Cūḷapanthaka ra đi, định về nhà để hoàn tục.

Vào khoảng đêm gần tàn, Đức Bôn Su theo lệ thường quán sát thế gian. Thấy biết việc này, Ngài thức dậy thật sớm đi kinh hành trước cổng ngõ, có ý chờ Tỳ khuru Cūḷapanthaka đi ngang qua. Thấy vị này đến, Ngài dừng bước đứng lại.

Đang lầm lũi đi, chợt nhìn thấy Đức Bôn Su, Tỳ khuru Cūḷapanthaka bèn đến đánh lễ Ngài.

Khi ấy, Đức Bôn Su phán hỏi: “Này Cūḷapanthaka, mới chừng này mà ông đi đâu vậy?”.

- Bạch Ngài! Anh con xua đuổi con, nên con đi về hoàn tục.

- Này Cūḷapanthaka! Ông xuất gia là xuất gia trong giáo pháp của ta, dầu anh ông có xua đuổi đi nữa, tại sao ông không tìm tới ta? Lại đây, hãy ở gần ta chớ nên trở về làm người cư sĩ mà làm gì?

Nói rồi, Đức Bôn Su giơ lòng bàn tay có đường chỉ hình bánh xe của Ngài xoa lên đầu Tỳ khuru Cūḷapanthaka, dắt ông đi đến cửa hương thất của Ngài, chỉ chỗ cho ông ngồi rồi phán bảo rằng: “Này Cūḷapanthaka, ông hãy ở lại đây, quay mặt về hướng đông, cầm lá khăn này vò đi vò lại mãi và nói: “Tẩy trừ cấu uế! Tẩy trừ cấu uế!”. Ngài trao cho ông một cái khăn nhỏ màu trắng tinh, phát sanh do thần thông của Ngài.

Khi có người đến báo tin đã đến giờ đi thọ bát. Đức Bôn Su cùng chư Tỳ khuru thị tùng thân hành đến nhà ông Jīvaka và ngồi lên những chỗ đã được soạn sẵn.

Còn Tỳ khuru Cūḷapanthaka vẫn ngồi y chỗ cũ, mắt nhìn mặt trời, hai tay vò đi vò lại cái khăn của Đức Bôn Su giao cho, miệng thì nói: “Tẩy trừ cấu uế. Tẩy trừ cấu uế...” không ngớt.

Cái khăn mới tinh sạch sẽ, bị chà xát mãi hóa ra dơ dáy đen thui. Thấy vậy, Tỳ khuru Cūḷapanthaka ngẫm nghĩ: “Cái khăn nhỏ này vốn thật tinh khiết, không có một mảy bợn nhơ, thế mà khi tiếp xúc với thân thể của ta nó bỏ mất trạng thái ban đầu, hóa ra ô nhiễm cấu uế như thế này đây. Ôi! Các pháp hữu vi thật không bền vững!”. Chú tâm suy tư định lý Vô thường, sanh diệt, Tỳ khuru Cūḷapanthaka tăng tiến pháp hành Minh sát (Vipassanā).

Khi ấy Đức Bôn Su hiểu biết rằng: “Tâm của Cūḷapanthaka đã vượt lên đến độ Minh Sát”. Ngài bèn phân thân, thị hiện thần thông như đang ngồi trước mặt Cūḷapanthaka, phán bảo rằng: “Này Cūḷapanthaka! Ông đã làm cái khăn trong sạch kia phải bị nhiễm ô trần cấu. Nhưng ngoại vật không đáng kể, bên trong của ông còn bị ô nhiễm bởi những bụi tham lam, sân hận và si mê, ông hãy tẩy sạch nội tâm của ông đi”.

Đoạn Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

“Rāgo rajo na ca pana reṇu vuccati,
Rāgassetam adhivacanam rajoti;
Etaṃ rajam vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsane”.

“Doso rajo na ca pana reṇu vuccati,
Dosassetam adhivacanam rajoti;
Etaṃ rajam vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsanne”.

“Moho rajo na ca pana reṇu vuccati,
Mohassetam adhivacanam rajoti;
Etaṃ rajam vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsane ti”.

*“Tham cầu uest, còn bụi không gọi thế,
Tham chính là cầu uest, đúng như tên.
Này chư Tăng! Xa uest đó mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uest”.*

*“Sân cầu uest, còn bụi không gọi thế,
Sân chính là cầu uest, đúng như tên.
Này chư Tăng! Xa uest ấy mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uest”.*

*“Si cầu uest, còn bụi không gọi thế,
Si chính là cầu uest, đúng như tên.
Này chư Tăng, xa uest đó mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uest”.*

Bài kệ vừa chấm dứt, Tỳ khuru Cūḷapanthaka chứng ngay A La Hán quả với Vô ngại giải (Paṭisambhidā), nhờ có Tuệ phân tích, Ngài thông suốt Tam Tạng.

Tương truyền rằng: Trong một tiền kiếp nọ, Tỳ khuru Cūḷapanthaka là một Quốc vương. Trong một buổi điểu hành nhiều quanh thành phố, Quốc vương đã xuất mồ hôi trán, đã lấy một cái khăn trắng mới tinh mà lau chùi, làm cho dơ cái khăn. Quốc vương phán xét rằng: “Do nơi nhục uest này mà cái khăn trắng sạch thế kia đã mất sự tinh khiết lúc ban đầu trở nên ô nhiễm cầu uest. Ôi, hữu vi pháp thật chẳng miên trường”.

Nhờ suy tư như thế, Quốc vương đắc Vô thường tướng (Aniccasaññā). Đó là nhân quá khứ làm duyên cho Cūḷapanthaka đắc Tuệ minh sát, rồi dần lên với A La Hán quả với Tuệ phân tích vậy.

Đây nói về ông Jīvaka! Đang sắp sửa xối nước khai mạc lễ Trai Tăng (Dakkhinosaṅga), Đức Bôn Sur lấy tay đập miệng bát và phán: “Này Jīvaka! Ở chùa còn một vị Tỳ khuru”.

Đại đức Mahāpanthaka đáp:

- Bạch Ngài! Ở chùa không còn Tỳ khuru.

Đức Bôn Sur lặp lại: “Này Jīvaka ở chùa còn một vị”.

Ông Jīvaka sai gia đình: “Thế thì con hãy đến chùa xem cho kỹ coi có hay là không có Tỳ khuru nào ở đó nghe, hay còn một vị Tỳ khuru”.

Ngay trong sát na ấy, Tỳ khuru Cūḷapanthaka nghĩ thầm: “Anh ta nói là ở chùa không có Tỳ khuru vậy để ta làm cho có nhiều Tỳ khuru, thử coi anh ấy nói sao?”.

Nghĩ rồi, Tỳ khuru Cūḷapanthaka dùng thần thông hóa ra nhiều nhóm Tỳ khuru đông ước chừng có thể ngồi khắp khu vườn xoài. Có nhóm đang cắt may y, có nhóm đang giặt nhuộm y, có nhóm đang tập dượt kinh kệ... Tất cả gồm có hàng ngàn Tỳ khuru vô tỷ (asadisa) như thế.

Tên gia đình tới chùa, thấy có nhiều Tỳ khuru về bắm với chủ.

- Bắm ông, khắp cả vườn xoài đầy nghệt Tỳ khuru.

Trong khi ấy:

“Sahassakkhattumattānaṃ,
Niminivāna panthako;
Nisīdi ambavane ramme,
Yāva kālappavedanāti”.

*“Một mình hóa hiện ngàn thân,
Bàn Đạc sử dụng phép thần đã xong
Bèn ngồi tịnh tọa thông dong,
Giữa vườn xoài phó mặc dòng thời gian”.*

Khi ấy, Đức Bôn Sư dạy tên gia đình: “Người hãy đến chùa nói rằng: “Đức Thầy cho gọi Tỳ khuru Cūḷapanthaka”.

Tên gia đình tới chùa, nói y như vậy, khi ấy cả ngàn vị ứng tiếng trả lời: “Ta là Cūḷapanthaka, ta là Cūḷapanthaka...”.

Tên gia đình lại quay về bạch: “Bạch Ngài, tất cả chư Tăng đều trùng một tên là Cūḷapanthaka, con không biết phải thỉnh vị nào đây?”.

- Thế thì người hãy đến chùa, hãy nghe vị nào xưng: “Ta là Cūḷapanthaka trước nhất, thì người hãy nắm chặt tay người ấy, tức thì bao nhiêu vị khác sẽ biến mất ngay”.

Tên gia đình làm y theo lời của Đức Bôn Sư chỉ dạy. Quả nhiên một ngàn vị Tỳ khuru hóa hiện đều biến mất. Đại đức Cūḷapanthaka bèn ra đi với tên gia đình.

Sau bữa Trai Tăng, Đức Bôn Sư kêu ông Jīvaka và bảo:

- Nay Jīvaka, ông hãy giữ bát của của Tỳ khuru Cūḷapanthaka, vị ấy sẽ thuyết pháp và kệ hoan hỷ phước báu để chấm dứt cuộc lễ hôm nay.

Như một Tiểu Hùng Sư rống tiếng rống của loài sư tử. Đại đức Cūḷapanthaka đem những nghĩa lí cao siêu trong Tam Tạng ra biện giải rất hùng hồn, trước khi ông Jīvaka đem bài kinh hồi hướng phước báu ra tụng niệm.

Kế đó, Đức Bôn Sư từ chỗ ngồi đứng lên, dẫn đầu Tăng chúng trở về Tịnh xá. Sau khi chỉ bảo công việc cho chư Tăng, ban huấn từ cho chư Tỳ khuru, Đức Thiện Thệ thuyết giảng về đề mục thiền định, xong rồi mới giải tán chư Tăng. Ngài vào trong chỗ ngụ thơm tho gọi là Hương thất để nằm thiền, nghiêng mình bên tay phải, theo lối nằm của con sư tử.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ khuru chỗ này, chỗ nọ câu hội lại ngồi xoay tròn như một bức màn nhung đỏ bàn luận về oai lực của Đức Bôn Sư: “Này chư huynh đệ, Đại đức Mahāpanthaka đã hoài công tập dượt chỉ dạy Tỳ khuru Cūlapanthaka trong bốn tháng trời mà không làm sao cho em mình thuộc được một bài kệ, đến nỗi phải gắt ông này tới dạ quá, và đuổi ông ta ra khỏi chùa. Đức Chánh Biến Tri quả là một bậc Vô thượng Pháp vương, chỉ trong khoảnh khắc độ chưa xong bữa cơm, Ngài đã khiến cho Cūlapanthaka đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, nhờ đó mà Ngài thông suốt Tam Tạng biện thuyết với Ngài. Ôi, oai lực chư Phật lớn lao, không thể nghĩ bàn”.

Khi ấy, Đức Bôn Sư biết rõ câu chuyện chư Tăng đang thảo luận trong giảng đường: “Hôm nay, Như Lai nên đi”.

Từ Phật sàng đứng lên, Ngài mặc hai lá hồng y nhuộm thật khéo, lấy dây lưng thắt lẹ như chớp nhoáng, đoạn khoác lên kim thân chiếc phấn tảo đại y của Đức Thiện Tuệ màu như gấm đỏ, ra khỏi tảo hương thất, Ngài cất bước khoan thai vừa đài các vừa hùng dũng như con mãnh sư quý báu, chúa cả đàn sư tử với tướng hào quang minh vô tận của chư Phật, Ngài thân hành đến giảng đường, ngự lên ngôi Phật Bảo tọa đã sẵn sàng, kê trên một bọc gỗ có treo hoa trang hoàng thắm mỹ.

Vừa an tọa, Đức Bôn Sư phóng ra sáu đạo hào quang của bậc Đại Giác, soi sáng cả hội trường, như vùng hồng mai rạng rỡ giữa trời đông, trong lúc đại trùng dương ba đào chuyển động.

Thấy Đức Chánh Biến Tri ngự đến, chư Tăng ngắt ngang câu chuyện đang thảo luận và ngồi yên lặng.

Với tâm bi mẫn, Đức Thế Tôn nhìn khắp đồ chúng (pārisaṃ) và nghĩ rằng: “Đoàn Tăng đồ này thật rất trang nghiêm thanh tịnh, dầu một cử động của tay hay một cử động của chân, một tiếng ho hay một tiếng nhảy mũi cũng chẳng có, tất cả đều hết lòng tôn kính ta, bằng sự tôn kính của một bậc Đại giác, kiêng nể ta với sự kiêng kể Phật oai. Dầu ta có ngồi mặc nhiên suốt một kiếp (kappa) Tăng chúng cũng không dám hờ môi phá tan sự sự im lặng trước. Chỉ có ta là có quyền quyết định, khi nào hợp thời để đề khởi pháp thoại vậy thì ta phải lên tiếng trước để mở đầu”.

Với giọng nói dịu ngọt của một vị Đại Phạm Thiên, Đức Bôn Sư kêu gọi Tăng chúng và hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru, chuyện gì mà các ông thảo luận hôm nay? Chuyện gì mà các ông bỏ lửng nửa chừng?

- Bạc Ngài, chuyện ấy như vậy, như vậy.

Sau khi nghe chư Tăng cho biết nội dung cuộc thảo luận, Đức Bôn Sư bổ chính rằng: “Này các Tỳ khuru, không phải Cūlapanthaka chỉ tới dạ trong kiếp hiện tại đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng tới dạ như thế rồi. Không phải ông ta chỉ mới hoàn toàn nhờ cậy ta trong kiếp hiện tại đâu. Xưa kia ông ta cũng đã nhờ cậy ta như thế ấy rồi. Trước kia ta đã giúp cho Cūlapanthaka được làm chủ tài sản thế gian và bây giờ được làm chủ tài sản siêu thế!”.

Thế theo lời yêu cầu của chư Tăng muốn nghe đầy đủ chi tiết về câu chuyện này. Đức Bôn Sư nhắc tích rằng:

Hồi thời quá khứ, trong đám dân cư thành Bārāṇasī, có một gã thanh niên muốn lập công danh, nên quyết chí muốn tìm thầy để học nghề văn nghiệp võ. Cậu ta đến thành Takkasilā, xin làm đệ tử của một Sư trưởng thời danh (Disapāṃokkha).

Trong nhóm năm trăm môn sinh chỉ có một mình cậu ta là chăm lo phận sự phục vụ sư phụ hơn hết. Cậu ta siêng năng hầu hạ, đấm bóp cùng làm tất cả mọi việc cho thầy, nhưng cậu ta lại là đứa học trò tối dạ nhất nên không thụ huấn được một nghề mọn nào cả. Vị Sư trưởng thấy cậu ta giúp đỡ mình được nhiều việc muốn đem hết tài nghệ ra truyền cho cậu. Nhưng dầu ông thầy có tận tâm, tận lực cho mấy, cậu học trò ngu cũng vẫn hoàn hoàn ngu.

Ở tông học đã lâu, mà không nhập tâm được một bài kệ, cậu ta đâm ra nản chí, định bụng sẽ thôi học, bèn lên xin phép thầy để trở về nhà.

Vị Sư trưởng nghĩ thầm: “Cậu này siêng năng hầu hạ, phục dịch ta, ta cũng mong đào luyện cậu ta trở thành người hiền trí mà không được. Đương nhiên là ta phải đền đáp công khó của cậu. Vậy ta sẽ truyền cho cậu một câu mật chú (manta) để làm hộ thân”.

Vị Sư trưởng bèn dắt cậu học trò tối dạ đi vào trong rừng vắng, truyền dạy mật chú như vậy:

“Ghaṭesi ghaṭesi kim kārāṇā ghaṭesi
Ahampi taṃ jānāmi jānāmīti”.

Sau khi lặp lại mấy trăm lần vị Sư trưởng hỏi: “Bây giờ thuộc chưa?”.

Khi nghe đáp: “Dạ thưa, thuộc rồi”.

Vị Sư trưởng căn dặn rằng:

- Dầu cho trò có tối dạ nhưng cứ siêng năng ôn nhuần chú ngữ này cho thật nằm lòng, thì sẽ không bao giờ quên mất nó được.

Đưa tiền lộ phí cho trò, thầy còn an ủi và nhắc thêm rằng:

- Thôi trò về đi, nhờ mật chú này hộ thân, trò sẽ sống túc ý, túc thực. Ráng ôn tập cho thường, đừng để cho quên mất nghe.

Nói rồi, thầy để cho trò đi.

Khi trở về Bārāṇasī, thiếu niên du học được mẹ chàng mừng rỡ tiếp đón long trọng và nghĩ rằng:

- Con trai ta nay đã thành tài, nên trở về đây.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bārāṇasī đang tự kiểm thảo: “Không biết trăm có phạm lỗi nào trong ba nghiệp thân, khẩu, ý chăng?”.

Sau khi suy xét, Quốc vương lại nghĩ: “Lỗi của mình thì tự mình không thấy mà người khác thấy. Trăm phải đi hành để dò xét thâm ý của dân trong thành mới được”.

Thừa lúc ban đêm, Quốc vương giả dạng thường dân đi hành ra khỏi hoàng cung, tính thầm rằng: “Sau bữa cơm chiều tối, người ta ưa ngồi nói chuyện phiếm, bàn luận về thiên hạ sự, nếu trăm trị vì không đúng vương pháp, họ sẽ ta thán trăm là hôn

quân, bạo chúa và nguyên rửa trẫm. Nếu trẫm hành đúng vương pháp, họ sẽ ca tụng công đức và nguyện cầu cho trẫm trường thọ”.

Ngay lúc ấy, có nhiều kẻ trộm chuyên môn đào hầm khoét vách (ummaṅgacorā), đào một con đường ngầm khoảng giữa hai ngôi nhà định sẽ trở đường lên cả hai bên.

Trông thấy lũ trộm, Quốc vương vội nép mình vào bóng tối trong một ngôi nhà.

Bọn trộm đào xong địa đạo vào được trong nhà của thiếu niên du học, còn đang tóm thâu tài vật thì thiếu niên thức giấc đọc được câu mật chú: “Ghaṭesi ghaṭesi kim kārāṇa ghaṭesi. Ahampi tam jānāmi jānāmīti” (Làm vậy, làm vậy, có chi làm vậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy).

Bọn trộm nghe thiếu niên đọc chú, tưởng rằng chủ nhà đã hay biết, sợ bị vây bắt, chúng tuột khỏi quần áo, buông bỏ tài vật lại, mạnh ai lo dành đường thoát thân. Được thấy tận mắt bọn trộm đang tháo bỏ chạy và nghe tận tai tiếng của chủ nhà đọc câu chú ngữ, Quốc vương lại tiếp tục chuyển du hành quanh thành phố, rồi quay trở về cung đình.

Sáng hôm sau, Quốc vương truyền cho nội thị đòi một tên quân và phán bảo:

- Này nhà ngươi hãy đi đến con đường nọ, hỏi thăm cái nhà bị kẻ trộm đào đường hầm chun vào tối hôm qua.

Nơi đó có vị thiếu niên du học ở xứ Takkaṣilā trở về. Ngươi rước vị ấy vào triều nghe.

Thiếu niên đi theo tên quân vào triều bái yết Quốc vương, khi ấy Quốc vương phán hỏi:

- Này tráng sĩ, trẫm nghe tiếng đồn tráng sĩ du học ở Takkaṣilā trở về, có thọ giáo được pháp thuật phải không?

- Tâu bệ hạ phải.

- Tráng sĩ hãy truyền phép ấy cho trẫm thọ giáo với.

- Tốt lắm, tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy ngồi đồng hàng mà học pháp ngữ.

Quốc vương y lời, học được câu mật chú rồi ban cho thiếu niên ngàn đồng vàng và phán:

- Đây là tiền thầy tổ, để đền công ơn tráng sĩ chỉ dạy.

Lúc bấy giờ, quan Nguyên soái chủ mưu toan hành thích Quốc vương. Nguyên soái hỏi quan nội thị chuyên việc cạo râu cho vua: “Chùng nào túc hạ sẽ cạo râu cho Quốc vương?”.

- Mai hoặc là một.

Quan Nguyên soái liền tặng cho nội thần một ngàn đồng tiền vàng và nói: “Bỏn soái có việc cần được Ngài tiếp tay”.

- Việc chi vậy Nguyên soái?

- Tới bữa đó, Ngài giả tuồng như cạo râu cho Quốc vương, mài con dao cho bén ngọt rồi thừa dịp cắt cổ hạ sát Quốc vương. Xong việc này bốn soái tức vị ngôi trời, sẽ phong cho Ngài giữ chức Nguyên soái.

Quan nội thị nhận lời, tới ngày cạo râu cho vua, ông ta lấy nước thơm thấm ướt râu vua, mài dao cạo xong, đề trán Quốc vương, sắp sửa xuống tay, nhưng quan ta còn sợ dao chưa bén, nên đứng qua một bên để liếc dao lại, trong bụng tính thầm: “Dao cạo mau lụt lắm, ta phải làm sao cắt một lát dao cho đứt lìa cuống họng của vua”.

Trong sát na ấy, Quốc vương nhớ câu chú ngữ, bèn đọc dượt lại rằng: “Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy”...

Quan nội thị có tịch sẵn, nghe Quốc vương thốt lời như thế xuất mồ hôi trán, hết sức lo sợ nghĩ thầm: “Quốc vương biết hết nguyên do công việc này rồi”.

Viên phản thần ném dao cạo xuống đất, nằm mọp đầu bên chân Quốc vương. Những bậc vua chúa bao giờ cũng lạnh trí, đai nghi, thấy có việc lạ, Quốc vương giả cách phần nộ, quát mắng rằng:

- Này tên nội thần phản phúc, ngươi tưởng làm là trăm chẳng hay biết việc chi chẳng?

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ dung chế cho kẻ hạ thần.

Quốc vương dụ giọng:

- Thôi khanh đừng sợ, cứ tình thật khai ngay đi.

- Muôn tâu bệ hạ, quan Nguyên soái trao cho hạ thần một ngàn đồng vàng và căn dặn: “Ông làm bộ cạo râu cho Quốc vương, rồi cắt đứt cuống họng vua đi, hễ vua băng hà rồi, ta lên ngôi vua, ta sẽ phong cho ông chức Nguyên soái”.

Quốc vương nghe rõ tự sự, nghĩ thầm: “Nhờ ơn giáo sư mà ta được toàn mạng”.

Quốc vương triệu quan Nguyên soái vào triều và phán rằng:

- Từ nay, khanh không còn được ân sủng gần gũi long nhan nữa. Vì trăm không còn muốn nhìn mặt khanh, khanh hãy đi ra khỏi quốc gia trăm.

Sau khi trục xuất quan Nguyên soái, Quốc vương triệu giáo sư về triều.

- Thừa giáo sư, nhờ giáo sư mà trăm mới được tồn sanh.

Phán rồi, Quốc vương ban cho giáo sư rất nhiều phẩm vật quý giá và phong cho giáo sư tước vị Tổng lãnh binh đại Nguyên soái.

Vị giáo sư thời xưa nay là Cūḷapanthaka, Quốc vương nay là Ānanda và vị Sư trưởng thời danh này là Như Lai đây vậy.

Sau khi kể hết chuyện tiền thân này. Đức Bôn Sư kết luận rằng:

- Này các Tỷ khuru, xưa kia Cūḷapanthaka cũng đã từng tới dạ như thế và xưa kia ta cũng đã từng giúp đỡ cho ông ta chiếm được tài sản thế gian như thế.

Hôm sau, giữa Tăng chúng, pháp thoại này được khởi lên:

- Quả thật Tỳ khuru Cūḷapanthaka thành công được là có sự giúp đỡ của Đức Bôn Sur.

Đức Bôn Sur nhân cơ hội thuyết tiếp Bôn Sanh (Jātaka) phú Trưởng giả Cūḷaka và đọc kệ rằng:

“Appakena pi medhāvī,
Pābhatena vicakkhaṇo;
Samuttṭhāpeti attānaṃ,
Aṇuṃ aggaṃva sandhananti”.

*“Trí nhân được chút đỉnh quà,
Tự mình tăng tiến cũng là nên danh;
Nơi người vật mọn trở thành,
Kho tàng quý báu cao thanh nhất đời”.*

Dứt bài kệ, Đức Bôn Sur phán:

- Nay các Tỳ khuru, bây giờ ta giúp đỡ Cūḷapanthaka cũng như ta đã từng giúp đỡ ông ta trước kia. Thở xưa ta đã độ cho ông ta được làm chủ thể sản, cũng như hiện nay ta độ ông ta được làm chủ siêu thể sản vậy.

Sau cùng, Đức Bôn Sur giải rằng:

- Đệ tử của phú Trưởng giả Cūḷaka nay là Cūḷapanthaka và phú Trưởng giả hiền minh, thiện xảo, am tường khoa chiêm tinh chính là Như Lai vậy.

Ngày sau, chư Tăng ngồi trong giảng đường, đề khởi pháp thoại như vậy:

- Nay chư đạo hữu, Tỳ khuru Cūḷapanthaka ban đầu học một bài kệ bốn câu đến bốn tháng mà chưa thuộc. Nhưng nhờ không nản chí, cứ tinh tấn mãi nên mới đắc quả A La Hán. Bây giờ được làm chủ Thánh sản, là các pháp siêu thể như vậy.

Đức Bôn Sur ngự đến phán hỏi:

- Nay các Tỳ khuru hôm nay các ông hội luận pháp thoại gì đây?

Nghe chư Tăng phúc đáp xong. Đức Bôn Sur phán:

- Nay các Tỳ khuru, trong giáo pháp của ta. Tỳ khuru nào tinh cần, không thoái chuyển cũng sẽ làm chủ được siêu thể pháp (Lokuttaradhamma) như thế cả.

Đoạn Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

“Uṭṭhānenappamādena,
Saññāmena damena ca;
Dīpaṃ kayirātha medhāvī,
Yaṃ ogho nābhikīratī”.

*“Nhiệt thành, chánh niệm không ngừng,
Sáu căn, bốn giới giữ gìn chẳng rời;
Đắp hòn đảo giữa biển khơi,
Vượt dòng nước lũ, thật người trí minh”.*

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ trên đây, thành ngữ *Dīpaṃ kayirātha* nghĩa là kiến tạo, xây dựng đắp một hòn đảo, nhưng đây không phải là một hòn đảo thường, mà là hòn đảo A La Hán quả mà bậc trí giả hiển minh có thể xây đắp bằng cái gọi là pháp Tinh tấn, bằng cái gọi là pháp bất ly phần chân, Chánh niệm bằng cái gọi là pháp chuyên cần thọ trì Tứ thanh tịnh giới và bằng pháp thu thúc điều ngự lục căn. Với bốn pháp này làm vật liệu cứng chắc, bậc Hiền trí giác ngộ được Chánh Pháp hoàn toàn, một công tác hết sức khó khăn là tự tạo cho mình một hòn đảo kiên cố nhô lên khỏi ngọn triều dục lạc của biển luân hồi sâu thẳm ngàn trùng.

Yaṃ ogho nābhikīraṭi (mà dòng nước lũ không ngập qua): Hòn đảo mà bốn dòng nước lũ (dục, hữu, kiến, vô minh) là phiền não không thể tràn qua nhận chìm được. Quả thật bậc A La Hán đã vượt lên khỏi biển luân hồi, không thể bị dòng nước là phiền não mà nhận chìm được.

Lúc bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ khưu đắc chứng Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Toàn thể Tăng chúng đều hưởng lợi ích nhờ nghe lời pháp của Đức Bổn Sư.

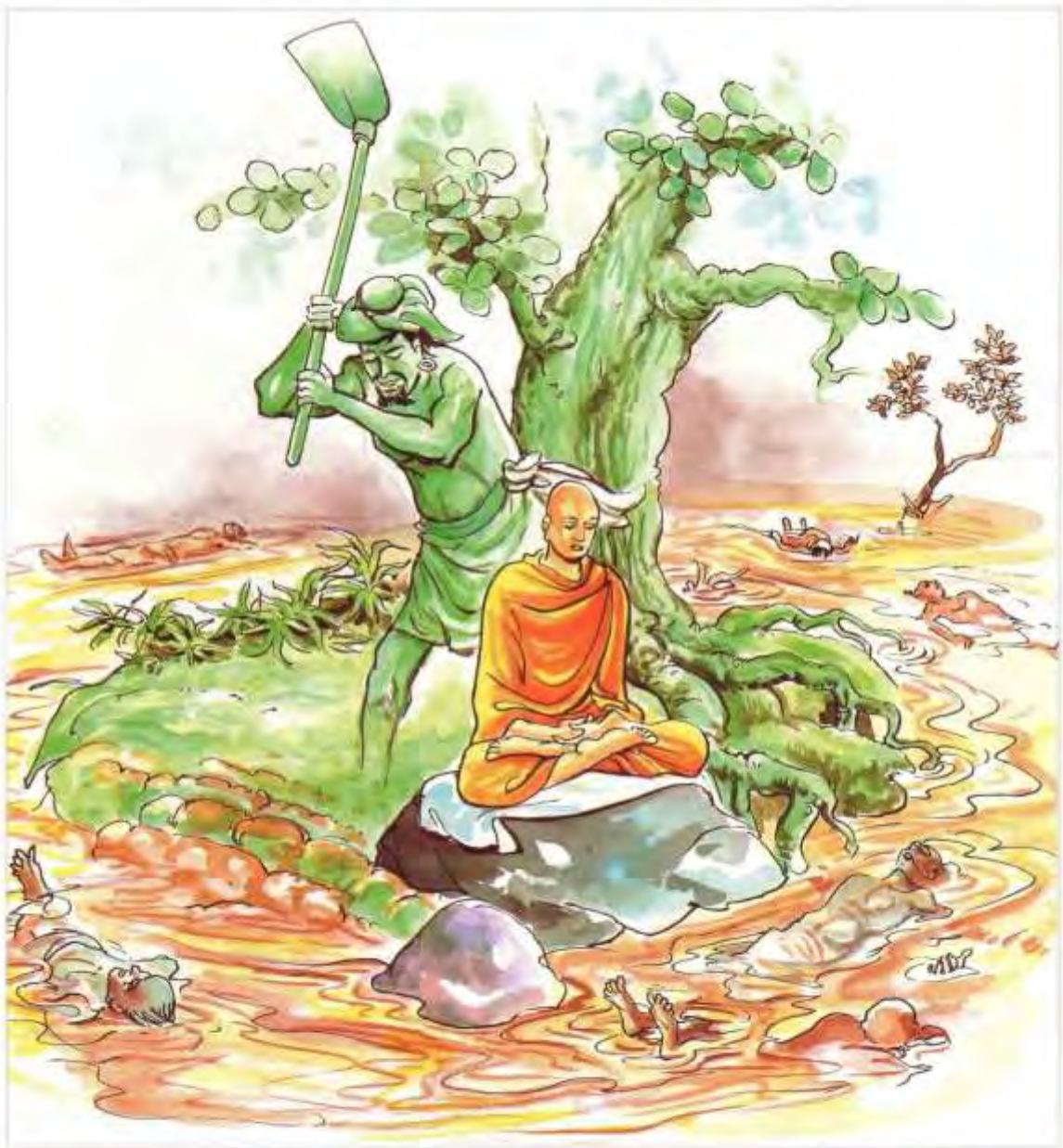


Dịch Giả Cẩn Đề

*Chớ nghĩ mình ngu, mãi chịu khờ!
Xem Ngài Tiểu Lộ mới trí cơ:
Bốn hàng kệ học gần năm tháng,
Ba Tạng kinh thông chỉ nửa giờ!
Trước bởi còn dư nhân nghiệp chướng,
Sau do hết sạch bụi trần nhơ.
Chuyên cần giữ đạo, đừng suy suyển,
Có lúc làm nên chuyện bất ngờ!*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CŨLAPANTHAKA





25. Striving, diligent and restrained, let every wise man make for himself an unassailable island.

25. Nỗ lực, tinh cần, tự điều phục, mỗi người có trí hãy tạo cho mình một hòn đảo an toàn.

II.4- Tích CÁI TẾT THÁC LOẠN

(*Bālanakkhattavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú 26-27)

“Pamādamanuyañjanti,
Bālā dummedhino janā;
Appamādañca medhāvī,
Dhanaṃ seṭṭhaṃ va rakkhati”.

“Mā pamādamanuyuñjetha,
Mā kāmaratisanthavaṃ;
Appamatto hi jhāyanto,
Pappoti vipulaṃ sukhanti”.

“Kẻ vô trí bất nhân,
Đắm mình trong phóng dật;
Trí giả giữ chuyên cần,
Như kho tàng quý nhất”.

“Chớ tham cầu phóng dật,
Dục lạc chớ nên gần;
Người tu thiền chuyên nhất,
Đắc quả phúc chẳng mất”.

Hai câu kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập về cái Tết thác loạn của bọn người ngu dốt.

Tương truyền rằng: Có một thời nọ, trong thành Sāvattthī nổi lên phong trào ăn tết thác loạn.

Trong dịp này, những kẻ ngu si vô trí lấy tro và phân bò thoa khắp mình mẩy suốt bảy ngày. Họ đi ngông nghênh ngoài đường, nói toàn những lời tục tĩu. Dầu gặp thân quyến hay bạn bè, tại gia hoặc xuất gia, họ cũng chẳng biết hổ thẹn. Họ đến trước cửa nhà người mà văng tục, chủ nhà nghe những lời bất nhã của họ chịu không nổi phải tùy theo sức mình mà bố thí cho họ nữa đồng hoặc một đồng bạc (pāda), hoặc đến cả một đồng vàng (kahāpaṇa) để tống họ đi chỗ khác. Từ nhà này sang nhà kế cận, lại trở ra những tràng thô ác ngữ, khi nhận lãnh tiền thí rồi họ lại tiếp tục đi nữa.

Bấy giờ, trong thành Sāvattthī, có đến năm mươi triệu Thánh Thỉnh Văn, những vị Thánh đệ tử cư sĩ của Đức Bôn Sur nhận lời thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài cùng với chư Tăng ở trong Tịnh xá đừng vào thành khát thực trong thời gian bảy ngày, kể từ hôm nay.

Sau khi sắp đặt sự cúng dường, cơm cháo để hộ độ chư Tăng trong bảy ngày tết thác loạn xong, không ai bước chân ra khỏi nhà của mình nữa.

Khi hết Tết, đến ngày thứ tám, chư Thỉnh Văn thỉnh Tăng chúng có Đức Bôn Sur dẫn đầu vào thành làm lễ đại thí, xong rồi ngồi qua một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong bảy ngày qua chúng con khổ tâm hết sức, ngày nào cũng phải nghe những lời thô tục của kẻ ngu si. Thật muốn bứt cả hai tai. Bọn họ không một ai biết xấu hổ cả. Vì vậy, chúng con không dám thỉnh Ngài và Tăng chúng vào thành và chúng con cũng không dám ra khỏi nhà nữa.

Nghe lời phân trần của chư Thánh Văn. Đức Bôn Sur kết luận rằng: “Những kẻ ngu si vô trí thì hành động cầu thả như thế. Còn bậc trí giả thì lo giữ gìn hạnh chuyên cần. Như giữ một kho tàng quý báu và đắc chứng bất tử đại Níp Bàn”.

Rồi Ngài ngâm tiếp bài kệ sau đây:

“Pamādamanuyañjanti,
Bālā dummedhino janā;
Appamādañca medhāvī,
Dhanaṃ seṭṭhaṃ va rakkhati”.

“Mā pamādamanuyuñjetha,
Mā kāmaratisanthavaṃ;
Appamatto hi jhāyanto,
Pappoti vipulaṃ sukhanti”.

“Kẻ ngu vô trí đắm mình,
Trong vòng phóng dật mặc tình đảo điên;
Như gìn kho báu ưu tiên,
Người trí giữ hạnh cần chuyên làm đầu”.

“Chớ nên phóng dật tham cầu,
Chớ tìm dục lạc ngũ hầu vui chơi;
Người tu thiền định chẳng rời,
Chúng phương quảng phúc vui chơi Níp Bàn”.



CHÚ GIẢI:

Tiếng **Bālā** trên đây chỉ những kẻ ngu si, khờ khạo, ngây ngô, không hiểu biết sự lợi ích đời này và đời vị lai.

Dummedhino là kẻ vô trí, không có trí tuệ vì không thấy tội lỗi trong sự phóng dật, họ đắm mình trong dục lạc buông lung. Phung phí thời giờ của họ một cách cầu thả.

Medhāvī là những bậc hiền minh, có trí Bát nhã, nhờ nếm hương vị chánh pháp, hằng giữ gìn hạnh chuyên cần như kho tàng thất bảo ưu thắng của tổ phụ di truyền.

Thật vậy, cũng như người được sự phước lợi của kho tàng vô giá, ta sẽ được hưởng thụ ngũ trần dục lạc, ta sẽ cấp dưỡng cho con ta đầy đủ. Ta sẽ quét sạch sẽ con đường cho vợ con ta đầy đủ, sẽ đưa ta sang thế giới khác, rồi chăm lo kho tàng như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí thấy được sự phước lợi của hạnh chuyên cần thì nghĩ rằng: “Người chuyên cần tu tập hằng đắc từ Sơ thiền đến Bát thiền, từ Sơ đến Tứ quả, có đủ Tam minh, Lục thông...”.

Mā pamādaṃ: Bởi có ấy, các ông chớ nên tham cầu, phóng dật, chớ nên phung phí thời giờ.

Mā kāmaratisanthavaṃ: Chớ nên vui theo dục lạc ngũ trần: sắc, thanh, hương vị, xúc là những vật ô nhiễm, là món ăn của ái dục (taṇhā).

Mā anuyuñjetha: Chớ tham cầu, là chớ mong mỏi đua đòi, chớ tìm kiếm hưởng thụ.

Appamatto: Người chuyên cần là người có đầy đủ pháp ghi nhớ chánh niệm kiên cố, người chuyên cần tu thiền định, giác ngộ được Níp Bàn tịnh lạc, quảng đại vô lượng vô biên.

Khi bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ khưu đắc chứng Thánh quả, nhất là quả Dự Lưu. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được nhiều lợi ích.

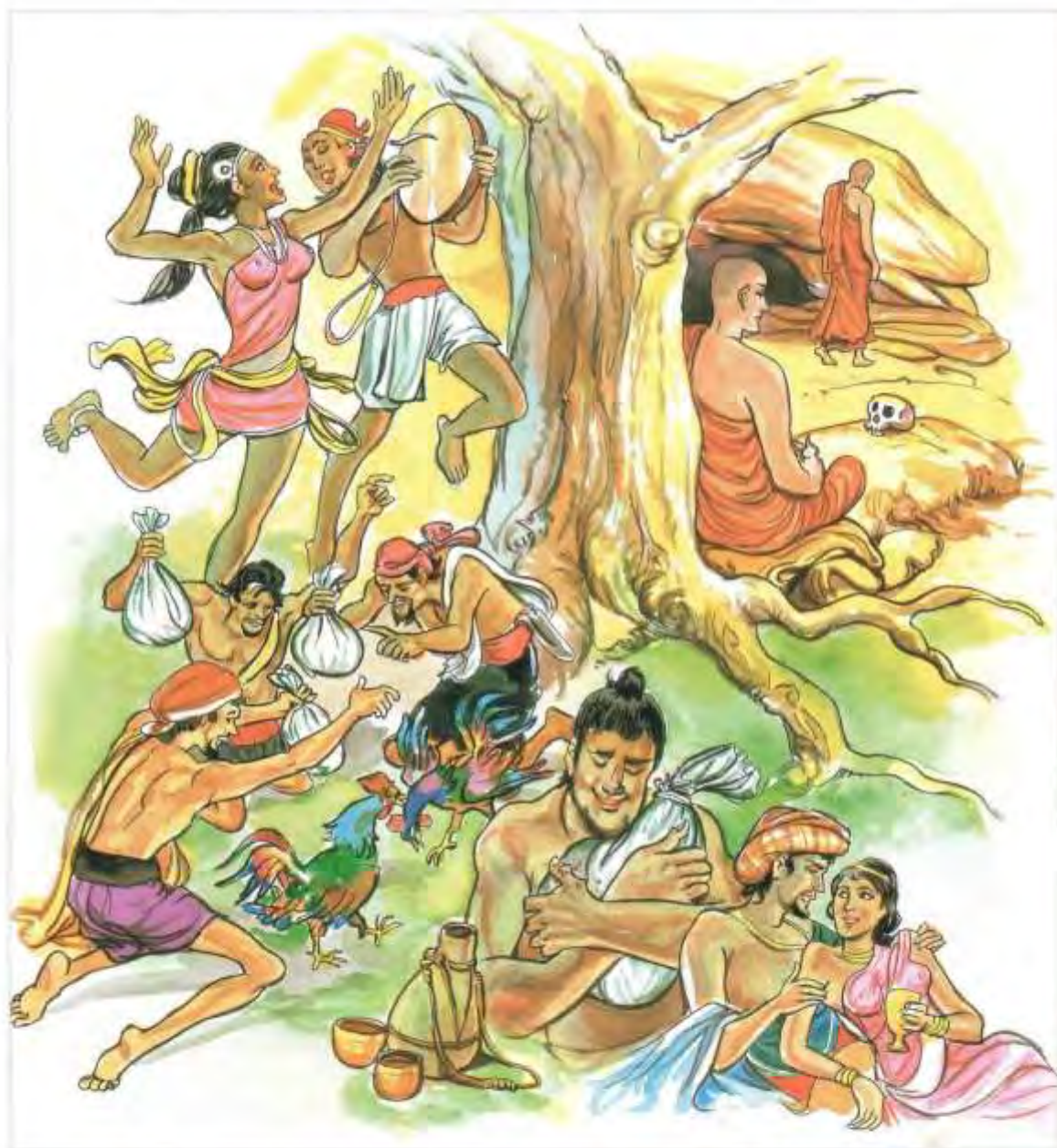


Dịch Giả Cẩn Đề

*Người ngu ăn tết cũng ngu kỳ!
Thác loạn, điên khùng nghĩa lý chi?
Mình trét phân tro, tay nhám nhóp,
Miệng văng tục tữ, mặt chai lỳ.
Được tiền xá nghĩ do người trọng,
Mất đức nào lo bị chúng khi!
Bảy bữa tung hoành trong Xá Vệ,
Ngàn năm tiếng xấu vẫn còn ghi!*

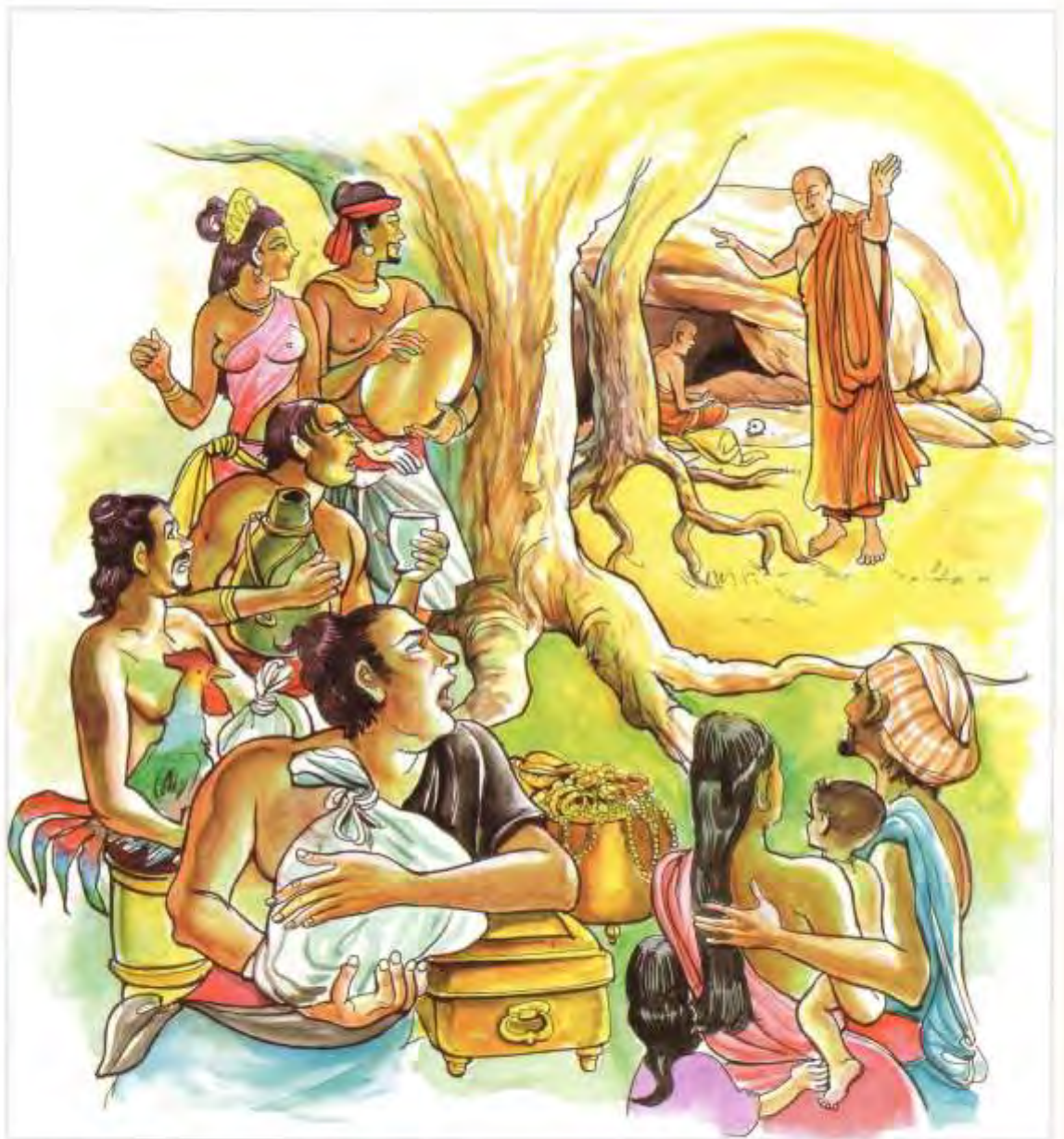
DỨT TÍCH CÁI TẾT THÁC LOẠN





26. While the ignorant are heedless, the wise guard heedfulness like a valued treasure.

26. Trong khi những người ngu si thường phóng dật. Các bậc trí nhân họ phòng chánh niệm như một kho báu.



27. *Delight not in sensuality or heedlessness. Diligently contemplative, one wins immense bliss.*

27. Đừng thích thú các dục lạc và đời phóng dật. Tinh cần thiền định, con người đạt cực lạc vô biên.

II.5- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA

(Mahākassapattheravatthu)



KỆ NGÔN (Pháp Cú số 28)

“Pamādaṃ appamādena,
Yadā nudati paṇḍito;
Paññā pāsādamārūya,
Asoko sokiniṃ pajam;
Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe,
Dhīro bāle avekkhatīti”.

*“Trí giả lấy chuyên cần,
Đuổi tống nét phóng dật;
Lầu Bát nhã tiến thân,
Ung dung nhìn xuống đất;
Khác nào bậc siêu nhân,
Đứng trên đỉnh cao nhất,
Nhìn xuống đám ngu dân,
Đang đau khổ chột vật”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Mahā Kassapa.

Thật vậy, trong thời gian Đại đức an cư tại động Pippaliguhā (Lạt Tiêu). Một ngày nọ, sau khi ôm bát vào thành Rājagaha khát thực, độ xong bữa trưa rồi trở về, Đại đức ngồi tham thiền, phát huy ánh sáng, định dùng Thiên nhãn để quan sát những loại hữu tình (sattā) ở khắp các nơi như là trên đất, trên núi, dưới nước... thử xem lớp nào tử, lớp nào sinh, lớp nào chuyên cần, lớp nào phóng dật.

Trong khi ấy, Đức Bôn Sur đang ngự tại Jetavana, muốn biết: “Kassapa! Con trai của ta hiện nay đang ở Tịnh xá của ai?”. Ngài phóng tầm Thiên nhãn nhìn ra, thấy Đại đức đang ngồi yên quan sát sự sanh tử của các loài hữu tình. Biết vậy, Đức Bôn Sur phán: “Sự chết đi sanh lại của chúng sanh, dầu lấy trí tuệ mà ước lượng cũng chưa thấu đáo giới hạn được (aparicchinnā). Ông không thể biết làm sao tìm ra manh mối của những chúng sanh nhập vào thai bào trong bụng mẹ, không cho cha mẹ hay biết. Nay Kassapa việc ấy quá tầm nhận thức của ông vì phạm vi nhận thức của ông còn kém cỏi, eo hẹp lắm. Sự thấy biết chúng sanh đang chết đi và đang sanh lại thuộc về quyền hạn của chư Phật”.

Phán rồi, Đức Phật phóng hào quang, hiện ra cho Đại đức thấy như Ngài đang ngồi trước mặt Đại đức mà thuyết lên kệ ngôn”:

“Pamādaṃ appamādena,
Yadā nudati paṇḍito;
Paññā pāsādamārūya,
Asoko sokiniṃ pajam;
Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe,
Dhīro bāle avekkhatīti”.

*“Trí giả lấy hạnh chuyên cần,
Đuổi hết phóng dật bước chân lên lầu.
Trên đài Bát nhã vô sầu,
Nhìn xem nhân loại lo âu dưới trần.
Siêu nhân ngắm đám ngu dân,*

Như người trên núi nhìn dân dưới đồng”.



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Nudati* trên đây nghĩa là tổng đi, cũng như lớp nước từ trên núi chảy xuống ao hồ, làm xáo trộn lớp nước cũ không cho ở yên, như lấy đầu đựng đầu, đuổi tổng lớp cũ chạy đi như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí sau khi phát triển chuyên cần, không cho nét phóng dật ở yên. Lúc bấy giờ mới dùng hạnh chuyên cần khử trừ nét phóng dật chạy đi cho lẹ. Noi theo sự hành chánh đạo rốt ráo viên mãn, là cái cầu thang. Người tiến bước lên đài Bát nhã, là có trí tuệ phát huy cái được gọi là Thiên nhãn thuần tịnh, bẻ gãy mũi nhọn của sáu tư mà thành bậc Vô sáu (Asoko), rồi dùng Thiên nhãn nhìn xem nhân loại đang đau khổ vì chưa nhổ được cái gai ưu tư, thấy những nhóm phàm linh đang chết đi và những nhóm khác đang sanh trở lại.

Pabbataṭṭho’va bhumaṭṭhe: là ví dụ như người đứng trên dãy núi nhìn xuống người đứng dưới núi, hay đất bằng, nhìn xuống người đứng tầng trệt, thì có thể quan sát dễ dàng không khó khăn gì cả. Bậc siêu nhân cũng thế, Ngài là bậc Đại lậu tận, là bậc trí tuệ, không còn lưu trữ hạt giống luân hồi. Cho nên quan sát những chúng sanh hữu tình trong vòng tử sanh không thấy khó khăn gì cả.



Dứt bài kệ nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhất là quả vị Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Trí Thịnh Văn giác có bao mà,
Đại đức toan nhìn rõ thật ra!
Muốn biết phàm linh qua tử lộ,
Mong đem Thiên nhãn rọi sanh hà.
Phải lên nóc thượng lầu Bát nhã,
Mới đắc minh cao có Phật Đà,
Nguyện lớp viên thành Tam Thập độ,
Trong trần nào dễ mấy ai a?*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA





28. The wise and worthy, griefless and diligent, ascend high to view the grieving folk below.

28. Bậc trí nhân vô ưu và tinh cần đi lên cao nhìn xuống quần sanh đang khổ sầu ở dưới.

II.6- Tích HAI VỊ TỖ KHƯU BẠN

(*Dvesahāyakabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 29)

“Appamatto pamattesu,
Suttesu bahujāgaro;
Abalassam’va sīghasso,
Hitvā yāti sumedhasoti”.

*“Tỉnh cần giữa phóng dật,
Giác tỉnh giữa thụy miên.
Kẻ trí, ngựa hay nhất,
Thăng bỏ ngựa gây hèn”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana. Đề cập đến hai vị Tỷ khuru bạn đồng tu.

Tương truyền rằng: Hai vị Tỷ khuru này, sau khi thọ huấn đề mục tham thiền nơi Đức Bôn Sư, đồng vào ngự nơi một ngôi Thiền lâm Tịnh xá.

Một trong hai vị dùng thời gian của mình bằng cách đi kiếm củi khô về bỏ trong lò sưởi, rồi ngồi hơ cho ấm vừa nói chuyện khào với mấy ông Sa di trẻ tuổi suốt cả canh một. Còn vị kia là người hành Sa môn pháp. Cố khuyên cần nhắc nhở bạn mình rằng: “Này đạo hữu! Đừng làm như vậy, quả thật người dễ duôi hăng đi vào bốn ác đạo, như đi về nhà của mình và không thể hưởng hồng ân của chư Phật”.

Vị Tỷ khuru lười biếng không thềm đếm xỉa đến lời khuyên của bạn, cứ tiếp tục ngồi hơ ấm kế bên lò sưởi.

Vị siêng tu thấy mình cứ nói hoài cũng vô ích, bèn một mình hăng Sa môn pháp, không dám giải đãi.

Đến cuối canh một vị này nghỉ đi kinh hành vì tới giờ vào cốc, thì vị kia cũng nghỉ hơ ấm.

Vị lười biếng tự nghĩ: “Này Mahākusīta (Đại Lâm), người vào rừng thanh vắng là để ngủ cho yên giấc, còn việc thọ huấn đề mục tham thiền nơi Đức Phật, ráng thức cả đêm ngày mà hành Sa môn pháp thì không nên đâu...”. Nói rồi vị ấy đi về cốc riêng để ngủ. Còn vị kia, sau khi kinh hành trong canh đầu, ngồi nghỉ trong canh giữa đến canh chót thì hành Sa môn pháp. Nhờ chuyên cần như thế mãi không bao lâu vị siêng tu đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích. Vị lười biếng thì vẫn dễ duôi, hoang phí thời giờ của mình.

Mãn kỳ an cư, hai vị đồng tu cùng về đánh lễ yết kiến Đức Thầy và ngồi qua một bên.

Đức Bôn Sur tiếp chuyện thân mật với hai vị Tỳ khuru và hỏi: “Này các Tỳ khuru! Các ông có chuyên cần hành Sa môn pháp không? Các ông có đạt đến mục đích cứu cánh của người xuất gia chưa?”.

Vị Tỳ khuru phóng dật bèn đáp trước rằng: “Bạch Ngài! Ông ấy đâu có chuyên cần, kể từ lúc ra hành đạo cho tới nay ông ta chỉ có nằm ngủ mãi cho hết ngày, hết giờ mà thôi?”.

- Thế còn ông làm những gì?

- Bạch Ngài! Lúc rảnh con đi tìm củ khô đem về chum trong lò sưởi, ngồi hơ ấm trong canh đầu, trải qua thời gian không nằm như thế.

Khi ấy, Đức Bôn Sur khiển trách vị này rằng: “Ta là người chuyên cần, còn người chuyên cần ông lại cho là buông lung. Ông ở gần cái trại ta cũng như con ngựa gầy yếu, chậm lụt, còn con ta sánh với ông như con tuần mã thần tốc, lanh lẹ, thắng bỏ bạn rất xa”.

Phán rồi, Đức Bôn Sur nói kệ ngôn rằng:

“Appamatto pamattesu,
Suttesu bahujāgaro;
Abalassaṃ’va sīghasso,
Hitvā yāti sumedhasoti”.

*“Chuyên cần giữa đám buông lung,
Kẻ trí tỉnh thức trong vùng mộng mơ.
Như con tuần mã trường đồ,
Bôn phi bỏ dứt ngựa thô gầy hèn”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamatto* là người chuyên cần, ám chỉ bậc Lậu tị đã đắc pháp chánh niệm, quảng bác và có đầy đủ chánh niệm và sự chuyên cần.

Pamattesu: Chỉ những chúng sanh đã buông bỏ chánh niệm.

Suttesu: Chỉ những người không giữ trạng thái tỉnh giác trong tứ oai nghi, cũng giống như người nằm ngủ mà thôi.

Bahujāgaro: Là người luôn luôn có sự tỉnh giác quảng bác sự chánh niệm vĩ đại.

Abalassaṃ’va: Ví như con ngựa cùn, chậm lụt yếu sức đem thi đua với con tuần mã là giống ngựa bay, gốc từ miền Sindha (Tín độ) của xứ Ấn Độ.

Sumedhasoti: Là bậc trí thượng đỉnh, đã đạt đến mức độ sáng suốt mà thường nhân chưa đạt được.

Cho nên ăn đứt họ, chẳng hạn như một người tối dạ học một bài kinh dù là tận lực cũng thua bậc trí tuệ học trọn phẩm. Người tối dạ trong chỗ hành thiền ban ngày hoặc ban đêm, sau khi thọ giáo đề mục rồi, dẫu cho ráng hết sức mình luyện tập, cũng thua bậc trí tuệ, chấp cho bạn mình trước một canh đầu, đến canh kế vào chỗ hành thiền ban đêm hoặc chỗ hành ban ngày. Sau khi quán thông đề mục dứt tận phiền não, liền đắc pháp siêu thế. Cũng giống như trong cuộc chạy đua trong vòng luân hồi, bậc trí tuệ vượt qua, thắng bỏ người tối dạ ấy mà đi đến mức giải thoát trước vậy.



Sau kệ ngôn có nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhất là Sơ quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Người trí cần chuyên ấy hạnh đầu,
Ngu thì giải đãi hóa ra lâu.
Ai tu nấy đắc, khôn chờ bạn,
Đó xuống đây lên khó bắt cầu.
Dặm thẳng chính nghe lòng quá ngại,
Đường dài há nản ngựa Long câu?
Tĩnh rồi một giấc Nam Kha mộng,
Thiên hạ thùy miên vạn khổ sầu.*

DỨT TÍCH HAI VỊ TỶ KHUÛ BẠN





29. Diligent and awake, the wise outrun the heedless, like a swift horse a weak one.

29. Tỉnh cần và tỉnh thức, bậc có trí bỏ xa đám người phóng dật, giống như con ngựa phi nhanh bỏ xa con ngựa yếu hèn.

II.7- Tích ĐỨC SAKKA

(Sakkavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 30)

**“Appamādena maghavā,
Devānaṃ seṭṭhatamaṃ gato;
Appamādaṃ pasamsanti,
Pamādo garahito sadāti”.**

***“Nhờ chuyên cần Ma già,
Thành vua trời Đạo Lợi.
Chuyên cần được ngợi khen,
Phóng dật thường bị la”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài ngự an trong giảng đường Trùng Các (Kūṭagārasālā), gần thành Vesālī, đề cập đến Thiên Vương Sakka (Đế Thích), tục gọi là Đức Ngọc Hoàng.

Thời ấy, trong thành Vesālī (Quảng Nghiêm) có một vương tử tên là Mahāli, thuộc dòng Licchavī.

Một hôm, được nghe Đức Bôn Sur thuyết lên bài kinh Sakkapañha (Đế Thích Vấn Đạo). Vương tử nghĩ rằng: “Đức Chánh Biến Tri đã thuyết pháp đề cao, ca tụng quyền lực của Đức Thế Thích, là do Ngài đã thấy rồi thuyết, hay là Ngài chưa thấy mà thuyết. Do Ngài quen Đức Thế Thích hay là không quen? Ta phải hỏi lại Ngài mới được”.

Thế rồi vương tử Mahāli đến gần Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên. Khi đã ngồi yên vương tử bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Ngài có thấy Thiên Vương Đế Thích hay chưa?

- Này Mahāli! Ta đã thấy Thiên Vương Đế Thích rồi.

- Bạch Ngài! Nếu thật là Thiên Vương Đế Thích thì khó thấy, khó biết lắm. Sợ e Ngài đã thấy lầm vị nào giống như Thiên Vương Đế Thích chăng?

- Này Mahāli! Ta biết rõ Đế Thích, ta biết rõ cả những pháp nào mà Đế Thích thọ trì và thực hành mới được làm chúa cõi chư Thiên. Này Mahāli, Đế Thích Hoàn Nhân (Sakkadevānamindo), do kiếp trước ở cõi nhân gian là một thanh niên tên Magha, cho nên được gọi là đức Maghavā. Này Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở nhân loại đã bố thí tròn đủ nên được gọi là Purindado (Đức Viên Mãn Thí). Này Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí đắc lực, cho nên được gọi là đấng Sakka (Năng Thiên). Này Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí chỗ trú, nên được gọi là Vāsava (Lưu Ngự Thí). Này Mahāli, do kiếp trước ở cõi nhân gian, mỗi giây phút nghĩ ra được hàng ngàn việc lợi ích, cho nên Đức Đế Thích được gọi là Sahassacakkhu (Thiên Nhãn). Này Mahāli, do làm chồng của nàng Sujātā là Công chúa cõi Asura (A Tu La) nên có danh hiệu là Sujampati (Đức Diêu Sanh Phu). Này Mahāli, do là vị lãnh chúa, ngự trị trên cõi Tam thập tam thiên (Tāvātimsa), nên có danh hiệu là Devānamindo (Đức Đề Hoàn Nhân). Này Mahāli, Đức Đế Thích kiếp trước ở cõi nhân gian đã hành theo bảy hạnh công đức mà được làm vua cõi chư Thiên. Thế nào là bảy?

1. Hạnh nguyện suốt đời phụng dưỡng song thân.
2. Suốt đời tôn kính các bậc trưởng thượng.
3. Hạnh nguyện suốt đời nói lời chân thật.
4. Hạnh nguyện suốt đời không nói lời đâm thọc.
5. Hạnh nguyện suốt đời rửa lòng thật sạch bợn nhơ bợn xén, là người tại gia cư sĩ mà xả bỏ của cải bố thí không chút luyến tiếc, để đáp ứng nhu cầu của kẻ đến xin.
6. Hạnh nguyện suốt đời nói lời dịu ngọt.
7. Hạnh nguyện suốt đời không phần nộ, nếu có sân hận nổi lên thì mau dập tắt.

Này Mahāli! Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã thành tựu bảy thứ công hạnh: Sự thân, tôn trưởng, cam ngôn, cô lương thiệt, hảo tâm, chơn ngữ, vô nộ như thế nên mới được làm chúa cung trời Đao Lợi.

“Mātāpettibharam jantum,
Kule jetthāpacāyinaṃ;
Saṇham sakhilasambhāsaṃ,
Pesuṇeyyappahāyinaṃ.
Maccheravinaye yuttaṃ,
Saccaṃ kodhābhibbhuṃ naraṃ;
Taṃ ve devā tāvatimsā,
Āhu sappuriso itīti”.

*“Nuôi song thân trọn niềm hiếu đạo.
Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.
Nói năng êm ái dịu hòa.
Những thói đâm thọc, điều ngoa chẳng dùng.
Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.
Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.
Người có Đao Lợi chư Thiên,
Tôn xưng quân tử đại hiền trượng phu”.*

Này Mahāli! Đó là nghiệp lành mà Đức Đế Thích đã tạo trong kiếp làm thanh niên Magha vậy.

Đức Bôn Sur vừa dứt lời, vương tử Mahāli muốn biết thêm chi tiết về những thiện hạnh của Đức Đế Thích, bèn bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Chẳng hay thanh niên Magha đã thực thi những hạnh công đức như thế nào?

- Thế thì, này Mahāli ông hãy lắng nghe.

Phán rồi, Đức Thế Tôn bắt đầu kể chuyện tiền thân của Đức Đế Thích.

Thưở xưa, trong làng Acalagāma (Bát Đồng) thuộc Magadha, có một thanh niên tên là Magha. Chàng Magha đến cư ngụ trong làng từ lúc mới lập thôn ấp, đất đai hãy còn nhiều chỗ hoang vu. Ban đầu chàng xí một miếng đất rừng, phát dọn kang trang

thành một nơi lạc thổ. Cát nhà lên đê ở, thì một kẻ khác đến đánh đá, đuổi đi và chiếm đoạt chỗ ở của chàng.

Magha cũng chẳng chút giận hờn chi kẻ đã hiếp đáp mình, lại phát dọn một sở đất khác cho sạch sẽ, đẹp đẽ rồi lại cát nhà khác đê ở. Làm xong nhà, chàng lại bị kẻ khác đến đánh chiếm dành chỗ nhà, không cho chàng ở.

Magha cũng chẳng giận chi kẻ bắt lương, chỉ lo khai thác đất hoang cho bằng phẳng, cát nhà ở một chỗ khác. Hễ cát nhà xong là chàng bị kẻ khác đuổi đi, dọn đất thì bị chiếm đất, thanh niên Magha bị những kẻ mạnh áp chế để cướp đoạt chàng một cách trắng trợn như thế nhiều lần, nên cứ phải đi mãi. Tuy vậy chàng vẫn hoan hỷ tự nhủ rằng: “Tất cả mọi người đều được an vui, chính ta là người ban sự an vui cho họ, tức là ta đã tạo phước cho ta về sau vậy”.

Nhờ có tâm quảng đại như thế, thanh niên Magha không chút ưu phiền. Hôm sau, chàng lại vác cuốc đi giẫy cỏ, ban đất, dọn thành một cái sân rộng lớn, sạch sẽ khang trang, cát lên một phước xá. Tất cả mọi người đến ngụ đều được Magha cung cấp củi lửa trong mùa lạnh và nước tắm trong mùa nóng.

Từ khi hoàn thành ngôi an lạc cảnh này về sau Magha được lòng yêu mến của mọi người thọ ơn, không ai còn ganh ghét chàng nữa cả.

Thấy việc làm phước của mình có kết quả tốt đẹp, thanh niên lại nghĩ rằng: “Từ nay về sau ta nên đắp đường bồi lộ cho thiên hạ đi”. Mỗi buổi sáng, chàng ra đi sửa sang đường xá cho bằng phẳng, lượm hết rác rến, nhánh cây gãy nằm ở giữa đường.

Khi ấy, có người thấy thanh niên Magha làm như vậy bèn hỏi:

- Này anh, làm cái chi vậy?
- Anh ạ! Tôi làm con đường đi lên cõi trời.
- Nếu vậy, anh cho tôi làm chung cho có bạn.
- Được thôi, anh hãy làm chung với tôi. Ở cõi trời có nhiều người cũng là tốt.

Từ đó, có được hai người chung một chí hướng, nhiều người khác thấy họ làm việc công ích, hỏi thăm và xin gia nhập vào đoàn. Số bạn của Magha tăng lên dần dần, sau cùng thành một nhóm ba mươi ba người.

Ngày nào họ cũng vác cuốc ra đồng để sửa soạn con đường, làm thành một quãng dài độ hai do tuần.

Thấy công tác do nhóm thanh niên Magha lãnh đạo viên Hương quản (Gāmbhojaka) nghĩ bụng: “Những người này chỉ lo làm việc tốn công vô ích, phải chi họ đi rừng kiếm cá thịt đem về, hoặc là nấu rượu ăn nhậu chơi, hoặc làm cái chi khác mà ta có thể kiếm chác, liếm láp chút đỉnh...”.

Thế rồi viên Hương quản sai chú trùm đi mời nhóm thanh niên ấy đến công sở và hỏi:

- Máy chú làm cái chi vậy?
- Dạ thưa Hương quản, làm đường lên trời.

- Những người có nhà cửa gia đình chẳng nên làm vậy. Tốt hơn nên vào rừng kiếm cá thịt, rau trái đem về, hoặc nấu rượu nhậu chơi, hoặc làm việc chi khác nữa kia.

Mặc dầu viên Hương quản nhắc đi nhắc lại nhiều lượt như thế. Nhóm thanh niên cũng chẳng chịu nghe theo, viên Hương quản nổi giận nói rằng:

- Ta sẽ làm cho lũ này phải chết hết.

Ông ta vào triều tâu với Quốc vương: “Muôn tâu Thiên tử! Y chức có thấy nhiều kẻ cướp kết bè lập đảng để đi nhiễu hại lương dân”.

Quốc vương phán rằng: “Trẫm phú cho khanh nã tróc bọn ấy đem nạp triều đình”.

Được lệnh Quốc vương viên Hương quản bắt hết nhóm thanh niên áp giải về triều.

Quốc vương không cần tra xét, lập tức ra lệnh:

- Hãy cho voi dày bọn ấy.

Magha bình tĩnh khuyên nhủ các bạn:

- Này anh em, trừ tâm từ ái chúng ta không còn chỗ nào để nhờ cậy. Anh em đừng có chút gì buồn giận đức vua với viên Hương quản và con voi sẽ giày đạp mình. Anh em hãy rải từ tâm và giữ tâm bình tĩnh.

Cả nhóm đã làm như thế, khi ấy do oai lực từ tâm của những người vô tội, con voi không dám lại gần họ.

Quốc vương nghe quân phúc trình việc này thì nghĩ rằng:

- Chắc là tại nó thấy đông người nên không dám dày đạp họ.

Ngài bèn ra lệnh: “Hãy lấy đệm phủ lên mình bọn ấy rồi thả voi ra cho giày đạp”.

Con voi được thả ra cho giày đạp nhóm người bị trùm đệm, thấy họ nó càng lảng tránh ra xa. Khi nghe thông báo rõ việc này, Quốc vương sanh nghi: “Chắc là có điều chi uẩn khúc?”.

Quốc vương cho áp giải toán thanh niên vào triều và phán hỏi:

- Này các khanh! Tại sao các khanh không tuân hành luật vua phép nước như vậy?

- Muôn tâu Thánh hoàng! Chúng thần có làm chi phạm pháp đâu?

- Có người tố cáo các khanh là những tên cướp kết bè đảng với nhau, đi lẫn lút trong rừng.

- Tâu Thánh thượng! Ai tố cáo như thế?

- Viên Hương quản các khanh ạ.

- Muôn tâu Thánh hoàng, chúng con không phải là kẻ cướp, chúng con tự lo sửa sang, quét dọn con đường lên thiên giới. Nếu có làm việc này việc nọ viên Hương

quản xúi bảo chúng con làm điều bất thiện không được, ông ta muốn hãm hại chúng con, nên mới vu khống như thế.

Sau khi nghe lời trần tình của nhóm thanh niên ham làm việc nghĩa. Quốc vương rất đẹp dạ, phán rằng:

- Này các khanh! Con thú này nó còn nhận biết ân đức của các khanh, thậm là người không bì kịp nó, cho nên trót lỡ tin theo lời quấy của kẻ ngu si, không chịu tra xét cho mình bạch. Trẫm có sơ xuất, các khanh tha lỗi cho trẫm.

Quốc vương hạ lệnh bắt giam viên Hương quản và vợ con phải làm tội tở cho nhóm thanh niên, ban cho nhóm này con voi ấy để cưỡi, cấp luôn làng Acalagāma cho họ được trọn quyền làm chủ, tùy ý sử dụng. Các thanh niên bảo nhau: “Chúng mình làm phước thì được phước, được thấy nhãn tiền rồi”. Họ càng phấn khởi phát tâm trong sạch.

Sau khi cỡi voi dạo khắp làng, họ lại trù tính như vậy: “Bây giờ chúng ta nên làm một công tác phước thiện đặc biệt”.

- Chúng ta sẽ làm gì?

- Nơi ngã tư đường cái, ta sẽ lập một ngôi An dưỡng đường (vissamanasālā) bình dân, thật bền chắc lâu dài.

- Phải rồi.

Sau khi đã đồng ý, họ kêu thợ mộc làm ngôi An dưỡng đường. Vì không muốn có tên nữ nhân dự trong công việc của họ, nên họ không chịu cho phụ nữ hùn phước trong việc tạo tác ngôi dưỡng đường.

Chàng Magha có bốn cô vợ là: Sunandā, Sucittā, Sudhammā và Sujātā, bốn nàng đều có nhà ở riêng.

Nàng Sudhammā nghe các thanh niên không cho nữ nhân hùn phước, nàng tìm đến ông thợ mộc mật đàm rằng:

- Này bác ơi! Bác làm thế nào cho cháu được đứng tên làm chủ ngôi giảng đường này.

Nàng trao tặng cho người thợ mộc tiền nước rất trọng hậu, ông nhận lời nói rằng: “Được rồi”.

Lúc khởi công, người thợ mộc chọn cây ván, phơi khô, bào đục, làm thành tám bảng hiệu trước hết và khắc mấy chữ là: “An dưỡng đường Sudhammā”. Xong rồi dùng vải bao lại, để riêng một nơi.

Khi đã đốc xuất làm xong ngôi An dưỡng đường. Vào ngày trưng bày hiệu để khánh thành. Ông thợ mộc giả vờ nói:

- Ông ơi! Có một việc mà tôi quên mất.

- Việc chi vậy bác?

- Còn thiếu tám bảng.

- Để chúng tôi mang cây ván đến cho bác làm.

- Bây giờ dùng ván mới sẽ không làm kịp. Phải kiếm cho được tấm bảng ván phơi khô sẵn bào đục từ trước để dành cho đến bây giờ mới được.

- Thế thì phải làm sao?

- Nếu như ai có làm sẵn bảng để dành bán thì mình hãy nài lại họ.

Nhóm thanh niên đi kiếm tấm bảng để mua, gặp được tấm bảng trong nhà của Sudhammā, trả giá đến ngàn đồng vàng, cũng không mua được. Nàng nói: “Tôi không cần tiền bạc chi cả. Nếu các anh cho tôi được hùn phước tạo tác ngôi An dưỡng đường thì tôi biểu không tấm bảng này”.

Nghe vậy, các chàng thanh niên đáp:

- Chúng tôi đã quy định không cho nữ nhân hùn phước.

Khi ấy ông thợ mộc xen vào can thiệp:

- Thưa quý Ngài! Sao quý Ngài lại tính như thế, trừ ra cỗi Phạm Thiên, ngoài ra không có cỗi nào không có nữ nhân. Quý Ngài nên nhận tấm bảng đã sẵn sàng như thế này đi, để khánh thành ngôi An dưỡng đường cho xong. Xong việc rồi chúng tôi còn đi nơi khác nữa.

Nhóm thanh niên bằng lòng nhận tấm bảng đem về, dựng lên khánh thành ngôi An dưỡng đường.

Cơ sở kiến trúc này được chia làm ba khu, khu thứ nhất để cho chủ nhân ở, khu thứ nhì để cho bần nhân và khu thứ ba để cho bệnh nhân trú.

Ba mươi ba chàng thanh niên lót ba mươi ba tấm ván, rồi ra đầu cho con voi hiểu rằng: “Nếu khách đến ngồi trên tấm ván của người nào lót, thì hãy đưa khách đến nhà người ấy: chủ tấm ván ấy làm tất cả phận sự để phục dịch khách lạ mới đến, như là đấm bóp tay chân, đấm lưng, cung cấp vật thực cứng mềm, xếp dọn chỗ ngủ...”.

Con voi hiểu ý chủ nhân, hễ thấy khách lạ đến ngồi vào tấm ván nào, thì nó đưa khách đến gặp chủ tấm ván ấy. Và chủ nhân phải lo làm tất cả những gì cần phải làm trong ngày, để phục dịch khách. Cách An dưỡng đường không xa, Magha có trồng một cây Kovidāra và lót kê một phiến đá bằng mặt, nơi gốc cây ấy.

Thiên hạ khi vào An dưỡng đường, ai cũng nhìn lên tấm bảng và đọc mấy chữ: “An dưỡng đường Suddhammā” rồi nói:

- An dưỡng đường này của nàng Sudhammā. – Không ai nhắc đến tên ba mươi ba chàng thanh niên.

Khi ấy, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: “Mấy anh ấy cất An dưỡng đường, không chịu cho nữ nhân hùn phước. Tuy vậy, nàng Sudhammā thông minh lịch lãm, đã biết dùng tấm bảng mà chia phước báu, ta cũng phải làm cái chi để tham dự phần nào. Bây giờ, ta sẽ phải làm gì đây?”. Tiếp đến, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: “Khách xa mới đến cần nước để tắm rửa, để xài. Vậy ta mượn đào một hồ nước”. Và nàng Sunandā đã tạo được một hồ sen. Thấy vậy, nàng Sucittā nói thầm: “Dì Sudhammā làm phước được tấm bảng, chị Sunanda tạo được ao sen, còn phần ta phải làm chi đây?”. Để tạo phước nàng suy nghĩ:

- Khách đến An dưỡng đường, sau khi tắm rửa, uống nước, tắm mát xong, cần phải có hoa để cài lên mình mà đi. Vậy ta sẽ tạo vườn hoa.

Và nàng Sucittā đã tạo thành một lạc cảnh viên tròng đủ mọi hoa thơm cỏ lạ, mỹ miều khả ái, có đủ các thứ cây ăn quả chen vào với cây tòng, cây bá, xanh rợp cả bốn mùa.

Riêng nàng Sujātā thấy mọi người chung nhau tạo phước, nàng nghĩ thầm: “Ta là họ hàng bên ngoại và cũng là người nâng khăn sửa túi cho chàng Magha, những công tác của chàng thì cũng như của ta, những công việc của ta thì cũng chính là của chàng, chớ có khác chi đâu”.

Nghĩ vậy, nàng Sujātā không lo hùn phước, chỉ tối ngày lo điểm trang thân thể, trau dồi sắc đẹp mà thôi.

Còn chàng thanh niên Magha, suốt đời giữ đủ bảy hạnh: Sự thân, tôn trọng, cam ngôn, vô lường thiệt, ly hận, chân thật, vô nộ:

*Nuôi song thân trọn niềm hiếu thảo.
Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.
Nói năng êm ái dịu hòa.
Những thói đâm thọc điều ngoa chẳng dùng.
Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.
Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.
Người đó Đạo Lợi chư Thiên,
Tôn xưng quân tử, đại hiền, trượng phu.*

Nhờ chuyên cần nhiệt tâm đáng đề cao như thế, sau khi mệnh chung Magha siêu sanh làm bậc Thiên Vương trên cung trời Đạo Lợi. Những người bạn đồng chí của Magha cũng đều được sanh về đó cả, ông thợ mộc cũng sanh lên đó, là vị chư Thiên có tên là Vissakamma (Thiên Tử kiến trúc) vì là người thợ mộc kiến tạo An dưỡng đường (Vissamanasālā).

Thời bấy giờ, các Thiên thần Asura (Atula) còn ở trên Tam thập tam thiên (Tāvātimsabhavana), nhân dịp có những tân thiên tử mới sanh lên, họ liền mở tiệc rượu ăn mừng, uống rống huỳnh tương tiên tửu (dibbapāna).

Đức Đế Thích ra lệnh nghiêm cấm các thuộc hạ của mình, không cho ai uống rượu. Các thần Asura cứ uống rượu tiên đến nỗi say mèm, nằm nghiêng ngửa.

Đức Đế Thích thấy vậy, bất bình phán rằng:

- Làm sao trăm trị quốc với những kẻ buông lung nầy được. – Thiên Vương bèn lệnh cho tùy tướng của mình nắm chân bọn Asura say, quăng chúng xuống đại hải. Tuy bị rơi cắm đầu xuống biển, nhưng các thần Asura còn nhiều phước báu, nhờ đó mà một Asura thiên đường nhàn cảnh (Asuravimāne) phát sanh lên cho họ ở dưới chân núi Sineru. Một kinh đô cũng phát sanh lên có tên là Cittapātali (Mỹ La Thành).

Sau khi chiến thắng các Asura, ba mươi ba vị Thiên Chủ chiếm trọn cảnh giới Tāvātimsa rộng mười ngàn do tuần và nơi này được mệnh danh là cõi Ba Mươi Ba (Tāvātimsadevanagara). Tàu âm là Đạo Lợi Đế Hoàng thành. Thành nầy từ cửa Đông qua cửa Tây đo được mười ngàn do tuần và cửa Nam qua cửa Bắc cũng mười ngàn do

tuần. Vòng thành có ngàn cái cửa, bên trong có hoa viên và hồ nước mát. Ngay trung tâm thành do phước kiến tạo An dưỡng đường có nổi lên một ngôi đền gọi là Tỏi Thắng Điện (Vejayanta) cao bảy trăm do tuần, làm bằng thất bảo (Sattaratana). Có cấm những đại kỳ cao ba trăm do tuần, những lá đại kỳ bằng ngọc Maṇi thì có cán bằng vàng, những lá đại kỳ bằng vàng thì cán là ngọc Maṇi. Những lá đại kỳ bằng trân châu có cán bằng san hô, lá đại kỳ bằng san hô thì cán bằng trân châu. Những lá đại kỳ bằng thất bảo thì cán cũng là thất bảo. Ngay chính giữa là Đại Chiến Thắng Kỳ đứng hùng dũng cao ba trăm do tuần.

Đó là phước tạo An dưỡng đường mà ngôi Vương điện làm bằng thất bảo, cao một ngàn do tuần phát sanh lên như thế. Các thiên trượng (pāricchattako) che phủ một khoảng tròn rộng một trăm do tuần phát sanh lên là nhờ phước trồng cây Kovidāra. Còn phước kê tảng đá bằng mặt, làm cho dưới chân Thiên Trượng phát sanh lên bảo tọa bằng thạch anh vàng (Paṇḍukambalasilā), có màu tươi sáng như hoa hồng nhung, dài sáu mươi do tuần, rộng năm mươi do tuần, cao cũng năm mươi do tuần. Ngai bảo tọa này tự động xẹp xuống khi Thiên Vương ngự lên và sau đó tự động phồng lên như cũ khi Thiên Vương đứng dậy.

Con voi cũng được sanh về cõi Dao Lợi, là vị Thiên Tử có tên Erāvaṇa. Trên Thiên cung không có thú vật, cho nên mỗi khi Thiên Đế hay chư Thiên xuất hành ngự du ngoạn thì vị trời Erāvaṇa bỏ tướng chư Thiên, hóa hình thành voi Erāvaṇa cao lớn một trăm năm mươi do tuần cho vua cưỡi. Vị Trời này còn hóa ra ba mươi ba ngà voi (kumbha) có ba mươi ba bảo tọa có bề tròn khoảng $\frac{3}{4}$ do tuần. Chính giữa là thiên kiệu dành cho Đức Đế Thích, cao ba mươi do tuần có tên là Sudassanaṃ (Thiên Kiến Đình). Trên mặt đình có ngôi nhà mát Bảo Đình tạ (Ratanamaṇḍapo) rộng độ mười hai do tuần. Nơi đây được trần liệt những thất bảo kỳ cao một do tuần, chung quanh mái đình tạ có treo một giàn chuông lạc, gọi là Linh Vĩng (Kinkijāla), mỗi khi có làn gió nhẹ thoảng qua, lưới chuông này phát ra tiếng nhạc ngũ âm trầm bổng du dương, hòa nhã thanh thoát, nghe tựa như cung đàn tiếng địch trong động Thiên Thai.

Giữa ngôi đình tạ, một bảo tọa bằng ngọc Maṇi rộng độ một do tuần, được trang trí khéo léo, là nơi Đức Đế Thích ngự tọa.

Ba mươi ba vị chư Thiên đều ngồi trên bảo tọa trong thiên kiệu của mình.

Tất cả ba mươi ba thiên kiệu, mỗi cái đều được vị trời Erāvaṇa hóa ra đủ bảy ngà dài năm mươi do tuần. Trong mỗi ngà có một hồ sen, mỗi hồ sen có bảy cây hoa sen, mỗi cụm hoa sen có bảy hoa sen, mỗi hoa sen có bảy cánh sen, mỗi hoa sen có bảy nàng thiên nữ đang vũ những khúc nghệ thuật. Trên khắp cả vũ trường rộng năm mươi do tuần, bảy ngà voi đều có lễ hội tung bừng như nhau cả. Đức Thiên Vương tọa hưởng vinh quang, Ngài hằng đi du ngoạn khắp Thiên cảnh vĩ đại huy hoàng như thế.

Nàng Sudhammā mệnh chung cũng được sanh lên cõi Dao Lợi, tòa chư thiên hội rộng năm trăm do tuần phát sanh lên, có tên là Sudhammā là tên của nàng. Tòa bảo điện này nổi tiếng là nguy nga tráng lệ nhất, không nơi nào khác sánh kịp, hàng tháng, cứ đến ngày thứ tám, chư Thiên tề tựu về đây để nghe thuyết pháp, ai ai cũng trầm trồ ngợi khen rằng:

- Tất cả những thắng cảnh tân thời ta đã viếng, đều thua xa tòa Diệu Pháp Thiên Hội Đường này!

Nàng Sunandā sau khi chết sanh về cõi trời Đao Lợi cùng với một ao sen xinh đẹp rộng năm trăm do tuần.

Nàng Sucittā cũng sanh về cõi Đao Lợi, một vườn hoa kỳ ảo rộng năm trăm do tuần, có tên là Cittalatāvana (Cát Đằng Viên Citta) phát sanh lên cho nàng. Đó là nơi thu hút chư Thiên cõi Đao Lợi đến thưởng ngoạn một cách say mê. Vì đây là một cảnh trí đầy hương sắc và hằng thay đổi.

Riêng về nàng Sujātā, khi lâm chung bị đọa làm con cò mái ở trong một hang đá trên sườn núi.

Đức Thiên Vương nhớ đến bốn người vợ cũ, bèn dùng Thiên Nhân ra quan sát, thấy nàng Sudhammā, Sunandā, Sucittā được sanh về Đao Lợi cung, riêng nàng Sujātā thì vắng mặt nơi đây. Nhìn xa xuống nhân gian, Đức Thiên Vương thấy nàng đang ở trong khổ cảnh thì nghĩ rằng: “Nàng này đại dột, không làm phước báu dù chỉ là ít ỏi, bây giờ phải mang lớp thú. Ta cũng nên nhắc nhở nàng tạo phước để được siêu sanh về đây”.

Nghĩ vậy, Đức Đế Thích biến hình hóa ra một người lạ mặt đến gần con cò mái và hỏi:

- Nàng làm gì lang thang ở đây vậy?

- Thưa, ông là ai?

- Ta là chồng của nàng, là Magha đây.

- Chàng hiện sanh về cảnh giới nào?

- Ta được sanh về Đao Lợi Thiên cung, ba cô bạn của nàng cũng được sanh lên đó. Nàng không biết sao?

- Thưa chàng! Em không biết.

- Nàng ráng cần tu khổ hạnh cho được sanh lên cõi của ta, thì sẽ tái ngộ ba cô bạn của nàng.

- Bây giờ, tôi lên cõi đó có được chăng?

- Được, để ta mang nàng lên cõi ấy.

Nói rồi, Đức Đế Thích đem con cò mái Sujātā lên cõi Đao Lợi, đặt nó đứng cạnh bờ hồ Sunandā, Ngài báo tin cho ba nàng Thiên hậu biết rằng:

- Ba nàng đã gặp nàng Sujātā chưa?

- Thưa Thiên chúa! Nàng ấy ở đâu?

- Đang đứng tại bờ hồ Sunandā.

Nghe vậy, cả ba nàng rủ nhau đến đó, trông thấy con cò mái, ba nàng kêu lên rằng:

- Dì út! Chao ôi, còn đâu nhan sắc mặn mà. Chao ôi! Còn đâu phần sáp lụa là điểm trang. Bây giờ chị em hãy nhìn cặp giò kia, hãy nhìn xem hai chân kia? Có phải cô ả thật là đẹp lộng lẫy chẳng?

Sau khi buông lời chế giễu mỉa mai cô bạn cũ, ba nàng Thiên hậu đồng bỏ ra về. Đức Đế Thích trở lại hỏi con cò Sujātā:

- Nàng có gặp được bạn cũ rồi chớ?

- Thưa có rồi, họ chế giễu em rồi kéo nhau đi mất. Xin chàng hãy đưa em đi viếng cảnh thiên.

Đế Thích nhận lời đưa cò Sujātā đi viếng khắp các thắng cảnh trên Thiên cung, xong rồi đưa nàng trở lại nơi cũ của nàng và hỏi rằng:

- Nàng đã thấy cơ đồ sự nghiệp của ba nàng kia chưa?

- Tâu Thiên vương, thiếp đã thấy rồi.

- Vậy nàng nên tinh cần tu tập để được về nơi ấy.

- Thưa Thiên vương! Thần thiếp phải làm sao để tu tập?

- Nàng hãy ráng vâng giữ làm theo những huấn từ của ta.

- Tâu Thiên vương, thần thiếp nguyện sẽ tuân theo lời dạy.

Khi ấy, Đức Thiên vương Đế Thích truyền ngũ giới cho con cò mái Sujātā, căn dặn nàng phải ráng chuyên cần gìn giữ rồi từ giả nàng.

Từ đó trở đi, con cò mái chỉ ăn ròng những tôm cá đã chết, để khỏi phạm giới sát sanh.

Cách vài hôm sau, để thử lòng con cò Đức Đế Thích hóa thành con cá măng nằm ngửa trên bãi cát giống như đã chết. Con cò mái thấy, ngỡ là cá chết nó lấy mỏ gắp lên để ăn, không ngờ khi nó sắp nuốt thì thấy con cá ve vẩy đuôi. Con cò nói:

- Cá còn sống.

Rồi nó nhả ra, thả cá xuống ao nước.

Mấy hôm sau nữa, Đức Đế Thích lại thử con cò lần nữa, cũng y như thế, khi con cò gắp cá thấy còn ve vẩy cái kỳ, nó lại thả ra và nói: “Cá còn sống”.

Sau khi thử thách ba phen như thế. Đế Thích hiện nguyên hình Thiên vương, khen con cò mái rằng:

- Nàng giữ giới thật trong sạch, ta đã ba phen xuống thử nàng, nàng đã kiên trì giữ giới cả ba. Nếu nàng cứ trì giới như thế mãi thì không bao lâu nàng sẽ siêu sanh về cõi của ta.

Nói rồi Thiên Vương biến mất.

Từ đó trở đi, con cò mái nhất định: “Có cá chết thì ta dùng, không có thì thôi”. Cách mấy ngày sau nó phải bị chết đói. Do phước giữ năm giới trong sạch, nó được tái sanh làm con gái ông chủ lò gốm trong thành Bārāṇasī.

Khi cô gái đến tuổi cập kê, Đức Đế Thích chợt nhớ đến con cò tự hỏi: “Nàng đã tái sinh về đâu nhỉ?”. Khi quan sát tìm kiếm, thấy được hậu thân con cò mái là cô gái lúa. Đức Đế Thích nhủ thầm: “Bây giờ, ta nên xuống nơi đó”, Ngài hóa ra một cỗ xe tay nhỏ, chất đầy bảy loại báu vật, hình dáng như những quả thanh qua (dưa chuột), đi vào trong thành Bārāṇasī:

- Ai dùng thanh qua chẳng?

Vừa đi vừa cất tiếng rao lanh lảnh, Đức Thế Thích noi theo lộ chính của thành phố, rảo qua các phố thị. Nhiều người đem đậu xanh, đậu đỏ, ngũ cốc đến đổi chác, Đức Thế Thích đều từ chối, nói rằng:

- Tôi không bán buôn hay đổi chác chi hết.

- Vậy thì ông cho hay sao?

- Tôi chỉ cho không những nữ nhân nào giữ giới.

- Trong những chị em đây, không một ai biết ngũ giới là gì cả, làm sao mà giữ giới cho được.

- Tôi chỉ cho đến người nào có giữ giới mà thôi.

- Ông ạ! Ở đây có cô gái ông chủ lò gốm thường ngày tự xưng là có giữ giới. Vậy ông nên đến cho cô ấy đi.

Thiếu nữ nghe tin đồn, cũng tìm đến cỗ xe của Đức Thế Thích:

- Ông ơi! Ông hãy cho tôi xin những trái thanh qua của ông.

- Nàng là ai?

- Tôi là người không bao giờ đứt lìa ngũ giới.

Nghe vậy, Đức Đế Thích bảo:

- Thế thì nàng hãy đưa ta về cho biết nhà đi.

Đức Đế Thích đẩy cỗ xe đi theo theo thiếu nữ về tận nhà cô, cho cô tronton xe báu vật dưa xanh của cõi trời, rồi hiện nguyên hình cho cô biết và dặn rằng: “Nàng hãy dùng châu báu này để nuôi mạng sống của một đời nàng. Hãy ráng gìn giữ giới đừng cho đứt”.

Nói rồi, Thiên vương từ giã ra đi. Thiếu nữ y theo lời dạy, giữ giới cho tới mãn đời. Sau khi thác thiếu nữ được sanh lên làm Công chúa, con vua cõi Asura Thiên. Nhờ cả hai kiếp đều giữ giới trong sạch, nên Công chúa Asura có dung nhan tuyệt đẹp, màu da như vàng ròng, đầy vẻ đẹp yêu kiều diễm lệ, thanh quý vô song.

Các vương tôn, công tử Asura đi đến cầu hôn, đều bị Asura vương là đức Vepacitti cự tuyệt, bảo rằng:

- Các khanh không xứng đáng với con gái trẫm.

Về sau, đức vua Vepacitti cho phép Công chúa gieo cầu để tự mình kén chọn phò mã.

Đức vua tập hợp thần dân cùng tướng sĩ Asura trước hoàng lâu, trao cho Công chúa một vòng hoa và phán:

- Con hãy giao cầu kén chọn phò mã xứng ý với con đi.

Ngay lúc ấy, Đức Đế Thích quan sát tìm xem nàng Sujātā thọ sanh vào cõi nào. Biết được việc này. Thiên vương nói:

- Bây giờ, trầm xuống đó rước nàng về đây.

Đức Đế Thích bèn hóa thành một ông lão Asura, xuống đứng sau đám quân sĩ đang dự hội giao cầu.

Công chúa đang ngồi trên lầu vàng, nhìn khắp mọi nơi, nhưng không lưu ý đến ai cả. Nhưng khi vừa trông thấy lão già Asura, thì đột nhiên tình ái khởi phát, sóng tình lai láng tràn ngập tâm tư của nàng trinh nữ đang độ xuân thì, do nơi tiền kiếp của đôi bạn đã từng chung chăn chung gối.

“Người đó là ý trung nhân của ta”, nghĩ rồi Công chúa nhằm ngay ông lão mà ném chiếc giao cầu xuống.

Khắp cả hội trường xôn xao, ai cũng nói:

- Quốc vương tuyên bố là không ai xứng đáng với Công chúa. Bây giờ cuộc gieo cầu kén phò mã, lại chọn được ông cụ già tuổi đáng cha của Công chúa vậy.

Đức Đế Thích nắm tay Công chúa, miệng hét lớn rằng: “Ta là vua trời Đế Thích đây!”. Đoạn Thiên vương dắt vợ đằng vân bay đi. Binh lính Asura hô chuyển nhau: “Chúng ta đã mắc mưu lão già Đế Thích”, rồi họ ráp nhau đuổi theo hai người. Mātali vị trời đánh xe hộ giá, điều khiển chiếc nhạc thỉnh xa (Vejayantaratham) chạy đến rước Đế Thích, Đức Đế Thích bèn ngự lên Thiên xa trực chỉ về Thiên thành Dao Lợi. Khi chiếc xe vượt qua đám rừng Simbali (Tì thọ), những con Kim Sí Điều con, nghe tiếng xe réo thì giựt mình, sợ Thiên xa cán chết, nên la ó inh ỏi. Đức Đế Thích phán hỏi Mātali: “Lũ nào la om sòm như thế?”.

- Tàu Thiên vương, lũ Kim Sí Điều con la ó như thế.

- Tại sao vậy?

- Chúng nó nghe tiếng xe nghiêng rần rộ nên sợ chết mà la đó.

- Vì một mình trăm mà bao nhiêu kẻ bị xe cán chết quá nhanh, thôi đừng sát hại nữa. Khanh hãy cho xe quay lại đi.

Vị trời ngự giá ra roi lên, điều khiển ngàn con ngựa cho quay xe trở lại. Thấy vậy, quân binh Asura thông báo cho nhau “Lão già Đế Thích thua ta đang bỏ chạy, chột quay đầu lại, hẳn là có Thiên binh tiếp viện phía sau”.

Thế là, họ thối lui quay đầu chạy trở về thành Asura, cho đóng chặt các cửa thành lại không dám cất đầu ngó lên.

Đức Đế Thích đưa nàng Sujātā (Công chúa Asura) về Thiên thành, phong cho nàng chức Thiên hậu, cầm đầu hai mươi lăm triệu Thiên nữ. Tân Thiên Hậu tâu xin với Đức Đế Thích rằng:

- Tâu đại vương! Nơi Thiên cung này thần thiếp không có cha mẹ, anh chị em chị cả. Nếu đại vương ngự đi bất cứ nơi nào, xin cho thần thiếp được theo một bên hầu hạ đại vương.

Đức Đế Thích chuẩn tâu rằng: “Lành thay!”.

Từ đó về sau, chư Thiên Asura đóng quân ở hai thành Cittapāṭali (Mỹ Hoa) và Pupphita (Khai Hoa). Cứ mỗi mùa thiên trượng của vua họ (Dibbapāricchattaka) trở hoa, thì họ lại dấy loạn, đem binh chống cự lại với Thiên triều, quyết định tái chiếm cung trời Đao Lợi.

Đức Đế Thích muốn ngừa hậu hoạn bèn sắp đặt cho những Long Vương án ngữ canh phòng dưới đáy biển. Từng kẻ đó thì giao cho những Kim Sí Điểu. Lên từng nữa thì có Cưu Bàn Trà (Kumbhaṇḍa), từng kẻ tiếp do các Dạ xoa trấn giữ và lớp cuối cùng là Tứ Đại Thiên vương. Trên Thiên cung, ở mấy cổng thành đều có tượng Thiên vương tay cầm Kim Cang trượng (Vajirahattha). Binh sĩ Asura dù cho có thắng trận vượt qua vòng thành của các Long Vương và mấy vòng thánh kế, khi thấy dáng pho tượng của đức Thiên Vương từ xa, chúng ngỡ là Đức Đế Thích đứng trấn nơi đó thì tháo lui chạy trở lại.

- Này Mahāli! Thanh niên Magha đã chuyên cần hành pháp như thế. Và người chuyên cần như thế mới đạt đến mức quyền uy như thế, một mình ngự trên hai Thiên giới. Là người chuyên cần, thì tất cả chư Thiên cho đến chư Phật đều tán dương, ca tụng người ấy. Vì quả như thế, mới có thể chứng đạt những pháp siêu thế quý báu cao thượng do nương theo hạnh nguyện chuyên cần vậy.

Kết luận xong, Đức Bôn Sur ngâm kệ rằng:

“Appamādena maghavā,
Devānaṃ seṭṭhatamaṃ gato;
Appamādaṃ paṇḍitaṃ,
Pamādo garahito sadāti”.

*“Ma già ngự cõi chư Thiên,
Cũng nhờ giữ hạnh cần chuyên vững bền.
Chuyên cần Phật, Thánh đều khen,
Luôn luôn giải đãi uơon hèn bị chê...”*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamāda* nghĩa là: Do sự chuyên cần, tức là sự siêng năng cần cù, quét dọn đất đai, kiến tạo phòng ốc, làm việc phước thiện trong làng Acalaṅkāra vậy.

Maghavā, đức Ma Già được tôn xưng như thế, sau khi từ cõi nhân gian là thanh niên Magha mà lên làm Chúa chư Thiên, thống trị cả hai Thiên cảnh.

Paṇḍita (ca tụng, ngợi khen) những bậc trí tuệ nhất là chư Phật hằng tán dương, đề cao, khen ngợi hạnh chuyên cần, là bởi vì sao? Là bởi vì nhờ nó mà chúng đạt tất cả các pháp siêu thế quý báu cao thượng.

Pamādo garahito sadā: Người buông lung, phóng dật dễ duôi, giải đãi thì thường bị các bậc Thánh ấy rầy la quả trách, là bởi vì sao? Là bởi nét buông lung là nguồn cội của tất cả nét hư tật xấu.

Quả thật các tội lỗi mà người đời gây tạo, các ác đạo mà họ bị đe dọa đều do căn bản là buông lung cả thảy.



Khi bài kệ chấm dứt vương tử Mahāli dòng Licchavī chứng đạt Dự Lưu quả. Đồ chúng câu hội thính pháp, nhiều người cũng đạt Thánh quả, nhất là Dự Lưu.

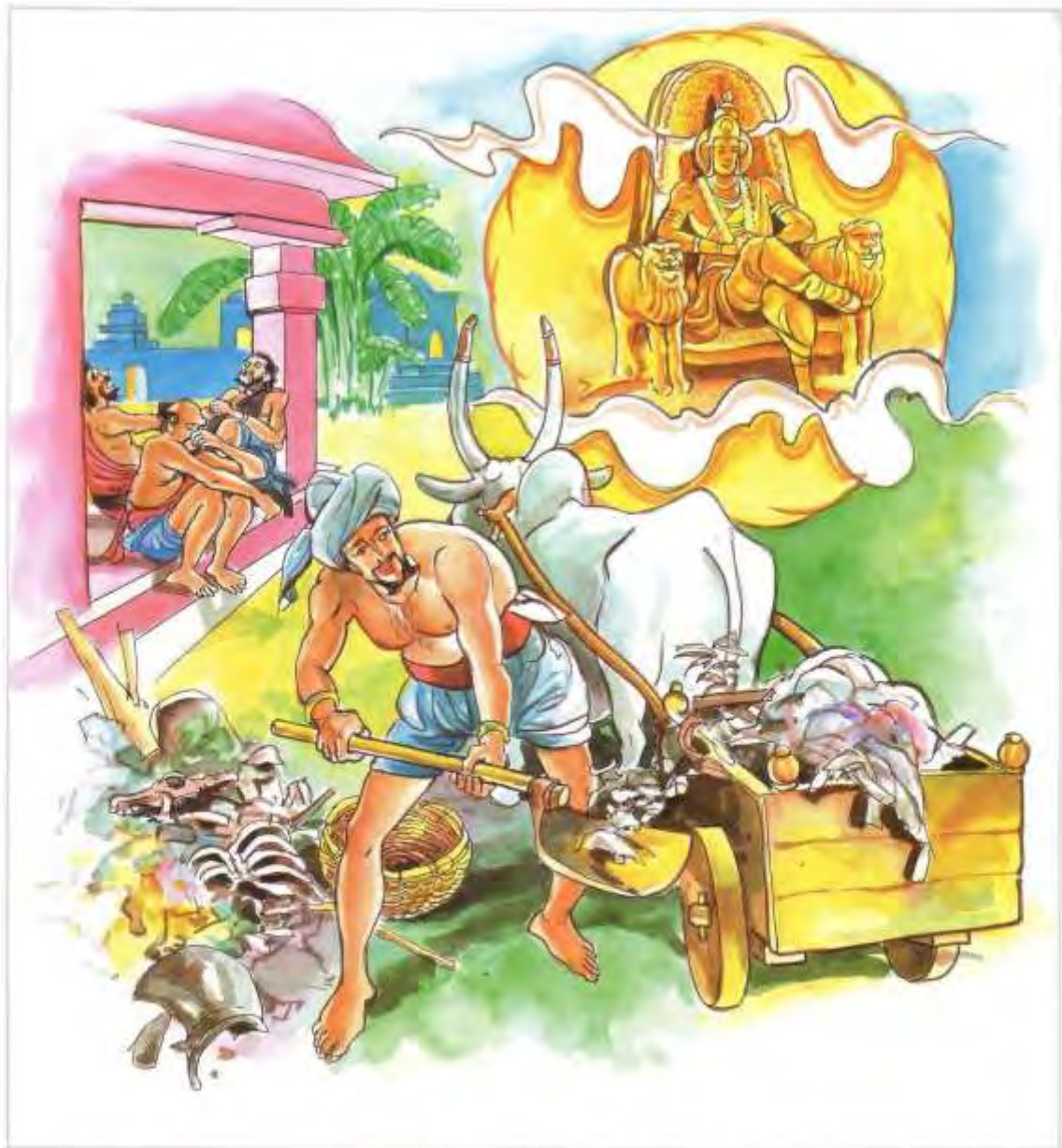


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngọc Hoàng kiếp trước cũng như ta,
Tích đức tu nhân mới được là!
Bố thí, không lo người tốt xấu,
Trung hoàng, chẳng ngại chỗ gần xa.
Đường trời đắp thấu nhờ kiên nhẫn,
Nghĩa bạn gây nên bởi cộng hòa.
Hiếu, Đễ, Từ, Chân đều đủ cả,
Muôn đời ngự trị cõi Băm Ba.*

DỨT TÍCH ĐỨC SAKKA





30. *Heedfulness made Magha the king of dēvas. Heedfulness is forever praised.*

**30. Chuyên tâm khiến cho Magha trở thành Thiên chủ (Đế-Thích).
Chuyên tâm bao giờ cũng được tán thán.**

II.8- Tích VỊ TỖ KHUỒ QUẢN LỬA RỪNG

(*Aññatarabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN (Pháp Cú 31)

“Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadassi vā;
Saññojanam aṇum thūlam,
ḍaḥam aggīva gacchatīti”.

*“Tỳ khuru mền chuyên cần,
Hoặc thấy sợ phóng dật.
Như lửa cháy lan truyền,
Kiết sử nhỏ lớn mất”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngà ngự tại Tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên) đề cập đến vị Tỳ khuru đã mục kích được một đám cháy rừng.

Tương truyền rằng: Vị ấy sau khi đã thọ huấn nơi Đức Bôn Sư đề mục thiền định để đắc quả A La Hán bèn đi vào rừng tĩnh tấn hành thiền nhưng không chứng đắc quả như ý nguyện, vị ấy nghĩ thầm: “Ta phải về bạch xin Tôn sư giải thích thêm đề mục này mới được”.

Thế rồi vị ấy lìa rừng trở về nơi ngự của Đức Bôn Sư, dọc đường vị ấy trông thấy một đám cháy rừng đang cháy tới, bèn lật dật treo lên chớp một trái núi trọc, ngời nhìn ngọn lửa đang cháy tung hoành và lấy đó làm đối tượng để quán niệm rằng: “Cũng như ngọn lửa rừng này, nó bắt cháy những nguyên liệu cỏ cây nhỏ lớn, mà tràn tiến tới. Như thế này thì ngọn lửa trí tuệ giác ngộ thành đạo, nó sẽ bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ mà lan truyền tới cũng như thế ấy”.

Đức Bôn Sư đang ngự tọa trong hương thất thì thấy tâm niệm của vị Tỳ khuru trong rừng, nên phán dạy rằng:

- Này Tỳ khuru! Cũng như những đồ nhiên liệu lớn có, nhỏ có như thế ấy, bên trong những chúng sanh này có những kiết sử nhỏ lớn đang sinh lên, cần phải dùng ngọn lửa trí tuệ để thiêu cho cháy hết, không cho có thể tái sanh.

Phán rồi, Đức Bôn Sư phóng hào quang hiện ra cho vị Tỳ khuru trông thấy như Ngài đang ngự trước mặt vị ấy và đọc kệ rằng:

“Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadassi vā;
Saññojanam aṇum thūlam,
ḍaḥam aggīva gacchatīti”.

*“Tỳ khuru nào giữ thường lệ,
Thích không phóng dật, sợ ghê buông tuồng.
Tiến mau như ngọn lửa cuồng,
Kiết sử lớn nhỏ, tiêu luôn chẳng chừa”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamādarato*: nghĩa là người hoan hỷ, thỏa thích trong hạnh chuyên cần, người luôn luôn giữ mình không phóng dật.

Pamāde bhayadassi vā: Nghĩa là người thấy sợ thay cho những người phóng dật sẽ phải sa đọa khổ cảnh như địa ngục chẳng hạn, hoặc là thấy sợ phóng dật vì đó là căn nguyên sa đọa của những người ấy.

Saññojanam: Đây là triền phược, là kiết sử, nghĩa là mười sợi dây trói buộc chúng sanh trong vòng tái sanh.

Aṇum thūlam: Nghĩa là nhỏ nhen và lớn lao. Kiết sử được chia thành hai phần: Hạ phần có năm là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân. Thượng phần kiết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử và vô minh.

Dahaṃ aggīva gacchati: Cũng như ngọn lửa này bắt cháy những nhiên liệu lớn và nhỏ ấy mà đi tới. Vị Tỳ khuru là người ưa thích nét hạnh chuyên cần, nhờ ngọn lửa rí tuệ, chuyên cần tăng tiến pháp hành cũng bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ, lan truyền đi tới đốt thiêu tất cả, không còn có thể tái sanh vậy.



Bài kệ vừa dứt vị Tỳ khuru ấy đặc quả A La Hán tại chỗ ngồi vì đã thiêu đốt sạch tất cả mười kiết sử. Vị ấy bay đến tán thán Kim thân Đấng Như Lai. Sau khi ca tụng vị ấy đánh lễ Ngài rồi từ giả ra đi.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngọn lửa thiên nhiên cứ cháy tràn,
Rừng xanh cây lá cũng tiêu tan.
Người tu trí nhạy dường như lửa,
Kiết Sử nào đâu chẳng rụi tàn?
Cần chuyên hăng hái nhiệt tâm thành,
Bỏ ngủ, quên nằm tuệ giác sanh.
Mỗi phút, giờ qua đừng chểnh mảng,
Lo chi đạo quả chậm viên thành?*

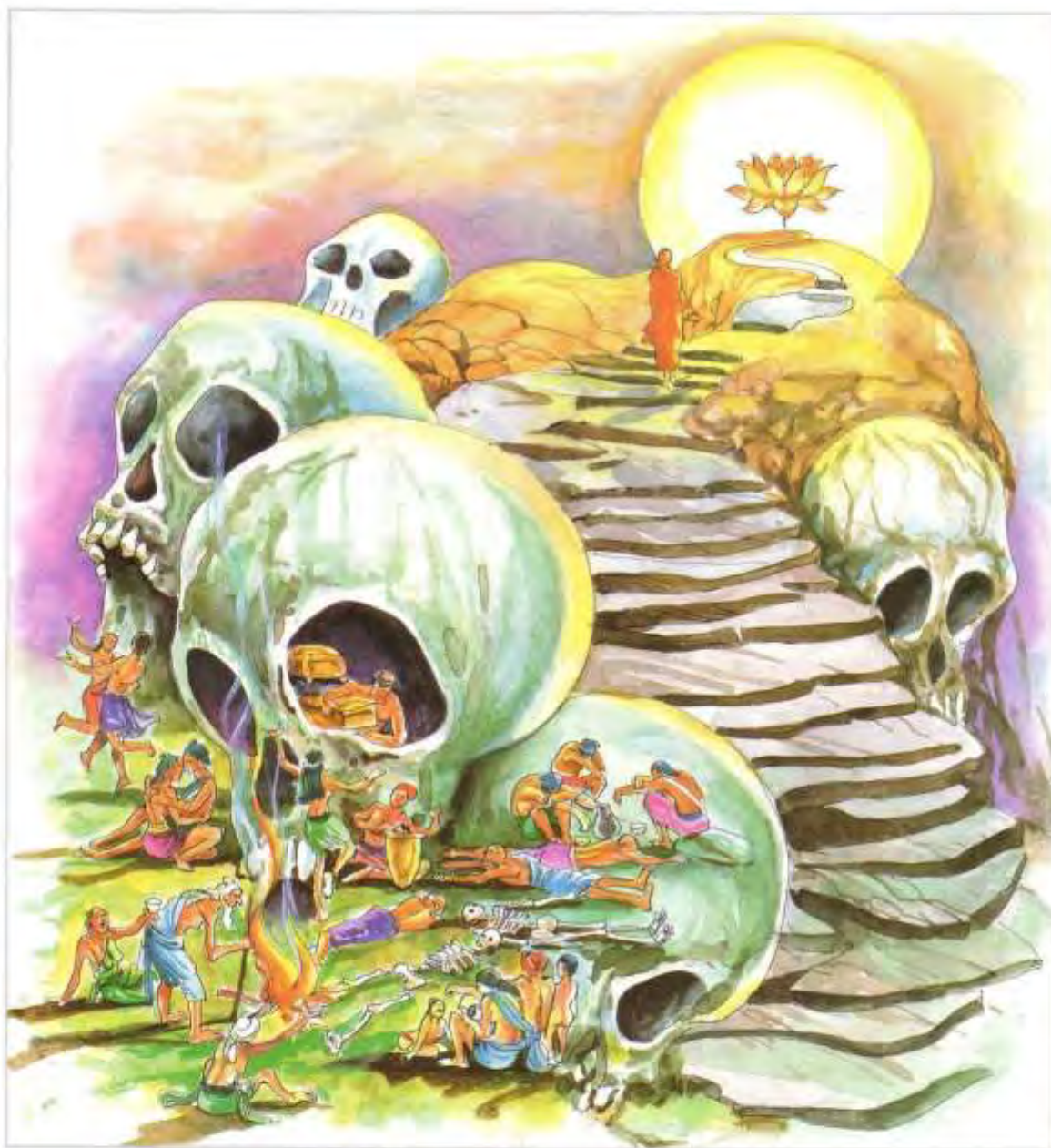
DỨT TÍCH VỊ TỖ KHUU QUÁN LỬA RỪNG





31. Like a burning fire, the heedful monk moves forward, destroying all bonds big and small.

31. Như ngọn lửa đang cháy vị Tỳ kheo nhiệt tâm tiến lên, tiêu diệt mọi dây ràng buộc (kiết sử) lớn nhỏ.



32. *The monk who delights in heedfulness never fails to win the Deathless.*

32. Vị Tỳ kheo thích thú chuyên tâm không hề thôi thất và nhất định đạt bất tử (Niết-Bàn).

II.9- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ

(*Nigamavāsītissattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 32)

**“Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadasi vā;
Abhabbo parihāya,
Nibbānasseva santiketi”.**

***“Tỳ khuru mền chuyên cần,
Hoặc thấy sợ phóng dật.
Không thể bị sa chân,
Níp bàn đến gần thật”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên) đề cập đến Đại đức Tissa ở thị xã (Nigamatissatthera).

Quả vậy, cách thành Sāvattthī không bao xa, có một công tử (Kulaputto) sanh trưởng trong một thị xã nọ. Về sau, xuất gia hành đạo trong giáo pháp của Đức Bôn Sur, trước tu Sa di, sau thọ Cụ túc giới, tu lên Tỳ khuru vì trùng tên với Trưởng lão Tissa, nên vị này được chư Tăng gọi là Đại đức Tissa thị xã cho dễ phân biệt.

Đại đức tỏ ra là một vị Tỳ khuru thiếu dục, tri túc, độc cư, cần mẫn. Đại đức chỉ đi khát thực trong vòng phường thị xã là sinh quán của Đại đức mà thôi, chớ không đi đâu xa. Cho đến những cuộc lễ Trai Tăng do các đại thí chủ, nhất là ông Anāthapiṇḍika tổ chức, hoặc cuộc cúng dường vô tiền khoáng hậu của Quốc vương Pasenadi xứ Kosala thực hiện trong thành Sāvattthī, Đại đức cũng không đến dự. Thấy vắng mặt Đại đức trong các cuộc Tăng hội, Chư Tỳ khuru bảo nhau rằng:

- Đại đức Tissa thị xã này hằng ngày cứ sống thân cận với quyền thuộc không rời ra đi đâu hết, cho tới các cuộc đại lễ Trai Tăng do các thí chủ nhất là ông Anāthapiṇḍika tổ chức, hoặc cuộc cúng dường của Quốc vương Pasenadi xứ Kosala thực hiện mà ông cũng không đến dự.

Và chuyện này được chư Tăng bạch trình với Đức Bôn Sur. Ngài cho gọi Đại đức Tissa thị xã đến và phán hỏi:

- Này Tỳ khuru! Nghe nói ông như thế, có thật vậy chăng? Bạch Ngài! Con không có lê la thân mật với quyền thuộc. Con giữ hạnh độc cư, đi thọ bát được món chi thì dùng món ấy, ngon hay dở chi cũng được. Dầu cho có nghe Trai Tăng ở đâu, con cũng không đi dự. Thật tình con không có lân la thân cận với các quyền thuộc, bạch Ngài.

Sau khi nghe rõ hạnh bình sanh của Đại đức Tissa thị xã, Đức Bôn Sur cất tiếng tán dương rằng:

- Lành thay! Lành thay! Này chư Tỳ khuru, chính nhờ thọ giáo với bậc Đạo sư như Ta, mà ông trở nên người thiếu dục, nét hạnh thiếu dục này quả thật là một đức tánh cố hữu, một tập quán di truyền của Ta tự thời xưa.

Nghe vậy, chư Tăng thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuật lại Bôn sanh. Ngài bắt đầu kể rằng:

Xưa kia có vô số ngàn con chim Anh Vũ (Suvakā), đồng cư ngụ trong rừng Udumbara (cây trái vải), trên bờ sông Hằng thuộc miền núi Hy Mã Lạp Sơn, bây giờ có con chim oanh vũ chúa giữ hạnh tri túc hết sức cao thượng.

Trên cây vải, chỗ nó ngụ trái đã hết sạch, chỉ còn sót lại ít nụ, lá hay vỏ cây mà thôi. Nhưng nó cũng bằng lòng với chút ít ấy, ăn lấy chút đỉnh vật thực này rồi uống nước sông, chớ không chịu đi nơi khác.

Do oai lực tri túc của chim Anh vũ chúa. Thiên cung Đế Thích bị rung chuyển, Đế Thích tìm hiểu nguyên nhân, thấy là do hạnh tri túc của chim Anh Vũ chúa, để thử lòng chim Anh Vũ, Ngài liền khiến cho cây vải trở nên héo khô.

Cây vải khô héo, mục gãy lằn hết những nhánh lẫn thân cây, chỉ còn trơ lại gốc cây với nhiều lỗ bong, gió thổi mạnh luôn qua nghe ù ù, làm cho mặc cây bay ra. Chim Anh Vũ lại ăn mặc cây và uống nước sông mà sống qua ngày chớ không đi nơi khác. Nó đậu mãi trên gốc cây Udumbara, bất kể đêm sương ngày nắng gió cuộn bụi.

Sau khi biết rõ đức hạnh cao siêu của chim Anh Vũ về hạnh thiểu dục, Đức Đế Thích nghĩ thầm: “Ta sẽ kết tình bằng hữu với chim này và ban ân huệ khiến cho cây vải trở trái liên miên”. Đức Đế Thích hóa thành chim Thiên Nga chúa, cùng nàng Sujātā là công chúa A Tu La, đi đến gần khu rừng Udumbara, đậu trên một cây khác gần đó của chim Anh Vũ, gọi chuyện làm quen bằng kệ ngôn rằng:

“Santi rukkhā haritapattā,
Dumāneka phalā bahū;
Kasmā nu sukkhe kolāpe,
Suvassa nirato manoti”.

*“Có những cây xanh lá,
Vô số cây nhiều quả.
Xá chi cội mục khô,
Mà chúa kết mến lạ”.*

Cuộc đối thoại giữa Anh Vũ chúa và Thiên Nga chúa còn dài, trong Bốn sanh thứ mười đã ghi chép rõ chi tiết, nên đây chỉ tóm tắt.

Anh Vũ chúa đáp: “Ta đã từng ăn quả cây này rất nhiều năm rồi, cho nên bây giờ dầu cho hết trái, ta cũng vẫn thương mến nó như thưở trước”.

Liền đó, Thiên Vương Đế Thích liền khiến cho cây vải mục khô xanh tươi trở lại và trở cây đầy hoa trái.

Dứt tích bốn sanh, Đức Bôn Sư giải rằng: “Đức Đế Thích xưa kia nay là Ānanda, còn chim Anh Vũ chúa chính là Đấng Như Lai”. Và Đức Thầy kết luận rằng:

- Này các Tỷ khuru! Nết hạnh thiểu dục như thế, là tập quán cố hữu di truyền của Ta, cho nên đối với Ta không có chi lạ, khi con trai của Ta là Tissa thị xã cũng giữ hạnh thiểu dục, cho xứng mang danh là Tỷ khuru. Quả thật vậy, Tỷ khuru nào hành được như thế thì không thể nào xa lìa các Đạo quả, chắc chắn sẽ chứng ngộ Níp Bàn chẳng sai.

Đức Bôn Sư đọc tiếp kệ ngôn rằng:

“Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadasi vā;
Abhabbo parihānāya,
Nibbānasseva santiketi”.

“Tỳ khuru nào đã mến ưa,
Hạnh không phóng dật, sợ chừa buông lung.
Khỏi lo sa đọa kỳ cùng,
Gần đây sẽ chứng viên dung Níp bàn”.

CHÚ GIẢI:

Abhabbo parihānāya (Người không thể xa lìa): là Tỳ khuru giữ nét hạnh thiểu dục như thế. Không thể xa lìa các pháp hành Chỉ và Quán (Samathavipassanā) hoặc là Đạo quả (Maggaphala), cũng không thể xa lìa các Pháp đã chứng đắc và không đạt đến các Pháp chưa chứng đắc ấy.

Nibbānasseva santike (gần Níp bàn): là gần tắt hết lửa phiền não và chứng Hữu Dư Níp bàn cũng như gần tận diệt các pháp chấp thủ (upādāna) và chứng Vô dư Níp bàn. Sau khi mạng chung không còn tái sinh nữa.



Sau kệ ngôn Trưởng lão Tissa thị xã chứng đạt A La Hán quả với Tuệ phân tích. Những Tỳ khuru khác, nhiều vị đắc Thánh quả nhất là Dự lưu, trong hàng tứ chúng những Đại quả cũng phát sanh lên do nhờ thời Pháp của Đức Bổn Sư.



Dịch Giả Căn Đề

Nào phải ăn là việc tối cần,
Mà Ngài Tissa cây gia nhân!
Trai Tăng, đại lễ không ra mắt,
Bố thí vô song chẳng dự phần.
Tri túc xả thân tìm giác ngộ,
Độc cư cầu đạo thoát mê tân,
Hành trì nét hạnh theo gương Phật,
Nên Níp Bàn xa cũng hóa gần.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ



DỨT PHẨM CHUYÊN NIỆM



III. PHẨM TÂM

(CITTA VAGGA)

11 bài kệ: Pháp Cú số 33 – 43

9 tích truyện



III.1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỶ DẠ

(Meghiyattheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 33 – 34)

**“Phandanam capalam cittam,
Durakkham dunnivārayam;
Ujum karoti medhāvī,
Usukāro’va tejanam”.**

**“Vārijo’va thale khitto,
Okamokata ubbhato;
Pariphandati’dam cittam,
Māradheyyam pahātaveti”.**

***“Tâm xao động không yên,
Khó giữ, khó kiểm định.
Người trí điều tâm chỉnh,
Như thợ khéo uốn tên”.***

***“Như thủy tộc bị vớt,
Bỏ lên bờ xa nước.
Tâm nầy run lạ thường,
Hãy thoát cảnh Ma vương”.***

Hai bài kệ Pháp Cú này (33 – 34) Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Cālīka (Trà Lý Ca), đề cập đến Đại đức Meghiya (Mê Kỳ Dạ).

(Sự tích Đại đức Meghiya có giải rộng trong kinh Meghiya. Nơi đây chỉ tóm tắt sơ lược.)

Trong thời kỳ Đại đức Ānanda chưa xuất gia, đại đức Meghiya là vị Sa môn tùy tùng của Đức Bôn Sur, một hôm trông thấy một vườn xoài, cảnh trí u nhã. Đại đức phát tâm mãnh liệt, muốn vào đó để tu tập, mong sớm đắc đạo quả. Đại đức bèn ngỏ lời xin phép Đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã ngăn cản Đại đức ba lần mà Đại đức vẫn quyết tâm bỏ Ngài ra đi.

Vào đến vườn xoài, Đại đức cố gắng hành Sa môn pháp, nhưng vì tâm còn dục vọng chưa tự chủ được, nên phiền não dậy lên. Đại đức thôi chuyển bèn quay về tạ tội với Đức Bôn Sur.

Khi ấy Đức Bôn Sur quở trách rằng:

- Này Meghiya! Tội của ông làm thật nặng nề lắm, Ta đã can ngăn, bảo ông rằng: “Này Meghiya, hãy khoan. Hiện giờ Ta chỉ có một mình, chừng nào ta kiếm thấy vị Tỳ khưu khác thay thế cho ông, rồi ông hãy đi”. Ông đã chẳng kể gì đến lời yêu cầu của Ta, bỏ Như Lai một mình ra ra đi. Mang danh Tỳ khưu mà có tâm nông nổi, không vâng lời Như Lai, thì thật là không nên vậy. Trái lại, ông nên sửa đổi tâm mình sao cho nhẹ nhàng uyển chuyển, mềm mại dễ uốn nắn.

Nói rồi Đức Bôn Sur ngâm kệ rằng:

“Phandanam capalam cittam,
Durakkham dunnivārayam;
Ujum karoti medhāvī,
Usukāro’va tejanam”.

“*Tâm phàm xao xuyên rộn ràng,
Rất khó kiểm soát, khó hàng phục thay!
Người trí uốn nắn tâm ngay,
Dễ dàng như thợ có tài uốn tên*”.

“Vārijo’va thale khitto,
Okamokata ubbhato;
Pariphandati’dam cittam,
Māradheyam pahātaveti”.

“*Như thủy tộc nằm vớt trên,
Xa bờ cách nước, vẩy lên hải hùng.
Tâm này run rẩy hải hùng,
Hãy mau chóng thoát khỏi vùng ác ma*”.



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng *Phandanam* nghĩa là xao xuyên, rung động khi tiếp xúc với cảnh (đối tượng) là Ngũ trần (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc).

Capalam: Rộn ràng, không trú vững trong một đối tượng, giống như trẻ con ở miền quê, không giữ được một oai nghi.

Cittam: Tâm là thức (viññāṇa) đây nói về tứ đại tâm, là tâm nương theo đối tượng ở bốn cõi: Dục, Sắc, Vô sắc và Siêu thế.

Durakkham: Khó gìn giữ tâm không cho nó đeo níu theo Ngũ trần là đối tượng mà nó ưa thích mỗi khi có sự tiếp xúc. Cũng như khó giữ gìn một con bò không cho nó ăn lúa, khi thả nó tự do đi trong đồng lúa chín.

Dunnivārayam: Khó kiểm soát, khó giữ gìn, khó ngăn chặn không cho tâm chạy theo đối tượng khác với đề mục đã chọn.

Usukāro’va tejanam: Cũng như người thợ chuốt tên khi vô rừng chọn một khúc cây rễ chắc đem về, đẽo vót thành mũi tên, cho nó trở nên mềm dịu, dễ uốn nắn, đoạn buộc ép nó vào một cây cột thật chặt ngay thẳng, hoàn thành một mũi tên không lệch lạc, mà người ấy dùng bắn một sợi tóc ở đằng xa, với mũi tên ấy, người thợ vào triều biểu diễn tài nghệ bắn cung cho đức vua và bá quán xem, ắt được ban thưởng trọng hậu như thế nào, thì cũng như thế ấy, một nam tử hiền minh có đủ trí tuệ trước hết trợ trì hạnh Đầu đà ngụ nơi rừng vắng để cho phàm tâm của mình bớt xao xuyên rộn ràng. Như người thợ chuốt tên đẽo vót các phiền não thô sơ bên ngoài cái phàm tâm, tầm nó bằng thứ dầu yêu mến đức tin nơi Chánh Pháp. Hơ nó lên ngọn lửa nóng là sự nhiệt thành tinh tấn cả thân tâm, đem nó lên buộc ép trên cây cột Chỉ, Quán (Samathavipassanā) làm cho nó trở nên ngay thẳng, phẳng phiêu, rồi ắt sẽ thấu triệt

các pháp hữu vi, phá vỡ cái khối vô minh vĩ đại, chứng đắc Tam minh, Lục thông, Cửu Chánh Pháp. Khi làm chủ được các pháp siêu nhân ấy rồi, người trở nên là bậc Ứng Cúng tối thượng rất đáng thọ dụng các vật dâng cúng của tín thí vậy.

Vārijo 'va: Như là loài thủy tộc, giống vật sống dưới nước như cá.

Thale khitto (*bị vớt lên bờ*): Là bị người ta dùng tay chân, lưới, chài, hoặc phương tiện nào khác bắt được bỏ nằm trên bờ.

Okamokata ubbhato: Trong thành ngữ này, chữ *Oka* có đủ cả hai nghĩa: một là nước, như nói okapunṇehicīvarehi (với những li đầy nước); hai là chỗ ở như đã nói: Okam pahāya aniketasārī (bỏ nhà làm kẻ lang thang không nhà). Loài thủy tộc sanh trưởng dưới nước, thì nước là chỗ trú của nó vậy. *Ubbhato* là bị vớt lên, bị kéo lên khỏi chỗ ở.

Pariphandatidaṃ cittam: Cũng như con cá bị vớt lên khỏi nước là chỗ ở thường xuyên của nó, bị bỏ nằm trên khô, nó hằng vùng vẫy như thế nào, thì cái phàm tâm này cũng thế; khi nó bị kéo lôi ra khỏi gian nhà ngũ dục mà nó hằng vui say thỏa thích, bị đặt lên đề mục niệm Minh Sát, lúc mà hành giả thân tâm tinh tấn, cần tu nhiệt tâm tinh cần để mau thoát khỏi cái vòng luân hồi, gọi là cảnh giới của ác ma thì nó cũng run rẩy, vẫy vùng không chịu yên lặng. Tuy nhiên là kẻ nam tử, là bậc trí tuệ cũng không vì thấy khó mà bỏ qua hay là xao lãng phận sự rèn luyện tâm mình, uốn nắn nó trở nên chân chánh và dễ sử dụng. Hoặc là: Cái phàm tâm này, vì còn bị trói buộc trong vòng luân hồi khổ não, còn ở dưới quyền thao túng của Ma vương cho nên nó run rẩy hãi hùng như loài thủy tộc bị vớt lên khỏi nước vậy. Hãy mau thoát khỏi cảnh giới của ác ma, thoát ra cái gọi là vòng luân hồi khổ não hằng làm cho tâm phàm run rẩy hãi hùng.

Bài kệ vừa dứt, Đại đức Meghiya chứng đắc Tu Đà Hườn quả, trong số các Tỷ khuru khác cũng chứng đạt Thánh quả như Tỳ Đà Hườn.

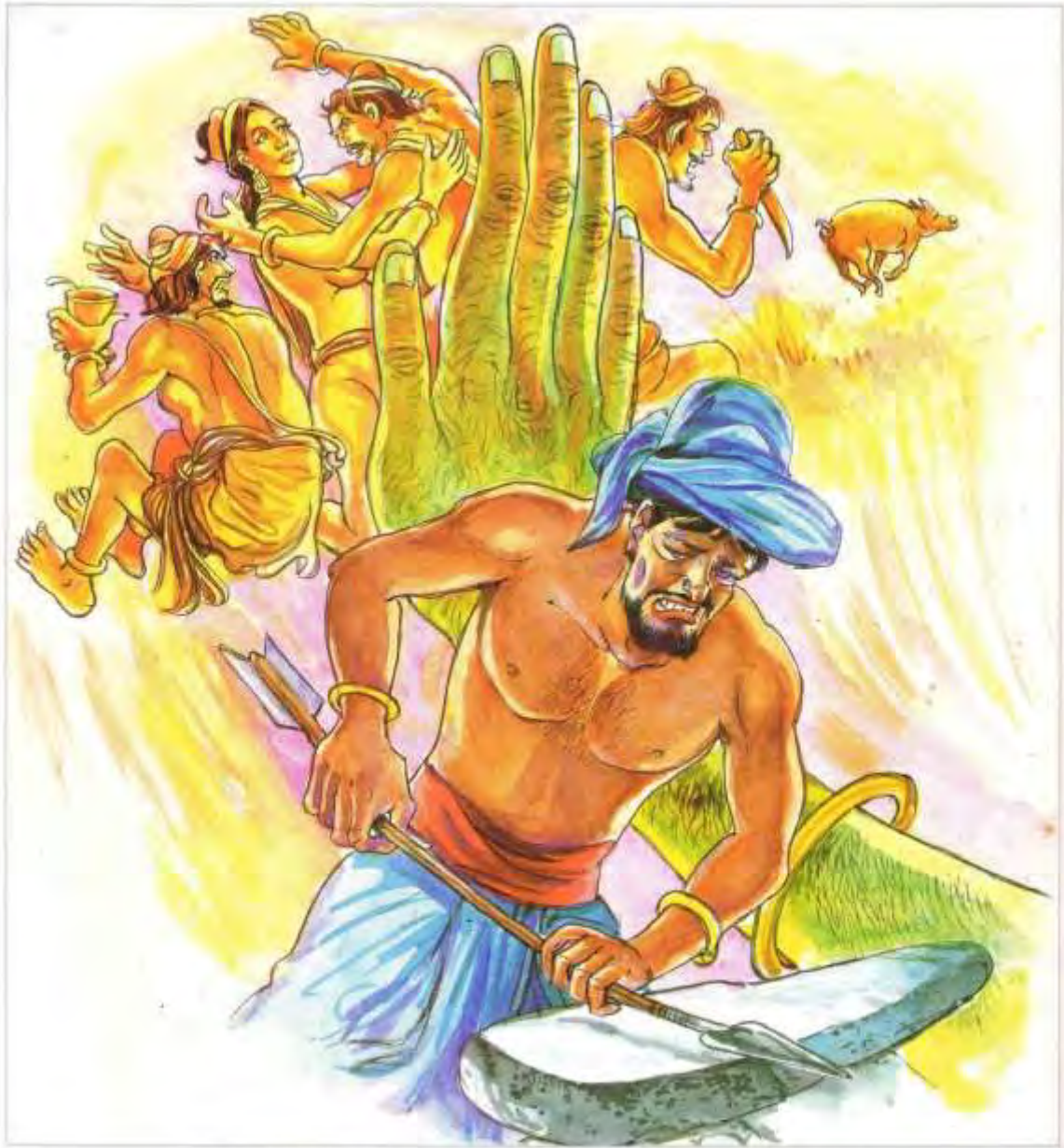


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngài Mê Kỳ Dạ quyết tu thiền,
Ngặt nổi tâm phàm khó định yên!
Thầy dạy: Hãy khoan chờ thị giả!
Trò xin: Cho gấp đến lâm tuyền!
Rừng sâu tưởng chứa nhiều pháp tịnh,
Cảnh vắng càng sanh lắm sự phiền!
Rốt cuộc lui về nương bóng Phật,
Buổi này, chưa hiệp đủ nhân duyên.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MEGHIYA





33. *Like the fletcher the arrow the wise one straightens the fickle mind.*

**33. Người trí làm thẳng tâm dao động như thợ rèn tên
làm thẳng mũi tên.**



34. Like a fish out of its watery abode, this mind trembles at having to abandon Māra's realm.

34. Giống như con cá ra khỏi nước. Tâm này dao động vì phải từ bỏ cảnh giới ác ma.

III.2- Tích VỊ TỖ KHUU Ở THỦY LƯU THÔN

(*Aññatarabhikkhavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 35)

“Dunnigghassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittam dantam sukhāvahanti”.

*“Lanh lẹ khó kiểm thúc,
Mê say theo ngũ dục.
Lành thay điều phục tâm,
Tâm điều dưỡng hạnh phúc”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana (Tịnh xá Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Nơi miền sơn cước, thuộc lãnh thổ vương quốc Kosala, có một ngôi làng tên Mātikagāma (Thủy Lưu thôn), là một địa phương cư dân trù mật.

Một lần nọ, có sáu mươi vị Tỳ khưu xin Đức Bôn Sur khẩu truyền đề mục niệm cho đắc A La Hán quả. Rồi cùng nhau đi kiếm nơi hành đạo và đồng vào khát thực trong Mātikagāma.

Khi ấy, vị thân mẫu của thôn trưởng Mātikagāma trông thấy chư Tăng, bèn rước thỉnh vào nhà, mời ngồi đàng hoàng rồi dâng cúng các thực phẩm thượng vị. Sau đó, bà bạch hỏi rằng: “Bạch Đại đức Tăng, chẳng hay quý Ngài định đi đến đâu?”.

- Nay bà đại tín nữ, chư Tăng đi tìm chỗ thuận tiện, thuận cảnh.

Bà đại tín nữ hiểu ngay là: “Ý các Ngài muốn tìm kiếm chỗ để an cư”. Bà liền sụp xuống đánh lễ và yêu cầu:

- Nếu quý Ngài lưu lại nơi đây trong ba tháng an cư này, tôi sẽ xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới và thọ luôn Bát giới vào những ngày Bát quan trai.

Chư Tăng bảo nhau: “Chúng ta nương nhờ bà này khỏi phải đi khát thực, chắc có thể hành đạo đến nơi rốt ráo được”. Thế là chư Tăng hoan hỷ nhận lời.

Bà đại tín nữ lo cất lên một ngôi đạo tràng Tịnh xá rồi cúng dường đến chư Tăng.

Một hôm nọ, sau khi đã ở yên, chư Tăng tập hợp đông đủ và cùng khuyến dụ lẫn nhau rằng: “Này chư huynh đệ, chúng ta không nên hành đạo một cách dễ dãi cầu thả. Quả thật, tám cảnh địa ngục đang mở rộng cửa chờ kẻ dễ dãi, như chờ đón ông chủ sắp trở về nhà. Vả lại, chúng ta đã thọ giáo đề mục do chính Đức Phật hiện thể khẩu truyền rồi mới đến đây. Ân huệ của chư Phật chúng ta không thể nào hưởng bằng cách gian dối được. Ta hãy là người không phóng dật, ta không nên đứng hay ngồi hai vị một chỗ với nhau. Buổi tối, trong giờ phục dịch các vị Trưởng lão, và buổi

sáng trong giờ đi khất thực chúng ta sẽ hợp mặt nhau. Ngoài ra trong những thời khác, chúng ta không nên ở chung hai vị trong một chỗ. Thảng như có vị Tỳ khưu nào thân thể bất an, đến đánh keng ở giữa đạo tràng để kêu gọi, chúng ta nghe tiếng hiệu lệnh sẽ đến lo thuốc men, săn sóc vị ấy”.

Sau khi đồng ý, chư Tăng giữ đúng theo lời giao ước, mỗi vị ở riêng một nơi để hành đạo.

Thế rồi, một hôm vào buổi sáng, bà đại tín nữ dẫn cả đoàn tỳ nữ và gia đình mang theo những thứ thuốc ngựa bệnh như bơ, đường... đi vào Tịnh xá. Vào đến nơi, bà không thấy vị Tỳ khưu nào cả, bà hỏi những người lân cận:

- Các Ngài đi đâu hết cả rồi?

- Chắc các Ngài đang ngồi riêng nơi chỗ hành đạo của mình.

Nghe đáp như vậy, bà lại hỏi:

- Ta phải làm sao mới gặp được các Ngài đây?

Khi ấy, có một người hiểu biết nội quy giao ước của chư Tăng, mới thưa rằng: “Thưa bà! Hễ nghe tiếng keng thì chư Tăng sẽ hội lại”.

Bà đại tín nữ liền sai gia nhân đánh keng.

Chư Tỳ khưu nghe được tín hiệu bất thường, nghĩ chắc có vị Tỳ khưu nào thọ bệnh nên kêu gọi, bèn rời chỗ ngụ riêng biệt của mình, tập trung vào Tịnh xá. Khi đi thì mỗi vị từ mỗi ngã đến, không ai đi chung đường với ai. Bà đại tín nữ thấy vậy, lấy làm lạ, nghĩ thầm: “Chắc là các con trai của ta (Mamaputta) đã sanh sự bất hòa với nhau”.

Sau khi đánh lễ Đại đức Tăng, bà hỏi:

- Bạch chư Đại đức, các ngài sanh sự bất hòa phải chăng?

- Chư Tăng không có sự bất hòa đâu, này bà đại tín nữ.

- Bạch các Ngài, nếu các ngài không sanh sự bất hòa thì tại sao khi mới đến nhà chúng tôi, tất cả các Ngài cùng đi chung, còn bây giờ thì các ngài từ chỗ ngụ riêng rẽ, mỗi Ngài đi một mình đến đây?

- Này bà đại tín nữ, chư Tăng đang hành Sa môn pháp, thì mỗi vị phải ở riêng mỗi nơi.

- Bạch các Ngài! Sa môn pháp đó là cái chi?

- Này bà đại tín nữ, chư Tăng niệm đề mục ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc.

- Bạch các Ngài! Sự niệm ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc như vậy, đó là công việc riêng của các Ngài hay là của cả chúng tôi nữa?

- Nay bà đại tín nữ, pháp đó Đức Thế Tôn không cấm đoán ai cả.

- Thế thì xin các Ngài hoan hỷ dạy chúng tôi niệm ba mươi hai thể trước và quán sự của danh sắc.

Chư Tăng bèn đem pháp Thiên Chỉ - Quán truyền dạy tất cả cho bà đại tín nữ học tập.

Từ đó về sau, bà đại tín nữ lo chăm niệm ba mươi hai thể trước xong, quán luôn sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, liền chứng đắc đạo quả A Na Hàm trước cả chư Tăng, đồng thời bà cũng đạt được tứ phân tích với thân thông thắng trí.

Sau khi hưởng thụ hương vị đạo quả, bà dùng thiên nhãn quan sát xem thử coi: “Chùng nào các con trai của ta mới đạt đến pháp này?”. Bà thấy rằng: “Tất cả chư Tăng đều chưa đắc thiên định đạo quả chi hết. Vì tâm còn vương tham, sân, si”. Bà lại quán xét xem: “Các con trai ta có căn lành chứng đắc A La Hán chăng?”. Bà thấy rằng có, bà lại quán xét thử: “Chỗ ngụ có được thích hợp chăng?”. Bà thấy rằng chỗ ngụ thích hợp, bà lại tìm xét rằng: “Bạn lữ có thích hợp chăng?”. Bà lại thấy rằng bạn lữ thích hợp.

Khi quán đến vật thực có thích hợp chăng, bà lại thấy rằng: “Vật thực chẳng thích hợp với chư Tăng!”.

Từ đó về sau, bà lo nấu dọn nhiều thứ khác nhau, vô số thứ kẹo ngọt, nhiều món ăn mới lạ đặc biệt, rồi thỉnh chư Tăng vào ngồi trong nhà, xối nước khai mạc lễ cúng dường và ngỏ lời yêu cầu là:

- Bạch chư Đại đức, các Ngài cần dùng món nào, xin cứ tự tiện lấy món đó mà độ đi.

Được lời thỉnh cầu, chư Tăng thọ dụng món cháo, cơm hay vật thực chi khác, tùy theo sở thích.

Nhờ độ vật thực thích hợp, các Ngài hành thiền đắc định tâm (ekaggam cittam), với tâm định các Ngài càng tăng tiến pháp Minh Sát (Vipassanā), không bao lâu chứng đạt A La Hán quả. Khi ấy, chư Tăng nghĩ rằng: “Quả thật, nhờ ơn bà đại tín nữ, chúng ta mới thành đạt được như vậy, nếu thiếu vật thực thích hợp thì chúng ta chẳng hưởng thụ được Đạo Quả. Bây giờ chờ khi ra hạ, tự tứ Tăng rồi, chúng ta sẽ trở về yết kiến Đức Bôn Sur”.

Đến khi mãn mùa hạ, chư Tăng đến từ giã bà đại tín nữ:

- Hôm nay chư Tăng chúng tôi định về yết kiến Đức Bôn Sur.

Bà đáp: “Lành thay! Bạch các Ngài”.

Nói rồi, bà theo tiễn chân, đưa chư Tăng đi một đôi đường, vừa thốt lên những ưu ái, bà còn nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài có dịp nào rảnh thì các Ngài đến thăm viếng, nhắc nhở chúng tôi.

Khi chư Tăng về đến Tịnh xá Jetavana, gần thành Sāvattthī, sau khi đánh lễ Đức Bôn Sur, ngồi qua một bên xong. Đức Bôn Sur phán hỏi: “Này các Tỳ khuru! Các ông hành đạo có kham nhẫn không? Có khỏi phải đi bát vất vả không?”. Chư Tỳ khuru đáp:

- Bạch Ngài, chúng con hành đạo kham nhẫn và tự túc dễ dàng. Bạch Ngài, chúng con khát thực không bao giờ vất vả. Thật vậy, nhờ một bà đại tín nữ là mẹ của thôn trưởng ở Mātikagāma biết được tâm niệm của chúng con mỗi khi chúng con ước muốn: “Chà phải chi mình được cúng dường món ăn danh sắc như thế!”, thì bà liền đem cúng dường món ăn mà chúng con ước muốn ngay.

Chư Tỳ khuru hết lời tán dương công đức của bà đại tín nữ.

Một vị Tỳ khuru nọ, được nghe chư Tăng nhập hạ tại Mātikagāma, tán dương công hạnh của bà đại tín nữ. Cũng muốn đến đó hành đạo, bèn xin thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bôn Sur và bạch rằng: “Bạch Ngài, con sẽ đi đến làng Mātikagāma”.

Sau khi bái biệt Đức Bôn Sur, Tỳ khuru này khởi hành từ Jetavana du hành lần hồi đến làng Mātikagāma, vào ngồi trong Tịnh xá, nghĩ rằng: “Nghe đồn bà đại tín nữ này có Tha tâm thông. Nay ta đã đến đây, đi đường xa mệt mỏi, không thể quét dọn Tịnh xá được, phải chi bà gọi một người nam đến cho phục dịch bàn tăng”.

Bà đại tín nữ đang ngồi ở nhà, quán thấy tư tưởng của vị Tỳ khuru mới đến, bèn gọi một gia đình vào bảo:

- Này con, hãy vào Tịnh xá, phụ đỡ công việc cho vị Đại đức đi.

Tên gia đình vâng lệnh chủ, vào quét dọn trong Tịnh xá. Khi ấy, vị Tỳ khuru khát nước, bèn ước rằng: “Chà, phải chi bà ấy có nước giải khát gọi đến cho ta dùng nhỉ?”.

Bà tín nữ liền gọi nước giải khát.

Vị Tỳ khuru lại ước: “Phải chi sáng ngày mai bà tín nữ đến cúng dường ta cháo nấu thật nhừ với thực phẩm hảo hạng”.

Bà đại tín nữ cũng làm thỏa mãn vị ấy. Độ cháo xong rồi, Tỳ khuru lại ước: “Chà, phải chi bà có thứ kẹo bánh ngọt đó thì gọi đến cúng dường cho ta”.

Bà đại tín nữ lại cho người mang thứ bánh kẹo đó đến dâng. Vị Tỳ khuru lại nghĩ rằng: “Ta ao ước bất cứ thứ gì, bà tín nữ ấy đều gọi đến cả. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà, phải chi bà cho người mang cúng dường đến ta thứ vật thực thượng vị, còn bà thì đi tay không đến đây”.

Bà tín nữ kêu gọi gia đình: “Con trai ta muốn gặp mặt ta. Vậy các con hãy chờ ta cùng đi một lượt”.

Cho gia đình mang theo vật thực, bà đi đến Tịnh xá cúng dường vị Tỳ khuru. Độ xong bữa, vị Tỳ khuru hỏi bà đại tín nữ:

- Phải bà là Mātikamātā chẳng?

- Bạch Ngài, phải.

- Này bà đại tín nữ, bà có Tha tâm thông phải chẳng?

- Bạch Ngài, tại sao Ngài lại hỏi ta như thế?

- Tôi ước trong tâm vật này, vật nọ, thấy sao bà làm đúng theo tất cả, nên mới hỏi bà như thế.

- Bạch Ngài, chư Tỳ khuru biết được tâm người khác cũng có nhiều vị.

- Này bà đại tín nữ, tôi không hỏi người khác, tôi chỉ hỏi mỗi một mình bà thôi.

Mặc dầu có Tha tâm thông, nhưng bà đại tín nữ cũng không khoe khoang “Tôi biết được tâm người khác”, bà chỉ trả lời: “Này con trai (Putta), những ai có Tha tâm thông thường làm như thế đó”. Nghe vậy, vị Tỳ khuru lo ngại rằng: “Quả thật vậy, việc này chướng ngại cho ta quá, còn là phạm nhơn thì trong tâm còn có những tư tưởng quàng xiên ô trược, lẫn lộn với những tư tưởng chơn chánh thanh cao. Nếu rủi mà ta nghĩ đến điều không phải, thì cũng bị bà này thấu rõ tới tim đen của ta, y như kẻ trộm bị người nắm chớp mai, bắt được với tất cả tang vật. Vậy ta phải chạy cho xa chỗ này”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ khuru bảo bà Mātikamātā rằng:

- Này bà tín nữ, tôi sẽ ra đi ngay bây giờ.

- Bạch Đại đức, Ngài đi đâu?

- Tôi trở về với Đức Bổn Sư, bà tín nữ à.

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ở lại đây.

- Tôi không thể ở lại đây đâu. Này bà tín nữ, tôi nhất định sẽ ra đi.

Nói rồi, vị Tỳ khuru ra khỏi Tịnh xá, lên đường trở về chỗ ngụ của Đức Bổn Sư.

Khi vị Tỳ khuru về đánh lễ Đức Bổn Sư, Ngài phán hỏi:

- Này Tỳ khuru, ông không còn ở lại tại chỗ ấy sao?

- Vâng, bạch Ngài con không thể ở tại chỗ ấy được.

- Tại có nào vậy, Tỳ khuru?

- Bạch Ngài! Bà tín nữ ấy có Tha tâm thông, biết rõ cả những tư tưởng của người khác, con còn là phàm nhân, còn có những ý nghĩ thanh cao xen lẫn với những dục vọng bất hảo. Nếu như con nghĩ tưởng đến điều chi sai quấy, sợ e bà ấy biết rõ tâm xấu của con, như người ta nắm lấy chóp mao của kẻ gian phi với tang vật. Vì vậy, con không dám ở đó, phải trở về đây.

- Này Tỳ khưu! Nếu quả như thế thì ông nên ở lại nơi đó.

- Bạch Ngài, con không thể trở lại nơi đó nữa.

- Này Tỳ khưu, có thể ở lại nơi đó được, nếu ông có thể gìn được một vật.

- Bạch Ngài, vật chi?

- Cái tâm của ông. Tâm là vật rất khó kèm giữ, nhưng ông phải cố gắng chế ngự nó, đừng nghĩ tưởng đến việc nào khác. Tâm là vật khó bắt giữ được.

Nói đoạn Đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn:

“Dunniggahassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittam dantam sukhāvahanti”.

*“Tâm phàm ngũ dục mê sa,
Biến hóa lạnh lẽo khó mà bắt thay!
Người thu thúc được tâm này,
Mới là thông thả thảnh thơi yên vui”.*



CHÚ GIẢI:

Dunniggaham: Khó giữ, khó kèm chế cái tâm phàm lẫn.

Lahuno: Lạnh lẽ, là nói về tốc độ sanh diệt của tâm trong từng sát na (Khaṇa), vì lẽ tâm sanh diệt liên liên, biến đổi luôn luôn nên khó mà nắm giữ kiềm chế nó được.

Yatthakāmanipātino: Hễ ưa thích chỗ nào thì sa đọa theo chỗ ấy, không kể gì giới hạnh. Quả thật tâm phàm không biết chỗ nào nên, chỗ nào hư, chỗ nào phải, chỗ nào quấy. Không phân biệt giai cấp, tông tộc chi cả, hễ ưa thích chỗ nào thì nó mê sa theo chỗ ấy mà thôi.

Citassa damatho sādhu: Lành thay, nếu tâm phàm ấy được điều phục bằng bốn Thánh đạo. Lành thay! Nếu tâm phàm ấy được bình tịnh hóa, (*cittam dantam sukhāvaham*) vì sao? Quả nhiên, vì người điều phục tâm hưởng được hạnh phúc, nhờ tâm định tĩnh, người sẽ hưởng thụ được sự an lạc của đạo quả và sự an lạc tối đại Níp Bàn chẳng sai.

Bài kệ vừa dứt, trong số chư Tăng hiện có, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng được hưởng sự lợi ích.

Đức Bôn Sư phủ dụ Tỳ khuru bằng huấn từ sau đây:

- Nay Tỳ khuru! Ông cứ đi đến đó hành đạo. Đừng lo nghĩ vẩn vơ khác mà làm chi.

Vị Tỳ khuru thọ lãnh huấn từ của Đức Bôn Sư ra đi, đến làng Mātikagāma, ngày đêm chuyên lo gìn giữ tâm mình, ngoài ra không tưởng đến việc chi khác.

Bà đại tín nữ dùng Thiên nhãn không nhìn thấy Đại đức:

- Bây giờ con trai ta đã thọ lãnh huấn từ của Đức Thầy rồi nên trở lại đây.

Bà lại dùng Tâm thông để biết rõ ý muốn của vị Tỳ khuru, rồi cho người nấu nướng thực phẩm thích hợp đem đến cúng dường vị ấy. Nhờ độ vật thực thích hợp, mấy hôm sau, vị Tỳ khuru đắc A La Hán quả, hưởng được tịnh lạc của đạo quả. Vị ấy suy nghĩ: “Bà tín nữ này hộ độ ta rất lớn, nhờ sự hộ độ này mà ta giải thoát được trần lao! Trong kiếp này bà hộ ta như thế, không biết trong những kiếp trước, khi ta còn lang thang trong vòng luân hồi bà có hộ ta hay không?”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ khuru dùng Túc mạng thông, nhớ lại từ một cho đến chín mươi chín kiếp của mình. Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp bà đại tín nữ này là bạn gối chăn của vị Tỳ khuru, nhưng lại sanh tâm ngoại tình và hạ sát chồng, thấy sự trắc nét lang tâm của bà vợ trong kiếp ấy, vị Đại đức nghĩ thầm: “Chao ôi! Bà đại tín nữ này đã tạo tội ác nặng nề quá lắm”.

Ngay lúc ấy, bà đại tín nữ cũng ngồi trong nhà mình dùng Thiên nhãn thông quán sát vị Tỳ khuru: “Không biết con trai đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia chưa?”. Khi biết được vị ấy đã đắc thành A La Hán, bà nói thầm: “Nhờ pháp Minh sát mà con ta đã đắc A La Hán quả; đang nghĩ rằng: Ôi! Bà đại tín nữ này có công hộ độ ta rất lớn không biết trong đời quá khứ, bà có hộ độ ta như thế không?”.

Vẫn tiếp tục theo dõi tâm vị Tỳ khuru, bà đại tín nữ thấy vị ấy dùng Túc mạng thông, nhớ lại được chín mươi chín kiếp, bà nói thầm: “Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp ta đã giao tình cùng kẻ khác và đã sát hại vị này. Vị này thấy sự lang tâm trắc nét của ta trong những kiếp trước, nghĩ rằng: “Chao ôi! Bà đại tín nữ tạo tội ác nặng nề thay?”.

Khi được hiểu biết như vậy, bà đại tín nữ tự hỏi:

- Trong khi lang thang trong vòng luân hồi, trong kiếp trước nữa ta có hộ độ con trai ta không?

Nghĩ rồi, bà cố ôn lại kiếp quá khứ một trăm, trong kiếp này bà cũng là vợ của vị ấy, đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: “Ôi! Ta đã là một đại ân nhân cho con trai ta vậy”.

Biết được như thế, bà đại tín nữ ngồi ở nhà mình dùng thần thông nhắc vị ấy rằng: “Ngài hãy hồi cổ xa hơn nữa đi”. Vị Tỳ khuru nhờ Thiên nhĩ, nghe được tiếng nhắc của bà đại tín nữ, bèn nhớ lại tiền kiếp thứ một trăm, thấy được rằng trong kiếp ấy, bà đại tín nữ này đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: “Ôi, bà đại tín nữ này cũng đã từng là người hỗ trợ ta trong kiếp quá khứ kia mà!”.

Nghĩ như vậy, vị Tỳ khuru rất hoan hỷ, giải đáp về bốn câu hỏi về quả vị tối cao của đại tín ngay tại chỗ ngồi. Vừa dứt lời thì vị ấy viên tịch, chứng đạt Vô dư Níp Bàn (Anupādisesanibbāna).



Dịch Giả Cẩn Đề

*Hai chuyến đi về bến Thủy Lưu,
Cầu mong tín nữ hộ Tỳ khuru,
Nhờ cơm thích hợp thành công lớn,
Mượn cảnh trang nghiêm, đạt pháp mẫu!
Án trước há đành tâm bội bạc?
Thù sau chi để đạt ưu sầu?
Ngược dòng đời, lướt qua dòng đạo,
Nước chảy thuyền xuôi mãi tận đâu!*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN





35. *It is well indeed restraining this fleeting, wandering mind. Such restraint brings happiness.*

35. *Tốt lành thay điều phục tâm này đang quay cuồng dao động. Sự điều phục ấy đem đến an lạc hạnh phúc.*

III.3- Tích VỊ TỖ KHUỒ BẮT MÃN

(Ukkhaṇṭhitabhikkhuvatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 36)

**“Sududdasaṃ sunipunaṃ,
Yatthakāmanipātināṃ;
Cittaṃ rakkhetha medhāvī,
Cittaṃ guttaṃ sukhāvahanti”.**

***“Vị tế khéo lẫn lút,
Đắm chìm trong ngũ dục.
Kẻ trí hộ trì tâm,
Tâm hộ hưởng hạnh phúc”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỷ khưu bắt mẫn.

Tương truyền rằng: Trong thời gian Đức Bôn Sur ngự gần thành Sāvattthī (Xá Vệ), có một Công tử con nhà triệu phú (Setṭhiputto) đến bạch với vị Đại đức quen thuộc với gia đình mình như vậy: “Bạch Ngài! Con có ý muốn thoát khổ, xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp nào giải khổ được cho con nghe?”.

- Lành thay! Này đạo hữu, nếu đạo hữu muốn thoát khỏi khổ, đạo hữu nên hành pháp bố thí. Hãy cúng dường bằng cách rút thăm chia phần, để bát. Hãy tổ chức Trai Tăng mỗi kỳ sóc vọng, hãy hộ độ chư Tăng đang an cư kiết hạ, hãy dâng cúng tứ sự”.

Đạo hữu nên chia tư sản của mình ra làm ba phần, một phần dành để kinh doanh, một phần cấp dưỡng gia đình vợ con, một phần nữa đem ra bố thí cúng dường Phật pháp.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Công tử vâng lời vị Đại đức, tuân tự thực hành các pháp bố thí, rồi lại đến bạch hỏi vị Đại đức rằng:

- Bạch Ngài! Những điều Ngài chỉ giáo cho con, con đã làm xong. Bây giờ con phải làm gì thêm khác nữa?

- Đạo hữu nên thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới.

Sau khi đã thực hành những điều này, Công tử hỏi pháp cao thượng tiếp theo.

- Thế Thì, đạo hữu nên thọ trì Thập giới đi.

Công tử vâng chịu: “Lành thay! Bạch Ngài.” Do nơi cách tạo phước từ thấp tới cao, Công tử được người đương thời mệnh danh là Công tử Tuân Tự (Anupubba).

Sau đó Công tử Anupubba lại bạch hỏi vị đại đức.

- Bạch Ngài! Còn phước nào cao thượng mà con nên làm nữa chăng?

- Thế thì con hãy xuất gia đi.

Công tử vâng chịu lời vị Đại đức, lìa bỏ gia đình để đi xuất gia. Có được vị Luận Sư là thầy tiếp dẫn và vị Luật Sư là thầy tế độ. Đều là những Đại đức thông suốt về pháp học của mình.

Khi vị tân sư đến gần vị thầy tiếp dẫn, thì được nghe vị ấy thuyết giảng về những đề tài trong tạng Vi Diệu Pháp “Đúng theo chơn lý của Đức Phật đã giác ngộ, pháp này nên hành, pháp này chẳng nên hành...”. Và khi vị ấy đến gần vị thầy tế độ, thì cũng được nghe thầy mình thuyết giảng những học giới trong Tạng Luật: “Đúng theo chánh pháp của Đức Thế Tôn, điều này nên làm, điều này chẳng nên làm... Điều này hợp lẽ đạo, điều này không hợp lẽ đạo...”.

Vị Tỳ khuru ấy suy nghĩ rằng: “Chao ôi! Việc hành đạo này thật là phiền phức, ta xuất gia cầu mong đạt được sự thoát khổ, nào ngờ vào tu phải học bù đầu, không được thanh thoi lúc nào cả. Phải biết trước như thế này, ta ở nhà làm cư sĩ, rảnh sức tự tu cũng có thể thoát khỏi cái vòng khổ não được vậy”.

Từ đó về sau, Tỳ khuru Tuần Tự sanh tâm bất mãn, chán nản đề mục ba mươi hai thể trước không niệm, Phạm ngữ cũng không học, hình thể gầy còm tiêu tụy, mình mẩy nổi gân xanh, tinh thần bạc nhược, ngồi đâu gãi đó.

Khi ấy, các vị Sa di trẻ tuổi nói với thầy Tỳ khuru Tuần Tự rằng: “Sư ơi! Sư làm gì mà đứng ngồi nơi đâu, sư cũng gãi gẻ, phải sư mắc bệnh huỳnh đản chẳng mà coi sư ốm o tiêu tụy, mình đầy gân xanh, bản thân đã dượi vậy?”.

- Nay các đạo hữu, tôi bất mãn lắm.

- Tại sao vậy sư?

Tỳ khuru Anupubba bèn tỏ thật tâm sự của mình. Máy ông Sa di bèn đem chuyện này bạch lại với ông thầy tiếp dẫn và thầy tế độ. Hai ông này bèn dắt Tỳ khuru bất mãn ấy đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nay các Tỳ khuru! Các ông đến đây có việc chi cần thiết?

- Bạch Ngài! Tỳ khuru này không thỏa mãn ở trong giáo pháp của Ngài.

- Các vị ấy nói thế. Có thật không hỡi Tỳ khuru?

- Dạ đúng, bạch Ngài.

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, con xuất gia là mong được thoát khổ rồi vô tu, rồi lại được nghe thầy tiếp dẫn thuyết Vi Diệu Pháp, và vị thầy tế độ thuyết về Tạng Luật mà phát mệt, nên con nghĩ rằng: “Nơi đây đầu óc của ta thật là bận rộn, không được thanh thoi. Phải chi ta cứ làm cư sĩ, ở nhà hành cũng có thể thoát khổ được vậy”.

- Nay Tỳ khuru! Nếu ông có thể giữ được một vật này thì ngoài nó ra, ông khỏi phải lo phòng hộ cái chi khác nữa.

- Bạch Ngài, vật chi vậy?

- Cái tâm của ông! Ông có thể gìn giữ nó được không?

- Bạch Ngài, con có thể giữ được.

- Thế thì ông hãy hộ trì cái tâm của ông, bấy nhiêu đó đủ để ông thoát khổ được.

Ban huấn tử xong, Đức Thế Tôn thuyết kệ rằng:

“Sududdasam sunipuṇaṃ;

Yatthakāmanipātinam;
Cittam rakkhetha medhāvī,
Cittam guttam sukhāvahanti”.

“*Tâm phàm bị ngũ dục cuốn lôi,
Vi tế, u uẩn, ngược xuôi khó nhìn.
Người khôn phòng hộ tâm mình,
Yên vui nhờ khéo giữ gìn bản thân*”.



CHÚ GIẢI:

Sududdasam: Do hai tiếng Sutthu và duddasam ghép lại, nghĩa là rất khó thấy, khó biết.

Sunipuṇam: (sutthu nipuṇam) nghĩa là rất mềm, uyển chuyển hết sức vi tế, u ẩn.

Yatthakāmanipātinam: Vui đâu trút đó, cứ để cho ngũ dục cuốn lôi, không kể giai cấp, tông tộc, tuổi tác... Cho cả về mặt giới luật thì bất chấp nên hư, phải quấy cho nên nói là thích đâu là mê sa đó.

Cittam rakkhetha medhāvī: Đối với kẻ ngu si, đần độn thì sự phòng hộ bản tâm không thể có được, còn bậc hiền minh trí tuệ, sau khi làm chủ được tâm, đạt đến mức bình thản vô não hại thì có thể phòng hộ bản tâm, cho nên ông hãy phòng giữ tâm như thế ấy. Quả thật, tâm được phòng hộ thì đem chủ nó đến nơi an lạc, là đạo quả Níp Bàn an lạc vậy.

Khi bài kệ vừa dứt, Tỳ khưu bất mãn phát tâm hoan hỷ chứng đắc Dự Lưu quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Công tử đi tu chỉ thích nhàn,
Thấy nhiều Kinh Luật phát bi quan.
Pháp môn bốn vạn chia đầy lối,
Học giới vài trăm rề đủ dàng!
Chẳng ở tiếng đời chê bạc nhược,
Không về cửa đạo chúng gian nan!
May nhờ Phật dạy dùng tâm hộ,
Vào được dòng xuôi đến Níp Bàn.*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU BẤT MÃN



36. The subtle and secretive mind, when well guarded, will yield happiness.

36. Khi được khéo hộ phòng, tâm tế nhị, khó thấy sẽ mang lại hạnh phúc.



III.4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT (*Bhāgineyyasaṅgharakkhitattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 37)

**“Dūraṅgamaṃ ekacaram,
Asarīraṃ guhāsayaṃ;
Ye cittaṃ saññāmessanti,
Mokkhanti mārabandhanā”.**

***“Tâm đi xa một mình,
Ẩn hang sâu vô hình.
Ai bình tâm khéo giữ,
Thoát vòng Ma kiết sử”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vị Tỳ khuru pháp danh là Bhāgineyyasaṅgharakkhita (Hộ Tăng Diệt).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattthī (Xá Vệ), có cậu công tử sau khi nghe pháp của Đức Bôn Sur, bèn lìa bỏ gia đình xuất gia thọ Cụ túc giới, có pháp danh là Saṅgharakkhita (Hộ Tăng), Ngài đã chứng đắc quả A La Hán sau vài ngày hành Sa môn pháp.

Người em út của Đại đức, khi có con trai bèn lấy pháp danh của Ngài mà đặt cho con mình, kèm thêm chữ Bhāgineyya (Diệt là cháu) thành ra đứa bé có tên là Bhāgineyyasaṅgharakkhita.

Đến tuổi trưởng thành, Bhāgineyyasaṅgharakkhita xuất gia Sadi với Sur bá, nhưng sau khi thọ Cụ túc, Tỳ khuru ấy lại đi nhập hạ ở một ngôi chùa ở một làng quê.

Khi an cư mùa mưa, Đại đức Bhāgineyyasaṅgharakkhita chia được hai lá y tắm mưa, một lá dài bảy hắc và một lá dài tám hắc tay (hattha: Độ năm tấc tây). Đại đức Saṅgharakkhita cháu nguyện rằng: “Lá y tám hắc tay ta sẽ dâng thầy tế độ, còn lá y bảy hắc tay ta sẽ giữ lại phần ta”.

Đến khi mãn mùa an cư, Tỳ khuru Saṅgharakkhita cháu định về thăm Sur bá, nên vừa đi khát thực tự túc, đi bộ lần hồi về đến Tịnh xá của Sur bá, nhằm lúc Đại Đức đi vắng. Bhāgineyyasaṅgharakkhita bèn vào Tịnh xá, quét dọn trai phòng của Đại đức, múc sẵn nước rửa chân, trải sẵn tọa cụ rồi ngồi nghỉ chờ Đại đức về. Khi thấy Sur bá mình gần về đến nơi, Hộ Tăng Diệt đi ra rước bát, thỉnh Đại đức vào an tọa, lấy quạt hầu Đại đức, dâng nước uống và rửa chân Đại đức, xong rồi mới lấy y tắm mưa đem đến đặt dưới chân Đại đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ lãnh y này.

Nói rồi Bhāgineyyasaṅgharakkhita đứng dậy quạt hầu Đại đức. Khi ấy Đại đức nói:

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita! Y của Sur bá có đầy đủ rồi, con hãy giữ y này lại mà dùng đi.

- Bạch Ngài! Từ khi phát sanh con đã nguyện để dành cúng dường Ngài, xin Ngài hãy thọ dụng.

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita, con hãy giữ lại mà dùng, Sur bá có đủ y rồi.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng từ chối. Xin Ngài từ bi thọ dụng cho con được nhiều phước lớn.

Mặc dù Tỳ khuru Saṅgharakkhita cháu khẩn khoản yêu cầu nhiều lượt, Đại đức Sur bá chẳng nhận lãnh y.

Thấy vậy, Tỳ khuru cháu không phải nài nỉ y nữa. Tuy đứng làm thỉnh quạt hầu vị Đại đức nhưng trong thâm tâm vị Tỳ khuru này nghĩ rằng: “Khi còn tại gia mình là cháu Đại đức Sur bá. Khi xuất gia rồi mình là đệ tử của Ngài. Thế mà Ngài không thọ lãnh vật mình dâng cúng. Ngài đã không tưởng tình bác cháu, thầy trò thì mình còn ở đây tu với Ngài làm chi nữa, thà là mình hoàn tục cho rồi”. Nghĩ đến đây, Tỳ khuru Bhāgineyyasaṅgharakkhita cháu tính thầm: “Đời sống tại gia cũng khó sắp đặt lắm. Hoàn tục rồi, ta sẽ làm gì để sinh nhai đây?”.

Nhớ đến hai lá y, Tỳ khuru Bhāgineyyasaṅgharakkhita cháu phác họa một chương trình: “Mình sẽ đem lá y tám hắc bán lấy tiền mua một con dê cái, dê cái thì mau sanh con lắm, hễ nó đẻ ra bao nhiêu thì ta bán hết bấy nhiêu, góp nhóp tiền bạc cho khá nhiều, rồi mình sẽ cưới vợ, vợ mình sẽ sanh cho mình một đứa con. Khi ấy, mình sẽ lấy tên bác mình đặt tên cho con, để nó ngồi trong cỗ xe nhỏ, rồi mình đưa cả vợ con đến chào bác mình. Đang đi giữa đường, mình bảo vợ mình rằng: “Em trao con qua cho anh bé”, vợ mình bảo: “Anh ẵm con mà chi, anh hãy đẩy cỗ xe đi”, rồi vợ mình bế xốc con lên và nói: “Để em ẵm nó”, nhưng vợ mình bồng con không quen, buông nó té xuống dưới đường, bánh xe lăn qua cán ngang mình đứa bé. Mình mắng vợ: “Con tao mà mày không bao giờ chịu trao cho tao, để mày ẵm một mình không nổi vậy đó, đồ đàn bà hư nói không biết nghe. Mắng rồi, mình xách gậy đập lên lưng vợ mình”. Nghĩ miên man đến đó, Tỳ khuru Bhāgineyyasaṅgharakkhita quên hẳn là mình đang đứng quạt hầu Sur bá, nên cầm cây quạt đánh lên đầu Đại đức Saṅgharakkhita. Đại đức dùng Tha tâm thông quán xem tại sao Đại đức bị cháu đánh lên đầu như thế. Khi biết rõ nguyên nhân, Đại đức nói:

- Này Hộ Tăng diệt, ông đánh phụ nữ không được thì thôi. Chớ Đại đức Trưởng lão này đâu có mắc mớ gì?

Tỳ khuru Saṅgharakkhita cháu hoảng hốt: “Chết ta rồi! Đại đức Sur bá Ngài có Tha tâm thông, biết rõ dự định của ta hết. Vậy ta còn mặc y Sa môn làm chi nữa”.

Nghĩ vậy, Saṅgharakkhita cháu quăng cây quạt xuống đất và phát bỏ chạy đi. Khi ấy Hộ Tăng Diệt bị các Tỳ khuru và Sa di trẻ đuổi theo bắt lại, dắt đến trước mặt Đức Bôn Sur.

Thấy chư Tăng ấy, Ngài phán hỏi: “Này các Tỳ khuru, các ông đến đây có việc chi cần yếu? Các ông ví được một Tỳ khuru phải không?”.

- Vâng, bạch Ngài, ông Sur này bất mãn bỏ chạy đi. Chúng con bắt lại, dắt đến cho Ngài liệu định.

- Này Tỳ khuru! Chư Tăng nói vậy có đúng không?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Này Tỳ khuru! Ông làm như thế này có lợi ích chi, chỉ gây tội lỗi nặng nề thì có. Ông há chẳng phải là đứa con trai của một vị Phật tinh cần hay sao? Xuất gia trong

giáo pháp của một vị Phật như ta, ông đã không khiến được mọi người nhắc nhở đến ông với một Thánh quả nào? Một bậc Tu Đà Hườn hoặc bậc Tư Đà Hàm, A Na Hàm hay A La Hán ư. Tại sao ông lại tạo nghiệp nặng nề như thế?

- Bạch Ngài, vì con bất mãn.

- Tại sao ông lại bất mãn?

Tỳ khuru Bhāgineyyasaṅgharakkhita đem hết mọi sự trình bày với Đức Bôn Sur, từ lúc mình an cư được hai lá y tắm mưa cho đến lúc đánh quạt lên đầu Sur bá. Thuật hết rồi, Bhāgineyyasaṅgharakkhita bạch rằng: “Bạch Ngài, vì lẽ đó mà con bỏ chạy”.

Đức Bôn Sur bảo rằng:

- Lại đây, Tỳ khuru đừng lo vớ vẩn. Tâm phàm thì nó hay chạy theo cảnh nào mà nó vừa lòng, dầu cho xa vời mấy cũng vậy. Phải ráng tinh tấn thoát khỏi ràng buộc của tham, sân, si.

Rồi Đức Bôn Sur ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

“Dūraṅgamam ekacaram,
Asarīram guhāsayam;
Ye cittam saññamessanti,
Mokkhanti mārabandhanā”.

*“Tâm phàm lén lút âm thầm,
Ra đi biệt tích vắng tăm một mình.
Hang sâu như ẩn dạng hình,
Người nào điều phục tâm bình mới hay.
Vòng Ma đã thoát ra ngoài,
Không còn trần trối miệt mài trần lao”.*



CHÚ GIẢI:

Dūraṅgamam: Đi xa. Thật vậy, dù không có những chỉ tơ mảnh mai như tơ nhện, phát đi tứ hướng đông, tây, nam, bắc để liên lạc với cảnh, nhưng hề có cảnh vừa lòng, dẫu xa cách mấy, tâm cũng nhận bắt được cho nên gọi là tâm đi xa.

Ekacaram (*đi một mình*): Không bao giờ có bảy hay tám tâm nhập chung lại một bó, đồng phát sanh trong một sát na. Lúc sanh thì tâm sanh từng cái một, lúc diệt thì tâm cũng diệt từng cái một, cho nên gọi là tâm đi một mình.

Asarīram (*vô hình*): Tâm thì không có hình ảnh màu sắc chi cả.

Guhā (*hang động*): Là tứ đại đất, nước, lửa, gió. Nơi đây chỉ cho sắc trái tim (hadayarūpa), là chỗ tâm nương gá và phát sanh.

Ye cittam (*người nào*): Chỉ những người nam nữ, tại gia hay xuất gia mà giữ không cho Tùy phiền não phát sanh lên được, dứt trừ được phiền não đã phát sanh, vì sự mất trí hay đã lãng quên.

Saññamessanti: Có ý thức giữ được tâm bình thản, không điên đảo rộn ràng.

Mokkhanti mārabandhanā: Được giải thoát khỏi vòng luân hồi trong tam giới, khỏi cái gọi là Ma phược (Mārabandhanā), là tất cả những dây trói buộc của phiền não Ma vương.



Bài kệ vừa dứt, Tỳ khuru Hộ Tăng Diệt chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả, kỳ dư thánh chúng đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*Một lá y choàng chữa bán ra,
Mà Sư Diệt đã tính non già!
Mua dê, để giống gom tiền bạc,
Cưới vợ sanh con viếng Bác nhà.
Quạt đó, nhưng quên Thầy tế độ,
Gậy đâu, lại nhớ bạn quần thoa?
Tỉnh rồi mới biết tâm đi lạc,
Đắc quả nhờ nghe pháp Phật Đà.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT





37. Restraining the wandering, bodiless, cave-dwelling mind, one is freed from death's shackle.

37. Khi điều phục được tâm vô hình, hay đi xa và ẩn kính này, con người thoát khỏi dây trói buộc của tử ma.

III.5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM

(Cittahatthatheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 38-39)

“Anavatthitacittassa,
Saddhammaṃ avijānato;
Pariplavapasāḍassa,
Paññā na paripūrati”.

“Người chưa có định tâm,
Hiểu chánh pháp sai lầm,
Tín đức chẳng kiên cố,
Chẳng đắc tuệ cao thâm”.

“Anavassutacittassa,
Ananvāhatacetaso;
Puññapāpapahīnassa,
Natthi jāgarato bhayaṃ”.

“Người hết tâm tham ái,
Không còn ý nào hại,
Phước tội đều dứt trừ,
Giác tỉnh không sợ hãi”.

Hai bài kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết khi Ngài ngự an tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Cittahattha (Phục Tâm).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một vị công tử vào rừng để tìm một con bò đi lạc, theo dấu chân con bò đi mãi cho đến cuối giờ Ngọ, công tử mới tìm gặp được nó. Đuổi cho nó nhập bầy xong, công tử cảm thấy mình vừa đói lại vừa khát. Nhìn thấy cổng Tịnh xá cậu nghĩ rằng: “Mình vào đây xin cơm nước, thế nào chư Tăng cũng cho”. (Trong thời Đức Phật còn tại thế, có vô số thức ăn phụ và canh phát sanh đến chư Tăng luôn luôn).

Sau khi ăn cơm no, uống nước đã khát, rửa tay và súc miệng rồi, công tử đánh lễ chư Tăng:

- Bạch Ngài! Hôm nay chắc là có thí chủ thỉnh các Ngài đến nhà thọ bát mang về.

- Không đâu, này ông thiện nam, chư Tăng đi khát thực hằng ngày luôn luôn đều được như thế này.

Công tử suy nghĩ: “Mình thức khuya dậy sớm, làm việc không hờ tay, cũng chưa có được cơm ngon canh ngọt mà dùng, mình nghe chư Tăng nói ngày nào cũng độ như vậy thì thật là sướng quá. Mình nên đi tu chớ ở nhà làm gì cực khổ quá”.

Thế rồi, công tử đến xin chư Tăng cho mình được xuất gia nhập đạo.

Khi ấy, chư Tăng đáp: “Lành thay! Ông thiện nam”. Và cho công tử được xuất gia ngay.

Thọ Cụ túc giới rồi, tân Tỳ khưu cũng làm hết mọi phận sự lớn nhỏ của một vị Tỳ khưu. Nhờ được thọ hưởng đầy đủ lễ vật phát sanh lên đến chư Thánh Tăng, nên mấy ngày sau vị Sư mới này phát phì.

Khi ấy, vị này nghĩ rằng: “Thà làm người cư sĩ còn hơn là sống đi tri bình khát thực”. Thế rồi, vị ấy lại hoàn tục trở về nhà. Ở nhà làm công việc được vài hôm thì sút

ôm trở lại, thấy vậy chàng nghĩ rằng: “Thà làm vị Sa môn còn hơn ở nhà chịu cực khổ như vậy”.

Nghĩ rồi, công tử lại đến chùa xin xuất gia. Cách vài hôm sau, nhà Sư mới lại bắt mẫn, nên hoàn tục nữa. Nhưng trong lúc tại gia, công tử vẫn lui tới nơi chùa làm phụ các việc hộ Tăng. Một bữa sau, công tử lại bắt mẫn nghĩ thầm: “Ta nên xuất gia chớ ở nhà làm cái gì”.

Thế là, công tử đến đánh lễ chư Tỳ khưu và xin xuất gia lại. Khi ấy, chư Tăng nghĩ công người hộ độ nên cũng chiều lòng cho công tử xuất gia trở lại.

Công tử này đi xuất gia lại tất cả là sáu lần như vậy. Mỗi lần thấy công tử xuất gia thì vị nào cũng nói:

- Ông Sư này bây giờ khắc phục tâm được rồi mới xuất gia hành đạo đó.

Vì thế chư Tăng tặng cho vị này danh hiệu Cittahattha. Trong thời gian Đại đức Cittahattha hoàn tục rồi xuất gia trở lại nhiều lần như thế thì cô vợ có thai.

Đến kỳ muốn xuất gia lần thứ bảy, công tử từ rừng xách đồ phụ tùng mang về nhà, bỏ xuống và nói:

- Ta sẽ đáp y trở lại.

Rồi đi ngay vô buồng, nhằm lúc cô vợ chữa của công tử ngủ mê, cô ta để tuột y nội, thân thể lồ lộ mà không hay biết, mũi thì ngáy khò khò, miệng thì há toang hoác, ngó y như thây ma chết sinh. Công tử ghé tòm, tự nghĩ: “Đây là Vô thường, Khổ não. Mình đã mấy lần xuất gia lại hoàn tục, cũng tại cái này đây mà mình không tu làm Tỳ khưu lâu bền được”.

Đoạn công tử lấy y buộc thắt ngang bụng rồi chạy ra khỏi nhà. Khi ấy, bà mẹ vợ đứng bên nhà kế cận, thấy công tử đi vào nhà rồi chạy trở ra, thì tự hỏi: “Thằng này từ rừng mới về nhà, bây giờ lại lấy y vàng buộc ngang lưng bụng chạy trở ra đi về phía chùa. Tại sao vậy cà?”.

Bà nhạc vào nhà thấy đứa con gái của mình nằm hờ hang như thế thì biết ngay là: “Thằng này nhìn thấy tướng con này nằm ngủ phát chán nên bỏ ra đi”.

Bà đánh thức con gái: “Dậy đi! Kālakaṇṇī (Hắc Nhi), chồng mày thấy tướng mày nằm ngủ, nó chán bỏ đi luôn đó. Từ nay chắc nó không thuộc quyền sở hữu của mày nữa đâu”.

- Má à! Anh ấy đi rồi anh ấy về nhiều lượt rồi mà, vài bữa đây anh ấy lại trở về, chớ có đi luôn đâu mà sợ.

Công tử Cittahattha đi trên đường, chân đặt bước mà miệng cứ lẩm nhẩm thầm: “Vô thường, Khổ não”, rồi chứng đạt quả Tu Đà Hườn trong lúc đang đi đường.

Đến đánh lễ chư Tăng xin xuất gia, công tử bị từ chối:

- Chư Tăng không muốn cho ông xuất gia, ông đâu có đủ tư cách là vị Sa môn. Đâu ông cứng như đá mài dao.

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hoan hỷ từ bi giúp con một lần này nữa mà thôi.

Chư Tăng lại chiều lòng, cho công tử xuất gia, mấy ngày sau Tỳ khưu Cittahattha chứng đắc A La Hán cùng với Tuệ phân tích, chư Tăng không biết việc này, hỏi vị Thánh Tăng mới:

- Này đạo hữu! Kỳ này sao lâu quá đạo hữu chưa trở về nhà.

- Bạch các Ngài! Hễ còn luyến ái trong tâm thì còn trở về nhà. Ai dứt được tâm luyến ái thì không còn muốn trở về nhà nữa chứ sao!

Chư Tăng kéo đến bạch cùng Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu này đã dám nói với chư Tăng như thế. Ông nói như thế tức là ông trá trở, giả dối phạm đại vọng ngữ.

Nhưng Đức Bôn Sư xác nhận: “Này các Tỳ khưu! Ông ấy nói đúng sự thật, con trai Ta trong lúc tâm còn bất định, không thông hiểu chánh pháp thì còn đi đi về về. Nhưng bây giờ thì dứt cả việc phước việc tội”.

Nói rồi Đức Bôn Sư ngâm hai bài kệ như sau:

“Anavaṭṭhitacittassa,
Saddhammaṃ avijānato;
Pariplavapasādaṃ,
Paññā na paripūrati”.

*“Người tâm bất định xôn xao,
Không thông Chánh pháp tối cao lạ thường.
Đức tin chẳng được kiên cường,
Trí thí Bát nhã không phương viên thành”.*

“Anavassutacittassa,
Ananvāhatacetaso;
Puññapāpapahīnassa,
Natthi jāgarato bhayaṃ”.

*“Người mà tâm đã tịnh thanh,
Không còn tham ái, gian manh thù hận.
Phước tội đều dứt tận căn,
Giác tỉnh chẳng sợ lẽ hằng tử sanh”.*



CHÚ GIẢI:

Anavaṭṭhitacittassa (Người tâm bất định): Tâm phàm là không có chút gì chơn thường, hay là bất biến. Nó dao động luôn luôn không khi nào đứng yên, cũng như trái bí đặt trên lưng ngựa, như cây đòn xóc dựng trên đồng trấu, cũng như bông Kadamba để trên đầu trục vậy. Người nào lúc thì làm nô lệ, lúc thì làm tu sĩ ngoại đạo Ājīvaka, lúc thì tu theo Nigantha, lúc thì tu đạo sĩ, không nhất định theo mãi một con đường nào thì gọi là người tâm bất định.

Saddhammaṃ avijānato (Người không thông Chánh pháp): Người có tâm bất định thì không phân tích được ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề (Sattatimsabodhipakkhiya).

Paññā na paripūrati (Không đầy đủ trí tuệ): Không có trí tuệ cao siêu để hiểu biết, phân tích được các pháp trong cõi Dục, cõi Sắc... Nội dung cõi Dục còn chưa biết cho đầy đủ, có đâu mà hiểu biết tới cõi Sắc, rồi từ cõi Sắc mà hiểu biết cho đầy đủ cõi Vô sắc và Siêu thế được.

Anavassutacittassa (Người hết tâm tham ái): Là người đã dứt trừ được tham ái.

Ananvāhatacetaso (Không còn ý nào hại): Là không có tâm muốn dùng cây đánh đập, dầu đang tức giận, không có ý gì muốn đánh đập làm thiệt hại ai.

Puññapāpapahīnassa (Phước tội đều dứt trừ): Là dứt bỏ bốn đạo, gọi là dứt phước, và diệt tận phiền não gọi là dứt tội.

Natthi jāgarato bhayaṃ (Giác tỉnh không sợ hãi): Đây là nói trạng thái giác tỉnh, vô úy của bậc Lưu tận, bậc đã giác tỉnh, thấy được năm pháp giác tỉnh là: Tín, tấn, niệm, định và tuệ, cho nên dầu thức hay ngủ cũng không sợ phiền não là sự sợ hãi, những phiền não ngày đã đoạn trừ bằng bốn Thánh đạo, không còn theo đuổi người nữa, nghĩa là những phiền não người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hườn đạo là ba kiết sử thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ không còn trở lại theo người nữa, những phiền não nào người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán đạo, những phiền não ấy có bảy kiết sử, không còn trở lại đeo níu người ấy nữa.



Nghe dứt hai bài kệ đại chúng đều hưởng được lợi ích và đắc Thánh quả.

Sau đó, có một hôm chư Tỳ khưu để khởi Pháp luận trong giảng pháp đường như vậy:

- Này chư huynh đệ, những phiền não này quả thật là đáng sợ, một vị công tử có đầy đủ căn lành để đắc A La Hán mà còn bị nó lung lạc, tu rồi hoàn tục đến bảy lần như thế.

Đức Bôn Sur nghe được Pháp thoại đề khởi giữa chư Tỳ khưu, bèn ngự hành vào giảng đường, ngự lên Phật tọa xong, Ngài phán hỏi:

- Này chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông hội thảo chuyện chi thế?

- Bạch Ngài như vậy...

Nghe vậy, Đức Bôn Sur xác nhận: “Này các Tỳ khưu! Những phiền não đáng sợ là thế, nếu nó phát sanh lên rồi thì ai cũng bị nó chi phối tất cả. Khắp cõi Sa bà từ chư Thiên, Phạm Thiên đến những chúng sanh ti tiện, không một ai thoát khỏi quyền lực của nó. Cả những người đầy đủ trí tuệ như Ta thuở trước. Quả thật, Ta cũng đã từng vì nửa gáo hột giống và một cái cuộc mà đã hoàn tục, xuất gia cả bảy lần như thế”.

- Bạch Ngài! Lúc nào vậy?

- Này các Tỳ khưu! Các ông có muốn nghe chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thế thì hãy lắng nghe đây.

Đức Bôn Sur thuật lại tiền tích rằng:

Trong thời quá khứ, khi vua Brahmadatta đóng đô tại thành Bārāṇasī, có một thanh niên tên là Kuddālapaṇḍita (Tráp hiền sĩ), xuất gia làm đạo sĩ. Ở tu tám tháng trong miền Tuyết Sơn, đến mùa mưa thấy đất ướt Kuddāla nghĩ rằng: “Ở nhà còn nửa gáo hạt giống bí ngô, với cái cuốc cùn. Ta đừng để cho mất giống...”.

Nghĩ rồi, chàng hoàn tục, trở về nhà lấy cuốc xới một thửa đất, xới dọn, đem hạt giống bí ngô đi gieo, cắm rào chung quanh để gìn giữ. Đến mùa bí già, hái ăn xong còn tiếc nuôi để dành một gáo hạt giống mới nữa.

Hết mùa mưa, Kuddāla hiền trí lại tự nghĩ: “Bây giờ ta ở nhà làm gì? Thôi ta hãy xuất gia tu tám tháng nữa đi”.

Thế là hiền trí Kuddāla lìa nhà, vào tu ở trong miền Tuyết Sơn và đến mùa mưa năm sau lại về. Cứ như thế tất cả sáu lần và cũng về nhà sáu lần, cũng vì đạo sĩ tiếc nuôi nửa gáo hạt giống với cây cuốc cùn. Đến lần thứ bảy, vị hiền trí ấy nghĩ rằng: “Ta đã sáu lần hoàn tục, sáu lần xuất gia lại cũng tại cây cuốc cùn này. Cứ giữ nó hoài tu không được, ta hãy đem liệng bỏ nó đi cho rồi”.

Xách cuốc tới bờ sông, hiền trí Kuddāla nghĩ rằng: “Nếu ta thấy biết chỗ nó rớt xuống thì sợ e mình còn lượm lấy lại được, chi bằng mình liệng đừng dòm thấy chỗ nó rơi xuống mới nên”.

Nghĩ kỹ rồi, chàng lấy vải gói gáo hạt giống, đoạn cột gáo hạt giống vào cây cuốc, cầm đầu cán cuốc đứng trên bờ sông, nhắm hai mắt lại, quay cái cuốc trên đầu ba vòng cho có trớn chàng ném mạnh nó ra giữa dòng sông. Khi quay đầu mở mắt ra không nhìn thấy dấu vết của cuốc rơi xuống chỗ nào. Hiền sĩ vui thích reo lên ba lần: “Ta đã thắng, ta đã thắng...”.

Trong khi ấy, Quốc vương xứ Bārāṇasī ngự giá thân chinh để bình giặc loạn ở biên cương, ban sư khải hoàn vừa ngự đến bờ sông. Đức vua khoác lên long thể chiếc dục y quý giá, ngự xuống sông để tắm, thì nghe tiếng reo của Kuddāla.

(Các vị lãnh chúa thì không ưa thích tiếng reo: “Ta đã thắng...” như vậy).

Quốc vương đến gần bậc hiền trí và phán hỏi:

- Trẫm đi bình phiên dẹp loạn, đắc thắng khải hoàn về đến đây. Vừa nghe đạo nhân hô to ba lần: “Ta đã thắng” chẳng hay đạo nhân đã thắng là thắng cái chi?

- Tâu đại vương! Đại vương tuy chiến thắng kẻ tặc loạn bên ngoài, bây giờ tuy nó chịu thua, nhưng cũng có ngày nó dấy binh thắng ngược lại đại vương, còn tôi đã chiến thắng kẻ tặc loạn bên trong là tâm tham ái, không còn sợ bị nó thắng ngược lại. Sự toàn thắng vĩnh viễn như thế mới thật là vẻ vang.

Nói xong, đạo sĩ ngâm kệ ngôn rằng:

“Na tam jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yaṃ jitaṃ avajīyati;
Taṃ kho jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yaṃ jitaṃ nāvajīyati”.

“Giao tranh trên bãi chiến trường,
Thắng rồi lại bại lẽ thường xưa nay.

Toàn thắng mới thật là hay,
Thắng không còn bại vì tay địch thù...”.

Ngâm kệ rồi, đạo sĩ nhìn xuống dòng sông, lấy nước làm đề mục niệm, đắc Thần túc thông, bay lên ngồi kiết già giữa hư không.

Quốc vương được nghe Pháp của đại nhân thuyết rồi, liền phủ phục long thể xin Ngài nhận làm đệ tử. Đức vua xuất gia cùng với tướng sĩ từng chinh, thành một đoàn đạo sĩ ở trong một đạo tràng rộng cả một do tuần.

Nghे tin Quốc vương Bārāṇasī đã xuất gia, Quốc vương nước láng giềng cử đại binh định sang đánh chiếm nước này. Nhưng khi tiến binh vào giữa thành đô nguy nga tráng lệ mà không hề có quân phòng thủ, Quốc vương xâm lăng nghĩ thầm: “Một kinh đô như vậy mà Quốc vương Bārāṇasī còn bỏ đi xuất gia, thì việc xuất gia này không phải là việc thấp hèn đâu. Vậy trăm cũng nên xuất gia cho rồi”.

Nghĩ vậy, Quốc vương bèn ngự giá thân hành đến tận đạo tràng, xin đại nhân cho mình được xuất gia và đã xuất gia với đoàn quân hộ giá. Lần lượt có tất cả bảy Quốc vương đều xuất gia như trên, thành ra đạo tràng chiếm trọn một vùng đất bảy do tuần. Bảy nhà vua đã phế thải cơ đồ, sự nghiệp, xuất gia chỉ đem theo những người tâm phúc của mình mà thôi.

Đại nhân Kuddāla sống đời phạm hạnh đến khi lâm chung sanh về cõi Phạm Thiên giới.

Thuật hết câu chuyện tiền thân, Đức Bôn Sur dẫn giải rằng:

- Này các Tỷ khưu! Ta là hiền trí Kuddāla thưở xưa và những phiền não quả thật là đáng sợ như thế đó.



Dịch Giả Căn Đề

Cuốc cùn, hột giống tiếc mà chi?

Tạo nghiệp dầy dứa chẳng định kỳ?

Đất thịt sáu lần còn nghĩ đến,

Rừng thiêng bảy lượt mãi ra đi.

Tham sân tội lớn nên kinh cụ,

Tín, tấn căn sâu khá chủ trì.

Quyết thắng được mình là đại thắng,

Phục tâm hiền sĩ cũng tương y.

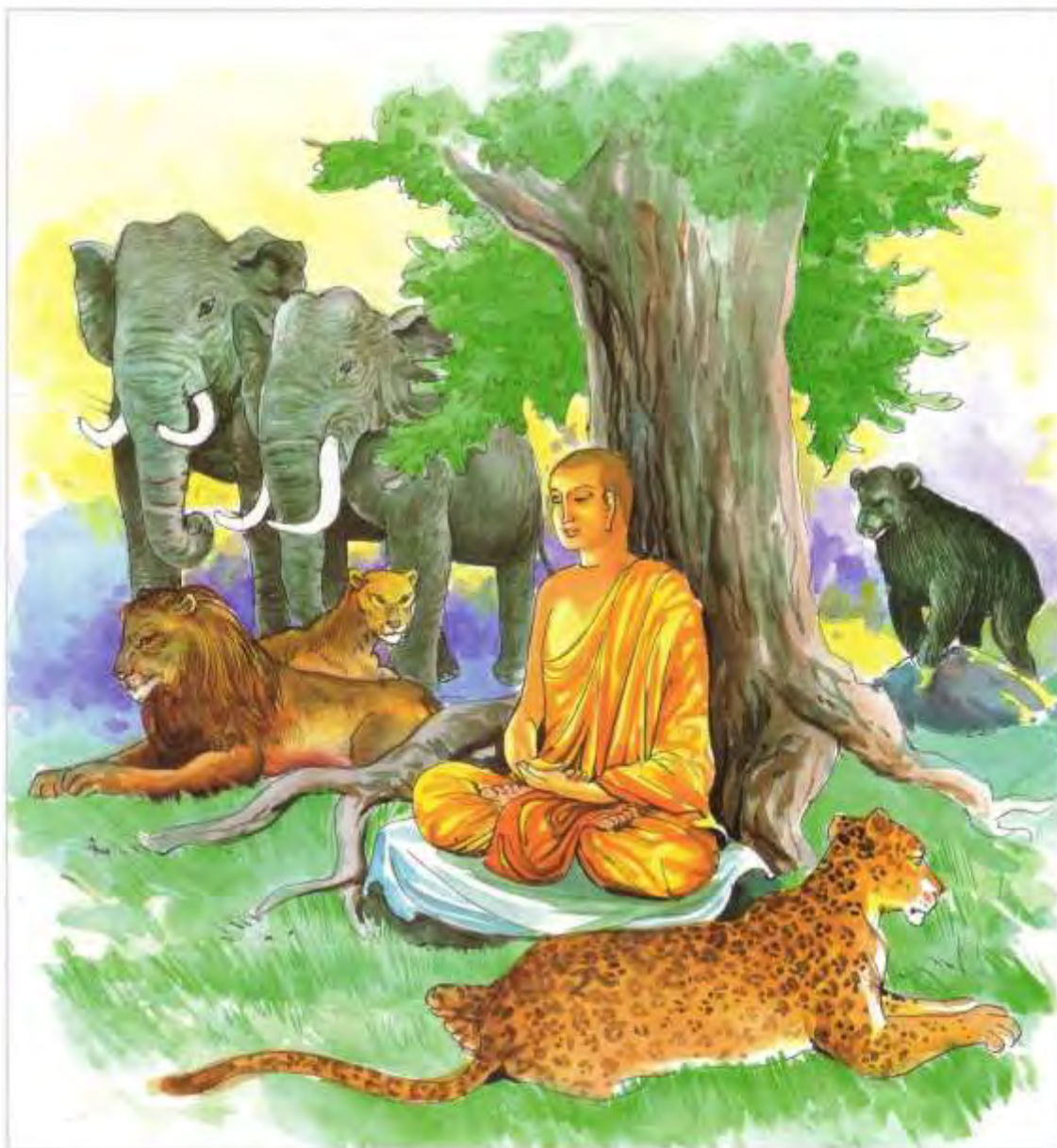
DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CITTAHATTHA





38. A fickle mind, a shallow faith and ignorance of Dhamma lead not one to total wisdom.

38. Tâm dao động, thiếu tín thành và không hiểu chánh Pháp tất nhiên không đưa đến trí tuệ viên mãn.



39. *A vigilant, lustless, hateless mind which transcends good and evil, knows no fear.*

39. Tâm vô sân, trí tuệ, tỉnh giác vượt lên mọi thiện ác không còn biết sợ hãi.

III.6- Tích CÁC TỖ KHUỒ QUÁN TỰ NGÃ

(*Āraddhavipassakabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 40)

**“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ tṭhapetvā;
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā”.**

***“Biết thân như gói gạch,
Giữ tâm như thành quách.
Dùng gươm trí đánh ma,
Thủ thắng mãi vô địch,
Mọi ô nhiễm đều xa”.***

Kệ Pháp Cú này Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại gần thành Sāvattṭhī (Xá Vệ), có năm trăm Tỷ khưu đến xin thọ giáo đề mục Minh sát với Ngài rồi cùng nhau đi kiếm chỗ hành Sa môn pháp.

Sau khi trải qua lộ trình hằng trăm do tuần, chư Tỷ khưu đến một thị trấn dân cư trù mật. Khi ấy nhiều người trông thấy chư Tăng, bèn ra rước thỉnh các Ngài vào nhà an tọa trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, dâng cúng vật thực ngon lành xong rồi hỏi rằng:

- Bạch chư Đại đức chẳng hay các Ngài đi đâu vậy?
- Chúng tôi đi tìm nơi cảnh tiện nghỉ.

Nghe đáp như thế, họ liền yêu cầu rằng:

- Bạch chư Đại đức, nếu có thể xin thỉnh quý Ngài lưu lại nơi đây, trong ba tháng an cư này, chúng tôi sẽ nhờ quý Ngài giáo truyền Quy giới để vâng giữ hành theo.

Khi được biết chư Tăng đã nhận lời, họ đưa chư Tăng đến một khu rừng lớn gần đó:

- Xin thỉnh các Ngài hãy trú ngụ lại nơi này.

Nói rồi họ cáo từ trở lại làng, để chư Tăng đi vào khu rừng ấy, chư Thiên ngụ trong rừng nghĩ thầm: “Chư Tăng này là những bậc có Giới đức, nay lại có dịp quang lâm đến khu rừng này, trog lúc quý Ngài cư ngụ nơi đây, mà chúng ta đưa con cháu, em út trèo lên ở trên cây thì coi không được”. Vì thế chư Thiên đều tuột ngồi xuống đất hết, tính thầm rằng: “Chắc quý Ngài chỉ ngụ đờ một đêm này thôi, rồi sáng mai sẽ đi nơi khác”.

Hôm sau, chư Tỷ khưu vào làng khát thực xong, lại trở về khu rừng ấy. Chư Thiên cho rằng: “Chắc hôm nay có ai thỉnh các Ngài, nên các Ngài còn ráng ở lại. Hôm nay chưa đi thì mai các Ngài sẽ đi vậy”.

Chư Thiên cứ ở dưới đất với sự hi vọng từng ngày như vậy cho đến nửa tháng, khi đó chư Thiên nghĩ thầm rằng: “Chắc hẳn quý vị Đại đức này trú ngụ tại đây cả ba tháng rồi, suốt thời gian quý Ngài cư ngụ tại đây như thế nếu chúng ta ngụ trên cây thì không phải cách, còn nếu chúng ta đem con cái em út nằm ngồi dưới mặt đất cả ba

tháng trường thì cũng khó nhọc cho chúng ta. Ta phải làm sao cho chư Tỳ khuru này bỏ chạy mới được”.

Thế rồi, chư Thiên hiện ra làm ma nhát chư Tăng, khi thì cho thấy đầu lâu, khi thì cho thấy thân mình mất đầu, khi thì cho nghe tiếng rú kinh dị của phi nhơn, phi nhơn phá phách khắp nơi ngụ của các Ngài, hoặc nơi hành đạo, trên đường đi kinh hành chẳng hạn.

Chư Tỳ khuru mất ăn mất ngủ, sa sút hao mòn lần lần nhuốm bệnh, quý Ngài hỏi lẫn nhau: “Đạo hữu bệnh gì?”.

Vị thì nói tôi đau thân kinh, vị thì nói tôi đau phổi... truy ra nguyên nhân của bệnh thì mới biết là bị ma nhát.

- Này đạo hữu, hôm nay tôi thấy một cái đầu lâu ở cuối con đường kinh thành.
- Tôi thì thấy một thân hình không đầu ở trong chỗ ngủ.
- Tôi lại nghe tiếng rú kinh dị ở chỗ ngồi thiền.
- Chúng ta nên bỏ chỗ này, kiếm chỗ khác thích nghi hơn, chớ ở đây thấy bất tiện quá.
- Chúng ta hãy về yết kiến Bạc Đạo Sư.

Chư Tăng đồng ý lìa bỏ khu rừng, đi bộ lần hồi về đến chỗ ngụ của Đức Bôn Sư, đánh lễ Ngài xong rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bôn Sư phán hỏi chư Tăng:

- Này chư Tỳ khuru, chắc chắn nơi ấy các ông không được an vui phải chăng?
- Vâng bạch Ngài! Trong lúc chúng con ở đó có nhiều hiện tượng phát sanh rất đáng sợ, khiến cho chúng con mất sự an vui, chúng con đồng ý cho rằng: “Nơi này không tốt, cần phải xa lánh”, nên chúng con rời bỏ nơi ấy mà về đây với Ngài.
- Này các Tỳ khuru, các ông nên đến chỗ ở như vậy.
- Bạch Ngài! Không thể được.
- Này các Tỳ khuru! Lần trước các ông ra đi không mang theo khí giới. Lần này nên lấy khí giới đem theo rồi hãy lên đường.
- Bạch Ngài! Thử khí giới nào vậy?

Đức Bôn Sư đáp: “Đề Ta ban cho rồi hãy đi”.

Nói rồi, Đức Bôn Sư khẩu truyền dạy hết bài Kinh Từ Bi:

“Karaṇīyamattakusalena
Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca
Sakko ujū ca suhujū ca
Suvaco cassa mudu anatimānīti...”.

*“Pháp hữu ích nên hành cần biết,
Đường Niết Bàn nếu quyết ruổi giong.
Trí năng, chơn chánh, phục tòng,
Thẳng ngay, mềm mỏng, không lòng cống cao...”.*

Tiếp theo bài kinh, Đức Bôn Sur dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Bài kinh này các ông hãy tụng niệm cho thường, từ lúc đặt chân vào khu rừng cho đến lúc đến vòng ngoài Tịnh xá, rồi sẽ vào trong... Thôi các ông cứ yên trí lên đường.

Chư Tỳ khưu đánh lễ từ biệt Đức Bôn Sur, ra đi lần hồi đến bìa rừng ấy, đồng thanh vừa niệm Kinh Từ Bi vừa đi vào trong rừng. Toàn thể chư thiên ngụ trong rừng đều phát tâm Từ bi, ra nghinh tiếp chư Tăng, xin rước y bát, hoặc xin đầm lưng, hoặc xin bóp tay chân cho các Ngài. Những nơi ăn, chốn ngủ hoặc chỗ hành thiền. Và xúm nhau gìn giữ luân phiên, sắp đặt trang hoàng, không còn có tiếng kêu rú phi nhơn.

Nhờ thuận cảnh, chư Tăng hành đắc định tâm (Ekaggata citta). Nơi chỗ hành thiền ban đêm và ban ngày các Ngài dùng tâm Minh sát quán sự sanh diệt của tự ngã, tiến hành pháp Quán, các Ngài thấy rõ ràng: “Cái bản ngã này nó giòn yếu, dễ tan vỡ, cùng như một món đồ gốm vậy thôi”.

Đức Chánh Biến Tri ngự tọa trong hương thất, hiểu biết chư Tỳ khưu ở trong rừng đang trong trạng thái tiến hành Tuệ Minh sát, bèn gọi các vị ấy và dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu, cái bản ngã này có tính dễ tan vỡ, chẳng vững bền như thế.

Nói rồi Đức Bôn Sur phóng hào quang sáu màu rực rỡ, hiện kim thân cho chư Tăng ngó thấy như Ngài đang ngồi đối diện, mặc dù lúc ấy Ngài đứng cách xa chư Tăng hàng trăm do tuần, và đọc kệ rằng:

“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ tṭhapetvā;
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā”.

*“Thân này đã biết mỏng manh,
Như đồ gốm hay bể, thành giữ tâm.
Sẵn gươm trí tuệ đang cầm,
Khá mau đánh dẹp Ma quân vây thành.
Giữ phần thắng lợi về mình,
Chớ đừng dấn trước, mê tình không nên”.*

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Kumbhūpamaṃ*** trên đây, nghĩa là sánh như đồ gốm, là do tính giòn yếu, dễ tan vỡ, không bền bỉ lâu dài. Cái khối tập hợp bởi ba mươi hai thể trước, gọi là xác thân này đây, ta phải biết nó không bền bỉ gì hơn một món đồ gốm, như chậu đất, như bình sành hay là ngôi gạch.

Nagarūpamaṃ cittamidaṃ tṭhapetvā (giữ tâm như thành quách): Thành trì thì mặt ngoài kiên cố, chung quanh phải có hào sâu, lũy cao phải có cửa cho chắc. Bên trong phải có ngăn nắp thứ tự, đường xe rộng rãi, phải có ngã tư, như thế bọn cường khấu bên ngoài muốn vào cướp phá bên trong không thể được, đành phải bỏ đi chẳng khác nào chúng chạm phải núi đá vậy.

Con nhà gia giáo và bậc thiền minh cũng thế, sau khi điều luyện tâm Minh sát cho kiên cố như thành trì, vị này bế cửa thành tâm, đứng vững trong thành.

Yodhetha māraṃ paññāyudhena (Dùng gươm trí đánh Ma): Bọn cướp cầm đủ thứ khí giới, đồng côn, xông đến hãm thành trì, ví như những ma phiền não cần phải diệt tận hay khử trừ với khí giới làm bằng Minh sát tuệ, Thánh đạo tuệ và Bát nhã tuệ.

Jitañca rakkhe (thù thắng): Là giữ phần thắng là tuệ Minh sát vừa mới phát sanh, đừng cho suy giảm, chọn chỗ ở thích hợp, thời tiết thích hợp, thính pháp thích hợp... mà nương theo để hành cho đắc các bậc thiền rồi xuất thiền, dùng tâm thanh tịnh phân xét, thấu rõ các pháp hữu vi, gọi là đem phần thắng lợi về mình.

Anivesano siyā (Mọi ô nhiễm đều xa): Là hãy dứt lìa sự luyến ái, trở thành bậc vô nhiễm.

Cũng như một chiến tướng ở tiền tuyến, sau khi xây đắp thành trì kiên cố rồi mới giao tranh với địch quân đến lúc đói khát có thể cầm theo hoặc buông bỏ vũ khí, tùy thích trở vào thành bế cửa nghỉ ngơi, ăn uống xong rồi lại nài nịch mang theo vũ khí trở ra chiến đấu nữa. Tướng ấy tuy tạm thủ quyền thắng lợi, nhưng cũng còn lo giữ sự thắng, bằng sự phòng vệ, cho đến lúc đánh tan quân địch. Quả thật, nếu lúc chiến tướng đang nghỉ ngơi vui chơi trong thành như vậy, mà địch quân chiếm phá được thành thì cả quốc vương phải lọt về tay kẻ khác vậy.

Cũng như thế ấy, Tỳ khuru mới đắc tuệ Minh sát, nhập thiền nhiều lượt rồi mới xuất thiền thì có thể dùng tâm thanh tịnh gìn giữ sự giác ngộ của các pháp hữu vi, thắng được phiền não Ma vương, nhờ đắc đạo cao thượng. Nếu như vị này vui thích Thiền định, không xuất thiền dùng tâm thanh tịnh mà quán đi quán lại cho thấu triệt các pháp hữu vi thì không thể thấu triệt đạo quả. Vì vậy, chỉ nên gìn giữ pháp nào tâm cần gìn giữ, không nên đắm trước mê say theo nó như sau khi định tâm trong đề mục thiền rồi, không nên lưu luyến giữ mãi tâm nơi đó. Các ông hãy hành như vậy.



Đức Bôn Sur đã thuyết pháp dạy các Tỳ khuru như thế. Khi thời pháp chấm dứt, cả năm trăm vị Tỳ khuru chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích ngay tại chỗ ngồi bèn tán thán ca tụng kim thân đáng Như Lai, đánh lễ Ngài rồi lui gót.

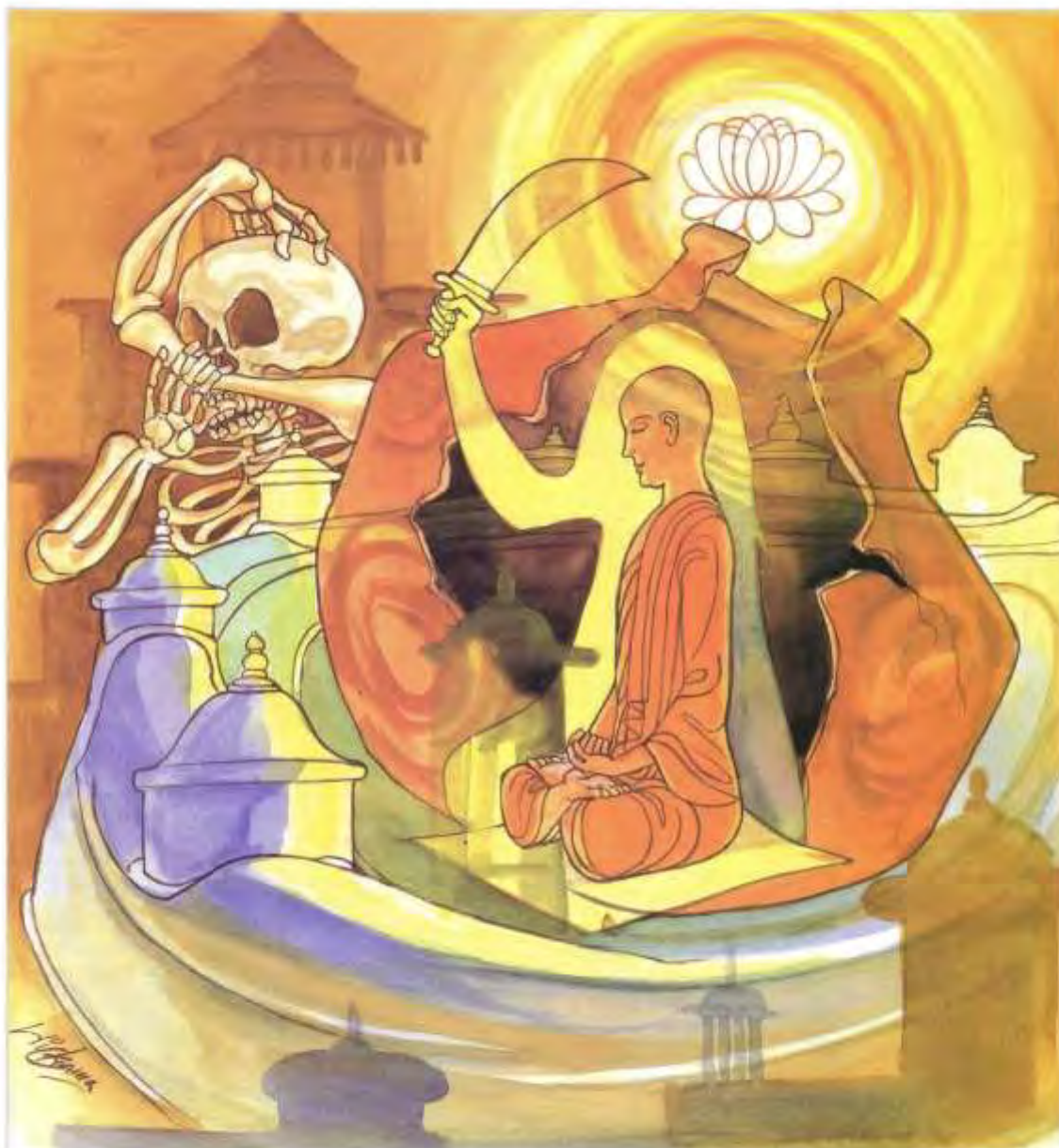


Dịch Giả Cần Đề

*Nhờ kinh Bác ái của chư Thiên,
Ngũ bá Tỳ khuru ở mới yên,
Hết bị tà ma gây bệnh sợ,
Còn nhờ giả quý hộ rìng thiền.
Dem tâm Minh sát xây thành trí,
Lấy kiến siêu nhân dẹp giặc phiền.
Bản ngã quán rời như ngôi bờ,
Thoát trần nhẹ bước gót thiên nhiên.*

DỨT TÍCH CÁC TỖ KHUU QUÁN TỰ NGÃ





40. Win over the forces of evil with wisdom, fortifying your mind as a guarded city.

40. Hãy dùng trí tuệ chiến thắng các thế lực của Ác ma và hộ phòng tâm như một thành trì.

III.7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY

(*Pūtīgattatissatheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 41)

**“Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati;
Chuddho apeta viññāṇo,
Nirattamaṃ va kaliṅgaranti”.**

***“Không lâu đâu xác này,
Trên đất sẽ nằm ngay,
Với thức bị vứt bỏ,
Như gỗ mục hết xài”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Tissa thúi thây.

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử ở thành Sāvattthī (Xá Vệ), sau khi nghe thời pháp của Đức Bôn Sur, bèn ly tục, xuất gia nhập đạo, tu lên Tỳ khuru với pháp danh là Đại đức Tissa.

Trong thời gian đi hành đạo, rày đây mai đó, Đại đức bị nổi đinh sang đầy mình, ban đầu các mụn ngứa chỉ như hột cải, nhưng càng ngày càng lớn thêm ra to bằng hột đậu xanh, hột đậu đen, bằng trái táo lớn, rồi bằng trái a ma lặc (Āmalaka), bằng trái Beluva.

Khắp châu thân Đại đức đầy những ghẻ, lở loét, hôi hám, do đó Đại đức mới có biệt hiệu là Tissa thúi thây.

Về sau, xương cũng mục gãy, Đại đức không còn đi đứng tự mình được nữa, các y nội ngoại của Đại đức dính đầy máu mủ, có đóm giống như ổ tàng ong. Các Tỳ khuru, Sa di đệ tử không thể chịu đựng được mùi hôi thúi, nên không đến gần sờn sóc Đại đức, bỏ Đại đức nằm chèo queo một mình.

Chư Phật thì không bao giờ bỏ qua thông lệ quan sát thế gian, mỗi ngày hai lần: Buổi sáng tinh sương, các Ngài bủa lưới trí quán sát từ ngoài thế giới Ta bà vào tới hương thất và buổi chiều chạng vạng tối, các Ngài quan sát từ hương thất trở ra đến ngoại biên.

Trong khi ấy, hình ảnh của Đại đức Tissa thúi thây lọt trong giác võng của Đức Như Lai. Đức Bôn Sur nhìn thấy căn lành của Đại đức Tissa này, đắc được quả A La Hán. Ngài nói thầm: “Tỳ khuru này bị các bạn đồng tu và các đệ tử bỏ rơi, ngoài Ta ra thì ông không còn ai là nơi nương tựa khác”.

Đức Bôn Sur ngự ra ngoài hương thất, du hành vòng quanh Tịnh xá như kinh hành, rồi ngự đến phòng nấu nước (Aggisāla), lấy bình rửa sạch, châm đầy nước, bắt lên lò lửa, rồi đứng chờ cho nước nóng. Khi biết nước đã nóng, Ngài đến nắm đầu giường chỗ Tỳ khuru Tissa đang nằm.

Chư Tăng thấy vậy, liền tranh nhau: “Bạch Thế Tôn! Xin dang ra, để chúng con khiêng cho”.

Rồi chư Tăng xúm nhau nhấc luôn chiếc giường cùng người, đem vào phòng nấu nước.

Đức Bôn Sur khiến chư Tăng lấy chậu chế nước nóng, cởi y vai trái (uttarasaṅga) của Đại đức, vò sạch sẽ rồi đem phơi nắng.

Kế đó, Ngài đến gần Đại đức, bảo Tăng chúng lấy nước nóng thấm ướt mình Đại đức, rồi tắm rửa, kỳ cọ cho sạch sẽ. Khi Đại đức tắm xong thì y được phơi cũng vừa khô. Đức Bôn Sur dạy chư Tăng lấy y này vận đỡ cho Đại đức, cởi y nội ra đem đi giặt sạch sẽ rồi phơi ngoài nắng.

Khi y nội của Đại đức khô thì mình của Đại đức cũng vừa ráo nước. Được vận một lá y bên dưới, một lá y bên trên xong. Đại đức cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, nằm định tâm trên giường.

Đức Bôn Sur đứng trên đầu nằm của Đại đức phán rằng:

- Này Tỳ khuru! Thân của ông đây, một khi tâm thức lìa bỏ nó rồi, thì nó không còn có chỗ sở cậy, nó sẽ nằm ngay trên mặt đất như khúc gỗ mục mà thôi.

Nói rồi Đức Bôn Sur thuyết lên kệ ngôn:

“Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati;
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃ’va kaliṅgaranti”.

“Thân này hẳn thật không bền,
Rồi đây nó sẽ nằm trên đất mền.
Không hồn như gỗ mục khô,
Bị đem vứt bỏ vì vô dụng mà”.



CHÚ GIẢI:

Paṭhaviṃ adhisessati: Trong lúc bình sanh, thân này chỉ nằm trên giường, nhưng rồi đây nó sẽ nằm trên đất trong bãi tha ma.

Chuddho: Bị vứt bỏ, ném quăng đi.

Apetaviññāṇo: Khi tâm thức xuất đi rồi thì cái thân trống rỗng, không có hồn nằm lơ lửng như khúc gỗ.

Niratthaṃ’va kaliṅgaranti: “Như khúc gỗ mục, vô dụng hết xài”. Thật thế, những người thợ giàn trò, đi vào rừng, nếu cần cây ngay thì đốn cây ngay, cần cây cong thì đốn cây cong, xong rồi bóc sạch vỏ, chỉ lấy gỗ tốt còn gỗ xấu, mục, lung lổ, bị bọng, không có lõi thì vứt bỏ lại.

Những thợ giàn trò khác, vào thấy những khúc gỗ vứt bỏ này, không ai thèm lấy dùng xài. Tuy nhiên, nếu muốn thì họ cũng lấy làm thanh giường, gỗ chui chân hoặc băng ngồi ngoài vườn chẳng hạn. Chớ ba mươi hai thể trước trong thân này không thể dùng làm được chân giường hay làm được vật chi khác được. Khi tâm thức mất rồi, thân xác này trở nên hoàn toàn vô dụng, y như cây mục nát, chỉ chờ ngày bị dẹp bỏ nằm trong bãi tha ma.



Khi bài pháp vừa dứt, Đại đức Tissa thúi thân đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Trong số đó các Tỳ khuru khác cũng có nhiều vị đắc Thánh quả, nhất là quả Dự lưu.

Đại đức Tissa đắc quả A La Hán rồi thì nhập Vô Dư Níp Bàn. Đức Bôn Sur dạy các Tỳ khuru hỏa táng Đại đức, lấy xá lợi để vào Bảo tháp mà thờ.

Chư Tăng bạch hỏi Đức Bôn Sur:

- Bạch Ngài! Đại đức Tissa thúi thân sanh về cõi nào?

- Này các Tỳ khuru! Tissa đã nhập Vô Dư Níp Bàn.

- Bạch Ngài! Một vị có đầy đủ duyên lành đắc A La Hán quả như thế, tại sao mà thân xác lại lở lói thúi hôi? Tại lý do nào mà bị gãy xương? Nhờ đâu mà đắc A La Hán quả?

- Này các Tỳ khuru! Tất cả những sự kiện này đều do tiền nghiệp của ông ta.

- Bạch Ngài! Ông ấy đã tạo những nghiệp gì?

- Này các Tỳ khuru! Nếu muốn biết thì các ông hãy lắng nghe.

Đức Bôn Sur dẫn tích rằng:

“Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, Tỳ khuru này là một người săn chim, sau khi bắt được chim, y đem dâng cho các vị lãnh chúa, còn dư ra thì đem bán. Khi bán không hết, y sợ làm thịt để dành thì thịt chim không còn tươi, nên bẻ lợi giò, lợi cánh chim để chim còn sống mà không thể thoát được, y để chim nằm chung một đồng.

Qua ngày sau, y lại đem đồng chim ấy ra bán, khi nào săn được nhiều chim thì y cho người nấu nướng chim ấy, tự mình dùng lấy. Một hôm khi phần com ngon của y vừa chín thì có vị Đại đức Lậu Tận đang trì bình, đến đứng trước cửa nhà y, thấy Đại đức, y phát tâm tịnh tín nghĩ rằng: “Mình sát hại chúng sanh, ăn thịt cũng nhiều quá rồi. Hôm nay có Đại đức đến đứng ngay trước cửa nhà mình, vậy ta lấy thức ăn ngon lành để dâng cúng Ngài”.

Sau khi thỉnh bát không của Đại đức, y đem đầy bát ngon với thức ăn thượng vị, đem dâng Đại đức và gieo năm vóc xuống đánh lễ: “Bạch Ngài! Xin cho con được chứng ngộ quả tối cao của Ngài”.

Đại đức phúc chúc: “Xin cho người được như ý”.

Này các Tỳ khuru! Do tiền nghiệp ấy mà ngày nay Tissa trả quả. Mình mảy thúi lở, xương gãy, cũng vì xưa kia đã sát hại và bẻ gãy chân, cánh chim. Còn quả A La Hán là nhờ để bát cúng dường com ngon đến vị Lậu Tận.



Dịch Giả Cần Đề

*Nghiệp ác ngày xưa đã tạo gây,
Báo Ngài Đề Xá khổ thân này.
Săn chim bẻ lợi chân cùng cánh,
Gãi ghe cầu banh mủ lộn mày.
Thịt thúì xương giòn nằm bại liệt,
Trò xa bạn lánh sợ truyền lây.
Định tâm thính pháp rồi viên tịch,
Sốt bát tròn nhân quả cũng đầy.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY





41. *Soon this body will lie lifeless, bereft of consciousness, like a worthless log of burnt wood.*

41. Chẳng bao lâu thân này sẽ nằm bất động, vô thức, giống như khúc gỗ đã cháy hết, trở nên vô dụng.

III.8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ

(*Nandagopālakavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 42)

“Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare’ti”.

“Cừu địch hại cừu địch,
Oan gia báo oán gia;
Không bằng tâm thiên lệch,
Khiến kẻ ấy đọa sa”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kosala (Kiều Tát La), đề cập đến ông Nanda (Nan Đà) chủ trại bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvattthī (Xá Vệ) có một gia chủ là thuộc hạ của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), tên là Nanda là một chủ trại bò, rất giàu có, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh. Người ta bảo nhau rằng: “Cũng như đạo sĩ tóc bính (Jaṭilo) tên Keniyo làm người xuất gia, ông Nanda làm nghề nuôi bò, như thế là để gìn giữ tài sản của mình khỏi sự áp chế của đức vua”.

Ông Nanda thỉnh thoảng đem năm ngón ngưu vị (gorasa) đến biếu ông Anāthapiṇḍika, rồi đến yết kiến Đức Thế Tôn nghe pháp. Sau đó, ông thỉnh Đức Bôn Sur đến nhà ông.

Một hôm đang ngự hành cùng với đại chúng Tỳ khuru trên đường cái. Đức Bôn Sur xét biết rõ căn lành của ông Nanda đã chín muồi rồi, Ngài bèn tách qua con đường nhỏ, ngự đến một gốc cây ngồi gần nhà ông ta.

Ông Nanda đến đánh lễ Đức Bôn Sur chào hỏi thân thiện rồi ngỏ lời thỉnh Đức Bôn Sur ngự đến nhà ông và ông làm phước cúng dường thực phẩm hương diện có đủ năm thứ ngưu vị đến Tỳ khuru Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trong bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, Đức Bôn Sur đọc kệ hoan hỷ chúc phúc cho thí chủ xong, thuyết luôn tuần tự pháp, giảng giải từ pháp Bồ thí cho đến phước báu của sự Xuất gia.

Khi Ngài chấm dứt pháp thoại, ông chủ trại bò Nanda chứng đắc quả Dự Lưu. Ông ôm bát của Đức Thầy đi theo một quãng đường xa. Khi nghe lệnh dạy: “Ông thiện nam hãy dừng bước”. Ông Nanda bèn đánh lễ cáo từ Đức Bôn Sur, rồi quay trở lại nhà. Trong lúc ấy, một người thợ săn bắn trúng ông Nanda, khiến ông ta chết ngay lập tức.

Những Tỳ khuru đi sau, thấy vậy đến than phiền với Đức Bôn Sur:

- Bạch Ngài! Ông Nanda chủ trại bò, vì có Ngài đến đây mới làm đại lễ Trai Tăng và đi tiễn chân Ngài nên khi trở về mới bị giết chết, nếu như Ngài không đến đây thì ông ta chưa chết đâu.

Đức Bôn Sur đáp:

- Này các Tỳ khuru! Dầu Ta có đến đây hay không đến đây cũng vậy. Trong bốn phương tám hướng, cho dầu ông ta có đi hướng nào cũng không thoát khỏi tử thần. Quả thật vậy, tội khổ nào mà cả bọn cướp và kẻ thù đều không thể gây tai hại cho nhau thì chính cái tâm lệch lạc tà vậy thúc đẩy những chúng sanh này phải rơi vào tội khổ ấy.

Nói rồi Đức Bôn Sur đọc kệ rằng:

“Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare’ti”.

*“Kẻ thù hoặc kẻ oan gia,
Hại nhau, hại ấy vẫn là kém xa.
Cái hại của tâm niệm tà,
Khiến cho kẻ ấy đọa sa một mình”.*

CHÚ GIẢI:

Hai tiếng *Diso disaṃ* trên đây, có nghĩa là kẻ cướp gặp kẻ cướp. Vì nói tắt nên ngắt bớt chữ gặp (disvā).

Yaṃ taṃ kayirā: Nếu làm điều nào để hủy diệt đối thủ thì làm ngay điều đó.

Verī vā pana verinaṃ: Câu này nghĩa là mừng tượng như như câu đầu. Ví như một kẻ cướp phản bội một kẻ cướp, làm thiệt hại đến vợ, đồng ruộng, gia sản... của đồng bọn. Trong lúc đang gây hại thù thì đồng bọn bắt gặp quả tang, hoặc là gây thù oán vì một lí do nào đó, buộc oan trái với một kẻ khác, khi gặp mặt kẻ ấy thì dùng những thủ đoạn độc ác thô bạo để tàn hại y hoặc là cưỡng bức vợ con của y, hoặc là phá hoại ruộng vườn của y, hoặc là giết y chết.

Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ: Tâm lệch lạc là đặt vào chỗ sai quấy, là chỗ ở trên con đường thập ác nghiệp (thân ba, khẩu bốn, ý ba).

Pāpiyo naṃ tato kareti: Vì có tâm tà vậy, kẻ ấy ngày càng làm tội lỗi tiêm nhiễm, cho nên gọi là khiến cho kẻ ấy đọa sa vào vòng tội ác. Quả thật, kẻ cướp hoặc kẻ thù hoặc là đôi phương của họ, trong kiếp này gây khổ cho nhau, hoặc là tàn sát lẫn nhau là cùng.

Trái lại, nếu cái tâm tà vậy, tà kiến, bị đặt nằm trên lộ bất thiện nghiệp trong kiếp này, thì nó đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong, hằng trăm kiếp đọa sa vào bốn ác đạo, không cho cất đầu lên nổi.



Nghe dứt bài kệ nhiều vị Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

Vì chư Tăng không hỏi đến tiền nghiệp của cận sự nam Nanda, cho nên Đức Bôn Sur không dẫn giải.



Dịch Giả Cần Đề

*Cúng Phật Trai Tăng đủ bảy ngày,
Nan Đà chết dữ cũng kỳ thay!
Mũi tên oan nghiệt, trăm người rõ,
Quả Thánh Tu Đà, mấy kẻ hay?
Tâm niệm khi lành, khi hiểm ác,
Thân sanh lúc sướng, lúc đọa đầy.
Gieo chi giặt nấy, tùy duyên nghiệp,
Tội phước là nhân tạo rủi may.*

DỨT TÍCH NANDA CHỦ TRẠI BÒ





42. A misdirected, misguided mind does to a person far greater harm than a bitter enemy.

42. Tâm sai lạc hướng tà gây tai hại cho mỗi người nhiều hơn là một kẻ thù ác độc.

III.9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA

(Soreyyattheravatthu)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú số 43)

“Na tam māta pitā kayirā,
Aññe vāpi ca nātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare’ti”.

“Không phải do cha mẹ,
Hoặc thân nhân làm thế.
Chính tâm niệm chánh chơn,
Khiến người cao thượng hơn”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra nhân câu chuyện phát khởi từ thành Soreyya (Tu Lệ Da), về sau chấm dứt tại thành Sāvattthī (Xá Vệ).

Trong thời Đức Chánh Biến Tri an cư gần thành Sāvattthī. Trong thành Soreyya, có công tử con nhà triệu phú Soreyya, cùng với người bạn ngồi chung một cỗ xe nhỏ, nhanh lẹ, gọn gàng đã dắt theo rất đông bộ hạ tùy tùng đi ra phía ngoài thành để tắm.

Ngay lúc đó, Đại đức Mahākaccāyana đang đứng ngoài cổng thành đắp y Tăng Già Lê (Saṅghāṭi) lên mình, định vào thành Soreyya để khát thực, thân sắc của Đại đức sáng đẹp tợ vàng ròng.

Công tử Soreyya trông thấy Đại đức cỡi trần, ước thầm: “Cha! Phải chi Đại đức này là vợ của mình hoặc là vợ mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của Đại đức này”.

Vì nghĩ quấy như thế, công tử mất hết cả nam tướng đột nhiên biến thành một tiểu thư, hết sức hổ thẹn, Soreyya tuột xuống xe bỏ trốn.

Cả đoàn tùy giả đều thấy tiểu thư, nhưng không ai nhìn ra đó là công tử của mình, nên ngơ ngác hỏi chuyện nhau: “Cái gì thế? Cái gì thế?”.

Người nam hóa nữ này đi thẳng một mạch đến thành Takkaṣilā, chẳng từ giả người bạn cũ của mình, báo hại chàng ta đi tìm công tử Soreyya khắp vùng lân cận chung quanh mà chẳng hề gặp.

Sau khi tắm trở về, nghe Trưởng giả hỏi:

- Còn công tử ở đâu?

Nhóm bộ hạ đáp: “Chúng con tưởng rằng công tử tắm xong trở về nhà trước rồi!”.

Khi hay tin con mình mất tích, ông triệu phú cho người đi tìm công tử khắp nơi nhưng không gặp, thì buồn rầu than khóc, rồi nấu cơm cúng quảy vì nghĩ rằng công tử đã chết chìm.

Tiểu thư Soreyya đi đường gặp một đoàn lái buôn, bèn đi bộ theo sau chiếc xe của ông đoàn trưởng, nhiều người trông thấy tiểu thư liền hỏi rằng:

- Cô gái đi theo xe chúng tôi, cô là con nhà ai chúng tôi không biết?

- Mấy ông cứ đánh xe đi đi, để tôi đi bộ cũng được.

Nhưng đi lâu mỏi chân, tiểu thư cởi chiếc nhẫn đeo ở ngón tay ra đổi lấy một chỗ ngồi trên xe.

Những lái buôn suy nghĩ: “Trong thành Takkasīlā có công tử là con nhà triệu phú của ta chưa có đôi bạn, để ta làm mối chi xe tơ cho cô này với công tử. Chắc ta sẽ được trọng thưởng”.

Thế là họ đi ngay đến công tử nói rằng:

- Thưa ông chủ! Hôm nay chúng tôi đưa về cho ông chủ một bảo nữ (itthiratana).

Nghe vậy, công tử cho mời tiểu thư Soreyya đến để công tử xem mặt. Khi thấy tiểu thư trẻ trung xinh đẹp, duyên dáng, công tử sanh lòng yêu mến, bèn nhận cưới làm chánh thất.

(Hiện tượng nam hóa nữ hay nữ hóa nam rất thông thường, mặc dầu là khó thấy. Thật vậy, không hề có việc người nam nào chưa từng hóa thành nữ, và cũng không hề có người nữ nào mà không hóa thành nam. Quả nhiên, những người nam đã gian dâm với vợ kẻ khác, sau khi mệnh chung phải thọ khổ hàng trăm kiếp, nằm trong địa ngục và khi tái sanh làm người thì phải mang thân phụ nữ. Chính Đại đức Ānanda là bậc Thánh Thỉnh Văn đã hoàn thành pháp độ sau một trăm ngàn đại kiếp, nhưng khi còn luân hồi cũng có lần phạm tội tà dâm trong kiếp sanh làm con người thợ rèn. Sau khi mãn kiếp đọa sa vào địa ngục, thọ khổ đền tội xong, do nghiệp còn dư sót, còn phải mang thân phụ nữ, làm vợ người nam trong mười bốn kiếp và trải qua thêm bảy kiếp nữ nhân nữa mới được trở lại làm người nam.

Những phụ nữ, sau khi làm các việc lành như bố thí, trì giới... không muốn mang thân người nữ, nên phát nguyện rằng: “Do phước báu của chúng tôi ngày hôm nay, xin cho chúng tôi được tái sanh làm nam nhân trong ngày vị lai”, (Idaṃ no puññaṃ purisattabhāvaṇaṃ samvattatūti), thì sau khi chết được hóa thân thành nam tử. Chư Thiên nữ hầu hạ Thiên Vương cũng do sự hành đạo chơn chánh mà được hóa sanh thành thiên tử.

Công tử Soreyya này vì một lúc dấy ý nghĩ xằng đối với Ngài Mahākaccāyana mà trong kiếp hiện tại hóa thành nữ nhân).

Ăn ở với con ông triệu phú trong thành Takkasīlā, cô Soreyya có thai, mãn mười tháng cô sanh con trai, khi đưa con đầu biết đi lẫm chẫm thì cô lại sanh thêm một đứa con trai nữa.

Thế là cô làm mẹ hai đứa con trai, nếu tính chung trước đó, khi còn là công tử Soreyya cô có được hai con trai, thì cô có tất cả là bốn người con trai.

Lúc bấy giờ, chàng thanh niên bạn cố tri của cô đang ngồi trên một cỗ xe nhỏ, dẫn đầu năm trăm cỗ xe bò. Chàng từ thành Soreyya sanh thành Takkasīlā. Khi đoàn xe đi vào trong thành, cô Soreyya đứng trên tầng chót tòa lâu đài của mình, mở cửa sổ nhìn xuống đường phố, trông thấy thanh niên thì nhận ra được bạn cố tri, bèn sai nữ tỳ đi mời thanh niên lên lầu thượng, khoản đãi niềm nở, trọng hậu.

Thanh niên không biết chủ nhân nên hỏi:

- Thưa bà! Bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, tại sao bà lại hậu đãi chúng tôi như thế này, hay là có quen biết với chúng tôi chăng?

- Vâng thưa công tử tôi có quen biết với công tử, phải công tử ở thành Soreyya không?

- Dạ phải, thưa bà.

Bà chủ nhà lại hỏi thăm tình hình sức khỏe của song thân, của vợ con công tử Soreyya. Công tử đáp:

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô bệnh... Thưa bà, bà cũng có quen biết với nhà ông triệu phú ấy nữa sao?

- Dạ thưa công tử, tôi biết ông bà có một cậu công tử. Cậu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bà ơi! Cậu ấy mất rồi, xin bà đừng nhắc đến nữa. Một hôm tôi với công tử cùng ngồi chung trên cỗ xe nhỏ, đi ra ngoài thành để tắm. Thế rồi, cậu ấy mất tích chúng tôi không biết cậu ấy đi đâu, tìm khắp quanh vùng cũng không gặp cậu ấy. Về báo tin cho ông bà Trưởng giả, hai ông bà khóc lóc thở than, rồi lo liệu ma chay cầu siêu cho cậu...

- Thưa ông, chính tôi là công tử Soreyya đây.

- Thưa bà! Bà có tỉnh trí không? Mà sao bà lại nói như thế. Bạn của tôi là một công tử khôi ngô tuấn tú, đẹp như Thiên tử cõi Thượng thiên kia mà.

- Thưa công tử, chính tôi là cậu ấy, không dám nói ngoa.

Cậu công tử không tin lại hỏi:

- Sao lạ kỳ vậy?

- Ngày ấy, công tử có thấy Đại đức Mahākaccāyana chớ?

- Vâng, tôi có thấy.

- Tôi đã ngắm nhìn Ngài Đại đức, rồi ước ao rằng: “Chà phải chi Đại đức làm vợ mình, hay là vợ mình có thân hình đẹp đẽ như của Đại đức”, vừa nghĩ quấy như vậy, thì nam tướng biến mất và nữ tướng của tôi hiện rõ rệt ra. Khi ấy, tôi quá hổ thẹn, khôn dám nói ra cho ai biết cả, bỏ chạy lánh đi chỗ khác đó công tử.

- Ôi thôi! Bạn tệ quá đổi tệ, tại sao lúc bấy giờ bạn không cho tôi hay? Bây giờ bạn đã sám hối với Ngài Đại đức chưa?

- Thưa công tử chưa, công tử biết đại đức bây giờ ở đâu không?

- Ngài đang cư ngụ trong thành này.

- Nếu Đại đức có trì bình ngang đây. Tôi sẽ xin đặt bát Ngài, cúng dường đến Ngài.

Công tử đến chỗ ngụ của Đại đức, đánh lễ Ngài rồi ngồi nép qua một bên, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài ngày mai này đến thọ bát nơi nhà con.

- Này công tử, người từ xa đến đây phải chăng?

- Bạch ngài! Xin Ngài đừng hỏi con về việc ấy, chỉ xin thỉnh Ngài ngày mai này thọ bát nơi nhà con.

Đại đức im lặng nhận lời.

Công tử trở về nhà sắp đặt lễ vật cúng dường trọng thể đến Đại đức. Hôm sau, Đại đức đi ngay đến nhà của công tử. Sau khi thỉnh Đại đức an tọa và cúng dường thực phẩm thượng vị đến Đại đức, công tử dắt cô Soreyya ra quỳ mọp dưới chân Đại đức: “Bạch Ngài, xin Ngài thứ tội cho bạn con”.

- Chuyện chi thế?

- Bạch ngài! Cô này đây, trước kia là một người nam, bạn thân thiết của con, có lỗi nhìn trộm Ngài và ước quấy như vậy, thành ra mất hết nam tính, hóa ra thân nữ nhân, xin Ngài xá tội.

- Thôi hãy đứng dậy, ta miễn thứ cho cô đó.

Đại đức vừa dứt lời thì tiểu thư Soreyya hoàn hình công tử trở lại như trước.

Sau khi ấy, công tử Takkasilā nói với công tử Soreyya:

- Này bạn, hai đứa con này do tôi và bạn sanh ra, hoàn thai và hoàn dưỡng chúng, sanh dưỡng cũng đạo đồng, chúng nó là con của chúng ta, vậy chúng ta cứ tiếp tục chung sống ở đây bạn đừng ngại chi cả.

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp là nam nhân, sau đó là nữ nhân và bây giờ trở lại thân nam nhân như trước. Ba lần thay đổi xác thân. Lần đầu tôi là cha hai đứa con trai, lần sau là mẹ hai đứa con trai khác, cho nên bây giờ đây tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Thôi bạn đừng cố gắng lưu tôi lại làm gì. Tôi sẽ đến xuất gia với Ngài Đại đức, hai đứa con này xin bạn ráng nuôi nấng, dạy dỗ, đừng bỏ chúng vất vả tội nghiệp.

Nói rồi, công tử Soreyya hôn hít, nựng nịu hai đứa con trai, đoạn nắm tay chúng giao trả tận tay cha chúng, rồi từ giã ra đi đến xuất gia với Ngài Đại đức.

Đại đức cho công tử xuất gia làm Sa di, về sau cho thọ Cụ túc giới, rồi dắt đệ tử lần lượt du hành về thành Sāvatthī.

Từ đây, người ta gọi vị tân Sư này là Tỳ khuru Soreyya.

Hiện tượng biến nam thành nữ của Đại đức Soreyya lúc Ngài chưa xuất gia đã làm chấn động dư luận trong xứ. Thiên hạ đua nhau đến hỏi Đại đức:

- Bạch Ngài! Chúng tôi nghe đồn rằng: Ngài đã hóa nữ, rồi lại hóa nam. Chuyện ấy có thật chăng?

- Quả thật như thế, này đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu quả thật vậy, trong hai đợt con ấy, một đợt do Ngài hoài thai và một do hột giống của Ngài, Ngài thương lớp con nào hơn?

- Này đạo hữu, những con do tôi sanh thì thương nhiều hơn.

Hết kẻ này đến kẻ khác, những kẻ hiếu kỳ luôn luôn tìm gặp Đại đức Soreyya chỉ hỏi bấy nhiêu đó thôi. Đại đức phải lặp đi lặp lại mãi câu trả lời: “Con lọt lòng thì

thương hơn”. Vừa then vừa bực, Đại đức tìm lảng vào chỗ thanh vắng để dễ bề hành đạo.

Nhờ hạnh độc cư, Đại đức Soreyya an tâm, quán sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Sau đó, cũng còn nhiều kẻ đến hỏi Ngài nữa:

- Bạch Đại đức nghe đồn rằng: Ngài đã biến tính như thế, có đúng không?

- Quả có thể, này đạo hữu.

- Vậy trong hai lớp con của Ngài, Ngài thương đứa nào nhiều hơn?

- Ta không còn yêu thương lớp con nào nữa cả.

Chư Tăng nghe được câu hỏi trả lời của Đại đức bèn tố cáo với Đức Bôn Sư:

- Bạch Ngài! Tỳ khuru này đại vọng ngữ, những ngày trước đây ông mới nói: “Con lọt lòng thì thương hơn”. Hôm nay ông lại nói: “Không còn thương con nào hết”. Thế là ông ta dám khoe dối pháp cao nhân, bạch Ngài.

Đức Bôn Sư phán: “Này các Tỳ khuru! Con trai của Ta không khoe dối pháp cao nhân, nhờ chánh niệm chánh chơn, con ta đã kiến đạo, nên từ đó về sau không còn thương mến con nào nữa cả. Thật thế, sự nghiệp là thánh sản mà cả cha lẫn mẹ không thể tạo được cho những chúng sanh này, thì chỉ có nội tâm chơn chánh của họ đã ban bố cho họ mà thôi”.

Để giải rộng luận đề trên, Đức Bôn Sư thuyết pháp thoại và đọc lên kệ rằng:

“Na tam mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare’ti”.

“Chẳng phải do cha mẹ sanh,
Hoặc thân thuộc khác tạo thành mà nên.
Đưa người cao thượng hơn lên,
Chính tâm niệm hướng về bên thiện lành”.



CHÚ GIẢI:

Na tam: Việc ấy không phải do cha hay mẹ hoặc là những bà con họ hàng nào khác làm nên cho họ được.

Sammāpaṇihitaṃ: Đặt đúng trên lộ Thập thiện nghiệp là bổ thí, trì giới, thiền định, tôn kính, phục vụ, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thỉnh pháp, thuyết pháp nói đạo, chánh kiến.

Seyyaso naṃ tato kare’ti: Chính nhờ tâm niệm chánh của họ, làm cho họ trở nên quý báu, cao thượng hơn lên.

Thật thế, cha mẹ có thể đem tài sản truyền lại cho con trai mình, nhưng không thể khiến cho chúng sống hạnh phúc suốt đời được, như song thân bà Visākhā là sở

hữu chủ của một sản nghiệp kinh dinh đồ sộ đường ấy, đã làm cho bà tài sản lớn, mong rằng bà sống suốt đời hạnh phúc, nhưng cũng tùy theo sức mình mà thôi.

Không thể có cha mẹ nào có thể cho con mình cơ đồ của một bậc chuyên luân vương bao trùm bốn châu thiên hạ. Đừng nói chỉ đến tài sản của chư Thiên, hoặc là tài sản của bậc cao nhân là các mức thiền định, hoặc là tài sản siêu thế là các đạo quả. Thế mà, tâm niệm chánh đạo nằm trên đường Thiện nghiệp có thể cho hành giả tất cả những sản nghiệp phi thường ấy, cho nên nói do cái tâm niệm chánh của họ làm cho họ trở nên quý báu cao thượng hơn lên vậy.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thánh chúng đều hưởng lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*Nam mà hóa nữ lại hoàn nam,
Hai gánh gia đình nghề hết ham!
Nghĩa vợ tình chồng thôi đã chán,
Lòng cha, dạ mẹ chỉ thêm nhàm.
Dâm căn nguyện dứt, nương thiền quán,
Giới bổn xin gìn, ngụ thảo am.
Tu Lệ Da đi về Xá Vệ,
Nhờ môn tà quý được siêu phàm.*

DÚT TÍCH ĐẠI ĐỨC SOREYYA



DÚT PHẨM TÂM





43. A well-directed mind does to a person far greater good than one's parents or one's kinsmen.

43. Tâm theo hướng chánh hạnh làm lợi lạc cho mỗi người nhiều hơn cả cha mẹ hay thân quyến nữa.

IV. PHẨM HOA

(PUPPHAVAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 44 – 59

12 tích truyện



IV.1- Tích 500 VỊ TỖ KHUỜ ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI

(*Paṭhavīkathāpasutapañcasatabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 44 – 45)

“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Ko dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati”.

“Ai thông suốt địa đại,
Diêm nhân thiên giới nầy.
Hiếu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyền hoa hay”.

“Sekho paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Sekho dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati”.

“Hữu học thông địa đại,
Diêm nhân thiên giới nầy.
Hiếu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyền hoa hay”.

Hai bài kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattī (Xá Vệ) đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu đang đàm luận về địa đại. Tương truyền rằng: Một buổi chiều, sau khi Đức Thế Tôn vân du nhiều quốc độ. Trở về Jetavana, chư Tăng cùng vào ngồi trong giảng đường đàm luận về địa hình, địa chất, nhắc lại địa phương mình đã lần lượt trải qua “từ làng nọ đến làng kia, đường xá bằng phẳng hay gập ghềnh, lầy lội hay có nhiều sỏi đá, đất màu đen hay màu nâu”.

Đức Bôn Sư ngự vào, phán hỏi: “Này các Tỳ khưu, hôm nay các ông đang ngồi thảo luận việc chi đây?”.

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chúng con đang bàn luận về địa đại, nhắc lại những địa phương chúng con đã trải qua”.

Đức Bôn Sư phán dạy: “Này các Tỳ khưu, các nơi ấy, thuộc về ngoại cảnh địa đại (bāhirappaṭhavī) mà các ông cần nên chỉnh trang hoàn bị”.

Nói rồi, Đức Bôn Sư đọc hai bài kệ sau đây:

“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Ko dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati”.

“Ai người thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.

*Ai như thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành”.*

“Sekho paṭhavim vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Sekho dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati”.

*“Hữu học thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Hữu học, thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạm ngữ **Imaṃ paṭhavim** nghĩa là địa đại này ám chỉ xác thân tứ đại của con người gồm có Danh và Sắc.

Ko vijessati: Ai sẽ thấu triệt, hiểu rành, tự do mình giác ngộ mà biết được rốt ráo, làm cho thấu rõ chân lý.

Yamalokañca: Diêm ma giới, chỉ bốn khổ cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Imaṃ sadevakam: Nhân, thiên giới, chỉ cho cõi người và sáu cõi trời Dục giới là Tứ Đại Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại.

Hai câu kệ đầu nhập lại thành một câu hỏi.

Ko dhammapadam sudesitam: Ai hiểu Pháp Cú khéo giải. Những bài kệ Pháp Cú do chính Đức Bôn Sư đã khéo thuyết giảng chính xác, đúng chân lý, gọi là ba mươi bảy nhân phát sanh quả Bồ đề, ví như những đóa hoa tươi tốt của người thợ khéo làm tràng hoa để tuyển chọn. Ai mà nhận chân được giá trị của chúng, sẽ thu thập, nghiền ngẫm, hiểu cho rốt ráo, làm cho thấu rõ.

Hai câu kệ sau nhập lại cũng thành một câu hỏi.

Sekho (Hữu học): Là bậc đã chứng đắc Thánh quả, nhưng còn đang học tập Tam học là Giới, Định, Tuệ, đầu tiên là Sơ đạo, hay Dự Lưu đạo, hoặc Nhập Lưu đạo. Hành giả chứng đạt bậc này, chỉ còn sanh lại nhiều nhất là bảy lần, trước khi đắc A La Hán đạo. Trong khoảng thời gian xuôi ngược dòng Thánh vực, bậc hữu học luôn luôn trau dồi Giới, Định, Tuệ, xa lìa tam độc, nhất là tham dục, tự mình thắng phục mình, nhận thức chân xác và làm sao cho thấu rõ bản chất tự ngã, không còn mê đắm nữa. Bậc Hữu học như thế, nhất định sẽ chứng nhập Níp Bàn chậm nhất là sau bảy kiếp.

Như người thợ làm tràng hoa, vào vườn hoa chỉ lựa ròng những bông hoa tươi đẹp rực rỡ, loại bỏ những nụ còn non, những cánh hoa héo úa u nần, bị sâu ăn lung lỗ. Bậc Hữu học cũng khéo nhận thức trong kinh Pháp Cú do Đức Bôn Sư đã thuyết giảng, những pháp vi tế thâm sâu là ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ đề mà thâm nhập, lãnh hội, thấu triệt và làm cho thấu rõ.



Đức Bồn Sư nêu ra hai câu hỏi và chính Ngài đã tự giải đáp như trên.

Đến cuối bài kệ năm trăm vị Tỳ khưu đều đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.
Đồ chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Trên bước quan hà khắp đó đây,
Năm trăm Đại đức gắng theo thầy.
Đôi phen lần lướt đường cao sỏi,
Lắm lúc xông pha lộ thấp lầy.
Mặt đất Tỳ khưu xem đã rõ,
Dòng tâm sanh diệt quán chưa hay.
Hồi quang phản chiếu trừ tam độc,
Pháp Cú tri hành, chứng Quả ngay.*

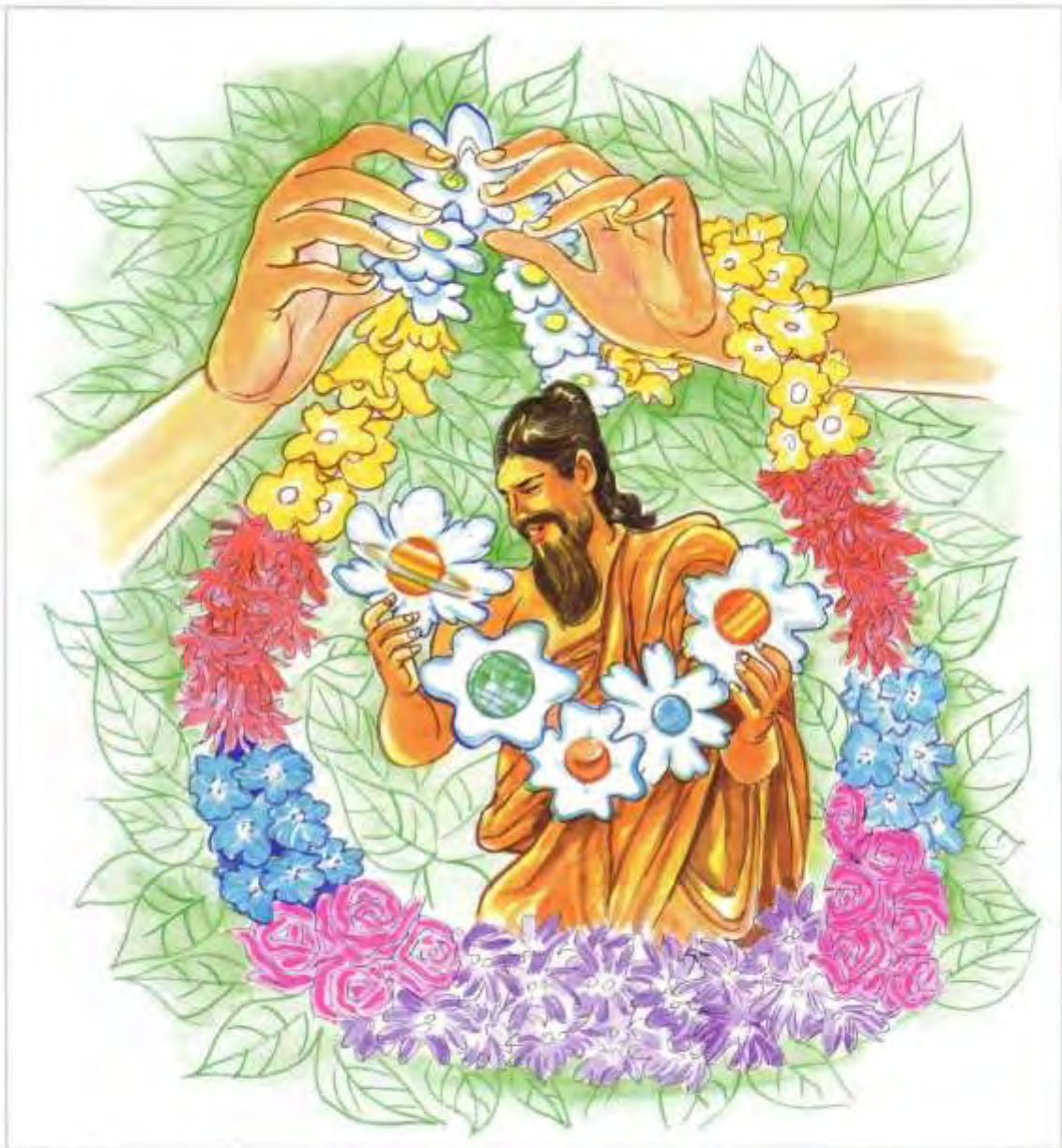
DÚT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỖ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐẠI ĐỊA





44. Who will comprehend this well-taught Dhamma as a garland-maker selects his flowers?

44. Ai sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo giảng này như người làm vòng hoa tuyển chọn hoa?



45. Like a garland-maker, a Learner on the Path will comprehend this well-taught Dhamma.

45. Giống như người làm vòng hoa, vị Hữu học trong Chánh Đạo sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo giảng này.

IV.2- Tích TỖ KHUU QUÁN BÀO ẢNH

(*Marīcikammaṭṭhānikattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 46)

“Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā, Marīcidhammaṃ abhisambudhāno; Chetvāna mārassa papupphakāni, Adassanaṃ maccurājassa gacche”.	<i>“Biết thân như bọt trướng, Giác thân như huyền tượng. Phá vòng hoa Ma quân, Qua khỏi mắt tử thần”.</i>

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattī (Xá Vệ) đề cập đến một vị Tỳ khưu quán bào ảnh.

Tương truyền rằng: Tỳ khưu này sau khi thụ huấn đề mục thiền quán nơi Đức Bôn Sur, bèn đi vào trong một khu rừng nọ, lập tâm: “Ta sẽ hành Sa môn pháp”. Sau một thời gian tinh tấn công phu, không chứng đắc A La Hán, vị Sa môn nghĩ rằng:

- Chắc ta còn thiếu sót, để về xin thầy bổ khuyết.

Đi dọc đường, vị ấy trông thấy ảo ảnh phát sanh lên, bèn tư niệm rằng: “Cũng như ảo ảnh phát hiện trong mùa hè, đứng ở xa trông như là có thật, nhưng đến gần thì chẳng còn hình bóng chi cả. Cái thân ngũ uẩn này, nó cũng sanh diệt hư ảo như thế thôi”.

Vị Sa môn vừa đi vừa chú tâm quán xét đề mục ảo ảnh, đến khi đường xa một mối, vị ấy xuống sông Aciravatī (Bát Cửu) để tắm, tắm xong lên ngồi nghỉ trên bờ, vị ấy nhìn xuống dòng nước đang chảy xiết. Trên mặt nước cuộn cuộn nhiều bọt nước nổi lên rồi tan biến. Vị ấy nghĩ rằng:

- Cái thân ngũ uẩn này nó cũng nổi lên rồi tan biến như bọt nước mà thôi.

Và vị ấy lấy đề tài này làm đề mục tham thiền.

Khi ấy, Đức Bôn Sur đang đứng trong hương thất, Ngài trông thấy vị Tỳ khưu đang ngồi trên bờ sông quán niệm bào ảnh, bèn phán rằng:

- Này Tỳ khưu! Tự ngã này cũng giống như bọt nước, bào ảnh, nó có tính hằng sanh khởi và hoại diệt như thế mãi.

Nói rồi Đức Bôn Sur thuyết lên kệ ngôn:

“Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā, Marīcidhammaṃ abhisambudhāno; Chetvāna mārassa papupphakāni, Adassanaṃ maccurājassa gacche”.	<i>“Biết thân bọt nước đầu gành, Giác thân huyền hóa diệt sanh sự thường. Phá vòng hoa dục Ma vương, Qua mắt thần chết lên đường thoát thân”.</i>



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ này, ***Pheṇūpamaṃ*** nghĩa là ví như bọt nước. Cái nhóm ba mươi hai thể giả hiệp, gọi là xác thân này đây, nó yếu đuối, mong manh, không trường tồn vĩnh viễn, thoát sanh diệt từng sát na một, xét ra không khác chi là bọt nước đầu gành.

Marīcidhammaṃ: Nghĩa là ảo ảnh, phát sanh lên do các chất nóng bốc hơi, mặt trời hè đứng ở xa trông thấy giống như cảnh thật ai cũng phải lầm, nhưng khi đến gần thì thấy trống trơn, chẳng có chi hết. Cái giả thân này nó giống như cái huyễn, tạm bợ, thay đổi từng sát na, xem gần thì nó giống như ảo ảnh vậy.

Abhisambudhāno: Nghĩa là giác ngộ, thông suốt, hiểu rõ.

Mārassa papupphakāni: Là hãy thoát đi, vượt qua khỏi tâm thấy biết, tức là quyền hạn của tử thân, hãy đạt đến vô sanh bất tử là Đại Níp Bàn.



Khi bài kệ chấm dứt, Đại đức chứng A La Hán quả với Tuệ phân tích, bèn thốt lời tán dương ca tụng Kim thân của Đức Bôn Sư. Đoạn đánh lễ Ngài rồi lui gót.



Dịch Giả Căn Đề

*Dòng nước trôi xuôi, bọt nổi phình,
Này thân huyễn hóa kiếp phù sinh...
Trăm năm nhớ lại như tàn mộng,
Một sớm rời đi đã biệt hình.
Tội ác gây nhiều vì ái dục,
Phước lành tạo ít bởi vô minh.
Phải như Đại đức vô rùng rắng,
Gặp Phật tham thiền đắc Quả mình*

DỨT TÍCH TỶ KHUÛ QUÁN BÀO ẢNH





46. Viewing this body as foam and a mirage, one avoids the shafts of death and goes beyond him.

46. Thấy thân này như bọt nước và ảo ảnh, ta tránh khỏi mũi tên của thần chết và vượt qua tầm nhìn của Ma.

IV.3- Tích VIÐŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG)

(Viḍḍabhavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 47)

**“Pupphāni h’eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram;
Suttam gāmaṃ mahogho’va,
Maccu ādāya gacchati”.**

***“Kẻ đang mãi hái hoa,
Tâm còn vọng tưởng xa.
Bị Tử thần bắt mất,
Như làng ngủ bị lụt”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vua Viḍḍabha (Lưu Ly Vương) và đoàn tùy giá viễn chinh, đã chết trôi vì nạn lụt.

Thử ở ba nước láng giềng có ba vị Đông cung Thái tử đồng trang lứa với nhau: Thái tử Pasenadi (Ba Tư Nặc) con vua xứ Kosala (Kiều Tát La), Thái tử Mahāli con dòng Licchavī xứ Vesālī và Thái tử Bandhula con vua Malla xứ Kusinārā.

Ba Thái tử cùng đi du học văn võ với một vị danh sư lừng danh ở thành Takkaṣilā. Ba vị Thái tử gặp gỡ nhau trong một quán trọ ngoại thành. Sau khi hỏi thăm nhau, biết rõ mục đích cuộc hành trình cùng danh tánh tông tích của nhau, họ bèn kết nghĩa đệ huynh, và đồng đến xin nhập môn một lượt. Không bao lâu cả ba vị Thái tử đồng song này văn ôn võ luyện đã đến mức tinh thông thuần thực. Đồng cùng nhau bái tạ Sư trưởng ra đi, ai về xứ nấy.

Trong ba vị, Thái tử Pasenadi được phụ vương đẹp dạ, truyền ngôi cửu ngũ, sau khi thấy Thái tử biểu diễn tài nghệ cho Ngài duyệt lãm.

Thái tử Mahāli thuộc dòng Licchavī, trong lúc biểu diễn vì dùng lực thái quá, nên hai mắt bị nổ. Các vua Licchavī đồng thanh bảo rằng:

- Ôi! Thật chẳng may cho sư phó của chúng ta, Ngài đã bị mù cả đôi mắt, không lẽ chúng ta bỏ ra rơi Ngài, chúng ta phải có bổn phận chăm lo phụng dưỡng Ngài mãi đời mới trọn đạo thầy trò.

Các vua đồng ý tặng cho Thái tử chức Huynh môn quan, quyền trấn một cửa cổng thành, trị giá một trăm ngàn đồng.

Nhậm chức rồi, Thái tử liền nhận năm trăm Thái tử dòng Licchavī đến xin thọ giáo để học tập văn võ.

Thái tử Bandhula về nước Kusinārā để biểu diễn nghệ thuật. Các hoàng tộc dòng Malla đích thân bó tre thành từng bó, mỗi bó là sáu mươi cây, ở giữa mỗi bó lại đem một giáo sắt, đoạn treo nó giữa hư không, hồng mặt đất và thách Thái tử ném cho đứt rơi xuống.

Thái tử bái Tổ xong rồi, cất mình phóng lên hư không cao tám mươi hắc tay. Chân vừa rơi chấm đất, Thái tử hơi gươm chém tới lia lịa, đến bó tre cuối cùng, Thái tử chợt nghe tiếng giáo sắt bị khua chạm lên, bèn hỏi: “cái gì thế?”.

Khi biết được trong sáu mươi bó tre có đẽm giáo sắt, Thái tử ném gươm khóc rằng: “Trong tất cả thân bằng quyến thuộc của ta nơi đây, không một ai thương yêu ta nói cho ta biết trước việc này. Nếu ta biết trước thì ta sẽ chém đứt cả sáu mươi bó tre mà không cho phát lên tiếng khua chạm giáo sắt”.

Thái tử chạy lại thưa với phụ hoàng cùng mẫu hậu rằng:

- Tâu phụ vương và mẫu hậu! Xin hãy tru lục bọn này rồi trị quốc mới yên.

- Này vương nhi! Chiếu theo luật vua phép nước, không thể làm việc ấy được (vì quyền trị quốc chỉ có thể truyền từ lưu tôn mà thôi).

Sau khi nài nỉ song thân nhiều phen không kết quả, Thái tử bèn yêu cầu: “Thế thì phụ hoàng và mẫu hậu cho con sang xứ của bạn con”. Được mẹ cha chuẩn tấu, Thái tử lên đường đến kinh thành Sāvattthī.

Quốc vương Pasenadi nghe tin Thái tử Bandhula ly hương sang nước mình, liền ngự giá ra đến rước bạn ở ngoài thành, rất trọng thể. Về triều giao cho bạn giữ chức Đại Nguyên soái, thống lãnh quân đội hoàng gia. Khi nhận chức rồi, Thái tử phái người thân tín trở về Kusinārā rước cả phụ vương và mẫu hậu về cùng ở chung với mình nơi thành Sāvattthī.

Một hôm, Quốc vương Pasenadi nhìn xuống đường phố khi Ngài đứng trên lầu ngự của mình thấy chư Tỳ khuru lũ lượt vào thành thọ bát nơi nhà các đại thí chủ như ông Anāthapiṇḍika, Cullānāthapiṇḍika, bà Visākhā, nàng Suppavāsā... Quốc vương phán hỏi thị thần:

- Chư Đại đức đi đâu vậy?

- Tâu Bệ hạ! Mỗi ngày có độ hai ngàn vị Tỳ khuru đến nhà ông Anāthapiṇḍika để dự lễ Trai Tăng hoặc thọ thực do thí chủ dâng cúng hợp pháp đến chư Tăng, rút thăm hoặc là chư Tỳ khuru bình đẳng hạn. Nơi nhà của Trưởng giả Cullānāthapiṇḍika có khoảng năm trăm vị đến thọ thực thường xuyên, nơi nhà của bà Visākhā và bà Suppavāsā cũng như thế.

Nghe xong, đức vua phát tâm muốn làm người hộ Tăng, bèn ngự giá đến Tịnh xá Jetavana cung thỉnh Đức Bôn Sư với một ngàn vị Tỳ khuru vào hoàng cung thọ thực.

Quốc vương đích thân đứng ra trông coi việc đặt bát cúng dường trọn cả bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, đức vua đánh lễ Đức Bôn Sư và yêu cầu:

- Bạch Ngài! Quả nhân xin thỉnh Ngài cùng năm trăm vị Tỳ khuru thường xuyên thọ thực nơi Hoàng cung.

- Tâu đại vương! Chư Phật không bao giờ thọ thực thường xuyên một nơi, vì còn nhiều chúng sanh chờ đợi các Ngài ngự đến.

- Nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ khuru nào đó có thể đến hằng ngày.

Đức Thế Tôn giao phận sự này cho Đại đức Ānanda. Trong bảy ngày đầu, khi chư Tăng đến Quốc vương đích thân ngự ra rước bát, đứng trông nom chỉ bảo cho nội thần quyến thuộc hộ độ các Ngài rất chu đáo.

Đến ngày thứ tám, Quốc vương vì long thể bất an, nên xao lãng phân sự hộ độ chư Tăng, chư Tăng vào hoàng cung, không ai soạn sẵn chỗ ngồi, thỉnh các Ngài an tọa và dâng cúng thực phẩm đến tay các Ngài. Chư Tăng bàn với nhau rằng:

- Trong hoàng cung vì thừa hành lệnh của đức vua, nên không ai dám tự chuyên, đứng ra mời chư Tăng ngồi và phục dịch cả.

Vắng mặt Quốc vương, chắc chúng ta không thể nào đến đây lâu được.

Thế là nhiều vị bỏ ra đi.

Qua những ngày sau, Quốc vương cũng vẫn chênh mảng như thế, nhiều vị Tỳ khuru khác lại bỏ ra đi.

Qua những ngày sau đó, tình trạng cũng chẳng lấy làm khả quan hơn, thế là tất cả năm trăm Tỳ khuru đều lần lượt ra đi cả. Chỉ còn lại một mình Đại đức Ānanda (những bậc đại phúc đức bao giờ cũng đầy đủ uy tín, giữ đức tin trong sạch của hàng tại gia cư sĩ. Đệ tử của Đức Như Lai trong hàng xuất gia có Đại đức Sāriputta, Đại đức Moggallāna là hai Thượng Thỉnh Văn, Tỳ khuru Ni Khemā (An Bình), Tỳ khuru Ni Uppalavaṇṇā là hai nữ Thượng Thỉnh Văn, trong hàng tại gia cư sĩ thì có Trưởng giả Citta, Dạ xoa Āḷavaka là hai Thượng Thỉnh Văn thiện nam, về tín nữ thì có nàng Velukaṇṭakī Nandamātā và nàng Khujjuttarā là hai nữ Thượng Thỉnh Văn tín nữ. Tám vị này đáng được liệt kê ở hàng đầu trong tứ chúng. Ngoài ra tất cả các vị Thỉnh Văn ở các quốc độ, hễ đã hoàn thành thập độ rồi cũng đều là những bậc Đại phúc đức viên mãn hạnh nguyện hết. Đại đức Ānanda, Ngài đã trải qua một trăm ngàn đại kiếp, hoàn thành đủ pháp độ Ba la mật (Pāramī), hạnh nguyện đã viên mãn, Ngài có đầy đủ uy tín, giữ vững đức tin của hàng tại gia cư sĩ, một mình Ngài được hoàng tộc thỉnh mời ngồi và dâng cúng đàng hoàng tử tế. Sau khi chư Tăng ra về, Quốc vương ngự vào trai đường, trông thấy thực phẩm loại cứng loại mềm còn nguyên trên bàn, bèn phán hỏi nội thị rằng:

- Chư Đại đức không đến thọ bát hay sao?

- Tâu bệ hạ chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến mà thôi.

Quốc vương nghe tâu, buồn giận chư Tỳ khuru, nghĩ rằng:

- Các Ngài đã cắt đứt con đường thiện duyên của trăm rồi.

Quốc vương ngự đến bái kiến Đức Bôn Sur và bạch rằng:

- Bạch Ngài quả nhân đã chuẩn bị cả năm trăm cỗ phần để sót bát cúng dường chư Tăng, mà nghe rằng: Chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến thọ thực... Số thực phẩm dọn ra mà còn y nguyên. Năm trăm vị Tỳ khuru không thấy vào hoàng cung, không biết vì lý do nào?

Đức Bôn Sur không quở trách chư Tỳ khuru, Ngài chỉ vỗ về đức vua Pasenadi rằng:

- Tâu đại vương! Chắc là chư Thỉnh Văn của Như Lai không có tình thân mật với đại vương, cho nên không đi vào cung nội.

Kể đó, Đức Bôn Sur kêu gọi chư Tăng vào và giảng dạy những trường hợp nào chư Tăng không đến thọ thực nơi nhà thí chủ và những trường hợp nào nên đến. Đoạn Ngài kết thúc bằng bài kinh này:

“Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulam anupagantvā ca nālam upagantum upagantvā ca nālam upanīṣīditum. Katamehi navahi? Na manāpena paccutthenti, na manāpena abhivādenti, manāpena asanam denti, santamassa pariguyhanti, bahukamhi thokam denti, paṇītamhi lūkham denti, asakkaccaṃ denti, no sakkaccaṃ, na upanīṣīdanti dhammassavanāya, bhāsantassa na rañjiyanti. Imehi kho bhikkhave navahi aṅgehi samannāgataṃ kulam anupagantvā ca nālam upagantum upagantvā ca nālam upanīṣīditum”. Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulam anupagantvā ca alam upagantum apagantvā vā alam upanīṣīditum”.

“Này các Tỳ khuru, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến. Hoặc không nên ngồi nếu đã đến đó. Thế nào là chín?”

1. Họ không hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
2. Họ không hoan hỷ đánh lễ.
3. Họ không hoan hỷ mời ngồi.
4. Có vật dụng mà họ giấu.
5. Có nhiều mà họ dâng ít.
6. Có đồ ngon mà họ dâng đồ dở.
7. Họ dâng bằng cách không cung kính.
8. Họ không giữ lễ, không ngồi gần.
9. Họ không thỏa thích trong khi nghe nói pháp giảng đạo.

Này các Tỳ khuru, chín điều này gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến, hoặc không nên ngồi nếu đã đến rồi.

Này các Tỳ khuru, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì chư Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nơi đó nếu đã đến rồi. Thế nào là chín?

1. Hoan hỷ mời ngồi.
2. Họ hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
3. Họ hoan hỷ đánh lễ.
4. Có vật dụng họ không giấu.
5. Có nhiều mà họ dâng nhiều.
6. Có đồ ngon mà họ dâng đồ ngon.
7. Họ dâng bằng cách cung kính.
8. Họ giữ lễ phép, ngồi gần.
9. Họ thỏa thích nghe pháp, nói đạo.

Này các Tỳ khưu, chín điều này, gia tộc nào mà hợp đủ thì Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nếu đã đến rồi”.

Đức bài kinh, Đức Thế Tôn lại tiếp chuyện với nhà vua:

- Tâu đại vương! Chắc là các Thỉnh Văn của Như Lai không tìm được thân mật nơi đại vương, cho nên mới không đi vào ngự như vậy. Quả thật, bậc hiền trí ngày xưa, cho dầu được hộ độ chu đáo, nhưng ở chỗ thiếu tình thân mật cũng đã thọ khổ gần chết được, đến nỗi phải ra đi trở về nơi có tình thân mật.

- Bạch Ngài, vào thời nào vậy?

Đức Thế Tôn liền thuật lại tiền tích rằng:

Thuở xưa, dưới triều đại vua Brahmadatta, đóng đô tại thành Bārāṇasī. Có một quốc vương là Kesava (Quyền Phát) đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi xuất gia làm đạo sĩ, năm trăm tùy tướng cũng xuất gia theo làm môn đệ của Kesava, người thợ cạo của đức vua cũng xuất gia làm thị giả của đạo sĩ, có tên là Kappaka (Lý Phát).

Đạo sĩ Kesava cùng với những môn sinh tu ở miền Tuyết Sơn (Himavanta) trong tám tháng nắng ráo. Đến mùa mưa, đạo nhân dắt đoàn đạo sĩ môn đệ ra đi đến thành Bārāṇasī, khát thực trong kinh thành.

Khi ấy, vua Brahmadatta trông thấy đạo sĩ Kesava thì phát tâm trong sạch. Thỉnh được đạo nhân nhận lời an cư bốn tháng trong hoàng thành, đức vua cho người sửa sang vườn ngự uyển để đạo nhân lưu trú. Mỗi ngày hai lượt, sáng và chiều đức vua ngự đến lo việc hộ độ các đạo nhân.

Ở được vài ba ngày, các đạo sĩ đệ tử điếc tai vì các tiếng voi, ngựa hí, chịu không nổi nên xin thầy cho mình rút lui. Đạo nhân hỏi:

- Chư hiền đồ sẽ đi về đâu?

- Bạch Sư phụ, chúng con về núi Tuyết Sơn.

- Này chư hiền đồ, ngày mới đến đây ta đã nhận lời của Quốc vương ở trú an cư nơi này bốn tháng, sao chư hiền đồ lại tính bỏ ra đi?

- Bạch Sư phụ, tại vì Sư phụ nhận lời mà không cho chúng con hay biết. Nơi đây, chúng con không thể ở lại đây, xin cho chúng con kiếm chỗ ở gần nơi đây, hầu có thể nghe ngóng tin tức của Sư phụ.

Nói rồi, cả đoàn đệ tử đánh lễ từ biệt Kesava đạo nhân. Chỉ còn lại mình đạo sĩ Kappaka là vị thị giả ở lại hầu thầy mà thôi.

Khi đến hộ độ các đạo nhân, Quốc vương hỏi:

- Chư đạo sĩ đi đâu hết rồi?

- Tâu đại vương, chư hiền đồ bất mãn nên đã xin trở về núi Tuyết Sơn cả rồi.

Không bao lâu, đạo sĩ Kappaka cũng không thể kham nhẫn, bèn tỏ thật với thầy: “Bạch Sư phụ, con cũng không thể cố gắng ở lại đây lâu hơn nữa được”.

Sau khi xin phép nhiều lần, vị thị giả được đạo nhân Kesava bằng lòng cho đi về Tuyết Lãnh Sơn nhập chung với các bạn đồng tu, ở một nơi cách đó không bao xa để có thể nghe ngóng tin tức Sư phụ được dễ dàng.

Thời gian sau, đạo sĩ Kesava sanh chứng đau bụng vì nổi nhớ nhung các đệ tử thân yêu. Quốc vương khiến ngự y đến điều trị, nhưng bệnh tình không thuyên giảm chút nào cả.

Đạo nhân thấy đức vua ân cần săn sóc, bèn hỏi:

- Tâu đại vương! Có thật đại vương muốn tôi khỏi bệnh chẳng?

- Bạch Ngài! Nếu quả nhân có cách nào làm cho Ngài mau bình phục thì quả nhân sẽ thi hành ngay.

- Tâu đại vương! Nếu đại vương muốn cho tôi mau lành bệnh được yên lành, thì đại vương cho người đưa tôi về với các môn sinh.

- Bạch Ngài, được lắm.

Quốc vương truyền lệnh cho nội thị đặt đạo nhân nằm trên một chiếc giường, rồi khiến bốn vị đại thần, có quan Nārada lãnh đạo, đưa đạo nhân đi với lời ủy thác: “Chư khanh đi đến nơi rồi hãy lưu lại, chờ xem bao giờ đạo trưởng bình phục sức khỏe thì báo cho trăm biết”.

Thị giả Kappala nghe tin Sư phụ đã về, lật đật ra đi tiếp đón. Đạo nhân hỏi: “Còn các hiền đồ khác ở đâu?”.

Đạo sĩ kappala đáp: “Bạch Sư phụ, nghe nói các sư huynh sư đệ của con ở tại nơi đó”.

Các đạo sĩ môn đệ hay tin thầy trở về, cũng đều quy tụ lại đông đủ, chung lo chăm sóc đạo nhân, như dâng nước nóng, các thứ cái cây rừng và thực phẩm khác.

Chỉ trong chốc lát, đạo nhân khỏi bệnh và vài ba ngày sau da dẻ đã sáng ánh như vàng ròng. Khi ấy đại thần Nārada hỏi đạo nhân:

“Manussindam jahitvāna,
Sabbakāmasamiddhinam;
Kathannu bhagavā kesi,
Kappassa ramasi assameti”.

*“Chốn thảo am đủ mùi dục lạc,
Sao Thế Tôn Quyền Phát bỏ đi.
Thảo am Lý Phát có chi,
Mà Ngài lưu luyến làm gì cho cam?”.*

“Sādūni ramanīyāni,
Santi rukkhā manoramā;
Subhāsītāni kappassa,
Nārada ramayanti manti”.

*“Nārada này, chốn thảo am,
Là nơi ta thích, không nhàm chán đâu.*

*Cỏ cây đẹp mắt rừng sâu,
Có tri Lý Phát bạn bầu sớm hôm”.*

“Sālīnaṃ odanaṃ bhutvā,
Sucimaṃsūpasecanaṃ;
Kathaṃ sāmākanivārā,
Alonā sādayanti tanti”.

*“Cơm Sà Li thơm ngon trộn thịt,
Ngài quen dùng thỏa thích sẵn sàng.
Sá chi kê lạt tôi tàn,
Mà Ngài lưu luyến buộc ràng nơi đây?”.*

“Asādum yadi vā sādum,
Appaṃ vā yadi vā bahuṃ;
Vissatṭho yattha bhuñjeyya,
Vissāsaparamā rasāti”.

*“Dầu ngon dầu dở trời thay,
Dầu nhiều dầu ít, dạ này chẳng lo.
Chung vui bạn lữ thầy trò,
Ăn sao cũng được, miễn cho thâm tình”.*

Thuyết dứt tích bốn sanh này, Đức Bốn Sur dẫn giải rằng:

- Quốc vương thời ấy nay là Moggallāna, Nārada nay là Sārīputta, thị giả Kappaka nay là Ānanda và đạo sĩ Kesava chính là đấng Như Lai vậy.

Đức Bốn Sur nói tiếp: “Tâu đại vương, những bậc hiền trí thời xưa đã từng thọ khổ gần đến mạng chung, chỉ vì thiếu tình thân mật như thế đó. Các Thịnh Vãn của Như Lai, sở dĩ không vào hoàng cung cũng bởi vì không được thân mật với đại vương vậy”.

Quốc vương Pasenadi suy nghĩ: “Bây giờ quả nhân phải làm sao để cho Tăng chúng thân thiện với quả nhân đây? À quả nhân nên cầu hôn với hoàng tộc Thích Ca là quyền thuộc của Đức Chánh Biến Tri, được như vậy các Tỳ khưu và Sa di sẽ thấy quả nhân là quyền thuộc của Đấng Chánh Biến Tri, ắt hẳn sẽ thân thiện với quả nhân và sẽ lui tới trong đền ngự”.

Nghĩ vậy, Quốc vương phái sứ giả sang cầu hôn với dòng Thích Ca: “Khanh hãy đại diện cho trẫm, qua nạp sính lễ cầu hôn, xin cưới một Công chúa thuộc huyết thống Thích Ca rồi trở về đây phục lệnh”.

Sứ thần lãnh mạng ra đi cầu hôn với dòng họ Thích. Tại thành Kapilavatthu, tất cả những vị tai mắt, đại diện cho hoàng tộc Thích Ca, đều được các Quốc vương triệu thỉnh nhóm đại hội dòng tộc biểu, để tham khảo ý kiến. Ai cũng cho rằng: “Vua Pasenadi không phải là dòng môn đẳng hộ đối, dòng huyết thống ngang với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không nhận gả con cho y, thì y sẽ dấy động can qua, hưng binh đánh chiếm nước ta chẳng sai. Vậy ta nên làm gì bây giờ?”.

Đức vua Mahānāma (Đại Danh) bèn đề nghị rằng:

- Đưa con gái, tức thế nữ của trăm, tên là Vāsabhakhattiya, có nhan sắc tuyệt đẹp, ta hãy đem gả cho vua ấy.

Giải pháp này được hoàng tộc Thích Ca chấp nhận. Đức vua bèn đáp lời cùng sứ giả: “Quả nhân vui lòng gả Công chúa cho Quốc vương”.

Sứ giả tâu rằng: “Công chúa ấy là con vị vua nào?”.

- Công chúa là con gái của đức vua Mahānāma, là biểu đệ của Đức Chánh Biến Tri, mỹ hiệu là Vāsabhakhattiya.

Sứ thần về nước mang tin mừng này tâu lên vua Pasenadi. Đức vua phán: “Nếu vậy thì tốt lắm, khanh hãy qua nghênh đón công chúa về đây cho mau. Nhưng hãy nên cẩn thận đề phòng, dòng Sát Đế Ly Thích Ca thường man trá. Sợ e đem con gái của bọn phi tần đây. Khanh hãy nài cho được thấy Công chúa dùng cơm chung một mâm với phụ vương trong bữa ăn tiệc tiền hành cho chắc ý, rồi sẽ rước về”.

Các sứ thần mai dong tuân lệnh vua Pasenadi ra đi, gặp vua Mahānāma thì tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Quốc vương của tôi muốn cho Công chúa được ngồi dùng cơm chung với Ngài trong bữa tiệc tiền hành.

- Tốt lắm, này chư hiền sĩ.

Đoạn Quốc vương Mahānāma khiến Công chúa trang điểm hoàn bị, đến giờ ngự thiện thì dùng chung mâm với đức vua cho sứ thần trông thấy. Xong bữa, đức vua chuyển giao Công chúa cho sứ giả hộ giá vu quy.

Đưa dâu về đến thành Sāvattthī, các sứ giả tâu với Quốc vương các việc mình đã mục kích tận tường. Quốc vương cả đẹp bèn phong cho Công chúa làm Chánh hậu, cửơng quản một nhóm năm trăm cung phi.

Không bao lâu sau, chánh hậu hạ sanh được một hoàng nam, màu da sáng chói như vàng ròng, đến ngày lễ đặt tên cho hoàng tử, Quốc vương phán quan nội giám đến thỉnh ý hoàng Thái hậu.

- Công chúa Vāsabhakhattiya dòng Thích Ca, là chánh cung hoàng hậu vừa mới hạ sanh hoàng tử, Tổ mẫu ưng đặt tên gì cho cháu nội?

Quan Thái giám lãnh lệnh của Quốc vương là người có tật lẳng tai, khi đến tư cung của hoàng Thái hậu, ông trình bày sứ mạng của ông xong, Thái hậu đáp rằng:

- Thái tử là con của hoàng hậu Vāsabhakhattiya, lúc chưa sanh cũng đã thu phục được lòng người rồi. Bây giờ đây chắc hẳn là được quốc vương sủng ái vô cùng vậy?

Viên nội giám lẳng tai, nghe lầm tiếng Vallabha (Đắc Sủng) thành ra tiếng Viḍḍabha (Lưu Ly), rồi in trí như thế, nên trở về tâu với Quốc vương:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ đặt Thái tử tên là Viḍḍabha.

Quốc vương nghĩ thầm: “Chắc đây là một tên rất xưa trong hoàng tộc trăm”. Nghe theo lời của viên nội giám lẳng tai, Quốc vương đặt tên cho Thái tử là Viḍḍabha.

Ngay từ khi thái tử còn ở tuổi thiếu niên, quốc vương muốn lấy lòng Đức Bôn Su, đã phong thái tử làm chức Hàm đô thống đại nguyên soái.

Lúc mới bảy tuổi, thái tử Viḍḍabha trông thấy các vương tôn hoàng tử đồng tuế được ngoại tổ gọi cho đồ chơi như hình voi, hình ngựa hoặc thú này thú nọ, thì hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi! Sao mấy hoàng nam khác có ngoại tổ gọi đồ chơi đủ thứ, còn con không có ai gọi tặng món chi hết vậy? Bộ con không có ngoại tổ phụ mẫu hay sao?

Chánh hậu đáp rằng: “Này vương nhi con! Ngoại tổ của con là dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, cho nên không gọi quà tặng cho con được”.

Đến khi được mười sáu tuổi, thái tử Viḍḍabha lại thưa với mẹ:

- Tâu mẫu hậu! Con muốn được về thăm dòng họ bên ngoại.

Chánh hậu gạt ngang, bảo rằng:

- Thôi vương nhi! Con về bên ấy mà làm gì?

Thái tử cứ theo mẹ mà van xin mãi. Sau cùng Chánh hậu phải chịu theo: “Vương nhi muốn đi thì con cứ đi”.

Chánh hậu Vāsabhakhattiya khiến người mang thư đi trước thái tử về báo tin cho vua Mahānāma hay, nói rằng: “Con ở đây vẫn bình yên, xin hoàng tộc Thích Ca đừng lộ vẻ gì khác với chồng con, đừng cho thái tử cùng quan hệ giá trông thấy”.

Hoàng tộc Thích Ca hay tin thái tử Viḍḍabha sắp đến Kapilavatthu, thì thương nghị cùng nhau và quyết định rằng:

- Không thể để cho con cháu chúng ta đánh lễ, chào đón nó.

Thế là bao nhiêu hoàng tôn, thái tử nhỏ tuổi hơn thái tử Viḍḍabha đều được gọi về miền quê đổi gió. Các vị lớn tuổi ở lại tập trung nơi tòa khách thánh trong thành Kapilavatthu.

Thái tử Viḍḍabha được đưa vào thành, khi đứng trước các vị ấy, họ tự giới thiệu rằng: “Này vương nhi, đây là ngoại tổ của con. Đây là cử phụ của con”.

Thái tử đánh lễ ra mắt tất cả mọi người xong, không thấy có ai đánh lễ lại mình, thì hỏi rằng:

- Sao không ai đánh lễ con hết vậy?

Quyên thuộc Thích Ca trả lời rằng:

- Này vương nhi! Các thái tử hoàng tôn tuổi nhỏ hơn con mắc về quê cả rồi.

Và họ sắp đặt tiệc đãi đằng hoàng tử Viḍḍabha rất trọng hậu. Thái tử lưu lại Kapilavatthu vài ba hôm chơi, rồi tạ từ dòng họ Thích Ca lên đường về xứ.

Khi ấy, các cung nữ đến dọn dẹp quét tước ngôi khách thánh, lấy sữa tươi rửa cảm đôn, nơi mà hoàng tử Viḍḍabha đã ngồi, vừa rửa vừa mắng rằng: “Đây là chỗ ngồi của con trai cung nữ Vāsabhakhattiya”. Bất ngờ thay, có một viên tùy tướng của thái tử bỏ quên khí giới, nên trở lại khách thánh lấy, y nghe được những lời này, bèn

gạn hỏi rõ nguyên nhân, mới biết rằng: “Chánh hậu Vāsabhakhattiya tuy là con của đức vua Mahānāma dòng Thích Ca, nhưng mẹ nàng lại là một cung nữ”.

Viên tùy tướng đem chuyện này thuật lại cho quân sĩ nghe. Thế là, trong sĩ tốt có tiếng xôn xao, đồn rằng: “Bà Vāsabhakhattiya là con gái của một cung nữ”. Thái tử Vidūḍabha nghe rõ câu chuyện, chàng căm tức dòng họ Thích Ca, thề rằng: “Mặc cho bọn nó giỏi lấy sữa tươi mà rửa chỗ ngồi của ta, khi nào lên làm vua ta sẽ lấy máu cổ họng chúng nó mà rửa lại chỗ ấy”.

Khi thái tử về đến thành Sāvattthī, các quan tùy giả thuật lại sự tích ấy do cung nữ Kapilā (Vệ Kim Thành) đã thổ lộ, nguồn gốc của chánh hậu lên đức vua Pasenadi. Quốc vương rất căm thù dòng họ Thích Ca, nghĩ rằng: “Bọn này đã mạo muội gả con gái cung nhân cho trẫm”.

Quốc vương hạ lệnh tước đoạt phẩm vị của Chánh cung hoàng hậu và Đông cung thái tử, biếm xuống làm cung nhân.

Cách mấy hôm sau, Đức Bôn Sur ngự vào hoàng cung, an ngự vào chỗ ngồi soạn sẵn, quốc vương bèn đánh lễ Ngài và bạch rằng: “Bạch Ngài, quả nhân xin cho Ngài hay biết các quyền thuộc của Ngài đã mạo hôn, gả con gái cung nữ cho quả nhân, vì vậy, cho nên quả nhân đã tước hết phẩm vị Chánh hậu và Đông cung thái tử, cho làm cung nhân, nô tỳ vì phận vị ấy hợp với họ”.

Đức Bôn Sur phán rằng: “Tâu đại vương, việc này rất oan uổng cho họ, Chánh hậu đã được dòng Thích Ca nhìn nhận ngang hàng mới đem gả cho đại vương. Như Lai xác nhận việc này. Đại vương, mẫu hệ không nghĩa lý gì, chỉ có phụ hệ là đáng kể mà thôi.

Như bậc hiền trí xưa đã phong cho một thiếu nữ bản hàn đi mót củi khô lên làm chánh hậu, thái tử do nàng ấy sanh ra về sau lãnh tụ, là vị chúa tể thống trị cả quốc độ Bārāṇasī rộng đến mười hai do tuần, có danh hiệu là Kaṭṭhavāhanarāja (Tiêu Phu Vương).

Nhân dịp này, Đức Bôn Sur thuật tích Bôn Sanh Nữ tiêu phu (Kaṭṭhahāriyajātaka).

Quốc vương Pasenadi nghe pháp rồi, công nhận chỉ có phụ hệ là đáng kể nên phát tâm hoan hỷ, bèn truyền lệnh ân xá chánh hậu và thái tử, cho phục hồi cựu vị.

Nói về đô thống tướng quân Bandhula kết hôn với Công chúa Mallikā (Mạt Ly), là con vua xứ Malla, đã lâu ngày không có con. Gia tộc Bandhula kết tội nàng là “vô hậu”, nên đuổi Công chúa trở về cố quốc. Công chúa định đến bái biệt Đức Bôn Sur rồi sẽ lên đường. Vào Tịnh xá Jetavana, Công chúa đánh lễ Đức Như Lai rồi đứng qua một bên. Đức Bôn Sur phán hỏi:

- Con đi đâu đây?
- Bạch Ngài, con trở về sanh quán.
- Tại sao vậy?
- Bạch Ngài, vì con hiềm muộn, chồng con kết tội vô hậu, nên đuổi về xứ.
- Nếu thế thì con khỏi cần đi về quê, con hãy trở lại nhà chồng.

Công chúa mừng rỡ, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi trở gót về nhà Thống soái Bandhula, Bandhula hỏi rằng:

- Tại sao nàng trở lại?
- Đức Thập Lực bảo thiếp trở lại.

Đại Tướng quân Bandhula bằng lòng cho vợ ở lại và nghĩ: “Chắc Đức Thập Lực tiên tri, thấy được vị lai. Thôi ta hãy ráng chờ xem”.

Quả thật, chẳng bao lâu Công chúa thọ thai, sanh chứng ốm nghén, thèm khát không chịu đựng được, bèn tỏ thật cùng chồng. Tướng quân Bandhula hỏi: “Nàng thèm món chi?”.

- Thưa tướng quân, tại kinh đô Vesālī, trong ngự uyển của vương tộc Licchavī, có hồ sen mà họ dành dùng làm lễ tôn vương. Thiếp thèm tắm rửa và uống nước trong hồ ấy.

Tướng quân Bandhula nói: “Được.” Đoạn Đại tướng lấy chiếc cung thần có sức mạnh gấp ngàn lần cung nỏ thường đeo lên vai. Gióng xe ra khỏi thành Sāvattthī, nhắm ngay thành Vesālī tiến tới và đột nhập vào thành Vesālī, do cửa của Thái tử Mahāli trấn giữ. Tư dinh của Thái tử Mahāli gần cửa kinh thành, Mahāli nhủ thầm: “Đây là tiếng xe của Tướng quân Bandhula. Hôm nay chắc các vua dòng Licchavī phải kinh tâm tán đờm”.

Các hồ cấm có hộ vệ quân trấn giữ, phòng thủ trong ngoài cẩn mật. Trên mặt hồ có lưới nhặt mắt, bao phủ kín mít một con chim nhỏ chui qua cũng không lọt.

Thế mà, Đô thống tướng Bandhula xuống xe tuốt gươm đánh đuổi lực lượng phòng vệ thật mau lẹ, chém đứt lưới đồng bao phủ mặt hồ, dìu vợ xuống tắm dưới hồ. Khi Công chúa tắm xong và uống nước thỏa mãn rồi, Tướng quân cũng tự mình xuống tắm.

Xong rồi, Đại tướng lái xe vượt qua khỏi thành Vesālī lên đường trở về bản quốc.

Quân lính giữ ao hồ báo tin cho các vua Licchavī, các vua nổi giận, thẳng năm trăm cỗ chiến xa, tức tốc dẫn binh xông ra khỏi thành, quyết theo bắt cho được Bandhula và Mallikā.

Các vua ghé vào dinh của Mahāli để cho biết ý định thì Thái tử can rằng: “Thôi chư vương, đừng đuổi theo. Bandhula sẽ giết sạch chư vương, không sót một mạng”.

Các vua đồng thanh nói:

- Dầu sao chúng tôi cũng sẽ rượt theo hấn.

Mahāli dặn rằng: “Nếu vậy, chư vương nên lưu ý đề phòng. Hễ khi nào trông thấy bánh chiến xa của y lún xuống tới bùn thì nên thu quân trở lại. Nếu không, khi chư vương tiến tới mà nghe tiếng nổ vang như sấm, lúc ấy nên lui binh, bằng không chư vương sẽ thấy các đầu chiến xa của mình đứt đoạn nát tan. Đến đây, chư vương không nên liều lĩnh tiến xa hơn nữa mà nguy đến tánh mạng”.

Các vua Licchavī bắt chấp lời khuyên ngăn của Thái tử Mahāli, đem hết toàn lực đuổi theo Bandhula tướng quân. Công chúa Mallikā nhìn lại phía sau lưng, thấy bụi bay mù mịt, nàng nói với chồng: “Thưa phu tướng, hình như có nhiều chiến xa đuổi theo chúng ta”.

- Nếu vậy, nàng hãy nhìn cho kỹ, chừng nào thấy chiếc xe đầu tiên rõ rệt thì hãy bảo ta.

Khi thấy tất cả đoàn xe hiện ra như một chiếc xe giữa đám bụi mù. Công chúa Mallikā bảo chồng:

- Thưa phu tướng, giờ thiếp thấy rõ như một cái đầu xe.

Tướng quân Bandhula trao dây cương ngựa qua cho vợ, dặn rằng: “Nếu vậy, nàng hãy cầm giữ dây cương này, lái xe cho đi thẳng đường, để một mình ta đối phó với họ”.

Nói rồi Bandhula lấy thế đứng vững trên xe, lấp sẵn tên vào chiếc cung thần.

Khi thấy chiếc chiến xa của tướng Bandhula bị lún bánh xuống tới bùn, các vua thấy vậy cũng chẳng lui bước. Tướng quân Bandhula cho xe mình đi một quãng đường ngắn rồi giơ tay búng dây cung thần, một tiếng nổ vang trời vang lên như tiếng sấm. Các vua Licchavī nghe vậy cũng chẳng nao núng mà còn đuổi theo rất gấp. Bandhula đứng trên xe bắn mũi tên, mũi tên ấy đâm lủng đầu năm trăm cỗ chiến xa địch, xuyên qua mình năm trăm vua Licchavī ngay chỗ dây ngọc đá, rồi cắm phập xuống đất; các vua Licchavī không hay rằng mình đã trúng tên địch, hăng hái xông tới hét lớn: “Tiểu tốt vô danh, có giỏi thì đứng đó đừng chạy”.

Bandhula dừng xe lại, đợi các vua Licchavī đến gần mắng rằng: “Đồ chết bắn, ta không thèm giao chiến với những xác chết đâu”.

Các vua Licchavī bảo: “Người hãy xem cho kỹ, chúng ta không phải là những xác chết”.

Bandhula nói: “Tất cả các người đồng chung số phận, các người hãy cởi mở ngọc đá của tên thủ lãnh ra xem”.

Các vua Licchavī vừa mở dây ngọc đá của tên thủ lãnh thì vị này ngã xuống chết.

- Tất cả các người đều đồng chung số phận với tên đầu lãnh, mỗi người hãy trở về nhà sắp đặt việc hậu sự, từ giã vợ con quyến thuộc, rồi hãy cởi bỏ khôi giáp.

Bandhula đưa Công chúa Mallikā về thành Sāvattthī. Từ đó về sau, Công chúa sanh mười sáu lần sanh đôi con trai. Tất cả đều là những tay vũ dũng, có đóm lược anh hùng, đến tuổi trưởng thành đều am tường lược thao tam lược, mỗi chàng đều có ngàn sĩ tốt bộ hạ. Mỗi lần Bandhula tướng quân về triều yết kiến quốc vương, các công tử và bộ hạ đi theo vào đứng chật cả sân rồng trong đền ngự.

Một hôm, các quan tòa xử án, nhiều người vì bị xử hiếp trong một vụ kiện, trông thấy tướng quân Bandhula đi tới, la ó lên, phản đối các thẩm phán thiên vị và cậy nhờ tướng quân can thiệp. Bandhula tướng quân vào đến giữa tòa, minh xét lại bản án, làm

cho rõ ngay gian và giúp cho người sở hữu chủ được thắng kiện. Quần chúng dự thính hoan hô vang dậy.

Quốc vương nghe tiếng reo hò phán hỏi thị thần: “Chuyện chi thế?”. Khi biết rõ nguyên do, Quốc vương rất hài lòng, giáng chức các quan tòa cũ và bổ nhậm Bandhula cầm đầu Tam pháp y. Từ ngày nhậm chức mới, Bandhula xử đoán rất công minh. Các vị tài phán bị cách chức, mất cả danh lợi đem ra thù ghét Bandhula, nên kiếm chuyện đâm thọc với hoàng thân quốc thích, tuyên truyền rằng: “Bandhula âm mưu tạo phản”.

Quốc vương nghe các quyền thuộc tâu vào tâu ra mãi, cũng mắc kế của bọn gian thần, sanh tâm nghi ngờ người bạn cố tri, muốn tru lục cha con Bandhula để trừ hậu hoạn.

- Nếu trăm ra lệnh hành quyết ngay tại nơi đây, ắt là mang tiếng người đòi chê trách.

Quốc vương liền mật sai những tướng quân tâm phúc giả làm quân phiến loạn, đánh phá nơi biên thùy. Đoạn triệu tướng Bandhula vào triều phán rằng:

- Có tin biên thùy đầy loạn, trăm phú cho hiền đệ và các hiền đệ đi tiêu trừ và bắt cho được bọn cướp thảo khấu ấy.

Tướng quân lãnh mạng ra đi, không ngờ Quốc vương ngầm sai những tướng tài khác đi kèm theo với mấy cha con, với lệnh truyền rằng: “Chém đầu Bandhalu với ba mươi hai công tử, đem thủ cấp về đây”.

Trong lúc đội binh mã rầm rộ kéo đi ra biên thùy. Bọn khẩu tặc nghe tin Đô thống tướng Bandhula xuất chinh, bèn tan rã hàng ngũ, bỏ chạy trước. Tướng quân vào thành lập lại trật tự vô an bá tánh, xong rồi kéo đại binh trở về gần tới kinh đô, các tướng sĩ lãnh lệnh vua thi hành bản án tử hình. Bắt hết cha con tướng quân Bandhula xử trăm một lượt.

Hôm ấy, nhằm ngày Công chúa Mallikā cung thỉnh hai vị Thượng Thỉnh Văn và năm trăm Tỳ khưu đến soái phủ thọ thực. Vào buổi sáng hôm ấy, công chúa nhận được thư báo của gia nhân: “Chồng và các con đã bị xử trăm”. Được biết hung tin công chúa vẫn lặng thinh, nhét phong thơ vào trong vạt áo, lo việc hộ độ chư Tăng, như không có việc gì quan hệ xảy ra, khi ấy bọn nữ tỳ của Công chúa, sau khi dâng cơm đến chư Tỳ khưu, đang bung cái bình sanh tô (bơ tươi) đến trước hai vị Đại đức thì sút tay, buông rơi cái bình xuống nền bể nát.

Đức Sārīputta nói an ủi rằng:

- Của tạm bợ vô thường, lỡ bể thì thôi, chẳng nên ân hận.

Công chúa Mallikā liền lật vạt áo lên, lấy phong thơ đưa ra và nói: “Bạch Ngài, ba mươi hai đứa con trai và cha nó vừa bị xử trăm, khi được người nhà đưa thư báo tin này, đệ tử đọc rồi còn chẳng ân hận, huống chi là việc bể cái bình sanh tô mà đệ tử ân hận hay sao?”.

Đức Tướng quân Chánh pháp liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Animittamanaññātaṃ,
Maccānaṃ idha jīvitāṃ;
Kasirañca parittañca,
Tañca dukkheṇa saṃyuttanti”.

*“Sanh tử không kỳ hạn,
Tuổi thọ khó tiên đoán.
Đời tôi tệ nhỏ nhen,
Đây khổ đau hoạn nạn”.*

Kể đó, Đại đức thuyết tiếp một thời pháp, rồi đứng lên rời Soái phủ, trở về Tịnh xá.

Công chúa cho gọi hết ba mươi hai cô dâu đến phán dạy rằng:

- Chồng các con phải chết vì tay người khác, chẳng qua là trả quả của nghiệp tiền khiên, các con chớ nên buồn rầu khóc lóc, cũng đừng đem lòng oán hận đức vua.

Các thám tử của quốc vương nghe được những lời này, nên về tâu lên quốc vương việc các quả phụ không đem lòng oán hận Ngài. Nghe vậy, quốc vương sanh tâm kinh cảm, ngự đến tư dinh của công chúa Mallikā để xin chịu lỗi với công chúa và các nàng dâu góa bụa, xong rồi ban cho công chúa một ân huệ.

Công chúa tâu: “Thần thiếp xin nhận lãnh ân huệ của bệ hạ”.

Sau khi quốc vương ngự giá về cung, công chúa cử hành tang lễ, Trai Tăng cầu siêu, đoạn tắm gội sạch sẽ vào triều yết kiến quốc vương:

- Tâu đại vương! Bệ hạ hứa ban ân huệ, nhưng thần thiếp không cầu mong việc chi khác, ngoài việc xin bệ hạ gia ân cho thần thiếp và ba mươi hai con dâu được trở về xứ sở quê hương.

Quốc vương chuẩn tấu. Công chúa sắp đặt cho ba mươi hai nàng dâu ai về nhà nấy, riêng mình cũng lên đường trở về quê quán trong thành Kusinārā.

Quốc vương ấn phong cháu trai của tướng quân Bandhula là Dīghakārāyana (Trường Lao) làm Đô thống đại Nguyên soái.

Nhưng Dīghakārāyana căm thù quốc vương đã xử trảm Bandhula nên hằng chờ cơ hội để trả thù cho cậu mình.

Lúc bấy giờ, Đức bốn Sư đang ngự trong thị trấn Meḍalapa của dòng Thích Ca, quốc vương ngự giá đến đó, an dinh hạ trại cách chùa không bao xa, đoạn rời khỏi đại quân tùy giá vào chùa đánh lễ Đức Bốn Sư, trước khi vào hương thất một mình, quốc vương cỡi hết những phù hiệu của nhà vua (mão, hia, kiếm, trướng và hốt), giao cho Dīghakārāyana gìn giữ (đoạn này trong kinh Dhammacetiya sutta (Pháp Tháp) trong Trung Bộ Kinh có giải rõ từng chi tiết).

Thừa lúc quốc vương Pasenadi vào trong hương thất, Dīghakārāyana lấy hết phù hiệu vương vị, tôn Thái tử Viḍḍabha lên làm vua, kéo róc toàn quân trở về thành Sāvatthī, chỉ thừa lại cho quốc vương một con ngựa già và bà thế nữ hầu hạ vua mà thôi.

Sau khi đàm đạo thân ái với Đức Bôn Sur, quốc vương đánh lễ Ngài trở ra, không thấy binh lính, hỏi bà thế nữ mới tỏ rõ mọi sự. Quốc vương nghĩ thầm: “Quả nhân phải nhờ Vương sanh (cháu kên Ngài bằng dưỡng, tức là vua Ajātasattu) tiếp viện mà bắt Viḍḍabha mới được”.

Khi quốc vương Pasenadi đến thành Rājagaha thì đã quá giờ lưu thông, các cổng thành đều đóng kín. Quốc vương buộc lòng phải nghỉ đỗ trong một ký túc xá. Cả ngày đi nắng lại bị trúng gió cảm sương, quốc vương thẳng hà vào lúc nửa đêm. Thế nữ theo hầu đức vua khóc lóc thở than:

- Bệ hạ ơi! Bệ hạ là chúa của toàn dân xứ Kosala, mà sao phải chọn nằm cô quanh lạnh lùng...

Khi đêm tàn, trời hừng sáng, nhiều người nghe tiếng nức nở của bà thế nữ, hỏi ra mới biết là đức vua Pasenadi thẳng hà ở nơi quán trọ ngoài thành, bèn vào báo tin với quốc vương Ajātasattu, quốc vương bèn ra lệnh hỏa táng một cách trọng thể, y theo nghi lễ tống chung của bậc đại vương.

Thái tử Viḍḍabha sau khi tức vị, nhớ lại mối hận ngày xưa, bèn chiêu tập binh mã, kéo hết đại binh ra khỏi thành Sāvattī, trong tâm tính rằng: “Trẫm sẽ tận sát dòng Thích Ca”. Ngày ấy, lúc quán sát thế gian trong buổi sáng, Đức Bôn Sur thấy rằng dòng họ Thích Ca của Ngài sắp bị tiêu diệt. Ngài tự nghĩ: “Nhu Lai phải đi về độ tông tộc mới được”. Thế rồi, trong buổi sáng Ngài đi khát thực, độ xong bữa, Ngài trở về hương thất. Buổi trưa, Ngài nằm thiền, nghiêng mình về phía phải như con hùng sư, và buổi xế Ngài bay đến Kapilavatthu, an tọa dưới một gốc cây có bóng mát loang lổ, nơi giáp ranh hai nước.

Phía bên kia ranh thuộc lãnh thổ của Viḍḍabha có cây đa to, tàn nhánh rậm rạp có nhiều bóng mát.

Vừa trông thấy Đức Bôn Sur, vua Viḍḍabha vội đến gần Ngài đánh lễ và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong lúc nắng nôi thế này, sao Ngài lại ngồi chi dưới gốc cây có bóng râm loang lổ, xin thỉnh Ngài qua ngồi bên gốc cây đa to có nhiều bóng mát, ở đằng kia.

Đức Bôn Sur đáp rằng: “Tâu đại vương! Bóng râm của thân quyền bao giờ cũng mát mẻ”.

Nghe vậy, đức vua viḍḍabha nghĩ rằng: “Chắc Đức Bôn Sur ngồi đây để bảo vệ gia quyền của Ngài”. Đức vua đánh lễ rồi cáo từ Đức Bôn Sur và thân binh trở về Sāvattī. Đức Bôn Sur cũng đứng dậy bay về Jetavana.

Quốc vương Viḍḍabha không thể quên được mối hận thù đối với dòng Thích Ca, xuất binh lần thứ hai đến chỗ giáp ranh hai nước, cũng gặp Đức Bôn Sur như lần trước, nên lại thu quân trở về. Đến lần thứ ba đức vua lại xuất binh, lại gặp Đức Bôn Sur nơi đó và lại thu quân trở về một lần nữa.

Đến lần xuất binh thứ tư của vua Viḍḍabha, Đức Bôn Sur không can thiệp để cứu quyền thuộc của Ngài nữa. Vì Ngài quán thấy ác nghiệp của họ ở tiền kiếp, đã bỏ

thuốc độc xuống dòng sông thuốc cá chết, nay quả tới thời trở quả rồi, không thể chờ cứu vãn được nữa.

Vội quyết tâm: “Trẫm sẽ tận diệt dòng họ Thích Ca”, Viḍḍabha đem đại đội hùng binh ra đi, không còn bị Đức Bôn Sư cản trở. Quyền thuộc của Đức Bôn Sư kiên trì giữ giới sát sanh, thà chịu chết chứ không dám xuống tay giết hại kẻ khác, nghe tin địch quân kéo đến, họ nghĩ ngay rằng: “Chúng ta là những tay thiện xạ bá phát bá trúng, nhưng ta không thể phá giới mà giết hại địch quân, ta chỉ nên bắn dọa cho họ sợ mà chạy thôi”.

Thấy tên bắn như mưa, vua Viḍḍabha bảo các tùy tướng:

- Các khanh nghĩ sao? Có phải dòng Thích Ca giữ giới không sát sanh, thế mà bây giờ họ giết hại binh sĩ của trẫm.

Khi ấy, một tùy tướng tâu rằng:

- Tâu chúa thượng, vì sao chúa thượng lại lui quân?

- Dòng Thích Ca giết hại binh sĩ của trẫm.

- Ba quân tướng sĩ không có ai bị thương cả. Xin chúa thượng hãy cho kiểm lại quân sĩ xem.

Khi kiểm lại quân sĩ, không thấy thiệt mạng ai cả, vua Viḍḍabha lại truyền lệnh tấn công và dặn rằng:

- Này ba quân tướng sĩ! Các khanh hãy giết sạch những kẻ nào nhận là dòng Thích Ca, trừ những ai đứng gần ngoại tổ của trẫm là vua Mahānāma, thì các khanh hãy dung tha mạng sống cho họ.

Quân binh của Viḍḍabha phá cửa thành Kapilavatthu tuôn vào như nước vỡ bờ, đi lục soát bắt dòng Thích Ca để tru lục. Có nhiều người không cam tâm chịu chết vô cớ, bèn cầm cỏ hoặc cầm lau sậy đứng chực sẵn. Hễ quân nghịch đến hỏi: “Người có phải là dòng Thích Ca không?” Thì nhóm cầm cỏ đáp: “Không phải Thích Ca, cỏ” (No sāko tiṇanti), còn nhóm cầm lau thì đáp: “Không phải Thích Ca, vì lô” (No sāko naḷoti). Quân lính ngoại quốc nghe không rành, tưởng họ phủ nhận dòng Thích Ca, nên không hạ sát họ, các người này dầu có chết cũng không phạm giới nói dối, nên đã dùng mẹo khéo nói trớ như vậy mà được sống sót (tiếng Phạn Sāka là rau, đọc mừng tượng như Sākya là Năng Nhân Thích Ca), cả những người chạy theo đứng gần với vua Mahānāma cũng được tồn sanh. Do đó về sau có danh từ Thảo Thích Ca (Tiṇasākiya) để chỉ những người cầm cỏ và danh từ Vi lô Thích Ca (Naḷasākiya) để chỉ nhóm người đứng cầm lau.

Ngoài ba nhóm kể trên, tất cả hoàng tộc Thích Ca dầu là trẻ con còn bú cũng không toàn mạng. Vua Viḍḍabha ra lệnh cắt cổ họ đem dội máu lên cầm đôn mà mình đã ngồi khi trước.

Tông tộc Thích Ca đã bị vua Viḍḍabha tru lục như thế, vua Viḍḍabha ra lệnh bắt vua Mahānāma đem theo làm tù binh rồi mới rút lui trở về nước.

Đến giờ sáng vua Viḍḍabha đình bộ, xuống một nơi thung lũng nghỉ, cho quân hầu bung com và khiến người đi thỉnh ông ngoại đến để cùng ngồi ăn chung một mâm.

Dòng Sát Đế Ly thà bỏ mạng chứ không bao giờ chịu ngồi ăn chung mâm với con trai của thế nữ, cho nên vua Mahānāma nhìn xuống một ao hồ và nói:

- Này vương diệt, mình trầm lắm lem cát bụi, để trầm đi tắm đã.
- Vâng, ngoại tử hãy đi tắm đi.

Vua Mahānāma nghĩ thầm: “Nếu ta không ngồi ăn chung với thằng này, thì chắc chắn nó sẽ giết chết ta, thà là ta tự sát cho rồi”.

Vua bèn xả búi tóc ra, cột thắt gút phía ngọn tóc, đoạn xỏ hai chân vào cái nôi, rồi nhảy ùm xuống nước. Do oai lực cao độ của vua Mahānāma, thủy cung của loài rồng phát hiện, Long vương tự hỏi: “Có chuyện gì thế?”. Khi quán thấy được nguyên nhân, Long vương liền rước vua Mahānāma để ngồi trên mang của mình rồi đưa về thủy cung. Vua Mahānāma lưu trú nơi đây trong mười hai năm trường.

Vua Viḍūḍabha ngồi chờ ngoại tử đã lâu, bèn khiến quân lính túa đi tìm kiếm dưới nước trên bờ, đến tối cũng không thấy, thấp đuốc soi đường mà tìm cũng chẳng thấy được nhà vua mất tích. Sau cùng, vua Viḍūḍabha cho rằng vua Mahānāma đã trốn thoát, nên rút quân lên đường, đại binh đến sông Aciravatī vào lúc ban đêm, nên chia làm hai đội, đóng trại nghỉ tại bờ sông, một đội ngủ trên cồn cát dưới sông, một đội thì ngủ trên bờ cao. Những người ngủ tại cồn cát mà không tạo ác nghiệp thì bị kiến cắn thức dậy la lên: “Chỗ tôi nằm bị kiến cắn”, thế là họ lên trên bờ cao mà nằm. Còn những người nằm ở trên bờ cao mà tạo ác nghiệp nặng cũng bị kiến cắn, họ thức dậy la rằng: “Chỗ tôi nằm có kiến”, và họ lại đi xuống cồn cát mà nằm. Ngay lúc ấy, mây đen kéo mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, nước sông dâng lên trong nháy mắt, ngập lụt cả bờ sông, cuốn vua Viḍūḍabha cùng đoàn quân ngủ trên cồn cát đưa luôn ra biển. Tất cả những người tạo ác trọng nghiệp đều làm mồi cho cá và rùa.

Đại chúng Tỳ khưu đề khởi lời nghị luận rằng:

- Dòng Thích Ca bị diệt vong quả thật là oan uổng, khi không bị bọn người khát máu, cho rằng dòng Thích Ca đáng bị tru戮, rồi gặp ai chém nấy. Như thế thật là phi lý bất công.

Đức Bôn Sư nghe được lời đàm thoại của chư Tỳ khưu, bèn dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Trong kiếp hiện tại, dòng Thích Ca bị diệt vong như thế là bất xứng, nhưng không có gì oan uổng vì họ chỉ gặt hái cái quả tương xứng với ác nghiệp mà họ đã tạo ra trong dĩ vãng mà thôi.

- Bạch Ngài! Dòng họ Thích Ca đã tạo nghiệp gì trong dĩ vãng?

- Trong dĩ vãng, họ đã vầy thành đoàn, xuống sông bỏ thuốc độc làm cho cá và rùa chết thật nhiều, do cộng nghiệp ấy mà dòng Thích Ca phải bị tiêu diệt như vậy.

Qua ngày sau, chư Tỳ khưu lại nhóm trong giảng đường và đề khởi pháp thoại như vậy:

- Vua Viḍūḍabha hạ sát cả dòng họ Thích Ca, trở về không đến được xứ. Vì nuôi tham vọng quá mức mà dắt dẫn cả bao nhiêu người đi theo làm mồi cho cá và rùa ở dưới biển sâu.

Đức Bôn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các ông đang hội thảo về việc chi vậy?

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chuyện như vậy...”.

- Này các Tỳ khuru! Cũng như dòng nước lũ ngập lụt cả xóm làng đang mê ngủ, tử thần bắt những chúng sanh này trong lúc họ còn ôm ấp tham vọng chưa thỏa mãn, cắt đứt mạng căn của họ, nhận chìm họ xuống biển tứ ác đạo vậy.

Nói xong, Đức Bôn Sur thuyết kệ rằng:

“Pupphāni h’eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram,
Suttam gāmaṃ mahogho’va,
Maccu ādāya gacchati”.

*“Kẻ mãi hái hoa ngũ trần,
Tâm còn mê vọng, tử thần bắt đi.
Như làng xóm ngủ li bì,
Nửa đêm bị nước cuốn đi thành linh”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn Ngữ, câu **byāsattamanasam** nghĩa là: Tâm còn lưu luyến đến chỗ đã đến, hoặc đến chỗ chưa đến cũng như thợ làm tràng hoa, vào hoa viên để hái hoa, tuy còn đang hái ở đây mà tâm đã vọng tưởng đến chỗ khác, người ấy đưa tâm đi chu du khắp vườn hoa, dự định hái hết chỗ này sang qua chỗ kia, vừa đi vừa hái hoa, vừa để tâm lơ đãng như thế nào, thì cũng như thế ấy, người say mê, đắm nhiễm ngũ trần, khi chiếm hữu một bông hoa biết nói, có một nhan sắc ưa nhìn, hoặc có thính, hương, vị, xúc vừa lòng đẹp ý rồi, cũng còn hướng tới mơ ước những bông hoa khác nữa, người ấy chưa hề biết đủ và còn thả tâm hồn đi lơ đãng theo các bông hồng xa lạ. Cũng đồng một nghĩa như trên, đối với người thế thì bông hoa ấy là bò, trâu, tôi tớ, trai gái, ruộng vườn, làng, xứ, quận chẳng hạn, còn đối với bậc xuất gia thì là cốc liêu, tịnh thất, y, bát chẳng hạn, đó là những bông hoa có tên là ngũ trần dục lạc mà người mãi mê tham đắm hết chỗ này đến chỗ khác, là người tâm còn vọng tưởng ngũ trần vậy.

Suttam gāmaṃ (làng ngủ say), không phải là đồ vật trong làng như nhà cửa, vách phen... ngủ mà gọi là làng ngủ say, đây là nói về những chúng sanh như người và súc vật đang ngủ yên giấc lúc ban đêm, làng ngủ bị tử thần là nước dâng lên ngập lụt cả hai ba do tuần cả chiều dài lẫn chiều sâu bị lôi cuốn đem đi.

Cũng như thế ấy, tử thần là dòng nước lũ, lôi cuốn tất cả chúng sanh trong làng không sót một ai, dầu là đàn ông hay đàn bà, bò, trâu, gà, vịt chi cũng bị đưa ra biển làm mồi cho cá và rùa, thì sự tử vong cũng vậy, nó bắt những kẻ đang mê vọng ngũ trần, cắt đứt mạng căn của mình, kẻ ấy bị nhận chìm xuống biển tứ ác đạo.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, như là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

Dịch Giả Cần Đề

*Vì chút tư thù khởi chiến tranh,
Lưu Ly Vương tạo nghiệp không lành.
Làn tên hữu ý dầu miễn tử,
Núi kiếm vô tình chẳng phóng sanh?
Máu đỏ loang hồng tòa khách sảnh,
Lòng son tô thắm đất Kim Thành.
Diệt dòng giới vức vui chưa trọn,
Bụng cá vùi thây chẳng hổ danh.*

DỨT TÍCH VUA VIDŪDABHA





47. As a flood sweeps away a sleeping village, death carries away the heedlessly sensuous.

47. Như lụt cuốn trôi ngôi làng đang ngủ, thần chết mang đi những kẻ đắm say phóng dật.

IV.4- Tích NÀNG SỰ PHỤ

(*Patipūjikāvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 48)

**“Pupphāni h’eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram;
Atittam yeva kāmesu,
Antako kurute vasam”.**

***“Kẻ đang mãi hái hoa,
Tâm còn vọng tưởng xa.
Tìm hưởng thú dục lạc,
Tử thần nhất chẳng tha”.***

Kệ Pháp Cú này Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī đề cập đến nàng Patipūjikā (Sự Phụ).

Chuyện này khởi đầu từ trên cung trời Đao Lợi.

Tương truyền rằng: Thưở ấy trên Tam thập tam thiên có vị Thiên tử (Devaputta) có hiệu là Mālābhārī (Hoa Quang), dắt theo hàng ngàn ngọc nữ ngự du trong vườn thượng uyển. Năm trăm thiên nữ trèo lên cây hái hoa ném xuống, năm trăm ở dưới nhặt hoa đi trang điểm cho Thiên tử. Trong số Thiên nữ leo cây, có một nàng đang ngồi trên nhánh cây vừa hết tuổi thọ, ngọc thể của nàng biến mất cũng như ngọn đèn vụt tắt. Tâm thức nàng thọ sanh vào một gia đình khá giả trong thành Sāvattthī.

Khi ra đời, nàng nhớ được tiền kiếp của mình, biết: “Minh trước là ái thiếp của Thiên tử Mālābhārī trên cung trời Đao Lợi”. Nên vừa lớn khôn nàng đã bắt đầu dâng cúng hương hoa, lễ vật nguyện cầu được siêu sanh trở về đoàn tụ với lang quân.

Lúc mười sáu tuổi, nàng xuất giá, từ đó nàng siêng năng làm phước cúng dường thực phẩm đến Tăng bằng những cách thông thường như để bát chư Tỳ khưu mà nàng rút thẻ bắt thăm được, Trai Tăng mỗi ngày Uposatha (ngày rằm và ngày ba mươi), hoặc hộ Tăng trong ba tháng hạ... và phát nguyện rằng: “Xin cho sự phước thí này hãy là món duyên lành, giúp cho con được tái sanh hội hiệp với chồng con”.

Chư Tỳ khưu nghe nàng ước nguyện như thế, sáng chiều hướng tâm đến chồng, nên đã đặt cho nàng biệt hiệu là nàng Patipūjikā (Sự Phụ). Nàng luôn chăm nom ngôi tọa đường (Āsana sālā) cho người, lo việc dâng nước và sắp đặt chỗ ngồi, những thiếu nữ khác khi muốn cúng dường, Trai Tăng cũng thường nhờ cậy nàng cho mượn chỗ và phụ tiếp công nữa, hoặc đưa vật thực đến mượn nàng thay mặt để lo hộ độ chư Tăng nơi ngôi tọa đường, cứ mỗi bước đến ngôi tọa đường, hoặc đi về nhà, là nàng Patipūjikā có được năm mươi sáu thiện pháp đều đều như vậy.

Nàng thọ thai, được mười tháng thì sanh được đứa con trai, khi đứa con đầu lòng biết đi, nàng sanh thêm được một đứa kế, và cứ thế, nàng hạ sanh được bốn đứa con trai.

Thế rồi, một hôm sau khi bố thí, cúng dường, thỉnh pháp, thọ giới, đến cuối ngày không đau bệnh chi hết, làng tự nhiên lia bỏ cõi đời, siêu sanh về tái hội với chồng. Khi ấy, các Thiên nữ khác vẫn còn đang trang điểm cho thiên tử Mālābhārī. Thiên tử thấy nàng thì hỏi:

- Từ sáng đến giờ không ai thấy nàng, vậy nàng đi đâu?

- Thừa chàng, thiếp đã mệnh chung.

- Nàng nói thật chứ?

- Vâng, quả đúng như thế, thừa chàng.

- Nàng sanh về đâu?

- Trong một gia đình khá giả nơi thành Sāvattthī.

- Nàng ở đó bao lâu?

- Ở trong bụng mẹ mười tháng thì ra đời, đến năm mười sáu tuổi thì xuất giá, sanh được bốn con trai rồi làm phước cúng dường và ước nguyện được trở về với chàng. Nên giờ đây mới được thọ sanh về đây đó chàng.

- Tuổi thọ nhân loại là bao nhiêu?

- Lối một trăm năm.

- Chỉ có bấy nhiêu ư?

- Vâng, thừa chàng.

- Sanh làm con người chỉ có bao nhiêu tuổi thọ thế, họ lại ăn ngủ buông lung, để mặc thời gian trôi qua hay là họ cúng dường làm phước vậy?

- Thừa chàng, chàng nói chi chuyện làm phước, người đời họ luôn luôn dễ dãi, buông tuồng, y như là họ sống đến hết A tăng kỳ kiếp, không già không chết vậy.

Nghe đến đây, một mối kinh cảm phát sanh lên trong lòng Thiên tử Mālābhārī. Nghe nói: “Sanh làm người chỉ sống có một trăm tuổi thọ, thế mà họ vẫn sống buông lung ăn ngủ mãi, thì họ biết bao giờ mới thoát khổ”.

Ở Thiên giới chúng ta, một trăm năm cõi nhân loại chỉ bằng một ngày đêm cõi Đao Lợi này. Cứ ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ nơi Đao Lợi thiên cung là một ngàn tuổi, tính theo tuổi nhân loại là ba mươi sáu triệu năm.

Bởi thế, nàng Thiên nữ khi thác xuống cõi người rồi trở về thiên giới chưa đến một ngày. Coi như mới đi trong chớp lát vậy. Con người có tuổi thọ ít ỏi như thế mà cứ buông lung giải đãi thì thật là không phải cách.

Ngày hôm sau, chư Tỳ khưu vào ngồi trong tọa đường thấy không có người trông nom, chỗ ngồi không ai sắp đặt, nước không ai dâng cúng bèn hỏi: “Nàng Sự Phụ đâu rồi?”.

- Bạch các Ngài! Nàng ấy còn đâu nữa, chỉ vừa mới ngày hôm qua, khi các Ngài thọ thực xong ra đi, thì chiều hôm ấy nàng đã quy thiên.

Nghe tin buồn, các Tỳ khưu tưởng nhớ đến công đức của nàng tín nữ quá cố mà không cầm được giọt lệ, các Thánh Văn Lậu Tận cũng phát sanh kính cảm. Sau bữa cơm, chư Tăng về chùa đánh lễ Đức Bổn Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nàng cận sự Patipūjīkā sáng chiều hằng lo làm phước cúng dường lễ vật, phát nguyện xin được gần chồng, bây giờ nàng đã thác, không biết được thọ sanh về đâu?

- Này các Tỳ khuru! Nàng thọ sanh về gần gũi với chồng nàng.

- Bạch Ngài! Nàng chết rồi, đâu còn gần gũi với chồng nàng.

- Này chư Tỳ khuru! Nàng không phát nguyện gần gũi với chồng ấy đâu. Chồng nàng là Thiên tử Mālābhārī trên cõi Dao Lợi, khi nàng đang treo lên cây hái hoa để trang điểm cho chồng thì hết tuổi thọ, hạ sanh về nhân loại, bây giờ thì đã trở về với chồng cũ rồi.

- Bạch Ngài, có thật như thế ư?

- Này các Tỳ khuru! Có thật như thế.

- Ôi! Kiếp sống của chúng sanh thật là nhỏ nhen ngắn ngủi bạch Ngài, mới hồi sáng nàng còn hộ độ chúng con, kế buổi chiều nàng phát bệnh chết liền.

Đức Bôn Sur đáp: “Phải đó, các Tỳ khuru, đời sống chúng sanh ngắn ngủi là thường lệ, những chúng sanh này còn đang mãi miết hái hoa ngũ trần dục lạc, thì bị tử thần bắt giữ, dầu cho có than van khóc lóc, tử thần cũng bắt đi luôn”.

Rồi Đức Bôn Sur thuyết kệ rằng:

“Pupphāni h’eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram;
Atittam yeva kāmesu,
Antako kurute vasam”.

*“Kẻ mãi hái hoa vô tình,
Tâm còn vọng tưởng chẳng gìn giữ thân.
Trong giờ thọ hưởng ngũ trần,
Lòng còn nô lệ, tử thần chẳng xa”.*

CHÚ GIẢI:

Pupphāni h’eva pacinantam: Như người thợ làm tràng hoa vào vườn hoa mãi mê hái hoa. Người ham mê ngũ trần mãi mê góp nhặt những vật dính liền vào xác thân. Xác thân và các đồ vật dụng khác, gọi là hoa dục lạc.

Byāsattamanasam naram: Tâm lưu luyến đủ mọi cách, chỗ nào chưa đến thì khát khao mong mỏi, chỗ nào đã đến rồi thì nịch ái đắm say.

Atittam yeva kāmesu: không bao giờ thỏa mãn trong sự tìm kiếm, thọ hưởng tích trữ mọi thứ ngũ trần dục lạc.

Antako kurute vasam: Bị lọt vào tay của Tử thần là sự chết, dầu cho thở than khóc lóc gì cũng vô ích, thế nào cũng bị nó bắt đem đi.



Bài kệ chấm dứt, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, như là Thánh quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp đều được hưởng nhiều lợi ích.

Dịch Giả Cần Đề

*Một phút thiên đình lỡ sẩy chân,
Sự Phụ sa đọa xuống hồng trần.
Hái hoa còn nhớ khi đoàn tụ,
Làm phước chưa quên buổi hợp quần.
Sống chỉ nguyện siêu về cảnh cũ,
Thác không lo đoạn mắt tình thân.
Giữa thời xuân sắc xinh như mộng,
Giã biệt chồng con dứt nợ trần.*

DỨT TÍCH NÀNG SỰ PHỤ





48. Death grabs the pursuer of sensual pleasures at will before reaching the point of satiety.

48. Thần chết bắt được kẻ chạy theo dục lạc buông thả, trước khi kẻ ấy được thỏa mãn tham dục.

IV.5- Tích BẢ HỘ KHAN NANG

(*Macchariyakosiyasettivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 49)

**“Yathā pi bhamaro puppham,
Vañṇagandham aheṭṭhayam;
Paletī rasam’ādāya,
Evam gāme munī care”.**

***“Vị như ong lấy mật,
Không hại sắc hương hoa.
Vị Sa môn hành khát,
Vào làng lại trở ra”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī, đề cập đến bá hộ Macchariya (Túi keo: Khan Nang).

Câu chuyện này khởi đầu tại thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Cách kinh thành Rājagaha không bao xa, có một thị trấn tên là Sakkara, nơi đó có ông bá hộ Macchariyakosiyā, gia tài lên đến tám trăm triệu đồng vàng. Ông bá hộ này chẳng bao giờ bỏ thí cho ai hoặc tự mình tiêu xài chút ít chi, dầu chỉ là nhỏ nhen như rót dầu trên đầu cọng cỏ, cho đến những người thân thích ruột rà như vợ con trong nhà hoặc các bậc xuất gia như Sa môn, Bà la môn chẳng hạn, cũng không ai được hưởng phần gia tài khổng lồ mà ông bo bo gìn giữ như hồ nước đầy, không dám cho hao một giọt.

Một hôm, sau khi xuất định Đại bi trong buổi sáng sớm, Đức Bôn Sur dùng Phật nhãn quán xét toàn cõi thế gian tìm kiếm chúng sanh nào có đủ căn lành đáng được tiếp độ, Ngài thấy ở cách xa Ngài độ bốn mươi lăm do tuần, có hai vợ chồng ông Trưởng giả Macchariyakosiyā có duyên lành đặc Tu Đà Hườn trong ngày ấy.

Nguyên cách mấy hôm trước, ông Trưởng giả có lên thành Rājagaha yết kiến đức vua, sau khi bãi châu, trở về dọc đường ông có gặp một người dân quê đói bụng đang nhai ngấu ngien một ổ bánh tẻ ong chắt đầy váng sữa coi bộ ngon lành lắm, làm ông phát thèm. Về đến nhà, ông nghĩ thầm: “Nếu ta hờ môi ra nói là ta muốn ăn bánh tẻ ong, thì chắc có nhiều đứa muốn ăn chung với ta, như thế phải tốn hao nhiều mè, bơ, đường, than, củi đủ thứ... Thôi tốt hơn ta không nên cho ai biết”. Ráng dằn tâm đè nén sự thèm khát, ông bỏ đi thất thểu đầy đó.

Nhưng càng đi nhiều, ông càng thấy vỏ vàng gầy guộc, mình nổi gân xanh, chớ không khuây khỏa được sự thèm khát. Về sau, ông phải vào phòng riêng, nằm úp sấp trên giường, cho đến nước ứa mà ông chẳng chịu tỏ thật với ai, chỉ vì sợ hao hụt kho tàng của mình.

Khi ấy, bà Trưởng giả vào đấm lưng cho chồng, hỏi ông:

- Chẳng hay mình đau bệnh chi vậy?
- Ta không có đau ốm chi cả!
- Hay là mình bị đức vua khiển trách?
- Đức vua cũng không phiền trách chi ta cả!
- Hay là con cái hoặc tôi tớ trong nhà có làm điều chi phật lòng của mình?

- Cũng chẳng có ai làm cho ta phật ý cả.
- Thế Thì mình có thêm lạt món chi chẳng?

Nghe vợ hỏi vậy, ông Trưởng giả lặng thinh, sợ nói ra lời thì thất thố, có thể hao tổn đến kho tàng của ông. Bà Trưởng giả không nghe ông trả lời, bèn lặp lại câu hỏi:

- Mình à, hay là mình thêm lạt món chi?

Ông không dám nói lớn, chỉ ảm ú trong cuốn họng: “Ta thêm ăn một món”.

- Mình thêm ăn món gì?
- Ta muốn ăn bánh tào ơng.
- Chỉ có vậy mình không nói cho tôi biết, để chịu nhịn thêm làm chi. Bây giờ, để tôi làm ổ bánh để đãi cả thị trấn Sakkara này.
- Bà lo cho nhiều người chi vậy, họ muốn ăn thì họ tự lo làm lấy mà ăn chứ.
- Thế thì tôi làm một ổ bánh vừa đủ để đãi tất cả gia nhân trong khu phố ăn.
- Tôi dư biết là bà giàu có lớn rồi mà.
- Thế thì, tôi sẽ làm một ổ bánh lớn vừa cả gia tộc của mình ăn.
- Tôi vẫn biết bà có tật ưa làm đầy mà.
- Thế thì tôi sẽ làm một ổ bánh vừa đủ vợ chồng con cái mình ăn.
- Con cái ăn làm gì bánh này?
- Vậy tôi sẽ làm vừa đủ để ông và tôi dùng.
- Bà không thêm mà ăn làm chi.
- Vậy thì để tôi làm một cái vừa đủ mình ông ăn.
- Nếu bà nấu bánh tại đây sẽ có đĩa biết mà ăn chực, bà chừa gạo tốt ra lấy tám mẩu với khuôn lò nướng và chút ít sữa tươi, bơ lỏng, mật ong, đường rồi mang lên lầu bảy, ở đó làm bánh và nướng ngay tại chỗ đó, để tôi ngồi ăn một mình.

Bà Trưởng giả đáp: “Dạ được”.

Bà cho đem đủ thứ vật liệu cần thiết, lên tuốt trên lầu thượng, rồi cho các nữ tỳ xuống hết, mới kêu ông Trưởng giả lên. Ông Trưởng giả trước hết lo đi đóng kín các cửa lại, gài then cẩn thận, rồi mới lên lầu bảy, đóng cửa bít bùng, ngồi trong phòng, đoạn ông bảo bà đốt lò, làm bánh nướng cho ông ăn.

Khi ấy vừa bình minh, Đức Bôn Sư gọi Đại đức Moggallāna và dạy: “Này Moggallāna, cách thành Rājagaha không xa, nơi thị trấn Sakkara có ông Trưởng giả Macchariyakosiyā muốn ăn bánh tào ơng, nhưng sợ người ngó thấy, nên bảo vợ làm bánh nướng trên tầng lầu thứ bảy, ông hãy đến nơi đó thu phục cho được ông Trưởng giả ấy, bảo họ mang theo cả bánh và sữa, bơ, đường, mật, rồi ông hãy dùng thần lực đưa cả hai vợ chồng về Jetavana. Hôm nay ta sẽ ngồi thọ thực tại chùa cùng với năm trăm Tỷ khưu”.

Đại đức đáp: “Lành thay! Bạch Ngài”.

Vâng lệnh Đức Bôn Sư, Đại đức dùng thần thông bay đến thị xã Sakkara. Đến đứng trước cửa sổ tòa lầu đài bảy tầng của ông Trưởng giả, Đại đức đứng giữa hư không với tam y quả bát nghiêm trang rực rỡ chói lòa như ngọc Maṇi. Ông trông thấy Đại đức thì

nghe trong tim rung động, ông nghĩ: “Ta sợ gặp mặt những người như vậy nên mới lên đến chỗ này, vậy mà ông còn theo ta lên đứng tại cửa sổ”. Nên ông nói rằng:

- Này ông Sa môn ơi! Không có bánh cho ông đâu, ông hãy đi đi.

Không dè Đại đức đã quyết thi hành cho được sứ mạng rồi mới chịu đi, nên Ngài lặng thinh đứng nơi ấy. Ông Trưởng giả nổi xung, nói với giọng mất bình tĩnh, như là muối được ném vào lửa đỏ:

- Này ông Sa môn, ông đứng đó làm chi giữa trời vậy, ông có thể đi lên đi xuống làm thành một con đường mòn giữa hư không, nhưng rốt cuộc ông cũng chẳng được chi cả đâu.

Đại đức Moggallāna liền đi tới đi lui, ngay trước cửa sổ giữa hư không... Ông Trưởng giả liền nói:

- Ông đi tới đi lui làm chi cho mọi người thấy, chỉ mỗi chân thôi, ông có thể ngồi kiết già giữa hư không, nhưng nếu có làm như vậy ông cũng chẳng được chi cả.

Vị Đại đức liền xếp chân ngồi kiết già giữa hư không.

Ông Trưởng giả lại nói:

- Ông ngồi giữa trời mà làm chi, ông có thể đến đứng ngay trên cửa sổ, nhưng rốt cuộc làm như vậy, ông cũng sẽ chẳng được gì.

Đại đức liền đến đứng trước cửa sổ, ông Trưởng giả lại nói:

- Ông đứng ngay ngưỡng cửa sổ làm gì, ông có thể phun ra khói, nhưng rốt cuộc làm vậy ông cũng chẳng được gì đâu.

Đại đức liền phun khói ra, cả tòa lâu đài mù mịt trong khói đen, hai mắt ông Trưởng giả xốn xang như bị kim chích. Sợ cháy nhà, ông ta không dám thách thức Đại đức phun lửa, nên làm thinh nghĩ rằng: “Ông Sa môn này đeo dính theo ta, nói gì cũng không nhúc nhích. Ta phải thí cho ông một ổ bánh đưa ông đi cho rồi”.

Ông Trưởng giả bảo vợ: “Bà này, hãy nướng một cái bánh nhỏ cho ông Sa môn, bảo ông đi nơi khác đi”.

Bà Trưởng giả đổ chút ít bột vào khuôn, bột nổi phình thành một cái bánh to, choán đầy cả khuôn, thấy vậy ông nóng ruột, tự nghĩ rằng: “Chắc là đổ nhiều bột quá”.

Ông bèn đứng dậy, tự mình múc một muổng nhỏ bột đổ vào khuôn, cái bánh thứ hai còn phồng to hơn cái bánh trước, ông lại tiếp tục bớt bột, nhưng cái thứ ba to lớn hơn thêm, ông tiếp tục bớt bột đổ thêm nữa, nhưng cá bánh càng về sau lại càng phồng hơn cái trước. Đến khi mệt mỏi, ông bảo vợ:

- Này bà, hãy lấy một cái bánh cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả cầm lấy cái bánh trong giỏ xách, nhưng tự nhiên các ổ bánh dính chùm lại với nhau. Bà gọi chồng:

- Mình à, những ổ bánh này dính chùm lại với nhau, tôi gỡ không ra.

- Bà để đó cho tôi.

Ông Trưởng giả gỡ cũng không ra, hai ông bà nắm hai đầu bánh kéo như căng dây, mà cũng không thể bẻ lẻ ra được, hai ông bà ráng sức kéo một hồi mồ hôi xuất ướt cả mình, hai ông bà khát nước quá, phải buông ra chịu thua. Ông bảo vợ rằng:

- Bà à, ta không cần ăn bánh nữa, bà hãy đem cả giỏ xách này mà cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả mang cả giỏ bánh đến gần Đại đức, Đại đức thuyết pháp cho ông bà nghe về ân đức của Tam Bảo và giải cho họ biết về phước báu của các việc lành, nhất là sự bố thí sẽ phát sanh tròn đủ cho các thí chủ như trăng tròn mọc trong ngày rằm vậy.

Được nghe pháp, ông Trưởng giả phát tâm trong sạch thỉnh Đại đức: “Bạch Ngài! Xin Ngài vào an tọa nơi đây thọ thực”.

Đại đức đáp: “Này Trưởng giả, Đức Chánh Biến Tri hiện đang ngự tọa trong chùa Jetavana, Ngài muốn độ bánh với năm trăm Tỷ khuru tại đó. Ngài đã sai ta đến đây thuyết phục ông bà, rồi đưa ông bà với bánh sữa, đường, mật về Jetavana. Vậy ta hãy chuẩn bị cùng nhau đi đến viếng Đức Bôn Su”.

- Bạch Ngài, hôm nay Đức Bôn Su ngự tại đâu?

- Ở chùa Jetavana, cách đây độ bốn mươi lăm do tuần đó à.

- Bạch Ngài! Làm sao ta đi được một khoảng đường như thế cho kịp bay giờ.

- Này ông Trưởng giả, miễn là ông bà hoan hỷ thì dầu xa, ta sẽ dùng thần thông đưa hai người đi, nơi ta đứng trong tòa lâu đài này sẽ là cầu thang, và cổng tam quan của chùa Jetavana là chân cầu thang, chỉ trong thời gian mau lẹ như từ trên lầu này xuống đất, ắt sẽ đưa hai ông bà tới Jetavana rồi.

Ông Trưởng giả bằng lòng nên đáp: “Lành thay, bạch Ngài”.

Đại đức bèn nguyện rằng: “Nơi đây, là cầu thang, xin cho chân thang là cổng của Tịnh xá Jetavana”.

Lời nguyện của Đại đức thành tựu trong tức khắc. Đại đức và hai ông bà Trưởng giả trong chốc lát đã đến Jetavana, còn mau hơn là từ lầu xuống đất. Hai thí chủ cùng đến báo tin với Đức Bôn Su: “Đã đến giờ thọ thực”.

Đức Bôn Su bèn dắt năm trăm Tỷ khuru ngự vào trai đường, Ngài ngự lên Phật bảo tọa đã được dọn sẵn, ông Trưởng giả bèn xối nước khai mạc buổi lễ cúng dường bánh đến Đại đức Tăng có Đức Phật là hội chủ. Bà rót đầy bánh đến đấng Như Lai, Đức Bôn Su thọ dụng bánh vừa đủ, cả năm trăm Tỷ khuru vẫn như thế, ông Trưởng giả đứng dâng sữa, bơ, đường lỏng, đường cục.

Khi dùng xong bữa, Đức Bôn Su cùng với năm trăm Tỷ khuru bảo thôi dâng, hai vợ chồng Trưởng giả mới rảnh tay, cùng ăn bánh cho no bụng, bánh còn dư thật nhiều, đem cho để người xin tàn thực của chư Tăng, ăn cũng không hết. Hai ông bà bèn bạch lại với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, bánh còn dư đem bỏ đâu?

Đức Bôn Su dạy:

- Hãy mang đổ ngoài cổng trước chùa Jetavana.

Khi hai ông bà đem bánh dư đồ xuống triền dốc, gần cổng tam quan chùa, cho đến nay chỗ ấy còn mang tàn tích kỷ niệm là Dốc bánh tàn ong (Kapallapūvapabbhāra), kể đó nhà đại phú hộ cùng vợ đến gần đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang qua một bên. Đức Thế Tôn đọc kinh phúc chúc.

Nghe hết bài kinh, hai ông bà rắc quả Tu Đà Hườn, đánh lễ Đức Bôn Sur rồi lên cầu thang từ cổng tam quan trở lại lầu đài của mình. Từ đó về sau, ông đem cái kho tàng tám trăm triệu đồng vàng mà ủng hộ Phật Pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khuru ngồi họp mặt trong giảng pháp đường, đề cao oai lực của Đại đức Moggallāna rằng:

- Chư hiền hữu có thấy oai lực của Đại đức Moggallāna chưa? Đại đức không làm mất đức tin, không làm hao tài sản, chỉ trong chốc lát mà thu phục được ông Trưởng giả Macchariyakosiyā, khiến ông mang cả bánh và đưa ông ta trở về Jetavana yết kiến Đức Bôn Sur, nhờ đó ông rắc quả Tu Đà Hườn. Đại đức quả thật là một bậc đại thần lực vậy.

Do Thiên nhĩ, Đức Thế Tôn nghe được sự đàm luận của chư Tỳ khuru, Đức Bôn Sur ngự vào phòng họp phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Hôm nay các ông hội họp thảo luận về việc chi thế?

- Bạch Ngài, chúng con... như vậy...

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Bôn Sur phán dạy:

- Này các Tỳ khuru! Ví như ong chỉ lấy mật trong hoa, Tỳ khuru nào khéo huấn luyện một gia tộc thì không làm mất đức tin, không làm hại tài sản, không làm khổ cực, khó mãi cho gia tộc ấy. Trái lại, khi đến gần người cư sĩ nên làm cho họ biết đến ân đức của Tam bảo như con trai ta là Moggallāna đây vậy.

Sau khi thốt lời khe ngợi Đại đức, Đức Bôn Sur thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Yathā pi bhamaro puppham,
Vañṇagandham ahetṭhayaṃ;
Paleti rasam’ādāya,
Evam gāme munī care”.

*“Ví như ong nọ tìm hoa,
Lấy xong chút mật rồi là bay đi.
Sắc hương chẳng động làm chi,
Sa môn khát thực cũng y thế mà”.*

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạm ngữ **bhamaro** chỉ cho con ong mật bất cứ thứ nào.

Puppham: Trong vườn hoa, con ong vào ra hút mật, nhưng không làm tổn hại hoa và hương sắc của hoa.

Paleti: Sau khi hút lấy nhụy hoa vừa đủ no, con ong bay về tổ, nhả ra để làm thành mật, nó bay lút vào một bông cây trong rừng rậm nào đó, nhả nhụy có lẫn bột phấn hoa ra lọc lấy chất tinh túy chế biến dần thành mật ong nguyên chất. Trong khi bay đi đó khắp vườn hoa, không bao giờ con ong làm thiệt hại hoa hay hương sắc của hoa, sau đó nó bay đi, tất cả vườn hoa vẫn y nguyên như thường.

Evam gāme munī careti: Cũng như thế, bậc xuất gia tịnh giả hữu học hoặc vô học (asekha) di trì bình khát thực trong làng xóm của người cư sĩ, không bao giờ sợ đi lại của các Ngài gây tổn hại đức tin hoặc tài sản của các gia tộc khi vào làng như thế, rồi trở ra, bậc tịnh giả hữu học trải Tăng già lê (saṅghāṭi) ngồi nơi chỗ mát mẻ, có nước, ở ngoài xóm, quán tưởng vật thực đi bát được như thịt của đứa con mình, là người trốn trong rừng bắt đực dĩ phải ăn để duy trì mạng sống, rồi mới thọ dụng, sau khi đi vào rừng như thế, vị ấy lấy nội tâm làm đề mục tham thiền quan tưởng, đạt được bốn đạo và bốn quả trở thành vị Thánh vô học, trú tâm vào Kiến lạc pháp (Ditṭhadhamma sukha) tức là hưởng thụ tịnh lạc hiện tiền do nhờ giác ngộ nội tâm.

Vị này cũng giống như con ong vào rừng nhả nhụy làm hoa, biến chế ra mật nguyên chất vậy. Bậc tịnh giả trong bài kệ này là chỉ bậc sa môn A La Hán như Đại đức Moggallāna.

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỷ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

Sau bài pháp này, Đức Thế Tôn còn thốt lời tán dương ân đức cao thượng của Đại đức nữa:

- Này chư Tỷ khuru, không phải Moggallāna chỉ mới thu phục được Trưởng giả trong kiếp này. Trong tiền kiếp Moggallāna cũng đã từng huấn luyện ông ta, khiến ông ta hưởng được nghiệp quả liên quan rồi.

Để chứng minh cho việc này, Đức Bôn Sư giảng tích Illīsajātaka (Tích Đoản Kiếm) và ngâm lên kệ rằng: (Jātaka 345)

“Ubho khañjā ubho kuṇī,
Ubho visamacakkhukā;
Ubhinnaṃ pīlakā sīse,
Nāhaṃ jānāmi illīsanti”.

*“Người què, người lại nhót chân,
Cả hai cặp mắt lé trần không nhìn.
Hai đầu lép cũng giống in,
Ai là đoản kiếm ta nhìn không ra?”.*



Dịch Giả Cần Đề

*Khan Nang bá hộ kiết ai bằng?
Thèm bánh tàn ong định trốn ăn.
Cửa đóng then gài che mắt tục,
Lời qua tiếng lại tiến chân Tăng.
Duyên may Phật độ thành Sơ quả.
Phước tốt Sư trừ bớt bệnh căn.
Tự hậu chẳng quên thầy tiếp dẫn,
Tỳ khưu Lậu Tận, bực kỳ năng.*

DỨT TÍCH BÁ HỘ KHAN NANG





49. The mendicant must sojourn the village for his needs gently like a bee on a flower.

49. Vị Tỳ khưu đi vào làng để khát thực một cách trang nghiêm như con ong đến với hoa.

IV.6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP

(*Pāṭikājīvakaṇṭhū*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 50)

**“Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākatam;
Attano’va avekkheyya,
Katāni akatāni ca”.**

***“Đừng oán lời thô bỉ,
Việc người làm rồi chưa.
Hãy quán xét tự kỷ,
Việc mình làm xong chưa”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī, đề cập đến tu sĩ Pāṭika (Tiểu ĐIỆP).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một bà thí chủ hằng chu cấp cho một tu sĩ ngoại đạo thường xuyên, tên ông ấy là Pāṭika (Tiểu ĐIỆP) mà bà nhận làm con nuôi.

Trong xóm bà ở đó có những người đi nghe Đức Bôn Sur thuyết pháp, lúc về hằng ca tụng ân đức Phật Bảo bằng nhiều lời lẽ như là: “Ôi Pháp của chư Phật thuyết ra thật là huyền diệu phi thường!”.

Được nghe lời tán dương ân đức Phật Bảo, bà này phát tâm muốn đi chùa thỉnh pháp, bèn ngỏ ý với tu sĩ Pāṭika:

- Bạch thầy, tôi muốn đến viếng Đức Phật.

Tu sĩ Pāṭika can rằng: “Thôi đừng đi má ơi!”.

Bà nài nỉ nhiều lần, vị tu sĩ cũng đều can như vậy hết. Sau cùng bà nghĩ rằng: “Thầy không bằng lòng cho ta đi chùa nghe pháp, thôi thì ta hãy thỉnh Đức Thế Tôn đến đây! Như thế ta sẽ được nghe pháp”.

Sáng hôm ấy, bà chủ nhà cho gọi cậu con trai đến và bảo:

- Này con, con hãy đi thỉnh Đức Tôn Sư ngày mai đến đây.

Trước khi đi, cậu con trai ghé vào chỗ ngụ của tu sĩ Pāṭika đánh lễ vị ấy rồi ngồi xuống. Vị tu sĩ hỏi cậu:

- Cậu đi đâu vậy?

- Má tôi sai tôi đi thỉnh Đức Bôn Sur.

- Cậu đừng nên đến chỗ ông Sa môn đó.

- Không được đâu thầy. Tôi sợ má tôi lắm. Thôi để tôi đi.

- Cậu đừng đi, đồ lễ vật sắp dung cho ông ấy, để hai ta cùng chia nhau cùng ăn.

- Thôi thầy ơi! Má hăm đánh, tôi sợ lắm.

- Thế thì cậu hãy đi thỉnh đi, nhưng nhớ đừng chỉ rõ đường nào, lối nào đến nhà ta. Cậu giả như người ở gần đâu đó, và khi từ già, cậu hãy chạy nhanh cho khuất mắt, rồi rẽ sang ngã khác đến đây.

Vâng lời tu sĩ ngoại giáo ấy, thiếu niên đến thỉnh Đức Bôn Sur rồi làm theo cách thầy ấy đã dạy, xong trở về phục lệnh.

Vị tu sĩ hỏi cậu ta: “Cậu đã làm cách nào?”.

- Thưa thầy, tôi đã làm đúng như lời thầy chỉ dạy.

- Cậu giỏi thật, vậy phần lễ vật dâng cho ông Sa môn ấy, hai đứa mình sẽ chia nhau ăn nhé.

Hôm sau, từ sáng sớm, tu sĩ Pāṭika đã đến nhà bà tín chủ ấy, bà rước tu sĩ ngồi trong nhà nghỉ.

Phía nhà trước, những người láng giềng phụ tô vách, phòng bằng phân bò ướn, đoạn lấy bông lúa và bông ngũ cốc khô gieo rắc khắp nơi cho đẹp. Họ sửa soạn bảo tọa cực kỳ xinh đẹp và sang trọng để cung thỉnh Đức Bôn Sur ngồi. Quả thật, những người chưa từng thân cận với chư Phật thì không biết rằng cách sắp đặt chỗ ngồi cho bậc Sa môn. Và lại, chư Phật không cần phải có người dẫn đường chỉ lối cho Ngài đi. Trong ngày Đức chánh Biến Tri đắc đạo quả dưới cội Bồ đề, khắp cả mười ngàn thế giới Ta bà đều rung động. Ngài đã thấu rõ con đường luân hồi của chúng sanh: Đây là đường đi địa ngục, đây là đường đi súc sanh, đây là đường đi ngạ quỷ, đây là đường nhân loại, đây là đường chư Thiên và đây là đường bất diệt Đại Níp Bàn. Không bao giờ Ngài cần ai chỉ đường vào làng, hay vào thị trấn, hay đến những nơi khác. Vì thế nên sáng hôm ấy, Đức Bôn Sur mang y bát đến nhà bà đại tín chủ, bà ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Đức Bôn Sur, thỉnh Ngài an tọa trong nhà xong, xối nước khai mạc lễ cúng dường đến Ngài các vật thực loại cứng loại mềm ngon quý.

Khi Đức Bôn Sur độ xong bữa, bà cận sự nữ xin thỉnh bát Ngài, để Ngài thuyết kinh phúc chúc đến cho bà. Đức Bôn Sur ôn tồn thuyết pháp hồi hướng phước báu đến thí chủ làm cho bà vô cùng thỏa thích, vừa nghe pháp vừa thốt lên lời hoan hỷ: “Lành thay! Lành thay!”.

Khi ấy, tu sĩ Pāṭika ngồi ở nhà trong, nghe tiếng bà má nuôi đang thính pháp mà khen đồn như vậy thì dần lòng không được, đứng dậy ra đi trong lòng nghĩ rằng: “Như vậy bà này bây giờ không còn là đệ tử của ta nữa rồi”.

Tu sĩ Pāṭika xỉ mạt bà đại tín nữ luôn cả Đức Phật bằng những lời lẽ bất nhã như là: “Mụ già đốn mạt, tới số rồi đã, hãy lo phụng sự hần ta như vậy mãi nghe...”, đoạn bỏ đi luôn.

Bà cận sự nữ hổ thẹn vì lời mắng nhiếc của tu sĩ Pāṭika tâm bị xao lãng, không còn chú ý nghe pháp nữa.

Thấy vậy Đức Bôn Sur hỏi bà:

- Này bà tín nữ, bà không còn chú ý nghe pháp được nữa phải chăng?

- Bạch Ngài, những lời của thầy ấy làm cho tâm con xao lãng.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Những lời lẽ của con người ưa khích bác, chống đối như thế, nói ra bà không nên nghĩ nhớ làm gì. Đừng chắt chứa nó trong tâm, chỉ nên xem sự việc mình đã làm xong chưa, và việc mình chưa làm là hơn”.

Nói rồi, Đức Bôn Sur thuyết bài kệ sau đây:

“Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākataṃ;
Attano’va avekkheyya,
Katāni akatāni ca”.

“Lời thô bỉ gác ngoài tai,
Việc làm đắc thất của ai mặc tình?
Hãy lo quán xét việc mình,
Việc này việc nọ hoàn thành hay chưa”.



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ này, câu Phạn ngữ *Na paresaṃ vilomāni* nghĩa là không nên để ý đến những lời nói thô bỉ, độc ác, xuyên tạc của kẻ khác.

Na paresaṃ katākataṃ: Không nên nhìn xem việc đã làm, hoặc không làm của kẻ khác, chẳng hạn như thấy rằng: Ông thiện nam nọ kém đức tin, không trong sạch, chưa hề bố thí tại nhà một vá thực phẩm nào, không làm phước Trai Tăng, không dâng cúng tứ vật dụng... Hoặc là ở nơi đó Tỳ khưu nọ kém đức tin, không trong sạch, không hầu hạ thầy tể độ, không phục vụ thầy tiếp dẫn, không làm tròn bốn phận đối với Tăng mới đến, đối với Tăng sắp đi xa, với Thánh Pháp, nơi làm lễ phát lộ, trong trai đường, trong nhà tắm nước nóng... Vị ấy cũng không thọ chi đầu đà nào, không tinh tấn tham thiền hành đạo...

Attano’va avekkheyya: Tự kỷ hăng quán xét như vậy: *Kathambhūtaṃ me rattindivā vitīpatanti*: Ngày và đêm qua mau thắm thoát ta đã làm xong việc chi chưa? Người tại gia nên luôn luôn quán xét như vậy, lại phải nhớ đến huấn từ này: “Con người gia giáo có đức tin xuất gia nhập đạo phải tự hỏi rằng: “Tam tướng là Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Tại sao ta chưa dứt được bốn ách và chứng đắc Níp Bàn? Phải nên quán việc đã làm hoặc chưa làm như thế”.



Bài kệ vừa dứt, bà tín nữ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*Bày mưu thỉnh Phật chỉ sai đường,
Tiểu Điệp ganh gười được tán dương.
Trước ý làm con cao giọng mắng,
Sau do biết mẹ nặng tình thương.
Mất phần thực lộc thà ly biệt,
Được quả Thịnh Văn cũng đoạn trường!
Hai lẽ chánh tà không hiệp một,
Kẻ còn ở lại, kẻ tha phương.*

DỨT TÍCH TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP





50. Consider only your own commissions and omissions and not those of others.

50. Chỉ nên xem xét việc mình đã làm hay chưa làm, chứ không nên xem xét việc của người khác.

IV.7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ

(*Chattapāṇi upasakavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 51-52)

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantaṃ agandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitaṃ vācā,
Aphalā hoti akubbato”.

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantaṃ sagandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitaṃ vācā,
Saphalā hoti sakubbato”.

“Nhu đóa hoa tươi đẹp,
Có sắc chẳng mùi thơm.
Nhu lời nói tuy đẹp,
Không hành chẳng quả đơm”.

“Nhu đóa hoa tươi đẹp,
Có sắc có mùi thơm.
Nhu lời nói đã đẹp,
Có hành quả chắc đơm”.

Kệ Pháp Cú (51 – 52) này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Tịnh xá Jetavana, gần thành Sāvatthī, đề cập đến thiện nam Chattapāṇi (Tản Thủ).

Quả thật vậy, vào thời ấy ở thành Sāvatthī có vị cận sự nam tên là Chattapāṇi đặc A Na Hàm và thông suốt Tam tạng.

Một buổi sáng nọ, sau khi thọ giới Bát quan, ông ấy đến hầu cận với Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là chư Thánh Thánh Văn A Na Hàm thì không cần giữ giới Bát quan trai, vì các vị ấy giữ tròn phạm hạnh và không còn ăn sái giờ nữa. Do đó, có Phật ngôn: “Tâu đại vương! Dầu là người thợ làm chén, làm đồ gốm nhưng nếu ăn một ngày một bữa và giữ phạm hạnh tròn, thì cũng là bậc có giới đức, có thiện pháp, ví như vị A Na Hàm luôn luôn ăn ngày một bữa và giữ tròn phạm hạnh vậy!”.

Tuy nhiên, cận sự nam Chattapāṇi cũng theo lệ thọ trì Bát quan trai giới, rồi đến gần Đức Bôn Sur, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên nghe thuyết pháp.

Ngay lúc bấy giờ, quốc vương Pasenadi Kosala cũng ngự đến hầu Đức Bôn Sur.

Thấy quốc vương đến, ông cận sự nam nghĩ thầm: “Ta có nên đứng dậy hay không?”. Ông xét thấy rằng: “Ta đang ngồi châu một vị Hoàng đế mà đứng lên chào một vua chư hầu thì không phải phép. Dầu cho quốc vương có thấy ta không đứng dậy tiếp rước mà giận dữ, ta cũng đành để cho quốc vương giận, chớ ta không đứng dậy. Quả nhiên, nếu thấy các vua mà đứng dậy thì quý trọng đức vua hơn Đức Bôn Sur hay sao? Thôi ta nhất định không đứng”. Thế rồi, ông cận sự nam ngồi yên như cũ.

Các bậc hiền trí không bao giờ giận người đang ngồi gần vị cao quý hơn mình, khi người này thấy mình mà không đứng dậy. Nhưng quốc vương thấy ông Chattapāṇi không đứng dậy chào mình, nghinh tiếp mình, thì lại bất bình, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi nép qua một bên, Đức Bôn Sur biết đức vua đang giận, bèn đề cao ông thiện nam rằng:

- Tâu đại vương! Cận sự nam Chattapāṇi này là bậc hiền giả, bậc lịch sự, thông suốt Tam tạng Pháp bảo, hiểu rành các điều hữu ích và vô ích.

Quốc vương nghe Đức Bôn Sur ca tụng cận sự nam với ân đức thù diện thời mới ngồi con giận và phát tâm hoan hỷ.

Sau đó, một hôm quốc vương đã thọ thực xong, đang đứng trên lầu cao trong cung đình, trông thấy thiện nam Chattapāṇi, tay cầm dù chân mang dép tiến lên sân ngự, bèn cho quân hầu gọi ông vào đền, ông bỏ dù, cởi dép, đến gần đánh lễ quốc vương, rồi đứng nép qua một bên. Quốc vương phán hỏi:

- Này khanh cận sự nam, sao khanh lại bỏ dù, cởi dép chi vậy?

- Tâu bệ hạ! Vì nghe có lệnh quốc vương dòi, nên thần dân bỏ dù cởi dép ra mà vào hầu hạ bệ hạ.

- Chắc hôm nay khanh mới nhận biết trẫm là quốc vương phải không?

- Tâu bệ hạ! Thần dân chúng tôi lúc nào cũng nhận biết bệ hạ là quốc vương luôn luôn.

- Nếu nói như thế, tại sao ngày hôm nọ khanh ngồi bên Đức Thế Tôn, thấy trẫm đến sao khanh không đứng dậy?

- Tâu đại vương! Như người đang ngồi châu Đức hoàng đế mà trông thấy các vua chư hầu, nếu thần dân đứng dậy lúc ấy hóa rá bất kính thất lễ với Đức Bôn Sur. Vì vậy mà thần dân không đứng dậy.

- Khanh nói cũng hữu lý, trẫm nghe nói khanh là bậc hiểu rành các sự lợi và bất lợi trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai, thông suốt Tam tạng kinh điển, vậy khanh hãy thuyết pháp ngay trong hậu cung đình cho trẫm nghe.

- Tâu bệ hạ, không được.

- Vì lý do nào?

- Tâu bệ hạ, chốn cung đình thâm nghiêm trang trọng, có nhiều nghi thức phiền phức, thần dân không dám phạm thượng.

- Khanh chớ nói như thế, bữa hôm trước khanh trông thấy trẫm còn không đứng dậy chào, bây giờ đừng e ngại gì cả.

- Tâu bệ hạ, người cư sĩ tại gia mà vượt quá phận sự của mình đảm nhiệm làm phận sự của Tăng thì mang lỗi. Xin bệ hạ hãy cho triệu thỉnh một bậc xuất gia vào đây thuyết pháp.

Quốc vương phán: “Lành thay, thôi khanh đi đi”.

Cho phép cận sự nam đi rồi, quốc vương ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn và yêu cầu:

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā và hoàng hậu Vāsabhakhattiya ngỏ lời muốn ôn nhuần các bài pháp. Xin thỉnh Ngài với năm trăm Tỷ khưu thường nhật vào hoàng cung thuyết giảng cho họ nghe.

- Tâu đức vua, chư Phật không bao giờ đến mãi một nơi nào.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỷ khưu khác cũng được.

Đức Bôn Sur bèn giao trọng trách ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức hằng ngày vào thâm cung giảng dạy kinh điển cho hai hoàng hậu. Trong hai bà, bà Mallikā chăm chỉ học tập nên thuộc lòng được các kinh tụng. Bà Vāsabhakkhattiya trái lại không chăm chỉ học tập cho nên không thể thuộc lòng được các kinh tụng. Một hôm, Đức Bôn Sur phán hỏi Đại đức:

- Này Ānanda! Hai tín nữ ấy có ôn thuần kinh pháp hay không?

- Bạch Ngài, có.

- Người nào chăm chỉ học tập?

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā chăm chỉ học tập cho nên có thể nhập tâm được các bài kinh tụng một cách hoàn toàn. Còn bà quyến thuộc của Ngài không chăm chỉ học tập nên không thể nhập tâm kinh tụng một cách mỹ mãn.

Nghe Đại đức trình bày, Đức Bôn Sur kết luận:

- Này Ānanda! Pháp của ta thuyết giảng kẻ nào không nghe, không học, không tập, không thuyết thì không được kết quả gì. Ví như thứ hoa hữu sắc vô hương. Còn kẻ nào ráng nghe, ráng học, ráng tập, ráng thuyết thì sẽ gặt hái nhiều kết quả, hưởng được phúc báu to tát.

Nói rồi Đức Bôn Sur ngâm hai bài kệ sau đây:

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam agandhakam;
Evam subhāsitaṃ vācā,
Aphalā hoti akubbato”.

*“Như hoa sắc đẹp có thừa,
Mùi thơm chẳng có thì chưa quý gì?
Lời lành thuyết để mà chi?
Nếu không cố gắng thực thi việc lành”.*

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam sagandhakam;
Evam subhāsitaṃ vācā,
Saphalā hoti sakubbato”.

*“Như hoa tươi tốt trên cành,
Sắc hương thấm đượm lịch thanh đủ mùi.
Lời lành nếu đã thuyết rồi,
Làm lành kết quả an vui thấy liền”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ **ruciraṃ** nghĩa là sáng sủa, đẹp đẽ, tươi tốt.

Vaṇṇavantam: Là có đầy đủ màu sắc.

Agandhakam: Là không có hương thơm, như nhiều loại hoa ở rừng núi, trừ ra hoa lài, hoa sứ, hoa mẫu đơn.

Evam subhāsītā vācā: Lời lành ở đây là Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, ví như loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như loại hoa vô hương này nếu có giắt, đeo trên thân mình cũng không thể tiết ra mùi thơm được. Các câu Phật ngôn cũng thế, ai không kính cẩn nghe, không kính cẩn thọ trì, tức là không làm điều đáng làm thì không có mùi thịnh hương, thọ hương, hành hương, không có kết quả. Do đó, Phật dạy câu:

Lời lành thuyết để mà chi?

Nếu không cố gắng thực thi việc lành.

Sandhagankam: Là có mùi thơm, không như tai nấm, hoa lục bình, hoa rau muống... Cũng như thế ấy, ai mang, giắt những thứ hoa thơm trên mình thì thân mình xông ra mùi hương thơm tho dễ chịu, như người thực hành theo Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, tức là kính cẩn nghe, kính cẩn thọ trì, là làm việc nên làm thì sẽ gặt hái được nhiều phước báu vậy.



Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, kỳ dư thánh chúng đều được hưởng sự lợi ích.

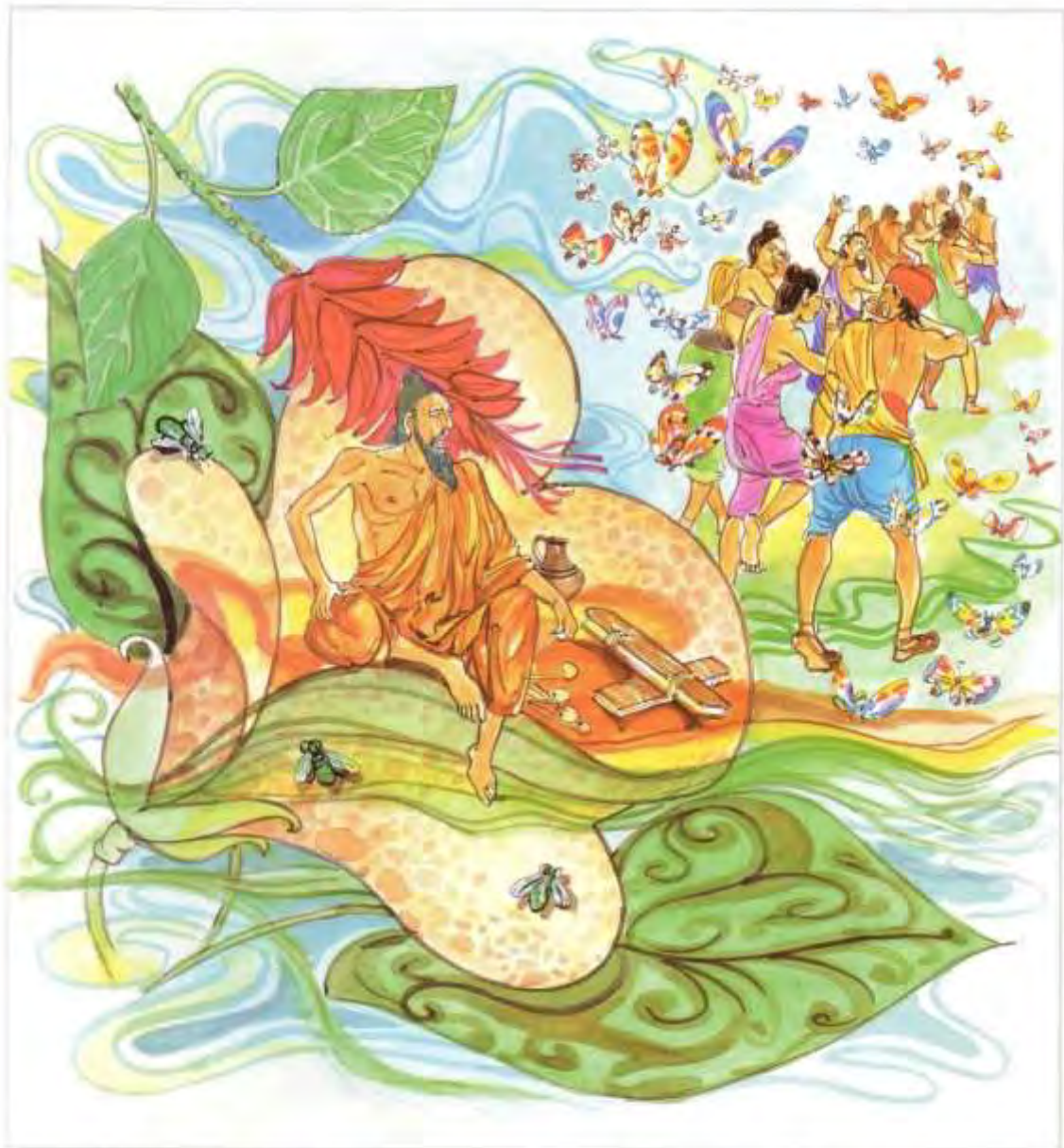


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tản Thủ đa văn lại khéo hành,
Tại gia đắc quả đáng nêu danh.
Thấy vua, kính Phật không rời chỗ,
Trọng pháp, nhường Tăng chẳng hợm mình.
Mạt Lê Viên, hoa đủ sắc hương,
Phật ngôn học tập hiểu tinh tường.
Dày công kính cẩn hành không mỏi,
Đáng được đời sau mãi tán dương!
Hòa Tát Ba thì chẳng dụng công,
Như hoa có sắc thiếu hương nồng.
Uổng mang tên tuổi Hoàng gia Thích,
Pháp học, hành chi cũng bất thông...*

DÚT TÍCH THIỆN NAM CHATTAPĀṆI





51. Mere sweet words which one never practises, are like flowers without fragrance.

51. Chỉ nói những lời ôn hòa mà ta không thực hành cũng giống như những thứ hoa không có hương thơm.



52. Sweet words which are put into practice are like flowers, beautiful, colourful and fragrant.

52. Những lời nói êm dịu được thực hành cũng giống như các thứ hoa tươi đẹp, đủ màu sắc và hương thơm.

IV.8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI

(*Visākhāvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 53)

**“Yathā’pi puppharāsīmhā,
Kayirā mālāguṇe bahū;
Evam jātena maccena,
Kattabam kusalam bahum”.**

***“Nhu hoa từ một đồng,
Kết được nhiều tràng hoa,
Từ thân người tạm sống,
Nhiều thiện sự sanh ra”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài an ngự tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), đề cập đến bà Visākhā (Thiện Chi).

Tương truyền rằng: Bà Visākhā là con gái của bà Sumanadevī. Bà này là vợ chánh thất của Trưởng giả Dhanañjaya (Hộ Tài Thắng), ông này là con của Trưởng giả Menḍaka (Miên Dương) ở thành Bhaddiya, trong xứ Aṅgaratṭha (Ương Già).

Lúc bà Visākhā mới lên bảy tuổi thì Đức Bôn Sur lãnh đạo đại chúng Tỳ khưu ngự vào thành Bhaddiya, vì Ngài nhận thấy nơi đây có nhiều người hội đủ căn lành, có thể chứng đắc đạo quả như ông Bà la môn Sela (Nhan Thạch) chẳng hạn.

Vào thời kỳ ấy, gia chủ Menḍaka là người giàu có nhất trong số năm vị đại phúc (Pañcamahāpuñña) ở thành đô, vừa được vua phong chức Trưởng giả (Seṭṭhī). Nhà ngũ đại phúc Menḍaka cưới được vợ chánh thất tên là Candapadumā (Nguyệt Liên), sanh được người con trưởng nam tên là Dhanañjaya có nàng dâu là nàng Sumanadevī, có được người nô bộc là Puṇṇa (Viên Mãn). Trên toàn lãnh thổ của vua Bimbisāra không phải chỉ có ông Menḍaka là bậc đại phú gia mà còn có bốn người khác nữa, cũng là bậc đại phú gia phú hữu tứ hải (amitabhogā). Đó là ông Joṭika, Jāṭila, Menḍako Puṇṇaka và Kākavolliyo (Ô Nha Cát Đăng).

Trong năm nhà đại Trưởng giả này, ông Menḍaka biết tin là Đức Thập Lực đã ngự đến gần nhà, bèn gọi cô cháu gái là nàng Visākhā con gái của ông Trưởng giả Dhanañjaya, bảo rằng:

- Nay cháu, hôm nay là ngày hạnh phúc của cháu, và cũng là ngày hạnh phúc của ông nữa, cháu hãy dắt dẫn năm trăm cháu gái khác, ngồi lái năm trăm chiếc xe có năm trăm nữ tỳ theo hầu, đi cung nghinh Đấng Thập Lực.

Cô bé vâng lời đáp: “Lành thay!”.

Hướng đạo đoàn xe một cách thông thạo, đi đến chỗ xe không còn đi được nữa, cô Visākhā xuống xe đi bộ vào gần Đức Bôn Sur, đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, do duyên lành cô đã gieo từ kiếp quá khứ, Đức Bôn Sur thuyết pháp cho cô nghe. Nghe dứt thời pháp cô Visākhā cùng năm trăm cô bé đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Ông Trưởng giả Menḍaka đến yết kiến Đức Bôn Sur khi được nghe pháp của Đức Thế Tôn cũng đắc quả Tu Đà Hườn, ông thỉnh cầu được Trai Tăng ngày mai. Hôm sau, tại tư thất của ông, ông đã khoản đãi Đại đức Tăng có Đức Phật làm chủ tọa

bằng những thực phẩm ngon lành, loại cứng và loại mềm. Đại lễ Trai Tăng này kéo dài suốt nửa tháng, ngày nào cũng thịnh soạn như vậy cả.

Đức Bôn Sur lưu lại gần thành Bhaddiya cho tới lúc Ngài xét là vừa phải rồi mới rời khỏi nơi đó.

Thời bấy giờ, hai quốc vương Bimbisāra và Pasenadikosala có tình á nghị (anh em bạn rề) với nhau, cho nên một hôm đức vua Pasenadi nghĩ thầm: “Trong nước của Bimbisāra có đến năm nhà đại Trưởng giả phú hữu vô lượng (amitabhogā), còn trong nước quả nhân, một nhà cũng không có. Vậy để quả nhân sang viếng vua Bimbisāra mà xin thỉnh bớt một nhà đại Trưởng giả mới được”.

Thế rồi quốc vương ngự giá sang qua nước bạn, trong khi tương hội với vua Bimbisāra, đức vua Bimbisāra hỏi á hoàng đệ rằng:

- Á hoàng đệ sang viếng quả nhân có việc chi chăng?

- Trong nước của hoàng huynh có đến năm nhà đại phúc phú hữu vô lượng cư trú, hoàng đệ muốn có một nhà như vậy trong nước mình, nên mới sang đây cạy hoàng huynh cho đệ xin thỉnh bớt một vị.

- Những nhà thế gia vọng tộc, quả nhân không thể bắt buộc họ di tản được.

- Nếu không được nhà nào hết thì tiểu đệ sẽ không về nước.

Khi ấy, vua Bimbisāra cho nhóm các đại thần lại thương nghị, rồi phán rằng:

- Việc di chuyển ngũ đại gia, nhất là Trưởng giả Jotika chẳng khác nào phải di chuyển quả địa cầu. Duy có Trưởng giả Menḍaka có người trưởng nam là Trưởng giả Dhanañjaya, may ra có thể di chuyển được. Vậy thì, á hoàng đệ hãy chờ trầm cho triệu ông ấy vào triều hỏi ý rồi sẽ trả lời dứt khoát.

Nói rồi vua Bimbisāra cho nội thị thỉnh Trưởng giả Dhanañjaya vào triều và phán rằng:

- Này hiền khanh! Quốc vương Kosala ngỏ ý muốn thỉnh một đại Trưởng giả đem về nước, vậy hiền khanh khá mau lên đường đi với quốc vương.

- Tàu bệ hạ! Nếu lệnh bệ hạ sai thì thần ắt phải đi.

- Nếu vậy, hiền khanh hãy lo chuẩn bị khởi hành cho sớm.

Trưởng giả Dhanañjaya lo về nhà sắp xếp các việc cần yếu, rồi dắt cả vợ con gia đình theo vua Pasenadikosala.

Quốc vương Bimbisāra ban nhiều tặng phẩm trọng hậu, sai đại thần đưa vua Pasenadi về nước.

Đoàn lữ hành đi được một ngày đêm, đến một địa phận nọ, có đầy đủ tiện nghi thì đình bộ nghỉ ngơi.

Khi ấy, Trưởng giả Dhanañjaya hỏi vua Pasenadi rằng:

- Tàu bệ hạ! Đây thuộc quốc độ nào?

- Thuộc quốc độ của trăm đấng Trưởng giả.

- Từ đây đến Sāvattthī còn bao xa?

- Độ bảy do tuần.

- Tàu bệ hạ! Ở kinh thành thì dân cư trù mật, mà gia nhân quyền thuộc của hạ thần thì đông đảo quá, nếu lệnh bệ hạ chuẩn tầu, thì hạ thần xin lưu ngụ nơi đây.

- Lành thay!

Sau khi phê chuẩn, quốc vương truyền lệnh sửa sang kiến thiết địa phương này thành một đô thị, ân tứ cho Trưởng giả Dhanañjaya, xong rồi Ngài mới về triều. Vì đại gia đình di tản đến nơi đây vào lúc chiều tối cho nên thành phố được mệnh danh là Sāketa (Mộ Đáo Thành).

Thời ấy, nơi thành Sāvattthī có cậu công tử là con ông Trưởng giả Migāra (Migārasettthi), tên là Puṇṇavaḍḍhana (Mãn Hưng), công tử đến tuổi trưởng thành, hai ông bà bảo với công tử:

- Con à! Con liệu coi có chỗ nào ưng ý thì nói, để cha mẹ lo vợ cho con.

- Thừa ba má, con không muốn có vợ chút nào cả.

- Con à! Con đừng ở vậy không nên, trai không lập gia đình thì không có con trai để nối dõi tông đường.

Thấy song thân nhọc lòng nói mãi:

- Thôi thì, chừng nào ba má tìm được một thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu (Pañcakalyānasāmannāgataṃ) thì con sẽ vâng lời cha mẹ.

- Con à, ngũ mỹ câu hữu là những gì vậy con?

- Tóc tốt, thịt tốt, xương tốt, da tốt, tuổi xuân tốt (lẽ thường tóc của những nữ nhân hữu phúc mảnh và mượt, khi xả ra buông thõng xuống lai y nội, ngọn tóc lại uốn cong ngược trở lên, giống như đuôi con công, đó là tóc tốt (Kesākalyāna).

Môi đỏ như trái Bimba (Tân loa) tươi nhuận, mềm mại, đầy đặn nhưng thanh tú, đó là thịt tốt (Mamsakalyāna).

Hai hàm răng trắng, không có kẽ hở, rất đẹp và đều như chuỗi kim cương do thợ ngọc khéo kết, mỗi khi cười thì lon lanh như ốc xà cừ. Đó là xương tốt (Atthikalyāna).

Làn da tự nhiên không tô phấn sáp mà mịn màng tươi tắn, không có vết thẹo, bớt đen hoặc nốt ruồi, nếu đen thì như hoa sen xanh, còn trắng thì như hoa Kaṇṇikā, đó là da tốt (Chavikakalyāna).

Dầu sanh nở mười lần con cũng như gái một con, không mất nhan sắc tuổi thanh xuân, đó là tuổi xuân tốt (Vayakalyāna).

Sau khi công tử đưa ra yêu sách như thế, ông bà Trưởng giả lập tức thỉnh một trăm lễ tám vị Bà la môn đến nhà, đãi ăn ong trọng, xong rồi mới hỏi rằng:

- Thừa các Ngài, mỹ nữ có ngũ mỹ câu hữu có tìm được chăng?

- Thừa có.

- Nếu vậy, xin quý vị vui lòng ra công tìm thiếu nữ có mỹ dung như thế giúp chúng tôi.

Ông bà Trưởng giả giao rất nhiều tiền cho những người đi tìm nàng dâu tương lai và đình ninh dặn dò rằng:

- Khi nào được việc các vị trở về, chúng tôi xin hậu tạ. Bây giờ cứ xin quý vị hãy ráng sức tìm cho gặp được thiếu nữ ngũ mỹ câu hữu như thế. Khi nào tìm được, quý vị hãy giao vòng này cho cô ấy đeo làm lễ vật cầu hôn.

Ông Trưởng giả giao cho họ một cái vòng kim hoa trị giá một trăm ngàn đồng vàng (Kahāpaṇa) và giục họ lên đường.

Các ông mai di chu du khắp tỉnh thành, đô thị lớn nhỏ, không tìm gặp được thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu, họ quay trở về đi đến thành Sāketa, nhằm ngày khai sáng thành này, họ nghĩ thầm: “Hôm nay chắc công việc tìm người của chúng ta có kết quả”.

Tương truyền rằng trong thành này mỗi năm đều có lễ hội kỉ niệm ngày khai sáng thành phố. Vào ngày lễ, tất cả dân chúng, cho đến những nàng tiểu thư khuê các, bắt xuất khuê phòng, những gia đình tịnh cư cũng đều ra khỏi nhà, dắt theo đoàn tùy tùng, đầu trần chân không đi bộ xuống bờ sông.

Ngày này, các thiếu niên dầu là vương tôn công tử thuộc dòng Sát Đê Ly, cũng ra đứng nơi ngã ba đường hay ngã tư, chờ gặp các tiểu thư đồng trang lứa hợp ý đi qua, đăng ném hoa kén vợ.

Tám vị Bà la môn cũng vào đứng trong ký túc xá ở gần bờ sông. Lúc ấy, tiểu thư Visākhā tuổi vừa cập kê, mình đeo giắt nhiều loại nữ trang, đang dẫn năm trăm thiếu nữ đi tắm sông, cũng vừa đi đến đó. Thành linh mây đen kéo tới, rồi thì mưa lớn, cả năm trăm thiếu nữ lật đật kéo nhau đi vào ký túc xá tránh mưa. Chỉ riêng tiểu thư Visākhā thông thả bước vào ký túc xá, y phục và các trang sức đều dầm ướt nước mưa, các ông Bà la môn nhìn thấy tiểu thư hội đủ bốn mỹ đức, muốn thử xem răng của nàng, nên giả vờ nói chuyện lớn tiếng với nhau rằng: “Con gái của ta lười quá, chồng nào vô phúc mắc phải cô này chắc cháo cũng không có mà húp”.

Nghe vậy, tiểu thư Visākhā hỏi mấy ông khách lạ:

- Chẳng hay quý ông muốn ám chỉ ai thế?

- Chúng tôi nói cô đó mà.

Tiểu thư dùng lời ôn tồn, ngọt dịu nói như rót mật, hỏi lại: “Vì lí do nào mà quý ông nói tôi như thế?”.

- Đoàn thiếu nữ tùy tùng của cô không bị ướt y phục, đồ vật, nhờ lạnh chân chạy vào ký túc xá, còn cô thì đứng đả đủng đỉnh, không lạnh lẽo chạy vào đụt mưa, y phục nữ trang đều ướt mem, cho nên chúng tôi mới nói cô đó.

- Xin quý ông đừng nói như thế, tôi mạnh khỏe hơn các cô ấy. Vả lại, tôi không hời hả chạy vào đây vì những lý do chánh đáng.

- Cô nói sao?

- Thừa quý ông, đôi với bốn hạng chúng sanh, dáng đi mau lẹ xem không đẹp, ngoài ra còn có một lý do khác nữa.

- Bốn hạng người nào mà dáng đi lanh lẹ coi không đẹp đâu hở cô?

- Thừa ông, quốc vương trong lễ gia miện, long thể trang sức đầy châu báu, mà xắn vén triều phục, bước đi lanh lẹ giữa sân rồng thì coi không đẹp, thể nào cũng bị thiên hạ chỉ trích rằng: Đại vương gì mà chạy lẹ quá như người gia trưởng vậy. Nếu quốc vương giữ dáng đi chậm rãi coi mới đẹp.

Thốt tượng hạnh phúc (Maṅgala) của quốc vương, đã được trang phục chỉnh tề mà chạy đi lanh lẹ coi cũng không đẹp, như thế ắt hẳn bị người chê trách, bảo rằng: Loài voi có tướng đi uyển chuyển coi mới đẹp.

Hàng xuất gia mà có tướng đi lanh lẹ coi cũng không được như thế, ắt người chê trách, bảo rằng: Ông Sa môn này sao chạy lẹ quá như người cư sĩ vậy, nếu ông ta đi thông thả thì coi mới đẹp.

Hàng phụ nữ có dáng đi lanh lẹ coi cũng không đẹp được, thiên hạ sẽ quở trách một cách hợp lý là: Phụ nữ này làm gì mà chạy quá lẹ như nam nhân vậy. Phụ nữ có dáng đi khoan thai như thường thì coi mới được.

Đó là bốn hạng chúng sanh mà dáng đi lanh lẹ coi không được đó quý ông.

- Ngoài ra còn có lý do nào khác nữa vậy cô?

- Thừa quý ông, các bậc phụ mẫu nuôi dưỡng con cái, ráng gìn giữ cho con mình tay chân được lành lặn. Vì chúng tôi là những món hàng để bán, cha mẹ nuôi cho đến lớn, chờ chàng trai đến là gả tống chúng tôi đi. Nếu trong khi hấp tấp vội vàng, chúng tôi vướng vấp lại y phục, té ngã xuống đất mà gãy tay hay gãy chân. Như vậy có phải là trở nên một gánh nặng cho gia đình chẳng? Thà là để cho y phục bị ướt cùng với đồ tư trang, rồi sau sẽ giặt phơi khô. Đó là lý do khiến cho tôi suy nghĩ đắn đo, rồi tôi mới không chạy, thưa quý ông.

Trong lúc tiểu thư nói, tám ông Bà la môn thấy được hai hàm răng đều đặn tốt đẹp của tiểu thư, thì nghĩ thầm:

- Thiếu nữ này có đủ tư cách như vậy chúng ta chưa từng gặp.

Họ bèn tán dương tiểu thư và nói:

- Tiểu thư biện luận thật là đúng lý.

Thế rồi, các ông mai đeo tặng phẩm là chiếc vòng kim hoa cho tiểu thư. Tiểu thư bèn hỏi:

- Chẳng hay quý ông từ thành phố nào đến đây?

- Từ thành Sāvattthī, thưa tiểu thư.

- Vị Trưởng giả mà quý ông đại diện tên là chi?

- Là ông Trưởng giả Migāra, thưa tiểu thư.

- Trưởng nam của ông Trưởng giả tên là chi?

- Là Puṇṇavaḍḍhana công tử, thưa tiểu thư.

Tiểu thư nhận lời cầu hôn vì thấy dòng dõi của Puṇṇavaḍḍhana cũng môn đăng hộ đối với dòng dõi nhà mình, tiểu thư nhắn tin về cho phụ thân:

- Xin cho kiệu xa đến rước con.

Lúc trước, tiểu thư đi bộ ra khỏi nhà, nhưng từ khi nhận chiếc vòng kim hoa đeo lên cổ rồi thì không được tự do đi bộ như thế nữa.

Các tiểu thư vọng tộc đi bằng kiệu xa nhỏ nhẹ, còn những thiếu nữ hầu trèo lên thứ xe nhỏ thường hoặc là cầm lọng hoặc là lấy quạt che phía trên đầu, bằng chẳng vậy thì các cô lấy y choàng phủ lên vai.

Ông Trưởng giả Dhanañjaya gọi đến cho tiểu thư năm trăm cỗ xe, tiểu thư cùng với các thị nữ đồng lên xe trở về nhà. Tám ông Bà la môn cũng đi theo một lượt.

Khi thấy các ông mai, ông Dhanañjaya hỏi:

- Quý khách từ đâu lại đây?

- Thưa Trưởng giả, từ thành Sāvattihī.

- Trưởng giả thành ấy tên là chi?

- Thưa là Migārasethi.

- Con trai ông tên là gì?

- Thưa tên là Puṇṇavaḍḍhana công tử.

- Gia sản của ông ấy được bao nhiêu?

- Thưa Trưởng giả được bốn trăm triệu đồng vàng.

- Bấy nhiêu đó mà so sánh với gia sản nhà ta thì đàn trai còn thua xa lắm. Kể ra cũng chưa đủ tiền phẩn sấp cho con gái ta, chớ đừng nói chi đến tiền khác. Tuy nhiên, một khi gặp chỗ xứng đáng cho con gái mình nương tựa thì còn so hơn tính thiệt mà làm gì.

Nói rồi, ông Dhanañjaya nhận lời cầu hôn của các vị Bà la môn, ông cầm các ông mai ở lại khoản đãi trong hai ngày rồi tiễn chân các ông trở về thành Sāvattihī.

Khi về đến kinh thành, họ báo tin mừng cho Trưởng giả Migāra: “Chúng tôi đã tìm được nàng dâu có đầy đủ ngũ mỹ đức”.

- Nàng ấy là con nhà ai?

- Là ái nữ của Trưởng giả Dhanañjaya.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra nghĩ thầm: “Ta may mắn được con dâu nhà vọng tộc. Vậy ta nên cưới đem về cho gấp”.

Ông vào trình với quốc vương đề đi Sāketa, lo việc hôn nhân cho trưởng tử.

Quốc vương phán rằng:

- Đại gia tộc ấy là do trầm đã sang viếng vua Bimbisāra, thỉnh được đưa về ngụ nơi Sāketa. Quả nhân cần phải ưu đãi, quý trọng, vậy để quả nhân cùng đi với khanh.

Ông Trưởng giả Migāra vâng lời, đáp: “Lành thay, tâu bệ hạ”. Đoạn ông trở về nhà, thảo ngay một bức thư gửi cho bá hộ Dhanañjaya, lời lẽ vắn tắt như vậy: “Khi bị nhân đến sẽ có đức vua cùng đến và quân gia rầm rộ đông đảo, hằng bấy nhiêu người cần phải thù tiếp, tiên sinh liệu có thể lo kham hay không?”.

Ông Dhanañjaya phúc thư rằng: “Dầu cho có mười vị quốc vương đến cũng tốt vậy”.

Thế là, trọn cả kinh đô rộng lớn như thế, ngoại trừ những người phải trông nom nhà cửa, còn tất cả bao nhiêu cư dân, ông Migāra đều cho đi theo dự lễ hành hôn. Đến một địa điểm cách Sāketa nửa do tuần, ông Migāra lựa chỗ cắm trại, rồi gửi thư báo tin cho chàng gái: “Chúng tôi đến”.

Ông Dhanañjaya cho người mang nhiều lễ vật đến đãi sui gia, rồi gọi con gái đến hỏi ý kiến rằng:

- Này con, nghe nói cha chồng của con cùng các vương gia xứ Kosala đến đây. Vậy con thử nghĩ: Trong các lâu đài của ta, nên tiếp đãi cha chồng con trong tòa lâu đài nào, quốc vương tại lâu đài nào, chư Tiểu vương tại ngôi nào?

(Tiểu thư là một bậc hiền minh, có trí tuệ sáng suốt, quyết định mau lẹ chớp nhoáng, nhờ nàng đã phát nguyện từ một trăm ngàn kiếp trái đất về trước).

Khi nghe phụ thân hỏi, tiểu thư bèn đáp:

- Cha hãy tiếp đãi cha chồng của con ở ngôi nọ, quốc vương ở ngôi nọ, các tiểu vương thì ở những ngôi kia.

Chỉ dẫn cho phụ thân xong rồi, tiểu thư cho gọi các nô tỳ gia đình đến phân phát công việc:

- Bao nhiêu đây hãy lo cơm nước đãi đấng quốc vương, bao nhiêu đây hãy lo đãi các tiểu vương... Ngoài ra các người cũng phải lo săn sóc voi, ngựa ăn uống đàng hoàng tử tế, phải lo cho các tượng nô, mã phu theo hầu quốc vương, để họ được rảnh rang mà dự lễ nữa...

- Tại sao vậy?

- Đừng để cho một ai có lời phiến trách, như nói: “Chúng ta đi dự lễ cưới của tiểu thư Visākhā mà chẳng có được chút gì vui thú, vì mắc lo giữ ngựa chăm voi, không đi đâu được hết”.

Trong ngày ấy, thân phụ của tiểu thư Visākhā cho rước năm trăm thợ kim hoàn đến tư thất, đặt khoán cho họ: “Hãy làm cho con gái ta một sợi dây chuyền thật lớn như cái áo dài”. Rồi ông giao cho thợ một trăm ngàn đồng vàng (Nikkha), đủ số lượng bạc và kim cương... trân châu, san hô, ngọc thạch để cần theo kiểu mẫu...

Quốc vương ở lại vài ba ngày, rồi sai cận thân mang chiếu chỉ cho ông Trưởng giả Dhanañjaya:

- Khanh không thể đảm nhận trọng trách cung cấp cho quả nhân cùng với tất cả binh gia tùy giá lâu dài được. Vậy hiền khanh khá chọn ngày lành tháng tốt làm lễ vu quy đi.

Trưởng giả Dhanañjaya vội vàng gửi sứ phúc đáp quốc vương:

- Bây giờ đang đầu mùa mưa, trọn bốn tháng này, sự lưu thông sẽ bị gián đoạn. Tất cả những nhu yếu phẩm của đạo quân tùy giá, bất cứ món chi bệ hạ cần đến, hạ thần xin gánh chịu hết; bao giờ hạ thần tiễn biệt, chừng ấy bệ hạ sẽ ngự giá đăng trình.

Từ đó trở đi, thành Sāketa luôn luôn tung bừng rộn rịp như trong những ngày tết vậy, từ quốc vương cho đến quân dân không sót một ai, tất cả đều được cung cấp đầy đủ vật dụng như tràng hoa, vật thơm, y phục, thuốc men... Ai ai cũng nghĩ rằng: “Trưởng giả hậu đãi chúng ta thật thịnh tình”.

Ba tháng đã qua như thế, sợi dây chuyền vàng nạm ngọc vẫn chưa làm xong, các nữ giám thị, nữ công nhân đầu bếp thừa với Trưởng giả Dhanañjaya:

- Mọi công việc đều trôi chảy, không chỉ rắc rối cả, nhưng củi gần hết, không đủ chụm để nấu ăn đãi binh lính trong tháng tới.

- Các người hãy đi khắp thành, xem những chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng bò nào mục cũ, và những trại xiêu vẹo tới tuổi rồi thì cứ việc dỡ xuống hết lấy làm củi chụm.

Thứ nhiên liệu này chỉ xài được có nửa tháng, các nữ giám thị lại bẩm cho Trưởng giả biết để liệu định.

- Trong mùa này không làm cách nào kiếm được củi, thôi thì các người hãy mở kho vải ra, lấy vải thô xấu quần bó làm đuốc, đem tẩm vào các thùng dầu chai để nấu ăn thế cho củi vậy.

Các nữ giám thị vâng lời chủ làm y như thế trong nửa tháng. Như thế là trọn bốn tháng mùa mưa, món nữ trang của tiểu thư cũng làm xong.

Món trang sức đặc biệt này, thợ cần đến bốn gáo (Naḷi) kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc ma ni bảo châu, như thế là nó chứa hết bao nhiêu thứ bảo châu này, bảo châu nọ. Thợ không dùng chỉ thường, mà dùng sợi chỉ làm bằng bạc để kết, nếu đứt nó lại phía trên rồi thả thòng xuống thì đến bàn chân. Ở nhiều nơi thợ kết những nút bằng vàng, khuy thì bằng bạc để gài cho chắc, trên đầu, hai nút ở hai tay, một nút ngay yết hầu, hai nút ở đầu gối, hai nút ở chỗ cánh nhỏ, một nút trước ngực, và một nút chỗ eo lưng.

Trong món nữ trang y như cái áo này, thợ có làm một con Không Tước (Công) đang múa, cánh phải có năm trăm cái lông cũng toàn là vàng ròng, mỏ công bằng san hô, mắt bằng bảo châu, chỗ cổ và đuôi cũng vậy, đuôi công có năm trăm hình mặt trời, chân công bằng bạc.

Món nữ trang này khi tiểu thư đội lên đầu, trong giống hệt như con Không Tước đứng trên chót núi đang múa thật vậy.

Tiếng reo của ngàn cái lông có hình mặt trời nghe du dương như tiếng nhạc thiên thai vang rền như tiếng ngũ âm. Khi đến gần trông thật rõ mới biết không phải là chim thật.

Vật liệu dùng làm món trang sức này trị giá đến chín mươi triệu và tiền công thợ là một trăm ngàn Kahāpaṇa.

(Do phước báu nào mà tiểu thư làm chủ được món nữ trang này? Tương truyền rằng: “Trong thời kì Đức Phật Kassapa tiểu thư đã cúng dường y và vải may y đến hai muôn Tỳ khuru, nàng dâng luôn cả kim chỉ màu nhuộm để cho chư Tăng tự ý sử dụng. Do phước cúng dường y phục này mà tiểu thư được sợi dây chuyền to lớn quý giá này. Phụ nữ dâng y thì được phát sanh nữ trang to quý như thế, còn nam nhân khi xuất gia thì có y bát sẵn, do thần thông phát sanh).

Trưởng giả Dhanañjaya sửa soạn tư trang cho tiểu thư trong bốn tháng như thế, mà còn cho thêm tài sản để làm của hồi môn, đem theo về nhà chồng: năm trăm cỗ xe bò chở đầy tiền vàng, năm trăm cỗ chén quý, đĩa quý bằng vàng, năm trăm cỗ chén đĩa bạc, năm trăm cỗ mâm thau, năm trăm cỗ dầu sữa, năm trăm cỗ đường mía, năm trăm cỗ mâm đồng đen, năm trăm cỗ tơ lụa hàng vải, năm trăm cỗ sanh tô, năm trăm cỗ gạo ngon, năm trăm cỗ nông cụ như lưỡi cày, lưỡi cuốc... Người ta nói rằng: Ông Trưởng giả muốn cho con gái mình về nhà chồng khỏi phải lo thiếu thốn món này món nọ, phải đi chạy mượn của nhà khác, nên cho đủ thứ nông cụ như thế!

Ông Trưởng giả còn cho một trăm chiếc xe kiệu trên mỗi chiếc xe đều có ba nàng tỳ nữ, trang sức lộng lẫy để theo phục dịch tiểu thư. Ông dặn tất cả nữ tỳ hãy lo tắm rửa, cho ăn uống và trang điểm cho tiểu thư.

Khi ấy ông còn tính: “Ta sẽ cho con gái ta nhiều bò cái”. Ông cho gọi gia đình đến và bảo: “Nè mấy đứa bây đi mở cửa chuồng bò nhỏ ra, rồi cách xa ba dặm đường, lấy ba cái trống đứng đó và đứng thành hai hàng hai bên, chừa khoảng trống ở giữa một dặm đường, giữ chừng cho bò cái chạy tản lạc bấy bạ. Đứng xong rồi nổi trống hiệu lên”.

Các gia đình chăn bò vâng lệnh làm y theo như vậy, đàn bò cái ra khỏi chuồng, đi được một dặm thì họ nổi trống, và khi đàn bò đi được ba dặm, họ lại nổi trống báo hiệu lần thứ ba, và chặn bò trong chuồng lại. Trên khoảng đường dài ba dặm (gāvuta) rộng một trăm bốn mươi hắc (usabha) đàn bò cái đứng chật ních, con nọ đụng vai con kia.

Ông Trưởng giả ra lệnh: “Bấy nhiêu bò cái ngoài này cho tiểu thư đủ rồi, thôi bây giờ hãy đóng cửa chuồng lại”.

Trong lúc gia đình vừa đóng cửa chuồng, do quả phước của tiểu thư, những con bò cái tơ khỏe và nhiều con bò mẹ khác đua nhau nhảy qua cửa cổng thoát ra ngoài, các gia đình chặn cách nào cũng không được. Nên sảy chuồng khoảng sáu mươi ngàn con bò đực và sáu mươi ngàn con bò mẹ dẫn theo cùng ngàn ấy bò lú (Do nhân nào cho quả phước khiến cho tiểu thư được thêm bấy nhiêu bò cái đó? Do quả phước cúng dường vật thực mà Tăng đã ngăn cản. Tương truyền rằng: Trong thời giáo pháp của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, tiểu thư là công chúa thứ bảy của vua Kikī, mỹ danh Saṅghadāsī (Tăng Tỳ), có cúng dường năm món ngưu vị đến hai mươi ngàn vị Tỳ khuru. Trong khi ấy, có những vị Tỳ khuru và Sa di trẻ tuổi đập bát lại không nhận nữa, nói rằng: “Thôi, thôi”, nhưng Công chúa vẫn nói ép: “Món này ngon lắm, món này ngọt lắm”. Và dung cho bằng được. Do phước báu của việc lành đó, khiến cho mấy muôn con bò cái dầu bị ngăn cản cũng cứ nhảy tràn ra).

Khi Trưởng giả chia gia tài cho tiểu thư bấy nhiêu đó, thì bà Sumanadevī bảo rằng:

- Tất cả mọi thứ ông lo chu đáo rồi, nhưng còn tôi trai tứ gái, kẻ ăn người ở trong nhà sao ông không lo cho nó?

- Bởi vì tôi muốn biết kẻ nào ưa cùng kẻ nào không ưa con gái mình. Tôi không thích cái lối tống cổ đưa đi nếu họ không muốn đi. Vậy đến bữa đưa dâu lên xe hoa, ta sẽ hỏi tất cả gia nhân: “Ai muốn theo tiểu thư thì cứ đi. Ai muốn ở lại thì cứ ở lại chớ ta không cấm cản chi đâu”.

Khi đã định ngày cho con gái xuất giá, ông Trưởng giả ngồi trong thư phòng, cho tiểu thư ngồi gần một bên dận dò, dạy dỗ rằng:

- Này con! Con gái về nhà chồng thì phải biết làm tròn bốn phận dâu con, đối xử với thân quyến bên chồng phải giữ nề nếp con nhà gia giáo...

Ông Migāra ngồi trong gian phòng bên cạnh cũng nghe được những lời của ông Trưởng giả Dhanañjaya dạy con như thế. Ông Dhanañjaya còn ban huấn từ cho tiểu thư như vậy:

- Này con! Con ở nhà chồng thì:

1. *Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài.*
2. *Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà.*
3. *Không nên cho đến kẻ không đáng cho.*
4. *Nên cho đến kẻ nào đáng cho.*
5. *Nên cho đến kẻ cho và cả kẻ không cho.*
6. *Nên ngồi cách an vui.*
7. *Nên ăn cách an vui.*
8. *Nên ngủ cách an vui.*
9. *Nên coi chừng lửa.*
10. *Nên lễ bái chư Thiên trong nhà.*

Sau khi ban thập điều gia huấn cho tiểu thư Visākhā. Ngày hôm sau, Trưởng giả Dhanañjaya triệu thỉnh các tướng lãnh chỉ huy đoàn quân hộ giá đến chứng minh, rồi ông đứng giữa đó, bảo tám vị Trưởng lão gia tộc làm giám hộ rằng:

- Nếu con ta đến nơi, có ai tố cáo nó lỗi lầm chi, các ông hãy nên làm cho ra lẽ.

Nói rồi, Trưởng giả Dhanañjaya đeo lên cho tiểu thư món nữ trang là sợi dây chuyền to lớn trị giá chín mươi triệu, cho tiểu thư năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng là tiền mua mật ong để tắm gội. Đoạn ông sai người thắng xe đưa ông với tiểu thư đi khắp châu thành Sāteka, đánh trống truyền rao cho dân làm công trong mười bốn làng của ông: “Ai muốn đi theo con gái ta thì cứ đi”.

Dân làng nghe rao, đồng nói: “Nay tiểu chủ của ta ra đi, ta còn ở lại đây mà làm gì?”. Thế là tất cả dân cư trong làng ra đi hết, không còn một người nào ở lại.

Trưởng giả Dhanañjaya dâng, biếu nhiều tặng phẩm đến quốc vương cùng Trưởng giả Migāra, đi theo đưa tiễn kiệu hoa cùng các tan khách một đoạn đường rồi mới trở lại.

Ông Trưởng giả Migāra ngồi trên cỗ xe đi sau cùng, trông thấy đoàn người đi theo đông đảo, bèn hỏi:

- Đám người này là ai?

- Họ là những tôi trai tớ gái và người làm công của tiểu thư, dâu của ông đó.

- Họ đông quá, ai mà nuôi cho nổi, hãy đánh đuổi họ chạy bớt đi, còn ai không chịu chạy thì cho họ theo.

Tiểu thư Visākhā liền bảo họ rằng:

- Hãy khoan, đừng ngăn cản họ, đoàn người này sẽ lo cơm nước cho binh lính.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra bảo rằng: “Này con, nhà ta không cần dùng những người ấy, ai đâu mà nuôi họ”.

Thế rồi, ông lấy đất cục, gây gộc liệng họ và đánh đuổi họ chạy đi bớt, chỉ còn giữ lại một số ít, không chạy đi và nói: “Bấy nhiêu đây cũng đủ dùng rồi”. Đoàn tiếp tục lên đường.

Khi đến cổng thành Sāvattthī, tiểu thư Visākhā nghĩ thầm: “Ta sẽ ngồi trong xe bít bùng hay là đứng trên xe nhỏ mà vào thành?”. Rồi tiểu thư nghĩ rằng: “Nếu ta ngồi trong xe bít bùng mà vào thành thì phẩm giá món trang sức quý giá này chẳng một ai thấy hết”, tiểu thư bèn đứng trên một cỗ xe nhỏ nhẹ mà đi vào thành để cho toàn dân trong thành đều trông thấy tiểu thư hết.

Dân thành Sāvattthī trông thấy tài sản của tiểu thư Visākhā đều nói: “Nghe nói rằng cô dâu là nàng Visākhā, nàng đã đẹp như thế lại giàu quá mức như vậy. Thật là xứng đáng hết sức”.

Ngày về nhà chồng, tiểu thư Visākhā đã biểu dương tài sản to lớn của mình như thế đó. Ngày ấy, toàn dân chúng trong thành đều gửi quà tùy theo sức của mình mà tặng cô dâu mới, vì họ nghĩ rằng: “Lúc đến Sāketa, thành của Trưởng giả Dhanañjaya, chúng ta được Trưởng giả tiếp đãi trọng hậu”.

Nhận được tặng phẩm của các nhà gửi đến, tiểu thư liền hoàn lại bằng cách trao đổi quà tặng với các nhà. Tiểu thư khôn khéo gửi quà biếu cho toàn dân trong thành tùy theo tuổi tác và gia thế của họ với những lời lẽ trù mến ngọt ngào như những thân nhân: “Đây là quà của thân mẫu tôi, đây là quà của thân phụ tôi, đây là quà của anh tôi, đây là quà của chị tôi...”.

Lúc chàng vạng tối con ngựa cái trắng của nàng đẻ con, tiểu thư sai bọn nữ tỳ đốt đuốc soi đường đi xuống chuồng ngựa, lấy nước ấm tắm rửa sạch sẽ cho nó, thoa dầu khử phong cho nó rồi mới trở về chỗ ngủ.

Mặc dầu ông Trưởng giả Migāra ở gần chùa nhưng lúc cưới vợ cho con trai, ông chẳng hề lưu ý đến Đức Như Lai cùng chư Tăng. Đã từ lâu rồi, ông đặt niềm tin vào nhóm đạo sĩ lừa thế.

Một ngày nọ, ông dự định cúng dường đến các vị Đại đức của ông, ông cho nấu cơm trắng với sữa tươi rắc ròn trong hàng trăm cái nồi mới, rồi thỉnh năm trăm vị đạo sĩ lửa thể đến nhà, khi họ đã vào nhà rồi, ông cho gọi tiểu thư Visākhā:

- Con dâu của ta, hãy đến và đánh lễ các vị A La Hán.

Nghe tiếng A La Hán, nàng Visākhā rất mừng rỡ vì nàng là nữ Thịnh Văn đã đắc Tu Đà Hườn.

Tiểu thư đến ngay phòng các đạo sĩ đang ăn, trông thấy họ, nàng trách cha chồng rằng:

- Những người này không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi như thế, họ không phải là những vị A La Hán đâu. Tại sao cha lại gọi con đến đây?

Tiểu thư bỏ trở về tư thất.

Nhóm đạo sĩ lửa thể trông thấy tiểu thư có thái độ như thế, đồng loạt quở trách nặng nề ông Migāra:

- Này gia chủ, tại sao ông đưa về nhà con tiện tỳ hèn mạt đệ tử của Sa môn Gotama, là kẻ khác đạo của chúng ta. Ông hãy mau lôi cổ, tống nó ra khỏi nhà cho rồi.

Ông Migāra nghĩ thầm: “Dâu ta là con nhà thế gia vọng tộc không thể lôi kéo đuổi xô theo lời các Ngài đây được”.

Trưởng giả đành nói cho xuôi chuyện:

- Bạch các Ngài! Bọn trẻ tuổi làm chi có ý thức được, chỉ là bọn vô ý thức. Xin các Ngài làm thỉnh bỏ qua cho.

Sau khi tiễn đưa các tu sĩ lửa thể, ông Migāra ngồi trên một cái ghế rất đắt tiền, ăn cơm trắng nấu bằng mật ong pha ít nước đựng trong một cái chén bằng vàng. Ngay khi ấy, một vị Đại đức hạnh Đầu đà thường đi khát thực, đi vào cổng nhà ông Trưởng giả, đang đứng quạt hầu cha chồng, nàng Visākhā trông thấy vị Đại đức, bèn đứng nép qua bên để cha chồng nhìn thấy vị Đại đức, chớ tiểu thư không muốn chỉ. Nhưng Trưởng giả là người kém trí, tuy thấy vị Đại đức nhưng làm như không thấy, chỉ cúi đầu xuống ăn như thường.

Tiểu thư biết rằng cha chồng mình trông thấy vị Đại đức nhưng không thấy lộ vẻ gì cả, bèn bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin đi nơi khác, cha tôi đang ăn vật thực cũ (Purārakam).

Lần trước nghe tiểu thư miệt thị nhóm Nigantha (Ni Kiền Tử), ông Migāra còn nhịn được, nhưng lần này nghe nói ông ăn đồ cũ, ông dừng tay lại không ăn nữa và bảo:

- Hãy lấy chén cơm này đem đổ đi và lôi con nhỏ đó ra khỏi nhà ta ngay lập tức. May mà cưới nó về chưa bao lâu mà nó đã dám bảo cha chồng nó ăn đồ dơ như bây giờ đây.

Lúc bấy giờ, gia nhân trong nhà đều là người của tiểu thư thì có ai dám đến gần nàng nắm tay hoặc nắm chân nàng, cũng không ai dám mở miệng nói lời chi cả.

Nghe cha chồng bảo vậy, tiểu thư Visākhā đáp rằng:

- Thưa cha, bấy nhiêu đó chưa đủ cho con ra khỏi nhà đâu, con không phải là hạng nữ tỳ ở bên tắm mà cha đem về đâu, con là con gái có cha mẹ dòng hoàng đều còn sanh tiền cả. Con được cưới hỏi đủ lễ đem về, không thể ra đi vì chuyện không đáng tội. Vì lẽ này mà khi xuất giá, cha con đã mời tám vị Trưởng lão đến làm giám hộ cho con và nói: “Nếu con gái tôi có bị tố cáo vì lỗi lầm chi thì các ông hãy làm cho ra lẽ minh bạch”, cha con đã giao phó con cho mấy vị kỳ lão sét đoán, vậy thì cha hãy cho mời mấy ông ấy đến đây phân xử việc này mới được.

Ông Trưởng giả suy nghĩ: “Con này nói phải”, ông cho mời tám vị kỳ lão đến, trình bày:

- Con nhỏ này, trong khi tôi đang ngồi ăn cơm trong ngày lễ cơm trắng nấu với sữa rắc ròn, đựng trong chén bằng vàng, mà nó dám nói tôi: “Ăn đồ dơ”. Xin các Ngài hãy buộc tội nó, và đuổi nó ra khỏi nhà giùm tôi.

- Có đúng như lời ông nói không, tiểu thư?

- Cháu không bao giờ nói với ý như thế. Trong lúc cha chồng đang ăn, có vị Đại đức trì bình khát thực đến đứng trước cửa nhà, cha chồng cháu đang ăn cơm trắng nấu rắc sữa, không lưu ý đến vị ấy, cháu nghĩ: “Trong kiếp hiện tại cha chồng ta không tạo phước mới, mà chỉ ăn toàn phước cũ không mà thôi”. Cháu nói với ý nghĩa này, như thế cháu không có tội chi cả.

- Thưa Trưởng giả, nó nói như thế thì không có lỗi, cháu chúng tôi nói đúng lý. Tại sao ông lại giận hờn nó mà chi.

- Thưa quý vị, việc ấy tôi cũng cho là vô tội đi, nhưng có việc này, một đêm nó dắt tôi trai tớ gái đi vòng ra phía sau nhà...

- Ông nói thế có đúng như vậy không cháu?

- Thưa các bác, cháu ra đi không vì lẽ gì bậy bạ, nguyên vì con ngựa của cháu để con trong chuồng nhà này. Cháu nghĩ: “Mình biết tin mà ngồi không chẳng làm gì hết thì không phải cách”. Cháu có bảo đốt đuốc soi đường rồi đi với mấy con tỳ nữ xuống săn sóc cho con ngựa cái mới sanh con. Làm như thế, cháu có tội chi đâu.

- Thưa quý vị, việc này kể là vô tội cũng được. Nhưng còn việc này nữa, khi con này sắp về đây, cha nó có dạy mười điều bằng thứ tiếng lóng, cho nên tôi không hiểu được ý nghĩa ra sao. Tôi muốn nó giải thích cho tôi nghe rõ rệt, chẳng hạn như cha nó bảo rằng: “Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài”. Có thể nào nhà chúng tôi không cho hai nhà bên cạnh mỗi lửa được ư?

- Ông nói thế có đúng không cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý muốn nói như thế, mà người muốn nói như vậy: Con ơi, dầu cho con có nhìn thấy chỗ xấu của chồng và cha mẹ chồng con, thì giữ kín trong nhà chớ để lọt ra ngoài cho thiên hạ biết. Quả thật không có thứ lửa nào nóng như thế cả.

- Thưa quý vị, việc ấy có thể là được đi, nhưng cha nó còn dạy rằng: “Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà”, làm sao không có thể lấy lửa từ ngoài đem vào, nếu rủi như nhà tắt hết cả lửa?

- Lời ông nói có đúng không vậy cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý nói như thế đâu. Người muốn dạy cháu như vậy: “Nếu như trong những nhà lân cận, người nữ hoặc người nam nói xấu chồng hay vợ hoặc cha mẹ chồng, mình nghe rồi không nên đem về học lại, những người đó đã nói xấu anh chị như thế”. Không có lửa nào bằng thứ lửa ấy cả.

- Như thế trong cái lý này, cháu chúng tôi không có lỗi.

- Cũng như mấy câu trên, các câu kệ được tiểu thư giảng giải lần lượt như sau: Khi cha chồng nói: “Nên cho đến người đáng cho”, nghĩa là nên cho đến người nào mà sau này khi thọ lãnh được đồ vật còn biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi đem trả lại tử tế thì nên cho họ mượn).

Câu: “Không nên cho đến người không cho”, có nghĩa là không nên cho đến những người nào mà sau khi thọ lãnh đồ vật xin được, không biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi không đem trả lại thì không nên cho mượn).

Câu: “Nên cho đến người cho và người không cho”, có nghĩa là đối với thân bằng quyến thuộc nghèo khó, dầu cho họ có thể trả được hay không cũng nên cho họ mượn (nên giúp đỡ họ).

Câu: “Ngồi cách an vui”, có nghĩa là khi đang ngồi mà thấy chồng hoặc cha mẹ chồng thì phải đứng dậy chào, không nên ngồi nữa.

Câu: “Ăn cách an vui”, có nghĩa là trước bữa ăn phải lo cơm nước cho chồng và cha mẹ chồng ăn trước, lại phải trông coi tất cả người trong nhà có ai thiếu đủ gì không, rồi mới nên tự mình ăn.

Câu: “Ngủ cách an vui”, có nghĩa là không nên đi ngủ trước chồng và cha mẹ chồng, phải lo kiểm soát trong nhà, trông coi cửa ngõ, đề phòng người ăn kẻ ở có sai sót việc chi không, sau rồi tự mình mới lên giường.

Câu: “Nên giữ chừng lửa”, nghĩa là nên coi chồng và cha mẹ chồng cũng như là lửa, cũng như là rắn chúa trong nhà khi tiếp xúc phải lưu tâm cẩn thận.

Câu: “Nên lễ bái chư Thiên trong nhà”, có nghĩa là nên cung kính chồng và cha mẹ chồng như là chư Thiên.

Nghe tiểu thư giải xong nghĩa lý của mười điều gia huấn, ông Magāra cúi xuống làm thỉnh, không nói lời ào trách cứ được nữa.

Khi ấy, các vị bồ lão hỏi: “Thưa Trưởng giả, cháu gái của chúng tôi có còn làm lỗi gì nữa chăng?”.

- Thưa quý vị, không.

- Nó không lầm lỗi thì tại sao Ngài ra lệnh đuổi nó ra khỏi nhà?

Nghe được lời này, tiểu thư Visākhā bèn nói:

- Thừa các bác, ban đầu nghe lời cha chồng cháu đuổi cháu đi, nếu cháu bỏ đi liền thì không phải cách, vì khi cháu xuất giá, cha cháu có đặt cháu dưới quyền giám hộ của các bác. Nay các bác đã biết rõ là trong việc này, cháu không có lầm lỗi chi cả, thì bây giờ cháu ra khỏi nhà này là phải cách lắm.

Nói rồi, tiểu thư cho gọi các tôi trai tớ gái bảo họ chuẩn bị đồ đạc xe cộ đăng lên đường.

Khi ấy Trưởng giả liền phân chứng cùng tám vị Kỳ lão và năn nỉ con dâu rằng:

- Con à! Vì cha không biết xét nên đã nói oan cho con, con hãy thứ lỗi cho cha đi.

- Thừa cha, nếu cha có lỗi gì đáng xóa bỏ thì con xóa bỏ hết. Ngược lại, con chỉ xin cha chấp thuận cho con vậy: Vì con là con gái của một gia tộc có đức tin trong sạch với Phật pháp, không muốn sống cách biệt với chư Đại đức Tăng, nếu cha vui lòng cho con được hộ độ chư Tăng thì con sẽ ở lại đây.

- Nay con cứ tự tiện lo việc hộ độ cho các ông Sa môn đi.

Được lời cha chồng cho quyền tự do, tiểu thư bèn cho người đi thỉnh Đấng Thập Lực ngày hôm sau đến nhà thọ thực ngay tại tư gia của Trưởng giả Migāra. Các đạo sĩ lửa thể được tin Đức Bôn Sur đến thọ lãnh vật thực tại nhà của ông Migāra, bèn ráp nhau đến ngồi xung quanh tư thất của ông.

Sau khi xối nước khai mạc lễ Trai Tăng, tiểu thư Visākhā gửi thư cho cha chồng: “Tất cả lễ vật đều sắp đặt xong, xin thỉnh cha đến sát bát cúng dường đến Đấng Thập Lực”.

Khi ấy, các du sĩ lửa thể liền ngăn cản ông Trưởng giả, nói rằng: “Này gia chủ, ông đừng đi đến chỗ Sa môn Gotama”.

Ông Trưởng giả phải viết thư trả lời rằng: “Dâu của cha cứ việc lo cúng dường sát bát một mình cũng được”.

Nàng Visākhā đứng trông nom việc sát bát Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng. Khi các Ngài xong bữa, nàng lại nhắn tin cha chồng đến nghe thuyết pháp.

Khi ấy, ông Trưởng giả nói với nhóm lửa thể ngoại đạo rằng: “Bây giờ mà không đến đó thì bất lịch sự lắm”.

Thấy ông Trưởng giả muốn đi nghe pháp và năn nỉ nhiều lượt, nhóm đạo sĩ lửa thể nói:

- Thôi được, nếu ông muốn đi nghe pháp của Sa môn Gotama thì hãy đến ngồi bên ngoài bức rèm mà nghe.

Nhóm đạo sĩ lửa thể liền lấy rèm bao quanh chỗ thuyết pháp, ông Trưởng giả đến ngồi bên ngoài rèm. Đức Bôn Sur nghĩ thầm: “Dầu cho ông có ngồi bên ngoài rèm, hoặc là ngoài tám vách, hoặc là ngồi bên kia dãy núi hay ngoài địa cầu này, hay ngoài thế giới Ta bà đi nữa, Ta là Phật thì Ta vẫn khiến cho ông nghe được Pháp âm của Ta”.

Thế rồi, như một người lực sĩ nắm lấy cây Diêm phù to lớn, lắc mạnh, như trời mưa một đám mưa lớn bất diệt, Đức Bôn Su bắt đầu thuyết lên tuần tự pháp.

Trong lúc Đức Chánh Biến Tri đang thuyết pháp, thì dầu cho người đứng phía trước, đứng phía sau, đứng cách xa cả trăm ngàn do tuần, đứng tận trên tầng trời Sắc cứu cánh, ai cũng cho rằng: “Đức Bôn Su vì ta mà thuyết pháp, mỗi người đều cảm thấy y như Đức Bôn Su chiếu cố đến mình và y như mình đang chuyện trò tâm sự vậy, có thể nói: “Chư Phật ví như mặt trăng giữa trời, tất cả chúng sanh ở dưới đất trông lên đều thấy hình như mặt trăng ở trên đầu mình. Cùng như thế ấy, người đứng nơi nào cũng trông thấy như mình đang đứng trước Đức Phật vậy. Đó là do hạnh nguyện Bồ thí Ba la mật mà Đức Bôn Su đã hoàn thành viên mãn, như Ngài đã tự cắt đầu khôi ngô tuấn tú của Ngài, đã móc cặp mắt sáng như sao băng, đã rút quả tim, đã dứt tình thâm thí Hoàng tử Jāli, Công chúa Kanhā, và Hoàng hậu Maddī, để có thể hoàn thành quả vị Phật Toàn Giác, thuyết pháp độ sanh.

Trong lúc Đức Bôn Su thuyết tuần tự pháp thoại, có lớp có lang, càng nghe càng thấy cởi mở, ông Trưởng giả ngồi bên ngoài bức rèm cảm thông bằng cả ngàn lý lẽ, nên chứng đắc quả vị Dự Lưu đi đôi với đức tin bất thối, có lòng tin trọn vẹn đối với Tam Bảo. Ông liền vén rèm bước vào nhà, kê miệng ngậm vú nàng dâu và tôn nàng nên làm mẹ mình: “Từ giờ trở đi, người là mẹ của tôi”.

Kể từ đó, nàng Visākhā được mệnh danh là Migāramātā, về sau khi nàng có con trai, đặt tên con là Migāratissa.

Ông Trưởng giả nhả vú nàng dâu ra, rồi đến nằm mọp đầu dưới chân Đức Thế Tôn, đôi tay mon trớn và miệng hun hít đôi bàn chân của Ngài, nói rằng: “Bạch Ngài, con tên là Migāra, bạch Ngài, con tên là Migāra”.

Sau khi tự xưng tên ba lần như thầy thế, Trưởng giả nói tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trong kiếp này con có được hai lần đại phúc, nhờ nàng dâu mà con thoát khỏi mọi khổ cảnh ác thú đạo. Nàng dâu của con đến nhà này mang theo sự lợi ích, sự tấn hóa, sự an vui đến con.

Nói rồi, ông ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Sohaṃ ajjā pajānāmi,
Yattha dinnam mahapphalam;
Atthāya vata me bhaddā,
Sunisā gharamāgatāti”.

Lược dịch:

“Hôm nay con biết rành,
Cúng Phật đại quả sanh,
Lợi ích con nhiều thật,
Nhờ cưới được dâu lành”.

Qua ngày sau, tiểu thư Visākhā lại tái thỉnh Đức Bôn Su. Nhờ vậy mà mẹ chồng của nàng cũng chứng được Sơ quả trong ngày thứ hai ấy. Từ đó trở đi, ngôi nhà của tiểu thư luôn luôn mở rộng đối với Phật giáo.

Từ đó, ông Trưởng giả nghĩ thầm: “Ta có nhiều cách để biếu dâu ta những tặng vật. Quả thật vậy, món nữ trang của nó thật nặng nề, không thể mang theo luôn được. Ta sẽ làm cho nó món nữ trang vừa phải, có thể đeo luôn cả ngày lẫn đêm trong mọi oai nghi”.

Ông mượn thợ kim hoàn làm một món nữ trang tên là Ghanamaṭṭhaka (Phủ Đầu), trị giá hàng trăm ngàn đồng vàng, khi món nữ trang vừa xong, ông thỉnh Tỳ khuru Tăng có Đức Phật làm Tăng trưởng, đến nhà ông, ông kính cẩn dâng thực phẩm cúng dường, đoạn cho người tắm gội tiểu thư Visākhā bằng mười sáu nôi nước thơm, rồi để tiểu thư đứng trước mặt Đức Thế Tôn mà đeo cho nàng món nữ trang mới, và bảo tiểu thư đánh lễ Đức Bốn Sư. Đức Thế Tôn sau khi phúc chúc xong, Ngài trở về chùa.

Từ ấy trở đi, nàng Visākhā vẫn tiếp tục tạo được nhiều thiện nghiệp, như là năng bố thí, bà đã xin Đức Bốn Sư ban cho bà tám đặc ân:

1. *Dâng y đến Tăng suốt đời.*
2. *Để bát Tăng đến Sāvattṭhī.*
3. *Để bát Tăng rời Sāvattṭhī.*
4. *Để bát Tỳ khuru bệnh.*
5. *Để bát Tỳ khuru nuôi bệnh.*
6. *Dâng thuốc đến Tỳ khuru bệnh.*
7. *Dâng cháo sáng đến Tăng.*
8. *Dâng y tắm mưa đến Tỳ khuru Ni.*

Thịnh danh của bà ngày càng tăng trưởng cũng như số con cháu của bà vậy. Tương truyền rằng: Bà có đến hai mươi người con, mười trai và mười gái, mỗi người con của bà cũng có hai mươi người con như thế, và mỗi đứa cháu của bà cũng có hai mươi người con như thế. Tổng cộng con và cháu của bà là tám ngàn bốn trăm hai mươi người, bà thọ được một trăm hai mươi tuổi. Trên đầu bà chẳng hề có được một sợi tóc bạc, trông bà lúc nào cũng như cô gái mười sáu tuổi, có khi bà đi chùa dắt theo cả đoàn con cháu, nhiều người trông thấy, hỏi nhau rằng: “Trong đám này, ai là bà Visākhā?”. Những người đang đi gặp bà đang đi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy đi thông thả, đi như bà của chúng ta đi, như vậy coi mới đẹp”, những người trông thấy bà đứng, nằm hoặc ngồi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy ngồi thông thả như bà ấy, coi mới đẹp”, chưa có ai thốt lên lời chê bà một oai nghi nào trong bốn oai nghi cả. Bà có sức mạnh gấp năm lần con đại tượng.

Quốc vương nghe đồn bà Visākhā có sức mạnh gấp năm con đại tượng, bèn ngự giá đến chùa của bà để thỉnh pháp, đến khi trở về, quốc vương muốn thử xem sức mạnh của bà, nên khiến quân thả con tượng ra, con tượng giờ vọt lên cao, nhắm ngay bà Visākhā tiến tới. Trong nhóm năm trăm nữ nhân theo hầu bà Visākhā, có một số kinh hoàng bỏ chạy, một số ôm lấy chân bà, bà hỏi: “Cái gì thế?”.

Họ đáp: “Quốc vương muốn thử sức mạnh của bà nên cho thả tượng ra đó”.

Bà Bisākhā thấy con voi thì nghĩ thầm: “Việc gì mà ta phải bỏ chạy, để ta bắt nó lại. Nhưng nếu ta dùng cả sức ra chặn bắt nó, chắc nó phải chết”.

Thế là, bà chỉ dùng hai ngón tay kẹp cứng cái vòi, bắt con tượng đứng lại, con tượng vùng vẫy nhưng rút vòi ra không nổi, rồi nằm xuống nền sân gạch. Đại chúng hoan hô vang dậy.

Bà Visākhā và đoàn phụ nữ theo hầu đều an toàn trở về nhà.

Thời bấy giờ, trong thành Sāvattihī chỉ có bà Visākhā là có nhiều con trai và cháu trai nhất, con cháu của bà đều mạnh khỏe, nên bà được xem là người có hạnh phúc tối thắng, trong số hàng ngàn con cháu ấy, chẳng một ai chết yểu cả.

Dân thành Sāvattihī, trong các đám tiệc lễ cưới bao giờ cũng mời bà Visākhā đến dự trước nhất.

Một hôm nọ, nhân dịp một lễ hội, bà Visākhā mang theo cả món trang sức nổi tiếng đi dự lễ hội, rồi bà lại đi chùa nghe pháp, khi đến chùa bà Visākhā cởi chiếc trang sức lộng lẫy quý giá ấy, giao cho đứa tớ gái mang.

Đoạn này có kinh ghi chép rằng: Thời ấy, trong thành Sāvattihī có lễ hội, nhiều người sửa soạn trang điểm lộng lẫy rồi đi chùa, bà Visākhā cũng trang điểm lộng lẫy đi lễ hội, rồi bà đi chùa, khi thấy bà tháo gỡ món trang sức lộng lẫy ấy, bỏ vào chiếc y Uất Đà La Tăng (vai trái), bó cột lại cho đàng hoàng rồi giao cho đứa tớ gái:

- Này con ở đây giữ cái này cho bà nghe.

Tương truyền rằng, khi đến chùa bà tự nghĩ thầm: “Mình đeo món trang sức quý giá này từ trên đầu xuống tới chân, đi vào chùa là không phải cách”, cho nên bà cởi ra, bó lại và trao cho cô tớ gái có sức mạnh gấp năm lần con tượng mà bà là chủ nhân của cô, do theo phước báu của bà. Mạnh như thế nó mới mang nổi món nữ trang như thế, bà dặn nó:

- Này con, hãy cầm giữ món nữ trang này, bà vào bái yết Đức Bôn Sur rồi đeo vào.

Sau khi giao phó món nữ trang nặng nề quý giá ấy cho cô tớ gái, bà đeo chiếc Phủ Đầu, rồi vào gần Đức Bôn Sur ngồi thỉnh pháp, đến cuối thời pháp bà đánh lễ Đức Bôn Sur rồi từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, đứa tớ gái bỏ quên món nữ trang quý giá ấy ở trong chùa, đi theo bà mà bà cũng không nhớ để nhắc cô ta, khi thiện tín nghe pháp trở về hết, nếu có vật chi để quên trong chùa thì Đại đức Ānanda có phận sự phải lấy đem cất, về sau trả lại cho sở hữu chủ. Vì thế, khi nhìn thấy gói trang sức bỏ quên ấy, Đại đức bạch lên cho Đức Bôn Sur biết:

- Bạch Ngài! Bà Visākhā ra về có bỏ quên món trang sức này lại đây.

- Ông hãy dẹp nó qua một bên đi, này Ānanda.

Đại đức mang món trang sức ấy treo cất tại chỗ lối đi bên cầu thang.

Bà Visākhā nói với bà Suppiyā, hai bà cùng đi dạo trong vòng đất chùa, để tìm xem có chư Tỳ khưu nào mới đến, hoặc sắp đi xa, hoặc đau yếu... ngó hầu lo sắp đặt việc hộ độ cho kịp giờ. Thường thường khi thấy hai bà tín nữ đi trong vòng đất chùa,

các Tỳ khuru trẻ cùng các Sa di cần dùng thuốc trị bệnh như bơ, sữa, đường, mật, dầu đều đem bát đến để nhận. Hôm ấy, chư Sư cũng làm như thế.

Trông thấy một vị Tỳ khuru bệnh, bà Suppiyā bạch hỏi:

- Đại đức cần dùng món chi?

- Nước cốt thịt.

- Dạ được, để đệ tử dâng cho Đại đức. – Nàng Suppiyā đáp.

Qua ngày sau, không kiếm được thịt tam tịnh, nàng Suppiyā cắt thịt bắp về mình, gọi đến vị Tỳ khuru bệnh ấy. Rồi nhờ đức tin trong sạch nơi Đức Phật, thân thể bà lành lặn nguyên vẹn lại như cũ.

Bà Visākhā sau khi thăm viếng các Tỳ khuru bệnh, Tỳ khuru trẻ cùng với các Sa di, bà tách ra đi bằng một lối đi cổng khác, đứng sát cánh cửa chùa bảo cô tớ gái:

- Này con, hãy mang món trang sức cho ta đeo vào.

Khi ấy, cô tớ gái biết là sắp đi về, mới chợt nhớ mình đã bỏ quên món nữ trang trong chùa, cô bảo rằng:

- Bẩm bà, con bỏ quên rồi.

- Thế thì con hãy vào lấy đem ra đây, nhưng nếu Đại đức Ānanda cất giữ rồi, thì thôi con đừng đòi lại, kể như bà dâng cúng đến đại đức rồi.

Người ta nói là bà Visākhā biết được việc Đại đức Ānanda có phận sự cất giữ đồ đạc của thiện tín bỏ quên, nên bà dặn cô tớ gái như thế.

Thấy cô nữ tỳ đến, Đại đức hỏi: “Con vào có việc chi?”.

- Dạ con bỏ quên món nữ trang của bà chủ, nên con trở vào lấy nó.

- Sư để nó ở lối lên cầu thang kia, con lại đó lấy đi.

- Bạch Đại đức, chủ con có dặn rằng: “Nếu vật ấy đã được đại đức đụng tay vào rồi thì thôi, con không nên lấy lại”.

Nói rồi, cô nữ tỳ trở ra với tay không.

- Thế nào con?

Nghe bà Visākhā hỏi, cô nữ tỳ thuật lại mọi sự.

- Này con, món nữ trang mà Đại đức đã đụng tay vào, bà sẽ không đeo để chung diện nữa, bà sẽ dứt bỏ để cúng dường Đại đức. Nhưng để chư tăng gìn giữ nó thì khó khăn cho các Ngài, để bà bán nó đổi lấy vật dụng hợp với lẽ đạo, đem đến cúng dường chư Tăng. Vậy con hãy trở vào lấy nó đem ra cho bà.

Cô nữ tỳ đi lấy món trang sức đem ra, bà Visākhā không đeo nó nữa, bà cho gọi thợ kim hoàn đến để đánh giá, thợ nói:

- Món trang sức này trị giá chín mươi chín triệu, thêm một trăm ngàn đồng vàng tiền công.

Nghe vậy, bà Visākhā bảo để món trang sức ấy trên xe:

- Vậy thì các ông hãy bán nó giúp tôi đi.

Nhưng không ai xuất ra món tiền lớn để mau món nữ trang này cho nổi. Thật vậy, phụ nữ có sức mang nổi món nữ trang này khó kiếm được lắm. Trên hoàn cầu vào thời ấy chỉ có ba nàng đeo nổi món nữ trang ấy, đó là bà Visākhā, nàng Mallikā vợ của Bandhula và tiểu thư Mạt Ly con của Trưởng giả ở thành Bārāṇasī, vì vậy, bà Visākhā phải xuất ra số tiền ấy để mua lại món nữ trang của chính mình là chín mươi chín triệu và một trăm ngàn đồng vàng. Đoạn bà cho thắt xe bò, cho chở tiền mang đến chùa, vào đánh lễ Đức Bôn Sur, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Đại đức Ānanda đã đụng tay vào món trang sức rồi, thì con không thể đeo được nữa, con định bán nó để mua vật dụng cúng dường cho hợp lễ đạo, nhưng đem bán ra thì không ai mua nổi, thành ra con mua trở lại. Vậy với số tiền đúng theo giá trị của nó, con nên mua món gì để cúng dường, bạch Ngài?

- Này Visākhā, nếu nàng cất được chỗ ngụ của Tăng chúng ở ngoài cửa thành phía Đông thì phải cách lắm.

Nàng Visākhā hoan hỷ đáp: “Bạch Ngài, phải cách lắm”.

Đoạn bà xuất ra chín mươi triệu mua đất, chín mươi triệu để xây cất chùa. Một ngày nọ, lúc trời gần sáng, Đức Thế Tôn quan sát thế gian, thấy công tử Bhaddiya, nguyên là một chư Thiên hạ sanh vào gia tộc của Trưởng giả trong thành Bhaddiya, công tử là người có duyên lành đáng được tiếp độ, cho nên sau khi thọ thực nơi nhà Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Ngài đi ngay về phía cửa thành đô. Theo lệ thường, Khi Đức Bôn Sur thọ thực nơi nhà của bà Visākhā thì Ngài ra cổng thành phía Nam và ngự về Jetavana, còn nếu Ngài thọ thực tại nhà ông Anāthapiṇḍika thì ngự ra cổng thành phía Đông, ngự về Đông Phương Tự (Pubbārāma). Những người thấy Đức Bôn Sur ngự ra cửa Bắc, thì biết rằng: “Chắc Ngài sắp đi vân du”.

Trong ngày ấy, bà Visākhā nghe tin Đức Bôn Sur ngự ra cửa Bắc, thì vội vàng theo đón Ngài, đánh lễ xong bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải Ngài định đi vân du phải chăng?

- Phải đó, này Visākhā.

- Bạch Ngài, con đã dứt bỏ bao nhiêu tiền của để cất chùa dâng Ngài. Xin Ngài hãy trở lại chùa, bạch Ngài.

- Này Visākhā, chuyến đi này ta không trở lại.

Bà Visākhā suy nghĩ rằng: “Hẳn là Đức Thế Tôn thấy điều chi có đủ nhân duyên trong chuyến đi này”.

Bà Visākhā liền yêu cầu:

- Bạch Ngài, vậy xin Ngài cho bớt một vị Tỳ khưu rảnh rỗi Phật sự trở lại chùa con, rồi Ngài hãy đi.

- Này Visākhā, nàng ưng thỉnh vị Tỳ khưu nào thì xin thỉnh bát của vị ấy đi.

Mặc dầu yêu mến Đại đức Ānanda hơn vị nào hết, nhưng bà xin thỉnh bát của Đại đức Moggallāna, vì bà nghĩ rằng: “Đại đức Moggallāna có thần thông, nhờ có Ngài công việc của ta sẽ nhẹ nhàng, dễ dãi”.

Đại đức nhìn Đức Bôn Sur, Ngài phán bảo rằng:

- Này Moggallāna, ông hãy dắt năm trăm Tỳ khuru quay lại đi.

Đại đức vâng lời, làm theo lệnh Đức Thế Tôn.

Do nhờ thần thông của Đại đức, mặc dầu số cây và đá cần dùng cách xa sáu mươi do tuần, những người đi trong ngày hôm ấy đều mang về thật nhiều đá to và cây lớn mà khỏi phải ra công chất lên xe bò cho cực khổ, tổn thương. Không bao lâu, họ kiến tạo được một tòa nhà lầu hai tầng, tầng dưới có năm trăm căn, tầng trên có năm trăm căn phòng. Thành ra tòa lâu đài có một ngàn căn phòng, tòa lâu đài được xây cất trên một miếng đất trống, đứng trơ trọi giữa trời, xem không đẹp, thế là bà Visākhā cho cất thêm xung quanh năm trăm cái thiên thất, năm trăm ngôi nhà nhỏ, năm trăm ngôi nhà dài.

Đức Thế Tôn đi vân du hết chín tháng, Ngài mới trở lại thành Sāvattthī, công việc kiến tạo Tịnh thất của bà Visākhā vừa hoàn tất sau chín tháng ấy.

Trên nóc lầu, bà Visākhā cho gắn sáu mươi hình nhân đội ghè nước bằng vàng ròng đặc. Khi nghe Đức Bôn Sur ngự về Jetavana, bà ra khỏi thành nghinh tiếp Ngài, rước về chùa của mình và nhận được lời Ngài chuẩn hứa:

- Bạch Ngài! Trong bốn tháng này, xin Ngài đem cả Tỳ khuru Tăng về đây ở, con sẽ cất lâu đài.

Đức Phật nhận lời, từ đó về sau bà Visākhā cúng dường Tỳ khuru Tăng có Đức Phật là Tăng trưởng tại ngôi chùa của bà. Khi ấy, có một cô bạn gái của bà ôm tấm vải đáng giá một ngàn đồng vàng, đến hỏi bà: “Bạn à! Tôi muốn trải tấm vải này làm thảm trải nho nhỏ trong lâu đài của bạn, vậy bạn chỉ chỗ cho tôi trải”.

- Lành thay, này bạn, nếu tôi nói là không có chỗ nào trống thì bạn nghĩ là tôi không muốn cho bạn có dịp làm phước, vậy bạn tự mình đi xem khắp cả ngàn căn phòng trong tòa lâu đài, để kiếm chỗ trải thảm đi”.

Bà bạn Visākhā ôm tấm vải một ngàn đồng vàng đi hết phòng nọ phòng kia, ngó không thấy chỗ nào còn nền trống: “Ta không được hùn phước trong tòa lâu đài này”, bà buồn tủi phận mình, đứng khóc một mình tại một chỗ nọ.

Khi ấy, Đại đức Ānanda thấy bà đang khóc, bèn hỏi:

- Có sao nàng khóc?

Bà thuật lại hết sự tình, Đại đức khuyên rằng:

- Bà chớ nên buồn, ta sẽ chỉ chỗ cho nàng trải. Bà hãy trải tấm vải này làm thảm chùi chân tại chân cầu thang. Trước khi lên lầu, chớ Tăng rửa chân xong, sẽ chùi lên tấm thảm này cho ráo nước rồi mới đi lên, như thế bà được quả phước lớn lắm.

Nghe nói rằng, bà Visākhā còn bỏ sót chỗ ấy vì không để ý đến nơi đó. Bà Visākhā để bát hộ độ chư Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng suốt cả bốn tháng trong

ngôi chùa mới, đến ngày cuối cùng, bà cúng dường y vai trái và y nội đến Đại đức Tăng, những y này có giá trị là hằng ngàn đồng vàng. Tất cả chư Tăng đều được cúng dường một bát đầy thuốc ngừa bệnh (bhesajjā), tổng cộng số tiền làm phước cúng dường là chín mươi triệu, như thế, nếu tính chín mươi triệu tiền mua đất, chín mươi triệu cất chùa và chín mươi triệu tiền cúng dường đại lễ, thì bà Visākhā đã xuất ra hai trăm bảy mươi triệu để làm phước thí trong Phật giáo. Là một nữ nhân trong một gia đình tà kiến khi trước, mà bà đã khéo chuyển gia đình chồng trở về chánh pháp, làm được đại thí như thế đó, ngoài bà Visākhā ra không có một ai khác nữa.

Ngày mà Đông Phương Đại Tự hoàn tất, khi bóng chiều đã tàn, bà Visākhā đã cầm đầu con cháu đông đúc của bà nhiều quanh ngôi chùa mới. Bà nghĩ: “Điều này, điều nọ, ta đã nguyện ước xưa nguyện kia, ngày nay tất cả đều được thành tựu viên mãn”.

Bằng giọng du dương, bà cảm hứng ngâm lên kệ ngôn rằng:

1. “Kadāhaṃ navapāsādaṃ,
Sudhāmatikalepanaṃ;
Vihāradānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito”.

*1. “Chùng cất xong lâu đài,
Tô thạch cao trong ngoài,
Ta sẽ dâng chùa mới
Nguyện ta mãn từ nay”.*

2. “Kadāhaṃ mañcapīṭhañca,
Bhisibimbohanāni ca;
Senāsanabhaṇḍaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito”.

*2. “Chùng có giường ghé dài,
Gối đủ thứ trong ngoài,
Ta sẽ dâng chỗ ngủ,
Nguyện ta mãn từ nay”.*

3. “Kadāhaṃ salākabhattaṃ,
Sucimaṃsūpasēcanaṃ;
Bhojanadānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito”.

*3. “Chùng rút thẻ sớt bát,
Com trắng trộn thịt nạc,
Ta sẽ cúng Trai Tăng,
Nguyện ta nay thành đạt”.*

4. “Kadāhaṃ kāsikavatthaṃ,
Khomakappāsikāni ca;
Cīvaradānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito”.

4. “Chùng có vải Ca Thi,
Vải li nông, vải chỉ,
Ta sẽ cúng dường y,
Nguyện nay ta hoàn mỹ”.

5. “Kadāhaṃ sappinavanītaṃ,
Madhutelañca phāṇitaṃ;
Bhesajjadānaṃ dassāmi,
Saṅkappa mayha pūrito”.

5. “Chùng có sanh tô lạc,
Mật ong với đường dầu,
Ta sẽ dâng giải khát,
Nay ta mãn nguyện cầu”.

Chư Tỳ khru nghe tiếng ngâm kệ của bà Visākhā liền bạch với Đức Bôn Sur:

- Bạch Ngài, từ bấy lâu nay chúng con chưa hề nghe bà Visākhā ngâm kệ. Hôm nay sao bà dắt cả đoàn con cháu nhiều vòng quanh tòa lâu đài, vừa đi vừa ca hát như thế, có phải là tâm bà nổi sân hay nổi điên rồi không.

Đức Bôn Sur đáp: “Này các Tỳ khru, không phải con gái ta ca hát đâu, vì thấy bao nhiêu nguyện ước của mình đã thành tựu mỹ mãn, nó hoan hỷ thỏa thích nên vừa đi vừa ngâm kệ ngẫu hứng đó”.

Chư Tăng bạch hỏi: “Bạch Ngài, bà ấy phát nguyện từ bao giờ mà nay được thành tựu?”.

Nghe vậy, Đức Bôn Sur phán: “Này các Tỳ khru, các ông hãy lắng nghe”.

- Chúng con nghe đây, bạch Ngài.

Đức Bôn Sur liền dẫn tích đời quá khứ:

“Này các Tỳ khru, cách đây một trăm ngàn kappa, có Đức Phật hồng danh là Padumuttara giảng thế. Tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm, Ngài có một trăm ngàn đệ tử Lậu Tân, kinh đô là Hamsavatī (Nga Thành), phụ vương Ngài là Sunanda, mẫu hậu của Ngài là Sujātādevī. Trong số các đại thí chủ của Ngài, có bà đại thí chủ là một tín nữ xin được tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi của Ngài, cung phụng cho Ngài bốn món vật dụng, sáng chiều hai lượt đến hầu Ngài, bà luôn luôn đi chùa với một cô bạn, cô này thấy bà chuyện trò thân mật với Đức Phật và được Ngài quý mến thì nghĩ thầm: “Không biết bà làm cách nào mà được chư Phật sùng ái, quý mến như vậy?”. Rồi cô hỏi Đức Bôn Sur: “Bạch Ngài, bà đó là chi của Ngài?”.

- Bà là trưởng ban hộ Tăng.

- Bạch Ngài, bà đã làm gì mà được chức vụ trưởng hộ Tăng?

- Bà đã từng phát nguyện được địa vị này từ một trăm ngàn đại kiếp trở về trước.

- Bạch Ngài! Bây giờ con phát nguyện thì có được không?

- Có thể được.

- Thế thì con xin thỉnh Ngài cùng với một trăm ngàn Tỳ khuru đến thọ thực tại nhà con liên tiếp bảy ngày.

Đức Bôn Sur im lặng nhận lời.

Sau bảy ngày Trai Tăng, trong ngày chót, bà dâng y vai trái và y nội xong, đánh lễ Đức Bôn Sur rồi mọp bên chân Ngài mà phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do phước của đại lễ Trai Tăng này, con không ước nguyện điều chi khác hơn là: Sau này, con sẽ được gặp vị Chánh Đẳng Giác thời vị lai, và sau khi yêu cầu sẽ được ban tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi, cúng dường bốn món vật dụng, có thể trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ trong ngày vị lai.

Đức Bôn Sur tự hỏi: “Lời nguyện của tín nữ này sẽ thành tựu hay không?”. Ngài liền quán sát vị lai một trăm ngàn kiếp, thấy rằng sẽ có vị Chánh Đẳng Giác giáng thế, có hồng danh là Gotama. Đến thời ấy, cô sẽ là tín nữ tên là Visākhā, sẽ được Đức Phật ấy ban cho tám đặc ân, được đứng địa vị mẹ nuôi và sẽ trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ để cúng dường tứ vật dụng.

Cũng như tài sản của ai thì người ấy phải được hưởng, cô tín nữ ấy về sau đã được đắc kỳ sở nguyện vậy.

Cô ấy vẫn tiếp tục làm phước cho tới khi hết tuổi thọ, thác xuống và sanh lên cõi trời và luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, cô thọ sanh là công chúa Saṅghadāsī, là con gái thứ bảy của vua Kikī trong xứ Kāsi. Sau khi xuất gia, Công chúa cùng với mấy chị chồng hằng tạo thêm nhiều phước, nhất là bố thí cúng dường, xong rồi mới quỳ bên chân Đức Chánh Biến Tri Kassapa, nguyện rằng: “Trong kiếp vị lai, xin cho con gặp Đức Phật như Ngài, sẽ ban cho con tám đặc ân và lập làm mẹ nuôi, đứng đầu tất cả các nữ thí chủ lo việc dâng cúng từ vật dụng”. Từ kiếp ấy Công chúa Saṅghadāsī luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến kiếp hiện tại, thọ sanh làm con gái Trưởng giả Dhanañjaya, là trưởng nam của đại Trưởng giả Menḍaka, và đã tạo nhiều phước nghiệp trong Giáo Pháp của Ta đây”.

Như thế, này các Tỳ khuru, không phải con gái của Ta ca hát vì lí do khác, nhưng vì thấy bốn nguyện đã thành tựu, cho nên cao hứng ngân kệ ngẫu hứng đó thôi.

Nói rồi, Đức Bôn Sur thuyết một thời pháp và kết luận rằng:

- Này các Tỳ khuru! Một người thợ làm tràng hoa thiện nghệ, sau khi gọt các thứ hoa được dồn thành đống lớn, rồi từ đó lấy ra kết làm nhiều tràng hoa kiểu mẫu khác nhau như thế nào thì Visākhā lưu tâm làm các việc lành cũng như thế ấy.

Đoạn Đức Bôn Sur thuyết kệ rằng:

“Yathā’pi puppharāsimhā,
Kayirā mālāguṇe bahū;
Evam jātena maccena,
Kattabbam kusalam bahum”.

*“Như từ một đống hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liền kết thành.*

*Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành cho ta”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng *Puppharāsimhā* là nói do từ một đồng đủ các loại hoa.

Kayirā: Là có thể làm ra.

Mālāguṇe bahū: Là các hoa có cuống dính chung, được tách rời ra để kết lại thành nhiều kiêu tràng hoa.

Maccena: Tất cả chúng sanh đều không thoát khỏi bàn tay tử thần. Ta mong được sanh làm con người khá nên tạo nhiều nghiệp lành như bố thí, dâng y chẳng hạn.

Trong bài kệ, Đức Phật dùng tiếng đồng hoa (*Puppharāsī*) cho ta thấy là rất nhiều hoa, chất cả đồng, quả nhiên nếu ít hoa thì thợ làm tràng hoa thiện nghệ không kết thành nhiều tràng hoa được. Còn người không thiện nghệ, dầu cho có nhiều hoa hay ít hoa cũng chẳng làm được chi cả, cho nên cần phải có nhiều hoa và người thợ lành nghề mới có thể làm nhiều tràng hoa được. Cũng như thế, một người có ít đức tin mà lại ít của cải thì không thể làm phước được. Người có đức tin dồi dào mà ít của cải cũng khó làm phước. Chỉ có người có đức tin nhiều, của cải dồi dào thì người ấy mới có thể tạo được nhiều phước lành. Và người đầy đủ khả năng như thế chính là bà Visākhā mà Đức Phật đã đề cập đến trong bài kệ.

*“Như từ một đồng hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liên kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành do ta”.*



Bài kệ vừa dứt nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Dự Lưu quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được nhiều lợi ích.

Dịch Giả Cần Đề

*Tín nữ đứng đầu có Thiện Chi,
Đức tin sản nghiệp mấy ai bì,
Cát chùa hộ Phật nuôi Tăng chúng,
Thính pháp khuyên cha giữ giới quy.
Thưở bé đã thành Sơ thánh quả,
Khi già chưa mất nét xuân thì,
Con đàn cháu lữ đều khương thọ,
Phước lộc ba đời chẳng thể suy.*

DỨT TÍCH BÀ VISĀKHĀ





53. All mortals must do plentiful good deeds like making garlands out of a mass of flowers.

53. Mọi người cần phải làm nhiều thiện sự như kết thành nhiều vòng hoa từ đồng hoa.

IV.9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO

(*Ānandattherapañhavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 54-55)

54. “Na pupphagando paṭivātam eti,
Na candanaṃ tagaramallikā vā;
Satañ ca gandho paṭivātam eti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati”.

*“Ngược lại chiều gió thổi,
Hương hoa không bay nổi,
Dầu là Đa già la,
Chiên đàn, Mạt lỵ hoa,
Chỉ có hương Giới đức,
Khắp phương trời bay xa”.*

55. “Candanaṃ tagaraṃ vā’pi,
Uppalaṃ atha vassikī;
Etesaṃ gandhajātānaṃ,
Sīlagandho anuttaro”.

*“Chiên Đàn, Đa già la,
Thanh liên, Vũ quý hoa,
Sánh các hương hoa ấy,
Giới hương vô thượng vậy”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvattihī, để giải đáp câu hỏi của Đại đức Ānanda.

Tương truyền rằng: Một buổi chiều nọ, Đại đức ngồi nơi thanh vắng, bỗng tự nghĩ rằng Đức Thế Tôn có nói: “Căn hương (thọ), tâm hương và hương hoa là ba thứ hương cao thượng”. Nhưng ba thứ hương ấy chỉ bay theo chiều gió chứ không có hương nào mà bay ngược gió cả. Không biết có loại hương nào mà bay xuôi gió, bay ngược gió cũng được, hay bay cả hai chiều gió đều được cả chăng?

Rồi Đại đức lại tính thầm: “Ta cần gì suy nghĩ tìm tòi cho mất công, để về hỏi Đức Bôn Su là hơn”.

Thế rồi, Đại đức về nơi cư ngụ của Đức Bôn Su và bạch hỏi Ngài. Đoạn này trong kinh có ghi chép rằng: Khi ấy trong buổi chiều, Đại đức Ānanda từ chỗ tịnh cư đứng dậy, về gần Đức Thế Tôn. Sau khi đến gần bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, có ba thứ hương, mà hương của nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Thế nào là ba? Hương của rễ, hương của lõi và hương của hoa là ba giống có hương, mà hương nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Bạch Ngài, chẳng hay có giống hương nào mà hương của nó bay thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hay bay thuận và nghịch theo chiều gió được chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn đáp rằng:

- Này Ānanda! Có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược cũng đều bay được cả.

- Bạch Ngài! Thế nào là có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược hay cả gió xuôi gió ngược đều được cả.

- Này Ānanda! Ở đây nơi thôn quê hay thành thị nào có một nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tránh xa sự sát sanh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, là người có Giới đức là người có thiện pháp. Tâm đã dứt bỏ sự bòn xén, sự nhiễm ô. Tuy còn tại gia mà có tâm dứt bỏ, xả thí, thỏa thích trong sự bố thí không như bọn, biết thông cảm đến người xin, hoan hỷ chia xốt vật thí đến tất cả mọi người. Thì từ nơi thôn quê hay thành thị đó, cho đến các phương hướng, chư Sa môn và Bà la môn hằng ca tụng rằng: “Nơi chốn thôn quê hoặc thành thị đó, có nữ nhân ấy, có nam nhân ấy là người quy y Phật... hoan hỷ chia xốt vật thí đến tất cả mọi người”. Này Ānanda, đó là giống hương mà hương của nó bay xuôi chiều gió, bay xuôi lẫn ngược chiều gió vậy.

Giải xong, Đức Bôn Sư thuyết lên hai bài kệ:

54. “Na pupphagando paṭivātam eti,
Na candanam tagaramallikā vā;
Satañ ca gandho paṭivātam eti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati”.

*“Ngược chiều gió, các hương hoa,
Chiên đàn, Mạt ly, Già la bật đường.
Ngược chiều gió chỉ có hương,
Của người Giới đức muôn phương lan tràn”.*

55. “Candanam tagaram vā’pi,
Uppalam aṭṭha vassikī;
Etesam gandhajātānam,
Sīlagandho anuttaro”.

*“Đa già la với Chiên đàn,
Thanh liên, Vũ quý, các hàng hoa vương.
Dầu thơm cho mấy cũng nhường,
Thứ hương Giới đức là hương tuyệt trần”.*

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạm ngữ, câu đầu có nghĩa là không có hương hoa nào bay ngược chiều gió, như trên cung trời Đao Lợi có cây Pāricchattakarukkha, thân cao và tàng rộng hàng trăm do tuần, hoa của nó phát ra ánh sáng rơi xa năm mươi do tuần, hương hoa lan xa hàng trăm do tuần. Tuy nhiên nó chỉ bay theo chiều gió mà thôi, còn ngược gió thì dầu gần như nửa ngón tay nó cũng không thể bay được. Tất cả các hương hoa đều không thể bay ngược chiều gió như thế cả.

Candanam: Viết cho đủ là *candanagandho* nghĩa là hương của Chiên đàn.

Tagaramallikā vā: Cũng đề cập đến hương của Đa già la, Mạt ly.

Quả thật, dầu cho hương của các thứ có tiếng là thơm nhất, như là Chiên đàn đỏ, Đa già la, Mạt ly hoa chẳng hạn, cũng chỉ bay xuôi chiều gió chứ không bay ngược chiều gió bao giờ cả.

Satañ ca gandho: Chỉ có hương của người Giới đức là hương của các bậc Thánh Văn đệ tử Phật Toàn Giác và Độc Giác mới bay được ngược gió. Tại sao vậy?

Sabbā disā sappuriso pavāyati: Tại vì tiếng thơm Giới đức của các bậc Thánh Văn, những người Thánh thiện lan truyền đi khắp các phương hướng, cho nên có thể nói là mùi hương Giới đức bay ngược chiều gió. Do đó, Đức Phật đã dùng từ ngữ *Paṭivātameti*.

Vassikī: là Vũ quý, Vũ sanh, tức là loại hoa thơm như lan, huệ.

Etesaṃ: Câu chót có nghĩa là nếu đem so sánh có giống nào mùi thơm như Chiên đàn chẳng hạn, với những bậc Thánh thiện có Giới đức là mùi thơm thì Giới hương là vô thượng, vô tỷ, vô song vậy (*anuttaro asadiso appaṭibhāgo*).



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỷ khưu thành đạt chánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe pháp.



Dịch Giả Cẩn Đề

Đại đức Nan Đà muốn biết rằng:

Hương bay ngược gió có cùng chẳng?

Chiều tà tạm lánh nơi cô tịch,

Trở gót đi tìm Đức Vạn Năng.

Phật dạy: “Hương sanh có thứ này,

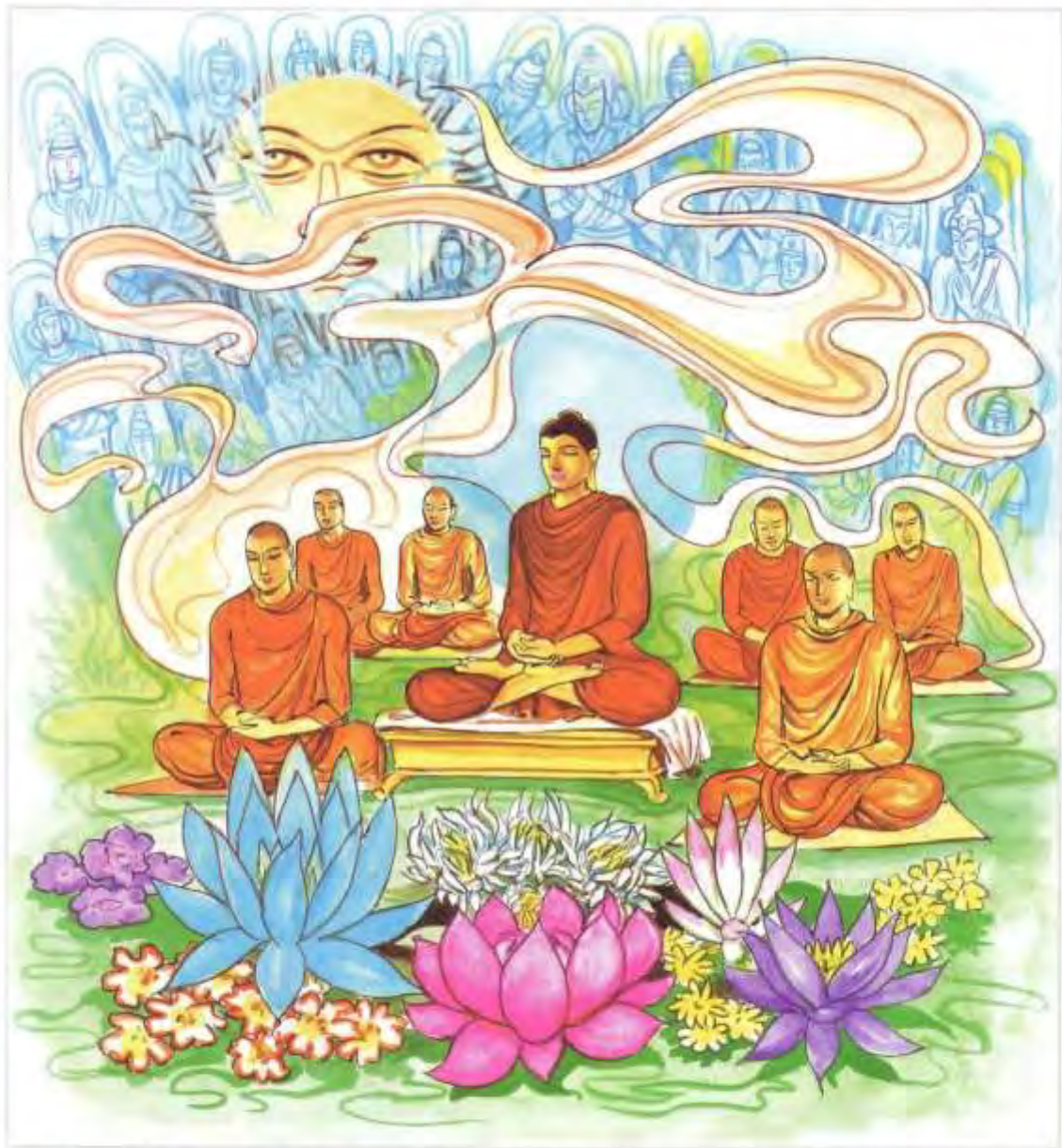
Ngược chiều gió thổi chẳng ngừng bay,

Là hương Giới đức cao vô tỷ,

Hương của trăm hoa chẳng sánh tày”.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO





54. Scent of flower or sandal goes not against the wind. But fragrance of virtue blows everywhere.

**54. Hương của Tagara hay chiên đàn (trâm) không bay ngược làn gió.
Nhưng hương của đức hạnh bay khắp mọi nơi.**



55. Of all fragrances like that of sandal, lavender and jasmine, fragrance of virtue is supreme.

55. Trong tất cả các mùi hương chiên đàn, tagara hay vũ quý (hoa lài), hương đức hạnh là tối thượng.

IV.10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỀ BÁT

(*Mahākassapatttherapīṇḍapātadānavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 56)

“Appamatto ayaṃ gandho,
Yā’yaṃ tagaracandanī;
Yo ca sīlavataṃ gandho,
Vāti devesu uttamo”.

“Đa già la, Chiên đàn,
Hương này ít giá trị,
Hương Giới đức lan tràn,
Thấu rõ trời vô tỷ”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm (Veluvana) đề cập đến Đại đức Mahākassapa được Đức Đế Thích đề bát.

Thật vậy, một hôm sau bảy ngày Thiên Diệt, Đại đức xuất định, rời chỗ tịnh cư để đi vào thành Vương Xá đi bát từng nhà.

Trong khía ấy, năm trăm ngọc nữ là cung phi của Đức Thiên Vương Đế Thích rủ nhau: “Chúng ta hãy đề bát cúng dường Đại đức”. Rồi họ mang theo năm trăm vắt cơm sữa, xuống đứng đón đường Đại đức và đồng hỏi:

- Bạch Ngài, xin Ngài thọ lãnh vắt cơm này rồi hãy đi, xin Ngài té độ chúng con.

Các cô hãy tránh đường cho ta đi độ những người khốn khó.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng xua đuổi chúng con, xin Ngài từ bi té độ chúng con.

Đại đức biết họ là năm trăm Thiên nữ, nên một mực từ chối, nhưng họ không chịu tránh đường, cứ theo van xin mãi. Đại đức thầm bảo họ: “Mấy cô thật không biết hư lượng. Hãy tránh đi chỗ khác đi”. Nói rồi Đại đức búng ngón tay kêu thành tiếng. Nghe tiếng búng tay của Đại đức các ngọc nữ đều cứng mình, không thể kiên trì ở đó được nữa nên đồng chạy trở về thiên đình. Đức Đế Thích hỏi: “Các nàng đi đâu về đó?”.

- Tàu Thiên vương! Chúng em thấy Đại đức Mahākassapa vừa xuất đại định nên rủ nhau xuống đề bát cúng dường Đại đức rồi về đây.

- Các nàng có đề bát được chăng?

- Đại đức không chịu thọ.

- Ngài bảo sao?

- Tàu Thiên vương! Đại đức bảo: “Đề ta tiếp độ những người khốn khó”.

- Các nàng đi với lối trang phục như thế nào?

- Tàu Thiên vương, cũng y như thế này.

Đức Đế Thích chê rằng: “Sang như các nàng, đề bát Đại đức thì làm sao Đại đức chịu nhận”.

Đế thích tự mình cũng muốn đề bát, nên Đức Thiên vương hóa làm ông lão thợ dệt già lụm cùm, răng rụng, tóc sương, gần đất xa trời. Thiên hậu Sujātā cũng hóa

thành một bà lão tuổi tác cũng già nua như thế. Đức Đế Thích hóa hiện một con đường dẫn đến chỗ ngụ là mái tranh tồi tàn, trong đó là hai ông bà già đang kéo chỉ.

Đại đức Mahākassapa đang đi vào thành tìm người khốn khó để tế độ, vừa đến ngoài cổng thành trông thấy con đường, có mái chòi tranh, hai ông bà lão nghèo khổ đang ở đó. Khi ấy, Đế Thích đang giảng chỉ, còn Thiên hậu thì quần chỉ đã se thành cuộn.

Đại đức suy nghĩ: “Hai người này tuổi tác đã già mà còn làm việc lao động, chắc hẳn trong thành này không có ai nghèo khổ hơn họ, dầu họ chỉ chùng một vá cơm, ta cũng nên tế độ thọ dụng cho họ có phước”. Đại đức đi đến cửa nhà của hai ông bà.

Đức Đế Thích thấy Đại đức đi đến liền bảo Thiên hậu:

- Này ái khanh, Đại đức của chúng ta đã đến rồi kìa, khanh cứ ngồi làm thỉnh, giả đồ như không thấy Đại đức, để ta nói gạt Đại đức đặng mình để bát Ngài nghe.

Đại đức đến đứng trước cửa nhà, hai ông bà làm như không thấy Đại đức, cứ chăm chỉ lo làm công việc của mình, một lát sau mới đi vào nhà. Bây giờ Đế Thích mới bảo vợ:

- Trước cửa nhà mình in như có vị Đại đức đứng, bà coi có phải vậy chăng?

- Thôi, ông hãy ra xem đi ông à!

Đức Đế Thích ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Đại đức, hai tay gác lên đầu gối nói rằng:

- Chà khổ dữ a! không mấy thuở mà Đại đức Mahākassapa của ta quang lâm đến tề xá, bà ở trong nhà có món chi chút đỉnh không hả?

Nàng Sujātā làm ra vẻ lấm cặm, chậm chạp trả lời rằng:

- Có ông à!

Đức Đế Thích không nói xả giao: “Bạch Ngài, có vui lòng nhận thực phẩm ngon lành không?”, mà chỉ rước bát Ngài, nói:

- Xin Ngài hãy tế độ chúng tôi.

Đại đức nghĩ thầm: “Mấy người này chỉ để một nắm rau hay cám, ta cũng sẽ thọ cho họ có phước”, rồi đưa bát ra.

Đức Đế Thích vào trong nhà, bới cơm trong nồi ra đổ đầy bát rồi đem trao qua tay của Đại đức. Cơm của Đế Thích để bát có cả canh và thức ăn, mùi thơm ngon lan ra khắp cả thành Rājagaha.

Lúc bấy giờ, Đại đức nghĩ rằng: “Người này coi bộ nghèo khó, để bát đồ cao quý như là đồ ăn của Đức Đế Thích, ai đây há?”.

Khi quán xét biết rõ là Đức Thiên Vương ở cung trời Đao Lợi. Đại đức trách rằng: “Nghệp của Thiên vương tạo đây nặng lắm, không khác nào cướp phước của kẻ nghèo khó. Thật vậy, kẻ nào nghèo khổ thế mấy, nhưng hôm nay đặt bát cho ta thì nhất định phải chiếm được địa vị, Đô đốc hay Trưởng giả chẳng sai”.

- Bạch Ngài, không có ai nghèo khổ hơn trăm cả.

- Có lý nào mà Thiên vương nghèo khổ trong khi Thiên vương làm chúa tể cả hai cõi trời.

- Bạch Ngài, quả thật như thế, là vì trẫm tạo nghiệp lành nhằm thời kỳ chưa có Phật. Còn ba vị Thiên vương như Cūlaratha (Tiểu Xa), Mahāratha (Đại Xa) và Anekavaṇṇa (Đa Sắc) nhờ tạo nghiệp lành trong thời Đức Phật hiện tại giảng thuyết. Khi sanh lên Thiên cung, gần cung của trẫm thì có oai lực bằng nhau và đều thắng xa trẫm về vẻ huy hoàng xán lạn. Quả thật, gần ba vị ấy thì ngôi sao của trẫm trở nên lu mờ, đen tối, trẫm phải dắt cả đoàn cung phi ngọc nữ kiếm đường thoát thân, chạy vào tư cung. Ánh sáng từ mình họ chiếu ra bao trùm ngọc thể của trẫm, còn ánh sáng từ ngọc thể của trẫm chiếu ra không thấu tới mình họ. Vậy thì ai là người khốn khổ hơn trẫm, bạch Ngài?

- Dầu vậy từ rày về sau, Thiên vương đừng gạt bàn Tăng mà để bát nữa nhé!

- Bạch Ngài, gạt Ngài để bát như thế, trẫm có được phước lành hay chăng?

- Có được đạo hữu à!

- Nếu vậy thì tạo nghiệp lành là bổn phận của trẫm, bạch Ngài.

Nói rồi, Đức Đế Thích đánh lễ Đại đức, dắt nàng Sujātā nhiều quanh Đại đức rồi bay bổng lên hư không, cất tiếng cao hứng reo rằng: “Ôi sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất”.

Trong Tam Tạng kinh có nhiều chỗ chép rằng:

Một thời, Đức Thế Tôn trú tại Veluvana, trong vùng nuôi sóc, gần thành Rājagaha.

Trong thuở ấy, Đại đức Mahākassapa an cư trong động Pippaliguhā (Lạc Tiêu), ngôi kiết già nhập định suốt bảy đêm ngày, Đại đức Mahākassapa mới xuất định, khi đã xuất định, Đại đức Mahākassapa nghĩ rằng: “Ta hãy vào khát thực trong thành Rājagaha”.

Ngay lúc đó, độ năm trăm nàng Thiên nữ cố gắng muốn để bát cúng dường đến Đại đức Mahākassapa, khi ấy Đại đức Mahākassapa khước từ sự cúng dường của năm trăm thiên nữ, xong rồi Ngài sửa soạn đắp y mang bát vào thành Rājagaha để khát thực.

Ngay lúc bấy giờ, Đức Đế Thích (Sakka) có ý muốn để bát cúng dường Đại đức Mahākassapa, hóa ra người thợ dệt đang se chỉ, nàng Sujātā là công chúa A tu la đang quay xe.

Khi ấy Đại đức Mahākassapa đi ngay đến nhà của Đế Thích Hoàn Nhân. Khi thấy Đại đức Mahākassapa đi từ phía xa lại, đức Đế Thích đi ra khỏi nhà để tiếp đón, rước lấy bát để đem vào nhà, xúc cơm trong nồi cơm đầy bát rồi dâng cúng đến Đại đức Mahākassapa, cơm trong bát có nhiều canh và các món phụ tùng.

Khi ấy, Đại đức Mahākassapa tự nghĩ: “Chúng sanh này là ai mà có thần thông oai lực như thế này?”. Rồi Đại đức Mahākassapa lại nghĩ: “Đây chắc là Đế Thích Hoàn Nhân”.

Sau khi hiểu biết như vậy, Đại đức nói với Đế Thích Hoàn Nhân rằng: “Việc của Thiên vương đã làm hôm nay rồi thì thôi, đừng làm như vậy nữa”.

- Bạch Đại đức Mahākassapa, chúng tôi cũng còn thiếu phước, chúng tôi cũng phải tạo phước vậy.

Nói rồi, đức Đế Thích đánh lễ Đại đức Mahākassapa, nhiễu quanh Ngài đoạn bay bổng lên hư không giữa trời, cao hứng thót lên ba lần câu nói sau đây:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!”.

Pāli:

“Aho dānaṃ paramadānaṃ kassape supatitṭhi tanti”.

Đức Thế Tôn đứng trong chùa, nghe tiếng của Thiên vương reo lên như vậy, bèn kêu chư Tỳ khưu và bảo rằng:

- Nay các Tỳ khưu, hãy nhìn coi Đế Thích Hoàn Nhân, ông ta cao hứng ca ngâm rồi bay đi trên hư không kia.

- Ông ta làm gì mà cao hứng vậy bạch Ngài?

- Gạt được Kassapa con trai ta, để bát cúng dường rồi, ông ta thỏa thích, vừa đi vừa cao hứng ngâm nga.

- Bạch Ngài, làm sao mà ông ta biết là nên để bát cúng dường cho Đại đức?

- Nay các Tỳ khưu, Tỳ khưu thọ pháp Đầu đà hằng đi khát thực như con trai ta, thì chư Thiên hay nhân loại gì cũng đều thương mến cả.

Nói rồi, chính Ngài cũng ngẫu hứng ngâm nga.

Trong kinh chỉ ghi chép có bấy nhiêu thôi.

Do nhờ thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được Đế Thích, sau khi bay bổng lên không ở giữa trời cao hứng reo lên ba lần:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!”.

Thế rồi, sau khi hiểu rõ chuyện này, Đức Thế Tôn cao hứng thót lời ngẫu hứng sau đây:

“Piṇḍapātikassa bhikkhuno
Attabharassa anaññaposino
Devā pihayanti tādino
Upasantassa sadā satīmatoti”.

*“Tỳ khưu nguyện giữ hạnh trì bình,
Xin chẳng nuôi ai, đủ miệng mình,
Người vậy chư Thiên hằng cảm mến,*

Tâm thường thanh thân, trí viên minh”.

Sau bài kệ ngẫu hứng, Đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Này các Tỳ khuru! Đức Đế Thích sở dĩ để bát cúng dường con trai ta, chẳng qua vì mộ hương Giới đức vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ Pháp Cú:

56. “Appamatto ayam gandho,
Yā’yam tagaracandanī;
Yo ca sīlavatam gandho,
Vāti devesu uttamo”.

56. “Đa già la với Chiên đàn,
Hương này chưa mấy cao sang trên đời.
Hương người Giới đức tuyệt vời,
Xông lên thâu các cõi trời cao siêu”.



CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng *appamatto* nghĩa là nhỏ nhen, ít ỏi.

Yo ca sīlavatam: Nghĩa là Giới hương nào của người Giới đức, không phải ít giá trị như hương Đa già là, như Chiên đàn đó đâu, mà nó có sức bay lan thật xa vậy.

Vāti devesu uttamo: Nghĩa là quý giá, cao cả không hương nào bằng, và tỏa rộng ra khắp cả các nơi, kể cả các cảnh giới của chư Thiên và nhân loại.

Khi thời Pháp chấm dứt, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

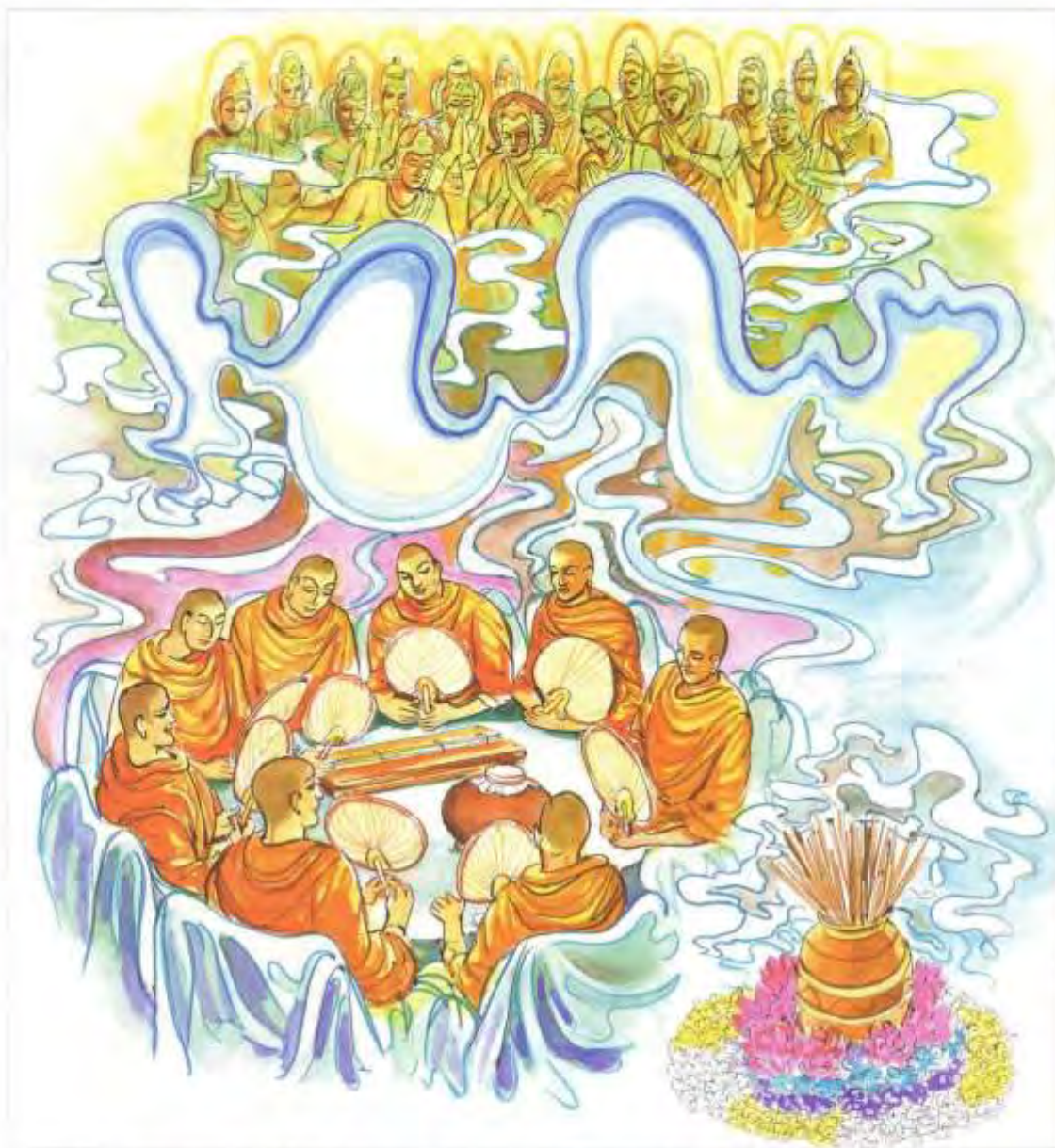


Dịch Giả Cần Đề

*Ca Diếp Ma Ha định té bần,
Độ nhằm Đế Thích giả cùng nhân,
Mới hay trời cũng tranh làm phước,
Kẻ sống thua người thấy tủi thân.
Bằng tâm dối gạt giúp cho người,
Phước cũng mười phân đủ trọn mười,
Chỉ tội chủ nghèo chưa biết mặt,
Hụt làm bá hộ một phen chơi.
Đi bát hằng ngày Phật vẫn khen,
Nhưng mà chịu cực phải cho quen,
Bằng không sẽ thấy buồn trong ruột,
Bỏ hạnh Tỳ khưu chẳng trống kèn.*

**DÚT TÍCH VUA TRỜI ĐẾ THÍCH
ĐỂ BÁT ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA**





56. The fragrance of the virtuous wafts even among the gods. All others fall short of that.

56. Hương đức hạnh bay đến tận Chư thiên. Các loài hương khác đều thiếu đặc tính này.

IV.11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ ĐIỆT VIÊN TỊCH

(*Godhikattheraparinibbānavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 57)

“*Tesaṃ sampannasīlānaṃ,
Appamādavihāriṇaṃ;
Sammadaññā vimuttānaṃ,
Māro maggaṃ na vindati*”.

“*Những người đủ Giới đức,
Vững tâm không phóng dật,
Chánh trí thoát lao lung,
Ma chẳng thấy hành tung*”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự trong Veluvana (Trúc Lâm), gần thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến sự viên tịch của Đại đức Godhika (Cồ Điệt).

Thời ấy, Đại đức Godhika an cư nơi làng Kālasilā (Hắc Nham) trên sườn núi Isigili (Ấn Sĩ), nhờ chuyên cần tinh tấn hành đạo một mình, nên chứng đạt trên tâm giải thoát tạm thời (*Sāmāyikaṃ cetovimuttiṃ*). Nhưng bị một chứng bệnh kinh niên làm cho sa sút, mất pháp đã chứng.

Đại đức hành thiền lần thứ nhì, lần ba cho đến lần thứ sáu cũng không chứng đắc pháp thiền đã mất, đến lần thứ bảy, Đại đức bỗng phát khởi ý nghĩ: “Ta đã sáu lần rớt ra khỏi đề mục thiền. Hành giả mà rớt ra khỏi thiền thì cảnh giới tái sanh kể như bất định. Vậy bây giờ ta phải dùng đến lưỡi dao mới được”.

Thế rồi, Đại đức lấy con dao cạo tóc lên, nằm trên giường định cắt tóc đứt cuống họng.

Mạ vương biết được tâm niệm của Đại đức, thì nghĩ rằng: “Tỳ khuru này có ý muốn lấy dao, lấy dao rồi lại muốn tận diệt mạng sống của mình. Ông ấy mà an tâm vào Minh sát tuệ thì chắc là phải đắc A La Hán quả. Nếu ta đứng ra cản ông ấy thì chắc ông ấy chẳng chịu nghe lời ta, chi bằng ta cậy mượn Đức Bốn Sư cản ngăn ông ấy”.

Ma vương liền hóa thân thành một khách lạ, đến gần Đức Bốn Sư, đọc lên kệ ngôn như vậy:

“*Mahāvīra mahāpaññā,
Iddhiyā yasaṃ jala;
Sabbaverabhayātīta,
Pāde vandāmi cakkhuma.
Sāvako te mahāvīra,
Maraṇaṃ maraṇābhibhū;
Ākaṅkhati cetayati,
Taṃ nisedha jutindhara.
Kathaṃ hi bhagavā tuyhaṃ,
Sāvako sāsane rato;
Appattamānaso sekho,*

Kālaṃ kayirā janesutāti.
Tasmim̐ khaṇe therena,
Satthaṃ āharitaṃ hoti”.

Lược dịch:

*“Kính bạch Đức Đại Hùng Đại Trí,
Bậc uy danh lừng lẫy khắp nơi,
Bậc đã qua oán cù biển đời,
Bậc Hữu Nhân, tôi thời đánh lễ.
Bậc Đại Hùng, trong hàng môn đệ,
Của Ngài từng áp chế tử thần,
Có Thịnh Văn muốn lìa trần,
Bạch Ngài tránh hệ, Ngài cần cản ngăn.
Trong đạo Ngài, Thịnh Văn vui vẻ,
Bạch Thế Tôn, sao kẻ chán đời,
Không lo tu tập đến nơi,
Lại toan tự vận, Ngài thời biết cho.
Giây phút này tôi lo Đại đức,
Đã lấy dao để dứt mạng căn”.*

Đức Bôn Sur biết rõ: “Người này là Ma vương”, nên Ngài đáp lời bằng bài kệ rằng:

“Evaṃ hi dhīrā kubbanti,
Nāvakaṃkhanti jīvitam;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbuyha,
Godhiko parinibbutoti”.

*“Quả thật kẻ hiền năng làm thế,
Chẳng duy trì mạng sống để thừa,
Ái dục nhổ gốc chẳng chừa,
Cồ Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn”.*

Kế đó, Đức Thế Tôn cùng với nhiều Tỳ khuru ngự đến bên giường, chỗ Đại đức Godhika nằm với lưỡi dao cắt cổ.

Trong khi ấy, ác ma muốn biết: “Thức tái sanh của Đại đức này trú nơi đâu?”. Nên liêu hóa ra một luồng khói đen tỏa đi các hướng để tìm tâm thức của Đại đức.

Đức Thế Tôn chỉ làn khói đen cho Tỳ khuru thấy và bảo rằng:

- Nay các Tỳ khuru, đó là ác ma đi tìm kiếm tâm thức của Godhika, nó tự hỏi: “Tâm thức của Ngài Godhika đang trú nơi đâu?”. Nay các Tỳ khuru! Tỳ khuru Godhika đã Vô Dư Níp Bàn rồi, cho nên tâm thức không còn trú nơi đâu nữa vậy.

Dầu là Ma vương, y cũng không thể tìm thấy tâm thức của Ngài Godhika. Hấn liền hiện hình là một thanh niên, tay ôm cây đàn Tỳ bà vàng lợt, đến gần Đức Bôn Sur hỏi rằng:

“Uddhaṃ adho ca tiriyaṃ,
Disā anudisā svahaṃ;

Anvesaṃ nādhigacchāmi,
Godhiko so kuhiṃ gatoti”.

Lược dịch:

*“Đường lên xuống bằng ngang hay dọc,
Khắp hướng phương, xó hóc gần xa,
Tôi tìm không gặp ông ta,
Chẳng hay Cô Diệt đi qua cõi nào?”.*

Đức Bôn Sur đọc kệ đáp rằng:

“Yo dhīro dhitisampanno,
Jhāyī jhānarato sadā;
Ahorattaṃ anuyuñjaṃ,
Jīvitaṃ anikāmayam.

Jetvāna maccuno senaṃ,
Anāgantvā punabbhavam;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbhuyha,
Godhiko parinibbutoti”.

Lược dịch:

*“Người trí tuệ, hùng hào cương nghị,
Hằng vui thiền, mến vị vui thiền,
Đêm ngày mài miết cần chuyên,
Không tham mạng sống cần chuyên dài dòng.
Thắng phục được binh ròng thần chết,
Đường tái sanh đã hết bước đi,
Ái dục bừng gốc còn chi,
Cô Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn.
Nghe vậy, Ác Ma đứng thở than tiếc rẻ,
Không vưng lầy, khỏi té xuống sâu,
Từ đây bất hạnh khổ sầu,
Dạ xoa vội biến đi đâu mất liền”.*

Tuy nhiên, Đức Bôn Sur cũng còn nói tiếp rằng:

- Này ác ma, người đừng luống công đi tìm chỗ tái sanh của Godhika làm chi vô ích. Quả thật, dầu có một trăm hay một ngàn kẻ như người đi tìm kiếm nữa cũng chẳng thấy được.

Nói rồi, Đức Bôn Sur thuyết kệ Pháp Cú:

57. “Tesaṃ sampannaṣīlānaṃ,
Appamādavihāriṇaṃ;
Sammadaññā vimuttānaṃ,
Māro maggaṃ na vindati”.

57. “Những người Giới đức đủ điều,
Vững tâm những ngã theo chiều buông lung,

*Chánh trí giải thoát tốt cùng,
Ma vương có thấu hành tung bao giờ”.*



CHÚ GIẢI:

Tiếng *tesam* trên đây chỉ những người đã Vô Dư Níp Bàn, tâm thức chẳng còn trú vào chỗ nào nữa cả, y như Đại đức Godhika vậy.

Sampannasīlānam: Nghĩa là đầy đủ Giới đức.

Appamādevihārinam: Nghĩa là những người có tâm an vui, trú trong sự chuyên cần, không phóng dật, tức là những người có pháp ghi nhớ (gọi là Chánh niệm) đến sự lợi ích to lớn là Níp Bàn.

Sammadaññā vimuttānam: Chánh trí giải thoát, là có trí hiểu biết về nhân (hetu), pháp (naya), lý (kāraṇa) của sự giải thoát. Những người giải thoát lại được dứt trừ phiền não theo năm pháp:

1. Tadaṅgavimutti: Giải thoát tạm thời, do quán xét.
2. Vikkhambanavimutti: Giải thoát năm pháp che lấp (pháp cái) của thiền định, gọi là áp chế giải thoát.
3. Samucchedavimutti: Giải thoát do đạo tuệ, gọi là đoạn trừ giải thoát.
4. Paṭippassaddhivimutti: Giải thoát do đắc quả.
5. Nissaraṇavimutti: Giải thoát do Vô Dư Níp Bàn.

Māro maggaṃ na vindati: Đối với những bậc đại Lậu Tận như thế, thì tất cả các chỗ của các Ngài đi trên con đường đạo, Ma vương chẳng biết chẳng thấy, chẳng đến được giai đoạn nào cả.



Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khru chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng nhiều lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*Tâm chứng từng cao, kế sục liền,
Bởi Ngài Cô Diệt bệnh kinh niên,
Sáu phen sức đẩy không vào định,
Một nhát dao đưa mới đắc thiền.
Quyết chí thân tàn thành quả Thánh,
Nguyện đi nước lớn rạng danh hiền,
Ma vương ngũ uẩn, Ma phiền não,
Hết biết đường theo phải lặng yên.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC GODHIKA VIÊN TỊCH





57. Of the diligent and the virtuous totally freed through wisdom, death never tracks the path.

57. Thân chết không bao giờ tìm thấy con đường của những người đức hạnh tình cần được giải thoát hoàn toàn nhờ trí tuệ.

IV.12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ

(Garahadinnavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 58-59)

“Yathā saṅkārādhānasmim
Ujjhitasmim mahāpathe
Padumaṃ tattha jāyetha
Sucigandhaṃ manoramaṃ”.

“Evaṃ saṅkārabhūtesu
Andhabhūte puthujjane
Atirocati paññāya
Sammāsambuddhasāvako”.

“Nhu từ đồng rác đen,
Virt trên bờ đại lộ,
Mọc lên một đóa sen,
Sạch thơm ai cũng mộ”.

“Từ chúng sanh như rác,
Phàm tục và ngu si,
Sáng ngời với tuệ giác,
Đệ tử đáng Toàn Tri”.

Hai bài kệ này, Đức Bôn Sur đã thuyết pháp ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một đệ tử của nhóm ngoại đạo Nigantha (Ni Kiền Tử: Ly Hệ Giả), tên là Garahadinna (Oán Trách Thí).

Thời bấy giờ, trong thành Sāvattthī có hai người bạn là ông Sirigutta (Thủ Danh Dự) và ông Garahadinna (Oán Trách Thí). Ông Sirigutta là một cận sự nam, Garahadinna lại là đệ tử của nhóm ngoại đạo Ly Hệ Giả (Nigantha), các du sĩ ngoại đạo này thường xúi bảo ông Garahadinna rằng:

- Ông vốn là bạn của Sirigutta, sao ông không chỉ dạy ông ấy rằng: “Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo đạo ông ta bạn có được lợi ích chi?”, ông nên khuyên dụ ông ấy đến nghe chúng ta thuyết pháp.

Vâng theo lời thầy, ông Garahadinna thường lân la gần gũi với ông Sirigutta. Những lúc hai người đứng hoặc ngồi chung, ông khuyên bạn như vậy:

- Bạn à! Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo ông ấy bạn có lợi ích gì? Sao bạn không tìm đến cúng dường các Đại đức của tôi?

Mặc dầu nghe bạn nhắc nhở như thế trong nhiều ngày, ông Sirigutta vẫn làm thỉnh bỏ qua.

Nhưng một hôm, ông Sirigutta hỏi ông Garahadinna:

- Này bạn, bạn thường đến chơi với tôi, trong lúc đứng hoặc ngồi chung, bạn hay nhắc nhở tôi rằng: “Theo đạo của Sa môn Gotama bạn sẽ được lợi ích gì? Bạn hãy đến cúng dường chư Đại đức của tôi”. Thưa bạn, xin lỗi bạn đừng buồn. Đối với tôi các Đại đức của bạn nào có biết chi đâu.

- Thôi thôi bạn ơi, bạn đừng có nói vậy. Chư Đại đức của tôi thì có gì mà chẳng hiểu biết. Các Ngài thông suốt tất cả nghiệp do thân, khẩu, ý trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Ngài biết trước vị nào sẽ xảy ra cùng không xảy ra, việc nào có thể cùng không thể được.

- Bạn nói chắc không?

- Dạ thưa bạn, chắc chớ.

- Nếu quả vậy thì bạn tệ thật. Từ bấy lâu nay sao bạn không chỉ rõ giùm tôi việc đó. Đến hôm nay tôi mới biết oai lực tuệ giác của các Đại đức bạn à, tôi nhờ bạn thay mặt tôi đi thỉnh giùm chư Đại đức đến đây để tôi cúng dường.

Ông Garahadinna bèn đến chùa của nhóm Nigantha, đánh lễ các thầy và bạch rằng: “Bạn tôi là Sirigutta xin thỉnh chư Đại đức ngày mai đến nhà ông ấy”.

- Chính ông Sirigutta nói với ông phải không?

- Dạ phải, bạch chư Đại đức.

Nhóm ngoại đạo vui mừng hớn hở bảo nhau:

- Chúng ta bây giờ thấy khỏe rồi, chỉ có việc nằm ngủ mà thôi. Hễ được Sirigutta tin tưởng nơi chúng ta rồi, thì từ này về sau có thứ lễ vật nào mà chúng ta chẳng có được.

Chỗ ở của ông Sirigutta rất lớn và rộng, trong khuôn đất đó nơi có khoảng trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một cái mương dài rồi lấy sinh non và phân lấp đầy mương bằng mặt đất. Ngoài hai đầu mương, ông cho đóng hai cây cừ ló đầu lên, cột cây giăng dài trên đường mương, đoạn ông cho sắp ghế thành một hàng, chân trước ghế nằm trên mép mương trước, chân ghế sau nằm gá lên đường dây, như thế, người ngồi trên ghế sẽ bật ngựa ra sau, té chông gong, muốn che giấu cái đường mương, ông cho trải thảm phủ lên hàng ghế. Phía sau nhà, ông cho sắp nhiều cái khạp không, lấy lá chuối và vải cũ bịt miệng khạp, đoạn lấy cháo, cơm, bơ, đường, bánh vụn trảy trét bên ngoài. Sáng hôm sau, ông Garahadinna lật đật đến nhà bạn thật sớm và hỏi:

- Lễ vật cúng chư Đại đức đã sẵn sàng chưa?

- Đàng hoàng hết cả rồi bạn à.

- Đâu để tôi coi thử coi.

- Trong mấy cái khạp đó, đây là khạp đựng cháo, kia là khạp đựng cơm, những khạp đó bơ, khạp đường, khạp bánh đủ thứ... Ghế ngồi cũng đã sắp sẵn cả rồi.

Ông Garahadinna nói: “Lành thay”, rồi ông ra đi, khi ông vừa đi ra thì năm trăm du sĩ Nigantha cũng vừa đi đến.

Ông Sirigutta ra khỏi nhà, gieo năm vốc xuống lễ chào các Nigantha, đứng dậy chấp tay nguyện thầm rằng: “Nghe nói quý Ngài quán trí quá khứ, vị lai, việc gì cũng biết, chính người hộ độ cho quý Ngài đã nói với tôi như thế. Nếu quả thật quý Ngài toàn tri thì quý Ngài đừng vào nhà tôi, vì khi quý Ngài vào nhà tôi, Ngài nào té xuống mương phân thì sẽ lấy cây khệnh”.

Nguyện rồi, ông Sirigutta dặn nhỏ các gia đình: “Các người biết cách sắp đặt ghế ngồi như thế nào rồi. Vậy các người hãy chực chờ bên mép mương phía sau ghế đặt rút mấy tấm thảm, đừng cho dính đồ dơ”.

Đoạn ông lên tiếng thỉnh Nigantha:

- Bạch Ngài, xin thỉnh quý Ngài vào trong này.

Nhóm Nigantha vào tới trong sân, định ngồi lên ghế đã được trải sẵn tọa cụ. Nhưng các gia đình ngăn lại rằng:

- Bạch các Ngài chậm lại một chút, xin đừng ngồi liền như thế.
- Tại sao vậy?
- Vào nhà chúng tôi, các Ngài nên biết phận sự của mình trước rồi hãy ngồi sau.
- Phải làm phận sự chi ạ, hồi đạo hữu?
- Mỗi Ngài nên vào đứng trước chỗ của mình đều đủ hết cả rồi, chừng ấy mới ngồi xuống một lượt.

Đây là các gia đình nghe lời dặn của chủ, cho họ lọt xuống nương đồng loạt, đừng cho họ ngồi lẻ tẻ.

Các Nigantha đáp: “Lành thay!”, trong tâm họ nghĩ rằng: “Chúng ta nên làm y theo lời chỉ dẫn của các nhân viên này”.

Khi ấy, các gia đình bảo họ:

- Bạch Ngài, xin các Ngài hãy ngồi xuống cho thật lẹ.

Khi nhóm Nigantha vừa dõm ngồi xuống cho thì các gia đình rút hết tấm thảm lót trước khi dứt các tu sĩ dõng tới ghế, mấy vị ấy vô tình đồng ngồi xuống một lượt, những chân ghế trên sợi dây tuột ra lún xuống, nhóm ngoại đạo ngồi không vững té ngã ra sau, lọt xuống nương phần. Thấy họ té xuống nương sinh trộn phần, ông Sirigutta khiến gia đình:

- Bây đóng cửa lại, hễ ông nào dưới nương bò lên thì hỏi: “Tại sao ông không tiên tri quá khứ, vị lai?” và khệnh cho ông ta mấy hèo.

Sau khi cho các Nigantha một trận no đòn, chủ nhà mới bảo gia đình mở cổng thả họ ra. Họ tranh nhau chạy thoát thân, không dè Sirigutta đã khiến gia đình tráng một lớp phấn bầy lầy trên mặt đường đi làm cho đường trở nên trơn trượt. Thành ra bọn ngoại đạo còn té lên té xuống nhiều keo, chủ nhà còn nói đưa đẩy họ đi: “Thôi bầy nhiều đó đã đủ cho các ông rồi nhé”. Bị một vố quá đau, các Nigantha kéo nhau đến trước nhà Garahadhinna, vừa đi vừa khóc:

- Ông ám hại chúng tôi, ông ám hại chúng tôi.

Nhìn thấy sự thảm hại nhục nhã của các thầy mình, ông Garahadhinna nổi giận, nguyên rủa Sirigutta: “Ông này tới số rồi, cho nên mới dám đánh đập làm hại các vị Đại đức của ta, là những bậc Ứng Cúng, là những phước điền mà chư Thiên trên sáu cõi trời cùng hoan hỷ lễ bái cúng dường”.

Kế đến, ông Garahadhinna đệ sớ lên đức vua, xin Ngài phạt vạ ông Sirigutta một ngàn đồng vàng. Đức vua hạ chiếu cho vời Sirigutta đến, ông vào triều đánh lễ Đức vua, xong tâu rằng: “Tâu bệ hạ, thần mong ân bệ hạ xét đoán công minh rồi hãy phạt, để tránh sự vô đoán bất công”.

- Trẫm sẽ xét xử rồi mới kết án.
- Lành thay, tâu bệ hạ, xin bệ hạ xử án.

- Vậy thì sự việc thế nào, khanh hãy tâu ngay đi.

- Tâu bệ hạ! Bạn của tôi là đệ tử nhóm Nigantha, thường ngày đến nhà tôi, thừa dịp đứng hay ngồi chung dụ rằng, như nói: “Bạn ơi, bạn theo Sa môn Gotama làm chi, bạn nào có được lợi ích gì?”.

Và ông Sirigutta đem mọi sự việc đã qua trình tấu một hồi, đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, nếu trong việc này, bệ hạ thấy kẻ hạ thần đáng tội, thì bệ hạ hãy xử phạt đúng theo luật nước.

Quốc vương nhìn ông Garahadinna và phán hỏi:

- Lời khai của bạn ông, khanh nghe có đúng sự thật không?

- Tâu bệ hạ, đúng sự thật.

- Mấy ông ngu dốt, vô minh như thế mà khanh tôn xưng là sư phụ, đi tới đâu cũng ca ngợi các Ngài biết hết tất cả. Tại sao khanh lại còn mong dụ hoặc Thịnh Văn của đảng Như Lai, khanh đã kêu nài đòi xử phạt thì khanh phải chịu hình phạt.

Thế là, ông Garahadinna bị thất kiện mất cả tiền ký quỹ một ngàn đồng. Chẳng khác nào bị đánh đòn, đuổi đi như các Đại đức của ông ta. (*Ông Burlingame dịch là: Ông ấy bị vua hành phạt, còn các Đại đức của ông bị đánh đòn trục xuất*).

Căm tức vì thua bạn, từ ngày ấy cho đến nửa tháng sau, ông ta lánh mặt không chuyện vãn với ông Sirigutta, ông nói thầm: “Hành động như thế thì ta không hợp lý. Ta nên báo hại các thầy tổ của ông ấy mà trả đũa thì hơn”.

Ông nhân buổi bãi triều, đến giả lã với Sirigutta và kêu: “Bạn Sirigutta ơi!”.

- Dạ, có chuyện chi đó bạn?

- Thân bằng quyến thuộc cũng có khi cãi lầy tranh chấp nhau. Sao gặp tôi bạn chẳng nói năng chi cả. Tại sao bạn lại đối xử với tôi như thế?

- Này bạn, tại vì bạn không chuyện trò cùng tôi, thì tôi mới không nói chuyện. Nhưng dầu giữa hai ta có điều chi xích mích, chúng ta không lẽ đoạn giao tình nghĩa bạn bè.

Từ đó về sau, hai người lân la, thân mật, cùng ngồi và đứng gần bên nhau.

Cho đến một hôm, ông Sirigutta bảo ông Garahadinna:

- Bạn theo nhóm Nigantha nào có được lợi ích gì? Sao bạn không Quy y với Đức Bôn Sư, hoặc là để bát cúng dường Đại đức Tăng có phải là quý hơn không?

Ông Garahadinna chỉ chờ mong có thể, nên khi nghe bạn mở lời, chẳng khác nào gãi nhăm chỗ ngứa của mình. Ông bèn hỏi Sirigutta: “Chẳng hay Lịnh Tôn Sư ngài biết được cái gì?”.

- Này bạn ơi! Bạn đừng nên hỏi như thế, Đức Bôn Sư chẳng có cái gì mà Ngài chẳng biết. Ngài thông suốt cả quá khứ, hiện tại, vị lai, Ngài phân tích tâm của tất cả các chúng sanh ra làm mười sáu chập liên tiếp.

- Vậy mà tôi không được biết. Tại sao bấy lâu nay bạn không tỏ thật cho tôi hay. Thôi thì, bạn làm ơn đi thỉnh Đức Bôn Sư giùm tôi, ngày mai tôi sẽ để bát. Xin Đức

Tôn Sư cùng với năm trăm vị Tỳ khưu đến nhà tôi thọ thực.

Ông Sirigutta đi đến chỗ ngụ của Đức Bôn Sư đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, bạn con là ông Garahadinna nhờ con đến thỉnh Ngài và năm trăm vị Tỳ khưu, ngày mai đến thọ bát cơm của ông ta. Hôm trước con có trác các vị Đại đức của ông ta một vỏ nặng, hôm nay con không biết có phải ông ta định trả đũa hay là ông ta thật tâm trong sạch đặt bát chư Tăng. Xin Ngài hãy minh xét, nếu hợp lẽ đạo thì Ngài nhận, còn bằng không thì thôi.

Đức Bôn Sư quán xét: “Garahadinna định làm gì Như Lai đây?”, Ngài thấy rằng: “Ở chỗ sân trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một hầm rộng lớn, cho đem độ tám mươi cỗ xe bò củi khô chất đầy hố, rồi châm lửa đốt. Định tâm rằng: “Khi Như Lai rơi xuống hầm lửa thì ông sẽ chỉ trích”. Rồi Đức Bôn Sư quán thêm nữa rằng: “Do nhân duyên như thế, Như Lai có cần ngự đến hay không?”, Ngài thấy rằng: “Như Lai sẽ bước chân lên hầm lửa, tấm đệm che giấu miệng hố sẽ biến mất, lộ ra hầm lửa, từ đó lộ ra đóa liên hoa lớn bằng bánh xe. Khi ấy, Như Lai bước lên cánh sen đi trên hầm lửa vào ngự lên Bảo tọa, các Tỳ khưu cũng theo lối ấy mà đến chỗ ngồi. Đại chúng sẽ tụ tập đông đảo, giữa hội trường Như Lai đọc kệ chúc phúc. Dứt bài kệ sẽ có tám mươi lễ bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Cả Sirigutta và Garahadinna cũng đạt được Thánh quả đầu tiên, mỗi người sẽ xuất kho vàng của mình ra mà gieo vào giáo pháp. Như Lai nên đi đến tế độ ông Garahadinna vậy”.

Quán xét xong rồi, Đức Bôn Sư nhận lời đi thọ bát. Khi biết Đức Bôn Sư đã nhận lời, Sirigutta trở về báo tin cho Garahadinna biết và dặn rằng: “Bạn hãy lo sắp đặt những lễ vật thượng phẩm để cúng dường đáng Như Lai”.

Garahadinna đáp: “Cảm ơn bạn, tôi bây giờ phải biết làm thế nào coi cho được chứ”.

Chờ bạn ra về rồi, ông lập tức bảo gia nhân đào một cái hầm rộng lớn, đem tám mươi xe bò củi khô chất đầy hầm, châm lửa đốt, gắn ống thổi bễ (bhasitā) thổi suốt đêm cho củi cháy thành than đỏ. Trên miệng hầm, ông lót ván mỏng, rồi phủ đệm lên che kín, lấy phân bò thoa trét coi như nền trắng. Ở một phía ông bảo làm một lối đi, trên mặt hầm, ông cho gác những đòn tay nhỏ yếu và cũng che đậy không cho thấy dấu. Ông tưởng tượng rằng: “Làm vậy, khi họ bước chân lên để đi qua, thế nào mấy cây đòn tay cũng gãy và họ cũng té lộn nhào xuống dưới hầm lửa”.

Phía sau nhà ông, ông cũng sắp nhiều khạp không, làm theo cách của Sirigutta lúc trước, các chỗ ngồi ông cũng bảo sửa soạn như thế.

Sáng hôm sau, Sirigutta đến nhà bạn thật sớm, nói rằng:

- Bạn ơi! Lễ vật bạn lo đã xong chưa?
- Xong cả rồi bạn à.
- Bạn để đâu?
- Mời bạn vào đây coi với tôi.

Ông Garahadinna chỉ cho bạn coi các lễ vật mình đã sắp đặt theo cách của Sirigutta bữa trước. Sirigutta tán thành: “Lành thay!”. Lúc ấy, dân chúng tụ hội rất

đông, người tà kiến mà phát tâm thỉnh Đức Bôn Sur thì bao giờ thiên hạ cũng tụ hội đông đảo như thế. Nhóm tà kiến rủ nhau đi cho đông, để xem: “Sa môn sẽ bị mất mặt”.

(Vippakra), còn nhóm chánh kiến cũng rủ nhau đi cho đông, vì “Hôm nay Đức Bôn Sur sẽ thuyết một thời pháp lớn. Chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Phật”.

Ngày ấy, Đức Bôn Sur cùng với năm trăm Tỷ khưu ngự đến trước cổng nhà ông Garahadinna. Ông này ra khỏi nhà, gieo năm vốc xuống đánh lễ Ngài, đoạn đứng trước mặt Ngài chấp tay nguyện thầm rằng: “Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai, phân tích được tâm chúng sanh ra làm mười sáu chấp. Chính Thiện tín ruột của Ngài đã khoe với tôi như thế. Nếu quả thật Ngài tiên tri thì Ngài không vào nhà tôi. Vì Ngài vào nhà tôi chẳng có cơm cháo chi ráo... Tất cả các Ngài lọt xuống hầm lửa rồi thì tôi sẽ chỉ trích cho mà coi...”.

Nguyện thầm rồi, Garahadinna rước lấy bát của Đức Bôn Sur miệng nói: “Xin thỉnh Thế Tôn vào”, nhưng ông ta tiếp theo liền: “Bạch Ngài, Ngài nên biết trước cách thức vào nhà tôi rồi hãy vào”.

- Cách thức sao đạo hữu?

- Các Ngài đi vào từng một vị, vị trước vào chỗ ngồi, vị sau mới nên tiếp theo.

Trong thâm tâm ông Garahadinna tính như vậy: “Hễ cùng đi vào một lượt, người đi đầu lọt xuống hầm lửa, rồi thì mấy vị sau thấy sẽ không đi tới nữa. Đi riêng lẻ từng người, họ sẽ sa đọa hết và ta sẽ chê trách họ”.

Đức Bôn Sur đáp: “Lành thay!”, đoạn Ngài cùng đi vào một lượt với Garahadinna. Đi đến chỗ hầm lửa, Garahadinna đứng tránh qua một bên, nói: ‘Xin thỉnh Ngài đi trước’.

Đức Bôn Sur đưa chân lên ngay miệng hầm lửa, chiếc đệm phủ trên mặt biển mát, ván lót nứt ra, để lộ ra một hầm lửa đỏ, rồi từ bên dưới mọc ra những đóa hoa sen to như bánh xe, Đức Thế Tôn bước lên những cánh hoa sen đi qua hầm lửa, vào ngự lên Phật bảo tọa đã được soạn sẵn. Chư Tăng cũng theo lối ấy vào, ngồi lên các ghế ngồi.

Garahadinna tự nhiên nghe trong mình nóng nẩy như bị lửa thiêu đốt, ông liền chạy tìm Sirigutta và kêu cứu:

- Ngài ơi! Ngài làm ơn cứu giùm tôi.

- Cái chi vậy?

- Năm trăm Tỷ khưu đã vào trong nhà mà cháo cơm gì chẳng có chi ráo. Tôi biết làm sao bây giờ?

- Chớ hôm qua đến nay bạn đã làm gì?

- Ở khoảng giữa hai ngôi nhà, tôi đã cho đào một cái hầm chứa đầy than đỏ, chờ mấy Ngài té xuống đó thì tôi sẽ chê trách. Cái hầm lửa giờ đây mọc lên toàn những cánh hoa sen đi vào, ngồi trên những chỗ ngồi được soạn sẵn. Bây giờ tôi làm gì đây?

- Ủa! Tôi nhớ ban sáng bạn đã chỉ cho tôi thấy, đây là những khạp khéo, kia là những khạp cơm... Đủ cả rồi mà.

- Thưa bạn, tôi nói dối đấy, mấy khạp ấy đều trống trơn cả.

- Không sao, bạn ra giờ mấy khạp cháo, khạp cơm ấy ra coi lại đi.

Ngay lúc ấy, những khạp nào mà Garahadinna nói dối là khạp cháo thì đều đầy cháo, những khạp nào mà ông nói là cơm thì đầy cơm... Thấy oai lực đặc biệt hiển nhiên của Đấng Bôn Sư, Garahadinna phát sanh phỉ lặc khắp mình. Trong tâm hết sức trong sạch tin tưởng, ông cung kính sát bát hộ độ chư Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng, khi các Ngài dùng xong bữa, ông ta thỉnh bát của Đức Bôn Sư để yêu cầu Ngài thuyết kinh phúc chúc.

Sau bài kinh hoan hỷ phước báu của thí chủ, Đức Bôn Sư dạy rằng: “Những chúng sanh này do không có pháp nhãn nên không nhận thức được ân đức của Phật Pháp và chư Tăng đệ tử của Ta. Người không có tuệ nhãn, Ta gọi là kẻ mù, người có trí tuệ, Ta gọi kẻ ấy là người sáng mắt.

Nói rồi, Đức Bôn Sư thuyết lên hai bài kệ:

58. “Yathā saṅkāradhānasmim,
Ujjhitasmim mahāpathe;
Padumam tattha jāyetha,
Sucigandham manoramam”.

*“Như từ đồng rác bùn nhơ,
Vứt lên đại lộ không ngờ mọc ra,
Đóa sen thanh khiết nở nà,
Mùi hương thơm ngát, trẻ già cũng ham”.*

59. “Evaṃ saṅkārabhūtesu,
Andhabhūte puthujjane;
Atirocati paññāya,
Sammāsambuddhasāvako”.

*“Từ nơi nhân chứng tục phạm,
Tối tăm mê muội như giam dưới bùn
Thinh Văn của đấng Đại hùng,
Nêu cao đức tuệ, soi cùng thế gian”.*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *saṅkāradhānasmim*: Nghĩa là trong đồng rác dơ.

Ujjhitasmim mahāpathe: Nghĩa là đồ bỏ trên đại lộ.

Sucigandham: tức là surabhigandham, nghĩa là hương thơm ngào ngạt.

Manoramam: là có ý ưa thích nơi đó.

Saṅkārabhūtesu: nghĩa là những chúng sanh căn bã cũng như rác vạ.

Puthujjane: Là phàm phu ám chỉ cho những người còn bị phiền não chi phối là phần đông nhân loại trên thế gian.

Bài này Đức Phật dạy rằng: cũng như đồng rác dơ dáy vứt trên đại lộ, tuy là đáng kinh tởm, gớm ghê nhưng đóa hoa sen từ đó mọc lên, lại thơm tho, thanh khiết, dầu cho quan quyền, vua chúa cũng ưa thích, mến chuộng, ai cũng đẹp ý muốn cài, giắt nó lên đầu của mình. Cũng như thế, đám chúng sanh phàm phu xuất thân từ nơi bần tiện như nơi đồng rác, trong đại chúng vô trí tuệ, mù quáng có những người nhờ tuệ lực của mình, thấy tội lỗi ngũ trần dục lạc và phước báu của hạnh xuất gia, bèn lìa nhà đi tu theo hạnh không nhà, cố gắng hành đạo theo Giới, Định, Tuệ, Giải thoát tri kiến, trở nên bậc Tỳ khuru lậu tận. Thánh đệ tử của Đức Chánh Biến Tri vượt qua khỏi đám chúng sanh phàm phu ngu muội chói sáng rực rỡ.



Bài pháp chấm dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ chánh pháp, Garahadhinna và Sirigutta đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Hai người về sau mang hết của cải của mình, xuất ra để phục vụ đạo pháp.

Đức Bôn Sur từ Phật bảo tọa đứng dậy, ngự về chùa. Lúc xế chiều, chư Tỳ khuru câu hội tại giảng đường, đề khởi pháp luận như vậy: “Ôi! Huyền diệu thay là oai lực của chư Phật. Sức nóng như hầm lửa đầy than nóng, lửa đỏ đến thế, phải nhường chỗ cho những cánh hoa sen mọc lên”.

Đức Bôn Sur ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ khuru, hôm nay các ông câu hội thảo luận đề tài gì thế?”.

- Bạch Ngài, việc này đây...

Nghe đáp, Đức Bôn Sur dạy rằng: “Này chư Tỳ khuru! Việc hôm nay Ta khiến được hoa sen mọc lên từ trong hầm lửa đỏ, không có chi là huyền diệu vì Ta đã thành Phật.

Trước kia còn là Bò Tát, Ta cũng đã từng khiến cho cánh sen mọc như thế rồi”.

Chư Tỳ khuru yêu cầu:

- Bạch Ngài, việc ấy có từ bao giờ, xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Theo lời cầu xin của chư Tăng, Đức Bôn Sur thuyết giảng Kinh Bôn Sanh “Hầm lửa đỏ” (Khadīraṅgārajātaka), rồi Ngài ngâm kệ:

“Kāmaṃ patāmi nirayaṃ,
Uddampādo avamsiro,
Nānariyaṃ karissāmi
Handa piṇḍaṃ paṭiggahā’ti”.

*“Ta sa địa ngục ngũ trần,
Thất điên bát đảo, giờ chân chẳng rồi,
Ta quyết không như kẻ tôi,
Lấy cái ống nhỏ làm nôi đựng cơm”.*



Dịch Giả Cẩn Đề

*Trách Thí đề cao phái ngoại môn,
Thủ Danh vì bạn phá “mê hôn”,
Một vương phần, đợi người thiếu trí,
Vài miếng đòn, đưa kẻ đại ngôn.
Chẳng cọp sao ham kêu tiếng cọp,
Là chồn phải chịu ló đuôi chồn,
Từ đây thêm rạng đèn Chánh giác,
Đại chúng quy đầu Đức Thế Tôn.*

DÚT TÍCH ÔNG GARAHADINNA

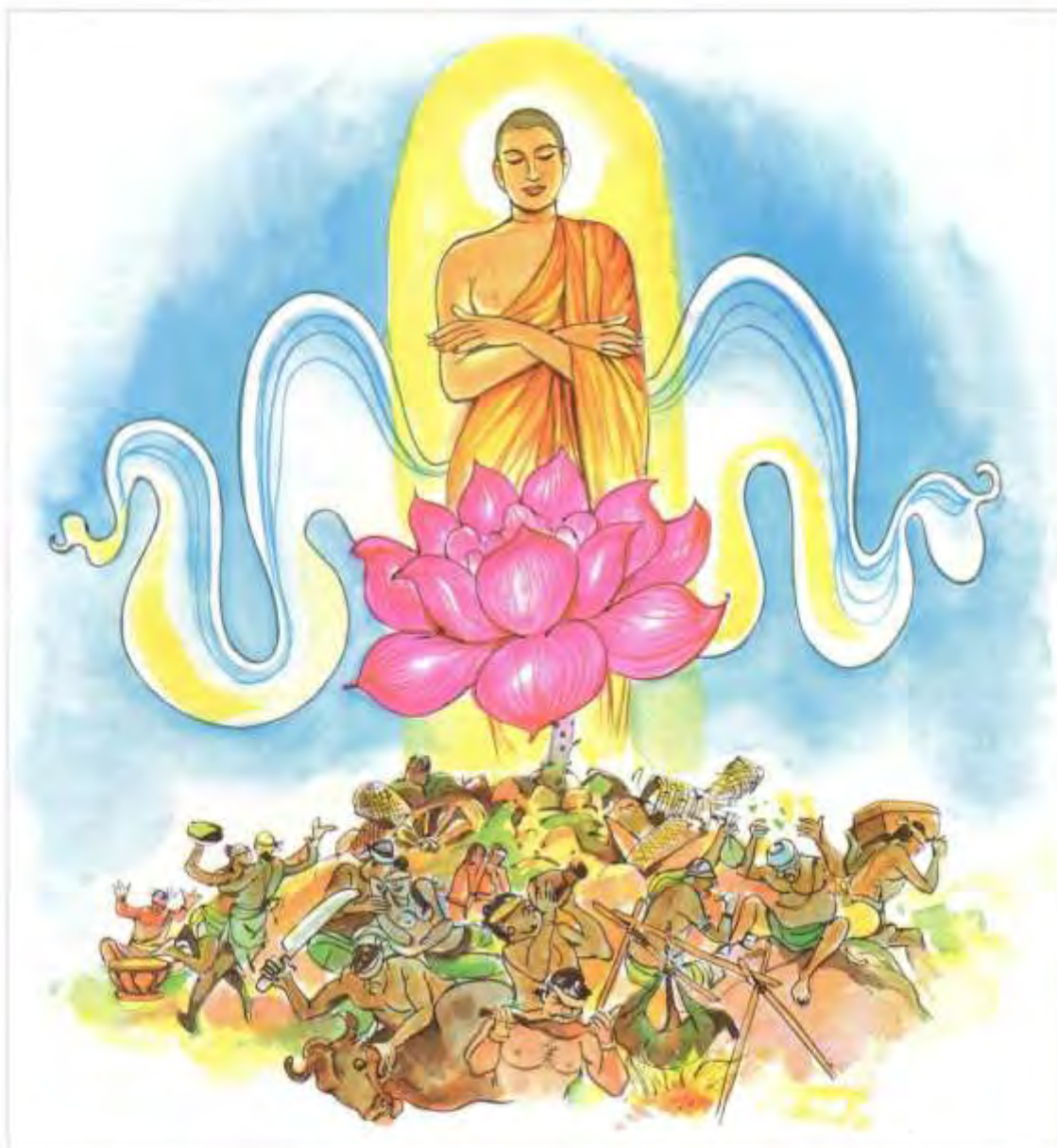


DÚT PHẨM HOA



58. *Just as a fragrant and lovely lotus may blossom forth out of a garbage-heap on the roadside...*

58. Như hoa sen tươi đẹp và thơm ngát có thể nở ra từ đống rác bên vệ đường.



59. Likewise in this worldly mess, the disciple outshines the blinded worldlings by his wisdom.

59. Cũng vậy, giữa cảnh đời trần tục, vị đệ tử Phật với trí tuệ sáng ngời vượt lên những kẻ phàm phu mê muội.